NĂM THỨ MƯỜI BỐN • # 165 & 166 • JANUARY & FEBRUARY 2003

THẾ KỶ 21

14771 Moran Street
Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky21@kicon.com
Điện thoại
Trị sự: (714) 775-6301
Tòa soạn: (714) 839-8746

XUÂN
QUÍ MÙI
2003

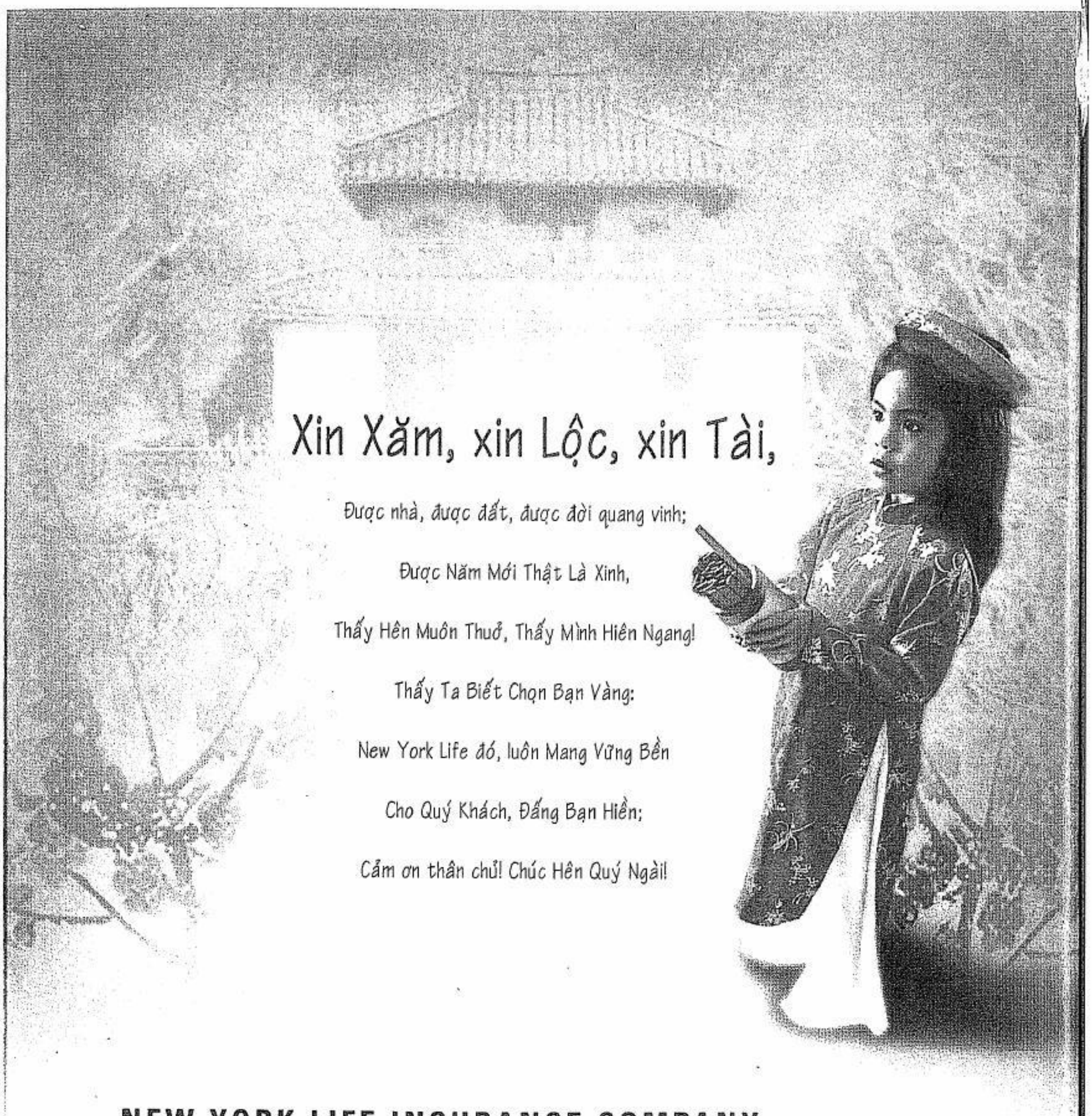

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

IRVINE:	2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
LONG BEACH:	6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste. 180	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
POMONA:	3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
BREA:	3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
LA PALMA:	6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

©2003 New York Life Insurance Co. 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. Giữ bản quyền. www.newyorklife.com

NEW YORK LIFE

The Company You Keep

HÙNG SƠN

DIAMONDS CENTER

Jewelry

Happy New Year 2003

Diamonds and Beauty are Forever

G.I.A CERTIFICATE DIAMONDS

9200 Bolsa Ave. # 128 Westminster. CA 92683

Tel: 714-897-6600

LE GỞI - TIỀN LẸ

'S INTERCONTINENTAL MONEY TRANSFER, INC

Điện Thoại Miễn Phí: 1(877) 464-5353

Được trực tiếp cấp giấy phép bởi bộ tài chánh Hoa Kỳ & Canada.
Có 1 triệu Mỹ kim Bond bảo chứng 100% số tiền khách gởi.
Công ty chuyên nghiệp nhất tại Hoa Kỳ & Canada được
trang bị bởi hệ thống computer tân tiến, hiện đại.

FREE FAX
Một trang lớn

Đặc Biệt

Hầu hết 90% các tỉnh thành từ Bắc chí Nam, thân nhân đều
nhận tiền giấy 100, giao tận nhà trong vòng 24 giờ.
Hồi báo ngày hôm sau. Nhanh lẹ như tại Saigon.

MƯỚN ĐIỆN THOẠI CẦM TAY KHI VỀ VIỆT NAM

- Lệ phí chỉ có 1USD- 2USD mỗi ngày tùy theo loại phone.
- Nhận và trả điện thoại ngay tại phi trường Tân Sơn Nhất.
- Quí khách được biết số điện thoại tại Mỹ trước khi về Việt Nam.
- Người nhà tại Mỹ có thể liên lạc với quí vị ngay khi về Việt Nam.

"LIÊN LẠC VỚI LE GỞI TIỀN LẸ NGAY ĐỂ CÓ ĐIỆN THOẠI SỬ DỤNG NGAY KHI VỀ VIỆT NAM"

CHƯƠNG TRÌNH

TẶNG QUÀ TÌNH THƯƠNG

Đặt mua hàng & trả tiền tại Mỹ.
Quà được giao tận nhà tại Việt Nam

Xe Honda, TV, Đầu máy, Tủ lạnh, Máy giặt,
Hoa hồng, Bánh sinh nhật, Heo quay, Rượu,
Trà, Sữa Ensure, Dầu gió xanh...
Và quà đặc biệt cho các dịp lễ, Tết...

THẺ ĐIỆN THOẠI

Xích Lô Việt Nam

Hướng dẫn bằng Tiếng Việt
Chất lượng bảo đảm
Không connection fee
Gọi 1 phút tính 1 phút.

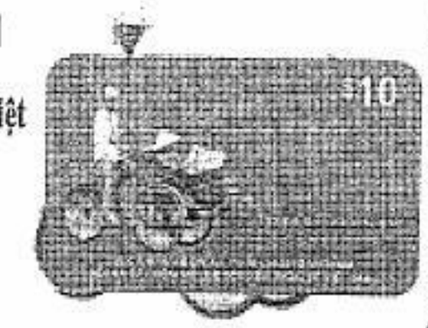

ĐIỂM VÀNG TÌNH THƯƠNG

Mỗi $100 gởi
được ghi 1 điểm vàng,
khi được 50hay 100 điểm
sẽ được tặng quà giá trị.

XỔ SỐ MỪNG XUÂN QUÍ MÙI 2003

NGƯỜI GỞI TRÚNG !!!
NGƯỜI NHẬN CŨNG TRÚNG !!!

(ổ lúc 5 giờ chiều thứ sáu 31/01/03
(nhằm ngày giao thừa 29 âm lịch)
Tại chi nhánh San Jose

	Khách tại Hoa Kỳ	Thân nhân tại Việt Nam
Giải I :	2 VÉ MÁY BAY VỀ VIỆT NAM	1 SONY VAIO COMPUTER
Giải II :	1 Sony TV (25'-27')	1 Sony TV (25'-27')
Giải III:	1 Sony DVD Player 50 giải khuyến khích 1 đồng hồ Le Gởi Tiền Lẹ	1 Sony Ericson cellular phone 50 giải khuyến khích 1 Sony T- Shirt

"Le Gởi Tiền Lẹ mời gọi các cơ sở thương mại Việt Nam hợp tác làm đại lý đại diện cho chúng tôi
HUÊ HỒNG CAO - LỆ PHÍ THẤP - HỒI BÁO ĐÚNG HẸN, UY TÍN

ọa lạc tại 8251 WESTMINSTER Blvd. #100, CA 92683 (714) 901-3181
14546 BROOKHURST ST., CA 92683 (714) 839-0822

Le Gởi Tiền Lẹ là một trong những công ty chuyển tiền hợp pháp lớn nhất hiện nay
tại Hoa Kỳ và Canada với nhiều chi nhánh và hàng trăm đại lý khắp nơi.

N DIEGO,CA 19) 282-5705	SEATTLE, WA (206) 760-5290	LOS ANGELES, CA (626) 280-8836	WESTMINSTER, CA (877) GỞI LẸ LẸ	LITTLE SÀIGÒN, CA (866) GỬI TIỀN	HOUSTON, TX (832) 328-4224	DALLAS, TX (972) 238-8900	SACRAMENTO, CA (888) 271-7676
TREAL, CANADA 514) 495-1616	CALGARY, CANADA (403) 207-7982	EDMONTON, CANADA (780) 424-0832	TORONTO, CANADA (416) 595-5943	VANCOUVER, BC (604) 879-9885	MINNEAPOLIS, MN (612) 871-6777	SAN JOSE, CA (408) 270-1027	BOSTON, MA (607) 822-2424

DELTA ALARM
SECURITY SYSTEM,INC

12912 Brookhurst St. # 328, Garden Grove, CA 92840

1-866-NEED-ADT
633-3238

MIMI VO / Branch Manager
Direct: (562) 244-8810

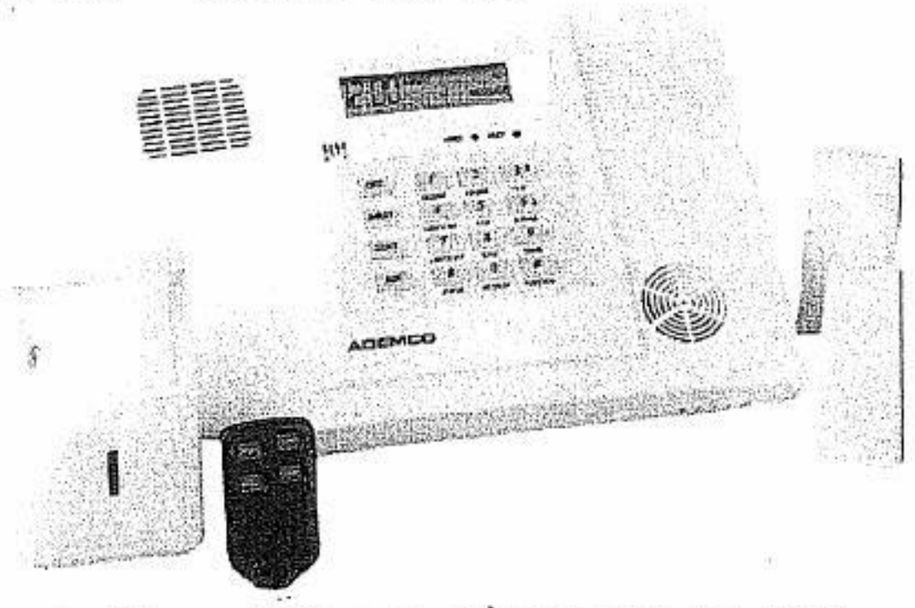

* Công ty Alarm Việt nam đầu tiên là đại diện cho ADT cung cấp hệ thống báo động khắp Hoa Kỳ & Châu Âu.
* Quý vị cần 1 người giữ nhà tuyệt đối trung thàn và hữu hiệu.
* Quý vị cần 1 người bảo vệ an ninh cơ sở khi vắng mặt.
* Xin hãy giao phó công việc đó cho công ty DELTA / ADT 24/24 trực tiếp với sở Cảnh Sát gồm các trường hợp khẩn cấp: Y Tế, Hỏa Hoại

ĐẶC BIỆT:
Có quà tặng GIÁ TRỊ
SPECIAL!
Valuable Gift Offer
(Limited time only

MIỄN PHÍ:	**Hệ thống báo động không dây**
FREE:	Wireless System (Value of $1,00(
MIỄN PHÍ:	**Định Giá**
FREE:	Estimation
MIỄN PHÍ:	**Thiết kế và lắp đặt**
FREE:	Installation

Giảm giá bảo hiểm từ 5% - 25%

Kim Phú®
CÔNG TY CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP
UY TÍN VÀ NHANH CHÓNG NHẤT HIỆN NAY
2003
Chúc Mừng
Năm Mới
Bính Ân
Phát Tài
1 (888) 546-7489
www.kimphu.com

TRUNG TÂM Thúy Nga HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

Những tác phẩm Audio Book (băng đọc truyện) của

NHÀ VĂN NGUYỄN NGỌC NGẠN

đã và sắp phát hành

AUDIO CASSETTE & CD

TRUYỆN TÌNH CẢM XÃ HỘI

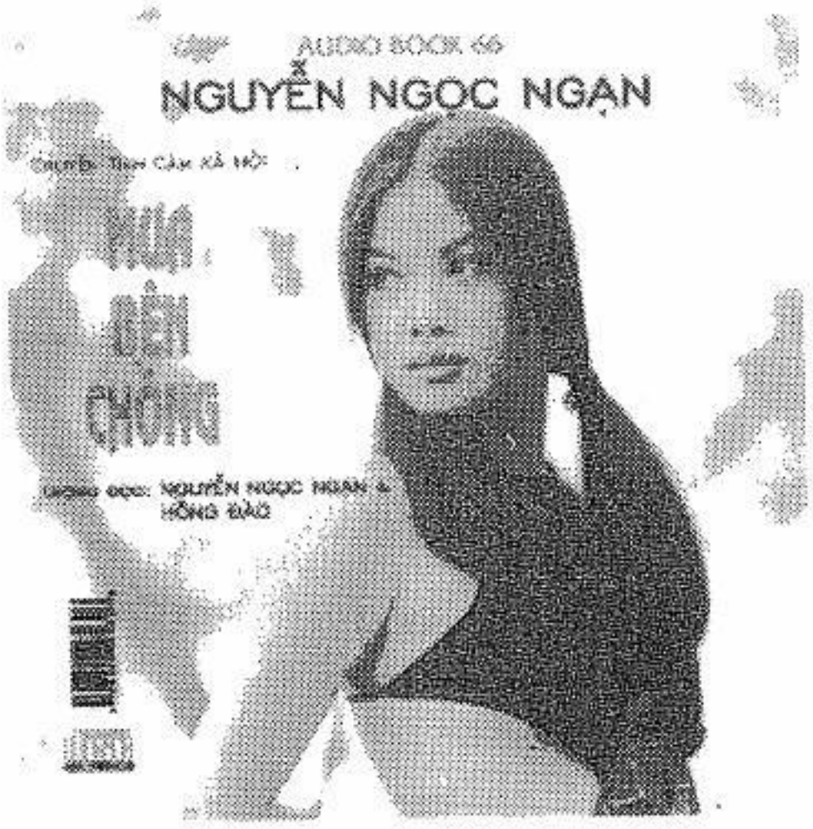

1. Ai Cũng Cần Có Một Bà Mẹ
2. La Giường
3. Người Đàn Bà Đi Đến Tối
4. Một Lần Rồi Thôi
5. Dấu Chân Xưa
6. Tấm Vé Số - Thúy Thanh
7. Vọng Rừng
8. Chung Quanh Tôi
9. Bước Chân Người Tình
10. Qua Đường
11. Vách Tường Cũ
12. Phòng Muỗi
13. Ánh Mắt Vô Tình
14. Biển Vẫn Đợi Chờ
15. Tâm Bệnh
16. Tình Mưu
17. Dấu Vết Ân Tình
18. Dốc Cao Vời Vợi
19. Phòng Tắm
20. Rồi Đến Một Ngày
21. Cây Trứng Cá
22. Nhịp Cầu
23. Đi Thêm Một Bước
24. Kể Một Chuyện Tình
25. Một Lần Hạnh Phúc
26. Người Tình
27. Cái Đêm
(Truyện 6 cassettes)
28. Người Đàn Bà Đi Trước
29. Dòng Đời Lang Lổ
30. Chút Kỷ Niệm Xưa
31. Đếm Những Mảnh Tình
(Truyện 6 cassettes)
32. Mưa Trong Bóng Đêm
33. Dốc Đứng
34. Sau Lần Cửa Khép
(Truyện 6 cassettes)
35. Gặp Gỡ Lần Đầu
36. Giã Từ Sân Khấu
37. Tàu Về Miền Xuôi
38. Mây Đen
39. Trong Quan Tài Buồn
(Truyện 6 cassettes)
40. Món Quà Cuối Năm
41. Ngày Trở Lại
42. Thời Vận
43. Bên Hành Lang Tòa Án
44. Mảnh Cỏ Ga
(Truyện 6 cassettes)
45. Dòng Sông Hồ Hững
46. Trong Sân Trường Ngày Ấy
47. Khu Phố Chợ Trời
48. Nỗi Mong Đợi Khốn Cùng
49. Ngày Buồn Cũng Qua Mau
(Truyện 6 cassettes)
50. Tiếng Quạ Réo Vang Hồn
(Truyện Ma)
51. Đêm Trong Căn Nhà Ma (Truyện Ma)
52. Bãi Đất Hoang Sau Nhà
(Truyện Ma)
53. Ngôi Mộ Mới Đắp
(Truyện Ma)
54. Xóm Đạo
(Phần 1 - Truyện 6 cassettes)
55. Xóm Đạo
(Phần 2 - Truyện 6 cassettes)
56. Bóng Người Dưới Trăng
(Truyện Ma)
57. Mối Âm
(Truyện Tình Cảm)
58. Nhìn Quanh Một Mình
(Truyện 6 cassettes)
59. Nước Đục
(Truyện 6 cassettes)
60. Cõi Âm
(Truyện 2 cassettes)
61. Du Thế
(Truyện 2 cassettes)
62. Quay Trong Cơn Lốc
(Truyện 6 cassettes)
63. Đêm Vắng
(Truyện 2 cassettes)
64. Hồn Về Trong Gió
(Truyện Ma)
65. Nỗi Sầu Sâu Kín
(Truyện 2 cassettes)
66. Mưa Bên Chồng
(Truyện 2 cassettes)
67. Đêm Không Trăng
(Truyện Ma)

TRUYỆN MA

Độc Quyền Sản Xuất và Phát Hành
THUÝ NGA
9205 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683
Tel: (714) 893-2560 Fax: (714) 891-9673
Web Site: http://www.thuyngaonline.com
E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

Tạp Chí
THE KY 21
14775 Moran Street, Westminster, CA. 92683
Tel: (714) 585.4666 * (714) 839.8746
EMAIL: **tapchitheky@aol.com** (trị sự) theky21@kicon.com (biên tập)

Tạp Chí Thế Kỷ 21 : Một Tặng Phẩm đầy ý nghĩa

PHIẾU ĐẶT MUA/ GIA HẠN/ TẶNG BÁO
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên người nhận/ Full mane:.....
Địa chỉ/ Address :.....
.....
Phone/ Fax/ E-Mail:.....
Kèm theo chi, ngân phiếu số/ Check, Money Order#.....
Số tiền/ Amount:.....

	1năm/1 year	2năm/ 2 years	Ghi Chú
Media Mail (AirMail)	US$ 50.00	US$ 90.00	
Hạng nhất/ First class	US$ 64.00	US$ 120.00	
Canada	US$ 68.00	US$ 130.00	
Âu Châu/ Europe (air mail)	**US$ 88** US$ 90.00	**US$ 170** US$ 170.00	**Mới (new)**
Á châu, Úc/ Asia,Austra (air mail)	**US$ 98.00** US$ 106.00	**US$185.00** US$196.00	**Mới (new)**

Effective Nov 1, 2002 (có hiệu lực từ 1 tháng 11, 2002) . To be reviewed October, 2003

Muốn quảng cáo hữu hiệu thích hợp với ngân sách tiết kiệm xin hãy đến với TK21

Advertisings

Giá quảng cáo trắng đen trên Tạp Chí TK 21 .(Art work ready) Áp dụng từ 1/11/2002

	Quảng cáo trên Thế Kỷ 21, rất hữu hiệu với độc giả ở nước Mỹ và 153 thành phố khắp thế giới				
Size	Giá trả sau/ Giá trả tiền trước (prepaid)				Kích thước
	1 kỳ/ 1time	3 kỳ/ 3t	6 kỳ/ 6t	12 kỳ/ 12t	Đứng x ngang
Business card	$20/$15	$50/$30	$100/$60	$180/$100	5x9cm
1/4 page	$35/$30	$100/$85	$180/$155	$355/$290	11x7cm
1/2 page	$70/$60	$180/$150	$350/$280	$600/$500	22x7=11x14.5cm
3/4 page	$100/$80	$250/$200	$450/$370	$850/$700	15x14.5cm
1 page	$130/$100	$320/$270	$600/$500	$1000/$900	22x14.5cm
Muốn tòa soạn trình bày, làm art work xin cộng thêm 20% cho hóa đơn đầu tiên (for art work: 20% in first contract)					

Quảng cáo màu (full color,giấy láng): backcover $550; cover inside $450; inside $400/1 page

For full color with special prices, please contact mangement, tel: (714) 585.4666

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện,** giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.
Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:

Alpha Funding & Real Estate

Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683
(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)

Hãy đến với
Thanh Thảo tại **Alpha Funding & Real Estate**
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

Hãy gọi Thanh Thảo
tại (714) 896-9000
hoặc số pager: (714) 592-7456

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!

GOLDEN E.Z. TRANSLATOR INC.

Chuyên bán các loại máy tự điển điện tử và computer software Vietnam.
Điện tử Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh.
Có bán Video tự học tiếng Anh.

9200 Bolsa Ave. #226, Westminster, CA 92683
(Trong khu vực Phước Lộc Thọ, lầu 2)

714 897 9808

EV-2001

3 bộ tự điển căn bản:
Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh

10 bộ tự điển chuyên ngành:
Toán - Kinh Tế - Pháp Luật
Du Lịch - Vật Lý - Y Khoa
Kiến Trúc - Thẩm Mỹ
Tin Học - Điện Tử

7 Đại Tự Điển trong một máy

ANH - VIỆT
VIỆT - ANH
PHÁP - VIỆT
VIỆT - PHÁP
HOA - VIỆT
VIỆT - HOA
ANH - ANH

EV 586

Với 2 bộ tự điển chính yếu
Anh Việt (200.000 từ)
Việt Anh (100.000 từ)

Và nhiều tính năng ưu việt
không máy nào có được
<u>Đặc biệt:</u> Luyện thi TOEFL,
Luyện thi nhập tịch Mỹ,
Luyện thi thẩm mỹ,...

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

PHAN CHU TRINH qua những tài liệu mới
Biên khảo của **LÊ THỊ KINH**
Cuốn sách đầy đủ nhất về Phan Chu Trinh, do người cháu ngoại của cụ biên soạn. Sách trình bày các tài liệu mới sưu tầm được, phần lớn từ các thư khố của nước Pháp. Một cuốn sách giá trị, việc sưu tầm, sắp xếp tài liệu rất công phu và khoa học với nhiều hình ảnh các nhà cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ 20. Rất cần thiết cho việc nghiên cứu về cụ Phan và thời đại của cụ. Sách dày 947 trang. Giá 30 mỹ kim.

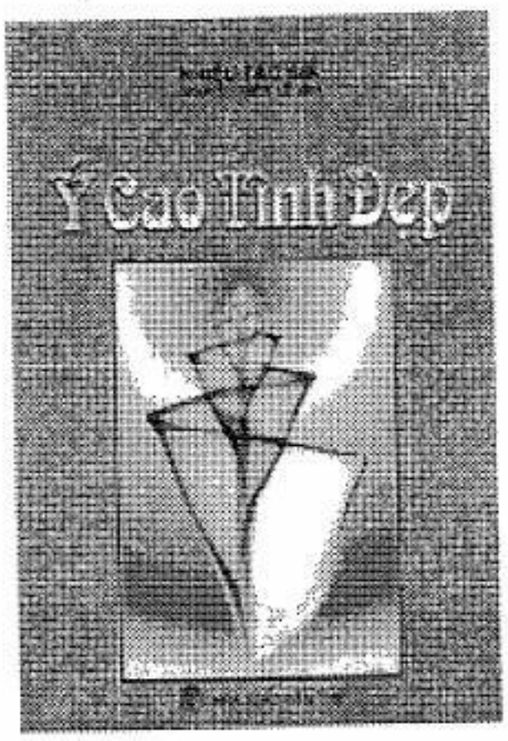

Ý CAO TÌNH ĐẸP
Đoản văn của nhiều tác giả,
NGUYỄN HIẾN LÊ dịch
Hơn 30 truyện viết về những con người bình thường, nhưng có những tình cảm, hành vi cao đẹp, biết vượt qua và giúp người khác vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Mỗi câu chuyện mang lại một bài học tiêu biểu khác nhau, thật lý thú và độc đáo.
Giá 8 mỹ kim.

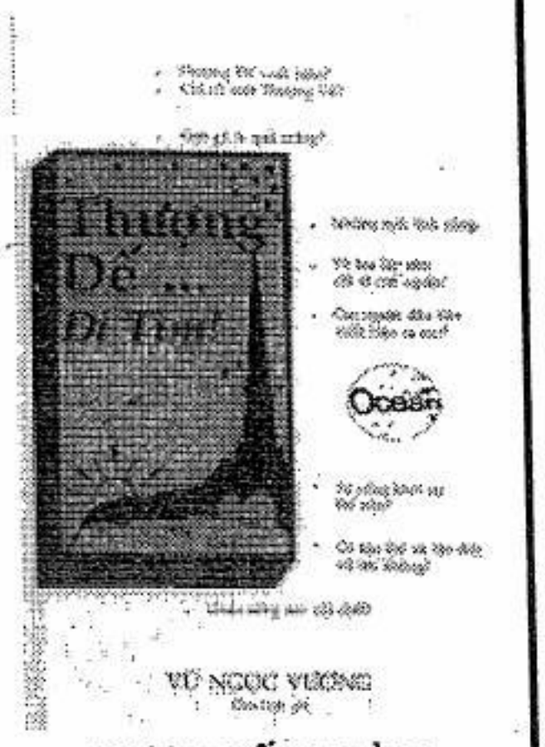

THƯỢNG ĐẾ... ĐI TÌM!
Tiểu thuyết triết lý-tôn giáo của
VŨ NGỌC VƯỢNG
Cuốn sách nhằm cố gắng trả lời những câu hỏi muôn thủa của con người về sự sống, sự chết, Thượng đế, linh hồn, kiếp này, kiếp sau, cõi hữu hình và vô hình, ý nghĩa của kiếp người và vũ trụ... dựa theo tín ngưỡng Thiên Chúa Giáo. Bản tiếng Anh xuất bản cùng lúc, nhan đề *God(s)*. Giá bản tiếng Việt và bản tiếng Anh bằng nhau: 15 mỹ kim.

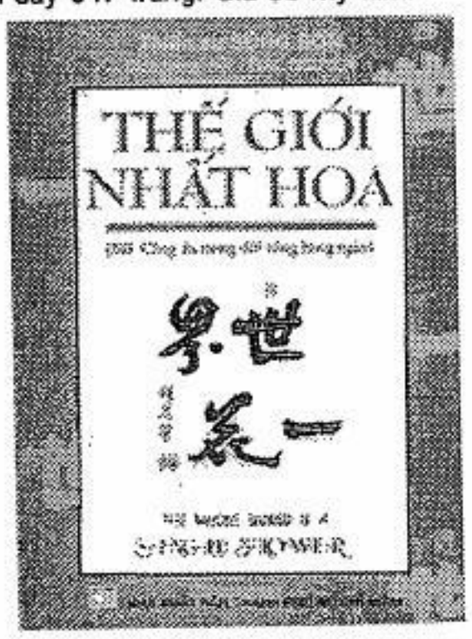

THẾ GIỚI NHẤT HOA - Thiền sư **SÙNG SƠN.**
Dịch tiếng Việt: **GIÁC NGUYÊN**
Tác giả là một thiền sư tiếng tăm của Đại Hàn trong thời hiện đại, viết Thế Giới Nhất Hoa gồm 365 công án dùng cho đời sống hàng ngày, soi sáng bằng các câu hỏi và lời bàn, rất cần thiết cho đời sống thực hành công phu thiền định của những ai trên đường tìm về Chân lý Giác ngộ. Giá 12 mỹ kim.

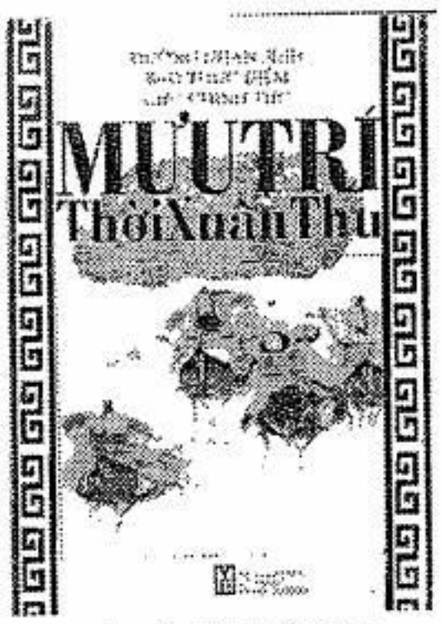

MƯU TRÍ THỜI XUÂN THU
Tác giả: **ĐƯỜNG NHẬN SINH, BẠO THÚC DIỄM, CHU CHÍNH THƯ**
Dịch giả: **ÔNG VĂN TÙNG, VŨ NGỌC QUỲNH**
Thời Xuân Thu xa xưa bên Tàu đã có những cuộc đấu tranh khốc liệt, từ đó đã nảy sinh bao nhiêu mưu trí cực kỳ sâu sắc. Đó là những bài học vẫn còn ích lợi cho ngày nay nếu biết đem ứng dụng vào thương trường là cuộc đấu tranh của thế giới hiện đại. Giá 16 mỹ kim.

BONSAI NGHỆ THUẬT
Biên khảo của **ĐỖ HIỆP**
Sách giải thích cặn kẽ về lý thuyết trồng Bonsai (cây kiểng thu nhỏ trong chậu) với rất nhiều hình minh họa cộng với 104 ảnh màu tuyệt đẹp của những tác phẩm Bonsai tiêu biểu của Trung Quốc. Giá 18 mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn:
Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

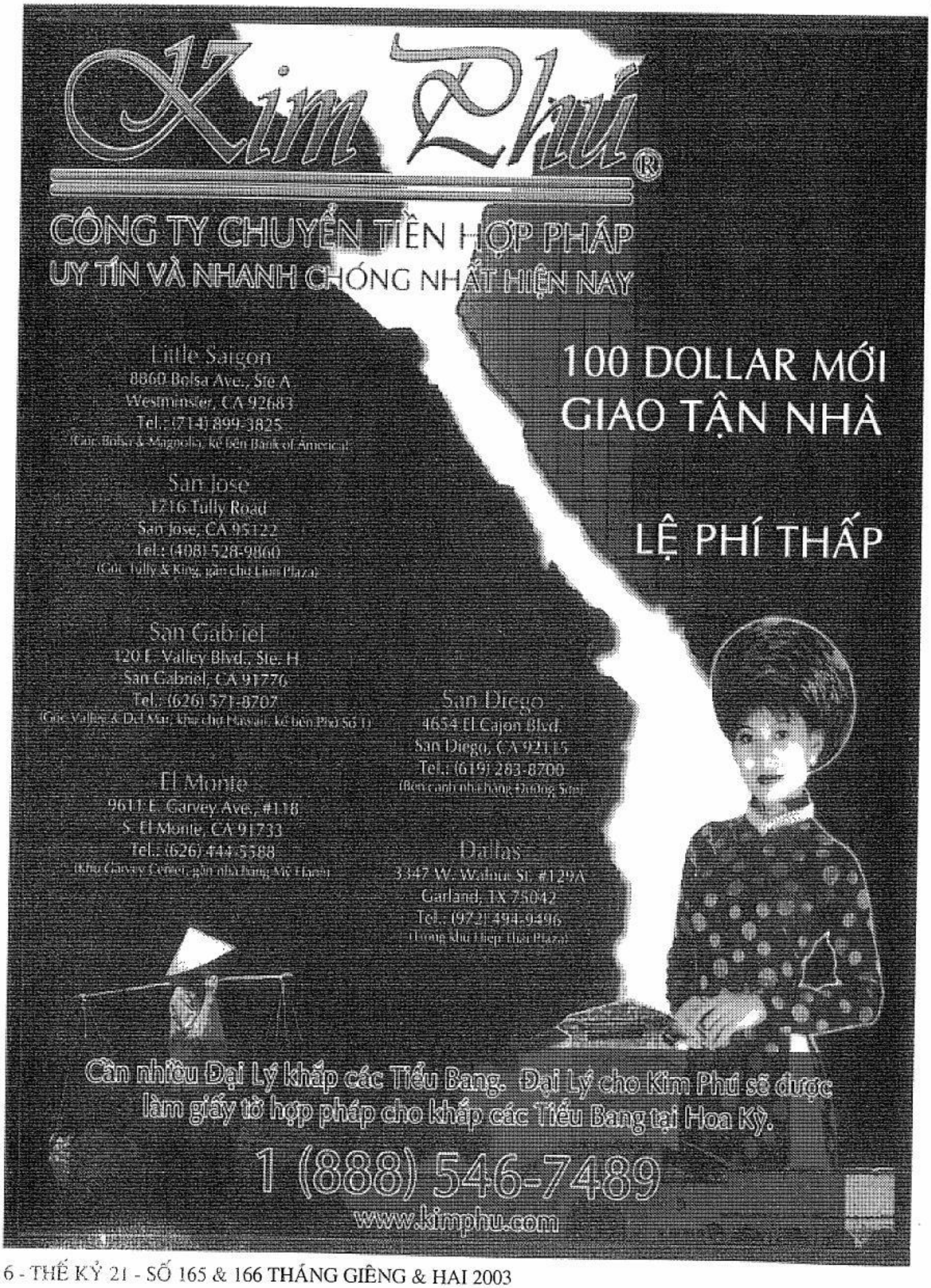
Kim Phú®
CÔNG TY CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP
UY TÍN VÀ NHANH CHÓNG NHẤT HIỆN NAY
Little Saigon
8860 Bolsa Ave., Ste A
Westminster, CA 92683
Tel.: (714) 899-3825
(Góc Bolsa & Magnolia, kế bên Bank of America)
San Jose
1216 Tully Road
San Jose, CA 95122
Tel.: (408) 528-9860
(Góc Tully & King, gần chợ Lion Plaza)
San Gabriel
120 E. Valley Blvd., Ste. H
San Gabriel, CA 91776
Tel.: (626) 571-8707
(Góc Valley & Del Mar, khu chợ Plassio, kế bên Phở Số 1)
El Monte
9611 E. Garvey Ave., #118
S. El Monte, CA 91733
Tel.: (626) 444-5388
(Khu Garvey Center, gần nhà hàng My Huong)
San Diego
4654 El Cajon Blvd.
San Diego, CA 92115
Tel.: (619) 283-8700
(Bên cạnh nhà hàng Dudog Seafood)
Dallas
3347 W. Walnut St. #129A
Garland, TX 75042
Tel.: (972) 494-9496
(Trong khu Hiệp Thái Plaza)
100 DOLLAR MỚI
GIAO TẬN NHÀ
LỆ PHÍ THẤP
Cần nhiều Đại Lý khắp các Tiểu Bang. Đại Lý cho Kim Phú sẽ được
làm giấy tờ hợp pháp cho khắp các Tiểu Bang tại Hoa Kỳ.
1 (888) 546-7489
www.kimphu.com

Bìa: tranh của họa sĩ **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Hý họa: **Babui**
Ảnh: **Nguyễn Tường Thiết, Huỳnh Hữu Ủy, Thi Vũ**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 165 & 166 – Tháng Giêng và Hai 2003

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
13. Thay đổi văn hóa – **Tôn Thất Thiện**
17. Việt Nam trong tầm nhìn thế kỷ 21 – **Đoàn Viết Hoạt**
24. Khó khăn trước mặt của nền kinh tế Mỹ, Trung Quốc và Việt Nam – **Phạm Đỗ Chí**
28. Xin đừng quên! Nửa thế kỷ trước... – **Nguyễn Minh Cần**

TIỂU LUẬN
40. Năm Mùi nói chuyên dê và... chó – **Nguyễn Văn Tuấn**
66. Dẫn vào lịch sử – **Trần Anh Tuấn**
86. Giai thoại ngoại giao năm 2002 – **Từ Trì**
89. Lẩn thẩn chuyện Dê – **Trần Quán Niệm**
147. Tản mạn về điện ảnh Á châu – **Lưu Văn Vịnh**
158. Vô thường – **Phan Thanh Tâm**
172. Ăn để sống và sống để ăn – **Đoàn Văn Khanh**
189. Những bước hoàn tất của Trung Quốc... – **Ngô Thế Vinh**

KHẢO CỨU – NGHỆ THUẬT
45. Chuyện Y học trong Kiều – **Lê Văn Lân**
53. Chuyện nước – **Nguyễn Hữu Chung**
61. Tưởng nhớ điêu khắc gia Lê Thành Nhơn – **Huỳnh Hữu Ủy**
71. Những "người" đầu tiên trên đất Việt – **Nguyễn Quang Trọng**
112. Nhạc Xuân – **Trần Doãn Nho**
193. Tin tức khoa học – **Nguyễn Hùng Vũ**

VĂN
55. Người chỉ đường ở Lyon – **Vũ Thư Hiên**
59. Chờ Tết – **Trần Công Sung**
76. Xuân tha hương – **Phạm Thành Châu**
81. Đám mây bên kia hồ Mjoesa – **Tâm Thanh**
95. Ai lên xứ Lạng – **Mai Kim Ngọc**
104. Vườn lan – **Thơ Thơ**
111. Nga nga lưỡng nga nga – **Nguyễn Văn Thà**
117. Giữa đàng – **Song Thao**
130. Cây bàng lá đỏ – **Nguyễn Tường Thiết**
154. Anh Tư về làng – **Khổng-Có-Chi**
160. Con dê của ông Seguin – **A. Daudet, Hà Kỳ Lam** dịch
163. Những đóa mẫu đơn – **Đặng Phú Phong**
167. Hạt châu – **Linh Bảo**
178. Vợ giỏi – **Nguyễn Ái Nhân**

THƠ
79. Thơ cho Xuân – **Cổ Ngư**. 83. Về quê thưa chuyện cùng đất – **Đỗ Thì Kênh G**. 88. Thời gian – **Cung Vĩnh Viễn**. 107. Sát na yêu – **Dương Kiền**. 119. Nghe ngâm Kiều ở Footscray – **Lý Thừa Nghiệp**. 125. Lá thư miền Tây – **Lưu Hy Lạc.** 143. Những ngày ở Cửa Đại, Hội An - **Lưu Nguyễn**. 155. Xuân này - **Khánh Hà**. 161. Tìm mùa xuân cũ - **Nguyệt Thư.** 169. Cuối năm nhìn tuyết rơi - **Nguyễn Tường Giang**. 171. Lá xám - **Nguyễn Minh Đức.** 175. Anh sẽ đưa em đi Chùa Hương - **Trần Vấn Lệ**. 181. Hoa Cúc ngày xưa -**Hoàng Huy Khánh**. 185. Mùa xanh - **Thái Tuấn.**

MỤC THƯỜNG LỆ
9. Bạn đọc viết

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

Thư đầu năm

Bạn đọc thân mến,

Năm con Ngựa vừa qua đi với nhiều biến động khiến mọi người sống trong bất an. Song song với công tác chống khủng bố của hầu hết các quốc gia, các hành động khủng bố vẫn tiếp tục đe dọa Hoa Kỳ, và đã tiếp tục bùng nổ tại một số nơi trên thế giới. Những người bình thường trên trái đất luôn luôn phải đối diện với một kẻ thù giấu mặt, có khả năng trong nháy mắt biến cuộc sống an ổn và thịnh vượng thành chết chóc, hủy diệt.

Trong khi đó tự do dân chủ vẫn là một khát vọng của dân tộc Việt Nam. Ý thức dân chủ trong toàn dân, đặc biệt trong giới trẻ trí thức, ngày càng tăng mạnh, và sức phản động của một chính quyền độc tài vẫn cố đàn áp trong một cung cách vừa lỗi thời, vừa tuyệt vọng. Trong nỗi ước vọng tự do dân chủ, dân Việt Nam cũng sống bất an với một sự khủng bố thường trực và không giấu mặt.

Trước tình hình đó, tạp chí Thế Kỷ 21 trong năm qua đã tiếp tục chia sẻ và đóng góp thông tin cùng cái nhìn của mình. Cũng năm qua, trong nội bộ, Thế Kỷ 21 có những chấn chỉnh về cả hai mặt biên tập và trị sự. Một Ban Biên Tập đã được thành lập, với hy vọng tiếng nói cơ hữu của tờ báo sẽ trở nên vững chắc và có sắc thái hơn, và từ Ban Biên Tập ấy, những nhịp cầu nối liền với các văn hữu xa gần sẽ được thiết lập ngày càng rộng rãi. Tờ báo sẽ thực hiện những số đặc biệt về các đề tài và nhân vật nổi bật trong đời sống văn hóa, chính trị... Việt Nam, như số về Nhất Linh trong năm qua đã được bạn đọc khắp nơi đón nhận một cách nồng nhiệt. Về trị sự, mấy tháng qua chắc độc giả dài hạn trong nước Mỹ đã thấy cố gắng của chúng tôi trong việc gửi báo: chế độ gửi Bulk Rate chậm trễ và không an toàn đã chấm dứt, tờ báo nay đã được bỏ vào phong bì và đến tay bạn đọc trong một thời gian tương đối ngắn, việc báo bị rách nát hay mất mát nay không còn xảy ra nữa.

Nếu năm con Ngựa, một con vật mạnh mẽ và bền bỉ, đã thúc đẩy Thế Kỷ 21 thực hiện những cải tiến đáng kể thì trong năm Quý Mùi này, với Dê là một con vật cũng đầy sinh lực và linh hoạt, hy vọng tờ báo của chúng ta sẽ thực hiện được những đổi thay ngoạn mục, đem lại nhiều lợi ích hơn cho bạn đọc. Trong niềm hy vọng ấy, chúng tôi xin gửi đến quý vị độc giả, quý văn hữu và thân chủ lời chúc một Năm Mới Tốt Đẹp. Cũng nên cùng nhau gửi một ước mong đồng thời là lời chúc tụng cho thế giới thôi hận thù để mọi người được sống bình an, và riêng Việt Nam, một lời chúc cho dân mình đạt được tự do dân chủ và không còn bị khủng bố bởi những kẻ cầm quyền. Và tờ Thế Kỷ 21 nguyện sẽ làm một cuộc hành trình cùng quý vị theo suốt chiều dài của thế kỷ mà tờ báo mang tên.

Tạp chí Thế Kỷ 21

Xây hay chưa xây

Kính gửi báo Thế kỷ 21,

Là người có lưu tâm đến chuyện sông Cửu Long nên tôi có đọc trên quý báo (số 163 November 2002), hai bài nói về sông Mekong, đó là các bài "Mekong, dòng sông tranh chấp" của ông Phạm Phan Long và "Đến với con đập Manwan" của ông Ngô Thế Vinh. Hai bài báo rất công phu, nhưng tôi có hai điểm thắc mắc sau đây, xin được giải đáp:

1- Ông Phạm Phan Long có viết rằng đập Cảnh Hồng (Jinghong) đã được xây xong, với công suất 1500 MW. Trong khi đó thì ông Ngô Thế Vinh nói rằng ông có đi đến thị trấn Cảnh Hồng, có đi đánh cá trên sông Mekong, nơi khúc sông mà đập Cảnh Hồng sẽ được xây cất (có nghĩa là đập chưa xây). Nhưng tôi lại có nghe một người Việt-Nam làm việc cho công ty thủy điện Pháp (EDF) nói rằng đập nước và nhà máy thủy điện Cảnh Hồng đã được hoàn tất. Tôi e rằng ông Ngô Thế Vinh đã được các hướng dẫn viên du lịch đưa đi du ngoạn trên con sông nào khác chứ không phải sông Mekong, vì cái đập nước thì không thể không thấy. Tôi cũng ngạc nhiên khi thấy một nhà nghiện cứu lớn như ông Ngô Thế Vinh mà không biết rằng đập Cảnh Hồng đã được xây, để nghe lời các người hướng dẫn du lịch. Hay là tôi đã nghe lầm chuyện nầy.

2- Ông Ngô Thế Vinh có chụp ảnh đập Manwan (ảnh rất đẹp), nhưng rất tiếc, tôi không thấy ông nói gì đến công cuộc nghiên cứu thực địa của ông. Theo thiển ý, tác giả phải có mục đích nghiên cứu những tác hại môi sinh của con đập, chứ chẳng lẽ chỉ có mục đích chụp ảnh. Nếu chỉ có ảnh hoàng hôn trên sông thì không có chuyện chi để thảo luận.

Kính chào quý báo. Chúc quý báo trường thọ.

Paris 26/11/2002

Trương Văn Châu

Trả lời của ông Phạm Phan Long:

Tôi xin được xác nhận một điểm không chính xác trong bài tôi viết "Mekong: Dòng Sông Tranh Chấp" trên TK21, cho rằng đập Cảnh Hồng đã được hoàn tất tại Vân Nam. Sự thực Cảnh Hồng chưa được khởi công đúng như bài của tác giả Ngô Thế Vinh đã cho biết.

Trong tinh thần tôn trọng sự chính xác, tôi xin trình bày gốc tích sự việc này như sau. Từ Mekong Paper năm 1999 và cả Mekong River Conference tại Santa Ana College năm 2000, tôi đều không liệt kê đập Cảnh Hồng trong số các đập đã hoàn tất. Cho đến tháng 5 năm 2001, theo tường trình của US National Science Foundation đăng trên ENVIRO-VLC dưới tựa đề: Chinese Transboundary Water Issues có ghi rằng "Jinghong Dam (1500 MW) ... is expected to begin construction in 1998. Nhưng bỗng nhiên Trung Quốc đã trì hoãn Cảnh Hồng để xúc tiến Tiểu Loan (Xiaowan) với công suất 3600 MW lớn hơn gấp hai Cảnh Hồng. Theo tôi họ trì hoãn Cảnh Hồng có thể vì trục trặc trong việc thiết lập đường dây tải điện xuyên Lào sang cung cấp cho Thái.

Xin cám ơn ông Trương Văn Châu và TK21.

Phạm Phan Long

Chế độ toàn trị: yếu tố thành công của Trung Quốc?

Bài viết "Đến với con đập Manwan" của tác giả Ngô Thế Vinh (TK 21 số 163, tháng 11, 02) gây chú ý cho một số độc giả. Trước hết người ta ghi nhận thiện ý của tác giả đã bỏ nhiều tâm sức để đánh động dư luận về mối đe dọa của các đập nước do Trung Quốc xây trên thượng nguồn sông Mékong. Các đập nước này gây nguy hại trầm trọng về môi sinh và kinh tế cho các quốc gia có vị trí nằm dưới hạ nguồn con sông này, trong đó có Việt Nam.

Ngoài ra người ta cũng chú ý đến việc tác giả mô tả sự tiến bộ của đất nước Trung Hoa mới, với đồng ruộng xanh tươi, nhà cửa, xa lộ, rộng rãi khang trang không thua gì nước Mỹ. Tác giả đi đến kết luận rằng sự thành công vượt bực của Trung Quốc: "nuôi cho 1,2 tỉ nhân dân no ấm, phát triển kinh tế với tốc độ rất nhanh, vươn lên như một siêu cường vào Thế kỷ 21"(sic)... là do nhiều nguyên nhân mà trong đó ***chánh quyền toàn trị*** là một yếu tố. (trang 47).

Quan điểm của tác giả cho rằng ***"chế độ toàn trị"*** là một động cơ cho sự phát triển kinh tế, khiến người ta khó có thể chia xẻ với tác giả. Và nếu quan điểm này là đúng thì câu nói của Lê Khả Phiêu ("Nếu Trung Quốc thành công thì CSVN cũng thành công"!) phải coi là... chí lý, chứ không thể "chau mày"!

Trước hết nói về kinh tế, thì các du khách gần đây đã đi thăm Trung Quốc, phần đông đều có nhận xét chung là mức sống dân còn rất nghèo, chênh lệch, không thể so sánh ngay với các nước "tiểu long" trong vùng, như Đài Loan, Hồng Kông..., chứ chưa nói tới Âu Mỹ. Nếu chỉ giản dị coi sự sạch sẽ của các

nhà vệ sinh công cộng, thường được dùng làm tiêu chuẩn cho văn minh tiến bộ, thì hình như Trung Quốc còn bị bỏ xa nhiều lắm. Dĩ nhiên lo cho 1,2 tỉ người khó khăn hơn những nước nhỏ, nhưng phải kể đến khía cạnh về khả năng, phương tiện, cũng tỷ lệ thuận với đất đai, dân số. Và các thống kê mới nhất cho thấy PNB (Tổng Sản Lượng/đầu người) của Đài Loan vẫn còn gấp 18 lần Trung Cộng! (1). Sự chênh lệch quá sức này có cách giải thích nào khác hơn, là do sự khác biệt về quản lý, nghĩa là sự khác biệt về chế độ chính trị? Nhiều người thường lẫn lộn thể chế toàn trị (totalitarian) của Cộng Sản (Trung Hoa, Việt Nam) với các chính quyền tương đối độc đoán (authoritarian) như Đài Loan, Đại Hàn, mà không nắm được sự hoàn toàn khác biệt về mức độ và bản chất, của hai thể chế này. Nếu sự độc tài của các chế độ Đại Hàn, Đài Loan, đã phần nào tạo kỷ luật giúp phát triển kinh tế, thì sự toàn trị của các thể chế Cộng Sản, trái lại, đã là yếu tố cản trở trầm trọng cho mọi tiến bộ, tăng trưởng. Ưu tiên duy nhất của các chế độ toàn trị, không hề là phúc lợi dân tộc, mà chỉ là sự duy trì quyền lực tuyệt đối của nhóm thống trị apparatchiks. Rút kinh nghiệm về sự xụp đổ mau chóng của đám apparatchiks Liên Sô, Trung Cộng đã trì trệ, tránh né mọi cải tổ cần thiết mà thực sự phải có. Ngay cả những thuyết "mèo trắng mèo đen" của Đặng Tiểu Bình, hay thuyết "Ba đại diện" ngày nay của Giang Trạch Dân, chẳng đáng được nâng lên hàng "chủ thuyết" thâm sâu gì, để người ta phải khổ công, mất thì giờ "phân tích, nghiên cứu"! Đó chỉ giản dị là những thủ đoạn vá víu chắp nối, biểu lộ sự bối rối tìm lối thoát, vì muốn ôm đồm, dung hòa tham vọng giữ chỗ ngồi cho tập đoàn cầm quyền, và nhu cầu phải dân chủ hóa để thích ứng đòi hỏi của tình thế, mà họ hiểu rằng không thực hiện thì cũng bị diệt vong.

Để nắm được tình hình xác thực tại Trung Quốc ngày nay, có lẽ cái nhìn của một du khách khó thấy được thực trạng, không mấy tốt đẹp mà trái lại, rất bi quan như được mô tả trong một số tài liệu đáng tin cậy, do các tác giả có kinh nghiệm sống lâu năm tại Trung Quốc. Trong số này phải kể Gordon Chang, đã sống hai thập niên tại Thượng Hải, với cuốn sách mới xuất bản năm ngoái tiêu đề "The coming collapse of China" mà tác giả tiên đoán sự xụp đổ sắp tới của chế độ Trung Cộng. Bên Âu châu, một cuốn sách khác thuộc loại best seller năm nay, nhan đề "Sois riche et tais-toi!" của nhà báo Eric Myer đã sống 15 năm tại Bắc Kinh. Ông ta mô tả Trung Cộng như "một quốc gia sắp bùng nổ" (Un pays au bord de l'explosion). Các tác giả đều nói lên tình trạng suy đồi phân hóa trầm trọng trong xã hội Trung Cộng, sự xung đột, bất ổn, mâu thuẫn, ngày càng cao giữa giàu nghèo, thành thị và thôn quê, giữa nhân dân và chính quyền, và ngay trong chính quyền, giữa trung ương và địa phương...

Riêng người viết bài này, khi đọc bài của tác giả Ngô Thế Vinh, chỉ có một nhận xét nho nhỏ và ngộ nghĩnh, về anh chàng Wu, tài xế lái xe cho tác giả đi thăm Vân Nam. Xuất thân là một giáo sư Toán tốt nghiệp Đại học, mà nay anh Wu phải kiếm sống bằng nghề chạy taxi! Chi tiết nhỏ này cho thấy như vậy thì có lẽ tình hình Trung Quốc thực sự chẳng sáng sủa, và cũng không vượt xa Việt Nam ngày nay bao nhiêu!

Nguyễn Gia Tiến *(Thụy Sĩ)*

(1) TSL/đầu người Trung Quốc: 780 USD. TSL/đầu người Đài Loan: 13900 USD. (Theo Atlas economique mondial 2002, le Nouvel Observateur, Paris)

Bàn thêm về đạo Khổng

Trên TK 21 tháng 12 vừa qua, bài về Đạo Khổng tác giả Nguyễn Văn Thực giải câu "*Tứ thập nhi bất hoặc*" là "*40 tuổi làm chuyện gì ăn chắc chuyện đó*" tôi e là đi hơi xa nghĩa của cụ Khổng. Chữ *Hoặc* với nghĩa gốc là *nghi hoặc*, ở tuổi 40, đã có kinh nghiệm, có kiến thức nên suy luận phân định *không còn do dự nghi hoặc* mấy về việc đời. Sách Khổng Học Đăng của cụ Phan Bội Châu giảng như sau : "*đến 40 tuổi mới thông thấu hết sự lý trong thiên hạ, việc gì phải hay trái, người nào tốt hay xấu, thảy xem xét biện biệt được rành rõi, không đến nỗi sai lầm*" (Khổng Học Đăng tr. 15 phần Luận ngữ Trích lục Dẫn giải), mãi tới 60 tuổi mới "*lúc bấy giờ sức tri với sức hành, học vấn với kinh nghiệm thảy đều thập phần chu đáo, nên đối với sự lý nhân vật ở trong thiên hạ, hễ vật nào lọt vào tai tức khắc phán đoán được ngay, không một điều gì chướng ngại ở bên tai nữa (*lục thập nhi nhĩ thuận*)*... Cả đời cụ Khổng cũng không "ăn chắc" mọi chuyện, nên năm 68 tuổi, Cụ và môn đệ đành quay về nước Lỗ soạn sách dậy học. Diễn trình từ 15 tuổi, *chí vu học*, tới 70 tuổi *tùng tâm sở dục, bất du củ*, có thể hiểu như một diễn trình phát triển nhân cách (*personality development*), như câu "*ngũ thập nhi tri thiên mệnh*" nên hiểu theo cụ Phan Bội Châu "*đến 50 tuổi mới thấu chân lý của tạo hóa tức là mệnh của trời,*" nếu nói là "50 tuổi biết rõ ý *Trời muốn tôi làm gì*" thì tức đảo ngược mệnh đề *«tôi tri thiên mệnh"* thành "*Trời muốn tôi làm gì."* Đạo học Đông phương, Phật, Khổng, Lão, lấy Nhân làm chủ, lấy người làm

chính, nên không lấy ông Trời hay thần thánh làm *chủ thể ban lệnh* cho người được.

Trên TK 21 số tháng 4 và 5-2002, bài về Đạo Nho của Nguyễn Thị Chân Quỳnh viết "*...nước ta từ phong tục, luân lý đến chính trị đều lấy Nho giáo làm gốc.*" Có lẽ về chính trị thì có trọng Nho từ Hậu Lê, nhưng về luân lý phong tục, nhất là luân lý bình dân, thì cả nghìn năm cốt tủy lại là đạo Phật, nhà Nho khi viết "*kiếp sau xin chớ làm người*» hay người nhà quê cắt tiết gà nói "*để tao hóa kiếp cho mày*" hoặc khi ta nói "không *chấp* trẻ con," "*chạ ăn mặn con khát nước*"... thì trong tiềm thức đã có Phật pháp rồi. Vả lại từ đời Hùng ta đã có phong tục tập quán, không phải chờ tới đạo Khổng vào mới có gốc phong tục luân lý.

Thời 1960, ở Sài Gòn, đã có phong trào tìm về nguồn, khôi phục Nho giáo, như loạt sách Việt Nho của cố GS Kim Định... Nhưng vì lý do nào Trung Hoa, có Khổng Mạnh, có Lão Trang, mà vẫn phải mang Phật giáo vào, tại sao những thế kỷ VII, VIII tới XIII, XIV... Tầu, Việt, Nhật, Hàn... văn minh văn hóa sáng chói nhờ Thiền môn Phật pháp? Là tại vì những nguyên tắc đạo đức, những lý tưởng triết lý, đều vô dụng nếu thiếu phương pháp thực hành tu tập. Chính vì chú trọng vào phương pháp hành trì nên Phật pháp, Thiền quán... đã thấm nhuần đạo đức Đông phương và đang lan tràn bổ túc cho triết lý tôn giáo Tây phương vậy.

Lưu Văn Vịnh

Chờ đến bao giờ?

Để trả lời câu hỏi trực tiếp của Thụy Khuê, «với con mắt sử gia, thì bác đánh giá ông Hồ Chí Minh...», bài viết *Đọc Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn...* (Thế Kỷ 21, số 163) có trích câu GS Hãn trả lời như sau: «Xét về Hồ Chí Minh thì phải có lâu năm sau này thì xét mới không thiên lệch. Hiện bây giờ thì người ta oán nhiều lắm [...]. Nhưng mà nói cái kết quả tức thì...» rồi tiếp sau đó, «Cho nên tôi nghĩ không nên xét vội từ bây giờ.»

Câu trả lời dài chừng năm trang, GS Hãn không *lờ* đi lý do khiến người ta oán. Đây là đoạn [...] ở trên: "Hiện bây giờ thì người ta oán nhiều lắm. Oán ấy là oán Đảng Cộng Sản, những người có óc marxiste hồi ấy. Chuyện đầu hết là tranh giành, chém giết những người bên những đảng quốc gia. Đấy là một cái họ trách. Cái thứ hai là lúc Cải Cách Ruộng Đất, gọi là trong nước có người giầu, người nghèo, chênh lệch. Cái thứ ba: phương pháp của marxiste, lúc ấy họ chỉ có một chiều, nghĩa là sự thật chỉ có một mà thôi. Không có sự thật thứ hai. Không được nói trái nhau. Nghĩa là họ không lý luận như người thường, cho nên sự oán với sự ghét nhiều lắm. Nhưng mà nói cái kết quả tức thì nước mình bây giờ mà có độc lập, có thống nhất, ..."

Tiếp đó, giáo sư Hãn bàn về vua Lê Lợi cùng sự chia rẽ bè phái trong thời chống quân Minh, tương tự như trong giai đoạn 1946-1954. Theo nội dung câu chuyện, vì ông Hồ Chí Minh là người trực tiếp lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp, giáo sư Hãn bàn rộng thêm về cuộc kháng chiến và sự chia rẽ đảng phái vào thời đó. Theo GS Hãn, sự chia rẽ có thể tránh được. Tất nhiên không dễ vì trong Việt Nam Quốc Dân Đảng, ngoài những người ôn hòa như ông Nguyễn Tường Tam, còn có biết bao nhiêu thành viên chống cộng sản tích cực khác, trích câu trả lời, "Nói thực ra trong giai đoạn vừa rồi, giải phóng đất nước, thì với một cường quốc như nước Pháp, không thể có sự chia rẽ mà độc lập được. Tôi nghĩ rằng chuyện họ chống lại Quốc Dân Đảng mà đi đến chỗ giết nhau, một mặt là bất đắc dĩ. Việc thứ hai là chính những người Quốc Dân Đảng, lúc ấy cũng ngoan cố lắm; họ định dựa vào Tầu mà diệt tụi maxiste đi."

Vậy thì tại sao GS Hãn lại nói: "Cho nên tôi nghĩ không nên xét vội từ bây giờ" sau khi đã đưa ra vô số nhận định riêng? Tôi không có ý định đoán già đoán non ý giáo sư Hãn hoặc trả lời thay ông song có lẽ ta có thể hiểu, ngoài cách nói, cách diễn đạt của một người hòa nhã trong khi nói chuyện, giáo sư Hãn chỉ ngụ ý là một thời gian sau, khi mọi xung động tình cảm đã lắng xuống, đã đủ gạn lọc, bấy giờ việc xét **công** hay **tội** sẽ mang tính khách quan nhiều hơn, do đó, sẽ chính xác hơn.

Sách viết về Việt Nam ngày nay không thiếu. Trong bất cứ một thư viện trung bình nào, ta cũng có thể kiếm thấy cả trăm nhan sách. Chi tiết có thể khác nhau nhưng về đại cương, phần lớn những cuốn sách này có kết luận tương tự như nhau, nhất là về giai đoạn chiến tranh Việt Nam đánh Pháp. Có lẽ ta nên trở lại câu chuyện này một dịp nào đó trong tương lai.

Nguyễn Đức Tường

Năm Mùi nói chuyện Dê

Nhân dịp tết năm nay người khác thì có thể viết một bài phiếm luận "Năm Mùi nói chuyện Dê," nhưng sức tôi thì chỉ đủ viết một bức thư trình bày một số ý nghĩ đơn sơ của mình về chữ *dê* mà thôi. Gọi là chung vui chút đỉnh với bà con nhân dịp xuân về.

Không biết từ bao giờ, trong ngôn ngữ Việt Nam chữ **dê** vốn là tên một giống vật, đã biến thành một tính từ để chỉ tính ưa lăng nhăng lộn xộn về tình dục

của nam giới. Nó mang một ý nghĩa xấu, đồng nghĩa với đa dâm, mà là loại tà dâm, nghĩa là háo sắc, ưa "đụng đâu xâu đó." Người tán tỉnh huê dạng thì không phải là dê, chỉ gọi là dê những người đàn ông ưa "đi thẳng vào vấn đề," tay chân hoạt động cụ thể, và nếu thuận tiện thì... tới luôn. Người có *máu dê* là người không kiểm soát được nhu cầu tình dục luôn luôn bức bách mình, gặp phụ nữ vừa mắt là thế nào cũng tìm cách "thả dê," nghĩa là bắt đầu tấn công tình dục cách này cách khác. Tính dê như trên còn biến dạng ra một số chữ khác như *be he* hay *ba mươi lăm*. Be he thì rõ ràng là nhại tiếng kêu của loài dê, còn con số 35 liên hệ tới con dê ở chỗ nào? Tôi không rõ lắm, nghe loáng thoáng hình như trong trò đánh đề con dê được xếp số 35. Nhưng ý nghĩa của số 35 trong ngôn ngữ thì thật là mạnh mẽ. Một phụ nữ có thể mắng một người đàn ông sàm sở với mình: "Cái đồ ba lăm!" thay vì dùng tiếng *dê cụ, dê xồm* hay *già dê* có thể làm nàng ngượng miệng, vì âm *dê* đã trở nên quá gần với nghĩa dâm đãng.

Tội nghiệp con dê, chỉ vì khả năng sinh lý của con dê đực mạnh quá mà loài người dùng tên nó với một ý nghĩa xấu. Tình dục mạnh là điều hay chứ sao lại là điều tội. Tất cả mọi người trên quả đất này, nhất là nữ giới, chắc chắn đều đồng ý như thế, ít nhất là trong thâm tâm của họ. Đàn ông là giống luôn luôn cần đàn bà, và nữ giới sẽ buồn bã biết bao nếu cả đời họ không bao giờ gặp được một tia nhìn thèm muốn là cái khởi động cho tất cả tính dê về sau. Bản chất đời sống tình dục của nam giới là tấn công, bản chất đời sống đó nơi nữ giới là hấp dẫn, quyến rũ để được tấn công. Kỹ nghệ sản xuất những thứ để làm đẹp phụ nữ là những kỹ nghệ vào hàng lớn nhất của nhân loại. Và cái lý do để người phụ nữ làm đẹp là gì, khỏi nói chắc ai cũng biết. Nhưng người đàn ông tỏ ra lộ liễu quá trong hành động tấn công thì bị gọi là dê. Dù bản chất vẫn thế, phải tấn công cho có... văn hóa một chút!

Tác giả nào nhỉ, có phải Nguyễn Công Trứ không, đã viết hai câu thơ:

Ai bảo cái dâm là cái bậy
Nếu không dâm sao nẩy ra hiền.

Tôi cho đó là hai câu tuyệt tác, và đặc biệt trong mùa xuân Quý Mùi đang tới, nó có sức mạnh biện minh cho các hành động gọi là "dê" trên cõi đời này.

***Dương Cửu** (Internet)*

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài của các tác giả sau:

Phạm Tử Thiên, Tôn Thất Thiện, Nguyễn Quang Trọng, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Võ Doãn Nhẫn, Khổng Có Chi, Chu Vương Miện, Nguyễn Văn Tuấn, Vũ Thư Hiên, Vũ Duy Lương, Nguyễn Quý Nhơn, Lưu Nguyễn, Trần Công Nghị, Thu Từ, Trần Nguơn Phiêu, Phạm Nguyên Lương, Tô Hồng Đức, Nguyễn Hà Tuệ, Nguyễn Quý Nhơn, Vũ Duy Lương, Hoa Cúc, Đỗ Thì Kênh G, Tâm Thanh, Khánh Hà, Phan Thanh Tâm, Phạm Đỗ Chí, Song Thao, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Minh Cần, Trương Đăng Đệ, Lê VĂn Lân, Đoàn Văn Khanh, Nguyễn VĂn Thực, Nguyễn Tường Thiết, Xuân Đỗ, Trần Công Sung, Linh Bảo, Hà Kỳ Lam.

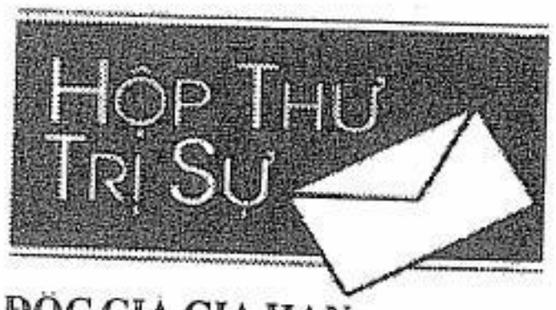

ĐỘC GIẢ GIA HẠN

Pham Tu Thien TX – Vo Thanh Sum Australia – Truong Toan CA – Do Nu Cam Vy CA – Hoang Tuy An CA – Le Ngoc Minh CA – Nguyen Gia Tien Switzerland – Nguyen Tan Vinh Norway – Nguyen Ngoc Thanh CA – Cam Vy Nu Do – Bui Van Phu CA – San Francisco Lib CA – Pham De OH – Quan Thuy Hoai CA – Nguyen Hao CA – Vo Minh The TX – Nguyen Huu Chi Canada – Thi Xuan Ho AZ – Do Khanh CA – Vo Doan Nhan CA

ĐỘC GIẢ MỚI

Huynh Quang Thuoc KS – Vo Trong Diec CA – Cao X Truc OH – Nguyen Di France – Frank Trinh Australia – Duong Thieu Dung MD – Pham Toan NY – Tran Van Hoa WA – Nguyen Duy NV – Nguyen Van Bac NM – Tran Van Hoa WA – Nguyen Hoa WA – Truong Hoang WA – Lien Tam Canh WA – Pham Van Minh WA – Nguyen Kim Long WA – Pham Xuan Hien WA – Nguyen Xuan Dung – Vuong Thanh Thao WA – Do Minh Duc .Thuy WA- Nguyen Hoai Thu CA – Le Tuyet Lan CA – Tue Linh CA – Nguyen Xuyen CA – Nguyen Kim Yen CA – Luu Thuan CA – Nguyen Van Phuc CA – Luu Nam CA – Tran Dac CA – Bui Van Lang CA – Nguyen Bac CA – Nguyen Thi Loan CA – Nguyen Huong CA – Ton That Vinh CA – Le Cong Hung CA – Hoang Loi CA – Nghiem Y Van CA – Brian Phan CA – Vu Son CA – Helen H Tran CA – Van Hung Doc CA – Le Buu Tan CA – Nguyen Thanh Tung CA – Ton That Nhuan CA – Nguyen Thi My CA – Be Thi Tho CA – Dang Hung Son CA – Nguyen Hang CA – Nguyen Phuc CA – Dao Van Nguyen CA

ĐỘC GIẢ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ

Huynh Quang Khai MO – Acquisitions Dept UT – Phan Trinh Tan MD – ChinaTown Branch Lib CA – Nguyen Duc Ban PA – Vu Vinh Thinh PA – Phan Hong Tu IL – Dang Thi Nham VA -

Vài suy tư cuối năm về vấn đề

THAY ĐỔI VĂN HÓA

TÔN THẤT THIỆN

Mỗi lần Tết đến, và mọi người đều chuẩn bị "năm cũ bước qua năm mới," những người quen suy ngẫm về các vấn đề của đất nước lại nhìn lại năm qua, và xét xem trong năm cái gì đã làm mình cho mình bận trí nhứt. Riêng tôi, hồi tưởng lại, tôi thấy Văn hoá là vấn đề càng ngày càng làm cho tôi suy tư nhiều nhứt. Không phải văn hoá thường được nói đến trong các dịp "hoạt động văn hoá," "trao đổi văn hoá," thường được ghép với văn nghệ, văn chương, hội họa, điêu khắc, muá hát, ca kịch, phim ảnh v.v...Văn hoá làm tôi suy ngẫm nhiều là loại bao gồm những giá trị, tư duy, tập quán, v.v... chi phối hành vi của con người, và định hướng đi của một quốc gia, một dân tộc.

Tôi suy tư nhiều về văn hoá vì một ưu tư khác của tôi là làm sao cải tiến đời sống của dân Việt Nam, đưa họ ra khỏi tìng trạng đói rách, cơ cực hiện tại. Theo tôi, phát triển kinh tế là điều kiện căn bản của sự cải tiến đời sống của một nước. vì phát triển kinh tế là gia tăng sản xuất của hàng hoá và dịch vụ, về chất, lượng và loại, để có thể đáp ứng được nhu cầu của mọi người dân. Nhưng, muốn kinh tế phát triển, văn hoá của một quốc gia phải thích nghi với hiện đại.

Vấn đề then chốt là văn hoá, không phải chính trị. Những vấn đề chính trị, mới nhìn thì thấy nó có một tầm quan trọng rất lớn. Nhưng, nếu đi sâu vào vấn đề, thì ta thấy những nguyên do căn bản thật sự làm cho một quốc gia, một dân tộc mạnh, là tư tưởng đúng, và tinh thần công dân cao. Hai yếu tố này thuộc về lãnh vực văn hoá, hiểu theo nghĩa rộng của nó, nghĩa mà các học giả xã hội học và nhân chủng học thường dùng.

Những gì tôi suy nghĩ, nhận thấy, xin chia xẻ dưới đây cùng độc giả của Thế Kỷ 21.

Những điều tôi viết ra không hẳn là đúng, hay đúng hết. Nó có thể sai, một phần, hay tòan phần. Nhưng nó là kết quả của rất nhiều năm học hỏi, nhiều thì giờ nghiên cứu và suy ngẫm về một vấn đề mà tôi cho là căn bản, cần được giải quyết tốt, để cho nước Việt Nam, xã hội Việt Nam, và người Việt Nam có điều kiện tiến lên, bắt kịp những quốc gia, những dân tộc đã qua mặt chúng ta và đi đằng xa ở phía trước.

Những suy tư của tôi về văn hoá xoay quanh vấn đề phát triển kinh tế, vì mục tiêu của thay đổi văn hoá là mở đường tiến cho xã hội, và kinh tế có phát triển thì những người trong xã hội mới có điều kiện – phương tiện đủ mọi loại – để cải thiện đời sống của họ.

*

Kinh tế và văn hóa có liên hệ với nhau. Đây là một nhận xét mà đa số sẽ không thấy cần bàn cãi, vì nó rất tầm thường. Nhưng nó đưa đến một nhận xét khác kém hiển nhiên hơn: phát triển kinh tế đòi hỏi phải thay đổi văn hoá. Nhận xét này có thể gây bất bẻ. Vì ba lý do: 1/ danh từ "thay đổi" có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau; 2/ "văn hoá" không được hiểu theo đúng nghĩa của nó, và 3/ thay đổi kinh tế thường được gắn liền với thay đổi chế độ và chính sách chính trị. Vậy, trước khi đi sâu vào vấn đề, những điểm này cần được minh định để tránh hiểu lầm.

Về "thay đổi văn hoá." Động từ "thay đổi" là một động từ vừa cập vật, vừa bất cập vật, như động từ Pháp "changer," hay Anh "change." Ta có thể nói "changer quelque chose"/"change something" (transiftif), hay "quelque chose change"/"something changes" (intransitif). Dùng tiếng Việt, ta có thể nói "nó phải thay đổi thái độ," theo nghĩa cập vật, hay "thái độ nó đã thay đổi," theo nghĩa bất cập vật. Rõ ràng là nghĩa của hai câu này khác nhau.

Cũng có người đã hiểu "Thay ĐỔI" là "Thay THẾ", và phản ứng mạnh khi thấy nói đến "thay đổi văn hoá Việt nam," vì họ hiểu theo nghĩa hẹp: dẹp bỏ toàn bộ văn hoá Việt Nam, tạo ra một chỗ trống, và đem toàn bộ một văn hoá khác, ví dụ văn hoá Mỹ, chêm vào chỗ trống đó. Đối với những người này, ai nói đến "thay đổi văn hoá" là muốn vất bỏ hết "bốn nghìn năm văn hiến" của Việt Nam để thay thế nó bằng "the American

way of life." Đó là một ý nghĩ vớ vẩn.

Không thể thay đổi toàn bộ

Ai có chút tri thức về các môn khoa học nhân văn – nhân chủng học, xã hội học, tâm lý học, ...— hay kinh tế, chính trị, luật học, cũng biết rằng trong suốt lịch sử nhân loại không hề có chuyện thay thế văn hoá, vì con người, cũng như xã hội, có một sức ù lỳ kinh khủng. Kinh nghiệm của Lenin, Stalin, Mao, và gần ta hơn, Hồ Chí Minh, Lê Duẫn, Đỗ Mười v.v... muốn xoá bỏ hoàn toàn xã hội "cũ" và con người "cũ," để thay thế nó bằng một xã hội và một con người hoàn toàn "mới", xã hội và con người "xô viết" của Lê-nin, và "xã hội chủ nghĩa" của Hồ Chí Minh, là minh chứng của nhận xét đó. Họ đã tận dùng mọi cách tuyên truyền, và xử dụng tối đa "bạo lực cách mạng," nhưng rốt cục họ đã thất bại một cách ngoạn mục.

Vậy, cần nói rõ rằng thay đổi văn hoá ở đây chỉ là thay đổi VỀ văn hoá, theo nghĩa bất cập vật nếu chú ý đến xã hội hơn, và theo nghĩa cập vật nếu chú ý đến cá nhân hơn — thêm cái này, bớt cái kia, sửa chỗ nọ, nhiều ít tùy nhu cầu, để cho kinh tế có thể tiến được dễ dàng. Nhưng có người sẽ hỏi: tại sao không dùng danh từ "sửa đổi"? Vì "thay đổi" nghĩa rộng hơn là "sửa đổi"; nó hàm ý cắt, bỏ, nhưng, như đã nói ở trên, nếu có cắt bỏ, sự cắt bỏ này chỉ áp dụng vào một phần nào đó chớ không cho cho toàn bộ của văn hoá.

Chủ đích của cuộc thay đổi là phát triển kinh tế, vì kinh tế Việt Nam có phát triển, thì lợi tức quốc gia mới gia tăng, xã hội Việt Nam mới có thêm hàng hoá và dịch vụ đủ mọi loại, về chất lẫn lượng. Có vậy, đời sống dân chúng mới cải thiện, dân Việt Nam mới ra khỏi cảnh nghèo đói, thiếu thốn, tụt hậu, và nước Việt Nam mới đủ sức để đương đầu với ngoại bang được. Lúc đó, khẩu hiệu "dân giàu, nước mạnh, một xã hội văn minh," mới không phải là một khẩu hiệu rỗng tuếch.

Tốt, xấu, thích nghi

Thoạt nhìn, thay đổi kinh tế là một vấn đề chính trị: chỉ cần thay đổi chính sách, và chính sách sẽ thay đổi thay nếu chế độ chính trị và lớp người cầm quyền thay đổi. Kinh nghiệm lịch sử cho thấy rằng, nhìn dài hạn và rộng hơn, nhận xét trên đây không đúng, nhứt là khi vấn đề được đặt ra là *phát triển kinh tế*, chớ không phải *chính sách kinh tế*. Trong khi kinh tế chỉ là một khía cạnh của hoạt động của xã hội, phát triển kinh tế liên quan đến tất cả các khía cạnh của đời sống của xã hội. Phần khác, nó là kết quả của động tác của toàn thể xã hội trong thời gian dài, trong khi chính sách kinh tế chỉ là động tác của một chính phủ, một phần nhỏ của xã hội, mà quyền thế lại giới hạn trong thời gian.

Tưởng cũng cần nhấn mạnh rằng vấn đề ở đây không phải là xét định văn hoá Việt Nam trước kia, hay hiện nay,"tốt" hay "xấu". Câu hỏi cần trả lời chỉ là: văn hoá "cổ truyền/truyền thống" và hiện tại của Việt Nam có thích hợp nữa hay không, nghĩa là có thích nghi với hiện đại, có khả năng giải quyết các vấn đề thiết yếu của xã hội Việt Nam hiện nay hay không?

Nói: ngày nay cần "thay đổi văn hóa," không phải là nói rằng văn hóa Việt Nam trong quá khứ toàn là xấu, là dở. Trái lại, văn hoá đó đã làm cơ sở cho Việt Nam trở thành một quốc gia có cơ chế vững chắc và những giá trị đã hướng dẫn dân tộc Việt Nam rất hữu hiệu trong công cuộc chống xâm lăng từ phương Bắc và nhất là mở mang bờ cõi về phương Nam trong nhiều thế kỷ. Những cơ chế và giá trị đó thích hợp với tình trạng thời đó. Nhưng từ cuối thế kỷ XVII, và nhứt là từ 1850, vào Triều Tự Đức, tình hình đổi khác, và văn hóa này không còn thích hợp nữa. Đó là do nó thiếu hẳn một số nét được coi là biểu hiệu của một nền văn minh "hiện đại," một khái niệm mà ta cần xét kỹ.

Chúng ta quen thấy văn hóa kẹp với văn nghệ, văn chương, hội họa, điêu khắc, múa hát, ca kịch, và phim ảnh trong các cụm từ "hoạt động văn hóa," "trao đổi văn hóa." Nhưng khái niệm "văn hóa" bao gồm nhiều lãnh vực hơn vậy nhiều.

Một vấn đề phức tạp

Từ Điển Tiếng Việt của Viện Ngôn Ngữ Học Việt Nam, có đến năm định nghĩa của danh từ "văn hóa." Định nghĩa chính là: "Tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử." Những định nghĩa phụ đề cập đến những hoạt động của con người; tri thức, kiến thức khoa học; trình độ sinh hoạt xã hội; quá khứ. Từ điển Mỹ và Pháp (Webster, Larousse) cũng đưa ra nhiều định nghĩa đề cập đến nhiều khía cạnh rất khác nhau của văn hỏa.

Định nghĩa trong các từ điển trên đây có một điểm chung nổi bật. Đó là: văn hóa là một khái niệm đa dạng; nó là tổng thể của nhiều khía cạnh khác nhau của hành vi con người trong tư cách

thành viên của một cọng đồng xã hội. Những hành vi đó phản ảnh thái độ, tâm lý, trong những lãnh vực tư duy, tín ngưỡng, cư xử với kẻ khác (cùng cọng đồng hay khác cọng đồng – quốc gia, chủng tộc, tôn giáo...), cách tiếp cận về các hoạt động kinh tế, giáo dục (bản thân và con cái), cách thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần, hệ thống ưu tiên giá trị, v.v... Như vậy, muốn cứu xét văn hóa một cách đứng đắn phải sưu khảo nhiều nghành học: nhân chủng , xã hội, chính trị , kinh tế, luật , sử , khoa học kỹ thuật, v.v... Rõ là một vấn đề rất phức tạp.

Vì văn hóa là một khái niệm phức tạp, nên cứu xét văn hóa cũng phức tạp. Khởi đầu là một cuộc xét lại. Cuộc xét lại này phải hết sức tường tận, về chiều sâu cũng như chiều rộng. Nó phải bao hàm suốt chiều dài lịch sử, và mọi lãnh vực của sinh hoạt vật chất và tinh thần của dân tộc Việt Nam. Và quan trọng hơn cả, nó phải hết sức khách quan. Trong công cuộc xét lại này, người nghiên cứu không được để cho tình cảm cá nhân hay đoàn thể, hay tự ái dân tộc, ảnh hưởng đến sự phân tích và phán xét của mình.

Mục đích của việc cứu xét trên đây là nhận dạng và liệt kê những gì tốt, những gì xấu, những ưu điểm và khuyết điểm của xã hội, dân tộc, và con người Việt Nam trong viễn cảnh phát triển kinh tế, cái gì còn thích hợp, cái gì hết thích hợp trong viễn cảnh này.

Dân tộc, xã hội, con người Việt Nam có những ưu điểm, khuyết điểm, tính tốt, tính xấu gì? *Trong Tổ Quốc Ăn Năn*, anh Nguyễn Gia Kiểng đã có đề cập đến vấn đề này nhiều. Những nhận xét của anh ấy rải rác trong tác phẩm. Nhân dịp điểm sách này, tôi đã gom góp nó lại, và nó đã chiếm một trang đầy. Vì không đủ chỗ, và tránh lập lại tôi không chép bản liệt kê đó ở đây. Để nhường chỗ cho một tác giả khác, anh Đỗ Thông Minh. Gần đây anh Minh đã bàn khá chi tiết về vấn đề này, trong *Thế Kỷ 21*.

Tính xấu của người Việt

Bài của anh Minh mang tít: "Người Việt mạnh yếu ở chỗ nào?" và anh đã can đảm nhìn thẳng vào vấn đề. Đi từ nhận định: "nói chung dân tộc ta kém xa các dân tộc tiến bộ khác trên thế giới," anh đặt câu hỏi: "làm sao dân tộc ta cứ mãi lầm than, khốn khổ như vậy?" Để trả lời câu hỏi căn bản này, anh nhìn về phía văn hoá, và lại hỏi:"Văn hoá Việt có những ưu khuyết điểm nào?"

Anh Minh nêu ra một số tính tốt, mà tôi thấy không cần bàn ở đây, ngoại trừ cảnh cáo rằng, như đã nói ở trên, khi phán xét "tốt", "xấu", ta phải nhớ tốt và xấu cần phải xét theo tiêu chuẩn có thích hợp với điều kiện hiện đại hay không. Có cái trước kia tốt nhưng nay lại bị coi như xấu, và ngược lại, vì điều kiện hiện đại đã đổi thay.

Anh Minh chú ý hơn về một số tính xấu mà anh cho rằng đã làm cho dân Việt có một trình độ văn hoá thấp, "sinh ra lãnh đạo tồi chỉ biết xâu xé nhau, sinh ra chiến tranh, và chiến tranh mới đào sâu thêm hố chia rẽ làm lụn bại dân tộc." Về phương diện này, anh còn gay gắt hơn anh Nguyễn Gia Kiểng nữa. Theo anh, "những người Việt dường như bị nhiễm nhiều tính xấu ở mức độ rất trầm trọng"... Vì thiếu chỗ không thể lặp lại ở đây tất cả những gì anh Minh nói. Đoạn trích sau đây cho ta ý niệm về những phán xét của anh ấy.

Anh viết:

"Người Việt có những tính xấu gì? Có thể nói là thiếu ý chí, thiếu sáng tạo, thiếu nghiên cứu, thiếu mạo hiểm, thiếu tầm nhìn xa, nói dối quanh, ít nhận lỗi, thiếu trật tự, thiếu nguyên tắc, thiếu tôn trọng của công, ăn cắp vặt, tự cao, tự ty, ỷ lại, nặng mê tín, mau chán, thiếu tinh thần dân chủ vì độc đoán ít dung hợp ý kiến người khác, lúc nào cũng có cả trăm lý do để trễ hoặc không giữ lời hứa, nặng tình cảm mà thiếu lý trí, tinh thần địa phương, tôn giáo... Nhưng đáng kể nhứt là thói ích kỷ và nhất là đố kỵ, đó là những tật lớn nhất đã làm cho người Việt không đoàn kết, hợp quần, tiến nhanh lên được."

Ngoài ra, anh Minh còn nhận thấy người Việt "sức lực kém, làm việc hay qua loa tắc trách, đại khái nếu không nói là cẩu thả, nên nói chung năng xuất kém...hình như không muốn bất cứ một luật lệ nhỏ nào ràng buộc mình. Cứ làm đại, làm càn, đến đâu hay đó... tư tưởng yếm thế... thiếu khôn ngoan về một tầm nhìn xa cho đất nước,... không biết cắn răng chịu nhục [để tiến, như Nhật bản] ...tìm cách hạ nhau, coi thành công của người khác là thiệt hại của mình...." Anh ghi nhận rằng người Việt "hiếu học," nhưng đó chỉ là một số nhỏ, còn đa số thì "nặng tinh thần từ chương, chỉ biết tri thức chuyên môn..., dễ tin, nên dễ bị lừa... luôn luôn nặng tình cảm, đôi khi đến độ che mờ lý trí." Người Việt ở ngoại quốc thì "tri thức thăng tiến bội phần, nhưng chỉ có một phần nhỏ quan tâm đến đất nước, còn phần lớn mạnh ai nấy lo làm giàu cá nhân".

Anh Minh kêu gọi "hãy cùng nhau nhìn thẳng vào khuyết điểm của mình, để may ra có sửa chữa, thăng tiến hơn." Nhưng anh thực tế nhận định: "Đã trễ lắm rồi. Bây giờ mà sửa chữa thì

may ra vài chục năm hay cả trăm năm sau mới bắt đầu có kết quả."

Cần đồng thuận

Những nhận xét của anh Đỗ Thông Minh, cũng như của anh Nguyễn Gia Kiểng, tuy sâu sắc, nhưng tất nhiên chỉ là những nhận xét của hai cá nhân. Chúng ta cần có nhận xét của rất nhiều người khác để so sánh, phối kiểm, thảo luận, để đi đến một sự đồng thuận lớn về các khuyết điểm của người Việt, và phương thức đối phó hữu hiệu với vấn đề này.

Tới một lúc nào đó, càng sớm càng tốt, một Ủy ban lớn và nặng cân cần được thiết lập để nghiên cứu vấn đề này, gồm đại diện của tất cả các giới, trí thức, giáo dục, tôn giáo, phụ mẫu, kinh doanh, lao động... Ủy ban này phải cứu xét vấn đề một cách nghiêm túc, đưa ra những đề nghị cụ thể và được sự đồng thuận rộng rãi, về những thay đổi cần thiết, cùng những cơ quan cần thiết để thi hành những biện pháp được chấp thuận. Những cơ quan này phải có tính cách dài hạn, thành phần của nó phải là những người tri thức rộng và tiến bộ, được kính nể, trung lập, không phụ thuộc các thay đổi chính trị, vì một kế hoạch thay đổi văn hoá có thể dàn dài ra hàng chục năm, như anh Minh đã nhấn mạnh ở trên.

Một điều mà Uỷ ban nói trên cần làm là cầu sự giúp đỡ của chuyên viên của các quốc gia đã thành công trong lớn công cuộc canh tân, hoặc đã vươn mình lên vượt qua được những trở ngại lớn lao (bại trận, bị chiếm đóng), hay từ bao nhiêu thế kỷ vẫn vững tiến đều đều, nhờ có tinh thần công dân và kỷ luật cao (kỷ luật đây hiểu theo nghĩa tự giác, chớ không phải làm theo luật pháp vì có ông cảnh sát đứng gần bên). Chuyên gia các nước này, như Nhựt Bản, Đức Quốc, Thụy Sĩ, có thể giúp ta dự thảo một kế hoạch giáo dục thích hợp để huấn luyện dân chúng, đặc biệt là trẻ em từ ngay lớp mẫu giáo, sao cho có được tinh thần công dân và kỷ luật, mà tôi cho là điều kiện cơ bản, không thể thiếu được, trong công cuộc xây dựng lại một xã hội Việt Nam vững vàng, tiến bộ, lành mạnh, đáng kính, đáng yêu, sau một thời gian đã bị tụt hậu và băng hoại vì bao nhiêu năm bị đô hộ, chiến tranh, và nay, "xã hội chủ nghĩa."

Khó khăn lớn

Một trong những khó khăn lớn, nếu không nói là khó khăn lớn nhất, trong việc thay đổi văn hoá của một quốc gia như Việt Nam trong điều kiện hiện đại là làm sao cho đại đa số dân chúng, thuộc giới có ưu thế – có địa vị xã hội, có tài sản, có học thức, thường có xu hướng muốn giữ nguyên trạng –, cũng như giới thường dân, lao động hay nông dân ở những vùng xa lánh — trình độ học vấn thấp, kinh nghiệm thế giới không có, thường có xu hướng bảo thủ, và có sức ù lỳ rất lớn — chịu chấp nhận những sự thay đổi cần thiết, mà không cần dùng đến nói láo, hay bạo lực, hai phương thức chỉ có tác động ngược đích. Đó là khó khăn căn bản, mà giải quyết đòi hỏi nhiều thời gian, kiên nhẫn, thiện chí, và khéo léo.

Khó khăn lớn thứ hai là thực hiện một cuộc thay đổi văn hoá sâu rộng đòi hỏi phải có một chính quyền mà lớp người lãnh đạo không những sáng suốt, biết nhìn xa, cương quyết, trong sạch, thiết tha với tiền đồ dân tộc, và đồng thời có sức lôi cuốn quần chúng, được quốc dân kính phục, trọng nể, tín nhiệm và sẵn sàng đi theo. Rủi thay, hiện nay ta không có một chính quyền như vậy.

Chính quyền đương tại là chính quyền do một nhóm lãnh đạo cọng sản "cơ chế", không được dân chúng ưa thích, kính nể và tín nhiệm, vì họ không đáp những điều kiện nêu trên. Nắm được cơ chế của Đảng và Nhà nước, họ đã nhân danh cơ chế xử dụng uy thế và quyền lực để cột tay, bịt miệng những người "cọng sản lý tưởng" và dựng lên một chế độ độc tài toàn trị, thối nát, nhằm phục vụ quyền lợi ích kỷ của họ. Một trong những hậu quả của sự kiện này là xã hội Việt Nam đã bị đẩy vào một tình trạng hỗn loạn, băng hoại càng ngày càng trầm trọng hơn, làm cho cuộc thay đổi văn hoá phải sâu rộng hơn, nghĩa là phức tạp, khó khăn hơn. Sự tiếp tục trị vì của lớp lãnh đạo cọng sản cơ chế và chủ nghĩa xã hội kiểu bôn-sơ-vích hiện tại là chướng ngại trước mắt lớn nhất trong công việc thay đổi văn hoá Việt Nam. Ngày nào mà chướng ngại này chưa được dở đi thì mọi cố gắng nhằm thay đổi văn hoá Việt Nam để phát triển kinh tế và cải thiện đời sống của dân chúng sẽ ở tình trạng tắc nghẽn.

Tuy nhiên, có một điều vẫn có thể làm được, là: những người có thiện chí, ưu tư về tương lai dân tộc, tri thức rộng, có khả năng phân tích, với tư cách cá nhân, hay tốt hơn, thành phần của một nhóm, chịu để thì giờ nghiên cứu vấn đề và công bố lên kết quả của những sưu khảo, cùng những nhận xét của mình, như các anh Đỗ Thông Minh và Nguyễn Gia Kiểng đã làm, để các người khác có dữ kiện để so sánh, thảo luận, suy ngẫm thêm, và chuẩn bị những đề nghị, giải pháp thích hợp, để có thể đưa ra ngay khi chướng ngại nói trên được dở đi.

Ottawa, tháng 12, 2002

VIỆT NAM TRONG TẦM NHÌN THẾ KỶ 21

ĐOÀN VIẾT HOẠT

Kể từ khi tương tranh lưỡng cực tư bản-cộng sản chấm dứt thế giới đã có nhiều biến động sâu rộng để mở đường cho nhân loại bước vào thiên niên kỷ mới. Những biến động này vẫn còn mang nặng hình thái chiến tranh và bạo lực, nhưng nguyên nhân và động lực đã thay đổi. Bối cảnh hiện nay và viễn ảnh tương lai của nhân loại và thế giới trong thế kỷ mới vừa mở ra một chân trời phát triển tươi sáng, vừa đặt ra những thách thức to lớn cho dân tộc chúng ta.

Liệu dân tộc chúng ta có kịp vươn mình lớn dậy như là một quốc gia vừa hiện đại, vừa có bản sắc, trước khi bị tràn ngập bởi cơn sóng trào thời đại, trong một nhân loại đang toàn cầu hóa, và trước một thế giới biến đổi từng ngày. Bài học quá khứ và bế tắc hiện tại dường như chỉ minh chứng rằng dân tộc ta vẫn chưa được chuẩn bị để đối phó với thách thức đó, vẫn chưa tìm được sinh lộ cho mình trong thời đại mới. Cho tới trước khi Pháp thuộc dân tộc ta mới chỉ hoàn thành được cuộc Nam tiến, thống nhất được đất nước về mặt địa lý. Các vấn đề văn hóa, kinh tế, xã hội và chính trị, kể cả việc khai thác tài nguyên thiên nhiên, vẫn chưa được giải quyết một cách căn bản và bền vững. Quá trình tiếp cận Tây phương hơn một trăm năm nay đem lại cho dân tộc ta những chất liệu tiến bộ mới và các cơ hội thăng tiến chưa từng có trong lịch sử, nhưng chúng ta vẫn chưa vận dụng được những chất liệu và cơ hội đó một cách tích cực và có hiệu quả. Ngược lại cơn sóng trào Tây phương, với cả tư bản lẫn cộng sản và những luồng văn hóa, tư tưởng khác nhau, tranh chấp và mâu thuẫn ngay trên đất Việt, đã làm đảo lộn sâu sắc toàn bộ mọi mặt đời sống của xã hội Việt. Người dân Việt bị đun đẩy trong cơn sóng trào đó suốt hơn một thế kỷ nay, với những hy sinh mất mát vô cùng to lớn, để cuối cùng hôm nay vẫn chỉ thấy mình hoàn toàn bị động. Hàng chục triệu người Việt đã chết, hoặc còn sống trong thương tật thân thể ở cả hai miền Nam-Bắc. Hàng chục triệu người Việt khác cả trong nước và hải ngoại vẫn chưa lành được những thương tật tâm lý. Và ước mơ đơn giản và duy nhất của mọi người Việt vẫn chỉ là có độc lập tự do cho tổ quốc, no ấm hạnh phúc cho bản thân mình.

Ước mơ đó đến hôm nay vẫn chưa thành hiện thực. Bước vào đầu thiên niên kỷ thứ ba, toàn dân Việt vẫn chưa thật sự làm chủ vận mệnh đất nước, vẫn chưa thoát ra khỏi cảnh nghèo nàn lạc hậu, vẫn chưa được hưởng một đời sống tự do, hạnh phúc, xứng đáng với những cố gắng và hy sinh to lớn của họ. Họ đã bị phản bội bởi chính những người đã lãnh đạo họ và đã được họ suy tôn. Chính quyền Cộng Hòa trước 1975 không có được thế chủ động, phụ thuộc nặng nề vào sự giúp đỡ của Hoa Kỳ nên dễ dàng bị xụp đổ khi Hoa kỳ thay đổi chiến lược toàn cầu và khu vực. Ngược lại, chế độ Cộng Sản lại không thể là giải pháp mở ra con đường phát triển cho Việt Nam khi nó đã bị từ bỏ bởi chính những người khởi xướng ra nó, khi mà thế giới và nhân loại đã phát triển hoàn toàn khác lạ với nhãn quan và dự kiến của Mác. Đất nước ta cần một con đường mới, một giải pháp mới - vừa khắc phục được tình trạng bị động của quá khứ, vừa khơi thông được dòng sống đang bế tắc hiện tại, để mở đường cho toàn dân phát huy được tiềm năng và dân tộc hội nhập được vào trào lưu tiến hóa chung của nhân loại.

Một giải pháp như thế có được, trước hết không phải chỉ từ một cá nhân tài giỏi, hay một đoàn thể chính trị lớn mạnh, dù một xã hội phát triển và tự do rất cần những nhân tố đó. Giải pháp như thế trước hết phải đến từ một khối quần chúng, nhất là giới trẻ, thức tỉnh, thức tỉnh để thoát ra khỏi bóng đêm của "tâm thức nhược tiểu," "tâm thức tranh sống," khôn sống mống chết, được làm vua thua làm giặc. Tâm thức này là sản phẩm của cả trăm năm dưới màn đêm của đè nén, áp bức, lạc hậu, chiến tranh và hủy diệt, dưới mọi hình thức và nhân danh mọi điều tốt đẹp. Tâm thức đó là nguyên nhân của mọi nguyên nhân của tình trạng phân hóa trầm trọng hiện nay của dân tộc. Thế giới và thời đại đang mở ra cho dân

tộc ta một cơ hội lớn lao để thoát ra khỏi tâm thức "cùng tận diệt nhau" như thế và nhanh chóng trang bị cho mỗi người Việt và cho toàn dân Việt một tâm thức mới, "tâm thức cùng sống và cùng tiến" (win-win), tâm thức của nhân loại và của thời đại 2000. Chỉ với một tâm thức đó toàn dân Việt mới tập hợp được để cùng nhau đứng dậy dành lại quyền làm chủ đời sống riêng cho mình và quyền quyết định vận mệnh chung cho quốc gia. Chỉ có thế, một giải pháp mới mới có được, có được từ một hội tụ dân tộc, và sau cùng, một hội tụ dân tộc với tinh hoa nhân loại.

Chúng tôi tin rằng nhân dân Việt có ước vọng và khả năng trang bị được một tâm thức mới và thực hiện được một hội tụ như thế vì mọi người Việt hiện nay đều chỉ mong cầu một đời sống an vui thanh bình, được ăn no mặc ấm, được đi lại học hành tương đối đầy đủ và thoải mái. Mọi người Việt hiện nay, dù khác biệt thế nào, ở trong nước hay ở hải ngoại, bình dân hay trí thức, Bắc hay Nam, cộng sản hay không cộng sản, nếu bóc bỏ đi tất cả những khác biệt bên ngoài như thế, đều gặp nhau ở một mong cầu chung là được hưởng đời sống tự do hạnh phúc như mọi con người bình thường và "tử tế" khác trên trái đất này. Chúng tôi tin rằng, cũng như mọi con người bình thường khác, sâu thẳm trong đáy lòng mình, đa số người dân Việt đều là những người "tử tế", vốn không có hận thù, không bị ám ảnh bởi quá khứ. Họ cũng không thiếu tấm lòng và tiềm năng. Hãy xem người nông dân ở trong nước, chỉ ba bốn năm sau khi được "cởi trói" khỏi cơ chế nông nghiệp hợp tác xã quốc doanh họ đã sản xuất đủ gạo không những để ăn mà còn để xuất khẩu. Hay những thanh thiếu niên Viêt Nam hải ngoại, khi có cơ hội sinh sống và học tập ở nước ngoài, đã thành công dễ dàng. Người dân Việt chỉ thiếu môi trường và cơ hội để phát huy tấm lòng và khả năng vẫn còn tiềm ẩn của họ. Một giải pháp đặt quyền sống của người dân lên trên hết, bảo đảm được vai trò chủ động cho người dân, hội tụ được mọi thành phần dân tộc, và hội nhập được dân tộc vào nhân loại và thời đại, chắc chắn sẽ mở ra cho toàn dân Việt môi trường và cơ hội phát triển nhanh chóng.

Điểm tiên quyết trong giải pháp này là nước ta cần được thay đổi toàn diện và nhanh chóng. Người dân Việt cần được "cởi trói" trong mọi lãnh vực, mọi mặt đời sống thường ngày, từ tinh thần (văn học, tư tưởng, nghiên cứu giáo dục, tôn giáo), tới vật chất (làm ăn sinh sống, di chuyển, cư trú), từ đời sống cá nhân tới sinh hoạt xã hội, từ nông thôn tới thành thị, từ quốc nội ra quốc tế. Và thay đổi với một tốc độ không giới hạn, ngang tầm với sức sống tràn đầy sinh lực tươi trẻ của dân tộc và với tiến độ điện tử của thời đại. Chúng tôi tin rằng mức độ và tốc độ thay đổi đất nước như thế trước hết là một điều bắt buộc, một ***đạo lý dân tộc***, để bù đắp lại những đau thương mất mát to lớn của hàng triệu người dân Việt cả hai miền Nam Bắc trong nửa thế kỷ qua. Và sau nữa, tốc độ và mức độ này có thể thực hiện được. Vì nước Việt hiện nay rất trẻ. Một quốc gia trẻ là một quốc gia đầy sức sống, có tương lai và luôn hướng về tương lai. Tiềm năng tương lai này, trong mọi lãnh vực, cả trong nước lẫn hải ngoại, đang hiện diện trong mọi người Việt, nhất là giới trẻ. Tiềm năng này cần được nhanh chóng giải thoát khỏi mọi hình thức ngăn chặn và trói buộc. Không một cá nhân và đoàn thể nào có quyền ngăn chặn và trói buộc dân tộc.

Chúng tôi cho rằng định kiến tư tưởng và cơ chế độc đoán là hai trói buộc chính hiện nay. Chúng phải được nhanh chóng gỡ bỏ. Để có thể vượt qua được những trói buộc này cần có một tinh thần dung hóa, chấp nhận mọi khác biệt, tạo được môi trường cởi mở sẵn sàng đối thoại chân tình giữa những người Việt yêu nước thuộc mọi thành phần dân tộc và mọi quan điểm chính trị tư tưởng khác nhau. Và khởi điểm của tiến trình dung hóa là chuyển đổi "tâm thức hủy diệt" thành "tâm thức cùng sống và cùng tiến." Đồng thời, động cơ của tiến trình này là luôn đặt Việt Nam lên trên hết, luôn có cái nhìn Việt Nam trên mọi cái nhìn riêng tư. Chính trị chung của tất cả những người Việt quan tâm, dù thuộc đoàn thể nào, quan điểm chính trị nào, phải là ***chính trị Việt Nam,*** chỉ vì Việt Nam —một Việt Nam tiến bộ trong dòng tiến hóa chung của nhân loại. Một Việt Nam của mọi người Việt và cho mọi người Việt, không phân biệt quá khứ, địa phương, tôn giáo, chính kiến, trong đó mọi người Việt đều có quyền bình đẳng phát huy khả năng và hưởng thụ thành quả việc làm của mình, không bị mọi hình thức trói buộc và áp chế nào. Đây là định hướng tư tưởng chung cùng chia xẻ bởi mọi cá nhân và tổ chức, vượt trên mọi khác biệt: khởi đi từ chỗ đứng vững chắc của dân tộc để hướng về tiến bộ chung của nhân loại và thời đại.

Chúng tôi cho rằng một định hướng ***chính trị Việt Nam*** như thế có thể thực hiện được. Định hướng chính trị đó xuất phát từ niềm tin rằng dân

tộc chúng ta phải và có thể phục hưng và phát triển với tốc độ nhẩy vọt nếu vận dụng được những tiến bộ nhanh chóng mọi mặt của thế giới và môi trường quốc tế ngày càng thuận lợi. Đồng thời môi trường tiến bộ toàn cầu của khu vực và thế giới trên các mặt kinh tế, văn hóa và cả chính trị, lại có thể giúp dân tộc ta có điều kiện để nhanh chóng khắc phục những nhược điểm vẫn còn rất to lớn, phát huy năng lực vẫn còn tiềm ẩn, cũng như tiếp thu thêm những kiến thức và khả năng mới. Đây là một tầm nhìn ***Việt Nam trong thế kỷ 21***, trong bối cảnh mới của thế giới và nhân loại.

và tầm nhìn thời đại sẽ tạo được môi trường và điều kiện cần thiết để mở đường cho một **tập hợp dân tộc** mới, toàn dân và toàn diện, cả trong nước lẫn hải ngoại, cả kinh tế, văn hóa lẫn chính trị – một điều kiện cần thiết để những người Việt dân chủ và tiến bộ có đủ sức mạnh **chủ động** thúc đẩy tiến trình chuyển hóa đất nước từ độc tài sang dân chủ, từ lạc hậu sang phát triển. Một tập hợp dân tộc như thế sẽ thiết lập được một trận tuyến mới – trận tuyến quốc dân Việt đối kháng với thiểu số lãnh đạo bảo thủ độc tài. Tập hợp và trận tuyến dân tộc này sẽ đủ sức đặt ban

Chúng tôi tin rằng chia xẻ một tâm thức và tầm nhìn Việt Nam mới sẽ tạo môi trường và điều kiện để vượt qua được những ngăn cách, dị biệt, đồng thời phát huy được thế mạnh đặc thù của mỗi cá nhân và đoàn thể để cùng nhau mở ra một chân trời phát triển không giới hạn cho toàn thể dân tộc, trong đó có phần đóng góp và thụ hưởng cũng luôn rộng mở cho mọi đoàn thể và mọi người Việt.

Cụ thể hơn, chúng tôi tin rằng chia xẻ tâm thức lãnh đạo cộng sản hiện nay vào chọn lựa cuối cùng: hoặc chấp nhận thực thi dân chủ, hoặc tan rã trong bạo loạn xã hội.

Để trao đổi về một tầm nhìn mới cho Việt Nam, trước hết chúng ta hãy thử phân tích xem thế giới trong thế kỷ 21 mà Việt nam đang phải tiến vào có một viễn ảnh như thế nào? Một cách tổng quát thì ngay ở những năm đầu tiên này thế giới đang chuyển từ tranh giành quyền thống trị thế giới sang hợp tác quốc tế để giải quyết một cách

bền vững những vấn đề chung của toàn thể nhân loại, nhất là những xung đột quốc tế. Bản thân xung đột quốc tế đang chuyển từ xung đột kinh tế chính trị, sang xung đột văn hóa, nếp sống, niềm tin tâm linh, tôn giáo. Thế giới sẽ chỉ có hòa bình bền vững khi tham vọng Âu-Mỹ hóa mọi bình diện đời sống nhân loại được giải trừ và thay thế bằng một tầm nhìn nhân loại hòa hợp Á-Âu Mỹ đồng thời với những cố gắng tạo dựng một cộng đồng nhân loại đa văn hóa của mọi dân tộc và cho mọi dân tộc.

Việt Nam đang bước vào một thời đại mới với một bối cảnh thế giới và nhân loại đã hoàn toàn đổi khác và đang mở ra những viễn cảnh mới. Nếu thế kỷ 19 là thế kỷ phát triển của Âu Châu ra toàn thế giới và thế kỷ 20 là thế kỷ tranh giành quyền thống trị thế giới dẫn đến đối kháng lưỡng cực tư bản-cộng sản, thì hiện nay là thời kỳ quan hệ quốc tế phức tạp, là giai đoạn chuyển tiếp từ quốc tế hóa giả hiệu, cực quyền (quốc tế do Tây Phương hay Mỹ tạo ra), sang quốc tế hóa chân chính, tức là một quốc tế thật sự của mọi dân tộc. Quan hệ quốc tế trong giai đoạn chuyển tiếp hiện nay mang tính chất phức tạp và đa dạng giữa Bắc-Bắc (giữa các nước giầu mạnh với nhau), Nam-Nam (giữa những nước nghèo yếu với nhau), và Bắc-Nam (giầu-nghèo).

Chúng tôi cho rằng thế giới và nhân loại từ năm 2000 trở đi khoảng vài thập niên tới sẽ diễn biến trong tiến trình toàn cầu hóa, chuyển từ quốc tế hóa giả hiệu cực quyền sang quốc tế hoá chân chính, theo ba giai đoạn: (1) giải quyết xung đột Á-Âu-Mỹ; (2) tái hòa hợp Á-Âu -Mỹ; và (3) phát triển một cộng đồng nhân loại toàn cầu, một quốc tế chân chính –một thế giới của mọi dân tộc. Trong giai đoạn đầu vấn đề Hồi giáo cực đoan và Trung Quốc sẽ là các vấn đề nổi bật nhất. Trong giai đoạn ba, Phi Châu sẽ trở thành vấn đề trọng yếu nhất của thế giới.

Về mặt <u>chính trị</u>, tại các nước phát triển cao, nền dân chủ sẽ tiến thêm một bước sâu và rộng hơn nữa, bớt đi tính chất đảng tranh, mang nhiều tính dân bản hơn, với sự tham gia trực tiếp hơn của mọi thành phần dân chúng vào mọi mặt sinh hoạt xã hội. Ba thành tố của nền dân chủ hiện nay (chính trị gia, doanh gia, và thức giả-chuyên gia) sẽ được tăng cường thêm bởi ba thành tố mới (những nhà hoạt động xã hội (NGO), giới truyền thông, và cá nhân các công dân quan tâm (qua các cuộc thăm dò dư luận). Tại các nước mới phát triển, xu thế dân chủ pháp trị là xu thế tất yếu, không thể đảo ngược được.

Trên bình diện toàn cầu, thế giới sẽ chỉ có hoà bình khi giải quyết được một cách công bằng và bền vững các xung đột quốc tế nghiêm trọng như xung đột giữa Hồi giáo cực đoan với Âu-Mỹ. Riêng Á Châu-TBD, hòa bình ổn định lâu dài chỉ có được khi ra đời một khu vực Trung Hoa mới phát triển bền vững trong dân chủ và tiến bộ, trong đó quyền dân tộc tự quyết và các dân quyền căn bản phải được tôn trọng. Đồng thời LHQ sẽ được tiếp tục cải tổ trong tiến trình tạo dựng nền dân chủ toàn cầu, để thật sự đại diện cho một cộng đồng quốc tế nhân bản toàn cầu, đa văn hóa và đa chủng tộc đang hình thành. Trong chiều hướng đó, các tổ chức khu vực, trong đó đáng kể là ASEAN, sẽ phát triển nhanh và ngày càng ổn định, góp phần đẩy nhanh tiến trình hình thành cộng đồng quốc tế chân chính, đa dân tộc và đa văn hóa.

Về mặt <u>kinh tế thương mại</u>, xu thế chung sẽ phát triển theo chiều hướng tư bản xã hội hóa và toàn cầu hóa về mặt thị trường (vốn, kỹ thuật, và tiêu thụ) đồng thời <u>cá thể hóa</u> về mặt sản xuất và hưởng dụng. Trách nhiệm xã hội của kinh tế thương mại ngày càng được chú trọng hơn, dẫn đến một mô hình <u>kinh tế thị trường xã hội</u> (social market economy). Đồng thời một nền kinh tế mới, kinh tế tri thức, và nền thương mại toàn cầu không biên giới sẽ phát triển mạnh, thúc đẩy quá trình hình thành cộng đồng nhân loại toàn cầu, nền dân chủ toàn cầu và nền văn hóa toàn cầu. Tự do giao thương liên quốc gia, toàn khu vực và toàn cầu, tác động trực tiếp tới sự phát triển tại mỗi quốc gia, mỗi khu vực và toàn thế giới. Đồng thời, toàn cầu hoá sẽ chuyển từ Âu-Mỹ hóa và thương mại hóa sang xu thế hình thành cộng đồng nhân loại đa văn hóa, đa chủng tộc, Đông-Tây quân bình hòa hợp. <u>Asia-Pacific</u> sẽ trở thành trung tâm kinh tế thương mại quan trọng của thế giới sau khi <u>một cộng đồng Trung Hoa mới</u> ra đời. ASEAN sẽ trở thành khu vực phát triển năng động thứ ba trên thế giới sau Bắc Mỹ (NAFTA) và EU. Một ASEAN phát triển và một cộng đồng Trung Hoa mới ra đời, tự do và phồn thịnh, sẽ đóng góp cụ thể và tích cực nhất vào việc tạo dựng <u>kỷ nguyên Á Châu-TBD.</u>

Về mặt <u>văn hóa,</u> có thể nói thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của văn hóa. Thế giới thu hẹp dần cả về không gian và thời gian, tạo điều kiện thúc đẩy giao lưu đa văn hóa, đa chủng tộc. Từ đó hình thành dần một ý thức và một nền văn hóa cộng

đồng toàn nhân loại. Đồng thời sinh hoạt văn hóa quốc tế càng phát triển càng thôi thúc sự hình thành những chuẩn mực giá trị đạo đức và tinh thần nhân loại mang tính toàn cầu, tính quốc tế, tính nhân loại, — một tiêu chuẩn quốc tế chung cho các tiêu chuẩn quốc gia khác nhau làm chuẩn mực cho một đời sống nhân loại đang hình thành khắp nơi trên hành tinh. Trong bối cảnh đó quan hệ giữa dân tộc và nhân loại, giữa quốc gia và quốc tế, sẽ là một quan hệ mở và mỗi dân tộc sẽ có môi trường và điều kiện phát triển ngày càng dễ hơn và nhanh hơn. Đồng thời xu thế toàn cầu hóa là một thách thức to lớn đối với mỗi dân tộc: *bản sắc văn hóa dân tộc phải tồn tại và phát huy như thế nào trong một nhân loại ngày càng hòa hợp đa văn hóa, đa chủng tộc hơn?*

Riêng đối với Á Châu, bối cảnh phát triển trực tiếp của Việt Nam, nếu thế kỷ 20 là thế kỷ xung đột Á-Âu do hậu quả của thực dân hóa, của Âu Châu phát triển ra toàn thế giới, dẫn đến hậu quả Âu-hóa Á châu, thì cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, Á Châu phục hưng cả trên kinh tế, văn hóa và vị thế chính trị quốc tế. Trong xu thế nhân bản hóa và toàn cầu hóa, một Á Châu phục hưng như thế sẽ tạo điều kiện cho sự tái hòa hợp quân bình Á-Âu Mỹ trong tinh thần kết hợp khoa học kỹ thuật Tây phương với đạo học nhân văn Đông phương. Khoa học nhân bản hơn và đạo học thực tiễn hơn. Á-Âu bổ xung lẫn cho nhau để cùng đóng góp vào việc hình thành nền văn hóa cộng đồng nhân loại toàn cầu trong xu thế phát triển con người một cách toàn diện và quân bình giữa vật chất và tinh thần, giữa tự nhiên và con người, giữa cá nhân với xã hội, giữa dân tộc với nhân loại, giữa quốc gia với khu vực và với quốc tế.

Trong chiều hướng đó, tiến bộ của high-tech đóng vai trò quan trọng. Internet và giao lộ thông tin điện tử quốc tế giúp tạo ra và tăng cường tính "di động toàn cầu" (global mobility). Cộng với tính "di động xã hội" (social mobility) trong mỗi quốc gia, và sự tự do thương mại toàn cầu, sự "di động toàn cầu" sẽ tạo thêm những yếu tố đồng nhất trong đời sống nhân loại, vượt qua những khác biệt ngôn ngữ, phong tục và lối sống. Đời sống nhân loại sẽ vừa đồng nhất hơn, lại vừa đa dạng, phong phú hơn. Đồng nhất về kiến thức, về mô hình tổ chức và quản lý xã hội, về phương pháp làm việc và giải quyết khó khăn và xung khắc. Phong phú đa dạng về văn học nghệ thuật, phong tục tập quán, ngôn ngữ. Một xã hội nhân đạo toàn cầu có nhiều điều kiện hơn để ra đời trong xu hướng tuy dân tộc thì nhiều nhưng nhân loại vẫn là một. Bản sắc văn hóa mỗi dân tộc được trân quí như tài sản văn hóa nhân loại, như trăm bông hoa trong vườn hoa nhân loại.

Trong một thế giới toàn nhân loại như thế, tôn giáo tiếp tục đóng vai trò quan trọng, nhưng các tôn giáo có truyền thống tổ chức chặt chẽ sẽ gặp nhiều khó khăn về cơ cấu và nghi thức, đòi hỏi một đường hướng mới và nhiều cải tổ cơ cấu để tiếp tục đáp ứng được nhu cầu tâm linh của con người. Con người tiếp tục tiến trình mở rộng tầm nhìn tâm linh đa tín ngưỡng, tạo môi trường thuận lợi cho các quan điểm ôn hòa và hòa hợp tôn giáo. Đồng thời những hiểu biết mới về tự nhiên, về sự sống và về con người sẽ giúp phổ thông hóa và tăng cường thêm khả năng luyện tập và chủ động sinh tâm lý của con người đối với bản thân, xã hội và sinh thái. Nhờ đó con người có thêm những điều kiện mới để mở rộng và nâng cao sinh tâm thức ra đại tự nhiên và sự sống. Tôn giáo trong thế kỷ 21 sẽ phải giảm bớt đi nhiều giáo điều, lễ nghi hình thức và mang nhiều nội dung và sinh hoạt phong phú hơn và gần gũi hơn với đời sống thường ngày của con người.

Việt Nam phải và có thể phát triển như thế nào trong một nhân loại và thế giới mới như thế? Tôi tin rằng Việt Nam trong thế kỷ 21 có nhiều triển vọng hội nhập dễ dàng và nhanh chóng vào xu thế tiến bộ chung của thế giới nếu thoát được tâm thức "hủy diệt" cũ, gỡ bỏ được đường lối và cơ chế độc đoán trói buộc hạn chế sức phát triển của mọi tầng lớp dân chúng. Người dân Việt dù thuộc thành phần nào, nhất là thành phần bình dân, vốn giản dị, cởi mở, không thành kiến và có tinh thần thực tiễn. Trải qua cả ngàn năm tồn tại trước các cơn sóng trào văn hóa chính trị tràn đến từ mọi phía, dân tộc ta đã hun đúc được một khả năng phản ứng đặc thù, bén nhậy, linh hoạt, và thích nghi nhanh chóng (*). Đó là khả năng thâu hóa đãi lọc lấy mọi điều tốt lành cho cuộc sống con người dù những điều đó đến từ đâu, kể cả từ những người đã xâm lược và áp bức họ. Để từ đó thích nghi, tổng hợp và sáng tạo để sinh tồn và tiến hóa không ngừng. Đặc tính và khả năng này rất thích hợp với thời đại toàn cầu đa văn hóa, đa chủng tộc. Thoát khỏi tâm thức "hủy diệt" và thể chế độc đoán bảo thủ đóng cõi hiện nay, một nước Việt với đặc tính và khả năng ấy sẽ dễ dàng phát huy tiềm lực để phát triển nhanh chóng. Nhất là trong bối cảnh khu vực và thế giới ngày càng thuận lợi, sau khi những vấn đề gai góc hiện nay

được giải quyết.

Vấn đề đối ngoại quan trọng nhất đối với dân tộc ta hiện nay và tương lai vẫn là vấn đề Trung Quốc. Cũng rất may là đây cũng là vấn đề chung của Á Châu và khu vực ĐNÁ. Dù tiến trình thay đổi diễn ra như thế nào ở hoa lục, chúng ta dự kiến một khu vực Trung Hoa mới sẽ ra đời trong hình thái của một liên hiệp bình đẳng cùng tồn tại giữa các dân tộc Hán, Mãn, Mông, Hồi, Tạng. Đây vừa là xu thế phát triển chung của những quốc gia lớn và đa chủng tộc trên thế giới, vừa là điều kiện để có được ổn định bền vững ở Châu Á-Thái Bình Dương. ASEAN cũng sẽ tiến đến một hình thức hợp tác chặt chẽ hơn theo mô hình Liên Hiệp Âu Châu. Liên Hiệp ASEAN phát triển cùng với một liên hiệp Trung Hoa mới sẽ góp phần tích cực vào việc tạo ổn định và phát triển ở Á Châu-TBD trong thế kỷ 21. Việt Nam dân chủ, trong vị thế trung gian giữa ASEAN và khu vực Trung Hoa mới, sẽ có môi trường và điều kiện phát triển thuận lợi. Những biến chuyển khách quan có tính xu thế này, trong khu vực ĐNÁ và Á Châu-TBD, sẽ tác động tích cực vào tiến trình tự do hóa Việt Nam, và tác động tiêu cực vào ý đồ duy trì độc quyền chính trị của ban lãnh đạo cộng sản hiện nay tại Việt Nam. Việt Nam sẽ đóng vai trò ngày càng tích cực và năng động hơn sau thời kỳ cộng sản, nhờ vị trí địa lý chính trị và tính đa dạng về văn hóa và tôn giáo với đủ các tôn giáo lớn và những luồng văn hóa tư tưởng khác nhau (Khổng, Lão, Phật, Thiên Chúa; Tầu, Ấn, Pháp, Mỹ, Nhật, Nga...). Những thay đổi ở Trung quốc trong những năm tới đây sẽ đẩy nhanh tiến trình thay đổi ở Việt Nam. Mô hình Đông Dương tồn tại 100 năm nay kể từ thời Pháp thuộc đang và sẽ vĩnh viễn chấm dứt để hòa nhập vào trong ASEAN và có thể giữa ASEAN với vùng Hoa Nam. Nhưng Việt Nam hậu cộng sản sẽ phải giải quyết một cách khó khăn vấn đề biên giới với ba nước láng giềng Lào, Miên và vùng Hoa Nam. Có thể phải cần đến một giải pháp ASEAN và quốc tế cho các vấn đề biên giới nhất là vấn đề chủ quyền vùng biển Đông.

Vai trò của Mỹ sẽ ngày càng quan trọng và có tính quyết định trong việc giải quyết các vấn đề của Á Châu-TBD, đặc biệt là vấn đề Trung Quốc. Mỹ sẽ chuyển dần sự chú ý cả về mặt kinh tế thương mại, văn hóa lẫn chính trị và quân sự từ Âu Châu sang Á Châu. Mỹ sẽ ngày càng vào sâu hơn tại ASEAN nói chung và Việt Nam nói riêng để chuẩn bị cho tình hình mới. Thương Ước Mỹ-Việt chỉ là bước khởi đầu có tính quyết định, không đảo ngược được, đối với Việt Nam, trong tiến trình này. Câu hỏi lớn hiện nay là: Liệu Mỹ có kiểm soát được tình hình ở TQ và VN theo đúng lộ trình "diễn biến hòa bình" không, hay biến động sẽ nổ ra trước khi lộ trình này đạt kết quả. Và do đó, liệu Mỹ có chuẩn bị thích đáng và kịp thời để ứng phó với những biến động đó hay không. Những gì đã xẩy ra ở miền Nam VN trước đây, ở Indonesia, vùng Balkan và Trung Đông gần đây không cho ta chủ quan về khả năng này của Mỹ. Do đó những người Việt dân chủ và tiến bộ cần có mục tiêu, kế hoạch và lộ trình riêng, chủ động chuẩn bị đối phó với mọi tình huống có thể xẩy ra không để bị động bởi những sơ hở hay thay đổi trong sách lược của Mỹ.

Về chiều hướng phát triển xã hội Việt nam, sau một thời kỳ bất ổn định ngắn sau sự xụp đổ của chế độ cộng sản khó tránh khỏi, từ thập niên thứ hai của thế kỷ, đất nước ta có cơ hội chuyển mình nhanh chóng sang thời kỳ hưng thịnh trong bối cảnh hội nhập vào một ASEAN đầy năng động và một môi trường quốc tế hòa hợp Á-Âu. Mọi cố gắng cần được tập trung vào việc xây dựng một *xã hội dân sự dân bản* trong đó toàn bộ sinh hoạt xã hội nằm trong tay người dân, chính quyền chỉ điều hợp, và bảo đảm công bằng và cơ hội đồng đều cho mọi thành phần dân chúng và mọi miền đất nước. Tiêu ngữ thể hiện đường lối tổng quát là: chính trị dân chủ pháp trị, kinh tế thị trường xã hội và văn hóa tự do trong một xã hội dân sự dân bản. Trong thời kỳ chuyển tiếp cần tạo điều kiện cho mọi người dân được thăng tiến, cả tinh thần lẫn vật chất, chấm dứt mọi hình thức phân biệt đối xử vì bất cứ lý do gì. Nguyên tắc dân chủ pháp trị, mọi người Việt đều bình đẳng trước pháp luật, phải được triệt để tuân thủ.

Về chính trị, thực hiện *cơ chế dân chủ pháp trị, toàn dân, và đa nguyên* với bốn tính chất căn bản: (a) các *hoạt động công dân* đa diện và đa dạng, do chính người dân thực hiện, là nền tảng của xã hội (xã hội công dân); (b) *địa phương tản quyền* để phát huy đồng đều tiềm năng toàn diện của mọi vùng đất nước, mọi thành phần dân tộc; (c) *trung ương tam quyền phân lập* (lập pháp, hành pháp, tư pháp), giữ vai trò điều phối và điều tiết bằng chính sách và luật pháp để bảo đảm bình đẳng cơ hội và phát triển bền vững và công bằng cho toàn dân và toàn quốc; và (d) quốc gia chính thức công nhận (trong Hiến Pháp) *vai trò theo dõi và cảnh báo dư luận xã hội* đối với các hoạt

động công ích của các tổ chức độc lập với chính quyền và các đảng phái (báo chí, các tổ chức phi chính phủ, các viện nghiên cứu, và các cơ quan thăm dò dư luận...)

Về kinh tế, củng cố và phát triển cơ chế kinh tế thị trường xã hội với các đặc tính: (1) hoạt động tư doanh là chính nhưng tư doanh phải có trách nhiệm về những hậu quả hoạt động kinh doanh đối với người tiêu thụ, môi trường xã hội và môi trường sinh thái; (2) chính quyền giữ vai trò điều hoà kinh doanh, chỉ trực tiếp điều hành các hoạt động kinh doanh nào tư nhân không hoặc chưa làm được nhưng cần thiết cho quốc phòng hay dân sinh như điện, nước... và sẽ giải tư ngay khi có thể được; (3) quốc gia phải bảo đảm điều kiện và cơ hội phát triển hết tiềm năng và đặc thù kinh tế, văn hóa của mọi vùng trong nước và bảo đảm môi trường phát triển bền vững, công bằng, bảo vệ sinh thái, và cạnh tranh tự do, bình đẳng cơ hội cho toàn dân. Đồng thời, có chính sách nâng đỡ và hỗ trợ các thành phần yếu kém trong xã hội, và các vùng kém phát triển (nông thôn, vùng núi).

Về văn hóa giáo dục, cần phát triển nền văn hóa giáo dục tự do, phẩm chất được nâng cao dần, và phổ quát trong mọi tầng lớp nhân dân. Điều kiện cần là phát triển hai mạng lưới giao lưu xã hội là *giao thông vận tải* và *truyền thông xã hội* (bao gồm bưu điện, điện thoại, truyền thanh truyền hình, internet, xuất bản, sách báo) để mở rộng sự *di động xã hội* (social mobility) cả vật thể lẫn tinh thần. Đồng thời nhanh chóng hòa nhập nước ta vào sự *di động toàn cầu* (global mobility). Thanh niên Việt thế kỷ 21 cần một nền giáo dục tổng hợp, tổng hợp giữa đạo học nhân văn với khoa học kỹ thuật, giữa nhận thức và kiến thức tổng quát với khả năng và kỹ năng chuyên môn, giữa văn hóa dân tộc với văn hóa nhân loại toàn cầu. Đồng thời toàn dân Việt cần được nâng cao dân trí trong một thời gian ngắn nhất. Điều này có thể thực hiện được bằng *hệ thống giáo dục toàn dân*, trong xã hội và ngoài nhà trường, tự học, không cần trường lớp. Quốc gia nắm giữ việc đánh giá và công nhận kết quả để bảo đảm chất lượng giáo dục, và giá trị kinh tế xã hội ngang với giá trị của hệ thống giáo dục nhà trường. Nền giáo dục này dành cho mọi lứa tuổi, đáp ứng mọi nhu cầu học tập của toàn dân, từ giáo dục phổ thông như trong nhà trường, tới huấn nghiệp sơ trung cấp, và các loại kiến thức tổng quát. Truyền thông điện tử, quốc nội và quốc tế, sẽ phát triển nhanh chóng và rộng khắp, nhờ kỹ thuật mới với giá ngày càng thấp hơn. Điều này, cùng với sự phát triển của kinh tế thị trường và xã hội dân sự, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành hệ thống giáo dục toàn dân ngoài nhà trường song song với hệ thống giáo dục nhà trường. Giáo dục là chìa khóa phát triển, nhất là khi trình độ dân trí nước ta còn rất thấp, cần nâng cao dân trí của toàn dân trong thời gian ngắn nhất. Hệ thống giáo dục toàn dân ngoài nhà trường là giải pháp tối ưu có tính khả thi cao, phải được coi trọng ngang với hệ thống giáo dục nhà trường.

Tóm lại trong thế kỷ 21 có ba nhân tố phát triển Việt Nam, ngoài môi trường quốc tế không thể thiếu. Đó là kinh tế thị trường xã hội, văn hóa giáo dục tự do và chính trị dân chủ pháp trị. Trong điều kiện có được tính di động xã hội và di động toàn cầu nhanh và rộng khắp, ba nhân tố này sẽ cùng tác động nhau, thúc đẩy nhau, tạo các điều kiện vật chất và tinh thần cần thiết để nhanh chóng khắc phục những nhược điểm, phát huy những thế mạnh cả về vật thể lẫn tinh thần của người dân Việt. Nhờ đó sẽ vừa phát huy nội lực dân tộc, vừa tận dụng trào lưu tiến bộ của thế giới để đưa nước ta vào thời kỳ phát triển nhẩy vọt, thu ngắn và thu hẹp cách biệt giữa nước ta và các nước khác trong vùng ĐNÁ. Với những tiến bộ của thế giới về giao thông vận tải, truyền thông điện tử và các kỹ thuật quản trị và tổ chức xã hội hiện đại, và trong xu thế toàn cầu hóa, trong bối cảnh đang hình thành một cộng đồng thế giới và khu vực không biên giới hay biên giới mở, những dự kiến về sự hình thành và vận hành của ba nhân tố phát triển trên đây ở Việt Nam có triển vọng trở thành hiện thực.

Tạo được môi trường và điều kiện để ba nhân tố phát triển này hỗ tương vận hành và phát huy tác dụng, mở đường cho một nước Việt Mới ra đời, *ngay trong lòng nước Việt cũ hiện nay*, phải là đường hướng và mục tiêu chính của cuộc vận động hiện nay của mọi người Việt thuộc mọi khuynh hướng, đoàn thể trong-ngoài nước quan tâm tới tiền đồ dân tộc trong thế kỷ 21.

1/2003

(*) Để thấy được khả năng thích ứng rất bén nhậy linh hoạt này của người Việt chúng ta chỉ cần quan sát người dân Việt bình thường, trong gần 30 năm qua, đã tự mình (một cách gần như hoàn toàn tự động tự phát không có hướng dẫn và lãnh đạo) tồn tại và tiến triển như thế nào dưới chế độ cộng sản hà khắc ở trong nước và trong môi trường quốc tế hoàn toàn mới lạ ở hải ngoại.

CÂU CHUYỆN KINH TẾ CUỐI NĂM NGỌ

KHÓ KHĂN TRƯỚC MẮT CỦA NỀN KINH TẾ MỸ, TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

*** TẠI SAO TT BUSH PHẢI THAY ĐỔI LÃNH ĐẠO KINH TẾ?**
*** TRUNG HOA VÀ VIỆT NAM: LIỆU PHÁT TRIỂN MẠNH CÓ ĐANG ĐI VÀO NGÕ BÍ?**

PHẠM ĐỖ CHÍ (*)

Chỉ còn ba tuần nữa là sang năm mới 2003 tại sao Tổng thống Georges W.Bush đột nhiên thay đổi nhân sự lãnh đạo kinh tế và mặc dù với những con số thống kê về phát triển ở Trung Quốc cũng như Việt Nam vẫn dẫn đầu ở Á châu, nhưng phải chăng sự phát triển đó đang diễn vào thế bí?

Với Tổng thống Bush, do áp lực sa sút của tình hình kinh tế Mỹ, và nhất là nhu cầu sửa soạn cho cuộc tái ứng cử nhiệm kỳ tới nên ông đã phải thay đổi hai nhân vật lãnh đạo kinh tế (Bộ trưởng Tài chánh Paul O'Neill và Chủ tịch Hội đồng Kinh tế Quốc gia Lawrence Lindsey.)

Trong khi đó, mặc dù Trung Quốc và Việt Nam vẫn đang có đà phát triển mạnh nhưng đằng sau các con số thống kê, người ta đang có mối hoài nghi cho tương lai kinh tế của hai nước trong đó đáng kể là "vấn đề mất cân đối cung cầu" và nguy cơ khủng hoảng tài chánh do hệ thống ngân hàng tạo ra. Riêng tại Việt Nam, sau năm đầu thực hiện thỏa ước thương mại Việt Mỹ, viễn ảnh xuất cảng đã không như mong ước.

Các vấn đề kinh tế Mỹ cuối năm

Từ vài tháng nay, một số quan sát viên chính trị và giới truyền thông đã tiên đoán với tình hình kinh tế Mỹ vẫn còn "lù mù" và Tòa Bạch ốc bắt đầu lo lắng cho cuộc bầu cử TT vào năm 2004, chính phủ Bush sẽ làm "cú sốc" bằng cách thay đổi các nhân sự lãnh đạo chính cũng như vài biện pháp kinh tế quan trọng. Tin đó đã tới sớm hơn dự liệu vào tuần thứ hai của tháng 10 khi hai ông Paul O'Neill đã phải rời chức Bộ trưởng Tài chính và Lawrence Lindsey rời chức Chủ tịch Hội đồng Kinh tế Quốc gia.

Lý do là từ giữa năm 2002 kinh tế Mỹ chững lại và có nguy cơ lại đi vào suy thoái, nạn thất nghiệp lên cao tới 6%, thị trường Wall Street vẫn yếu kém và nhiều người đã mất trọn quĩ hồi hưu cũng như tiền để dành cả đời bây giờ lại lo thêm mất "job", đó là mối quan tâm hàng ngày của người dân khi đọc báo hay xem TV và Internet. Toà Bạch Ốc không thể làm ngơ trước các cuộc thăm dò ý kiến dư luận. Cuộc bầu cử quốc hội bán phần tháng 11 dù có đem niềm vui chốc lát cho đảng Cộng Hòa, nhưng cuộc bầu cử này có nhiều mầu sắc địa phương gồm các vấn đề tiểu bang. Cuộc bầu cử TT và Phó TT vào tháng 11 năm 2004 là lúc các vấn đề quốc gia được đặt ra, và người dân thường sẽ không quên vấn đề "túi tiền" của cá nhân và gia đình họ!

Do áp lực của tình hình kinh tế tài chính sa sút, Tòa Bạch Ốc sau cùng đã đi đến quyết định khó khăn đó vì TT Bush vốn nổi tiếng "chung thủy" với các cộng sự viên của mình và cũng không muốn xác nhận sự thất bại hay yếu kém của chính sách kinh tế của chính phủ Cộng Hòa sau hai năm. Nhưng đây được cho là quyết định can đảm và cần thiết nếu muốn có thay đổi thuận lợi cho nền kinh tế Hoa Kỳ kịp thời trước khi mùa bầu cử Mỹ mở màn vào tháng 2 năm 2004 với kỳ bầu sơ bộ ở New Hampshire.

Giờ đây TT Bush vừa quyết định bổ nhiệm một thành phần lãnh đạo kinh tế mới dưới sự phối hợp hài hòa về chính sách của Toà Bạch Ốc và một "phát ngôn viên kinh tế" có khả năng thuyết phục hơn. Ông John Snow, chủ tịch công ty đường sắt lớn CSX, được chọn làm Bộ trưởng Tài chánh và nhiều phần ông Stephen Friedman sẽ là chủ tịch Hội đồng Kinh tế Quốc gia. Ông Friedman

là cựu chủ tịch tập đoàn Goldman Sachs ở Wall Street, cùng thời với ông Robert Rubin cựu Bộ trưởng Tài chánh rất có uy tín dưới thời Tổng thống Clinton.

Với các nhân vật này, người ta có thể mừng là TT Bush đã không chọn các cựu nghị sĩ hay dân biểu như lời đồn lúc đầu của giới chính trị Washington vì đây không phải lúc lo vận động với quốc hội mà là lúc cần các chuyên gia kinh tế hay doanh nhân thật sự hiểu biết các vấn đề thuế khóa và tiền tệ. Và cũng cần chọn những nhân vật đã sẵn quen thuộc với các vấn đề thực dụng thay vì hàn lâm và có uy tín với giới tài chính Wall Street để khôi phục lòng tin của giới đầu tư chứng khoán và từ đó chi tiêu đầu tư sản xuất của các công ty trong nền kinh tế. Riêng một số quan sát viên có chút dè dặt với trường hợp bổ nhiệm ông Snow vì ông có thể rơi vào trường hợp của ông O'Neill trong chức vụ Bộ trưởng Tài chánh. Qua báo chí, ông được TT Bush chọn lựa vì khả năng ăn nói và giao thiệp với giới truyền thông hay hơn ông O'Neill, nhưng chức vụ này cần người nắm vững về chính sách thuế khóa và có thể "bắt mạch" được giới tài chính. Nền kinh tế Mỹ không thể phục hồi vững chắc nếu không có cuộc bỏ phiếu tín nhiệm ("vote of confidence") của Wall Street. Trong các chọn lựa mới, rõ ràng là TT Bush muốn Toà Bạch Ốc sẽ trực tiếp chỉ huy về kinh tế trong năm tới trước bầu cử và ông chỉ cần những người cộng sự viên tín cẩn có thể truyền đạt được chính sách từ Toà Bạch Ốc.

Do đó, cũng theo giới bình luận, việc thay đổi nhân sự nóng sốt trên đây tuy quan trọng **vẫn chỉ là điều kiện cần và chưa phải điều kiện đủ là sự đáp ứng chính sách nhanh chóng ở phía Toà Bạch Ốc để khôi phục niềm tin của quần chúng vào chính sách kinh tế của chính phủ Bush. Toà Nhà trắng thật sự đang cần bám sát thời gian trôi qua kỹ hơn nữa.**

Vấn đề chính của kinh tế Mỹ hiện tại là sự khủng hoảng niềm tin gây nên bởi niềm bất an không phải chỉ vì kinh tế, mà còn do tình hình về chính trị quốc tế nhất là khủng bố sau biến cố 11/9/01 và đe dọa thường trực của chính phủ Hoa Kỳ với "hội chứng Iraq." Một cách công bình phải nhận rằng trong những điều kiện bình thường, các biện pháp trong năm qua như hạ lãi suất tới mức rất thấp, giảm thuế, gia tăng chi tiêu quân sự rất lớn đáng lẽ đã giúp được kinh tế phục hồi nhanh chóng hơn. Tuy nhiên **các điều bất bình thường** ảnh hưởng đến kinh tế **là biến cố khủng bố 11/9** đã làm dân chúng bất an và ngại chi tiêu hơn; **là cơn khủng hoảng trong điều hành xí nghiệp** (corporate governance) đã bắt đầu từ thời TT Clinton với các gian lận về kế toán lợi nhuận và kiểm toán gây mất niềm tin nơi người đầu tư làm trầm trọng hơn sự suy sụp của thị trường chứng khoán vốn đã bắt đầu từ tháng 3 năm 2000 với "trái banh xì hơi" của các cổ phần chứng khoán về công nghệ thông tin.

Chính phủ của TT Bush phải đặt trọng tâm vào vấn đề kinh tế nhiều hơn và bớt đi các tranh luận lớn về Iraq khi vẫn thảo luận nội bộ về cái nên hay không nên của cuộc chiến. Lúc đã quyết định mới nên nói và làm quyết liệt, ngoài ra cần hướng chú ý dân chúng vào việc phục hồi kinh tế và cải thiện công ăn việc làm. Chính sách lớn về giảm thuế đã được trình bày cho cả 10 năm 2001-2010, khó ai hiện nay có thể thay đổi "triết lý" giảm thuế này của Toà Bạch Ốc, nhưng cần tìm các biện pháp "cú sốc" ngay cả về thuế, thí dụ như giảm thuế ngay cho bản khai thuế năm 2002 của dân chúng bằng biện pháp được công bố ngay như tăng phần được trừ vào lợi tức đóng thuế khi khai lỗ lã về đầu tư hàng năm từ 3000$ lên 15,000$-20,000$, giảm thuế đánh trên lợi tức đầu tư (capital gain taxes), giảm thuế trên tiền chia lợi nhuận (dividends), giảm thuế cho xí nghiệp tăng chi tiêu vào đầu tư cố định, v.v...Một số các biện pháp này có lẽ đã được dự trù và có thể được thông báo vào đầu năm 2003. Ngoài ra, việc bổ nhiệm cùng lúc ông William Donaldson, một nhà tài chính có tiếng và là chủ tịch một ngân hàng đầu tư, làm chủ tịch mới của Uỷ ban Giao dịch Chứng khoán (SEC) cho hy vọng chính phủ Bush sẽ tu sửa sớm các vấn đề về kế toán và kiểm toán.

Tuy nhiên do ngân sách Mỹ bị thất thu lớn tới 159 tỉ đô la trong tài khoá vừa rồi, đang có những dè dặt mới về chính sách giảm thuế không những TT Bush mà các lãnh tụ Cộng Hòa khác nói đến rất nhiều này. Điều chính phủ Bush cần chú ý là **giảm thuế không tự động làm kinh tế Mỹ phục hồi nhanh chóng** như kinh nghiệm hai năm vừa qua cho thấy, và đã khiến các ông O'Neill và Lindsey phải buồn bã ra đi. Chỉ khi nào lòng tin của dân chúng trở lại chi tiêu thì mới có tăng trưởng kinh tế và duy trì cùng số thuế liên bang và tiểu bang thu được dù mức thuế có thấp đi.

Cơn khủng hoảng về ngân sách các tiểu bang vừa được bàn luận trong kỳ họp của các Thống đốc tiểu bang mới đây cũng là tiếng chuông báo động cho ngân sách liên bang. Nếu chỉ giảm thuế mà không có tăng trưởng kinh tế thì ngân sách liên bang sẽ lại thất thu nặng và có thể tăng áp lực lên lãi suất trở lại từ khu vực tư nhân, vô hiệu hóa các cố gắng giảm lãi suất của Ngân hàng Dự trữ Trung Ương (Fed). Đây là "dilemma" về chính sách mà ít người chú ý tới lúc này, nhưng sẽ là vấn đề cho TT Bush vào cuối năm 2003 nếu kinh tế Mỹ không phục hồi kịp thời.

Các nhà lãnh đạo kinh tế mới vừa cần có thời gian làm quen với không khí chính trị Washington và nhất là lập trường của Toà Bạch Ốc, vừa cần hành động kịp thời cho cuộc bầu cử, vừa cần sự tính toán vĩ mô để thoát khỏi "dilemma" nói trên. Quả không là nhiệm kỳ dễ dàng cho họ, và chúng ta xin chúc họ may mắn để hoàn thành nhiệm vụ, việc sẽ đem lại phúc lợi kinh tế cho nước Mỹ và tất cả chúng ta.

Từ Trung Quốc đến VN: Phát triển đi vào ngõ bí?

Khi những con số thống kê về phát triển cuối năm 2002 đang được sửa soạn, Trung Quốc (TQ) dự đoán sẽ tăng 8% và Việt Nam 7%, cả hai đứng

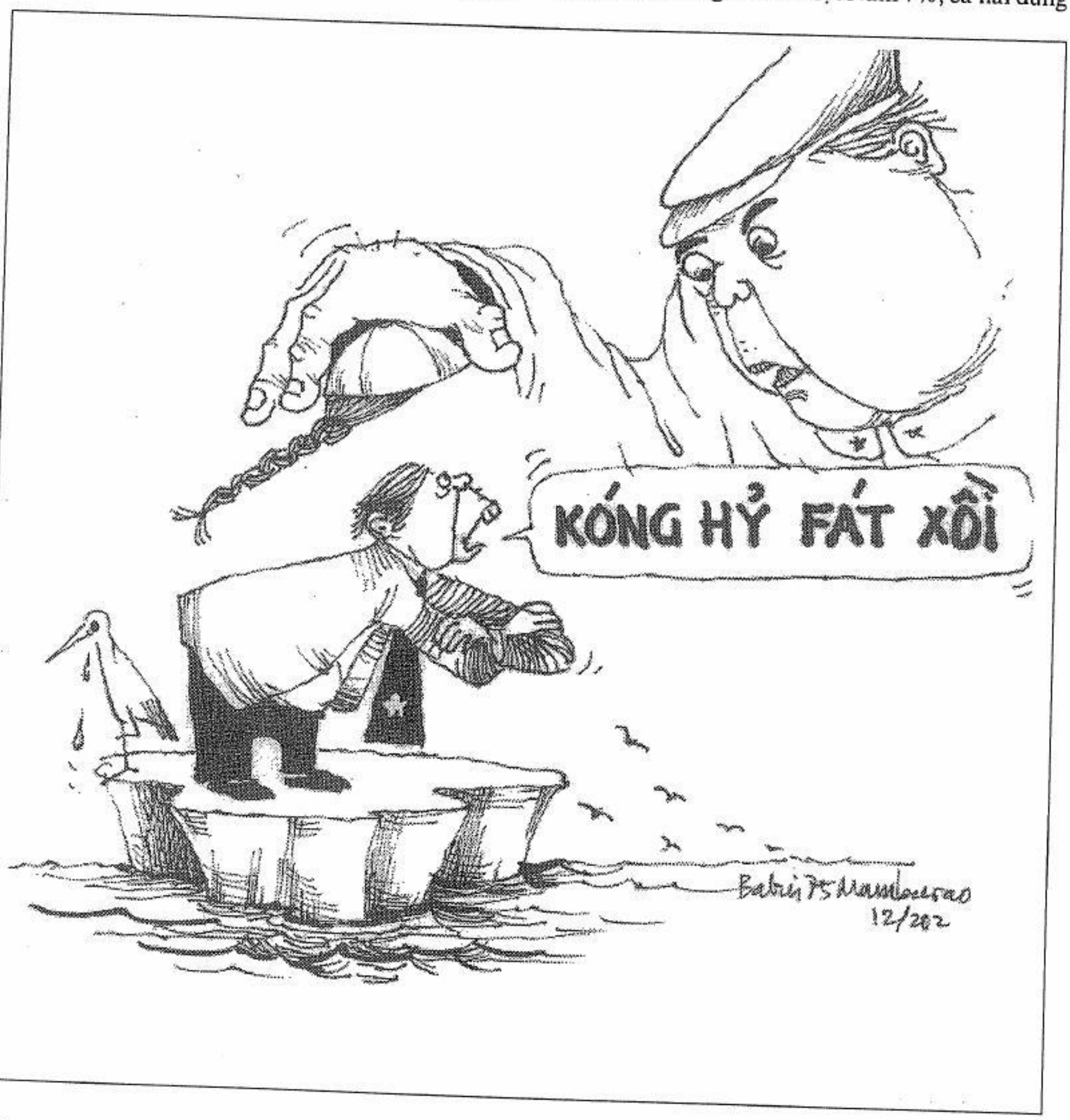

vào hàng đầu các nền kinh tế châu Á đang còn vật lộn với ảnh hưởng của suy thoái từ phương Tây. Nhưng người am tường có thể nhìn kỹ đàng sau những con số "đẹp" đó để khám phá một vài

mối lo âu lớn cho tương lai kinh tế của cả hai nước, mà giới hữu trách chỉ mới lên tiếng than phiền chính thức là "thiếu tính cạnh tranh."

So sánh với hai thập niên trước, TQ phát triển chậm hẳn lại một cách đáng kể. Từ năm 1978, TQ đã đạt được mức tăng trưởng trung bình là 9,5% mỗi năm và riêng trong thập niên 90 con số đó còn lên trên 11%. Trong vài năm qua từ 1997, tốc độ tăng trưởng chỉ còn ở mức 7-8%. VN cũng đã đạt mức tăng trưởng 8-9% trong các năm 1992-96 nhưng rồi tụt xuống 4-5 % trong các năm 1997-99 và các năm mới đây trở lại mức 6-7%.

Một số giới chức giải thích rằng nguyên nhân chính là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính Đông Á năm 1997-98. Nhưng phân tích kỹ có thể thấy đó chỉ là lý do phụ, mà **nguyên nhân chính là tác động từ những lý do nội tại của TQ và VN do sự thiếu cải cách cơ cấu và thể chế.** Trong cả hai nước, vấn đề chính là mất cân đối cung cầu, do **mức sản xuất tăng quá nhanh lẹ vượt mức cầu**, nhất là trong khu vực nông nghiệp. Kết quả là sau khi mức an ninh lương thực đã đạt được sớm hơn dự liệu, giá hàng nông sản xuống thấp tới mức "báo động" và gây ra khoảng cách lợi tức thành thị-nông thôn rất trầm trọng về mặt chính trị và xã hội.

Hiện tượng này cũng xảy ra trong các ngành sản xuất công nghiệp, tuy không rõ bằng nông nghiệp vì được sự bảo hộ của chính phủ dưới nhiều hình thức mà nổi bật nhất là *sự rót vốn và các chính sách ưu đãi dành cho các ngành không hiệu quả.* Sự nâng đỡ các xí nghiệp quốc doanh dưới đủ mọi hình thức như tiền vốn, luật chơi, tín dụng (cũng của các ngân hàng quốc doanh), và kết quả: sự thiếu vắng cạnh tranh đã là nguyên nhân khiến sản xuất không theo tín hiệu của thị trường. Và cách đây không lâu, đó đã là lý do sụp đổ của các nền kinh tế thuộc khối Sô viết và Đông Âu cũ.

Vì mức cung dư thừa, các xí nghiệp quốc doanh cũng không dùng nhiều lao động và kết quả là mức thất nghiệp trở thành trầm trọng hơn mặc dù không được thông báo chính thức. Đây là vấn đề luẩn quẩn và nghịch lý ở hai nền kinh tế với "định hướng xã hội" quan trọng nhất còn lại trên thế giới. Ở TQ con số thất nghiệp chính thức là 3%, nhưng các quan sát viên quốc tế ước định số đúng hơn là 7%. VN cũng cho con số là 7% nhưng nhiều chuyên gia cho là có thể lên tới trên 15% nhất là ở thôn quê, nếu kể cả số thất nghiệp và khiếm dụng. Nạn thất nghiệp và các tệ trạng ở thành thị do vấn đề này gây ra, với các ảnh hưởng sâu rộng đến chính trị và xã hội, sẽ là vấn đề hàng đầu của hai nước trong thập niên này. Từ đó trong tương lai gần, cả TQ và VN có thể phải chọn lựa một con đường phát triển chậm hơn nhưng có tính cách bền vững, trong đó phải đặt ưu tiên cho các quĩ phúc lợi xã hội và an sinh cho người dân, cũng như chính sách cung cấp các dịch vụ xã hội, giáo dục và y tế công bằng hơn, chú ý đến người nghèo nhất là ở nông thôn.

Sau nữa, ở TQ một quả bom nổ chậm khác là nguy cơ khủng hoảng tài chính do hệ thống ngân hàng có số nợ khó đòi lên tới 40% tổng sản lượng quốc dân trong năm 2001. Nếu thiếu tín dụng và người dân mất tin tưởng vào ngành ngân hàng thì kinh tế khó phát triển nhanh trở lại được. VN cũng có vấn đề tương tự nhưng tầm quan trọng nhẹ hơn vì dịch vụ ngân hàng còn hạn chế, nhưng đây cũng là lý do công nghiệp khó phát triển mạnh và xuất cảng thiếu tính cạnh tranh. Sau năm đầu thực hiện thoả ước thương mại Việt Mỹ, xuất cảng của VN chỉ tăng độ 800 triệu đô la so với năm trước để lên khoảng 2 tỉ đô la trong năm 2002, phần lớn là các hàng dệt may giày dép và thủy sản, thấp hơn nhiều so với tiềm năng mong ước.

Với những phân tích ngắn nhưng căn bản trên đây, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy Đại hội 16 vừa kết thúc của Đảng CS Trung Quốc đã đặt mạnh vấn đề xây dựng một nền kinh tế thị trường tân tiến với nhiều cải cách thể chế, nổi bật nhất là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội với lý thuyết "ba thành phần" được chấp nhận một cách chính thức và cổ võ vai trò của giới tư sản. Riêng Việt Nam sẽ cần có những bước gì theo sau đó?

(11 / 12/02)

* TS Phạm Đỗ Chí, chuyên viên cấp cao của Quĩ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Giáo sư Kinh tế tại The American University (Washington D.C.), vừa cùng với TS Trần Nam Bình thuộc Univeristy of New South Wales (Sydney) hiệu đính cuốn "The Vietnamese Economy: Awakening the Dormant Dragon," do Routledge of London xuất bản, ra mắt vào tháng 1-2003. Đây là ấn bản Anh ngữ cập nhật hóa của cuốn "Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên" đã xuất bản trước đây, có thể hữu ích cho các độc giả hay sinh viên cần tìm hiểu về kinh tế VN bằng Anh ngữ. Có thể đặt mua trước qua hai Websites: www.routledge.com hay www.amazon.com và dùng title trên, sẽ có bán ở các hiệu sách Mỹ từ tháng 2 năm 2003.

Xin đừng quên!
NỬA THẾ KỶ TRƯỚC...

NGUYỄN MINH CẦN

Có thể bạn đọc sẽ trách tôi: trong dịp đầu năm mà nhắc đến chuyện quá buồn. Xin các bạn lượng thứ cho! Nhưng chuyện này không thể không nói đến! Nó cũng khủng khiếp không kém gì chuyện Tết Mậu Thân (1968). Vậy mà chuyện Tết Mậu Thân chúng ta vẫn phải đành lòng nhắc đến trong dịp Tết cơ mà!

Cần phải nhắc đến các tấn bi kịch, các thảm hoạ dân tộc đã qua và hiện đang còn đang tiếp diễn dưới nền chuyên chính của Đảng cộng sản Việt Nam (ĐCSVN), để mọi người yêu nước thương dân thắp một nén hương cho vong linh biết bao người vô tội đã ngã xuống, để tưởng nhớ đến bao nhiêu người oan ức đã chịu những cực hình man rợ phải ngậm hờn mãi mãi, để nhớ lại biết bao bạo hành của một đảng độc tài đã gây ra trong quá khứ và trong hiện tại, để mọi người hun đúc ý chí đấu tranh cho công cuộc dân chủ hoá đất nước. Âu cũng là việc cần lắm thay! Hơn nữa, ngày nay tập đoàn cầm quyền đang cố xuyên tạc lịch sử, cố làm mọi cách để dân tộc ta quên đi các tội ác tày trời của họ, nhất là để các thế hệ mới lớn lên không hề hay biết gì đến các tội ác đó và những kẻ tội phạm chính danh!

Chuyện tôi muốn nói đến hôm nay là cuộc CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT (CCRĐ) đầy kinh hoàng ở miền Bắc Việt Nam, thảm họa khủng khiếp chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Cuộc CCRĐ đã thực tế bắt đầu diễn ra từ năm 1953, đúng 50 năm trước đây, và kết thúc năm 1956. Nhưng dư âm và hậu họa của nó vẫn còn mãi cho đến tận ngày nay. Hồi đó, CCRĐ chẳng khác nào một trận bão táp ác liệt đổ ập xuống miền Bắc Việt Nam gây ra biết bao tàn phá khủng khiếp, biết bao đảo lộn kinh người, biết bao tang tóc, đau thương cho người dân lương thiện.

Xuất phát từ đâu mà trận bão táp ghê rợn đó đã tràn đến cái xứ sở đau thương này? Số là trong chuyến đi bí mật của ông Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc (hồi cuối năm 1950) đến Moskva (đầu năm 1951), ông đã gặp Stalin và Mao Trạch Đông (lúc đó đang có mặt tại Moskva). Hai ông này đã nhận xét là Đảng Việt Nam coi nhẹ nhiệm vụ phản phong (ý nói hữu khuynh), và chỉ thị phải tiến hành cách mạng phản phong để "bồi dưỡng động lực cách mạng là nông dân lao động," nói cụ thể là phải làm CCRĐ ở các vùng gọi là "giải phóng." Sau khi về nước, ông Hồ đã cùng Thường vụ Trung ương (Bộ chính trị sau này) ĐCS trong hai năm trời bí mật và tích cực chuẩn bị tiến hành CCRĐ. Chuẩn bị cả về mặt tư tưởng, cả về mặt chính sách, đường lối, lẫn về mặt tổ chức. Theo sự phân công của Stalin, Trung Quốc sẽ giúp đỡ cho Việt Nam, nên ông Hồ đã mời các đoàn cố vấn Trung Quốc đến miền Bắc Việt Nam – tổng cố vấn là La Quý Ba đồng thời là đại sứ Bắc Kinh tại Việt Nam dân chủ cộng hoà (VNDCCH). Vi Quốc Thanh đứng đầu đoàn cố vấn quân sự, còn đứng đầu đoàn cố vấn CCRĐ là Kiều Hiểu Quang, vốn là phó bí thư tỉnh uỷ Quảng Tây. Đó là chưa kể đủ loại cố vấn khác, như cố vấn chỉnh huấn, cố vấn công an, cố vấn tổ chức, cố vấn tuyên truyền... Để chuẩn bị về mặt tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quân đội, năm 1952, Bộ chính trị (BCT) Trung ương (TW) Đảng thực hiện "cuộc chỉnh huấn" trong Đảng và "cuộc chỉnh quân" trong quân đội, theo đúng mẫu mã "cuộc chỉnh phong" của ĐCS Trung Quốc, chỉ có cái tên hơi khác một chút mà thôi. Chuẩn bị về mặt tổ chức, BCT TW đã thành lập Uỷ ban CCRĐ Trung ương (UBCCRĐTW), gồm có Trường Chinh, Tổng bí thư ĐLĐVN làm chủ nhiệm, hai phó chủ nhiệm là Hoàng Quốc Việt, uỷ viên BCT và Lê Văn Lương, uỷ viên BCT, còn ủy viên thường trực là Hồ Viết Thắng, ủy viên TW Đảng. Dưới UBCCRĐTW là các đoàn CCRĐ, dưới các đoàn là các đội CCRĐ. Cả một đạo quân hùng hậu để làm "chiến dịch" đánh phong kiến!

ĐCS coi CCRĐ là "một cuộc cách mạng long trời lở đất," cho nên cần phải "phóng tay phát động quần chúng" để thực hiện, có nghĩa là phải làm hết sức mãnh liệt, thẳng tay, không khoan nhượng, không thương xót, cho dù có những hành động quá trớn, quá tả cũng không đáng sợ. Nhiều lãnh tụ cộng sản thường nh?n m?nh ĐCS là đảng cách mạng thì nhất định phải làm CCRĐ theo tinh thần "cách mạng," "cách mạng long trời lở đất"! Họ cao ngạo phê phán các cuộc CCRĐ hoà bình ở nhiều nước là cải lương chủ nghĩa, tư sản và phản cách mạng: vì tại các nước đó, chính quyền hạn định mức ruộng đất tối đa cho điền chủ được có, còn phần thừa thì nhà nước mua lại để chia cho người ít hay không có ruộng đất. Còn khi giải thích cho cán bộ mấy chữ "phóng tay phát động quần chúng" khó hiểu này, ông Hồ đã dùng hình ảnh dễ hiểu sau: khi uốn thanh tre cong cho nó thẳng ra, phải uốn quá đi một tí và giữ lâu lâu, rồi thả tay ra thì nó mới thẳng được. Hình như ông cũng khoái cái lối giải thích hóm hỉnh ấy, không nghĩ rằng cái tinh thần "quá đi một tí" sau này chính là mối hoạ lớn cho dân! Các đội, các đoàn CCRĐ được tung về nông thôn. Họ tung hoành gần như với quyền hạn không hạn chế, họ cảm thấy mình nắm trong tay quyền sinh quyền sát. Cấp trên đã "phóng tay" cho họ và họ cũng tự "phóng tay"... Vì thế, trong dân gian thường nói "nhất đội, nhì Trời," và các "anh đội" cũng khoái tai khi nghe như thế! Tôi còn nhớ một lần, thiếu tướng Vương Thừa Vũ, chủ tịch uỷ ban quân quản thành phố Hà Nội, về quê thăm nhà ở làng Tó (Thanh Oai) thuộc ngoại thành Hà Nội. Ông bị đội CCRĐ bắt giữ cùng với anh cần vụ (lính hầu) và xe ô tô, van xin gì cũng không được thả ra. Về sau do một sự tình cờ, chính quyền Hà Nội biết được mới cho người đến nhận ông về. Đại thần của chế độ mà còn bị như thế huống hồ dân đen!

Trong năm 1952, BCT TW Đảng lao động Việt Nam (ĐLĐVN), tức là ĐCS khoác tên mới từ năm 1951, cho làm thí điểm CCRĐ ở sáu xã thuộc huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên. Trong lần thí điểm này có một sự kiện "động trời": tòa án CCRĐ xử tử hình bà Nguyễn Thị Năm, tức là Cát Thành Long, người mà thời trước cách mạng đã từng che giấu, nuôi ăn, giúp đỡ các ông Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Lê Đức Thọ, Phạm Văn Đồng, Lê Thanh Nghị, Lê Giản... Còn trong Tuần lễ Vàng, gia đình bà đã hiến 100 lạng vàng cho chính quyền mới. Bà đã hoạt động trong Hội Phụ nữ, lại có con trai đi bộ đội làm trung đoàn trưởng. Thế mà bà đã bị quy là địa chủ cường hào ác bá, bị đoàn CCRĐ xử án tử hình, UBCCRĐ TW duyệt y và BCT TW ĐLĐVN cũng chuẩn y! Những người lãnh đạo cộng sản trong BCT và đứng đầu chính phủ đã từng được bà che giấu, nuôi ăn, tặng vàng, nay đang làm Chủ tịch nước, Tổng bí thư, uỷ viên BCT, Thủ tướng, phó thủ tướng đã lạnh lùng chuẩn y một cái án tử hình như vậy! Phát súng đầu tiên của CCRĐ nổ vào đầu một người phụ nữ yêu nước đã từng giúp đỡ cho những người cộng sản! Phát súng đó tự nó đã nói lên nhiều điều về các lãnh tụ cộng sản! Nó báo hiệu trước những tai hoạ khôn lường cho toàn dân tộc!

Năm 1953, thực tế là năm bắt đầu tiến hành CCRĐ, năm ĐCS chuẩn bị toàn bộ đường lối, chính sách và "luật pháp hoá" các chính sách của Đảng bằng quyết nghị của Quốc hội, sắc lệnh và nghị định của Chính phủ, thông tư của các bộ. Dựa trên tài liệu chính thức của ĐCS, tôi xin ghi lại những cái mốc lịch sử đau thương của dân tộc ta trong cuộc CCRĐ đẫm máu và nước mắt này:

- cuối tháng 01.1953 – hội nghị lần thứ tư của TW ĐLĐVN để thông qua bản Dự thảo cương lĩnh Đảng về chính sách ruộng đất. Tại hội nghị, ông Hồ đọc báo cáo đề ra nhiệm vụ triệt để giảm tô, tiến tới CCRĐ.

- đầu tháng 03.1953 – Hội đồng Chính phủ họp thảo luận báo cáo của Phó thủ tướng Phạm Văn Đồng về mục đích, phương châm, kế hoạch phát động quần chúng. Hội đồng Chính phủ đã thông qua các văn bản về chính sách ruộng đất và phát động quần chúng, tức là đã "luật pháp hoá" nghị quyết của TW Đảng.

- 01 – 05.03.1953 – báo Nhân Dân đăng tải bài "Chỉnh đốn chi bộ" của ủy viên Bộ chính trị ĐLĐVN, trưởng ban tổ chức TW Lê Văn Lương, người trực tiếp phụ trách cuộc Chỉnh đốn tổ chức trong CCRĐ, và ngày 16.03.1953 – Chính phủ VNDCCH ra thông tư về việc chỉnh đốn chính quyền cấp xã qua việc phát động quần chúng. Đây là những hướng dẫn cho việc gắn liền cuộc Chỉnh đốn tổ chức với CCRĐ, với tinh thần "không dựa vào (thực tế là đánh vào – Người viết) tổ chức cũ mà lập nên tổ chức mới" ở nông thôn!

- 12.04.1953 – Chính phủ VNDCCH ra ba sắc lệnh: 1/ sắc lệnh quy định chính sách ruộng đất, trong đó có việc tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất chia cho nông dân; 2/ sắc lệnh quy định việc thành lập Toà án nhân dân ở những nơi phát

động quần chúng; 3/ sắc lệnh quy định việc trừng trị những địa chủ ở những nơi phát động quần chúng tiến hành CCRĐ.

- 01.06.1953 – báo Nhân Dân đăng bài về Chương trình CCRĐ.

- tháng 06.1953 – ĐLĐVN tổ chức cái gọi là "đợt chỉnh huấn chính trị" để nâng cao lập trường giai cấp cho cán bộ đảng viên trong cuộc đấu tranh CCRĐ.

- 14.11.1953 – hội nghị lần thứ năm TW và Hội nghị toàn quốc của ĐLĐVN để quyết định tiến hành CCRĐ. Ông Hồ đã phát biểu ý kiến tại hội nghị nhấn mạnh phải "phóng tay phát động quần chúng tiến hành CCRĐ."

- 01–04.12.1953 – kỳ họp thứ ba của Quốc hội khoá 1, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc báo cáo "Tình hình trước mắt và nhiệm vụ CCRĐ" và ngày 04.12.1953 – Quốc hội nhất trí thông qua Luật CCRĐ. Sau đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra sắc lệnh ban hành Luật CCRĐ do Quốc hội thông qua.

Từ đó, bắt đầu các đợt CCRĐ, mà đợt đầu tiến hành ở 47 xã tỉnh Thái Nguyên và sáu xã tỉnh Thanh Hoá, sau đó lan tràn trên khắp miền Bắc, trừ các vùng miền núi. Đợt năm là đợt cuối cùng, phần lớn diễn ra ở các xã đồng bằng Bắc bộ và các vùng bị Pháp chiếm trước đây. May mắn cho đồng bào miền núi, vì ĐLĐVN chủ trương sau khi hoàn thành CCRĐ ở vùng đồng bằng mới làm ở miền núi. Do sự phẫn nộ của quần chúng đã bùng lên dữ dội, nhiều cuộc nổi dậy của nông dân đã nổ ra ở Quỳnh Lưu, Phát Diệm, nên về sau, TW ĐLĐVN chỉ tiến hành cái gọi là "cải cách dân chủ" ở miền núi, nghĩa là dẹp bỏ phong kiến địa phương (tức là các phìa tạo) mà không dùng bạo lực quá mạnh vì sợ dân chúng chạy sang Trung Quốc, Lào... Còn ở huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị, vì nằm sát giới tuyến, tiếp giáp Việt Nam Cộng hoà, nên cũng được chiếu cố, nghĩa là dùng bạo lực vừa phải "để không gây ảnh hưởng xấu đến miền Nam."

- tháng 09.1956 – hội nghị lần thứ 10 của TW ĐLĐVN kiểm điểm tình hình CCRĐ. Do ảnh hưởng của đại hội lần thứ 20 ĐCS Liên Xô vạch trần những tội ác của Stalin, do sự bất mãn trong dân chúng, cộng thêm sự phản ứng khá mạnh của cán bộ, TW Đảng buộc phải thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng trong CCRĐ và chủ trương sửa sai. Tại hội nghị, TW đã thi hành kỷ luật như sau: Trường Chinh mất chức Tổng bí thư, chỉ còn làm ủy viên BCT, còn Hoàng Quốc Việt và Lê Văn Lương mất chức uỷ viên BCT, Hồ Viết Thắng bị đưa ra khỏi TW ĐLĐVN. Ông Hồ Chí Minh kiêm nhiệm Tổng bí thư, còn Lê Duẩn làm bí thư TW, thường trực BCT.

- 29.10.1956 – mít tinh lớn tại Nhà Hát Nhân dân Hà Nội, uỷ viên BCT đại tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh và TW ĐLĐVN chính thức công nhận những sai lầm nghiêm trọng trong CCRĐ. Nhân đây, xin nói rõ: một vài người viết không đúng là cuộc mít tinh tổ chức tại sân vận động Hàng Đẫy và ông Hồ đã đến dự và khóc trước dân chúng. Hà Nội được giao cho việc tổ chức mít tinh nên tôi biết rõ. Hồi đó, chúng tôi được giải thích: "Bác đến không tiện," nhưng chúng tôi đều hiểu là ông Hồ muốn đưa ông Giáp ra "chịu trận" thay mình, nên không hề có việc ông Hồ khóc trước dân chúng.

*

Ở hải ngoại, cho đến nay cũng đã có một số tài liệu nói đến những bạo hành, những tội ác trong CCRĐ, cuốn sách nói về đề tài này khá kỹ ra mắt sớm nhất (1964, bằng tiếng Anh) là cuốn "Từ Thực Dân Đến Cộng Sản" của ông Hoàng Văn Chí. Còn ở trong nước thì đến nay, chưa có một công trình nghiêm túc nào nghiên cứu, chưa ra một tiểu thuyết nào viết riêng về đề tài CCRĐ. Tại sao? Dễ hiểu là sau khi bị bắt buộc phải thừa nhận những sai lầm trong CCRĐ, BCT TW Đảng ra lệnh miệng tuyệt đối cấm không được nói đến đề tài này. Người đầu tiên "vi phạm" tabou thiêng liêng đó là nhà văn Hà Minh Tuân – anh đã viết lướt qua rất nhẹ nhàng đến đề tài cấm kỵ đó trong tác phẩm "Vào Đời." Tức thì Nguyễn Chí Thanh hô hoán lên là "tư tưởng địa chủ ngóc đầu dậy," và anh bị hành hạ hết nước. Từ đó mọi người ai cũng im re, "lo giữ cái đội nón của mình" (nhóm từ thông dụng hồi đó có nghĩa là giữ đầu mình)... Mãi sau này, chỉ có vài nhà văn rụt rè mon men đến đề tài đó mà thôi. Hy vọng rồi đây sẽ có nhiều nhà văn, nhà nghiên cứu trong nước vượt qua nỗi sợ "truyền kiếp," dám đề cập đến đề tài đau thương này một cách nghiêm túc và toàn diện.

Nếu nói về những tội ác trong CCRĐ, theo tôi, cần nêu bật mấy loại chính sau đây.

Thứ nhất. Tội tàn sát thường dân vô tội – tội ác chống nhân loại. Người nông dân Việt Nam hiền hoà, chất phác đang làm ăn sinh sống và hết lòng đóng góp vào cuộc kháng chiến chống Pháp, bỗng dưng ĐCS giáng cho họ một đòn chí mạng. ĐCS nói rằng CCRĐ là một cuộc cách mạng để thực

hiện ước mơ muôn đời của nông dân: "người cày có ruộng" – nhưng thực tế thì không phải như vậy, thực tế là nông dân bị đánh đòn chí mạng! Tầng lớp năng nổ, giỏi giang biết làm ăn nhất ở nông thôn thì bị quy là địa chủ, phú nông, thậm chí cường hào ác bá, bị triệt hạ hết đường sinh sống, còn một loạt cán bộ ở nông thôn đã từng chịu đựng gian khổ làm nhiệm vụ lãnh đạo kháng chiến, sản xuất thì bỗng nhiên bị quy là phản động, tỷ lệ quái gở 5% đó lại kèm thêm những "kết luận" quái đản khác: đã có địa chủ, tất phải có cường hào ác bá! Thế là người dân chịu chết! Biết bao nỗi oan khuất không thể nào kể hết. Cái phương châm "thà sai hơn là bỏ sót," cộng thêm với việc "thi đua lập thành tích đánh phong kiến" đã gây ra tình trạng "kích thành phần," "nống thành tích" cố tìm ra nhiều địa chủ, phản động, xử tử nhiều ác bá... để có được bằng khen, huân

gián điệp, Việt gian, v.v... bị trừng trị, nhiều người bị bắn giết vô cùng man rợ. Ngay cả nhiều người trung nông, thậm chí một số bần nông cũng "bị kích lên" làm địa chủ cho đủ cái tỷ lệ quái gở 5% địa chủ (so với dân số thôn xã!) và họ phải cam chịu cái số phận mà ĐCS dành cho địa chủ. Cái chương, để ngoi lên địa vị cao hơn... càng làm cho nỗi khổ đau của người dân tăng lên nhiều gấp bội! Chỉ xin dẫn vài chuyện mà thôi.

Một anh bạn đi làm CCRĐ ở Khu Bốn kể lại. Ở Khu Bốn, hồi đó ai cũng biết danh Chu Văn Biên, bí thư Khu uỷ, và Đặng Thí, phó bí thư khu

ủy, khét tiếng hiếu sát trong CCRĐ, họ đều là trưởng và phó đoàn CCRĐ. Thậm chí trong dân gian lưu truyền bài vè có câu "Giết người nổi tiếng gã Chu Biên." Anh bạn tôi kể chuyện Đặng Thí ký hai án tử hình trên ghi đông (guidon) xe đạp! Chuyện như sau: một đội tới làm CCRĐ ở một xã nghèo ở Nghệ An, quê hương của ông Hồ Chí Minh và Hồ Viết Thắng, tìm mãi mà không thể quy ai là địa chủ được (những ai đã từng đến tỉnh này đều biết cảnh nghèo chung của dân chúng ở đây). Đặng Thí "đả thông tư tưởng" là cố vấn Trung Quốc dạy rồi phải có 5% địa chủ. Đội sợ trên "đì", tính ra cả làng từng này hộ, từng ấy nhân khẩu, thôi thì cũng buộc phải kiếm ra năm địa chủ. Tưởng thế là xong, nào ngờ khi báo cáo lại cho Đặng Thí thì... Liếc mắt qua không thấy có danh sách "lên thớt," bực mình Thí mới xạc cho "anh đội" một trận: "Có địa chủ mà không bắn thằng nào cả à?" và ném cả tập giấy vào mặt đội trưởng. Cuối cùng thì đội cũng lọc ra được "hai địa chủ để bắn" vội chạy lên đoàn báo cáo. Giữa đường gặp Đặng Thí đang đi xe đạp, tay đội trưởng đưa báo cáo và danh sách bắn hai người. Thí còn đang vội, vẫn ngồi trên yên xe, chẳng thèm xem hết nội dung, đặt "đơn đề nghị bắn hai người" lên ghi đông xe đạp, mở vội xà cột (sacoche), rút bút ký toẹt vào. Xong rồi Thí đạp xe đi thẳng.

Một ông bạn làm việc ở Viện Khoa học Việt Nam đã đi làm CCRĐ kể lại chuyện thương tâm này. Đội mà ông bạn có chân về một làng nghèo ở Thái Bình, không thể nào tìm đâu ra đủ số địa chủ, và cũng không thể nào tìm ra địa chủ ác bá để bắn. Họ lo lắm. Thế là họ đưa một ông chăn vịt vào danh sách bị bắn! Làng nào cũng thế thôi, mấy ông "gột vịt" (ấp trứng nuôi vịt con) chẳng bao giờ được dân làng ưa cả, vì lùa vịt con xơi thóc lúa của dân, thế mà lại hay to mồm cãi lại, gây gỗ. Thế là "đủ yếu tố cấu thành tội," trong đó có tội "bị dân làng ghét cay ghét đắng." Địa chủ bóc lột thóc của nông dân, vịt cũng ăn cướp thóc của nông dân, vịt không thể bắn được thì chủ nó phải chịu thay! Ai cũng vui vẻ cả. Ông bạn biết là sai nhưng không dám mở miệng khi "cổ máy nghiền thịt" của Đảng đã khởi động rồi!

Cho đến nay, không ai biết số người bị quy oan, bị tù oan và bị giết oan là bao nhiêu vì ĐCS giấu tịt. Những con số mà nhiều người đưa ra chỉ là ước đoán. Hồi cuối năm 1956, tôi được Thành uỷ Hà Nội giao cho trách nhiệm sửa sai CCRĐ ở ngoại thành Hà Nội. Vì tính chất quan trọng của việc đó ở thủ đô, nên ông Võ Nguyên Giáp được BCT phân công giúp đỡ việc sửa sai ở Hà Nội. Vì thế, thỉnh thoảng tôi đến nhà ông Giáp làm việc. Đôi khi chúng tôi cũng nói chuyện với nhau về những vấn đề chung. Một hôm tôi hỏi thẳng ông: trong CCRĐ có bao nhiêu người bị oan. Ông Giáp nói hai vạn. Lúc đó tôi không dám hỏi thêm cụ thể hơn – thế thì bao nhiêu người bị chết oan, vì tôi biết là mình đã đụng đến vấn đề cấm kỵ nhất của Đảng. Cho đến nay, tôi không biết con số mà ông Giáp nói với tôi có thật hay không, nhưng hôm đó ông trả lời tôi tức thì, không nghĩ ngợi gì, nên tôi cũng có phần tin. Còn số người bị hành quyết trong CCRĐ và Chỉnh đốn tổ chức thì tôi ước đoán là chừng năm-sáu nghìn người. Đó là chưa kể nhiều người bị chết vì các lý do khác, như tự tử trước khi xét xử, chết khi bị tra của hay bị giam cầm ở xã, chết trong tù, người nhà địa chủ chết đói do bị bao vây, v.v... Tại cuộc mít tinh tối 29.10.1956, ông Võ Nguyên Giáp chỉ cho biết con số 12 nghìn cán bộ và đảng viên đã được trả tự do mà thôi! Con số đó đúng hay không, ai mà biết được! Tóm lại, những con số về người bị thiệt mạng trong CCRĐ vẫn chưa xác định được. Dù thế chăng nữa, với những con số ước tính đã cho thấy đây là một tội ác tày trời. Tội ác này chính là tội ác chống nhân loại!

Còn chuyện "sửa sai" thì cũng chỉ là một lối "tung hoả mù" chủ yếu để làm dịu đi phần nào nỗi công phẫn dữ dội của dân chúng, tránh những cuộc bùng nổ bất lợi cho Đảng mà thôi. Chúng tôi đã từng đi làm sửa sai nên biết khá rõ. Có nhiều cái sai không thể nào "sửa" được. Bắn giết người ta, làm què quặt thân thể, làm tổn hại tâm thần người ta (có không ít người bị điên, bị mất trí, bị lẩn thẩn), làm gia đình người ta tan vỡ... thì chỉ có Trời mới sửa được! Ngay cả những việc tưởng chừng không khó sửa lắm, nhưng cũng không thể sửa nổi, chẳng hạn, gia đình bị quy là địa chủ, nhà cửa bị tịch thu chia cho mấy hộ nông dân, khi được xét là quy oan phải trả lại nhà cho người chủ cũ. Nhưng, khi biết là phải trả lại nhà, các ông bà nông dân bèn cạy gạch, cạy cửa, dỡ ngói, rút rui mè, cất giấu hết, phá phách gần như tan nát cả ngôi nhà họ đang ở. Nên cái nhà được trả lại đâu còn nguyên vẹn như trước. Còn các "quả thực" khác khi đã chia rồi thì sửa sai làm sao được! Thóc lúa, nông dân ăn hết, bán hết rồi (hoặc khai như thế), nông cụ bị tiêu tán hết (hoặc khai hư hỏng rồi), thì lấy gì mà trả lại cho người ta. Đó là không nói đến những quan hệ tình cảm

đã bị tổn thương, giữa vợ chồng, giữa anh em, giữa họ hàng, giữa thầy trò, giữa hàng xóm, láng giềng thì chẳng làm gì được, ngoài việc khuyên nhủ chung chung. Trong sửa sai chỉ có việc này làm được là trả tự do cho những người bị tù oan. Còn việc khôi phục lại chức vụ cho một số cán bộ đã bị đấu tố cũng đã thực hiện, nhưng cũng không giản đơn vì quan hệ khá phức tạp giữa cán bộ mới với cán bộ cũ.

Nhân thể cũng xin nói thêm, khi hội nghị lần thứ 10 của TW ĐLĐVN hồi tháng 09.1956, TW buộc phải thừa nhận những sai lầm nghiêm trọng trong CCRĐ, người ta cũng đổ lỗi một phần cho cấp dưới đã thi hành sai, chứ TW Đảng không nghiêm khắc tự phê phán mình, họ vẫn coi "đường lối của TW về cơ bản là đúng," chỉ có "việc tổ chức thực hiện không đúng" mà thôi. Họ vẫn khư khư khẳng định: CCRĐ dù có sai lầm "nhưng về cơ bản vẫn giành được thắng lợi lớn." Điều đó nói lên sự giả dối, nguỵ biện, sự không thực lòng hối hận của họ. Thế thì làm sao mà Đảng sửa sai được?! Còn cái gọi là thi hành kỷ luật với các ông lãnh đạo CCRĐ cũng chỉ là trò hề "giơ cao đánh khẽ" để lừa dối dư luận mà thôi. Trường Chinh mất ghế Tổng bí thư, nhưng lại vẫn là ủy viên BCT, chuyển sang ngồi ghế Chủ tịch Quốc hội, lại phụ trách công tác tư tưởng, rồi chính ông ta đã cùng Tố Hữu bày ra vụ Nhân Văn – Giai Phẩm đàn áp quyết liệt anh chị em trí thức ưu tú, khao khát tự do, làm bao văn nghệ sĩ tài ba bị tù dày, bị đàn áp, bị treo bút trong hàng mấy chục năm trời, đánh một đòn nặng nề vào nền văn học miền Bắc, làm nó bị thui chột trong nhiều thập niên. Hoàng Quốc Việt (một người nổi tiếng "ác liệt nhất" chẳng những trong CCRĐ mà trong nhiều vụ trước nữa, chẳng hạn, vụ H122 xảy ra trong kháng chiến chống Pháp, ông phụ trách xét vụ này, đã bắt giam nhiều cán bộ, phần đông là cán bộ quân đội, và làm chết oan nhiều người), bị đưa ra khỏi BCT thì lại trao chức vụ Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao là chức vụ nắm quyền sinh quyền sát con người, Lê Văn Lương chịu trách nhiệm về Chỉnh đốn tổ chức đã làm cho nhiều cán bộ đảng viên ở xã bị bắn giết, bị tù đày, phải ra khỏi BCT thì sau này lại được đưa về làm bí thư Thành uỷ Hà Nội, còn Hồ Viết Thắng bị đưa ra khỏi TW Đảng thì lại cho làm uỷ viên thường trực Uỷ ban Kế hoạch nhà nước! Trái lại, người ngoài Đảng mà dám thẳng thắn phát biểu ý kiến với ĐCS, cho dù nhẹ nhàng chăng nữa, như trường hợp luật sư Nguyễn Mạnh Tường đọc bài tham luận tại hội nghị Mặt trận Tổ quốc phê phán cuộc CCRĐ và đưa ra những đề nghị hợp lý thì Đảng trù dập ông, dồn ông vào cảnh khốn cùng cho đến chết! Và thử hỏi có bao giờ TW Đảng thành thực sám hối về những sai lầm, những tội ác của mình hay không?

Chẳng những không sám hối mà cả cho đến ngày nay, ĐCS vẫn cứ nói lấy được là CCRĐ đã giành được thắng lợi lớn: "thực hiện ước mơ nghìn đời" của nông dân - đem lại ruộng đất cho người cày. Đây là một sự đối trá trắng trợn. Vì ruộng đất nông dân được chia thì một phần đáng kể là của những người bị quy oan, khi sửa sai cuối cùng phải trả lại. Phần ruộng đất chia còn trong tay nông dân, họ chưa kịp được hưởng gì trên mảnh đất được chia đó thì năm 1957-1958, ĐCS đã bắt đầu lùa họ vào hợp tác xã để tập thể hoá nông nghiệp, nghĩa là họ không còn làm chủ ruộng đất của họ! Vả lại, xét cho cùng, "đem lại ruộng đất cho người cày" đâu có phải là mối quan tâm chính yếu hay là mục đích tối hậu của Đảng? Cho nên đến khi sửa đổi Hiến pháp sau ngày thống nhất đất nước, bằng một điều khoản mới trong Hiến pháp, Đảng đã nhẹ nhàng quốc hữu hoá toàn bộ ruộng đất trong cả nước! Thế thì làm sao có thể nói là Đảng "đem lại ruộng đất cho người cày" được?! Quả thật là người nông dân chịu bao nhiêu đau thương tang tóc cuối cùng chẳng được gì cả!

Thứ hai. Tội phá hoại truyền thống tốt đẹp mấy nghìn năm của dân tộc. Truyền thống hiếu hòa, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau ở nông thôn Việt Nam được dân tộc ta xây dựng hàng nghìn năm đã bị ĐCS phá vỡ trong vòng ba-bốn năm CCRĐ. Nếu ai đã từng sống ở nông thôn Việt Nam trước "cách mạng," trước CCRĐ đều cảm nhận cái tinh thần "đùm bọc nhau," "lá lành đùm lá rách" còn khá đậm đà trong mối quan hệ giữa người với người. Cố nhiên, không ai nói là ở các làng quê không có những kẻ bóc lột, nhưng tinh thần chung ở nông thôn ta là như vậy. Với cái chính sách "phân định thành phần giai cấp," ĐCS chia cư dân nông thôn thành cố nông, bần nông, trung nông (có ba loại, trung nông yếu, trung nông vừa, trung nông cứng), phú nông (có hai loại, phú nông thường, phú nông ngấp nghé địa chủ – đây là "sáng kiến" của người chấp hành để khi cần thì dễ "kích" họ lên địa chủ, chứ trong chính sách thì không chia ra), địa chủ (có mấy loại, địa chủ yêu nước và kháng chiến, địa chủ thường, địa chủ cường hào ác bá, địa chủ phản động). Sự phân chia có vẻ "khoa học" lắm, nhưng khi thực hiện

thì tất cả đều do cảm tính chủ quan, do nhu cầu của "đội" (khi trên bắt phải đủ 5% địa chủ, bắt phải có ác bá, phản động để bắn, thì cứ phải "kích" lên cho đủ số), do ý muốn chủ quan của "ông đội" (nhiều khi ý muốn đó rất quái đản, thấy thái độ của đương sự có vẻ ngang bướng thì cứ "kích" lên cho bõ ghét). Về nguyên tắc, muốn phân định thành phần thì phải "tố khổ," phải "tố" nhau, vạch nhau ra để "xếp" thành phần. Vì lối xúi giục, cưỡng ép người dân tố giác lẫn nhau rất phổ biến trong CCRĐ, từ đó họ chia rẽ nhau, thù ghét nhau. Cũng có nhiều người lúc đầu không muốn "tố" ai hết vì không muốn làm trái lương tâm, nhưng ai không chịu "tố" thì bị đội CCRĐ coi là chưa "dứt khoát," "có liên quan," v.v... cuối cùng thì ai cũng tham gia vào cuộc "tố" lẫn nhau để giữ mạng mình. Đây là số đông. Nhưng cũng có không ít những kẻ hoặc vì tư thù, hoặc vì muốn trục lợi, "tố điêu," "tố láo" để ngoi lên làm "rễ," làm "cốt cán," làm cán bộ, để được chia "quả thực" nhiều hơn. Mà thường cái đám người này nghèo túng vì lười biếng, vì rượu chè, cờ bạc, có khi là những phần tử lưu manh, nhưng thường lại được đội coi như là bần cố nông để dựa, o bế, sử dụng nhằm... hoàn thành nhiệm vụ của đội. Một điều kỳ quái cần nói nữa là: mọi lời "tố" của nông dân đều không cần bằng chứng, hơn nữa mọi lời "tố" của họ đều được coi là bằng chứng, đều được ghi vào hồ sơ tội trạng! Không cần có bất cứ một sự kiểm chứng nào hết! "Lý luận" chung hồi đó là "phải tin tưởng ở quần chúng," "nông dân lao động đã nói là đúng." Thế là không còn ai cãi được nữa! Chính vì thế, khi đội cần "đánh vào" bí thư hay chủ tịch ủy ban kháng chiến trước ở vùng tạm bị chiếm, nay bị coi là tổ chức cũ, mà có một ai đó "tố" là "chúng nó họp Quốc Dân Đảng" thì bị "lên hồ sơ" ngay là "bí thư Quốc Dân Đảng," và anh ta khó tránh khỏi cái án tử hình! Một nông dân "tố" một người bị "kích" lên địa chủ là "hồi kháng chiến, khi máy bay địch tới, tôi thấy hắn nhìn lên trời và chỉ chỏ cái gì đó," tức thì bị quy ngay là "gián điệp" và số phận anh ta coi như là "đi đứt"! Có thể là thế hệ mới lớn lên, nhất là những người đang sống ở các nước dân chủ tiên tiến, thì khó mà tin là đã có những chuyện như thế. Khốn thay đó lại là sự thật đắng cay đã từng xảy ra trong lịch sử nước nhà!

Tóm lại, CCRĐ làm cho nội bộ nông dân chia rẽ trầm trọng, làng xóm đảo lộn lung tung! Đến khi ĐCS tuyên bố sửa sai thì tình hình nông thôn lại cực kỳ hỗn loạn: những vụ ẩu đả, đâm chém, trả thù nhau giữa những người bị "tố oan" với những kẻ "tố điêu," giữa những người bị tước đoạt tài sản với những người được hưởng "quả thực," giữa cán bộ cũ bị quy kết phản động và bị tù tội với cán bộ mới "ngoi lên" trong CCRĐ... Di sản nghìn năm rất đáng quý mà cha ông ta đã để lại là tinh thần đùm bọc, hoà hiếu nhau của người dân nông thôn miền Bắc đã bị phá huỷ từ ngày CCRĐ. Lẽ nào đó không phải là một tội ác?

Thứ ba. Tội phá hoại đạo lý, luân thường của dân tộc. Trong lịch sử dân tộc Việt Nam chưa bao giờ đạo lý làm người bị đảo điên một cách quái đản như trong CCRĐ. Các đội CCRĐ không từ một cách nào hết để "tìm ra địa chủ," "tìm ra phản động," "tìm ra của chìm," họ ép buộc con cái "đấu tố" cha mẹ, con dâu "đấu tố" bố mẹ chồng, con rể "đấu tố" bố mẹ vợ, vợ "đấu tố" chồng, anh em "đấu tố" lẫn nhau, trò "đấu tố" thầy, kẻ hàm ơn "đấu tố" người đã làm ơn, láng giềng hàng xóm "đấu tố" lẫn nhau! (Cũng có trường hợp cha mẹ bấm bụng khuyên con cái "đấu tố" mình để mong cứu mạng cho con cái). Thật là một tấn bi kịch hãi hùng! Những người bị quy là địa chủ ngay lập tức bị tước mọi quyền làm người, bị hạ nhục, bị chà đạp, ngay lập tức phải thay đổi cách xưng hô trước nông dân, phải cúi đầu lễ phép "thưa các ông, các bà nông dân," phải xưng "con" trước mặt nông dân, dù đó chỉ là một đứa trẻ con. Còn nông dân thì tha hồ gọi người kia là "thằng kia," "mụ kia," "con kia," là "mày," "chúng bay" và tự xưng là "tao," "chúng tao," thậm chí có thể chửi mắng, xỉ vả. Chẳng ai dám làm trái lại cái "lệ mới" đó – đội tuyên bố phải đối xử như thế mới "nâng cao uy thế nông dân," mới "đánh gục giai cấp địa chủ" được! Không làm thế là "bênh địa chủ," "mất lập trường giai cấp," thậm chí "có liên quan với địa chủ"! Ngay cả đứa bé con cũng có thể mắng mỏ, sỉ nhục người lớn đã bị quy là địa chủ. Những người này, dù là thứ bậc thế nào trong họ tộc cũng đều bị bà con họ tộc xa lánh, để không "bị liên quan." Còn khi hành quyết người bị án tử hình thì những người thân thích, ruột thịt của người ấy, từ già cả cho đến trẻ con, đều bắt buộc phải có mặt để chứng kiến tận mắt cảnh tượng đó! Đúng là sự khủng bố tinh thần cực kỳ vô nhân đạo!

Một tình trạng thương tâm nữa là nhiều gia đình ở nông thôn (và cả ở thành phố có liên hệ với nông thôn) đã tan vỡ, con cái bơ vơ, vì khi một trong hai người có gia đình bị quy (hoặc bị kích lên) thành phần địa chủ, bị gán tội phản động,

thì bên kia, tức là vợ hay chồng, sợ liên luỵ phải bỏ nhau. Nhiều người đi lập gia đình khác, có con hoặc chưa có con với chồng hay vợ mới. Đến sau này thấy sai, người bị bắt đi tù nay được trở về, thế là bao nhiêu chuyện rắc rối xảy ra đến nỗi Bộ tư pháp VNDCCH phải ra thông tư ngày 19.04.1956 để "giải quyết những vụ vợ chồng bỏ nhau." Thật là mỉa mai, người ta cho rằng có thể hàn gắn được tình cảm yêu thương trong gia đình đã bị thương tổn nặng nề bằng một tờ thông tư vô hồn của Bộ tư pháp! Tình yêu của nam nữ cũng bị xâm phạm nghiêm trọng giống hệt như thế – để giữ lập trường giai cấp ai cũng phải cắt đứt với người yêu thuộc thành phần địa chủ, phản động!

Đây cũng là một nét về đạo đức nữa cần phải nói đến. Chưa bao giờ sự giả dối trắng trợn được đề cao như trong CCRĐ. Chẳng cần phải nói tới việc các "anh đội," "chị đội" báo cáo láo cho đoàn, vì nó quá thường, mà cái cần vạch ra ở đây chính là người ta ép buộc, khuyến khích người nông dân nói dối, làm láo. Dần dà rồi người nông dân cũng thấy cần phải nói dối, làm láo để "qua khỏi cái đận CCRĐ," họ cũng "tố bậy," "tố điêu" dù trong thâm tâm biết mình đang nói dối, vu khống. Cũng có người cố giữ lương tâm trong sạch, nhưng thường họ phải trả giá đắt cho điều đó. Cho nên cơn dịch dối trá cứ lan tràn. Đội cũng dạy thêm cho nông dân quen làm những việc giả dối, chẳng hạn như dặn họ: khi thấy trên màn ảnh xuất hiện hình địa chủ thì phải hô "đả đảo," hay vừa hô vừa ném đá vào hình địa chủ để tỏ lòng uất hận của mình. Thế là nông dân cũng làm theo. Tất nhiên, cũng không loại trừ cái hiện tượng gọi là "tâm lý đám đông," khi người ta hành động như trong một cơn lên đồng tập thể. Chẳng hạn, mỗi lần chiếu phim "Bạch Mao Nữ" củaTrung Quốc, thì có nhiều người khóc nức nở, và khi xuất hiện hình địa chủ là bên dưới ào ào ném đá vào màn ảnh. Chính vì thế, các diễn viên kịch thường từ chối lên sân khấu đóng vai địa chủ vì sợ vỡ đầu sứt trán.

Chủ trương của UBCCRĐTW là trong các cuộc đấu địa chủ, nhất là địa chủ cường hào ác bá đều phải chuẩn bị rất chu đáo để ra "đấu trường" không được vấp váp. Thế là trước ngày đấu, mọi "rễ", "chuỗi", dân quân, công an, toà án, chủ tịch đoàn... đều phải "diễn tập" như thật, ai lên "đấu" trước, ai lên "đấu" sau, "tố" thế nào, xỉa xói ra sao, nói gì, khi nào người "tố" phải cảm động khóc lóc, khi nào người dân phải hô "đả đảo" (khi người bị "tố" không nhận tội...), lúc nào thì bắt địa chủ quỳ (quỳ là biểu hiện của sự "bị đánh gục"!), lúc nào thì "hoan hô" (khi toà tuyên án tử hình, tịch thu tài sản...). Chủ tịch đoàn những cuộc đấu lớn đều là "rễ", "chuỗi," cốt cán mới đào tạo trong vài tháng, nói năng ngượng nghịu, lúng ta lúng túng, điều khiển thế nào nổi, nên khi ra "đấu trường," thường "anh đội," "chị đội" phải ngồi sau lưng nhắc, như người nhắc tuồng (souffleur) ở rạp hát! Cũng có khi nhắc mãi không được, chủ tịch đoàn cuống lên, thì "anh đội" giật micro và điều khiển luôn. Tóm lại, một sự diễn kịch, một trò giả dối lố bịch, trắng trợn, mà không hề biết ngượng! Nhưng cái nguy hại chính là sự giả dối đó cứ thấm dần vào tiềm thức cán bộ và người dân, tạo nên một nếp sống giả dối vô đạo đức của nhiều người!

Thứ tư. Tội phá hủy truyền thống tâm linh và văn hoá của dân tộc. Bằng cuộc CCRĐ, ĐCS cố tình triệt hạ các tôn giáo và truyền thống tâm linh của dân tộc. Trước CCRĐ, các nhà thờ Thiên chúa giáo, các tu viện, nhà cô nhi... đều có ruộng đất riêng, các chùa có ruộng hậu do tín chủ cúng cho chùa, các nhà thờ họ có ruộng họ, các đình có ruộng làng... để lo việc sửa sang, tu bổ nhà thờ, chùa, đình, cúng tế hàng năm, việc từ thiện, v.v... và để nuôi sống các linh mục, tu sĩ, tăng ni và những người chuyên lo việc trông nom, thờ phụng... Nhờ thế hoạt động tôn giáo, tâm linh, từ thiện được tiến hành bình thường không có trở ngại. Nhưng với chính sách CCRĐ của ĐCS, tất cả các ruộng đất đó đều nhất loạt bị coi là ruộng đất phong kiến và bị trưng thu để chia cho nông dân. Với cái đòn độc địa đó, tất cả các nhà thờ, tu viện, nhà cô nhi, chùa chiền, điện thờ, miếu mạo, nhà thờ họ, đình... đều trở nên điêu đứng và dần dần tàn tạ. Riêng đối với nhà thờ Thiên chúa giáo, do phong trào giáo dân ồ ạt di cư vào Nam, nên về sau Đảng đã phải để lại cho các nhà thờ một ít ruộng đất. Người ta công nhiên dùng các cơ sở thờ cúng vào việc họp hành, đóng quân, làm hội trường, làm kho hợp tác xã mua bán, kho hợp tác xã sản xuất, v.v... Có nơi thậm chí người ta cho các tượng Phật trôi sông. Nhiều nơi bà con tín đồ bí mật cứu các tượng Phật, đem chôn, đem giấu hầm kín, sau này phần lớn các tượng gỗ đều mục nát, thế nhưng cũng có ít tượng còn giữ được, vào thập niên 80 bà con mới đưa lại vào chùa. Tóm lại, cuộc sống tâm linh hoàn toàn bị xoá bỏ. Chữ "thiện," chữ "nhân" một thời gian dài chẳng ai dám nói đến, vì giữa lúc cái ác tràn đầy mà nói

đến chữ "thiện", chữ "nhân" thì có thể bị coi là biểu hiện sự phản đối!

Trong lúc đó, người ta lại đề cao bạo lực, cổ vũ đấu tranh giai cấp, khuyến khích điều ác, điều bất nhân, điều vô đạo. Một điều rất quái dị trong CCRĐ mà ĐCS lại coi là tự nhiên hoặc là cần thiết: người ta thường xuyên huy động các cháu thiếu niên từ 9-10 tuổi trở lên tham gia CCRĐ. Bắt chúng mang trống ếch đi cổ động, đi "đả đảo," "hoan hô," tham dự các cuộc đấu tố, các phiên toà CCRĐ, các buổi hành quyết công khai. Nhiều cháu, nhất là các cháu gái, vốn có tâm lý hiền lành bị bắt buộc phải tham gia, đã không chịu nổi, run sợ, khiếp đảm, có cháu ngất xỉu trước cảnh hãi hùng, súng bắn, máu đổ... Còn các cháu vốn có tâm lý hung dữ thì lại thích thú hoan hô, thậm chí sau khi "được" tham dự những cảnh tượng đó, có nơi chúng lại bày trò chơi "đấu tố", bắt con cái địa chủ quỳ để con cái nông dân lên đấu, cũng xỉa xói vào mặt, cũng xỉ vả, vạch tội... Chẳng biết có ai xúi giục không, nhưng nhiều nơi đã xảy ra những "trò chơi" quái đản đó! Khi cái thiện bị nén xuống mà cái ác được cổ vũ, thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên là đạo đức bị suy đồi, băng hoại dưới chế độ của những người cộng sản. Tôi còn nhớ trong thời kỳ "cởi trói," đã được đọc truyện ngắn "Bước Qua Lời Nguyền" của Tạ Duyên Anh đăng trên tuần báo "Văn Nghệ" (1989) ở Hà Nội, truyện đó phản ánh phần nào tấn bi kịch của giới trẻ nông thôn đã lớn lên trong và sau cuộc CCRĐ đầy kinh hoàng.

Không những CCRĐ đánh một đòn rất mạnh vào nền đạo lý và truyền thống nhân bản, mà nền văn hoá dân tộc cũng vì nó mà bị tổn hại rất nặng nề. Nhiều miếu đền uy nghiêm bề thế, nhiều bia đá là những di tích văn hoá lâu đời của dân tộc đã bị huỷ hoại trong CCRĐ. ĐCS giấu kín những chuyện này, nhưng cũng có thể nêu ra vài trường hợp. Mong rằng các bạn xa gần, trong và ngoài nước sưu tầm và bổ sung thêm. Chẳng hạn, cụ Nguyễn Mai (1876-1954) là hậu duệ đời thứ 14 của dòng họ Nguyễn Tiên Điền, gọi thi hào Nguyễn Du (1765-1820) đời thứ 11 là bác. Đầu năm 1954, lúc 78 tuổi cụ bị đội và đoàn CCRĐ quy là địa chủ (vì có vài mẫu cho phát canh để sống) lại bị "kích" lên thành phần phong kiến cường hào (vì cụ từng đỗ cử nhân khoa Canh Tý [1900] lúc 24 tuổi, lại đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Thìn [1904] lúc 28 tuổi), mà thật ra cụ không hề nhận chức tước, phẩm hàm gì, chỉ cam phận sống thanh nhàn ẩn dật. Cụ bị đấu ba đêm liền, bị kết án 15 năm tù khổ sai, bị giam ở trại Đâng, tỉnh Hà Tĩnh, là nơi nước rất độc, nên ngay mùa thu năm ấy, cụ bị phù thũng chết trong trại tù, vùi xác ở ven rừng. Cụ Nghè Nguyễn Mai từ trần trong uất hận là nỗi đau lớn, nhưng nỗi đau còn lớn hơn nữa cho dân tộc là do cụ bị quy oan như vậy, mà đội CCRĐ đã phá huỷ nhiều đền đài, bia, miếu thờ của các danh nhân họ Nguyễn Tiên Điền và nghiêm trọng hơn nữa đã đốt cháy ngôi nhà năm gian chứa đầy thư tịch quý giá của dòng họ Nguyễn Tiên Điền, trong đó có di cảo của thi hào Nguyễn Du. Một sự mất mát lớn lao về văn hoá không có gì bù lại được! (Xem sách "Bể Dâu Trong Dòng Họ Nguyễn Du" của Đặng Cao Ruyện, NXB Miền Đông Hoa Kỳ, 2002, tr. 200, 201).

Còn một chuyện này nữa. Trong cuộc hội nghị cán bộ do TW Đảng triệu tập sau khi có nghị quyết sửa sai trong CCRĐ hồi tháng 09.1956, tôi được nghe ông Cù Huy Cận, lúc đó là thứ trưởng Bộ văn hoá, nói ở cuộc họp tổ là tấm bia đá của Lê Lợi đã bị đội CCRĐ phá huỷ. Bộ văn hoá phải cấp tốc thuê làm bia khác giống hệt bia cũ rồi đặt vào chỗ cũ và phải tuyệt đối giữ bí mật để không ai biết là bia mới! Tôi không có điều kiện kiểm chứng, nhưng chẳng lẽ ông thứ trưởng văn hoá lại nói sai?!

*

Như trên tôi đã viết, tuy là chuyện CCRĐ đã qua từ lâu rồi, nhưng ngày nay, vẫn cần phải nói đến, vì ngày nay tập đoàn lãnh đạo ĐCS đang cố viết lại lịch sử, đang cho bọn bồi bút xuyên tạc lịch sử để chạy tội cho ông Hồ Chí Minh và cho ĐCSVN trong CCRĐ và cả trong nhiều việc khác nữa.

Cần phải nói công bằng là trước năm 1950, ông Hồ và ĐCSVN không nói đến CCRĐ, chỉ nói đến giảm tô, mà cũng chỉ trên giấy tờ và rất coi nhẹ việc thực hiện. Chỉ từ năm 1952, vấn đề giảm tô và CCRĐ mới đặt ra một cách gắt gao. Như vậy có thể nói là việc CCRĐ là do sức ép của Stalin và Mao Trạch Đông. Nhưng khi ông Hồ đã nhận làm CCRĐ là ông và ĐCSVN đã làm một cách tin tưởng và tích cực. Cũng có thể do yếu tố tâm lý của một người trước đây đã từng bị Stalin và Quốc tế Cộng sản coi là hữu khuynh, thậm chí bị nghi ngờ, không giao việc trong thời hạn dài, nay lại bị nhận xét là coi nhẹ nhiệm vụ phản phong, thì ông càng phải cố tỏ rõ tinh thần mẫn cán, kiên quyết của mình. Quả là hồi đó,

ông Hồ và ĐCSVN cũng thật tình rất tin tưởng vào Stalin và Mao Trạch Đông. Chẳng thế mà ông đã công khai nói trước hội nghị cán bộ (1950) tại chiến khu Việt Bắc để chuẩn bị cho đại hội 2 của ĐCS sẽ họp năm sau là: "Các cô các chú nên biết rằng: ai đó thì có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể nào sai được." Chính tôi có mặt trong cuộc hội nghị đó, tôi nghe rõ, nhiều người khác cũng nghe rõ như thế, có điều bây giờ họ không muốn hay không dám nhắc lại mà thôi. Đến đại hội 2 của Đảng (tháng 03.1951), ông Hồ lại cũng nói đúng như thế, và cụ Nguyễn Văn Trấn cũng đã kể lại chuyện đó trong sách của cụ "Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội." Cho nên ông Hồ làm CCRĐ rõ ràng với sự tin tưởng và tích cực. Vì thế, không phải ngẫu nhiên mà cụ Vũ Đình Huỳnh, người gần gũi ông nhất thời gian đó sau này đã "khẳng định người chịu trách nhiệm chính trong sự gây ra những sai lầm trong CCRĐ là ông Hồ Chí Minh, chứ không phải ông Trường Chinh, như đã có sự ngộ nhận kéo dài nhiều năm. Trường Chinh là con dê tế thần cho sai lầm của ông Hồ" (xem "Đêm Giữa Ban Ngày" của nhà văn Vũ Thư Hiên). Theo tôi, đúng là ông Hồ phải chịu trách nhiệm chính, như cụ Vũ đã nói, nhưng Trường Chinh chẳng phải là "con dê tế thần" với cái nghĩa "oan dương" đâu, vì ông ta vừa là Tổng bí thư, vừa là chủ nhiệm UBCCRĐTW, ông ta là người điều hành mọi việc CCRĐ hồi đó, cho nên, nếu Trường Chinh không phải là thủ phạm số một thì cũng phải là thủ phạm số hai. Cái ý của cụ Vũ, theo tôi hiểu, là TW Đảng trong hội nghị lần thứ 10 (09.1956) đã không đả động gì đến Hồ Chí Minh, đã không dám nói đến trách nhiệm của ông Hồ (vì thi hành kỷ luật Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước thì... ôi thôi, ĐCS còn gì nữa!) mà chỉ đưa Trường Chinh và các ông khác ra "chịu trận" mà thôi.

Sau này, trong giới thân cận với giai cấp cầm quyền, có những người hay tung ra những câu chuyện về Hồ Chí Minh không tán thành chủ trương CCRĐ, không tán thành việc xử tử bà Nguyễn Thị Năm, không tán thành làm Chỉnh đốn tổ chức trong CCRRĐ, v.v... Nhưng, xét cho cùng, loại chuyện đó chỉ là những huyền thoại không hơn không kém. Những huyền thoại ấy nhằm đánh lừa những người không biết tình hình thực tế hồi thập niên 50 ở miền Bắc và những thế hệ trẻ hậu sinh, nhằm chạy tội cho ông Hồ để vớt vát cái gọi là "tư tưởng Hồ Chí Minh" làm phao cứu mạng cho tập đoàn thống trị cộng sản. Hoàng Tùng, nguyên tổng biên tập báo Nhân Dân, nguyên bí thư TW ĐCSVN, nhiều năm làm tuyên huấn, v.v... là một trong số những "chuyên gia" sáng tác huyền thoại kiểu đó. Trong hồi ký "Những Kỷ Niệm Về Bác Hồ", ông ta có kể lại về thái độ của ông Hồ đối với án tử hình bà Nguyễn Thị Năm như sau: "Họp Bộ chính trị Bác nói: 'Tôi đồng ý người có tội thì phải xử thôi, nhưng tôi cho là không phải đạo nếu phát súng đầu tiên lại nổ vào người đàn bà, mà người ấy cũng giúp đỡ cho cách mạng. Người Pháp nói không nên đánh đàn bà, dù chỉ đánh bằng một cành hoa.' Sau cố vấn Trung Quốc La Quý Ba đề nghị mãi, Bác nói: 'Thôi tôi theo đa số, chứ tôi

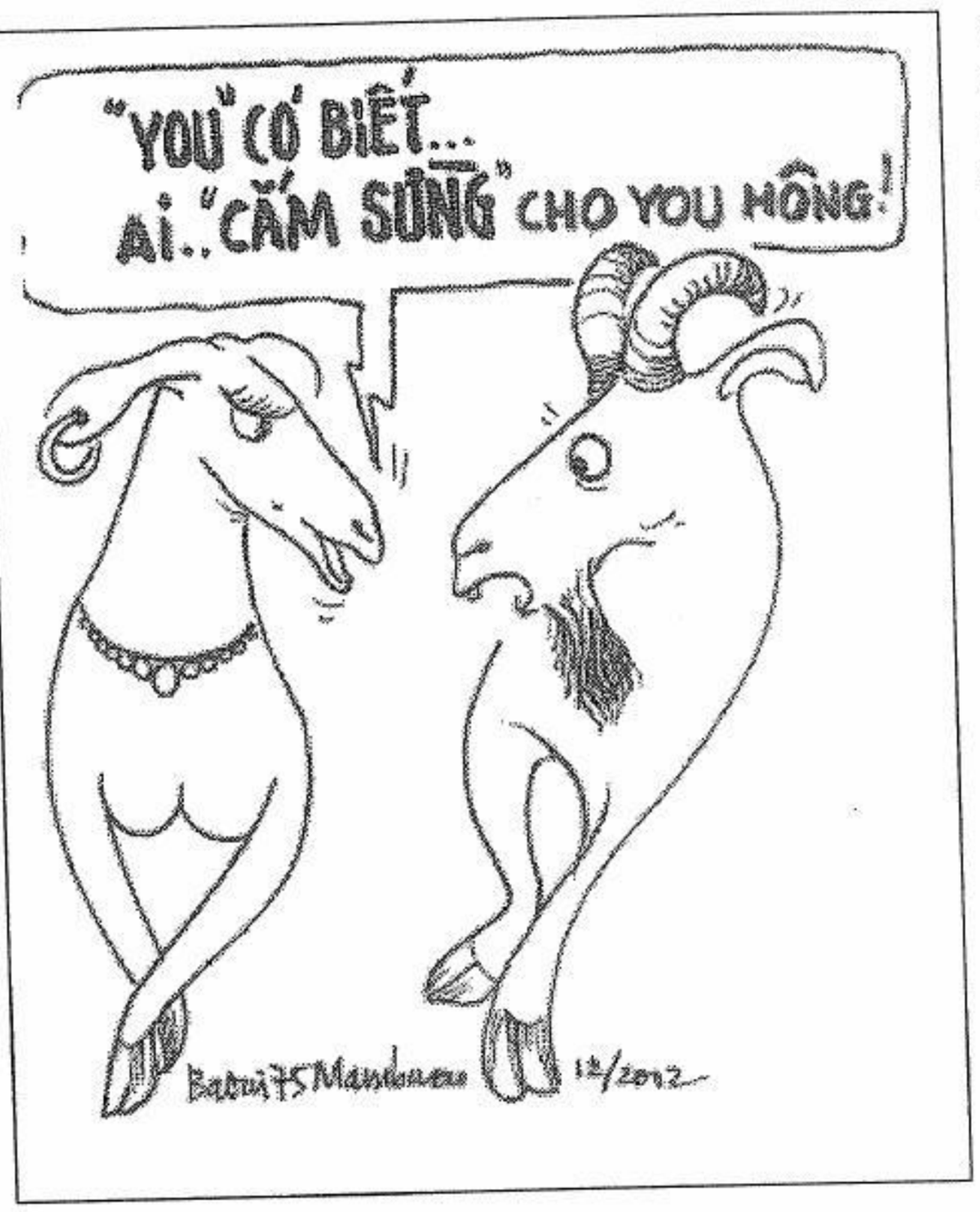

vẫn cứ cho là không phải.' Và họ cứ thế làm." (xem đoạn trích, đăng trên tờ "Diễn Đàn Forum" ở Paris, số 123/11.2002, tr.15). Khi kể chuyện này, Hoàng Tùng đã cố lờ đi mấy điều thực tế lịch sử rất quan trọng: 1/ vào thời điểm nửa đầu thập niên 50, uy thế của ông Hồ trong Đảng là tuyệt đối, một lời của ông đã nói ra thì không một ai, kể cả các ông trong BCT, dám làm trái ý ông hết; 2/ tất cả các ông trong BCT TW, không trừ một ai hết, đều răm rắp giữ đúng tư cách một người học trò khiêm tốn, không bao giờ được phép quyết định những chủ trương lớn mà không có ý kiến ông, huống hồ là việc làm trái ý ông. Hồi 1952-1953 thì không thể nào có chuyện "Thôi tôi theo đa số" và "Và họ cứ thế làm" được! Nếu thật sự ý thức được là "không nên đánh đàn bà, dù chỉ đánh bằng một cành hoa," mà ông Hồ chỉ lắc đầu một cái thôi, chứ không cần phải nói nhiều lời như Hoàng Tùng kể, thì chắc chắn là ông đã cứu được bà Nguyễn Thị Năm! Mà không chỉ một mình bà Năm! Thêm nữa, cái chữ "họ" trong câu của Hoàng Tùng "Và họ cứ thế làm" rất mập mờ: "họ" là ai? Các ông trong BCT hay các cố vấn? Các ông trong BCT thì chắc chắn là không. Còn các ông cố vấn có thể họ trái ý với ông Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng của Việt Nam, nhưng họ không thể bắt ép ông được, họ chỉ là cố vấn, chứ không có quyền biểu quyết, quyết định. Những cơ quan nào đã từng làm việc với cố vấn Trung Quốc hồi đó đều biết cái nguyên tắc đó. Cho nên có thể khẳng định rằng: Trong vụ án Nguyễn Thị Năm, đúng là ông Hồ đã không cứu bà Năm. Cũng như sau này, trong vụ án Xét lại – chống Đảng, ông đã không cứu ông Vũ Đình Huỳnh. Dù rằng ông biết rõ về họ.

Hơn nữa, một câu hỏi hoàn toàn chính đáng được đặt ra: trong suốt ba-bốn năm đằng đẵng lẽ nào ông Hồ và BCT không hề hay biết gì hết đến những thảm hoạ của người dân ở nông thôn mà họ cai trị hay sao? Lẽ nào ông Hồ, Trường Chinh và các ông khác trong BCT không biết rằng ở quê hương mình những người đồng hương của họ đang khốn khổ ra sao? Lẽ nào trong giới thân cận của ông Hồ và các uỷ viên BCT không có một ai dám phản ánh tình trạng bi đát của người dân cho họ biết hay sao? Câu trả lời dứt khoát là: các ông ấy đều có biết, nhưng các ông đều im lặng! Im lặng đến nỗi ông Vũ Đình Huỳnh một lần đang ốm cũng cố chống gậy lên Chủ tịch phủ gặp ông Hồ và nói toạc vào mặt ông: "Máu đồng bào, đồng chí đã đổ mà Bác ngồi yên được à? Chúng ta tuy không có học, chúng ta dốt, chúng ta phải vừa làm vừa xây dựng chính quyền, vì dốt nát chúng ta mắc mọi sai lầm, nhưng chúng ta không có quyền để tay chúng ta nhuốm máu đồng bào, đồng chí!" (Xem "Đêm Giữa Ban Ngày"). Hoàng Tùng cũng đã lờ tịt cái thực tế lịch sử phũ phàng này: Trong suốt thời gian CCRĐ, ông Hồ, với tư cách là Chủ tịch nước, chưa hề ký một lệnh ân xá nào cho một ai bị án tử hình. Chỉ từ sau Đại hội lần thứ 20 ĐCS Liên Xô và nhất là sau hội nghị cán bộ cao cấp và trung cấp của Đảng (từ 28.04 đến 03.05.1956), do phản ứng rất mạnh của cán bộ thì mới có lệnh tạm thời chưa thi hành các án tử hình. Nhưng, than ôi, lúc đó thì... CCRĐ về cơ bản đã gần xong rồi! Lúc đó các đoàn và UBCCRĐTW đang bắt tay làm báo cáo tổng kết để chuẩn bị cho hội nghị TW Đảng kiểm điểm CCRĐ (tháng 09.1956).

Ngay cả việc Chỉnh đốn tổ chức trong CCRĐ, Hoàng Tùng cũng cố tình đổ lỗi cho cố vấn Trung Quốc là chính, chứ không phải lỗi của ông Hồ và ĐCSVN. Ông Tùng viết: "Thuyết của họ là không dựa vào tổ chức cũ mà tổ chức lại một số tổ chức của Đảng, họ phủ nhận hết các tổ chức khác, như chính quyền, các đoàn thể. Ai lãnh đạo cách mạng tháng tám thành công, ai lãnh đạo cuộc kháng chiến từ năm 1945 đến năm 1953. Thế mà họ thẳng tay bỏ hết, trong đó có mấy ngàn người bị xử tử. Mục đích của họ không phải là CCRĐ mà là đánh vào Đảng ta. May mà đến năm 1956 ta kịp dừng lại (bao nhiêu đầu rơi, máu đổ và CCRĐ cũng đã gần xong, thế mà bảo là "kịp"! – Người viết), nếu không thì tan nát hết." Một đoạn khác: "Đánh thuế công thương nghiệp, cải tạo tư sản cũng là do Trung Quốc đề ra. Hậu quả là hơn một triệu người di cư vào Nam. Ta đổ tội cho Pháp, Mỹ, điều đó chỉ đúng phần nào, còn là do ta vội, làm ẩu, đánh tràn hết. Không phải địa chủ mà phú nông, thậm chí trung nông cũng đánh. Đảng viên tốt cũng bị đánh. Kết quả của những chính sách, cải cách lúc đó là như thế." (xem tờ "Diễn Đàn Forum" nói trên). Đúng là các cố vấn Trung Quốc chỉ biết có kinh nghiệm CCRĐ ở Hoa Nam, khi Hồng quân tiến xuống phía Nam, hầu như không có cơ sở tổ chức của ĐCS, nên có nhiều người không phải cộng sản cũng đã đứng ra lập tổ chức, lập chính quyền, vì thế khi làm CCRĐ thì ĐCS Trung Quốc cố tình nhân cơ hội ấy quét sạch các tổ chức đó đi lập những tổ chức mới của họ. Còn ở miền Bắc Việt Nam, tình hình hoàn toàn khác hẳn. Không thể làm rập khuôn theo kinh nghiệm Hoa Nam được. Tôi cũng chẳng

thích gì các cố vấn Trung Quốc, nhưng tôi nghĩ rằng cần phải xét vấn đề khách quan theo đúng sự thật lịch sử, chứ không thể đổ lỗi, đổ tội tùm lum cho họ tất cả được. Ông Hồ và BCT TW ĐLĐVN sống và làm việc ở Việt Nam, có phải là trẻ con đâu mà bảo các ông cố vấn Trung Quốc xúi gì là làm nấy? Chẳng qua chỉ vì khi đã say men "lập trường giai cấp đấu tranh," say men Marxisme-Leninisme, Stalinisme, Maoisme... trong cuộc lên đồng tập thể, thì chính các ông lãnh tụ cộng sản Việt Nam cũng "hăng hái" không kém gì người ta. Tôi còn nhớ, có lần đọc bài nói chuyện của ông Hồ với cán bộ CCRĐ đăng trên tờ nội san "Cải cách Ruộng đất" (tạp chí lưu hành trong nội bộ), trong đó ông giải thích rất mộc mạc chủ trương không được dựa vào tổ chức cũ như sau: "Tổ chức cũ là 'tổ kén,' các cô, các chú không được dựa vào..." Lại cũng cái lối dùng hình ảnh như việc uốn tre đã nói trên! Năm 1962, khi nói chuyện về Tuyển tập Hồ Chí Minh với anh Nguyễn Kiến Giang, lúc đó là phó giám đốc Nhà xuất bản Sự Thật, anh kể rằng: "Làm tuyển tập đó chúng tôi mệt lắm, phải rà soát lại cả, bao nhiêu bài nói của ông cụ trong CCRĐ phải loại bỏ hay thu gọn lại." Tôi hỏi anh có nhớ bài ông cụ nói "Tổ chức cũ là 'tổ kén' không? Anh trả lời: "Có chứ! Bài đó phải loại bỏ. Cán bộ đảng viên nông thôn người ta đang oán giận đùng đùng, đưa vào tuyển tập thế nào được!" Nếu ông Hồ không tán thành chủ trương của các cố vấn đối với tổ chức cũ ở nông thôn thì có ai bắt ông phải nói thế đâu?

Tôi kể lại những chuyện đó chỉ để đi đến kết luận này: ĐCSVN chớ nên đổ lỗi, đổ tội cho ai cả, mà cần thấy hết cái trách nhiệm lớn lao của mình trong CCRĐ. Chừng nào ĐCSVN chưa sám hối được về những tội ác đã gây ra, thì người dân chớ có hy vọng là Đảng sẽ sửa đổi, sẽ đổi mới và sẽ không tái diễn lại những tội ác trước đây.

Cũng xin mọi người đừng quên: CCRĐ không phải là thảm hoạ đầu tiên, cũng chẳng phải là thảm họa cuối cùng mà tập đoàn thống trị cộng sản Việt Nam đã gây ra cho dân tộc ta! Tôi không kể những thảm hoạ trước CCRĐ, mà chỉ nói ngay liền sau CCRĐ là vụ án Nhân Văn – Giai Phẩm, vụ án Xét lại – chống Đảng, rồi Cải tạo công thương nghiệp, đánh đổ tư sản ở miền Bắc, rồi cái nghị quyết số 49/NQ/TVQH của Thường vụ Quốc hội do Trường Chinh ký ngày 20.06.1961, nhốt hàng chục vạn người vô tội ở miền Bắc vào các trại tập trung khủng khiếp, rồi Tết Mậu Thân, v.v... và v.v... Nếu kể hết thì ta thấy cả một chuỗi dài tội ác khủng khiếp đã qua và đang tiếp tục mãi cho đến tận ngày nay. Cố nhiên, ngày nay người ta dùng thủ đoạn tinh vi hơn, nhưng bản chất tội ác vẫn thế.

Tội ác mới gần đây nhất là vụ án Lê Chí Quang, xử một nhà yêu nước chân thành, một chí sĩ đáng kính dù chỉ mới ngoài ba mươi tuổi! Cái "tội" của anh là đã dũng cảm dấn thân vì nước, đã dám kêu gọi đám cầm quyền hiện nay hãy cảnh giác kẻo mang tội bán nước cho Bắc triều, đã dám đứng chân vào "Hội Nhân Dân Chống Tham Nhũng" những mong trừ được quốc nạn cho dân tộc. Tập đoàn thống trị cộng sản Việt Nam đã trắng trợn bày trò xử án để tống người thanh niên yêu nước vào tù, người thanh niên đã từng tuyên bố đanh thép chí hướng của anh trong bài tiểu luận nổi tiếng "Hãy Cảnh Giác Với Bắc Triều": "Tôi viết bài này khi đang bị kìm kẹp trong vòng nghiệt ngã của các lực lượng bảo thủ và tay sai cho Bắc Triều. Biết rằng, bài viết này không làm cho hào quang lấp lánh trên đầu tôi mà trái lại, càng đẩy tôi sâu thêm vào vòng nguy hiểm. Ngay như đối với một công thần của cách mạng, mà họ còn ngang nhiên tuyên bố xanh rờn: '...Sẵn sàng hy sinh Hoàng Minh Chính để bảo vệ chế độ.' Huống chi tôi chỉ là *con tốt đen dễ dàng bị biến thành vật tế thần cho bàn thờ Bắc Triều*. Dẫu sao trước hiểm họa khôn lường của tồn vong đất nước, tôi đâu dám nề hà xả thân, bởi tôi tâm niệm câu nói của Hàn Phi Tử: ***'Nước mất, mà không biết là bất tri. Biết mà không lo liệu, là bất trung. Lo liệu, mà không liều chết là bất dũng.'*** Chỉ mong sao tấc lòng nhỏ mọn này, được lương tri dân tộc trong và ngoài nước soi thấu, và hết lòng, hết sức chỉ giáo." (01.10.2001).

Rất mong rằng trong dịp nhớ lại thảm hoạ CCRĐ, "lương tri dân tộc trong và ngoài nước," nhất là lương tri giới trẻ nhận thức rõ rằng chế độ độc tài đảng trị mà còn thì những thảm họa tương tự vẫn sẽ còn tiếp tục, vì tập đoàn thống trị cộng sản không tôn trọng con người, không tôn trọng sinh mạng và quyền tự do của con người, không tôn trọng luật pháp mà chỉ coi trọng quyền lực của họ là tối thượng mà thôi. Nhắc lại thảm hoạ CCRĐ, chúng tôi rất mong mọi người, nhất là giới trẻ noi gương Lê Chí Quang, thêm quyết tâm tranh đấu sớm xóa bỏ chế độ độc tài nhằm chuyển hoá đất nước ta thành một xã hội dân chủ đích thực, tạo điều kiện cho sự phát triển và phồn vinh của Tổ quốc chúng ta.

15.12.2002

NĂM MÙI NÓI CHUYỆN DÊ VÀ... CHÓ

NGUYỄN VĂN TUẤN

Tý, sửu, dần, mẹo, thìn, tỵ, ngọ, mùi... Năm nay đánh dấu năm thứ tám trong chu kỳ 12 năm theo cách đếm cổ truyền 12 chi của người Á châu chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc, kể cả người Việt Nam chúng ta. Ở Việt Nam, chúng ta quen gắn liền năm thứ tám với con dê, nhưng cũng có người Trung Quốc cho rằng con trừu (cừu) mới là một biểu tượng cho năm thứ tám. Thực ra, hai con vật này có nhiều điểm giống nhau, nhưng cũng khác nhau về các đặc tính cơ bản. Nhưng ở đây, chúng ta đã quá quen với con dê là năm mùi, vậy thì chúng ta sẽ bàn về con dê vậy.

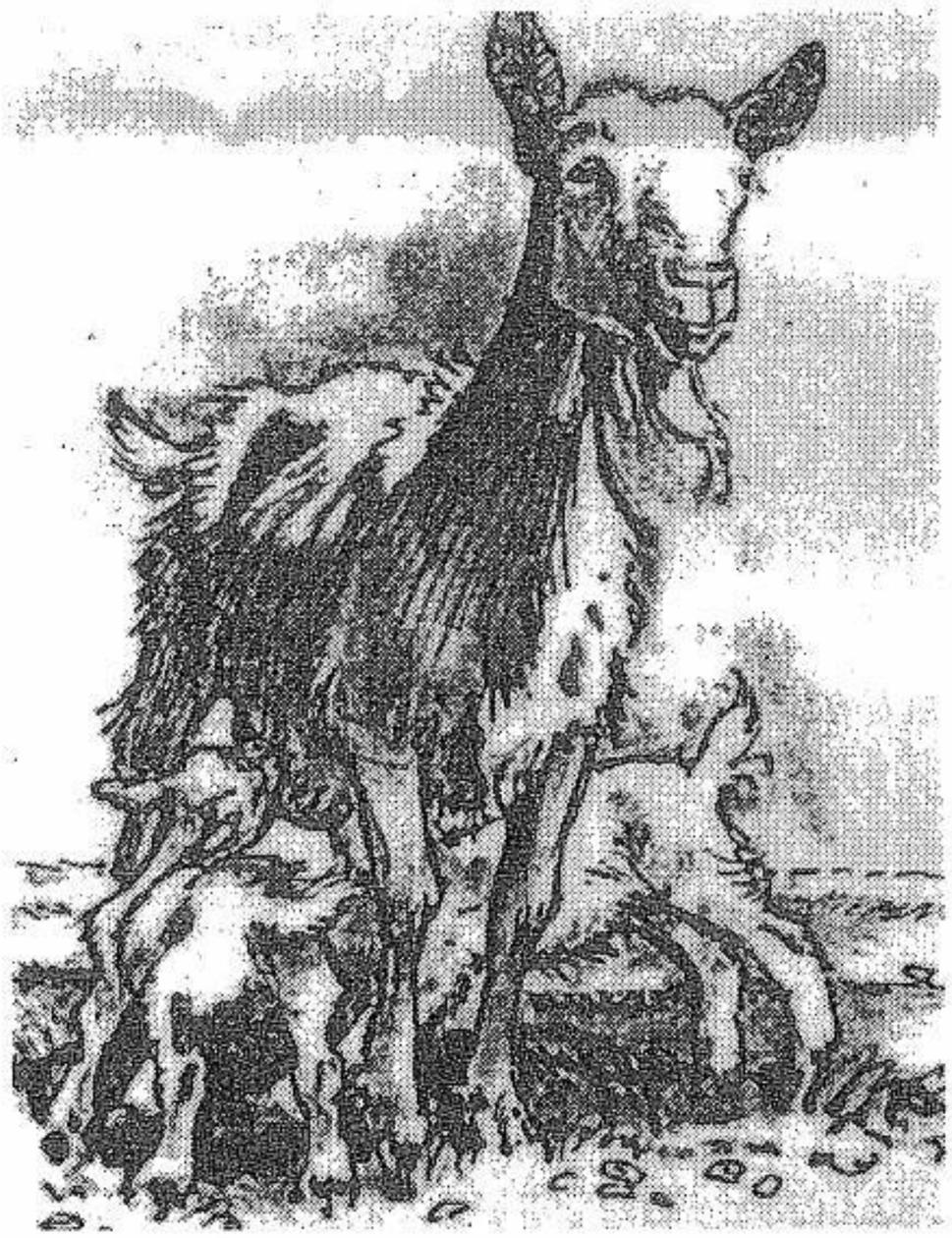

Phải thú nhận rằng người viết đôi khi cảm thấy ngại ngùng khi viết về 12 con vật mỗi khi Tết đến, vì nói cho cùng đó là một việc làm mang tính chu kỳ, và dễ dẫn đến sự nhàm chán. Thì cũng là những đặc tính của con vật, biểu tượng, lịch sử tiến hóa, v.v... làm đầu đề cho từng con vật như một công thức thì quả là nhàm. Thế nhưng năm nay thì khác. Con dê, theo người viết có vài điều thú vị và đặc biệt hơn những con vật khác mà có thể chúng ta chưa từng biết qua. Thành ra, nhu cầu cho một bài về con dê vẫn có đấy. Dê và chó là hai con vật gắn liền với văn minh nông nghiệp, vì thế năm nay người viết sẽ bàn luôn một vài phát hiện quan trọng về loài chó và có thể có ý nghĩa lớn đến văn minh Đông Nam Á.

Nói đến dê, ai trong chúng ta cũng nghĩ ngay đến một đặc tính chung của người đàn ông: dê. Nhưng "dê" là gì? Từ điển Tiếng Việt định nghĩa dê là "đa dâm." Theo tôi, định nghĩa này không chính xác so với thực tế. Dê có lẽ nên được hiểu là những hành vi ve vãn nhằm mục đích thu hút, khêu gợi, và tán tỉnh người khác phái. Đàn ông và phụ nữ, không ít thì nhiều, đều có những hành vi này. Hiểu theo nghĩa này thì chữ "dê" không nên chỉ tính đàn ông, mà còn là tính phụ nữ. Dê vì thế không nên hiểu là một hành vi xấu, mà là một hành vi cần thiết cho sự sinh tồn của con người.

Nhưng theo tử vi tiên đoán thì những người cầm tinh con dê chẳng có đặc tính nào dính dáng gì đến đặc tính "dê" như trên cả. Thật vậy, tử vi cho biết những người sinh năm mùi nói chung là những người có nhiều nghệ-sĩ-tính trong người. Họ là những người yêu văn học, nghệ thuật, có năng khiếu làm thơ, viết văn, và hội họa. Người cầm tinh con dê, do đó, có thể là người lịch thiệp và duyên dáng. Và trong nhiều trường hợp, họ dùng cái duyên dáng để đạt được những gì mà họ mong muốn. Họ là những người không thích gây hấn, dù có thể nói nhiều về chiến tranh. Trong văn học Việt Nam, những tác gia nổi tiếng sau đây sinh năm mùi: Phạm Nguyễn Du (1739 – 1786; nhà văn), Phan Huy Ích (1751 – 1822; nhà văn, con rể Ngô Thì Sĩ và cháu Phan Huy Cận), Nguyễn Khuyến (1835 – 1909; quan chức, nhà thơ), Phan Đình Phùng (1847 – 1895; nhà thơ, chí

sĩ), v.v... Trong những người nổi tiếng ở Tây phương sinh năm mùi có thể kể đến Kevin Costner, Robert De Niro, Bruce Willis, Mel Gibson, Nicole Kidman, Goldie Hawn (tài tử điện ảnh); Paul McCartney, Celine Dion (ca sĩ); Greg Norman (tay chơi golf); Bill Gates (Chủ tịch công ty Microsoft); Boris Yeltsin (chính khách) ...

Nhưng theo tử vi Tây phương (thường được gọi là tử vi Babylonians), dê là một biểu tượng cho khả năng sinh sản dồi dào của đàn ông, và nguồn sinh lực bất tận của đàn bà, và có ký hiệu *Capricorn*. Capricorn là một vật thể có hình dáng của dê và cá. Theo các từ điển về biểu tượng, lưỡng tính này là một truyền thống chia vũ trụ thành hai mặt đối nghịch nhau, như đất và nước.

Theo định nghĩa khoa học, dê và cừu là những động vật thuộc gia đình *ruminants*, thức loài ăn nhai; sừng rỗng, cong quặp về phía sau; dưới cằm có một túm lông làm thành râu. Tiếng Việt chúng ta không có danh từ riêng để phân biệt rõ ràng từng loại dê, nhưng tiếng Anh phân biệt dê cái (doe), thường có sừng nhỏ hơn dê đực (buck hay goat), hay dê con (kids). Dê và cừu có tên khoa học là "Caprini," và từ đó mà chúng ta có một tên khác cho dê, *caprine*. Dê tuy cùng họ với cừu, nhưng chúng khác nhau: đuôi dê ngắn hơn, và sừng rỗng hơn nhưng dài hơn và hướng lên trời; còn sừng cừu thì xoáng theo vòng xoay. Dê có râu, cừu không có râu. Dê, nhất là dê đực, có mùi "mạnh" và mùi này thường rất nồng trong mùa hứng tình.

Một đặc tính đáng chú ý của dê là bao tử dê có đến bốn ngăn! Ngăn thứ nhất (rumen) là chỗ chứa men để phân hủy thức ăn; ngăn thứ hai (reticulum) là nơi lọc ra những cặn bã mà dê "ăn nhầm"; ngăn thứ ba (omasum) là nơi thải nước; và ngăn thứ tư (abomasum) là nơi xử lý các thức ăn. Có lẽ vì cái bao tử đặc biệt này mà dê có thể ăn hầu như bất cứ cây cỏ nào. Dê thích cỏ, lá, cành con, và trái cây. Chúng ăn những loại cây đắng, cây trồng trong sa mạc. Chúng thậm chí ăn vặt những mảnh cây khô, dây thừng, và bông dệt vải.

Chúng là những sinh vật lanh lợi, có khả năng nhảy như bay từ tảng đá này sang miếng đá nọ, và đáp xuống với hai chân trước một cách thoải mái. Sở dĩ dê có khả năng như thế là vì chúng có cặp chân rất cứng cáp, được cấu trúc có thể chịu đựng một lực lớn. Do đó, dê rất ít khi nào bị gãy xương, và vì đặc tính này mà nhiều nhà nghiên cứu xương trong y khoa đã dùng dê làm mô hình nghiên cứu cho bệnh loãng xương (osteoporosis).

Có thể nói dê là một con vật gắn liền với văn hóa đồi núi. Phần lớn dê sống trong môi trường đồi có nhiều cỏ. Chúng thường sinh sản vào mùa thu, nhưng cũng có giống sinh sản quanh năm. Thời gian thai nghén của dê chỉ [trung bình] 145 ngày, tức chỉ khoảng năm tháng. Chúng thường sinh đôi, nhưng sinh ba cũng không phải là hiếm. Sau khi sinh vài phút, dê con có thể đứng và di chuyển theo đàn ngay.

Về tính tình, dê là con vật bình tỉnh, không có tính hốt hoảng và không phàn nàn nếu phải sống cùng đám đông. Dê có vẻ tuân theo trật tự xã hội, luôn tuân theo mệnh lệnh của người dẫn đầu, một đặc tính mà con người rất thích để thuần hóa. Dê cũng là con vật dễ nuôi (chúng có thể dùng cỏ hay cả cây khô) và không khó tính khi chọn bạn đực / cái.

Nói chung dê là một con vật sống động, thú vị, và huyền bí hơn con cừu. Trong quá khứ nhiều huyền thoại, hay nói đúng hơn là hiểu lầm, về loài dê. Có người từng cho rằng dê thở qua cái sừng, còn một số người khác thì tin rằng dê thở bằng lỗ tai!

Dê đóng một vai trò tương đối phong phú trong văn học và các câu truyện cổ tích Tây phương. Nói chung, trong phần lớn các truyện, dê là biểu tượng của sự lịch thiệp, khoái cảm, "đại diện" cho nam tính và năng lực sáng tạo, trong khi đó dê cái tượng trưng cho nữ tính và sinh lực.

Trong văn học Việt Nam, dê không được phổ biến như rắn, rồng, hay trâu. Nhưng trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, có một truyện về một người con trai có khuôn mặt xấu xí tên là Dàng và con dê. Dàng mồ côi cả cha lẫn mẹ từ lúc còn bé, lớn lên trong nghèo hèn, phải chăn trâu cho người ta để sống qua ngày. Một ngày nọ, Dàng được một ông cụ, thấy chàng ta chịu khó làm việc, hứa sẽ sửa sắc đẹp cho chàng để đi cưới vợ. Ông cụ sai Dàng đi mua một con dê đực lông dài, râu dài, và sừng cong về để ông sửa mặt cho Dàng. Ông hy sinh con dê, lấy nguyên vẹn bộ da, còn cả móng, tai, chòm râu, và đôi sừng. Ông bảo Dàng dồn cỏ vào tấm da và phơi nắng đúng 100 ngày; sau đó lấy hết cỏ ra, rồi ông bào Dàng chui vào tấm da ấy. Dàng lững thững đi bằng bốn chân dạo chung quanh làng, và tìm một hang đá gần đồi cỏ của nhà vua để sống qua ngày. Một buổi sáng nọ, công chúa lùa đàn dê lên đồi cho ăn cỏ, Dàng ở trong chạy ra đón đàn dê; thấy con dê đực xinh đẹp, đàn dê của công

chúa quấn quít chung quanh và theo dê đực đi ăn cỏ. Chiều xuống, dê đực dẫn đàn dê về trước mặt công chúa để nàng dẫn về chuồng. Sau nhiều ngày như thế, công chúa để ý và nghi ngờ rằng dê đực xinh đẹp kia là con người, và trong một dịp tình cờ, hai người đã giáp mặt nhau, yêu nhau, và... cưới nhau.

Trong tôn giáo, dê và cừu là hai con vật được nhắc đến khá nhiều và nổi bật. Trong Kinh Thánh Ki-tô giáo, dê được nhắc đi nhắc lại hơn trăm lần, và cừu được nhắc đến hơn 5000 lần. Chúng ta biết rằng ông Abraham là tổ của ba tôn giáo thờ thiên chúa (Ki-tô giáo, Hồi giáo, và Do Thái giáo), và cháu của ông là Job làm chủ một đàn cừu lên đến hơn 10,000 con. Có lẽ xuất phát từ văn hóa du mục này mà những người lãnh đạo ba tôn giáo trên thường được ví như nhưng con chiên, tức cừu non. Jesus Christ cũng được đề cập đến như là một con chiên của Đức Chúa Trời.

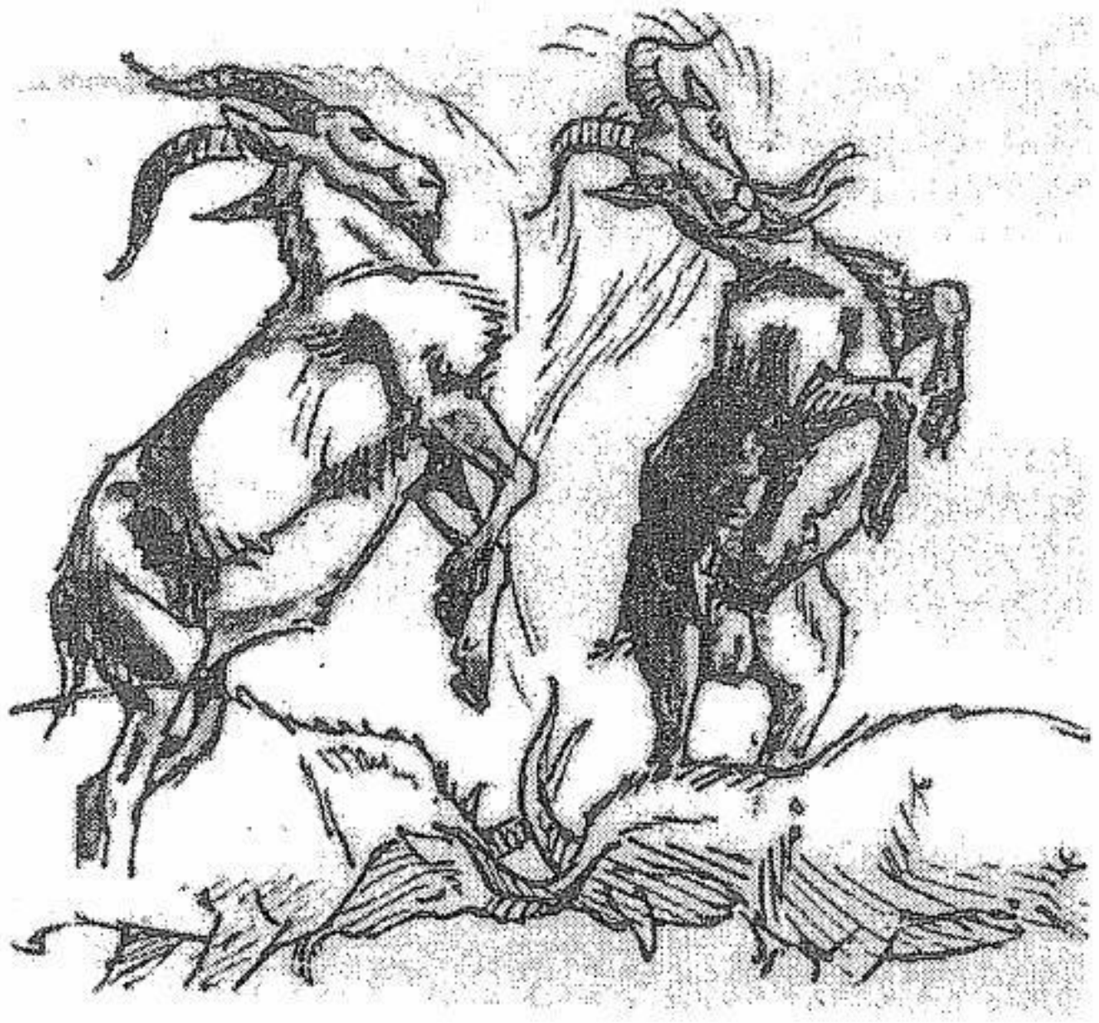

Việc sử dụng dê làm vật tế thần để chuộc tội cho cả một cộng đồng là một tục lệ phổ biến có từ thời Babylon cổ và được lưu truyền cho đến ngày nay. Thật vậy, theo tục lệ xưa của ba tôn giáo này, người ta thường hay giết dê để làm vật hy sinh thờ Thiên Chúa. Danh từ "scapegoat" (ghép từ hai chữ tiếng Anh, escape = vượt trốn, và goat = dê) xuất phát từ tên gọi của một buổi lễ Hebrew (Yom Kippur), khi một con dê được thả vào rừng và do đó mang theo tội lỗi của người đời. Trong Ki-tô giáo, scapegoat được dùng làm biểu tượng của Chúa Jesus Christ chịu đau khổ để chuộc tội cho chúng sinh trên thế giới.

Nhưng dê cũng là biểu tượng của một sự xấu xa. Chẳng hạn như khi đầu của con người được minh hoạ bằng đầu dê là một biểu trưng cho một người xấu xa, đê tiện. Trong kinh thánh Hebrew (Do Thái), con dê sa'ir, được mô tả như là một người dâm dục trong Cựu Ước (Isaiah 13: 21 và 34:14). Trong Ki-tô giáo, dê có khi cũng là biểu tượng của sự dâm đãng, nhục dục, độc ác, và là con vật đáng ghét, trong khi con cừu tượng trưng cho người cần được cứu rỗi.

Trong Phật giáo, dê được đối xử nhân đạo hơn. Theo truyền thuyết, một hôm vài đệ tử của Phật hỏi ông rằng có nên giết dê hay cừu để làm tiệc tiễn đưa người thân hay không; Phật trả lời dứt khoát: không. Ông kể một câu chuyện như sau: Ngày xưa khi Brahmadatta còn ngự trị ở Varanasi, một giáo sĩ Bà-la-môn muốn hy sinh một con dê để làm lễ cho người chết, ông ra lệnh cho đệ tử mang con dê xuống bờ sông, tắm rửa nó, chải lông cho nó, quấn vào cổ một vòng hoa, cho nó ăn thóc, và mang lại cho ông. Trong khi các đệ tử lo chăm sóc con dê, bổng dưng nó cười lớn lên rồi khóc thảm thiết. Các đệ tử hỏi tại sao con dê lúc thì cười và lúc lại khóc, nó trả lời rằng hãy đem nó về cho ông giáo sĩ. Nhóm đệ tử đem con dê về trại cho ông giáo sĩ và tường thuật lại những hành vi lạ lùng của con dê lúc ở bờ sông cho ông nghe. Ông giáo sĩ lặp lại câu hỏi mà các đệ tử ông hỏi lúc còn ở bờ sông, thì con dê trả lời rằng: "Ngày xưa tôi cũng là một giáo sĩ, dạy kinh Vedas như ông. Tôi cũng hy sinh dê để làm lễ cho người chết. Bởi vì giết chết một con dê mà cái đầu của tôi đã bị cắt 499 lần. Tôi cười lớn khi tôi nhận ra rằng đây là lần cuối cùng tôi đầu thai như một con thú để chịu hy sinh. Hôm nay, tôi sẽ được giải phóng khỏi kiếp con thú. Nhưng tôi khóc vì biết rằng khi ông giết tôi, ông cũng sẽ bị cắt đầu 500 lần. Tôi khóc cho ông là thế." Nghe thế, ông

giáo sĩ nói ông sẽ không giết con dê, nhưng nó nói dù ông giết hay không giết nó thì nó cũng không thoát khỏi cái chết ngày hôm nay. Ông giáo sĩ hứa là sẽ bảo vệ cho nó tới cùng, nhưng con dê nói ông không hiểu đâu vì ma lực rất mạnh. Ông giáo sĩ thả con dê, nó bắt đầu vươn cổ cao lên tận ngọn cây gần một hòn đá, và ngay lúc đó, một tia chớp chẻ hòn đá làm hai và cắt cổ con dê. Phật dùng câu chuyện để lý giải về thuyết luân hồi và khuyên con người không nên sát sinh.

Dê xuất phát từ đâu? Cũng như trường hợp của cừu, tổ tiên của dê cho đến nay vẫn còn nằm trong vòng nghi vấn, vì chưa ai biết đích xác tiền thân của dê là con vật gì. Hài cốt của dê từng được phát hiện tại các khu khảo cổ học thuộc vùng Tây Á như Jericho, Choga, Mami, Djeitun và Cayonu. Dựa vào những hài cốt này, các nhà khoa học ước đoán rằng thời gian mà dê được thuần hóa xảy ra vào khoảng 6000 đến 7000 năm trước Công nguyên. Nhưng theo một quan điểm "chính thống," những con dê đầu tiên sống trong vùng đồi núi ở Á châu, và sau này bành trướng sang Bắc Mỹ, và Nam Âu châu. Đó là những kiến thức đã được đi vào sách giáo khoa và từ điển bách khoa. Tuy nhiên, theo một nghiên cứu khoa học mới đây gây chấn động giới nghiên cứu súc vật thì dê là một con vật được thuần hóa ít nhất là 10,000 năm trước đây ở vùng núi Zagros thuộc Iran ngày nay [1]. Nghiên cứu này cho thấy vào thời đó dân làng đã từng thử nghiệm nhiều cách thức khác nhau để gây giống dê và sử dụng dê trong chăn nuôi.

Nghiên cứu này [rằng dê có nguồn gốc từ Iran] đáng tin cậy hay không? Có khả năng nào dê xuất phát từ Đông Á, hay cụ thể hơn là Đông Nam Á hay không? Để trả lời câu hỏi này, có lẽ chúng ta cần xét lại những khám phá mới nhất về con chó. Chó và dê được xem là hai con vật đầu tiên được con người thuần hóa trong văn minh nông nghiệp. Cũng như trường hợp dê, đã từ lâu, giới khoa học vẫn cho rằng quê hương nguyên thủy của chó là ở Trung Đông, vì người ta tin rằng đây là nơi phát triển nền nông nghiệp đầu tiên trên thế giới. Và những kiến thức như thế đã đi vào sách giáo khoa trong đại học và trung học.

Thế nhưng, trong thời gian gần đây, nhiều nghiên cứu cho thấy hiểu biết trên là không đúng. Ngày nay, chúng ta biết rằng Đông Nam Á là một trung tâm văn minh của con người thời tiền sử [2], và văn hóa Hòa Bình là một bộ phận quan trọng trong nền văn minh Đông Nam Á. Chúng ta cũng biết rằng quê hương nguyên thủy của cây lúa rất có thể là ở chung quanh vùng Đông Dương - Mã Lai - Miến Điện, vì ở đây khí hậu nhiệt đới là môi trường thuận lợi cho việc canh tác nông nghiệp, và văn minh Hòa Bình là nền văn minh nông nghiệp đầu tiên trên thế giới, khoảng 15,000 năm trước dương lịch [3]. Vài ngàn năm trước Công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã đưa cây lúa đến vùng Đông Á và Tây Á [4].

Ngoài kĩ thuật trồng lúa và cây trái, một thành tựu đáng kể khác của người Hòa Bình là thuần hóa một số gia súc như trâu, chó, lợn, gà, v.v... Đông Nam Á đóng vai trò rất lớn trong việc phổ biến các gia súc này. Trong cuốn "Origin of species," E. Darwin cũng từng khẳng định rằng tất cả các giống gà nuôi trên thế giới đều có nguồn gốc từ gà hoang ở Đông Nam Á. Thành ra, trong một bài viết cho Tập san National Geographic, W. G. Solheim II viết, "*Có những miếng thịt bò được chôn chung trong những ngôi mộ ở Non Nok Tha. Chúng được xem như thịt của một loài bò bướu (bos indicus). Như thế đây là nơi sớm nhất trên trái đất biết chăn nuôi gia súc ở Đông Á*" [3]. Có ít nhất là hai nghiên cứu qui mô về nguồn gốc người Trung Quốc ngày nay, và họ đi đến kết luật rằng tổ tiên của người Trung Quốc là người Đông Nam Á di dân lên phía Bắc [5].

Vài tuần trước đây, qua kết quả phân tích DNA trong xương chó cổ truy tìm từ Mễ Tây Cơ, Bolivia và Peru, các nhà nghiên cứu cho rằng tất cả các loại chó du nhập vào Mỹ châu trước thời Columbus [phát hiện Mỹ châu] đều bắt nguồn từ các giống chó Âu-Á (Eurasian). Ngoài ra, các nhà nghiên cứu còn khẳng định rằng tổ tiên của chó nuôi trong nhà hiện nay là loài chó sói cũng ở vùng Đông Á, bởi vì phân tích DNA cho thấy chỉ số đa dạng di truyền trong các loài chó ở Đông Á cao hơn nhiều so với chỉ số trong loài chó ở Âu châu [6-7].

Dựa vào phân tích mitochondrial DNA (sưu tầm từ lông của 654 chó), một chất liệu di truyền có lợi điểm hơn DNA [8], các nhà khoa học tại Hoàng gia Học viện Công nghệ ở Stockholm (Royal Institute of Technology in Stockholm) ước đoán rằng thời điểm mà chó được thuần hóa vào khoảng 15,000 năm đến 40,000 năm về trước. Thời điểm 40,000 năm dựa theo giả định rằng tất cả loài chó được thuần hóa từ một con chó sói duy nhất, và rõ ràng là giả định này khó mà chấp nhận được, cho nên các nhà khoa học chọn con số 15,000 năm là đáng tin cậy và có cơ sở nhất.

Như đề cập trên, thời điểm phát triển nông

nghiệp được ước đoán qua nghiên cứu của W. G. Solheim II (15,000 năm) trùng hợp với thời điểm thuần hóa loài chó mà các công trình nghiên cứu này ước đoán. Tất cả các dữ kiện trên đây cho thấy chó gia dụng ngày nay ở Mỹ có thể xuất phát từ Đông Nam Á.

Do đó, có thể giả thuyết dê xuất phát từ Trung Đông là một giả thuyết cần được xét lại. Người viết bài này không ngạc nhiên nếu một nghiên cứu dựa vào phân tích DNA trong tương lai cho thấy dê xuất phát từ Đông Á hay cụ thể hơn là Đông Nam Á.

Một mô hình có thể phát triển dựa theo ý của Stephen Oppenheimer [2] như sau: khoảng 8000 năm về trước, do nạn Đại hồng thủy làm chìm đắm lục địa Đông Nam Á, cư dân phải di tản đi các vùng đất khác để sống. Họ chính là những người gầy dựng nên nền văn hóa Đồ Đá Mới của Trung Quốc, Ấn Độ, Lưỡng Hà, Ai Cập và vùng đông Địa Trung hải, và do đó, họ là những người cha đẻ và vun đắp các nền văn minh vĩ đại ở phương Tây. Nếu mô hình này đúng, và cùng với các dữ kiện thực từ nghiên cứu khoa học gần đây, thì nguồn gốc gia súc như chó và dê, ở Mỹ châu hay Âu châu hiện nay xuất phát từ Đông Nam Á tưởng không phải là một giả thuyết quá xa xôi.

Tài liệu tham khảo:

[1] Zeder MA, Hesse B. The initial domestication of goats (capra hircus) in the Zagros Mountains 10000 years ago. Science 2000; số 287, trang 2254-2257.

[2] Xem *Eden in the East: the Drowned Continent of Southeast Asia*, của Stephen Oppenheimer, Nhà xuất bản Phoenix (London), 1998.

[3] W. G. Solheim II. New light on a forgotten past. National Geographic, Volume 139, Number 3, 1971. Trích đoạn trong bài viết quan trọng này, "*Theo truyền thống, người ta cho rằng trong thời kỳ tiền sử, kỹ thuật miền Đông Nam Á là kết quả của những làn sóng di dân từ phương Bắc mang đến. Riêng tôi cho rằng văn hóa nguyên thủy thời đồ đá mới Ngưỡng Thiều (Yangshao) ở Trung Quốc mà người ta biết đến chính là kết quả của một nền văn hóa tiền Hòa Bình đã di chuyển từ miền bắc Đông Nam Á lên phía bắc vào khoảng 6000 hay 7000 năm trước Công nguyên.*"

[...]

"*Văn hóa Long sơn (Lungshan) vẫn được xem là phát triển từ Ngưỡng Thiều, [...] thực ra là đã [được] khai sinh ở Nam Trung Quốc và di chuyển lên phía Bắc. Cả hai nền văn hóa này đều bắt nguồn từ gốc văn hóa Hòa Bình.*"

[4] Chesnov Ja. V. Dân tộc học lịch sử các nước Đông Nam Á. 1976. (Trích dẫn theo Trần Ngọc Thêm, "Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam", Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

[5] J. Y. Chu và đồng nghiệp, Genetic relationship of populations in China, *Proc. Natl. Acad. Sci, USA* 1998; 95:11763-11768; Bing Su và đồng nghiệp, *Y-chromosome evidence for a northward migration of modern humans into eastern Asia during the last Ice Age*, American Journal of Human Genetics, 1999, 65: 1718-1724; và bài tóm lược của Nguyễn Văn Tuấn, "Cần đặt lại vấn đề nguồn gốc dân tộc Việt Nam", Thế Kỷ 21, số tháng 7, năm 2002.

[6] Peter Savolainen, Ya-ping Zhang, Jing Luo, Joakim Lundeberg, and Thomas Leitner. Genetic Evidence for an East Asian Origin of Domestic Dogs. *Science* Nov 22 2002: trang 1610-1613.

[7] Jennifer A. Leonard, Robert K. Wayne, Jane Wheeler, Rải Valadez, Sonia Guiſín, and Carles Vil. Ancient DNA Evidence for Old World Origin of New World Dogs. *Science* Nov 22 2002: trang 1613-1616

[8] Không như DNA nằm trong nhân của tế bào, Mitochondrial DNA (mtDNA) nằm ngoài nhân của tế bào. MtDNA chỉ lưu truyền trong giống cái (ví dụ như từ mẹ sang con gái) do đó chúng rất có ích trong việc trùy tìm những mối quan hệ di truyền giữa các nhóm sinh vật. Tuy nhiên, mtDNA có hai nhược điểm: (i) mtDNA có nhiễm sắc rất nhỏ, chỉ khoảng 16500 mẫu tự (tức chỉ khoảng 16 kilobases); và (ii) sự phân phối của các mẫu tự cũng không đồng đều. Những nhược điểm này chỉ ảnh hưởng đến nghiên cứu bệnh tật, nhưng không mấy ảnh hưởng đến việc truy tìm nguồn gốc của một sinh vật.

MỜI ĐÓN ĐỌC:
26 NHÀ THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Lần đầu tiên sáng tác của các nhà thơ trong và ngoài nước đến với bạn đọc trong một tuyển tập.

26 nhà thơ góp mặt:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Nguyễn Quốc Chánh, Bùi Chát, Đinh Trường Chinh, Trần Tiến Dũng, Nguyễn Đạt, Văn Cầm Hải, Phan Nhiên Hạo, Lê Thị Huệ, Vương Huy, Inrasara, Đỗ Kh., Ngô Tự Lập, Đinh Linh, Ly Hoàng Ly, Nguyễn Hoàng Nam, Uyên Nguyên, Thận Nhiên, Thường Quán, Đỗ Quyên, Phan Bá Thọ, Phan Huyền Thư, Nguyễn Đăng Thường, Nguyễn Hoàng Tranh, Nguyễn Đức Tùng, Nguyễn Viện.

Nhà lý luận phê bình Nguyễn Hưng Quốc viết lời giới thiệu.

Họa sĩ Nguyễn Danh Bằng trình bày bìa và kỹ thuật.

26 NHÀ THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI: Tân Thư xuất bản, 305 trang, giá 20 Mỹ kim, liên lạc :

USA:
THẬN NHIÊN - thannhien7@yahoo.com
ĐINH TRƯỜNG CHINH -
- dinhtchinh@yahoo.com
CANADA:
ĐỖ QUYÊN - do88quyen@yahoo.com

CHUYỆN Y HỌC TRONG KIỀU

LÊ VĂN LÂN

Cành hoa trong những cơn bão tố!

Đọc truyện Kiều, ai cũng cảm thương cho cái khổ của nhân vật Thúy Kiều. Nàng khổ về thể xác và khổ về tinh thần. Nói về khổ thể xác thì người ta nghĩ đến sự đau đớn do những trận đòn mà Kiều phải chịu. Mà nói đến sự đau tức là phải nói đến chuyện thuốc men hay sự điều trị y khoa. Do đó, nói chuyện Y học trong cuốn Kiều không những là mới mẻ mà là một sự khảo sát một tác phẩm thời danh về phương diện kỹ thuật văn hóa cổ thời.

Tuy nhiên, người ta thấy Nguyễn Du hầu như không nói tới nhiều đến khía cạnh thực tế y khoa, lý do là cụ chỉ muốn giản lược những chi tiết quá thực tế trong nguyên tác Hoa ngữ *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Nhân, mà ngược lại nếu cần, cụ chỉ miêu tả chúng bằng những ẩn dụ văn chương.

Đọc kỹ truyện Thúy Kiều, ta thấy nàng kỹ nữ họ Vương đã chịu cả thảy ba trận đòn :

- lần thứ nhất bị Tú bà đánh bằng roi da (bì tiên)
- lần thứ hai bị lính quan phủ đánh bằng gậy gỗ (mộc trượng)
- lần thứ ba bị Hoạn bà đánh bằng gậy tre (trúc côn)

* Trận đòn roi da khủng khiếp nhất làm "thịt đổ, máu sa" mà Nguyễn Du đã miêu tả như sau:

Hung hăng chẳng hỏi chẳng tra,
Đang tay vùi liễu dập hoa tơi bời.
Thịt da ai cũng là người,
Uốn lưng thịt đổ, dập đầu máu sa.

* Trận đòn bằng trượng gỗ tại phủ quan kém ghê rợn nhưng làm rơi lắm lệ và mặt hoa lem luốc :

Dạy rằng cứ phép gia hình,
Ba cây chập lại một cành mẫu đơn.
Phận đành chi dám kêu oan,
Đào hoen quẹn má liễu tan tác mày.
Một sân lầm cát đã đầy,
Gương lờ nước thủy, mai gầy vóc sương.

* Trận đòn bằng gậy tre ở phủ Hoạn bà đã làm da thịt của Thúy Kiều nát ra:

A hoàn trên dưới dạ ran,
Dẫu rằng trăm miệng khôn phân lẽ nào.
Trúc côn ra sức đập vào,
Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh.
Xót thay đào lý một cành,
Một phen mưa gió, tan tành một phen.

Dưới sự miêu tả ẩn dụ của Nguyễn Du, kỹ nữ Vương Thúy Kiều là một cành hoa, nhành liễu, một đóa mẫu đơn, một cây đào lý dưới những trận đòn giáng xuống như cuồng phong bão tố. Bây giờ, chúng ta thử đi ngược về cuốn "Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm Tài Tử viết bằng Hán tự để tìm hiểu những khía cạnh thực tế khi Thúy Kiều bị đòn ra sao?

Ngược giòng về nguyên tác Hán văn

Tôi xin trích dẫn ra những đoạn liên quan trong nguyên tác Hoa ngữ " Kim Vân Kiều truyện" của Thanh Tâm Tài Tử được Tô Nam Nguyễn Đình Diệm dịch ra Việt Ngữ (Văn Hóa tùng thư – Nha Văn Hóa, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc –trách Văn-Hóa xuất bản 1971):

*** Về trận đòn roi da tại nhà Tú bà (hồi X):**

Khi về đến nhà, mụ Tú sai lôi nàng vào trong xó, lột hết áo quần, cả đến mảnh vải quấn chân cũng tháo trơn trọi, rồi dùng dây thừng quàng vào trước ngực, ruồn sang qua nách, bắt tréo về sau lưng, rồi buộc chặt hai đầu ngón tay cái treo lên xà nhà, để cách mặt đất ba tấc, chỉ đủ cho đầu ngón chân chấm tới mặt đất. Còn mình mảy thì để lõa lồ chỉ còn sót lại có một cái khố, khiến nàng hổ thẹn muốn chết. Nhưng tính mệnh lúc ấy ở trong tay người thì còn biết làm thế nào? Nên đành nhắm nghiền hai mắt để mặc chúng hành hạ mà thôi.

Tú bà dợt đòn trên Kiều cả thẩy ba lần, mỗi lần hai ba chục roi da... mà *"mỗi một roi vút, tức thì một lần tấm thân bị quay, luôn luôn quay tít chẳng dừng."* Nói theo tiếng lóng hiện đại, Tú bà bắt Thúy Kiều đi "máy bay."

Lần cuối, Tú bà toan đánh thêm 100 roi nữa nhưng *mụ vừa đánh được 2. 3 roi thì thân thể nàng quay tít như cái chong chóng, 10 đầu ngón tay, máu chẩy ròng ròng, đầu tóc xõa xuống rũ rượi, nước bọt trong miệng trào ra, máu cũng theo giọt nước mắt chảy xuống. Chị em đồng nghiệp trông thấy quang cảnh như vậy, nhất tề quỳ xuống xin tha cho nàng.*

*** Về trận đòn bằng trượng cây ở công đường**

phủ quan, tôi thấy có một sự sai biệt: Trong cuốn Kiều của Nguyễn Du, Thúy Kiều bị quan phủ sai lính đánh ra oai phủ đầu bằng một trận đòn mộc côn trước khi xét xử:

Trông lên mặt sắt đen sì,
Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời
.....
Suy trong tình trạng bên nguyên
Bên nào thì cũng chưa yên bề nào

Nhưng đọc lại Kim Vân Kiều truyện của Thanh Tâm tài tử (hồi XII), tôi không thấy có trận đòn nào mà chỉ thấy sự việc xảy ra như sau: "*Quan phủ bèn sai lính đem chiếc gông ra rồi bảo Kiều:* 'một là phải chịu phạt đòn và chịu gông cùm một tháng. hai là lại phó trở về lầu xanh.' *Trong hai điều ấy tùy ý phải chọn lấy một..Thúy Kiều rằng* 'Bẩm quan con xin cam chịu hình phạt.' *Nói xong lập tức chụp gông vào cổ.'* Nên quan phủ thương tình bảo Thúy Kiều làm thơ vịnh cái gông, nếu nghe hay thì thả cho về. Thúy Kiều vâng lời và làm bài Hoàng Oanh nhi khúc tả cái gông quá hay nên không bị đòn và thả cho về làm vợ bé của Thúc sinh."

*** Về trận đòn gậy tre ở nhà Hoạn bà, Thanh Tâm tài tử viết:**

"Phu nhân lại quát: ....Con hầu bay đâu, hãy lôi nó ra đánh cho chí tử nghe! Thị tỳ hai bên dạ ran một tiếng, rồi chúng vật nàng xuống đất, đứa giữ tay, đứa giữ chân, đứa thì đè đầu, một đứa hô tiếng dơ roi, một đứa quỳ xuống để đếm, tức thì cặp roi bắt đầu nện xuống, nàng chỉ kịp nấc lên một tiếng, thì da mông nóng lên như lửa đốt, hồn phách đã xiêu lạc mất rồi. Rồi cặp roi tre cứ đập luôn xuống một chỗ đến 15 lần, làm da rách máu tuôn. Thúy Kiều chịu đến roi thứ 20 thì 'tắt thở' nên được phun nước vào mặt cho tỉnh."

Truyện Kiều là một tiểu thuyết phong tục

Như vậy, sau những trận đòn khủng khiếp, Thúy Kiều được chữa trị ra sao?

Nguyễn Du trong vần thơ nôm phóng tác đương nhiên không tả chi tiết mà chỉ giản lược trong tinh thần ước lệ ẩn dụ của giòng thơ tao nhã.

Dẫu sao, với mục đích khảo sát một tác phẩm văn học, ngoài chuyện ngâm nga vần điệu để cảm thương cho số kiếp đoạn trường của nhân vật chính, chúng ta cần phải đi sâu hơn vào những khía cạnh thực tế kỹ thuật khác liên quan đến bối cảnh môi trường mà câu truyện được dựng nên. Bên cạnh những triết lý Nho và Phật siêu hình về Thiên mệnh và Nghiệp báo mà người ta từng quen biện luận về chuyện Kiều, nhiều chi tiết khác về văn hóa và lịch sử địa dư và kỹ thuật cũng phải được hậu sinh phân tách:

Học giả Hoàng Xuân Hãn đọc câu:

Đêm thu gió lọt song đào,
Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời

đã dùng Thiên văn học mà phỏng tính thời điểm Thúy Kiều bị hai tên côn đồ Khuyển Ưng bắt cóc. Lê Ngọc Trụ và Trần Thượng Thủ đã vạch lại khoảng cách địa lý trên bộ và hải trình từ Lâm Truy đem về Vô Tích bao xa. Giáo sư Y khoa Nguyễn Đình Cát đã "Phân tách nước mắt của nàng Kiều." Cá nhân tôi cũng mạo muội viết về "Chuyện mua bán và kinh tế trong Kiều." Tóm lại, truyện Kiều là một kho tàng để hậu sinh khảo sát phân tách để tìm hiểu nhiều khía cạnh về lịch sử nhân văn phong tục.

Đọc kỹ cuốn Kim Vân Kiều của Thanh Tâm Tài tử, tôi thấy cuốn này quả là một **tiểu thuyết phong tục (roman de moeurs)** như những cuốn tiểu thuyết Trung Hoa khác như Kim Bình Mai, Hồng Lâu Mộng..., cốt truyện là hư cấu nhưng bối cảnh và tình tiết phản ánh nhiều phong tục tập quán đương thời. Khi nhà thơ Việt Nam Nguyễn Du phóng tác truyện Kiều của Trung hoa, cụ đã lạng đi rất nhiều chi tiết bạc nhạc rườm rà luộm thuộm trong nguyên tác mà nhắm mục đích cốt yếu là "Việt Nam hóa" nàng Kiều với những vần thơ bóng bảy để cụ dãi bầy tâm sự của mình. Do đó, ngoài những danh từ tục về "bẩy chữ tám nghề " cần lướt qua để gìn giữ cái thanh nhã văn chương, Nguyễn Du đã cắt bớt rất nhiều chi tiết lỉnh kỉnh về nàng Thúy Kiều Tàu như ngồi nhậu với Kim Trọng bằng rượu hâm với cá rán, và chơi trò thách làm thơ phạt rượu, những giao kèo hôn ước, những bài thơ vịnh trò vui ném đầu hồ phạt rượu của Thúc sinh, những chi tiết về cuộc hành hình khi xử án... Chẳng hạn cuộc mua bán mặc cả khi Thúy Kiều bán mình lấy tiền chuộc cha dài giòng đến một hai trương giấy trong nguyên tác thì Nguyễn Du chỉ tóm gọn bằng một câu:

Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngả giá, vàng ngoài bốn trăm!

Tuy nhiên, sự dài giòng của nguyên tác Kim Vân Kiều của Thanh Tâm Tài tử đã đặc biệt có ích cho chúng ta khi tìm hiểu về phương diện Y khoa vào thời Thúy Kiều sinh sống dưới triều Minh vào thế kỷ 16 ở Trung quốc. Một điều ta cần nói là vào thời đó nền Trung Y với giá trị hầu như bất biến từ thời xa xưa so với thời cận đại hay hiện kim không mấy gì thay đổi. Có thể nói điều này cũng vẫn áp dụng ở Việt Nam trước khi văn hóa Âu Tây xâm nhập vào nước ta. Chính vì đặc điểm

này mà tôi muốn mở ra một khảo sát chi tiết gọi là nói chuyện "Y học trong Kiều."

Tôi xin lần lượt đề cập đến những tiêu điểm sau:

a. Kiều được điều trị như thế nào về ngoại thương qua trường hợp nàng dùng dao cắt cổ tự vẫn và sau khi bị đánh đòn.

b. Một số nghi vấn y khoa về sự ngụy tạo luật-y trên cái thanh tân trinh nữ, về thuốc mê của Khuyển Ưng, về cái chết đứng của Từ Hải

c. Vài khía cạnh Trung Y liên quan đến người phụ nữ sinh sống trong giới bán phấn buôn hương vào triều đại nhà Minh.

A- Điều trị cấp cứu và thuốc thang hồi phục

1- Từ nước gừng hồi tỉnh qua Kim Sang tán đến những dược thảo chỉ huyết...

Trung Y chia những thương tích như sau: Chưởng trúng sang (bị thương do tay), hội sang (vết thương vỡ ra), kim sang (thương do vũ khí kim loại), chiết sang (bị thương gẫy đứt).

Đoạn phim về khúc Thúy Kiều lấy dao dấu sẵn trong người ra tự cắt cổ khi Tú bà dùng roi da đánh lúc mới đến Lâm Truy chỉ được Nguyễn Du miêu tảsự điều trị cứu thương một cách giản lược:

Cắt người coi sóc rước thầy thuốc men.

và:

Thuốc thang suốt một ngày thâu,
Giấc mê nghe đã dần dần vừa tan.

Thanh Tâm tài tử tả chi tiết hơn, nhờ vậy mà chúng ta biết rõ về vết thương và về cách cứu cấp như thế nào:

Còn mụ Tú thì gọi một người nhà đến nâng đầu Thúy Kiều, và hai người nữa đặt nàng lên tấm cánh cửa, khe khẽ đưa vào trong phòng, trải nệm đắp chăn cẩn thận. Bấy giờ mụ mới khẽ sờ bụng nàng, thấy còn hơi nóng, vội vàng sai lấy nước gừng đến rồi nậy hàm răng đổ vào dần dần. May mà cổ dẫu bị thương, nhưng phần cuống họng chưa đứt, nước gừng còn chảy xuống được. Lúc ấy vào quãng giờ Tị (nửa buổi), săn sóc đến quãng nhá nhem, thốt nhiên thấy nàng thở dài một tiếng. Mụ Tú mừng rỡ nói:" Tạ ơn trời đất phù hộ, có cơ sống lại được rồi." Rồi mụ cho mời một ông lang chuyên môn về mặt đao thương đến. Thầy rắc thuốc Kim sang vào chỗ vết thương, buộc đoạn lụa trắng bên ngoài, hẹn rằng không được dụng chạm vào đó, và đưa cho hai liều thuốc bảo uống ngay một liều, còn một liều đợi đến canh năm, thế nào bệnh nhân cũng hồi tỉnh, bấy giờ hãy cho uống nốt. Nhưng có điều can hệ nhất là trong vòng 130 ngày, chớ nên làm cho bệnh nhân tức giận. Nếu để một phen uất hận nổi lên, thì chỗ vết thương lại nứt toang ra, không còn gì cứu vãn được nữa.

Qua đoạn văn trên, ta thấy một sự ứng chế dùng cánh cửa là cáng tạm thời để khiêng nạn nhân, sự dùng nước gừng để làm hồi tỉnh, và dùng thuốc Kim sang để cầm máu.

* Về **sự dùng nước gừng** thì người bình dân Trung Hoa hay Việt Nam ta vẫn quen dùng lúc cấp cứu khi nạn nhân còn khả năng uống nước và nuốt được. Củ gừng tầm thường là vị thuốc quí. Nó đã hiện diện trong Toa thuốc *Hồi Dương cứu cấp thang* trong Thương hàn lục thư (gồm những phụ tử, can khương, nhục quế, nhân sâm, sao bạch truật, phục linh, trần bì, chích cam thảo, ngũ vị tử, bán hạ) để kích thích cho mạch máu đập lại cho nạn nhân bị xỉu.

* Về **thuốc bột Kim sang** là nhiều thứ thảo dược nghiền ra để rắc vào vết thương do đao thương để cầm máu và trừ độc. Theo kinh nghiệm lâm sàng, vết cứa cổ của Thúy Kiều cắt vào khá cạn nằm ở phía cuống hầu nên không đụng vào hai cảnh- động mạch (carotid) nếu không thì nàng đã dứt kiếp đoạn trường rồi, chỉ có giải phẫu mới cứu được thôi. Có những người cắt cổ gà vụng làm gà chỉ bị cắt cuống hầu còn dẫy dụa vùng lên bỏ chạy te te! Chúng ta chưa biết thành phần của Kim Sang tán nhưng cũng đoán được nó gồm những thứ có công hiệu cầm máu và trừ độc trong kho thảo dược của Đông Y. Dùng ngoài da, ta thấy có những thứ mà dân quê ta thường có kinh nghiệm rịt để cầm máu ngay như mồ hóng, mạng nhện, bột than đốt của nang mực v.v... Trong thư tịch của Đông Y, người ta có thể tìm nhiều thứ thảo dược có đặc tính cầm máu mà khoa học hiện đại công nhận là đúng như cây *cẩu tích* (Cibotium barometz-J. Sm) ,*Cỏ mực* (Cỏ tháp bút, mộc tặc, hạn liên thảo – Equisetum herba Linn), Cây *dành dành* (chi tử – Gardenia jasminoides Ellis) , Cây *hòe* (Sophora japonica Linn.), *Bạch phàn* (Alum). (1)

[Chú thích số 1: Vài chi tiết về các thảo dược cầm máu:

- Rễ cây *cẩu tích* (Cibotium barometz-J. Sm) có nhiều lông màu vàng thường gọi là Lông cu ly hay Kim mao cẩu tích có hiệu lực cầm máu rất mau nên được dân quê vùng Đông Nam Á hay dùng. Đặc tính chỉ huyết là vì trên lông cu ly có nhiều lỗ vi ti (multitude of pores).

- *Cỏ mực* (Cỏ tháp bút, mộc tặc, hạn liên thảo – Equisetum herba Linn), thường dùng trong

trường hợp ho hay đái hoặc kiết lỵ ra máu... Thí nghiệm cho biết Cỏ mực có hiệu lực kháng khuẩn trên Cầu khuẩn Staphylococcus aureus và vi trùng kiết lỵ nhóm B; với tính chất thu liễm (astringent) và kháng viêm, cỏ mực có hiệu lực chỉ huyết và chận đứng sự viêm nhiễm.

- Cây *dành dành* (chi tử – Gardenia jasminoides Ellis) mà dân ta hay dùng trái giã ra lấy nước nhuộm vàng bánh trái thay vì nghệ thì hoa dành dành là một vị thuốc cầm máu nội tạng khi ho và đái ra máu.

- Cây *hòe* (Sophora japonica Linn.) mà hoa chứa nhiều nhiễm sắc vàng dùng làm thuốc nhuộm thì người ta dùng làm thuốc chỉ huyết cho những trường hợp ho, tiểu và đại ra máu, chảy máu cam, chảy máu ruột, trĩ nhờ nó chứa chất ***rutin*** mà đặc tính giống sinh tố P rất nổi tiếng trong sự điều trị những trường hợp những huyết mao quản bị dễ vỡ.

- Vài khoáng chất cũng dùng bên ngoài để cầm máu ví dụ như *Bạch phàn* (Alum) đắp ngoài da làm co rút những huyết mao quản và làm đông máu; nhờ đặc tính thu liễm (astringent) và kháng viêm (anti-inflammatory), nó rút nước từ tế bào nên tế bào teo khô lại, nó cũng làm giảm hoạt động những hạch ngoại tiết và sự rịn ra những viêm tiết chất (inflammatory exudate), nó lại tác dụng trên chất plasma protein để biến thành những chất kết tủa không tan trong nước nên làm khô những vết thương hay mô tế bào bị viêm.]

Tóm lại, về vấn đề tại sao Kim Sang tán dùng bên ngoài cùng thuốc uống vào trong truyện Kiều lại công hiệu và gồm những thành phần gì thì chúng ta có thể đoán nó là một sự phối hợp của những vị thuốc kể trên vừa cầm máu vừa kháng viêm chăng? Điều này người viết xin nhờ ý kiến của các bậc thẩm quyền cao minh trên về phương diện " chỉ huyết tễ" trong Đông Y.

2- Những thuốc "hành huyết" trong Kiều

Tra cứu lịch sử, truyện nàng Kiều dựng vào năm Gia Tĩnh nhà Minh (1522 – 1567). Nền y dược của Trung Quốc đến thời đại nhà Minh đã tiến lên một cao điểm sáng lạn, điều này được minh chứng bằng sự ra đời của cuốn *Bản Thảo Cương Mục* của Lý Thời Trân (1518 – 1593) vào năm 1596. Cuốn này được công nhận thực sự có giá trị khoa học nổi tiếng vào thế kỷ 16 mà danh tiếng vang dội qua Tây phương.

Trở về với chuyện Y học trong Kiều, ta thấy cuốn Kim Vân Kiều của Thanh Tâm Tài Tử còn hé lộ nhiều chi tiết về sự trị liệu thuốc men. Ta thấy mụ Tú Bà một mặt đã độc ác đánh đập Thúy Kiều tàn nhẫn nhưng mặt khác sau đó lại dỗ dành và tinh khôn trong việc lo điều trị cho nàng vì Kiều là một mối lợi, một "cây tiền" mà mụ đã bỏ vốn ra đầu tư. Trước khi mụ giảng giải cho Kiều những mánh lới nhà nghề và công phu chăn gối, mụ đã lo o bế, chiều chuộng phục vụ tẩm bổ cho con mồi đắt giá của mình:

Mụ bảo nhà bếp lấy rượu ngon và các **vị thuốc hành huyết như hồng hoa, tô mộc, đào nhân, nga truật, tam lăng** đem sắc cho Thúy Kiều uống. Nhờ đó mà thân thể mỗi ngày mỗi thấy khỏe mạnh hơn lên.

Ta thấy lần này sau trận đòn roi da, Tú Bà không cho mời thầy lang tới như trường hợp cấp cứu xuất huyết do cứa cổ như lần trước mà chính tự mình điều khiển sự trị liệu cho Kiều. Tại sao? Hai điều đáng nêu ra:

a. Một là mụ rất kinh nghiệm trong nghệ thuật quất roi đa dể tra tấn dữ dằn khủng bố nạn nhân nhưng không làm trí mạng như mụ đã từng đánh những kỹ nữ khác để tuyệt đối tránh rắc rối với luật pháp quan nha. Nghệ thuật dùng roi của mụ tuyệt luân, ngó thì kinh khủng "uốn lưng thịt đổ, dập đầu máu sa," kỳ thực thì không làm rách da sâu để lại thẹo cùng mình và không làm loại gẫy xương làm cho què quặt; cách "*dùng dây thừng quàng vào trước ngực, ruồn sang qua nách, bắt tréo về sau lưng, rồi buộc chặt hai đầu ngón tay cái treo lên xà nhà, để cách mặt đất ba tấc, chỉ đủ cho đầu ngón chân chấm tới mặt đất*" là một kỹ thuật đặc biệt, tiếng là buộc chặt hai ngón tay cái nhưng trọng lượng của Kiều không treo vào đó mà chuyền vào sợi thừng quàng qua ngực và ruồn qua nách nếu không thì hai ngón tay cái đã loại hẳn ra! Tra tấn không cẩn thận và sành nghệ thuật thì món hàng Thúy Kiều quí giá "vàng bốn trăm" của Tú Bà sau này đâu có được vương tôn công tử chiếu cố nữa và Thúy kiều mặt mày đầy sẹo lấy tay đâu mà gẩy đàn cho khách nghe nữa!!

b. Hai là mụ Tú Bà rất sành sõi trong sự dùng những thảo dược có đặc tính "hành huyết" trên, vì đã nhiều lần áp dụng cho đám kỹ nữ. Vả lại, điều này cũng bắt nguồn từ một truyền thống dùng Đông Y một cách phổ thông trong dân gian Trung Quốc và Việt Nam để điều trị những chứng bịnh thông thường trong hoàn cảnh điều trị tại gia.

Thuốc hành huyết là gì?

Đây là một quan niệm về y lý trong Đông Y đối với một cơ thể sau khi bị thương tích nặng do máu bầm ứ lại. Ta thấy ở đoạn sau khi Thúy Kiều

bị trận đòn nhừ tử tại nhà Hoạn bà thì được giao cho một mụ già quản gia săn sóc, quan niệm trên được nói rõ hơn: *Mụ già đỡ nàng vào phòng của mình, rồi bảo nhà bếp hâm rượu nóng pha một chút đường cho nàng uống. Nàng kêu nuốt không chạy cổ, mụ bảo đó là huyết độc hành hạ con tim, nếu không uống rượu hạ huyết thì sẽ bị chết... Nàng nghe mụ nói xuôi tai nên cũng gượng uống mấy chén, hơi rượu thấm xuống khiến nàng ngủ được một giấc ngon say. Cứ thế điều dưỡng mất hai tháng trời, vết thương roi được khỏi hẳn...*

Muốn hành huyết thì căn bản là uống rượu hâm nóng vì " tửu năng dẫn huyết." Ngoài ra nếu nặng thì phải sử dụng nhiều thảo dược hành huyết khác kể trên.

Bây giờ, ta hãy duyệt qua những vị thuốc của Tú bà đó về phương diện dược động học:

- *Hồng hoa* (Carthamus tinctorius Linn.) : khí ấm, vị cay, không độc; khử ứ huyết và làm giảm đau, thường dùng trong toa điều kinh, đẻ khó, tích huyết tử cung hậu sản và sắc với rượu uống làm tan máu bầm.

- *Tô mộc* (cây gỗ vang – Caesalpinia sappan Linn.), khí bình, vị mặn ngọt, không độc, công dụng như trên trong trường hợp thương tích, sưng bầm máu. Ngoài ra, thí nghiệm khoa học mới cho thấy rằng nước sắc của tô mộc còn có tính kháng khuẩn với Stapylococcus, Salmonella, Shigella dysenteriae.

- *Đào Nhân* (Hột đào - Persicae semen) tính bình, đắng ngọt, không độc; trị huyết bầm ứ do thương tích.

- *Nga truật* (Ngải tím – Nghệ đen Curcuma zedoaria Rosc.) tính ấm, vị chua ngọt, hơi đắng, không độc, khử ứ huyết và tan độc nên dùng trị kinh nguyệt tích ứ và thương tích bầm tím.

- *Tam lăng* (Spargani rhizoma) tính bình, vị đắng, công hiệu trị liệu như Nga truật.

Những vị thuốc "hành huyết" trong Đông Y khi phối hợp thành bài thuốc thường được gọi là *"hoạt huyết tễ"*. Hoạt huyết tễ có công dụng làm huyết chạy mạnh lên và trừ khử hiện tượng ứ máu. Có hai trường hợp: Khi máu không vận chuyển điều hòa qua các tạng phủ và kinh mạch mà trở thành lười biếng chậm chạp thì gọi là *"huyết trì"* (xuè zhi), còn vì những nguyên nhân bệnh lý, luồng huyết lưu thông vận chuyển bị tắc lại và ngưng chảy thì gọi là *"huyết ứ"* (xuè yù). Đông Y so sánh sự "huyết ứ" như trường hợp một giòng sông bị phù sa đất cát lấng xuống nên hoàn toàn bế tắc.

Huyết ứ theo danh từ biện chứng Đông Y có thể phân biệt ra tùy theo tạng phủ âm dương trong cơ thể bị ảnh hưởng, tùy theo những yếu tố bệnh nguyên như hàn, nhiệt, hư, thực; tùy theo trình độ của bệnh tình như cấp tính, mạn tính, khinh chứng, trọng chứng...; tùy theo những biểu lộ ra như sưng tấy, đau nhức ...

Nổi bật trong ***những yếu tố bệnh nguyên làm về huyết ứ*** là những trường hợp sau:

_ Phần *"Khí"* trong cơ thể không điều hòa như hư khí, ứ khí làm cho ứ huyết vì Khí (qi) là vị chủ soái điều khiển Huyết, nên Khí dẫn Huyết đi. Khi Khí không đủ sức vận chuyển Huyết, thì nó ứ lại trong các đường kinh lạc. Đây là trường hợp của chứng bán thân bất toại sau khi bị trúng phong (post-stroke hemiplegia) xảy ra khi Khí hư nhược và Huyết thuyên tắc nên kinh lạc không lưu thông vì bị huyết ứ.

- Yếu tố *"Hàn"* (lạnh) làm máu không lưu thông thong thả nên dần dà khiến máu ngưng kết lại như trường hợp kinh nguyệt phụ nữ bế tắc, bụng nổi khối u và đau đớn. Sự trị liệu phải nhắm vào chiến thuật ôn kinh (sưởi ấm), trục hàn (đuổi lạnh), hoạt huyết thì giải quyết được sự huyết ứ và kinh nguyệt lại điều hòa.

- Yếu tố *"Nhiệt"*sung mãn quá làm huyết khô và đặc lại nên gây ra Huyết ứ. Nhiệt lại khiến cho máu hung hăng chảy vô kỷ luật ra ngoài qui luật kinh lạc nên có hiện tượng chẩy máu cam, khái huyết, thổ huyết, tiểu đại ra máu...

- Những yếu tố bệnh nguyên khác gồm có ngoại thương, sanh đẻ, và giải phẫu.

Đứng trước nhiều nguyên nhân bệnh lý khác nhau và phức tạp như vậy, vị lương y phải định bệnh rõ ràng và dùng thuốc một cách thận trọng. Một điều rất hệ trọng là những toa thuốc hành huyết hay hoạt huyết gồm những vị thuốc công phá vào những tình trạng ngưng kết để phá vỡ và thông thoát, nên lương y phải cẩn tắc khi dùng cho những bệnh nhân yếu nhược và lão suy hay cho những người bị hư chứng. Cũng nên lưu ý rằng những toa hoạt huyết mạnh tối kỵ dùng cho những phụ nữ thai nghén vì dễ khiến lưu huyết trục thai. Lại nữa, thuốc hoạt huyết không nên dùng cho những bệnh nhân có tạng thể dễ xuất huyết.

Trong trường hợp Thúy Kiều, Tú Bà phải là người có kinh nghiệm mới dám bảo nhà bếp sắc những thứ thuốc hành huyết như hồng hoa, đào nhân, tô mộc, nga truật, tam lăng... Mụ quản gia già ở phủ Hoạn bà cũng vậy! Hoặc giả là trường hợp bị đả thương của Kiều chỉ nằm ở da thịt, gân cốt ngoại bộ chứ không làm bầm tím lục phủ ngũ

tạng. Hơn nữa, Thúy Kiều là gái mới cập kê, thể lực còn phương cương, khả năng hồi phục rất mau nên dùng vài thứ hành huyết trị tại gia là hiệu nghiệm thôi, chứ chưa đến nỗi mời lương y dùng những liều thuốc chuyên môn như "*Trật đả hoàn*" gồm những thuốc cao cấp như đương qui, xuyên khung, nhũ hương, một dược...

Vài toa thuốc mỹ phẩm

Một điểm cần nói thêm là Thúy Kiều là "cây tiền" của mụ Tú bà nên sau khi dùng uống những thuốc hành huyết, da thịt của Kiều không những hết bầm tím mà lại trở nên hồng hào đẹp đẽ hơn vì quan niệm đàn ông bổ khí, đàn bà bổ huyết, mà đương qui là một vị bổ huyết cần thiết! Theo tôi nghĩ trong công cuộc "*chuốt lục tô hồng*" cho Kiều, mụ chắc còn có thể dùng thêm mỹ phẩm cho nàng nữa mà trong truyện không kể ra chăng? (Chẳng hạn tra cứu sách thuốc tôi thấy vài toa mỹ phẩm sau: Toa *Đương qui Thược dược tán* dùng cho những phụ nữ thể tạng yếu và xanh hay mệt nhọc cùng là để tẩy vết nám quanh mắt mũi; toa *Thanh thượng phòng phong thang* để ngừa mụt, da xẩn đỏ và tròng trắng bị tia máu.) Củ nghệ (Uất kim _ Curcuma longa Linn) là thứ bôi làm da mau lành và không gây sẹo. Nước đái con trai (đồng tiện) chứa nhiều Nam kích thích tố dùng với nghệ là thuốc thoa bóp cho các sản phụ là da bụng săn lại không nhăn nhão).

Và đây là kết quả hồi phục của những vị thuốc hành huyết: *Một hôm, Thúy Kiều tắm xong, Thúc sinh được dịp nhìn rõ chân tướng, tấm tắc khen rằng: Dong mạo đã tươi như hoa, da dẻ ấm êm như ngọc... nhất là khi thoạt tắm xong, phấn son trôi hết, để lại hình thái thiên nhiên, càng lộ ra vẻ hiếm có ở đời*. Chàng Thúc sinh nổi hứng bèn làm thơ ca tụng, trong đó có câu đáng tiền nhất là:

Mình băng phách quế hòa trong trẻo,
Băng tuyết hồn hoa nửa lấp lô!

B - Một vài nghi vấn y học khác trong Kiều

1. Thuốc mê của Khuyển Ưng

Trước hết là vấn đề thuốc mê gì được dùng đã khiến nàng Kiều mê man trong mười mấy ngày liền khi Khuyển Ưng bắt cóc nàng từ Lâm Truy đem về Vô tích. Trong câu 1645, Nguyễn Du nói:

Thuốc mê đâu đã <u>tưới</u> vào,
Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì.

Kỳ thực, theo nguyên bản củaThanh Tâm Tài Tử, hai tên Khuyển Ưng *đã <u>bôi vào miệng</u> một thứ thuốc độc khiến nàng ngây không nói năng được*. Rồi chúng đỡ lên ngựa chạy miết 150 dặm đường rồi vực xuống thuyền ra cửa biển. *Vì bị trúng thuốc độc, cho nên hai mắt trợn trừng mà không nói năng gì được, nhưng chúng biết nàng có tánh tiết liệt, nên không dám cho uống thuốc giải độc, cứ để nàng mê man bất tỉnh, rồi cho thuyền vượt ra bể. Chỉ sau mấy hôm đã về đến cửa Thái thương lại sang thuyền khác về huyện Vô Tích, đưa thẳng vào phủ họ Hoạn.*

Thuốc mê gì đã dùng cho Kiều đã làm cho nàng nằm mơ màng suốt thời gian dài như vậy? Trong những truyện kiếm hiệp Trung hoa, chúng ta đôi khi thấy nói đến ở trong những hắc điếm thường dùng những loại mê dược hay những thứ mê hồn hương. Vừa rồi, tôi xem TV thấy nói đến những điều bí mật chưa ai giải thích như hiện tượng Zombie do những phù thủy Vaudoo ở đảoHaiti khiến những nạn nhân chết đi rồi đem chôn, một thời gian sau thì được đào lên cho sống lại. Một học giả Mỹ nghi rằng giới phù thủy đã dùng gan mật của con cá nóc gai ngoài biển, loại cá này ở Nhật bản vài người vẫn ăn cho là ngon lắm, nhưng phải làm thịt cẩn thận, tuy nhiên cũng có nhiều trường hợp trúng độc chết. Dr Sallet trong Tập san Đô Thành hiếu cổ (Bulletin des Amis du Vieux Huê) số năm có viết trong bài Thuốc Mê nhắc đến loài rắn đẻn. Trong truyện Kiều, hai tên Khuyển Ưng là dân côn đồ sống trên mặt biển, biết đâu chúng đã biết dùng những thuốc độc gốc hải sản tương tự. Ngoài ra, trong kho dược liệu Trung Y, cũng thấy nói đến những mê-túy dược vượt qua tầm khả năng khảo sát nghiên cứu của chúng ta. Vậy tôi xin để tồn nghi.

2 - Hỏa thiêu cái thây vô chủ

Một vấn đề khác tạm gọi là Luật Y và Tội phạm học được nêu lên liên quan đến sự kiện Khuyển Ưng dùng một thây ma vô chủ đem quăng vào đám lửa để ngụy tạo làm thi thể của Thúy Kiều:

Sẵn thây vô chủ bên sông,
Đem vào để đó lộn sòng ai hay?

Vấn đề này được thi hành một cách tuyệt hảo nên không ai khám phá ra. Khuyển Ưng lột áo xác chết đổi cho Thúy Kiều giả làm đàn ông,rồi chúng chụp một cái mũ và quàng một áo vải xanh lên mình nàng rồi đỡ lên ngựa chạy ra cửa. Còn thây ma thì chúng tẩm dầu thông mà quăng trong đám nhà cháy, khiến người ta về sau:

Trong tro thấy một đống xương cháy tàn,
Ngay tình ai biết mưu gian,
Hẳn nàng thôi lại, còn bàn rằng ai?

Vào thời xưa, ở Trung Hoa và Việt Nam, nhà cầm quyền đã có những phương pháp điều tra thực giả khi khám xét những tử thi như chúng ta

xem trong phim về chuyện Bao Công tra án. Tôi nhớ hình như bác sĩ Dương Bá Bành có trình luận án y khoa tiến sĩ về phương diện luật y gọi là ***Tẩy Oan Lục*** (Tài liệu ghi chép về phương pháp làm sáng tỏ để rửa những điều oan ức). Với phương pháp xưa, trước một thây ma còn tương đối nguyên vẹn hình hài hay chưa cháy hết thì quan tra án có thể biết được thây ma ấy chết trôi hay chết cháy qua sự rạch buồng phổi khám nghiệm coi xem sũng nước hay đen sạm vì khói, về coi xem đàn bà hay đàn ông thì coi xương chậu thì biết được phần nào. Trong Kiều thì đống xương hoàn toàn cháy tàn nên khó mà biết mưu gian

3- Ngụy tạo sự thanh tân của gái trinh

Một vấn đề luật y khác trong Kiều là sự ngụy tạo màng trinh (xử nữ mạc) của phái nữ qua câu của Mã Giám Sinh:

Nước vỏ lựu, máu mào gà
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên
Mập mờ đánh lận con đen
Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền mất chi?

Có điều lạ là tôi dò kỹ trong cuốn Kim Vân Kiều bằng Hán văn của Thanh tâm Tài Nhân lại không có câu nào đả động thật rõ. Bản dịch Việt ngữ của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm như sau:

Âu là ta hãy... rồi khi về đến hàng viện, ta lại mượn màu trang điểm, thì nó cũng vẫn hoàn nguyên.

Thành ra, đây là bằng chứng rằng Nguyễn Du là một người lịch lãm chuyện đời! Nhà thơ Việt Nam rõ ràng đã dựa vào kiến văn của mình mà nói thêm về mánh khóe ngụy tạo này từ cuốn sách nói về xóm Bình Khang. Biết đâu cụ Chánh sứ đã lén mua nó khi đi sang sứ bên Trung Hoa và nhét kỹ vào hành trang khi trở về nước! Bản Kiều của Kiều Oánh Mậu chú rõ như sau: "*Trong chốn thanh lâu, sau khi tiếp khách xong thì dùng vỏ lựu đem sắc lấy nước rồi lấy máu trích ở mào gà (là cốt lấy màu đỏ) đem mà rửa, giả làm gái tân. Điều đó thấy chép ở sách 'Bắc lý chí'.* " (2)

[Chú thích số 2: *Bắc lý chí là sách gì vậy?*

Tôi đã tìm thấy cuốn này ở thư viện Oriental Gest Library ở trường Đại học Princeton ở New Jersey. Tôi lại thấy sách này được R.H. Van Gulik nhắc rất kỹ trong cuốn biên khảo *Sexual Life in Ancient China*: *Bắc lý chí* , như tên gọi là cuốn sách ký sự về xóm yên hoa ở thôn làng phía bắc (Bắc Lý – Pei-li) của kinh đô Tràng An đời Đường (618 – 907 A.D.) còn gọi là Bình Khang lý (P'ing –k'ang –li) [sau này ở Sài Gòn, nhóm Bình Xuyên đã dùng lại tên này]. Cuốn Bắc lý chí (Pei-li-chih) được viết bởi Tôn Khải văn sĩ đời Đường đã tả kỹ về cái xã hội ăn chơi (demi-monde) của những thư sinh lên Tràng An dự thí, thi rớt bất đắc chí ở lại miệt mài ăn chơi. Những gái làng chơi ở đây đi mạt hạng không biết chữ lên đến những kỹ nữ thượng lưu giỏi về đàn hát, vũ điệu, lại có người nổi danh thi phú hay như Từ Nguyệt Anh, Tiết Đào. Những mụ Tú Bà ở đây được gọi là "giả mẫu" hay "bảo mẫu," rất khắc nghiệt dạy những gái chơi nhiều tài nghệ phục vụ khách hàng dưới những làn roi tàn nhẫn.]

Tra cứu về nước vỏ lựu và máu mào gà, tôi thấy trái cây *thạch lựu (Punica granatum)* có vỏ gọi là Thạch lựu bì chứa nhiều tannin nên có tính thu liễm, kháng khuẩn, trị kiết lị; dân gian Trung Hoa dùng để trị tiêu chảy, và bịnh sa hậu môn và chứng són đái. Nước vỏ lựu với tính thu liễm đã cầm máu và đặc biệt làm co rút âm đạo. Còn *máu mồng gà (Kê quan huyết)*, theo Bản thảo cang mục, có nhiều ứng dụng trong đó có sự trị đau vùng sinh thực khí và dùng đắp vào âm đạo khi bị rách vì bị hiếp dâm. (Blood from the comb: taken for painful genitalia, applied to lacerations of the vagina due to rape... Chinese Materia Medica by Bernard E. Read). Xem như vậy nước vỏ lựu phối hợp với máu mào gà từng là một phương pháp trị liệu hơn là một hình thức ngụy tạo sự thanh tân cũa người con gái!

Xin nói thêm: Nước sắc Hoa mồng gà (Quan kê hoa_ Celosia argentea Linn) cũng là một chất thu liễm và cầm máu dùng cho các gái trinh sau khi thành thân lần đầu (curing continued bleeding as after-effect of a virgin's first copulation and pain after defloration). Thư tịch Trung Quốc rất phong phú với hàng chục trước tác về tính dục học tạm gọi là những dâm điển, dâm kinh qua nhiều triều đại, đọc lại rất thú vị về phương diện lịch sử và văn hóa cho chúng ta. Nhưng giá trị của những trước tác này trên phương diện thuần túy khoa học hiện đại vẫn là một điều cần khảo sát thực nghiệm lại, ví dụ trong cuốn Động Huyền tử chứa những phương dược sau: bên cạnh những thuốc trị những đau đớn sau khi màng trinh bị thủng còn có những thuốc làm lớn dương vật, thuốc làm hẹp âm đạo; lại có những phương thuốc nghe như huyền thoại bảo đảm biến một người đàn ông bình thường thành một hoạn quan bằng cách dùng mỡ hươu vì sách thuốc xác nhận rằng mỡ hươu ảnh hưởng mạnh đến sự cường tráng tính dục nên

đàn ông chớ lại gần! (trang 154 – Sexual life in Ancient China – Van Gulik).

4- Sự chết đứng của Từ Hải

Đọc Kiều ai cũng lấy làm lạ về hiện tượng chết đặc biệt này.

Khí thiêng khi đã về thần,
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng.
Trơ như đá vững như đồng,
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.

Theo y khoa, đối với người sống, người ta đôi lúc ghi nhận vài trường hợp bệnh nhân đứng sững như một tượng sáp gọi là hiện tượng *giản quyết (catalepsis).* Dorland's Illustrated Medical Dictionary giải thích về Catalepsis như sau: "A condition characterized by a waxy rigidity (flexibilitas cerea) of the muscles so that the patient tends to remain in any position in which he is placed; it occurs in organic and psychological disorders and under hypnosis."

Truyện Tàu nhiều sách nói đến những tráng sĩ dũng mãnh và tính nóng như lửa thuộc vào loại người "nộ khí xung thiên," tóc râu dựng ngược lên khi nóng giận đến nỗi mão đội đầu phải rớt ra. Từ Hải chính là loại người này qua lời thơ tả:

Từ công nghe nói thủy chung,
Bất bình nổi trận đùng đùng sấm vang

Về phân loại về tính khí (humeur) thì Từ Hải thuộc "type sanguin"như Trương Phi, nóng giận mặt đỏ bừng và la hét đến nỗi nóc nhà văng cả ngói. Loại này dễ chết vì tai biến não mạch hay não bộ trúng phong (cerebral apoplexy). Thành ra chuyện bị cơn giản quyết (catalepsis) làm cứng người vì uất hận tối đa rất có thể xảy ra cho Từ Hải khi bị vây hãm bất thình lình thành ra vô cùng tuyệt vọng. Từ Hải đã cứng người trước khi bị hằng trăm mũi tên ghim bắn vào làm cho chết hẳn chăng? Tôi xin thỉnh ý các ý kiến cao minh về giả thuyết này.

Kết luận

Chuyện *y khoa trong Kiều* là một đề tài táo bạo tôi mạo muội nêu ra dựa vào sự sưu tầm những tư liệu và những trước tác Trung Y. Tôi kỳ vọng rằng chúng soi rọi rất nhiều trong sự tìm khía cạnh đau đớn trên thể xác của nhân vật Thúy Kiều.

Câu của Terence nói: *Homo sum: humani nil a me alienum puto* có nghĩa là "Tôi là người, cái gì liên quan đến người thì không xa lạ với tôi" câu này nào có khác gì lời thơ của Nguyễn Du "Thịt da ai cũng là người"! Do đó, cái đau khổ của một nguòi sống trước chúng ta hằng trăm năm dù thời thế có đổi thay, trình độ khoa học kỹ thuật có biến chuyển thì cái đau, cái khổ nào có khác gì cái đau mà chúng ta ngày nay đang có!

Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.

Những giòng lệ thương cảm của người đời sau không thể nào ứa ra khi chúng ta không có cùng một tần số tơ lòng với cổ nhân cọng với một sự tìm hiểu sâu xa.

Mục đích của y khoa là gìn giữ sức khỏe và chữa lành những bệnh (Littré). Nhưng đối với cái khổ đau và hệ lụy của kiếp người thì y khoa nào có giúp gì đâu, nhất lại là những điều khổ lụy lại do chính đồng loại của người gây ra như nhận định của Plaute (Homo homini lupus) mà Bacon và Hobbes nhắc lại : **Người là lang thú đối với người!** Ngày nào mà tình trạng này còn tồn tại thì ngày ấy những tiếng khóc đứt ruột mới mẻ còn văng vẳng vang lên. Và truyện Kiều đọc lên vẫn thấy hay và thấm thía đối với chúng ta!

Tài liệu tham khảo

_ *Bản thảo cương mục* _ Lý Thời Trân (bằng Hán ngữ) - Thương vụ Ấn thư quán 1979

_ *Giáo phường ký - Bắc lý chí- Thanh lâu tập* Thư viện Gest của Princeton University New Jersey (số mục 5207/ 5607(1:8)

_ *Chinese Healing Herbs* _ Daniel Reid – Barnes&Noble 1999

_ *Chinese Materia Medica* by Bernard E. Read _ Southern Materials Center, Inc Tapei 1985

_ *Chinese Herbal Medicine Formulas and Strategies* _ Compiled and Translated by Dan Bensky & Randall Barolet - Eastland Press Inc.

_ *How to treat yourself with Chinese Herbs* by Dr Hong-Yen Hsu _ Kears Publishing Inc. 1993

_ *Kim Vân Kiều* (Hán ngữ) của Thanh Tâm Tài Nhân _ Lý Chánh Trung hiệu điểm _ Xuân Phong Văn nghệ xuất bản xã

_ *Kim Vân Kiều truyện* của Thanh Tâm Tài Tử bản dịch Việt ngữ của Tô Nam Nguyễn Đình Diệm (Văn Hóa tùng thư – Nha Văn Hóa, Phủ Quốc-Vụ-Khanh Đặc trách Văn-Hóa xuất bản 1971)

_ *Lịch sử ngành Dược Việt Nam* của DS Trương Xuân Nam_ Nhà Xuất bản Y học 1985

_ *Medicinal Plants of China* by James A.Dukę and Edward S. Ayensu _ Referncę Publication

_ *Medicinal Plants of VietNam, Cambodia and Laos* _ Nguyễn Văn Dương 1993

_ *Oriental Materia Medica* by Hong-Yen Hsu _ Keats Publishing 1986

_ *Sexual Life in Ancient China* by R. H. Van Gulik Barnes &Noble, Inc 1996

_ *Syphilis a synopsis* _ Public Health Service Publication 1968

_ *The Illustrated Chinese Materia Medica crude and prepared* by Kun-Ying Yen _ SMC Publishing Inc. Tapei

_ *Tổng hợp Anh Hán ngữ Đại từ điển* _ Thương vụ ấn thư quán phát hành, Shanghai China

CHUYỆN NƯỚC

NGUYỄN HỮU CHUNG

Tôi muốn nói ở đây hai chuyện, đó là nước và Nước. Chữ nước đầu là chất lỏng có công thức hóa học H2O. Tiếng Việt Nam gọi là nước, tiếng Tàu gọi là xủi, tiếng Pháp là eau, tiếng Anh là water, tiếng Tây Ban Nha gọi là aqua... Điều làm tôi ngạc nhiên là dường như không có một dân tộc nào dùng chữ nước trong ngôn ngữ của họ để chỉ Đất Nước của họ. Tôi có hỏi nhiều người bạn biết nhiều thứ tiếng về điều nầy và chẳng ai biết cả. Chỉ có tiếng Việt Nam là dùng chữ nước để chỉ Nước.

Nước non nặng một lời thề...

Người Việt chúng ta từ mấy ngàn năm đã chịu ảnh hưởng nặng của người Tàu về nhiều phương diện, nhất là về ngôn ngữ. Để chỉ chất lỏng nước, người Tàu dùng chữ xủi (Hán Việt là thủy), và để chỉ đất nước của họ, người Tàu dùng chữ quốc. Các nhà nho của chúng ta cũng mượn chữ nầy, vì vậy mà chúng ta có chữ 'quốc gia.' Đó là ngôn ngữ bác học. Nhưng trước khi học của người Tàu ngôn ngữ bác học, dân ta đã có ý niệm và ngôn ngữ về quốc gia của mình và dân ta đã dùng chữ nước để chỉ Nước. Tôi nghĩ có những nhà bác học biết rõ vì sao, riêng tôi, tôi không biết rõ nên tôi nghĩ rằng có lẽ từ lúc lập quốc đời sống dân ta đã dính liền với nước, dân ta chỉ quy tụ ở những chỗ nào có nước để sinh sống, vì vậy mà đất cũng là nước, và lãnh thổ, quốc gia cũng là nước.

Không biết về phương diện ngôn ngữ học, những suy luận trên có đúng hay không, nhưng trên thực tế thì nước vô cùng quan trọng đối với dân ta, nhất là khi Nước ta vẫn còn sống dựa trên nền kinh tế nông nghiệp. Nhưng nhìn kỹ thì thấy hiện nay nước cũng vô cùng quan trọng đối với tất cả mọi quốc gia trên thế giới, kể cả những xứ đã kỹ nghệ hóa như Hoa Kỳ (ở Hoa Kỳ người ta bắt đầu thấy một cuộc khủng hoảng về nước). Vì vậy mà khi nhìn vào kế hoạch của những quốc gia khắp thế giới, ta có thể thấy sự quan trọng của những kế hoạch quản lý nước, liên hệ trực tiếp đến những kế hoạch an ninh, quốc phòng.

Từ xưa, ít ai để ý đến chuyện quản lý nước, vì nước trên trời cứ mưa xuống, và những con sông đã có đó hằng triệu năm, nước cứ chảy, ta cứ xuống sông múc nước mà dùng, bắt con cá mà ăn, từ đời nầy qua đời khác chẳng có gì thay đổi. Những người cai trị, mà dân ta thường gọi là 'nhà nước,' chẳng mấy khi để ý đến chuyện sông nước. Những khi hạn hán thì họ nhìn trời cầu mưa, khi có lụt lội thì họ cứu trợ mấy lon gạo, thế thôi. Đây không phải là chuyện riêng của dân ta, các dân tộc trên thế giới cùng chịu cảnh nầy từ thuở khai sanh. Người ta chỉ thấy rải rác vài công trình thủy lợi quy mô như những công trình của đế quốc La Mã, công trình của đế quốc Kmer ở vùng Angkor, hay công trình kinh 'Đại hà' của Trung Quốc. Mãi đến thế kỷ thứ 19, các nước tiên tiến mới thiết kế những công trình thủy lợi để dẫn thủy nhập điền, đào kinh để lưu thông và thiết lập các đập thủy điện. Vào thế kỷ thứ 20, vì áp lực dân số gia tăng khiến nhu cầu nước cũng tăng theo, vì những lưu vực sông bị phá hủy nhiều (nhất là phá rừng) khiến lưu lượng nhiều con sông không còn điều hòa, vì vấn đề ô nhiễm v.v... những nước tiên tiến đã phải đặt vấn đề quản lý nước.

Quản lý nước không phải là một vấn đề đơn giản. Muốn quản lý nước phải có tiền và có hiểu biết. Tôi xin mạn phép không bàn chuyện tiền vì nó nằm trong phạm vi kinh tế tài chánh của từng nước, tôi chỉ xin cùng các bạn bàn về chuyện hiểu biết kỹ thuật vì đại khái thì nước nào cũng phải dùng đến những kỹ thuật giống nhau. Nói hiểu biết là nói đến học hỏi, giáo dục. Có rất nhiều ngành học liên quan đến chuyện nước. Trên địa hạt kỹ thuật thì có hai ngành chánh là 'thủy học' (hydrology) và 'thủy lực' (hydraulic). Trên đa số các quốc gia, hai ngành học nầy nằm trong chương trình tổng quát đào tạo kỹ sư dân sự (civil engineer), rồi các kỹ sư muốn làm việc trong hai nghành nầy sẽ học thêm ở cấp cao học (master degree) hay tiến sĩ (phD). Theo chỗ tôi biết (có thể sai) chỉ có ở Pháp là có trường kỹ sư chuyên đào tạo kỹ sư thủy học và thủy lực (Ecole Hydraulique de Grenoble). Ở Bắc Mỹ không có loại trường nầy. Trên địa hạt kỹ thuật còn một ngành khác, đó là nghành 'vật lýhải dương học,' chuyên nghiên cứu các hiện tượng vật lý của biển, nhất là cửa biển. Nhưng trong hải dương học, đa số các chuyên viên không phải là những kỹ sư vật lý hay kỹ sư dân sự, mà đa số lại là những

nhà sinh học (marine biologist). Trở lại với sông hồ, phe sinh học cũng chiếm đa số. Có rất nhiều nhà sinh học làm việc liên quan đến sinh vật trong nước (aquatic biologist), lại có những người chuyên môn ngư học (ichtyologist), những người nghiên cứu nước ao hồ (limnologist), nhà môi sinh học (ecologist) v.v... Những chuyên viên làm việc trong địa hạt 'thủy sinh học' đa số là những người có bằng cao học hay tiến sĩ. Tôi cũng không quên những kỹ sư chuyên về sự vận chuyển phù sa (sediments transport) mà tôi có hân hạnh được nghe hai người diễn giảng (trên thế giới chỉ có chừng một chục người, có một người nổi tiếng vừa qua đời là con trai của nhà vật lý lừng danh Albert Einstein). Riêng ở vùng lạnh, lại có những kỹ sư chuyên về nước đá trên sông hồ, tối cần thiết trong việc thiết kế các nhà máy thủy điện. Ngoài ra, nhiều nước cũng đang cần dùng nhiều kỹ sư nước ngầm (ground water), vì nước lộ thiên (surface water) bắt đầu khan hiếm.

Tôi xa nước đã 27 năm, không biết ở Việt Nam bây giờ có nhiều chuyên viên có khả năng làm 'việc nước' hay không, chứ còn trong số hàng chục ngàn kỹ sư và chuyên viên Việt Nam ở hải ngoại, có rất ít người theo học và làm việc trong các ngành nầy. Có một số người thuộc 'lớp cũ' (đang tuổi về hưu) theo các nghành nầy ở Pháp, Canada và Úc. Giới trẻ Việt Nam hải ngoại, nhất là ở Bắc Mỹ, bây giờ thường theo học các nghành điện, tin học, y khoa, nha khoa, thương mại, kế toán, quản trị, vì dễ tìm việc và có lương cao. Theo sự hiểu biết của tôi thì người Việt Nam hải ngoại học và hiểu 'chuyện nước' không có bao nhiêu. Nếu người Việt Nam trong nước cũng vậy thì việc quản lý nước ở xứ ta có nhiều vấn đề, ngoài chuyện tiền bạc.

Nhưng 'chuyện nước' ở Việt Nam lại càng phức tạp hơn các nước khác vì lý do địa lý và chánh trị. Điều trớ trêu là hai con sông lớn của Việt Nam, sông Mekong và sông Hồng đều chảy ra từ lãnh thổ Trung Quốc. Đây chính là điều rắc rối nhất cho chúng ta. Nằm ở thượng nguồn, Trung Quốc có thể vô tình hay cô ý 'làm xấu' hai con sông đó, gây thiệt hại cho Việt Nam. Nước Việt Nam mà mất nước thì không còn Nước! Tôi có suy nghĩ nhiều về chuyện nầy, càng nghĩ, càng lo. Tôi đã không nghĩ ra được điều gì cả vì tôi ở xa xứ, vì không có tin tức nào về những kế hoạch của nhà nước để quản lý nguồn nước của hai con sông nầy trên phương diện kỹ thuật (ngoài đập Hòa Bình và một vài công trình cấp nhỏ ở đồng bằng miền Nam), và nhất là trên phương diện chánh trị. Cũng như nhiều người khác, tôi nói lên những ưu tư của tôi, vì tôi muốn thấy có một dư luận trong và ngoài nước về vấn đề này, nhưng tôi mong đó phải làmột dư luận đứng đắn, dựa trên những thông tin trung thực và những kết luận khoa học, chứ không dựa trên cảm tính, phóng đại hay tưởng tượng. Trong hơn nửa thế kỷ qua, dân ta đã chịu không biết bao nhiêu đau thương vì hậu quả của tuyên truyền dối gạt của mọi phe, gây ảo tưởng, gây mê tín, gây u mê. Tôi rất sợ chuyện nầy nhưng tôi thấy đâu đâu nó vẫn xảy ra vì người mình vẫn rất dễ tính đối với những thông tin sai lạc và khoan hồng đối với những suy luận võ đoán. Khi tôi viết những dòng nầy, tôi thấy rằng vấn đề lớn nhất trong 'chuyện nước' ở Việt Nam là ở chỗ dân chúng của75 triệu người Việt Nam không ai biết hay để ý đến nó, chánh quyền không nói gì đến nó, không hiểu chánh quyền có kế hoạch gì không, và người Việt Nam ở hải ngoại cũng chẳng biết gì nhiều về chuyện nầy. Về trường hợp cá nhân tôi, tôi có lưu tâm về chuyện nước của Việt Nam, nhưng tôi cũng xin thú thật rằng tôi chẳng biết gì nhiều. Chỉ có một điều tôi thấy được là nước Việt Nam dù có khua tay chân, nhảy múa, chưởi bới thì chẳng làm gì được Trung Quốc để bảo vệ nguồn nước của mình. Chỉ có thể thương thảo. Việt Nam phải thương thảo với Trung Quốc, với sự yểm trợ của dư luận thế giới vàdư luận nhân dân Việt Nam. Chỉ có thể thương thảo và thỏa hiệp, nếu vào một lúc nào đó, những nhà cầm quyền Việt Nam lưu tâm đến chuyện nước.

Trong chiều hướng đó, tôi vô cùng e ngại khi thấy có người đề nghị làViệt Nam nên liên minh quân sự với Hoa Kỳ, làm tiền đồn cho Hoa Kỳ để chống Trung Quốc. Tôi biết nhiều người Mỹ đã có ý nghĩ như vậy, từ nhiều năm qua. Nhưng tôi cứ đinh ninh rằng không một người Việt Nam nào, dù là một người miền Nam đã từng cộng tác với Mỹ trước đây, có thể nghĩ như vậy. Theo ý tôi thì Việt Nam phải tự chủ và độc lập đối với Trung Quốc, nhưng không nên thù nghịch với Trung Quốc. Tôi xin cúi đầu chịu lỗi nếu có bạn nào thấy tôi không có hùng khí dân tộc. Nhưng xin bạn nghĩ lại coi, nước vốn là một chất không cứng nhưng lại có sức mạnh. Chuyện nước ắt không bắt buộc phải cứng. Vào cuối đời, tôi viết những điều nầy không vì một tham vọng nào cả, mà chỉ vì tình thương vô biên đối với đồng bào mà tôi đã chứng kiến không biết bao nhiêu đau thương, chết chóc trong suốt 30 năm.

Montreal, ngày 25 tháng 12 năm 2002

NGƯỜI CHỈ ĐƯỜNG Ở LYON

VŨ THƯ HIÊN

Tôi còn bảy ngày rảnh rang trong cái lúc năm hết Tết đến. Còn chưa biết dùng nó vào việc gì thì bỗng một anh bạn gọi điện:

- Đi Lyon chơi đi. Thành phố quan trọng thứ nhì nước Pháp. Tính về độ lớn thì thứ ba. Thế mà tớ lại chưa tới đó lần nào. Cậu có thể tưởng tượng được không ?

- Tưởng tượng được. Chính tớ cũng chưa đến đó.

- Ta cùng đi chơi, hả? Tớ có thằng bạn cố tri ở đấy. Tớ sẽ gửi e-mail báo trước cho nó biết. Thằng này cũng độc thân như tụi mình. Nó sẽ đón tụi mình, sẽ dẫn tụi mình đi thăm thành phố. Không có hướng dẫn viên du lịch nào bằng nó đâu.

Tôi OK. Ngồi lên TGV phóng ào ào rồi mới biết ông bạn cố tri của anh bạn tôi không trả lời. Ông ta hoặc không mở máy PC, hoặc máy của ông hỏng bất tử, đã thế lại lười không ra cybercafe gõ phím để nhận thư. Thời hiện đại không có nghĩa mọi người phải hiện đại theo. Anh bạn tôi giận bạn ông bạn cố tri của mình lắm. Tôi thì cười. Tôi có những ông bạn còn không biết e-mail là cái chi nữa kìa.

Anh bạn tôi rồi cũng phải dàn hòa với tình thế bất khả kháng. Hỏi ra mới biết anh thậm chí không có cả địa chỉ lẫn số phone để lùng cho ra ông bạn vàng. Tra cứu trong Minitel thì lười. Mà chắc gì tìm thấy? Trong trường hợp này mẹ tôi ắt mắng "nhanh nhẩu đoảng, thật thà hư." Không có bạn dẫn đi thì phải tự đi vậy, biết làm sao bây giờ? Với một tấm bản đồ chằng chịt phố xá và linh tinh ký hiệu, chắc chắn là thế rồi. Thêm vào đấy, phải tìm cho ra một nhà trọ vừa túi tiền khi đã quá tuổi ngủ đêm trong nhà trọ dành cho sinh viên.

Lyon to kềnh càng. Và kiều diễm đáo để. Từ thế kỷ thứ 12 nó đã có những công trình kiến trúc đẹp kinh khủng. Tôi hoàn toàn bị ngợp trước cái vĩ đại của đại giáo đường Đức Bà trên đồi Fourvière và từng họa tiết con con ở mọi bức tường, mọi cây cột, và cả trên cái vòm cao 27m của nó. Ban đêm tôi thường dừng lại nhiều lần bên cái đài cao vòi vọi ở quảng trường Bellecourt để ngước mắt lên chiêm ngưỡng Saint Exupéry bé tí tẹo và cô đơn. Ông nhà văn tài hoa của tôi chắc đang mê mải với một chuyến bay đêm lần thứ n của đời nghệ sĩ. Tôi thích cả những biển hiệu giật gân của Lyon. Tỷ như cái cửa hàng Những Nụ Hôn Man Rợ (Les Baisers Sauvages) ở gần Nhà hát Ca kịch.

Chúng tôi giải tán, mỗi người mỗi ngả, theo sở thích. Anh bạn tôi là dân nhậu theo phong thủy, nghĩa là tại hướng đình làng chẳng hạn. Anh nói cả làng Ước Lễ quê anh làm nghề giò chả chỉ vì thích ăn. Anh khoái khu Lyon Cổ với những quán nhậu san sát, anh lượn lờ ở đó để rồi luôn miệng chê những thực đơn đẹp mắt, nhưng giá các món ăn lại chẳng bình dân tí nào. Tôi thì suốt buổi cứ quanh quất bên những quán sách tựa lưng vào bờ sông Saône, rất giống những quán sách cũ nổi tiếng ở sông Seine của Paris, nhưng kém phong phú nhiều. Sông Saône nhỏ hơn sông Rhône chảy bên cạnh nó, Nhưng Saône làm tôi nhớ nó rất lâu. Bởi cuộc gặp gỡ khó quên với me-xừ Jean Pierre.

Chiều hôm ấy, vừa rời cây cầu treo trước Palais-de-Justice, tôi thấy thiên hạ đang đi bỗng tốp lại một đống bên đường. Họ ồn ào cười nói, hoa chân múa tay. Thì ra giữa dòng xe đang chạy nườm nượp kia có một ông già đang say sưa vung vẩy đôi tay chỉ đường, cho xe này đi, bắt xe kia dừng lại. Như một nhạc trưởng lên cơn trước dàn nhạc nhập đồng, hai cánh tay gày guộc bay lượn trong tiếng những động cơ gầm gừ. Mái tóc rậm bạc phơ bồng bềnh trước gió. Tôi nhìn thấy chủ nhân những chiếc xe cũng cười nghiêng ngả trước tay lái. Họ cười, nhưng nhất nhất tuân lệnh ông già chỉ đường. Chẳng ai tỏ vẻ bực dọc về chuyện ông ta bỗng dưng tự đâu nhảy ra làm phiền họ. Nhất là lại trong cái ngày thành phố bắt đầu treo đèn kết hoa chào đón lễ Giáng Sinh. Thì ra bộ mặt rất mực nghiêm trang của ông già làm cho cái trò đùa, bất ngờ đối với mọi người, lại trở nên rất thú vị, bởi nó xua tan mọi thứ stress.

Một lát sau mới thấy một anh công an giao thông trẻ măng miệng cười tươi đủng đỉnh tiến đến bên ông già. Anh ta chỉ vào đồng hồ tay, đoạn ghé vào tai ông già, nói với ông một câu gì đó.

Ông già trợn mắt lên, tuồng như ngạc nhiên. Rồi hiểu ra, ông chầm chậm gật gù cái đầu rậm bù xù, bắt tay anh công an, lắc một chập. Rời chỗ, ông già vênh váo bước lên hè như người vừa hoàn thành một công việc rất đáng tự hào. Ở đó ông hồ hởi gật đầu chào đám đông bộ hành vừa nhập cuộc. Họ hể hả cười vang với ông, những cánh tay chen nhau vươn tới bắt tay ông.

Tôi vẫn đứng đó, bỡ ngỡ trước cảnh tượng được chứng kiến cho tới khi đám đông giải tán. Ông già lại tưởng tôi đứng chờ để được bắt tay ông, liền chìa tay cho tôi.

- Hân hạnh. – tôi nắm tay ông – Rất hân hạnh!

Cái bắt tay trả lại mạnh hơn tôi nghĩ, với số tuổi của ông. Ông cười hà hà:

- Vất vả. Nhưng mà vui. Không có tôi ấy à, ố là là, mọi sự cứ là lộn tùng phèo. Ông bạn có thuốc lá đấy không?

- Có đây!

Tôi rút bao thuốc. Ông dùng ngón trỏ và ngón giữa gắp một điếu nhanh như một nghệ sĩ xiếc.

Tôi bật lửa cho ông. Ông cúi xuống, rít một hơi ngon lành.

- Jean Pierre de…

Và nói tiếp một cái họ dài dặc mà tôi lập tức quên ngay cùng với quyết định không cần nhớ. Tôi ấp úng một cái họ Việt khó phát âm và cũng khó nhớ không kém.

Ông ngoắc tay ra hiệu tôi đi theo ông vào chỗ bức tường thấp, nơi dựa lưng của những quán sách, ở đó khuất gió. Và ông ngồi ngay xuống đấy cái ịch, tự nhiên như ngồi xuống sofa nhà mình.

Cứ chỉ đó tố cáo ông là một clochard. Từ điển Larousse định nghĩa: "clochard là người vô gia cư, sống cuộc đời lang bạt và nghèo túng." Không sai, mà chưa đủ. Khi không có gió thổi, một mùi hôi từ người Jean Pierre bốc lên nồng nặc – mùi clochard. Mùi clochard là một đặc trưng cần phải đưa vào từ điển để không thiếu.

- Ông bạn người Indochine?

Tôi gật đầu.

- Tôi đã ở đó, hừm, năm nào nhỉ? 1947. Hoặc 1948. Ố là là, Kinh lắm. Những đồng lúa ngập nước, đầy đỉa. Du kích Việt Minh với những chùm lá cây phủ kín người… Những hầm chông. Bọn bắn tỉa... Ố là là!

Lúc đó tôi chưa ra đời.

Tôi ngồi xuống bên cạnh ông. Mùi khăn khẳn đặc biệt của các clochard thường gặp trong các ga Métro của Paris tiếp tục xộc vào mũi tôi.

- Ông đã đánh nhau ở Việt Nam?

- Tất nhiên. Một điếu nữa, hả?

Tôi dúi bao thuốc vào tay ông. Nó biến mất ngay lập tức trong một cái túi nào đó trong rất nhiều cái túi của Jean Pierre.

- Tôi còn đánh nhau ở Algérie nữa kìa. Ố là là, ở đó nóng lắm, nóng vô cùng. Và rất nhiều bụi. Tôi đã ở Batna, Biskra, Sid Ben Abbès, Mostaganem, I-n-Salah… - ông nói một tràng những tên thành phố ông đã qua, trong khi nhấm nháp cái âm sắc lạ tai của chúng mất ông nhoè nước – Có thể, tôi có những đứa con ở đó nữa.

- Ông có bao giờ định tìm chúng không?

- Không. - Jean Pierre lắc đầu quầy quậy – Tìm mà làm gì? Nhưng ông đã quan tâm tới chúng thì, hừm, ông là một người dễ mến.

Tôi thản nhiên nhận lời khen. Dân clochard là thế. Jean Pierre không phải là clochard đầu tiên mà tôi gặp. Những clochard ở Paris rất hay gợi chuyện. Họ tha những chai rượu vang rẻ tiền xuống Métro, uống tới say khướt, rồi ngầy ngà bắt một khách bộ hành nào đó vô tình ngồi gần nghe chuyện mình. Tôi thường ậm ừ mấy câu vô nghĩa rồi nhảy bổ vào toa xe khi tàu vừa tới. Nhưng đây là Lyon, thành phố không quen biết, nơi tôi không gặp được ông bạn cố tri của một ông bạn tầm phào để đi chơi cùng, cũng chẳng biết nên rời khỏi nó hôm nay hay ngày mai?

- Ông cũng dễ mến. Được gặp ông là một thú vị đối với tôi. Ông người thành phố này?

Jean Pierre gật đầu một cách không khẳng định.

- Cái đó có ý nghĩa gì trong thời đại của chúng ta? - Jean Pierre triết lý - Vào cái thời tôi còn trẻ những cuộc gặp gỡ giữa Âu và Á như thế này là hiếm hoi lắm.

Một đôi trai gái Nhật Bản đi ngang. Người con trai kín đáo quay lỗ ống kính bằng hạt đậu nhọn trên cái máy ảnh digtal bằng bao diêm về phía chúng tôi. Tôi nghe thấy một tiếng tít khe khẽ. Anh chàng đã kịp chụp một pô có hai clochard một Âu một Á.

Jean Pierre bảo:

- Tôi thấy hơi đói bụng. Ông bạn thế nào?

Tôi thực thà:

- Tôi cũng thấy đói.

- Vậy thì tại sao chúng ta không đi ăn? Tôi biết một quán cous-cous gần đây, được lắm. Từ ngày ở Algérie tôi khoái món đó vô cùng. Ông đã ăn cous-cous lần nào chưa? Ngon lắm. Đi với tôi. Tôi mời ông bạn mà. Ông đi chứ?

Một bữa tối được mời trong một thành phố xa

lạ, lại do một clochard chính hiệu, vui thật. Nó có vẻ là đoạn đầu một câu chuyện hay ho. Như chuyện một tay nhà giàu phát khùng, bỏ vợ bỏ con, bỏ biệt thự sang trọng trong khu ở của triệu phú, bỏ cả giới thượng lưu, để lang thang làm một clochard dưới đáy Paris. Không phải mọi clochard đều nghèo. Có người nói với tôi như thế.

- Thế nào, ông bạn, đi chứ?

- Tại sao không? – tôi nói.

Chúng tôi đứng lên. Jean Pierre định khoác vai tôi, nhưng cánh tay ông già đã đưa lên lại thõng xuống. Chắc ông chợt nhớ ra, rằng ông có một cái mùi không vừa mũi những người bình thường.

Chúng tôi đi dọc theo ke Tilsitt. Từ đây có thể ngắm cảnh bờ sông bên kia – những ngôi nhà trung cổ nhô ra thụt vào lẫn lộn với những ngôi nhà tiền hiện đại, một nhà thờ Thiên chúa giáo thấp tè, Hôpital Antiquaille đồ sộ, và xa hơn nữa - những tháp nhọn có riềm của Basilique Notre-Dame de Fourvière.

Jean Pierre kéo tôi vào một tiệm ăn nghèo nàn và xập xệ theo chuẩn mực châu Âu. Chủ quán, một người đàn ông Ả Rập, lông mày rậm và mũi khoằm, nhăn mặt khi nhìn thấy Jean Pierre. Nhưng khách là khách, không thể có sự phân biệt đối xử, ông ta đành nở một nụ cười gượng gạo:

- Bon soir, Jean Pierre!

Jean Pierre gật đầu chào lại, đi đến cái bàn trong góc. Chắc hẳn đó là cái bàn quen thuộc của ông. Tôi ngoan ngoãn theo sau. Ngả người trên ghế, Jean Pierre gọi cous-cous, kèm theo một chai vang đỏ.

Không biết tại tôi đói bụng hay là món cous-cous ở đây do một đầu bếp tài ba nấu, nhưng nó ngon tuyệt. Nó ngon đến thế nào có thể căn cứ ở những thán từ "ố là là" của Jean Pierre. Vang Algérie ngọt lợ và kém chát rất nhiều so với vang Pháp.

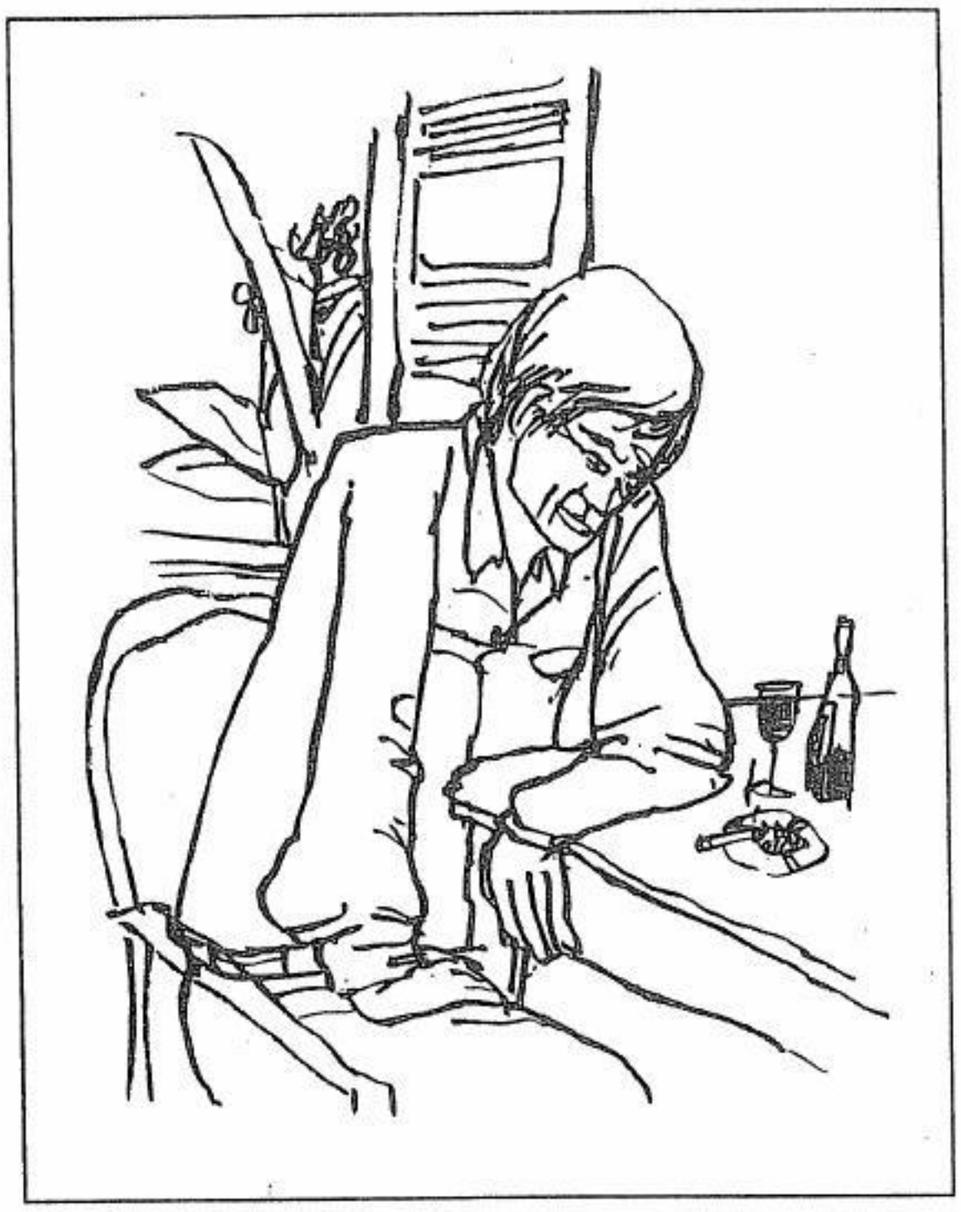

Món ăn ngon làm cho Jean Pierre trở nên bốc. Qua câu chuyện trong bữa ăn, tôi mới biết Jean Pierre từng là một quân du kích trong Đại chiến thế giới thứ hai, lúc còn là một thiếu niên.

- Tôi là một người cứu nhân loại khỏi thảm hoạ phát-xít. – Jean Pierre đấm xuống bàn - Một anh hùng.

Người cứu nhân loại ăn như rồng cuốn và uống như hũ chìm. Chúng tôi đánh ngã chai vang thứ hai. Nó được mở sẵn từ trong bếp và theo tôi, nhạt hơn và có phần chua hơn chai trước. Jean Pierre không nhận thấy có điều gì khác lạ. Ông cạn hết ly này tới ly khác.

- Sau đó, tôi đi sang Đông Dương đánh bọn phiến loạn...

Tôi nóng mặt, cãi lại. Tôi cũng đã hơi say say. Vang nhạt cũng là vang, vang Pháp hay vang Algérie thì cũng thế. Không phải nước lã.- Không phải bọn phiến loạn, mà là quân khởi nghĩa. Một cuộc chiến đấu giành độc lập của những người nô lệ.

- Thì cũng như nhau. Có gì khác? Nước Pháp là nước Pháp. Thuộc địa là thuộc địa. Thuộc địa nổi loạn. Nước Pháp dẹp loạn. Ở Algérie cũng vậy.

Tôi cương quyết phản bác:

- Không thể như nhau được. Một đàng là những người chiến đấu cho tự do. Một đàng là quân xâm lược.

Jean Pierre trợn mắt. Tôi nhìn thấy những tia đỏ trong con ngươi mắt ông khi ông nhào cả bộ mặt râu ria lởm chởm qua bàn về phía tôi. Tôi tưởng ông ta sẽ xông vào tôi lúc đó. May, ông chỉ tiếp tục xông vào đĩa cous-cous bỏ dở của tôi mà ông đã kéo tuột về phía mình trong chớp mắt.

Ăn xong, Jean Pierre ợ mấy cái liền với vẻ mặt hết sức khoan khoái. Ông đặt bánh đét xe, tiện miệng gọi chai thứ ba.

Chai này còn nhạt hơn nữa. Hoặc là một thứ rượu khác hai chai trước.

- Thì có gì khác? Chúng tôi cũng từng chống bọn bosh khi chúng xâm lược nước Pháp của chúng tôi. Như bọn Việt Minh ở Đông Dương của ông bạn. Này, bọn Việt Minh ấy, ố là là, chúng nó đánh khá lắm. Với tư cách người lính, tôi xác nhận điều đó. Sự thật là sự thật. Như một franc là một franc.

Mi mắt tôi bắt đầu nặng. Tôi bắt đầu không hiểu những câu nói tiếp theo của Jean Pierre. Ông ta nói những điều không có lý. Nhưng chẳng lẽ thế giới này có lý?

- Sau tất cả những cuộc chiến tranh chết tiệt đó, tôi làm cảnh sát giao thông. – tôi nghe thoảng bên tai giọng lè nhè của Jean Pierre - Đó mới là một nghề ra nghề. Ông bạn hãy tưởng tượng một ngày nào đó tất cả các đèn đường đều tắt ngóm và ở các ngã ba ngã tư ngã năm ngã bảy không có một viên cảnh sát giao thông nào... Ố là là!

Jean Pierre ngước mắt nhìn lên trần, hai tay ôm lấy đầu, hình dung ra cái ngày khủng khiếp đó.

Tôi gật gù, chỉ để chứng tỏ tôi đang chăm chú nghe.

- Rồi tôi về hưu. Nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn ra đường hỗ trợ các bạn đồng nghiệp. Ố là là, họ cần tôi lắm. Nhân loại cũng cần tôi. Như ông bây giờ. Ông cũng cần tôi trong cái thành phố này đấy rồi ông thấy. Ông bảo ông mới tới lần đầu?

- Tôi mới tới lần đầu.

- Tối nay tôi sẽ dẫn ông tận nơi ông cần tới. Ông hơi say rồi. Ông sẽ không tìm nổi đường trong tình trạng này.

- Không, tôi không say.

- Đừng cãi. Ông sẽ không tìm nổi đâu khi xe cộ càng về khuya càng thưa thớt. Tôi là người chỉ đường mà. Không phải cho một mình ông. Mà cho cả nhân loại.

Khuya thật rồi. Những người khách cuối cùng đã lần lượt đứng lên trả tiền và ra về. Tôi kiên nhẫn chờ người chỉ đường cho cả nhân loại trả tiền cho bữa ăn tối. Ông ta mời tôi mà. Nhưng Jean Pierre hình như quên bẵng chuyện đó trong sự vướng bận với những ý nghĩ trọng đại về sứ mệnh cao cả. Phép lịch sự không cho phép tôi giục ông.

Ông chủ quán mũi khoằm đứng bên trong quầy thỉnh thoảng lại ném cho tôi một cái nhìn nghi ngại. Rõ ràng ông ta sốt ruột chờ tôi ra một cử chỉ gọi ông tới tính tiền.

Jean Pierre tiếp tục uống nốt ly rượu còn lại với vẻ suy nghĩ lung. Tôi thất vọng. Tôi chờ thêm một lát nữa. Jean Pierre có dáng kẻ ra gan, không thèm để ý đến tôi.

Khi đã không còn có thể kéo dài thời gian hơn nữa, tôi thò tay vào túi áo, rút ví.

Chủ quán lập tức xuất hiện bên cạnh tôi với cái đĩa cáu bẩn, trên đó nằm chềnh ềnh mảnh giấy tính tiền.

Món cous-cous tuyệt vời được tính với giá rất rẻ. Nhưng khoản trả cho ba chai vang dở ẹt thì được phóng đại tới mức Andersen vĩ đại cũng phải sửng sốt. Ở nước Pháp văn minh không có lệ kì kèo khi trả tiền cho bữa ăn. Tôi không quên bỏ thêm vào một euro tiền boa, cũng theo tục lệ của nước Pháp văn minh.

Những ý nghĩ trọng đại lập tức rời bỏ Jean Pierre, hoặc là chính Jean Pierre rời bỏ chúng, và chúng tôi đứng lên.

Jean Pierre nhìn tôi âu yếm. Cái nhìn của ông chan chứa tình yêu. Ông khoác áo ngoài cho tôi, cẩn thận cài từng cúc áo:

- Tiết trời bây giờ tệ hại lắm. Lại có dịch cúm nữa. Phải ăn vận cho ấm vào. Nước Pháp đẹp thật, nhưng đầy rẫy nguy hiểm. Phải quàng khăn chặt thế này này mới bảo vệ được cái họng.

Ông nhẹ nhàng đưa tay lên khoác vai tôi, dìu tôi đi qua những phố sáng và những phố tối. Mỗi khi qua đường, ông giơ tay ra hiệu ngăn những chiếc xe đi tới bằng một dáng điệu trịnh trọng và kiên quyết. Xe cộ tuân lệnh ông răm rắp, làm tôi bất giác phải kính nể ông bạn clochard già lão, giờ đây không còn thấy bốc mùi.

Sáng ngày ra, tôi quyết định quay về Paris. Chúng tôi đã ở đây bốn ngày. Anh bạn tôi thấy thăm Lyon thế đã đủ.

Trong khi chờ tàu, chúng tôi vào một quán điểm tâm. Ăn xong, tôi đưa tay rút ví để trả tiền thì không thấy cái ví ở chỗ cũ. Tiếp tục tìm nó ở những chỗ nó không thường ở cũng không thấy nó đâu.

Anh bạn tôi nheo mắt mỉm cười:

- Bị móc mất rồi phải không? Ở đâu?

Tôi nhún vai. Có trời biết tôi đã đánh rơi ví ở chỗ nào. Có thể khi trả tiền bữa ăn tối tôi đã bỏ nó không đúng chỗ, tức là không đút vào túi mình. Lúc ấy tôi say.

Tôi không muốn nghĩ rằng người chỉ đường cho nhân loại đã cầm cái ví của tôi khi ân cần cài mọi cúc áo cho tôi. Nghĩ như thế thì tệ quá./.

CHỜ TẾT

TRẦN CÔNG SUNG

Trước khi lụm cụm chui vào mùng, bà cụ Hàn hỏi con dâu: Thế thằng Cừ nó nói gì với cô?

Đó là lần thứ mười bà già lập lại câu hỏi. Yến trả lời, lần thứ mười:

- Thì anh ấy bảo Tết này, thế nào nhà con cũng được thả về.

- Nó có chắc không, hay lại...

- Chắc. Thì anh ấy với nhà con ngày xưa cùng ở một đơn vị, cùng bị đưa đi một ngày. Nay anh ấy được thả về...

- Thế sao nó được về trước?

- Họ thả mỗi đợt mười người. Anh Cừ thuộc đợt trước, nhà con đợt sau.

Bà cụ leo lên giường. Cái giường cũ rên ọp ẹp. Cái chiếu rách tả tơi, thâm sì, Yến muốn mua cái mới, bà già nhất định không chịu. "Cô hoang phí nó vừa vừa chứ..." Bà già không vứt đi cái gì, từ chiếc áo cũ đã vá chằng chịt, đến những chai lọ, hộp giấy, hộp thiếc nhặt ở ngoài đường, chất lỉnh kỉnh dưới gậm giường.

Mấy con muỗi láu cá lẻn sau lưng bà cụ già, len vào mùng, bay vo vo, nhặng xị.

Bà già đưa tay run rẩy đập muỗi. Những con muỗi nhanh nhẹn tránh né, kêu vo vo, trêu cợt.

Yến bỏ cái áo đang vá, chui vào mùng, đập muỗi cho mẹ chồng.

Bà già nghiêng mình, nằm nghiêng. Không dám nằm ngửa: cái lưng của bà đau buốt, chịu không nổi cái thân nặng không đầy 40 kí lô.

- Mẹ muốn uống thuốc ngủ không?

Bà già không cần thuốc ngủ. Từ hôm tin con sắp về, bà già ngủ ngon lành. Ăn ngon lành. Ông Thìn hàng xóm nói: "Bà cụ trẻ hẳn ra!"

Trẻ ra hay không, không biết, Yến thấy bà tươi hẳn ra. Như cái cây đang rũ xuống được tưới nước. Yến cũng tươi hẳn ra. Đêm qua, khi cả nhà ngủ, nàng lục cái va-ly cũ dưới gậm giường. Cái va-ly buộc chặt, nằm yên dưới gậm giường. Trong rương lỉnh kỉnh một thỏi son, một lọ nước hoa của Tây, một chiếc gương nhỏ, bên cạnh cái áo dài xanh da trời. Đó là những gì nàng giữ lại từ ngày cưới. Bao nhiêu áo dài ngày xưa, nàng dần dần mang ra, cắt may áo cho con. Chỉ còn chiếc áo dài xanh, mỗi lần cầm kéo định cắt, lại tần ngần, gấp áo lại. Yến tô son lên môi. Thỏi son để lâu ngày, khô cứng. Nàng mặc chiếc áo dài. Chiếc áo hơi rộng; nàng gầy đi vì lo nghĩ, ăn uống bữa đực bữa cái. Nàng soi gương, ngắm đi ngắm lại và nhận ra những nét nhăn ở đuôi mắt.

Bà cụ Hàn:

- Ngày mai, nhớ dặn bác Thu để dành cho mình một ít lá chuối. Tết này gói ít bánh chưng.

- Còn ba tuần nữa mới Tết, mẹ cứ...

- Không dặn trước, họ bán hết, Tết lại trơ mắt ra.

Yến không hỏi lấy tiền đâu mua gạo, thịt gói bánh. Nàng không muốn làm nguội cái vui của bà cụ già.

Thảo và Hiếu, hai đứa nhỏ nằm trên giường bên cạnh, trong cái mùng vàng úa, vá chằng chịt, tưởng đã ngủ yên, vội nhỏm dậy. Con Thảo nhanh miệng hơn em:

- Tết gói bánh thật hở mẹ?

Từ bảy năm nay, từ cái ngày bố chúng nó bị đưa đi, Tết nhất buồn thiu. Sang lắm là một buổi cơm với gà luộc, thứ gà kỹ nghệ, rẻ tiền, bở như bột gạo.

Bà cụ Hàn:

- Bố mày gói bánh chưng không ai bằng. Ngày xưa, Tết nào nó cũng gói cho cả xóm. Bánh họ cho, ăn cũng không hết.

Rồi nói, như nói một mình:

- Cái thằng khéo tay lạ. Gói cái bánh cứ vuông như đúc. Lại buộc lạt đỏ tươi, đẹp hơn cả bánh ngoài tiệm. Đầu tháng Chạp là cả xóm đến đặt bánh. Đến ông Chiểu ở tận dưới Mỹ Tho cũng lội lên nhờ gói.

Thằng Hiếu dụ:

- Tết, nhà mình đốt pháo hả bà?

Con chị mắng: Cái thằng ngu như bò. Người ta cấm đốt pháo. Mày muốn đi tù hả?

Anh cu Hiếu nín khe. Đi tù là một chuyện rất nên tránh. Bố đi tù, Hiếu thấy bà nội khóc hoài. Nhiều đêm chợt thức dậy vì đái dầm trôi cả giường, Hiếu thấy bà ngồi trong mùng, khóc một mình giữa đêm tối. Con trai bà Hựu đi tù, bà Hựu khóc suốt ngày. Chồng chị Bích đi tù, chị Bích nổi khùng chửi bới tùm lum, tóc tai bờm xờm như con mẹ điên.

Bà cụ Hàn:

- Pháo phiếc gì chẳng biết, nhưng cũng phải may cho mỗi đứa một bộ quần áo mới. Tết nhất để nó rách rưới quá không được. Mà thế nào bố nó cũng đưa con đi sửa lại mộ cho ông cụ.

Con Thảo nghe may quần áo mới, mừng rỡ:

- May áo ở tiệm hả bà? Tiệm chị Vượng. Chị

Vượng nói nếu có vải, chị ấy may không công cho cháu.

Câu hỏi lại lởn vởn trong đầu Yến: lấy tiền đâu ra mua vải, thuê xe lên nghĩa trang. Hôm qua bà già còn bàn cả chuyện đưa cả nhà đi chùa, tạ ơn Trời Phật.

Bà già như đoán ra cái lo ngại của con dâu:

- Con heo nhà mình mập căng ra, Tết thế nào cũng được giá.

Bán heo là điều không bao giờ Yến nghĩ đến. Con heo nái là cả mối kỳ vọng của bà cụ Hàn. Bà cụ chăm con heo như người ta chăm con đẻ. Mỗi lần con heo bỏ ăn, bà già bỏ ăn, ngồi trong chuồng heo vỗ về con vật, đưa cám lên tận miệng, dỗ dành gần như năn nỉ. Con heo đau, bà già lội bộ hơn hai chục cây số, lên Bà Chiểu kiếm thuốc.

Bà cụ đã được ông Hựu hứa sẽ cho heo đực của ông đến nhảy, chỉ lấy tiền khi bà già bán được heo con. Ông Hựu vốn tính keo kiệt, một xu là một xu, tiền trao cháo múc. Con heo đực lại là cái cần câu cơm của gia đình ông. Nhưng từ khi con ông Hựu bị đưa đi, ông Hựu thấy gần gũi với bà cụ Hàn, thỉnh thoảng ghé qua uống nước, trò chuyện cho đỡ buồn và sẵn sàng giúp bà cụ.

Yến nhìn mẹ chồng dò hỏi. Bà già chép miệng:

- Bán con này rồi nuôi con khác. Thằng kia nó về, lo gì. Nó mát tay lắm. Nuôi heo, heo cứ lớn như thổi. Nuôi gà, gà hàng xóm phải gió, lăn ra chết cả chuồng, gà nhà mình chẳng mất con nào.

Thằng Hiếu không biết mặt bố, nhưng thấy từ hôm có tin bố về, đời sống như mở ra, tươi hẳn lên. Bánh chưng Tết, quần áo mới, đi chùa, đi nghĩa trang thăm mộ ông nội. Ông bố ở đâu hiện ra, như một phép lạ. Cu Hiếu không biết mặt bố vì khi bố bị đưa đi, nó chưa đầy một tuổi. Không có cả một tấm hình trong nhà. Sau ngày 30 tháng 4, bà cụ đem con xuống trốn trong một ngôi chùa ở ngoại ô, rồi về nhà, có cái hình nào của con, nhất là hình con mặc quần áo lính, bà già đem ra đốt sạch.

Cu Hiếu hỏi:

- Bố cháu đẹp trai lắm hả bà?

Con Thảo:

- Không đẹp trai mà lấy được mẹ. Mẹ ngày xưa cũng là hoa khôi chứ bộ.

Suýt nữa cu Hiếu buộc miệng hỏi hoa khôi là gì, nhưng không dám, sợ bị con chị mắng là ngu như bò:

- Sao chị biết?

- Thì chú Tấn nói, dì Phúc nói, chị Vượng nói. Ai cũng biết cả, chỉ có mày ngu như con bò...

Yến ngồi vá áo, nghĩ đến ngày cưới, mặc áo dài xanh, má hồng. Các bà, các cô ai cũng trầm trồ. Cái ngày ấy vừa xa như một ngàn năm, vừa gần như hôm qua.

Lần cuối cùng Yến gặp chồng cách đây ba năm. Nàng cùng một người em họ lặn lội cả tháng từ Nam ra Bắc, leo núi, vượt núi mới tới được cái trại cải tạo ở một vùng khỉ ho cò gáy gần biên giới Việt Hoa. Lọ thịt bông và gói thuốc lá đã mốc meo. Người ta cho họ gặp nhau hai giờ. Nếu người đàn bà ở lại với chồng thêm 15 phút, chắc chắn nền an ninh quốc gia sẽ bị đe dọa.

Người đàn ông đứng trân nhìn vợ, không biết nói gì, nước mắt chảy dài trên má. Người đàn ông hốc hác, tiều tụy đến nỗi mấy phút đầu, Yến không nhận ra. Trước khi chia tay, người đàn ông cởi nút áo, khoe vợ: một con én mầu xanh đậm, xâm trên ngực. Con én dang cánh bay, vẫy vùng, tự do. Đó là tác phẩm của một người bạn tù. Người chồng hỏi: Em hiểu tại sao con én? Nàng hiểu. Én là Yến. Và đến lượt nàng khóc. Nước mắt ở đâu nó cứ tràn ra, tràn ra, giữ không được.

Cu Hiếu ráng thức để nghe nói chuyện về bố, nhưng mắt nó cứ nặng dần, nặng dần. Trong cơn mơ, cu Hiếu thấy bố cưỡi ngựa về, hàng xóm láng giềng đứng hai bên đường chiêm ngưỡng. Bố đeo trên vai một cái túi đầy kẹo, bánh. Thèm chất ngọt từ lâu ngày, thiên đường, với anh cu Hiếu, là mấy gói kẹo.

*

Cơn mưa rả rích không ngớt. Gió lạnh xé thịt. Hai người tù run rẩy đào huyệt. Nước bùn lạnh tê chân khiến họ vừa hì hục đào vừa co chân nhẩy. Người cán bộ đứng co ro dưới một gốc cây, ra lệnh, răng đánh bần bật:

- Thôi, đủ sâu rồi. Nấp đất nại đi, rồi còn về. Sắp giao thừa, còn hì hục giữa đồng.

Hai người tù một già, một trẻ khênh cái xác, đặt xuống huyệt. Cái xác nhẹ như xác con nít, gầy trơ những chiếc xương sườn. Người tù trẻ:

- Nghe người ta nói da bọc xương, bây giờ mới thấy.

Chiếc áo rách bươm không che nổi cái xác gầy. Trên ngực xác chết, một hình xâm, mầu xanh đậm, không rõ hình thù dưới làn da nhăn nhúm.

Người tù trẻ tò mò, lấy hai ngón tay, căng làn da ngực người chết, nhận ra một con én tung cánh bay.

Trời tối đen. Ngọn đèn bập bùng chỉ dọa tắt. Có tiếng pháo lẻ lẹt đẹt vọng về từ một xóm xa, lẫn với tiếng chó sủa ăng ẳng. Người cán bộ hỏi, sốt ruột: "Xong chưa?"

Người tù già:

- Xin phép cán bộ cho kiếm một viên đá, đánh dấu nấm mộ. Sau này, nếu người nhà anh ấy có đến tìm xác. Nghĩa tử là nghĩa tận.

Ông cán bộ không nói gì, không la hét, nguyền rủa, dọa nạt. Tết nhất, ông ta hiền hẳn ra.

12.2002

TƯỞNG NHỚ ĐIÊU KHẮC GIA LÊ THÀNH NHƠN

HUỲNH HỮU ỦY

Tài liệu Huỳnh Hữu Ủy

Lê Thành Nhơn, Tượng Phan Bội Châu, dựng ở nhà thờ Phan Bội Châu ở Huế.

Trước năm 1975, ba nhà điêu khắc trẻ Mai Chửng, Trương Đình Quế và Lê Thành Nhơn, mỗi người một phong cách riêng, đã góp phần tạo nên một vẻ mặt sinh động cho nền điêu khắc trẻ trung của miền Nam. Rồi thời thế đổi thay nhiều quá, mỗi người lưu lạc một phương trời, nhưng dường như cả ba đều luôn giữ ngọn lửa sáng tạo cháy sáng trong lòng mình. Trương Đình Quế ở lại trong nước, bị bủa vây vì biết bao gian khổ ràng buộc, từ khó khăn về kinh tế của một đời sống nghèo nàn xuống cấp không tưởng tượng được chung quanh, cho đến những áp đảo trầm trọng về tinh thần, anh vẫn giữ vững tinh thần và vẫn có những tác phẩm đẹp, với cách nhìn mạnh mẽ và sáng tạo. Cũng nên nhắc đến Phạm Văn Hạng, đi tiếp con đường Trương Đình Quế đang đi, và đã dựng được nhiều tác phẩm rất đồ sộ, có thể nói là những công trình điêu khắc lớn, mang nhiều dấu vết thời đại mà lại rất vững chắc, hoành tráng, đáng kể như chưa từng thấy. Trong khi ấy, Mai Chửng, lưu lạc ở Mỹ, phải bỏ nghề vì thúc bách trong cuộc sống mới quá khủng khiếp. Nhưng cái ám ảnh của nghề, của nghiệp, của nghiệp chướng, hay đúng hơn là cái thúc đẩy của đời sống bên trong tâm hồn, đòi hỏi phải làm một cái gì cho mới mẻ. Vậy là Mai Chửng bỏ việc sinh nhai để trở lại với điêu khắc thiết cốt của anh. Một số tác phẩm mới của Mai Chửng đã vượt qua nhiều chặng đường cũ của chính anh trước đây; anh vừa mới mang lại cho chúng ta một số tác phẩm vừa được đúc đồng xong, với một cách nhìn rất mới mẻ. Nhưng ở tuổi sáng tạo chín muồi ấy, Mai Chửng lại chia tay vĩnh viễn với chúng ta, dở dang bao nhiêu công trình đang nuôi dưỡng. Năm vừa qua, nền nghệ thuật của đất nước mất đi một tài năng lớn đang ở độ sung

mãn, thì năm nay chúng ta lại mất thêm Lê Thành Nhơn: một nhà điêu khắc nổi bật đặc biệt trên vùng đất mới Úc châu, được ghi nhận vì những đóng góp sáng giá của anh. Nhân tài như lá mùa thu, trời đất quả là có phần bất công với nền nghệ thuật của chúng ta, mà những ngọn lá ấy cũng chưa vàng úa hẳn, chỉ mới đổi màu đã tan tác lìa cành. Không riêng trong lĩnh vực điêu khắc, mà nói rộng hơn một chút là nghệ thuật tạo hình, cách đây vài năm chúng ta mất Ngọc Dũng, rồi Mai Chửng, tháng trước là Lê Thành Nhơn, mới cách đây vài ngày là Bửu Chỉ. Đều là những giá trị và tài năng không có gì thay thế và bù đắp được.

Tôi đã có dịp đề cập đến Ngọc Dũng (1), sẽ có dịp nói đến Mai Chửng và Bửu Chỉ. Với bài viết này, xin trở lại với Lê Thành Nhơn.

Trong khoảng thời gian 1970 – 1975, Lê Thành Nhơn được công chúng chú ý đến một cách đặc biệt vì dự án xây dựng mười tượng đài danh nhân tầm cỡ của Việt Nam. Tập trung suy nghĩ, thu thập tài liệu và thực hiện liên tục nhiều phác thảo trong tình trạng nghiên cứu, Lê Thành Nhơn hăm hở, nhiệt tình dồn hết tất cả sức lực của mình, quyết dựng những tượng đài to lớn các danh nhân đất nước, mỗi tượng đài sẽ là một tác phẩm cô đọng những nét đặc trưng nhất. Trước tiên anh bắt tay thực hiện chân dung Nguyễn Trung Trực, pho tượng lớn được đắp bằng đất sét thử nghiệm nơi xưởng làm việc của anh giữa một khu vườn ở đường Nguyễn Du, Quận I, Sài Gòn, dự trù sẽ đúc đồng để dựng ở Rạch Giá, trên chính vùng đất nhà anh hùng dân chài đổ dòng máu dâng trào vào những ngày đầu Nam Bộ kháng Pháp. Thời kỳ này, pho tượng Phan Thanh Giản cao 2.5 m cũng đã được hoàn tất, thực hiện bằng xi măng cốt sắt.

Năm 1973, đang giảng dạy tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định, được mời thỉnh giảng ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế, trong những ngày đi về làm việc ở Huế, ý định của anh về những công trình này càng được thôi thúc thêm giữa bầu khí sôi sục của một thành phố hừng hực lửa đấu tranh. Những tượng đài Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Bội Châu... nhất định sẽ phải được dụng lên. Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế, Đại Nội Huế, thành phố Huế vừa lặng lẽ vừa sôi nổi, và những người bạn của Huế đã kích thích, gây nên một sự phấn khích rất đặc biệt để Lê Thành Nhơn hoàn thành pho tượng đồ sộ Phan Bội Châu. Chân dung Phan Bội Châu, linh hồn cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 đã hình thành trong bối cảnh ấy. Giữa khuôn viên trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Huế, pho tượng được hoàn tất đợt đầu bằng đất sét. Khuôn mặt nhà ái quốc vĩ đại được đắp tạc khá hoàn hảo, đầy tính chiến đấu, lột tả được nét kiêu cường, cứng rắn, quyết liệt, cũng như sự thông tuệ rực rỡ vô song. Tượng chỉ là khuôn mặt phóng lớn đầy tính diễn tả, thêm vào đó là những mảng phù điêu đắp nổi, phía hậu diện pho tượng, hình ảnh cuộc đấu tranh bền bỉ của đất nước từ kỷ nguyên thứ nhất cho đến ngày nay. Cũng cần biết thêm là phù điêu hậu diện pho tượng bấy giờ còn dở dang. Các mẫu phù điêu này hiện nay đã được Lê Thành Nhơn hoàn tất; sẽ được thực hiện bằng đồng ở Úc châu, với hy vọng một ngày nào đó trong tương lai sẽ được đưa về ráp thêm vào phía sau pho tượng. Pho tượng Phan Bội Châu bằng đất sét được người thợ đúc truyền thống của Huế đúc thành tượng đồng cao hai thước, nặng gần bốn tấn, công trình đang thực hiện dở dang thì biến cố 1975 xảy đến. Gần 15 năm trôi qua, pho tượng nằm hoang phế giữa Phường Đúc gần đồi Long Thọ, và mãi đến cuối năm 1987, di tích lịch sử và mỹ thuật này mới được chuyển về dựng tại vườn cũ của cụ Phan, rất trang trọng trên đầu dốc Bến Ngự. Pho tượng này đặt ở đây đã là đúng yêu cầu về phương diện lịch sử, tuy nhiên với kích thước của nó, mà có một địa điểm khác rộng lớn hơn, có không gian hơn, thì chắc chắn sẽ tạo nên được nhiều hiệu quả hơn nữa về mặt thẩm mỹ. Dù sao cũng là rất đáng mừng vì pho tượng hiện nay đã được xem là một bộ phận trong toàn quần thể di tích văn hóa nghệ thuật Huế, đặt dưới sự bảo trợ của UNESCO, tổ chức văn hóa-giáo dục-khoa học của Liên Hiệp Quốc.

Cùng với thời kỳ phác thảo và thực hiện tượng Phan Bội Châu, Lê Thành Nhơn thực hiện khá đạt tượng chân dung *Quan Thế Âm* trước trung tâm văn hóa Liễu Quán của Phật giáo ở Huế. Là tượng Phật Quan Âm, tất nhiên phải giữ một vài quy cách ước lệ cũ, có nghĩa là phải giữ lấy vài điểm chính để gợi ý về biểu tượng này. Tuy nhiên chúng ta cũng nên xem đây là chân dung của một người phụ nữ với phong cách rất lạ, phía trên đầu là một khối hình chóp gần với thể dạng quen thuộc trong mỹ thuật Chàm, với các vũ nữ múa Apsaras, các tượng nữ thần Lakmi hay Siva, khuôn mặt rất bay bổng do đôi mắt thanh nhã, môi mỏng, cổ cao mà tác giả đã tìm cảm hứng hiện thực từ

khuôn mặt của một ca sĩ thời danh và rất phiêu lãng lúc bấy giờ. Gần như phong cách tượng Phật Quan Âm vừa đề cập, chúng ta còn tìm thấy vẻ đẹp thanh thoát, nhẹ nhàng nhưng cứng cáp và chắc nịch của khối thể nơi tượng *Bà Mẹ Việt Nam* với chiếc khăn trùm quen thuộc của những bà mẹ Nam Bộ. Tượng này vẫn còn nguyên chỗ cũ, trước sân xưởng làm việc ngày trước của Lê Thành Nhơn, 101 Nguyễn Du, Q.I, Sài Gòn. Trong gần 20 năm sau ngày 30.4.75, rất đáng tiếc là pho tượng này không còn ai để ý tới nên không được giữ gìn, bảo vệ cẩn thận giữa bao nhiêu sắt gạch, gỗ đá chồng chất của một cơ sở xây dựng của thành phố Sài Gòn. Hiện nay tình hình đã đổi khác nhiều, người ta đã bắt đầu biết lưu tâm đến một số giá trị cũ, hy vọng là tượng *Bà Mẹ Việt Nam* sẽ có chỗ đứng đàng hoàng trong đời sống văn hóa của Sài Gòn, nếu không muốn nói là của đất nước.

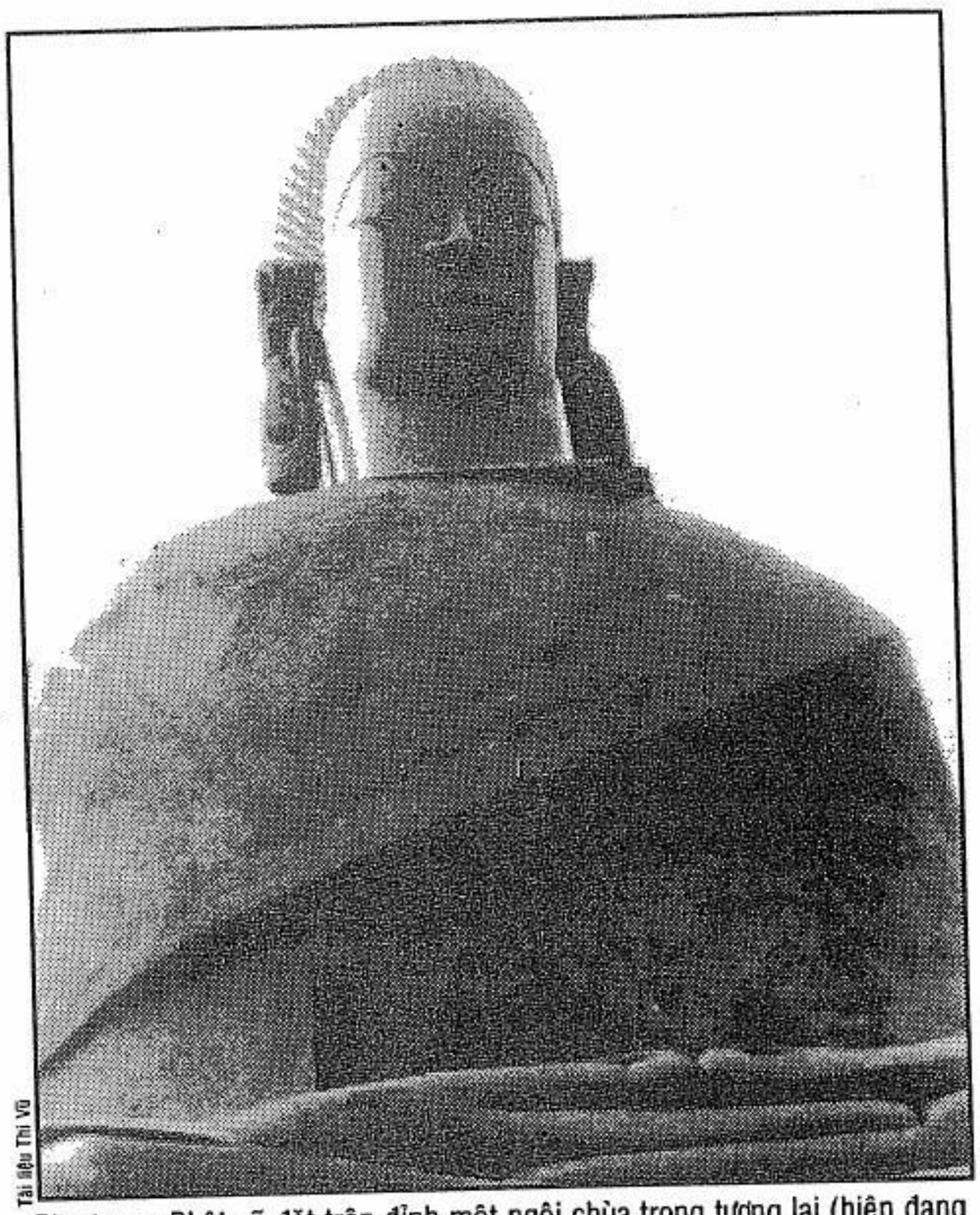

Tài liệu Thi Vũ

Pho tượng Phật sẽ đặt trên đỉnh một ngôi chùa trong tương lai (hiện đang ở trong tình trạng đồ án), điêu khắc của Lê Thành Nhơn.

Năm 1975, định cư tại Melbourne, tiểu bang Victoria, Úc Đại Lợi, sau khi vượt qua những khó khăn bước đầu trong cuộc sống mới, Lê Thành Nhơn tiếp tục con đường nghệ thuật trước đây anh đã đi qua ở quê nhà, đã có nhiều đóng góp vào cuộc sống đa văn hóa nơi đây. Bút pháp cũ sống động trở lại với tượng *Mẹ Việt Nam*, phảng phất khuôn mặt hai pho tượng cũ *Quan Thế Âm* và *Bà Mẹ Việt Nam*, dựng giữa Trung tâm Văn hóa Công giáo Hoan Thiện được Đức Giáo Hoàng rất mến mộ. Louise Carbines, một ký giả chuyên về mỹ thuật có tiếng tăm của Úc, trong bài viết *Nuôi sống tinh thần Việt Nam* (*Keeping the Sprit of Vietnam Alive*) in trên báo The Age số ngày 20.7.1991 (2), đã đánh giá pho tượng này: "Giữa những tượng thuộc phái trừu tượng và những tượng bán thân gân guốc hiện đại, bức tượng Đức Mẹ đứng tĩnh mặc trong xưởng đúc Meridian ở Fitzroy có một sức thu hút tỏa ra từ phong cách và tầm vóc của tác phẩm. Với đường nét hiền dịu tỏa ra từ cặp mắt và đôi tay, chiếc áo dài của người Việt, bức tượng đối với tín đồ Công giáo Việt Nam còn là một bà mẹ Việt. Bà là biểu tượng của niềm tin rằng ngôi làng Nazareth là một với trái đất, và không có sự phân cách nào giữa Nazareth với một ngôi làng Việt Nam..."

Cũng phải kể đến pho tượng Phật đúc đồng của anh được chọn bày tại Bảo Tàng Quốc Gia Canberra hồi tháng 6.1991, rồi được lưu giữ vĩnh viễn trong bộ sưu tập của Nhà Bảo Tàng này. Nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc, cũng là người bạn thân thiết của Lê Thành Nhơn, đã cho chúng ta biết Lê Thành Nhơn là nghệ sĩ Việt Nam duy nhất và là một trong những nghệ sĩ ít ỏi có gốc gác nước ngoài ở Úc có tác phẩm được giữ gìn trong bộ sưu tập này (3). Về các pho tượng khác, như tượng *Niềm Vui* bằng đồng cao khoảng 2.50 m được dựng trước sân đại học Monash (Canfield Campus) tại Melbourne, tượng *Chân Dung Mùa Thu, Mẹ và Con* (tức là bức tượng về một bà mẹ đưa con mình vượt qua biển dữ để đến nơi an toàn), bộ tượng *Sinh, Lão, Bệnh, Tử* cũng rất được nhiều người chú ý đến.

Lê Thành Nhơn và tượng Đức Mẹ Việt Nam.

Về tượng Phật của Lê Thành Nhơn, tôi rất đồng ý với đánh giá của Thi Vũ: Tượng trong các chùa của nước ta dựng theo mô hình Trung Quốc. Nước nào của Á châu cũng có tượng đặc thù sắc nét dân bản địa: Ấn Độ, Thái Lan, Miến Điện, Cam Bốt, Lào, Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên. Nhìn tượng Phật các nước này, ngoài mỹ quan Phật giáo cố định qua 32 tướng tốt và 80 tướng tùy hình của Phật, hình nét dân tộc mỗi nước đều lộ qua sắc diện. Riêng Việt Nam chưa thấy rõ. Tượng Phật Việt Nam mới bắt đầu có đôi chút cách tân với Nguyễn Khoa Toàn ở Huế vào những năm 1930. Và đến nay, Lê Thành Nhơn là một nghệ sĩ tài năng thực sự, một tài năng lớn, đã chuyển hóa được tâm thức quê hương bị vùi lấp từ bao lâu bên bờ quên lãng, sống động trở lại trên khuôn mặt Đức Phật thực hết sức tài tình (4). Chúng ta có thể cảm nghiệm lại điều này khi chiêm ngắm pho tượng Phật cao 4.5 m hiện dựng tại Trung tâm Phật học Huệ Nghiêm, Phú Lâm, Sài Gòn.

Điêu khắc gia nào cũng phải vẽ tranh. Lê Thành Nhơn cũng vậy. Nguyễn Hưng Quốc cũng đã cho chúng ta biết Lê Thành Nhơn có khoảng vài trăm bức tranh thuộc nhiều khổ khác nhau, trong đó có nhiều bức có kích thước rất lớn, như bức *Yara River* dài 4 thước, bộ *Tứ Đại* (*Đất, Nước, Gió, Lửa*) là một bộ tứ bình, mỗi tấm cao 2 thước và dài 6 thước (riêng bức *Gió* thì dài 6 thước rưỡi) (5).

Nhìn lại quá trình hoạt động nghệ thuật của Lê Thành Nhơn, chúng ta thấy rất rõ là từ bước đầu, ngay từ những ngày chập chững, rồi tốt nghiệp ở trường Mỹ Thuật cho đến những năm đầu của thập niên 90, Lê Thành Nhơn tạo được một phong cách chừng mực của riêng anh: không đi vào con đường cổ điển, mà cũng không tiến hẳn vào điêu khắc hiện đại. Có lẽ nên nói rằng, đó là một bút pháp, hay đúng hơn, là kiểu cách ấn tượng của riêng anh. Khi tạc một chân dung, dĩ nhiên là anh phải quan sát dáng dấp bên ngoài, nhưng hơn thế nữa, anh tiến vào chiều sâu bên trong, tìm cho ra cái lực đẩy đã tạo ra hình thái bên ngoài. Cách nhìn ấy là chủ quan, nhưng cũng có thể nói khi dựng nên tác phẩm thì nó đã trở nên rất hài hòa giữa cái nhìn chủ quan và thực tại khách quan. Hãy nhìn lại pho tượng *Phan Bội Châu*, tượng *Quan Thế Âm*, hay tượng *Mẹ Việt Nam*, chúng ta sẽ thấy ra ngay điều đó. Và chắc là Lê Thành Nhơn đã học được rất nhiều ở Auguste Rodin về nghề điêu khắc trong kỹ thuật

cũng như tư tưởng chủ đạo trên đường đi tìm và thực hiện cái đẹp. Như Rodin đã từng nói: "Khi một nhà điêu khắc có tài nắn mô hình về thân người, anh ta không chỉ miêu tả những cơ bắp cho thực sinh động, mà chính là anh ta vẽ lại đời sống bên trong của những thân hình ấy, hơn cả sự sống sinh động bên trong nữa..., mà chính là cái lực nội tại tạo thành hình thái bên ngoài của các thân người ấy, tạo cho chúng cái duyên dáng, sức mạnh, vẻ yêu kiều, hay là niềm vui không gì kiềm chế được." (6) Tôi đã từng thấy Lê Thành Nhơn tìm xem nhiều tài liệu về Phan Bội Châu, hình ảnh Phan Bội Châu, suy nghĩ và phác thảo vô số để cuối cùng đúc kết thành chân dung Phan Bội Châu. Ai đã từng được gặp cụ Phan thời trước 1940 ở Huế, hay xem nhiều hình ảnh cụ Phan ghi lại trong sử sách thì cũng đều phải thấy là Lê Thành Nhơn đã thực hiện đúng chân dung của cụ. Mà hơn thế nữa, như ý kiến vừa đề cập đến bên trên của A. Rodin, Lê Thành Nhơn đã bằng con mắt chủ quan của mình để nhìn cho ra được cái lực đẩy bên trong tâm hồn cụ Phan, và rồi đã tái tạo trên tác phẩm một cách rất linh động, tài tình khuôn mặt nhà ái quốc vĩ đại của đất nước. (10)

Giữa thập niên 90, hình như do một cơ duyên rất đặc biệt, Lê Thành Nhơn đã phát hiện được cái đẹp tự nhiên của một số đá tảng, một vài khối đá bị xói mòn hoặc biến đổi vì những hiện tượng địa chất trong một chuyến đi bên Pháp. Rồi từ đó, anh đã đục đẽo thêm, bào mòn những chỗ thừa thãi và có những tác phẩm điêu khắc hiện đại thuần túy. Tôi không được xem những pho tượng này thực sự tận mắt, chỉ được xem các hình chụp lại. Như tượng *Nứng bòi* hay *Cửa vườn Xuân*, gợi lên một không khí erotic đầm đìa rất thơ mộng, có những đường uốn lượn gần với Henry Moore, Constantin Brancusi, hay Hans Arp.

Có lẽ cũng nên viết thêm đôi chút chi tiết về tiểu sử nhà điêu khác này. Sinh năm 1940 ở Thủ Dầu Một, một trung tâm thủ công mỹ nghệ lớn phía Đông Sài Gòn, rất nổi tiếng về các sản phẩm sơn mài và gốm, điều này chắc hẳn có nhiều ảnh hưởng về con đường nghệ thuật của anh. Nguyễn Hưng Quốc cho chúng ta biết thêm một chi tiết khá hay là bà mẹ của Lê Thành Nhơn là một phụ nữ Việt Nam gốc Chàm lai Trung Hoa (7). Tôi đã có nhiều dịp gặp gỡ và nói chuyện với Lê Thành Nhơn, mặc dù chưa có liên hệ thân thiết, nhưng có thể nói là cũng biết nhiều. Có một điều gì đó mơ hồ nơi anh mà tôi chưa biết được, thì đến nay Nguyễn Hưng Quốc đã cho tôi biết: dòng máu pha tạp nơi anh, có chất Chàm. Điều này hẳn cũng ảnh hưởng nhiều vào tác phẩm của anh, cũng như đất đai Thủ Dầu Một đã dễ đưa anh đến với nghề điêu khắc và làm gốm của anh.

Lê Thành Nhơn tốt nghiệp thủ khoa ngành điêu khắc, khóa 9 trường Mỹ Thuật Gia Định năm 1964, được họa sĩ Lê Văn Đệ khen ngợi và đánh giá là sinh viên ưu tú nhất kể từ ngày trường thành lập. Có lẽ do chỗ tri kỷ ấy mà Lê Thành Nhơn cũng đã từng tạc tượng chân dung bậc thầy này, đặt ở trường Mỹ Thuật Gia Định trước năm 1975.

Giảng dạy ở các trường mỹ thuật Gia Định, Mỹ Thuật Huế và Đại học Cộng đồng Duyên hải Nha Trang. Năm 1975, tái định cư ở Melbourne, tiểu bang Victiria, Úc. Năm 1987, danh đã được trường Kiến Trúc của Viện Kỹ Thuật Hoàng Gia Melbourne mời dạy học, và sau đó Bộ Giáo Dục mời anh đảm nhận một chương trình đưa nghệ sĩ vào học đường.

Đã tham dự các cuộc triển lãm: Liên Hoan Nghệ thuật Quốc tế ở Paris, 1963; Sài Gòn, 1965 và 1969; Melbourne, 1975; Dusseldorf (Đức), 1975; Bremen (Đức), 1976; Koln (Đức), 1977; Melbourne, 1992; Sydney, 1992. Đã thực hiện tác phẩm *Hành Trình Vào Tương Lai* bằng vitrail, ghép kính màu cho Hội đồng Úc châu, Melbourne năm 1991. Có tác phẩm thuộc sưu tập của Viện Bảo Tàng Quốc Gia Úc (National Museum of Australia) ở thủ đô Canberra và Bảo tàng Antartica.

Lê Thành Nhơn sinh ngày 17 tháng 11 năm 1940, qua đời ngày 4 tháng 11 năm 2002 tại bệnh viện Royal Melbourne Hospital, Australia, để lại một sự nghiệp đồ sộ với nhiều dấu ấn đặc biệt.

Thành phố Vườn, California, 25.12.02

Chú thích:

(1) Huỳnh Hữu Ủy, "Tưởng nhớ Họa sĩ Ngọc Dũng," *Văn*, số 45, tháng 9.2000.

(2) Dẫn theo bản chuyển dịch Việt ngữ của Thường Quán, *Thế Kỷ 21*, số 29, 1991.

(3) Nguyễn Hưng Quốc, "Điêu khắc gia Lê Thành Nhơn trở bệnh ung thư nguy kịch," *Việt Báo Kinh Tế*, số ngày thứ Bảy, 23.2.2002.

(4) Thi Vũ, "Tượng, hình và tính siêu việt trong điêu khắc Lê Thành Nhơn," *Quê Mẹ*, giai phẩm Xuân Giáp Tuất 1994.

(5) Nguyễn Hưng Quốc, "Lê Thành Nhơn đã từ trần," *Văn Học*, California, số 200, tháng 12.2002, trang 136 – 137.

(6) Dẫn lại trong *Art of the 20th Century* Volume II, Ingo F. Walther chủ biên, Benedikt Taschen Verlag GmbH, ấn hành ở Đức, năm 1998, trang 411.

(7) Nguyễn Hưng Quốc, *Văn Học*, đã dẫn.

DẪN VÀO LỊCH SỬ

TRẦN ANH TUẤN

Sử học là điều kiện cần thiết trong tri thức một con người văn hóa. Người có văn hóa có thể không biết đến Toán Học hay Hóa Học hay Kỹ Thuật. Vì đây là những chuyên môn, và chúng ta chỉ cần ở chúng những kết quả. Nhưng sự hiểu biết Lịch Sử, cho dù chỉ là ý niệm thôi, là điều kiện tối cần để hiểu mình và hoàn cảnh chung quanh. Trình độ tri thức của một người tỏ lộ rõ rệt nhất qua cách đó.

Một người kém văn hóa không hề có một ý niệm gì về Lịch Sử. Người ấy sẽ không hiểu cái nhà thờ kia là kiểu romaine hay gothique, và cho dù được người ta bảo, người ấy cũng sẽ không hiểu những hình-dung-từ này bao hàm ý nghĩa gì. Người ấy sẽ không thể biết nó đẹp hay xấu, hay nó đẹp hay xấu như thế nào: vì rằng ông ta không có mẫu mực gì làm căn bản phán xét.

Thế giới lầm lạc không phải vì sự độc ác của con người mà chính vì thiếu văn hóa, trí khôn, và những ý niệm.

Thật vậy, người thiếu văn hóa không thể cảm thấy sự khác biệt giữa cái này với cái kia. Sự đẹp xấu chỉ do lòng thích hay không thích mà thôi. Mẫu mực không có, nếu có chính là bản năng, chẳng khác gì con bướm thích vờn hoa, con mèo thích ăn mỡ... Thế giới tri thức của họ thật giới hạn. Chân trời của họ chết cứng trong vô tuyến truyền thanh, truyền hình, và trong... báo chợ.

Con người chỉ chừng nào biết đến những chứng tích của quá khứ, biết quý trọng một vật gia truyền, biết lưu giữ những kỷ vật của một cuộc vượt biên, biết bỏ công tái thiết nghĩa trang một tộc họ... chừng ấy con người mới thực sự nằm trong một cộng đồng và củng cố được sợi dây tiếp nối giữa các thế hệ.

Chúng ta không nên và không thể dễ dãi cho Lịch Sử nằm trong cái thú đọc sách mà chúng ta sẽ thực hiện lúc về già. Chúng ta phải biết đối diện với tâm hồn khi chúng ta còn trẻ, còn hoạt động, còn có thể chạy nhẩy và yêu thương. Chúng ta thích giải trí thì nên hiểu rằng cả đầu óc lẫn trái tim chúng ta đều cần giải trí như nhau. Thật thiếu sót nếu chỉ biết đến cuộc sống thể xác. Cũng thiếu sót nếu chỉ biết đến cuộc sống tâm linh. Chúng ta cần một sự quân bình trong cuộc sống, một sự hòa điệu cần thiết để trở nên tươi mát sống động trước những người chung quanh.

Người thiếu văn hóa là những người chưa trưởng thành. Mà ngay cả những người có giáo dục cũng lúng túng trong sự tìm hiểu những vấn đề nếu không nhìn chúng với con mắt lịch sử.

Thật quan trọng cho một quốc gia có được truyền thống đúng đắn về lịch sử dân tộc. Đó là nguyên động lực tạo nên sức mạnh và sự hợp quần của dân tộc, yếu tố chính của hầu hết những sự thành công trên tầm mức quốc gia. Ngược lại, một truyền thống sai lầm hay giả tạo là cả một mối nguy vong mặc dù trong một thời kỳ nào đó nó có thể hiến cho ta một niềm cảm hứng, một niềm hãnh diện tạo điều kiện thực hiện một công cuộc chung lớn lao. Quốc gia sớm muộn sẽ bị thảm họa nếu lịch sử chỉ được biết lướt qua. Cả Mussolini lẫn Hitler ngày trước và những lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam ngày nay không ai có được ý niệm thật sự về Lịch Sử. Họ chỉ bị khích động một cách rẻ tiền khi họ đọc đến những trang sử bi thảm của quốc gia họ mà thôi. Do đó mới có điều bất hạnh cho dân tộc Việt Nam là cuộc thống nhất năm 1976 mở đầu bằng biến cố 30/4/1975 đã trở thành một dịp cho những lãnh tụ Cộng Sản tiêu diệt sinh lực dân tộc.

Trong hiện tại, lịch sử của các dân tộc có khuynh hướng hợp nhất vào một nguồn chung và nhân loại trở nên, nói như Churchill, *"một cái gì đó trộn lẫn với nhau" (somewhat mixed up together)* mà ngôn ngữ ngày nay mệnh danh là sự toàn-cầu-hóa *(Globalization)*. Chúng ta phải hiểu rõ sự tiến triển chung và riêng trong nhân loại để suy xét, để so sánh, và để tiên đoán đường tiến của quốc gia hầu sửa soạn chỗ đứng trong cộng đồng nhân loại. Trong trường hợp này, chúng ta phải nghiên cứu lịch sử của Hoa Kỳ, nghĩa là thấu hiểu truyền thống của họ, yếu tố không bao giờ lộ diện nhưng là yếu tố thứ nhất, tiềm ẩn trong

mỗi việc làm nhỏ nhặt thường nhật đến những công cuộc quốc gia đại sự. Cũng thế, chúng ta phải nghiên cứu lịch sử của Trung Quốc, của Âu Châu...

Nhân loại ngày càng bị chi phối bởi những cường lực đối kháng. Cách riêng, những cường lực ấy đang ảnh hưởng đến xã hội, văn minh, và định mệnh nước Việt Nam. Chừng nào chúng ta thấu hiểu bản chất của chúng chừng ấy chúng ta sẽ hiểu phải làm gì và làm như thế nào để tồn tại, tồn tại trong ánh sáng chói lọi của phồn vinh và hạnh phúc.

*

2 Sử Học không phải chỉ là môn nghiên cứu có lợi ích sâu xa như vậy. Sử Học còn đem lại những nguồn vui ngay trong cuộc sống hàng ngày.

Điển hình nhất và rõ ràng nhất, Sử Học làm giầu sự thưởng ngoạn đối với thế giới dưới mắt chúng ta. Sử Học tạo ra sự thích thú và ý nghĩa của sự vật mà có lẽ trước kia chúng ta không để ý. Lịch sử không chỉ là một tòa thành, một ngôi chùa, một pho tượng... mà ngay chính phong cảnh.

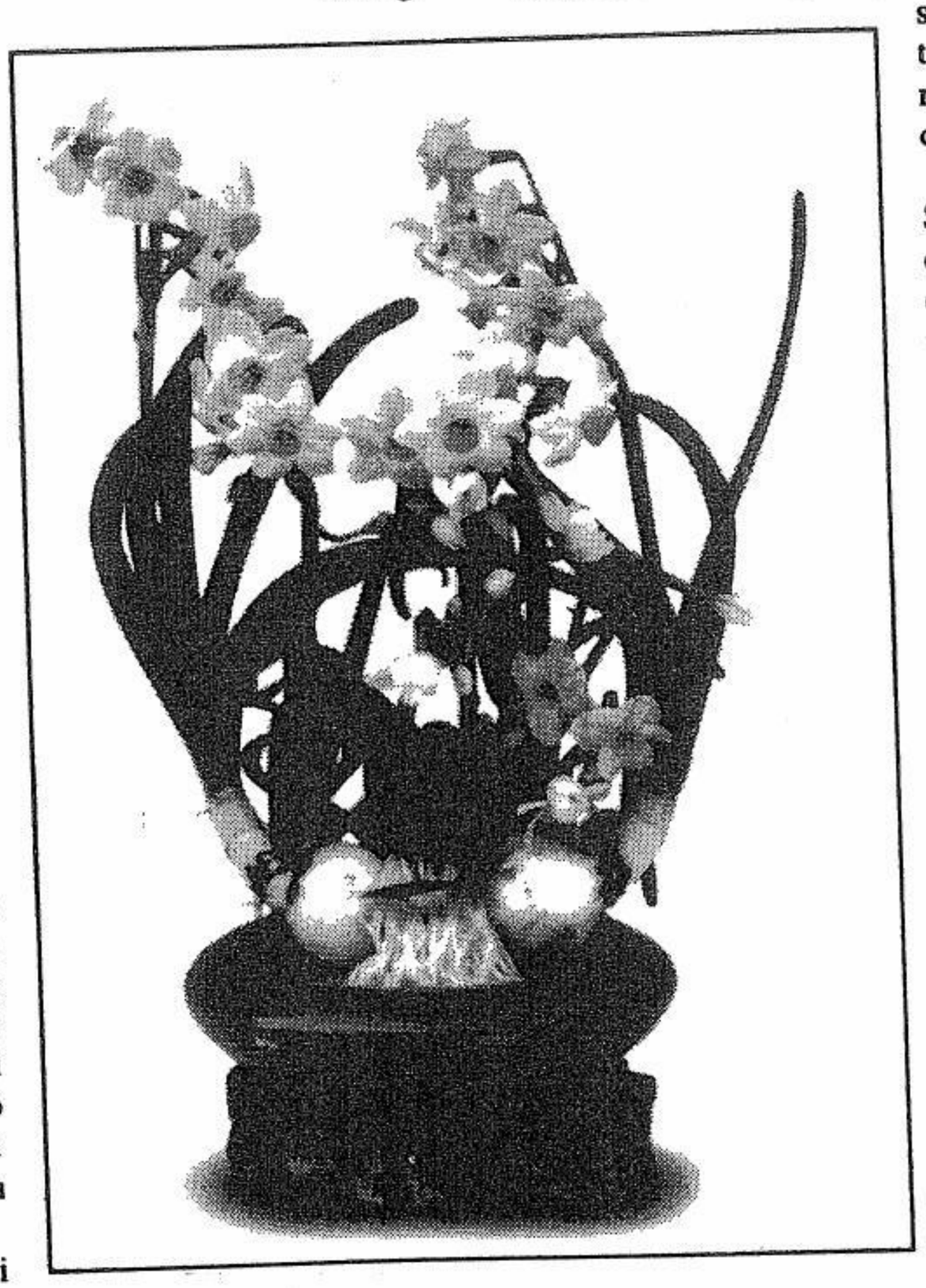

Người không biết gì, không thấy gì, không hiểu gì sẽ không thưởng thức được gì.

Để đánh thức trí tưởng tượng lịch sử người ta cần đọc. Có lẽ tôi phải đề cập đến vấn đề này đầu tiên vì nhiều người nghĩ đến Lịch Sử qua những tác phẩm sử học. Tôi muốn nói rằng những vật quanh ta: một đô thị, một hải cảng, một phong cảnh đồng quê... thẩy đều là những tài liệu lịch sử chẳng khác gì một quyển nhật ký hay một lá thư. Chỉ có điều khác biệt là những chứng cứ thành văn rõ ràng hơn, chúng đề cập hẳn đến vấn đề và luôn luôn kèm theo ngày tháng nơi chốn xảy ra biến cố.

Ở đây những sự kiện lịch sử bao giờ cũng được coi là lịch sử hiện đại vì quá khứ qua những chứng cứ còn lại đã tái sinh hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp ở hiện tại và trong tâm trí chúng ta, cũng giống như tất cả các kiến thức khác.

Nhưng Lịch Sử là về đời sống và tự nó là lời kêu mời sự sống. Sự suy tư về Lịch Sử là niềm nuối tiếc cuộc sống.

Bởi vì Lịch Sử hòa điệu với cuộc sống nên đọc tiểu sử là một trong những bước đầu tiên để hiểu Lịch Sử. Đó là một phương cách tốt. Ai ai cũng chú trọng đến cá nhân, ai ai cũng yêu thích một chuyện kể. Những sử gia giỏi thường là những bậc thầy trong chuyện kể. Điều không phải dễ: nó đòi hỏi nghệ thuật và sự làm việc lâu dài. Trong thời đại chúng ta khi quá nhiều người cầm bút mà không phải là văn sĩ, và quá nhiều người viết sử mà không chịu hay không biết đi xa hơn sự gom nhặt những gì có sẵn thì tất nhiên họ sẽ không thể đạt tới sự xây dựng và hoàn tất một sử phẩm.

Cuối cùng sự kêu gọi của Lịch Sử thoát thai từ trí tưởng tượng. Sự tưởng tượng phải có để có thể mục kích tiền nhân trong cảnh sống thực của họ, trong những công việc hàng ngày và trong những niềm vui hàng ngày. Chính sự nghiên cứu lịch sử tỉ mỉ làm chúng ta cảm thấy quá khứ sống thực như hiện tại. Một khi biết được Gia Long thích ăn cháo gà lúc đêm khuya làm việc thì hẳn hình ảnh của Gia Long đã gần gụi với thường nhân chúng ta nhiều lắm!

Tình yêu Lịch Sử bấy giờ là một cách thế diễn tả tình yêu đời sống. Mà đời sống chúng ta thì ngắn, nói như Cao Bá Quát, *"ba vạn sáu ngàn ngày là mấy."* Và nếu thế, chúng ta chỉ biết được chút ít về cuộc sống.

Sự thật là nếu không có ý niệm lịch sử thì đời sống con người trở nên vô nghĩa. Chỉ qua sự thấu hiểu Lịch Sử mà cuộc sống ngắn ngủi của chúng ta -và những kinh nghiệm nhỏ bé rút ra từ đó- sẽ tràn đầy dấu vết của cuộc sống nhân loại. Tầm sống của cá nhân bấy giờ bẻ gãy mọi ngăn trở để hòa đồng cùng cuộc sống nhân loại.

Thời gian là mối ràng buộc cuộc sống chúng ta, và chính qua Sử Học mà chúng ta thoát được sự ràng buộc ấy.

*

3 Chúng ta có hai cách khi đề cập đến Lịch Sử. Thứ nhất, Lịch Sử được xem như phương tiện ngắm nhìn ngoại vật -đó là khía cạnh thời gian của chúng- từ vũ trụ đến một vật nhỏ bé như cây bút chẳng hạn. Bất cứ vật gì cũng có lịch sử của nó. Sự trái ngược sẽ không quá lớn như ta tưởng giữa vũ trụ và cái bút.

Đầu tiên cái bút dùng để viết gì, và đó là điều đáng kể. Bất cứ cái gì mà cái bút viết nên đều nằm trong lịch sử của nó. Ấy là chưa kể đến lịch sử cấu tạo cái bút. Đây là cái bút BIC, làm tại Hoa Kỳ. Đàng sau nó là cả một chuỗi dài những thời kỳ sản xuất. Tôi không rõ sự diễn tiến này nhưng người ta có thể học mà biết được và như thế người ta bước vào lịch sử của Cuộc Cách Mạng Kỹ Nghệ ở Âu Châu. Ngoài ra còn những chất kim loại nữa. Bấy giờ người ta sẽ thấy rằng lịch sử của một vật tầm thường như cây bút liên hệ đến diễn tiến của Kỹ Nghệ, đến sự hiểu biết của nhân loại về Địa Lý Học và Địa Chất Học, và biết bao điều khác nữa. Cái bút, thật ra, bao hàm trong vũ trụ và lịch sử của nó bao hàm trong lịch sử của vũ trụ.

Thứ hai, chúng ta có thể hiểu Lịch Sử như một môn nghiên cứu thuần túy.

Thế kỷ XX bắt đầu với những sự bàn cãi xem Sử Học là một khoa học hay là một nghệ thuật. Nói cho đúng, khẳng định Sử Học là một khoa học, cũng như trước đó coi Sử Học nằm hẳn trong lâu đài văn chương, thấy đều thái quá. Sử Học phải hiểu vừa có tính cách văn chương vừa có tính cách khoa học. Đạt được đồng thời cả hai yếu tính này thì một tác phẩm mới xứng danh là *sử phẩm* hay *sử ký* và tác giả của nó mới đúng là *sử gia*.

Sử Học là môn nghiên cứu nhờ đó chúng ta có thể đạt tới CON NGƯỜI trong bất kỳ thời đại nào. Sử Học sẽ không chỉ đề cập đến đời sống các vĩ nhân như người ta thường lầm qua danh hiệu "nhân vật lịch sử." Có thể nói Lịch Sử đã tích tụ đời sống của hàng triệu những con người nhỏ bé, không tên tuổi nhưng có góp phần. Cuộc sống của họ là chất liệu của Lịch Sử, chẳng khác gì cành san hô là nơi tụ hội của hàng triệu sinh vật nhỏ bé nơi biển cả.

Một môn nghiên cứu giúp ta đạt đến CON NGƯỜI tự nhiên sẽ giúp ta những bài học và những quy tắc hành động. Đó là sự rút kinh nghiệm từ cá nhân, hơn nữa, từ toàn cả nhân loại qua những thế hệ kế tiếp và trong mọi hoàn cảnh khác nhau.

Có người nói "lịch sử không bao giờ tái diễn" và vì thế, người ta tưởng không thể rút ra một bài học nào. Dĩ nhiên những biến cố lịch sử không thể tái diễn y hoàn mọi chi tiết vì không bao giờ còn cũng nhân vật ấy, cũng những hoàn cảnh ấy, và nhất là cũng trong thời gian ấy. *Nhưng, chúng ta có những hoàn cảnh tương tự và những nhân vật tương tự tất sẽ dẫn đến những hậu quả tương tự.*

Và đó là cái mà chúng ta để ý, trong Sử Học.

Không bao giờ có một nhịp điệu duy nhất trong Lịch Sử mà luôn luôn có nhiều nhịp điệu, nhiều mẫu mực, và ngay cả nhiều sự lập lại. Đó là lý do chúng ta sẽ có thể rút ra được, qua Sử Học, những bài học và những quy tắc cho cuộc sống.

Ở đây, chúng ta có thể nói những luật tắc lịch sử cũng đều đặn và chính xác như những luật tắc của khoa Vật Lý Học, có khác chăng là bởi Lịch Sử bất thường và phức tạp hơn do sự tham dự của tri thức con người. Vì trong Lịch Sử, chúng ta luôn luôn đề cập đến nhân loại nên chúng ta cần phải đạt đến sự cảm thông cũng như cần vận dụng trí tưởng tượng để hiểu và biết Lịch Sử. Đối với người xưa, cả Đông lẫn Tây, đọc Sử không phải chỉ là

niềm vui trí thức mà người ta còn tìm thấy ở đó ngọn đèn dẫn đạo cho mỗi hành động. Nói như Bacon, khi bàn xét về lợi ích của các môn học, *"Sử Học làm con người trở nên khôn ngoan."* Còn nhớ lần đầu tiên đọc Tam Quốc Chí hồi học lớp Nhì tiểu học, tôi cứ thắc mắc không hiểu sao Khổng Minh ở "lều cỏ" mà đã biết phân tích cho Lưu Bị lên cầu hiền cái thế "thiên hạ chia ba." Đến khi lớn lên tôi mới biết lý do: Khổng Minh đã đọc Sử đấy!

Người ta có thể nói những bài học lịch sử thường chỉ thấy trong quá khứ, còn tương lai? Sử Học cho thấy không có sự đứt đoạn giữa quá khứ với tương lai. Khi tôi đang viết đây, cái gọi là tương lai thì khi bài này đến tay độc giả đã trở thành quá khứ. Tất cả là một sự tiếp nối. Và Sử Học, không đề cập đến tương lai, có thể hiến tạo sự hướng dẫn hữu ích cho sự tiếp nối ấy.

*

4 Vì Lịch Sử hiến cho ta những bài học quý giá nên nó cần một chỗ đứng xứng đáng nơi học đường.

Thật không có môn học nào hợp nhất những môn khoa học xã hội cho bằng môn Sử. Nhiều môn bắt nguồn từ nó hay tìm thấy ở nó những chất liệu cần thiết: Nhân Chủng Học, Xã Hội Học, Kinh Tế Học, Luật Học, Ngôn Ngữ Học... Tất cả đều có khía cạnh lịch sử và gặp nhau trong Sử Học.

Sử là một môn học trên hết. Nó không phải một môn "thuần túy" như Toán, hay Nhạc... Nó phong phú nó biến chuyển như chính cuộc đời. Nó không chỉ cung cấp điểm chung cho những môn Khoa Học Xã Hội mà nó còn là sợi dây liên lạc hữu hiệu nhất với những môn Khoa Học Thực Nghiệm.

Tôi xin giải rõ hơn.

Nếu chúng ta là một sinh viên văn học hay ngôn ngữ, điều cần chắc là chúng ta phải biết lịch sử của dân nước ấy. Sự phát triển của ngôn ngữ sẽ dẫn chúng ta lùi về lịch sử của họ là nơi mà ngôn ngữ phản ánh. Nếu chúng ta là một sinh viên nhân chủng hay xã hội hay mỹ thuật, chúng ta sẽ phải rút từ lịch sử của các dân tộc khác nhau để có chất liệu và để soi sáng cho môn học của chúng ta. Ngược lại, nếu không có một ý niệm gì về Lịch Sử, chúng ta sẽ không thể thông giải đúng đắn được những tiến triển trong những hoàn cảnh khác nhau.

Trong mọi trường hợp, chúng ta phải biết Lịch Sử của một dân tộc trong một thời kỳ nào đó bởi vì chính Lịch Sử này sẽ dẫn đến cái khung cảnh chúng ta cần nghiên cứu. Những môn khoa học và sự liên hệ của chúng với nghệ thuật cũng tương tự như thế. Sự phát triển của khoa học liên hệ chặt chẽ đến những suy tư triết học của thời đại không kém gì những nhu cầu thực tế. Xưa kia Thiên Văn Học phát triển để đáp ứng những đòi hỏi của tôn giáo, cũng như nhu cầu di chuyển an toàn trên đất liền và ngoài biển khơi. Hình Học phát khởi từ nhu cầu đo đạc ruộng đất. Những nghệ thuật như Kiến Trúc, Âm Nhạc bao hàm trong chúng một phạm vi của Khoa Học. Sự diễn tiến của sự phát triển kỹ thuật của chúng lại là một phần của Sử Học. Trong Khoa Học, cả một khía cạnh lịch sử rõ rệt được phơi bầy khi những nhà phát minh khoa học là những nhân vật thời đại bức bách bởi những lợi ích trí thức, xã hội, và đặc thù của thời đại ấy.

Khi con người càng được giáo dục, họ càng có ý thức và khả năng thấu hiểu các dân tộc khác và các truyền thống khác. Sử Học sẽ giúp cho sự phán xét của chúng ta trở nên đúng đắn. Chúng ta hiểu lịch sử các dân tộc khác, hiểu thái độ của họ trước vấn đề hòa bình hay chiến tranh, hiểu được dòng ý thức và phản ứng của họ, sự tương hợp và sự mâu thuẫn... tất cả đều là những phần của Sử Học.

Đạt đến điều này cần sự giáo dục và may mắn thay, Sử Học cũng cung cấp được.

Lợi ích nổi bật và độc đáo của Sử Học như một môn giáo dục là nó phát triển và chín muồi song song với sự trưởng thành tri thức của người sinh viên.

Sử Học có khả năng khơi dậy những ước vọng và những dự tính. Giá trị của Sử Học là giá trị của một lời mời gọi vào thế giới nhân loại. Nó là cái nhìn bao quát của con người về mọi hoạt động trong mọi hoàn cảnh. Nó mở rộng phạm vi quen biết, nó cung cấp phong phú những dữ kiện để giải thích và phân tích các động lực. Nó hiến cơ hội cho chúng ta nghiêm chỉnh phán xét những nhân vật chánh và cởi mở bao dung những kẻ tà.

Sử Học còn là sự triển khai cái thế giới trong đó người sinh viên đang sống, một sự triển khai ngay cả những nhận biết về sự chuyển dịch của vạn vật, điều giúp cho họ cái căn bản để suy tưởng.

Thế nhưng điều đáng buồn là phần lớn con em chúng ta ngày nay học được rất ít ở Sử Học vì tình trạng tồi tệ của hệ thống các sách giáo khoa. Ở Hoa Kỳ, sách giáo khoa Sử của Mỹ đều có

tính cách quy hướng Âu Châu (*Eurocentric*), còn sách giáo khoa Sử tại Việt Nam ngày nay quy hướng Đảng Cộng Sản (*lịch sử trước hết là lịch sử Đảng!)*

Khoa Học Thực Nghiệm, một ngành của tri thức, đi liền với những phương pháp và những học cụ, đã được khởi đầu như một môn Khoa Học Xã Hội. Nó được trình bày nhằm đáp ứng nhu cầu thực dụng trong đời sống con người. Nhưng một ngày nào đó, những giờ phút cắp sách đến trường phải chấm dứt. Không đến 1% sinh viên còn được tiếp tục những phương trình Hóa Học hay những bài toán Vật Lý. Nếu cần, người ta sẽ thuê mướn chuyên viên thực hiện những việc này để tránh những sai hỏng bất ngờ.

Nhưng trong một ngành học khác, sự việc trái hẳn. Người sinh viên không bao giờ còn thấy một cái cân tiểu ly hay một ống nghiệm nhưng người sinh viên không thể cắt đứt liên lạc với đồng loại trong những cuộc đối thoại, trong những hành động, trong những dự tính... Sự thành công trên đời đối với người sinh viên bấy giờ có lẽ căn cứ trên sự dễ dàng và hợp thời khi người sinh viên nhớ lại mà sử dụng những chữ được nói hay được viết trước kia. Trong biết bao trường hợp, người sinh viên cần phải phân tích, trừu tượng hóa, và so sánh tài liệu. Người sinh viên sẽ khó mà không đề cập đến sự cần thiết của những động lực tiềm ẩn trong các hành động.

Việc học Khoa Học và Kỹ Thuật là những chuyện rất cần thiết trong học đường ngày nay. Nó đem lại công ăn việc làm tốt với một cuộc sống vật chất đầy đủ, và nhiều khi, giàu có hãnh tiến cho các đương sự ở hải ngoại hay ở trong nước. Nhưng trong những môn học này, tôi không thấy chúng khơi dậy nhân tính, nói chi đến Việt tính!

Thật ra công cuộc dạy Sử đỡ tốn kém rất nhiều so với các môn Khoa Học càng ngày càng đòi hỏi những dụng cụ tối tân trong những phòng thí nghiệm tối tân. Bởi vì phòng thí nghiệm Sử nếu có chính là thế giới chúng ta đang sống. Và từ đó, nhà giáo dạy Sử -những nhà trí thức ở hải ngoại, những thầy cô trong các trung tâm Việt Ngữ ở hải ngoại, những giáo sư Sử đúng nghĩa trong nước, những bậc cha anh ở khắp nơi- phải tự tu luyện để thành người có văn hóa, có khả năng cho con em thấu hiểu sự phức tạp và phong phú của thế giới trước mắt.

Việc dạy Sử nên đi song song với những cuộc du khảo –khảo sát khi du lịch- dẫn con em đến những công trình hấp dẫn ở ngay bên cạnh, bất cứ cái gì, một tòa thành (như Vạn Lý Trường Thành ở Trung Quốc hay Hoàng Thành ở Huế), một cảnh chùa (như chùa Tây Lai ở Nam California, hay chùa Ngọc Hoàng ở Đa Kao Sài Gòn)... Với quan niệm này được phổ biến, người ta sẽ không còn nhìn cảnh vật với con mắt hững hờ vô cảm. Xa hơn nữa, người ta không còn thản nhiên hay đang tay hủy phá những di sản phong phú của xứ sở qua các thời đại.

Dĩ nhiên Sử Học không phải là môn duy nhất để một người trẻ tuổi phát triển tri thức nhiều hơn những môn học khác, như Ngôn Ngữ, Khoa Học, Triết... Nhưng dù Sử Học chỉ giữ vai trò góp phần trong toàn thể, cái phần hạn này rộng hơn, tổng quát hơn, và phức tạp hơn bất cứ môn nào vừa kể. Sử Học không phải là một môn học có tính cách hạn hẹp, tỉ mỉ, hay chính xác: những điều này xin nhường cho Luận Lý Học và Kinh Tế Học. Sử Học cần một tâm hồn rộng mở và khoảng khoát. Sử Học, và điều này ngược với Khoa Học, sự kiện trước mắt quan sát được chưa phải là Lịch Sử, mới chỉ là một sự diễn tả và trong nhiều trường hợp còn là sự diễn tả khó tin nữa.

Sự biến cải từ tài liệu -tiếng thời thượng là tư liệu- đến chân lý thật khó, chiếm phần lớn thời gian của sử gia và cho thấy rõ phương pháp, qua đó là giá trị việc làm của ông ta.

*

Trên đây là bài cập-nhật-hóa một bài viết của tôi cách nay đúng 33 năm, cũng vẫn tựa đề *Dẫn Vào Lịch Sử* và đăng trong tập san *Sử Địa* ở Sài Gòn (số 14, tháng 4-9 năm 1969, trang 108-120). Tôi chỉ thay đổi những thí dụ cho hợp với hoàn cảnh hiện tại, còn ý thì giữ nguyên. Đó là những cảm nghĩ của một nhà giáo trẻ, bị động viên Khóa 2/68, và lúc bấy giờ đi học khóa sĩ quan Tiền Sát Viên tại một tiểu đoàn Pháo Binh đóng tại Bình Đức, tỉnh Định Tường. Cảm nghĩ của tôi hiện nay về Sử Học vẫn không thay đổi so với những gì tôi suy tưởng lúc bấy giờ. Nhân Tết Quí Mùi tức tuổi đời vừa tròn một hoa giáp, tôi xin giới thiệu với bạn đọc, nhất là với thầy cô các trung tâm Việt ngữ khắp nơi, như một món quà tinh thần để cảm thông với ước vọng một năm mới may mắn an lành cho cá nhân cùng cộng đồng ở hải ngoại và vận hội mới cho đất nước thân yêu bên kia bờ Thái-bình-dương khi nhà cầm quyền hiện tại biết từ bỏ độc quyền quản trị quốc gia.

Xuân Quý Mùi 2003

NHỮNG "NGƯỜI" ĐẦU TIÊN TRÊN ĐẤT VIỆT - *HOMO ERECTUS* VÀ *GIGANTOPITHECUS*

NGUYỄN QUANG TRỌNG

Trong những bài trước, tôi đã đề cập sơ lược quá trình hình thành của dân tộc Việt và thời đại Đông Sơn, thời đại rực rỡ của dân Việt trước khi bị Trung Hoa đô hộ. Bài này trở ngược thời gian về thuở xa xôi nhất, khi loài nhân hình («giống người», humanoid) mới đến Việt Nam, đó là loài «người» đứng thẳng *Homo erectus* và đười ươi khổng lồ *Gigantopithecus*.

Giống người đầu tiên đến đất Việt

Những người đầu tiên đến đất Việt là *Homo erectus* , "người đứng thẳng." Họ đã sống trên đất Trung Hoa từ gần hai triệu năm trước. Đa số khoa học gia cho là họ từ Phi Châu đến, nhưng một số khoa học gia Trung Hoa cho là họ sinh ra từ khỉ nhân hình tại chỗ. Từ Trung Hoa họ đi về phía nam, đến Bắc Việt cách đây độ năm trăm ngàn năm. Các nhà khảo cổ tìm được một ít di cốt ở VN: khoảng mươi răng đã hóa thạch (thuộc nhiều loài nhân hình) trong tầng đất đá đỏ trầm tích trong các hang Thẩm Khuyên, Kéo Lèng và Thẩm Hai tại 65 km tây bắc Lạng Sơn. Trừ một răng cửa hàm trên, các răng khác đã bị thú gặm nhấm ăn mất phần chân răng (phần này có tủy mà không có men cứng, dễ ăn) trước khi răng bị hóa thạch. Các nhà khảo cổ Việt Nam không định tuổi chính xác được khi tìm ra chúng vào thập niên 60 (vì thiếu phương tiện?). Tuy nhiên, người ta đoán chừng chúng rất xưa, qua sự kiện chúng đã hóa thạch và qua tuổi phấn hoa cùng di cốt động vật thuộc thời Pleistocene giữa (mấy trăm ngàn năm trước) nằm trong lớp đá trầm tích. Gần đây, răng tìm thấy trong hang Thẩm Khuyên được Ciochon và Vũ Thế Long định tuổi lớp men răng bằng ESR (electron spin resonance), là trong khoảng 401 ± 51 đến 534 ± 87 ngàn năm trước đây. Tuổi của lớp trầm tích định bằng ESR và phóng xạ Uranium/ Thorium cũng khoảng thời gian đó. Những răng này không phải của sinh vật sống trong hang mà của sinh vật chết bên ngoài bị nước lũ đưa luồn từ ngoài trời vào hang, cùng với đất cát, khoáng chất, làm thành lớp trầm tích hóa thạch. Có thể vì thế nên không có dụng cụ đá trong những hang này, như trường hợp mà các nhà khảo cổ thường gặp trong vùng có di cốt người cổ.

Tuy người ta không tìm ra dụng cụ đá nào cùng thời với *H. erectus* ở miền Bắc Việt Nam, không có nghĩa là thời này người cổ ấy không biết làm và sử dụng dụng cụ đá.

Ở Vân Nam (nam Trung Hoa) cách nước Việt Nam vài trăm cây số, người ta tìm thấy vào năm 1965 răng *H. erectus* xưa đến 1.7 triệu năm (trong hang Nguyên Mưu -Yuanmou) lẫn dụng cụ nạo bằng đá trong vùng. Và trong những thập niên sau đó người ta tìm được cả mấy trăm răng và nhiều hàm của nhiều giống humanoid khác nhau trong lớp trầm tích sâu (xưa) hơn. Đa số những di cốt thuộc họ khỉ nhân hình (giống người, humanoid) *Ramapithecus*, trong đó có một loài vượn nhân hình được các nhà khảo cổ lấy tên vùng Lufeng ở Vân Nam (nơi tìm thấy) để đặt tên: *Lufengpithecus*. Các đồ nạo bằng đá, than và xương cháy đen tìm được trong vùng cũng được cho là bằng

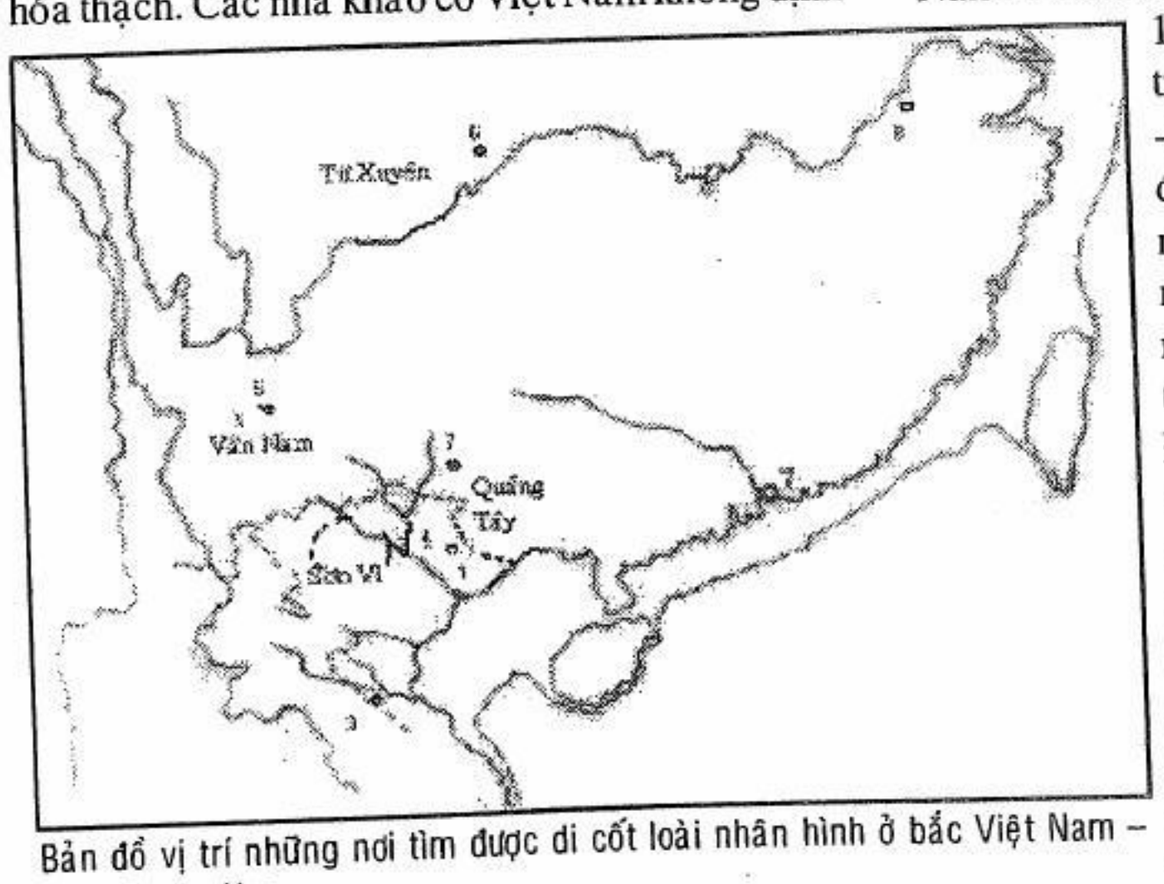

Bản đồ vị trí những nơi tìm được di cốt loài nhân hình ở bắc Việt Nam – nam Trung Hoa.

chứng dấu vết người *H. erectus* sống tại đấy.

Mới đây, tại Bose thuộc tỉnh Quảng Tây (nam Trung Hoa), nơi cách Lạng Sơn hơn trăm cây số, các nhà khảo cổ khai quật một số lớn đồ bằng đá cứng đẽo hai mặt theo kỹ thuật acheulean, chứ không phải dụng cụ thô sơ. Đây là một sự kiện khảo cổ quan trọng (đăng trên báo *Science* và phần lớn các tạp chí thông tin khoa học), vì lần đầu tiên người ta chứng minh được giống *H. erectus* ở Đông Á Châu cũng đạt được trình độ kỹ thuật đẽo đá cao như người Phi Châu. Năm 1948, giáo sư đại học Harvard Movius đưa ra thuyết theo đó người cổ Á châu lạc hậu vì không biết làm đá đẽo hai mặt theo kỹ thuật acheulean như người Phi Châu hơn triệu năm trước. Ông vẽ "đường Movius" chia thế giới tiền sử thành hai vùng, mà vùng Đông Nam Á là vùng lạc hậu.

Khám phá này của Potts (Smithsonian Institution's National Museum of Natural History, WashingtonD.C) và Yamei (Hàn Lâm Viện Trung Quốc) cho thấy người cổ châu Á không lạc hậu chút nào. Đồ đá đẽo hơi khác với đồ phương tây cùng thời điểm nhưng tinh vi không kém, nếu không muốn nói là hơn. Điểm đặc biệt là tất cả đồ đá đều đẽo với thứ đá cứng khó tìm ra trong vùng từ nam Trung Hoa đến Việt Nam. Trong vùng này, đá dễ thấy nhất là đá vôi, một loại đá bở rất khó đẽo gọt một cách tinh vi.Trong cùng lớp đất với đồ đá,người ta còn thấy than và loại đá tektites sinh ra bởi thiên thể (meteorites). Khi thiên thể rơi từ không gian với vận tốc cao tông mạnh vào mặt đất, sức ép và nhiệt độ rất cao làm chảy đá nơi nó rơi trúng. Nhờ có các mảnh tektites, người ta định được tuổi đồ đá này bằng phương pháp phóng xạ Argon (trên tektites lấy từ ba nơi khác nhau) : 800 000 năm trước, cùng tuổi với lớp địa chất có đồ đá. Người ta biết được lúc đó có một thiên thể nổ trên vùng trời của xứ Indonesia ngày nay, bắn những mảnh văng ra khắp Đông Nam Á, đến tận Úc Châu. Một mảnh lớn rơi vào vùng bắc VN – nam Trung Hoa, làm cháy rừng và tàn phá một vùng rộng. Nhóm người *H. erectus* đến vùng đất trơ trụi (hay đang ở đó nhưng thoát chết nhờ tránh lửa trong hang) đã biết chọn những hòn đá cứng để đẽo dụng cụ. Nhờ thiên thể rơi gây cháy rừng và thổi bay lớp đất phủ trên những hòn đá cứng bị nước lũ cuốn vào các lòng sông cổ nên họ mới có thể tìm thấy loại đá này. Họ cũng biết dùng kỹ thuật thích ứng để đẽo. Như vậy ta có thể nói là người *H. erectus* tại Á Châu sở dĩ chỉ có đồ đá thô sơ là vì họ không có đá tốt để đẽo thành đồ đẽo hai mặt chứ không phải vì kém thông minh. Họ chỉ làm khi cần, như là lúc không còn tre để làm dụng cụ nữa (sau trận cháy rừng). Tài làm và sử dụng đồ chế bằng tre cũa dân Đông Nam Á ngày nay ai cũng biết (họ chế đồ đựng, bẩy thú, vũ khí, dao cắt...), và người ta nghĩ rằng họ đã biết làm từ thời tiền sử.

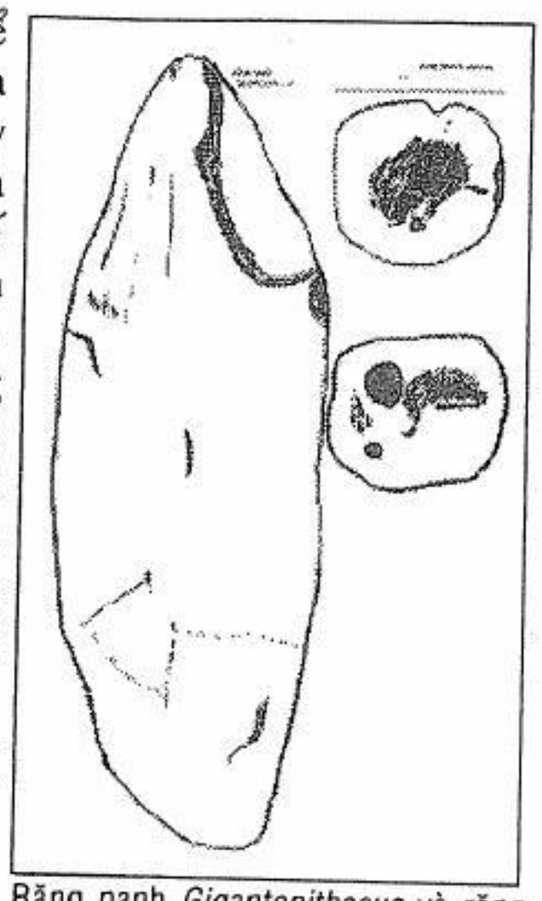

Răng nanh *Gigantopithecus* và răng hàm *Homo erectus* tìm được ở hang Thẩm Khuyên.

Bà Lynne Schepartz, giáo sư Đại học Cincinatti, vừa bật mí tại một Hội nghị ở Hawai năm 2001, một loại dụng cụ người *H. erectus* sáng chế chỉ tìm thấy tại nam Trung Hoa. Khai quật di tích Panxian đại động ở Quế Châu trong vòng năm năm, bà tìm thấy một số lượng lớn răng hàm và xương đùi tê giác và Stegodon (voi tiền sử), những thú to tiền sử nay không còn nữa. Hang này rộng bằng hai sân banh football, vốn là một ngôi chùa vào thời Minh, vào thời Mao dùng làm rạp hát (quày bán vé vẫn còn đó !). Bằng vào xương đùi thú loài thú rừng không có trong hang, và răng người tìm thấy lẫn với xương thú, bà cho rằng người sống ở đó đã xẻo đùi thú săn được trong rừng đem vào hang ăn, vì chỉ có đùi mới dễ vác đi từ rừng về hang. Nhưng bà rất ngạc nhiên khi thấy trong một tầng khảo cổ dày một thước chỉ thấy toàn là răng của loài thú to, có cái to bằng quả táo tây nhỏ, mà lại không có hàm. Nghiên cứu kỹ hơn, bà phát giác ra người cổ đã sáng chế dụng cụ bằng răng thú to. Người ta quả có tìm được vài dụng cụ đá đơn giản, nhưng như đã nói trên, trong vùng không có đá tốt để đẽo dụng cụ. Người cổ sống ở đấy đã khám phá ra rằng khi răng vỡ thì lớp men răng còn lại rất cứng sắc. Họ có thể đã dùng răng vỡ với lớp men bén làm đồ nạo, cắt, và có thể đã dùng chúng để tạo dụng cụ bằng tre (không còn nữa). Tuổi của di tích định bằng ESR trên men răng là 200 ngàn năm trước, phù hợp với tuổi định bằng từ trường và di tích những loài động vật xưa. Với tuổi di tích ấy, người sống ở đấy phải là *H. erectus*; họ chứng tỏ đã có óc sáng tạo khi dùng răng thú tiền sử làm dụng cụ.

Cũng ở nam Trung Hoa, một mảnh xương hàm

còn dính vài cái răng tìm được cùng với nhiều dụng cụ đá thô sơ ở trong hang Longgupo (tỉnh Tứ Xuyên) cho thấy người nguyên thủy đã có mặt trong vùng 1,9 triệu năm trước, dù người ta không định được những răng này là của loại người nào, có thể là của người còn nguyên thủy hơn người *erectus*. Người Trung Hoa rất tự hào về những vết tích cổ xưa về loài người trên đất họ. Ngoài cái nôi Phi Châu của loài người, có lẽ Trung Hoa là nơi có dấu vết người cổ xưa nhất: các nhà khảo cổ công bố vào năm 2000, sau hai năm khảo cứu hang Renzidong ở tỉnh An Hội (nam sông Dương Tử), là có những người thật xưa cách đây 2.25 triệu năm đã dùng những dụng cụ đá thô sơ để xẻ thịt thú bị rơi vào một khe núi. Nhưng họ không biết đó là loại người nào vì không tìm được xương người hóa thạch. Nhưng sự kiện có xương voi cổ chất dọc theo một bên vách hang, hay xương lợn vòi (tapir) xếp nằm giữa những dụng cụ đá, cho thấy đấy không phải là mảnh đá vỡ tự nhiên, hay thú chết tự nhiên. Hơn nữa, đồ đá tuy đẽo thô sơ nhưng lại làm bằng đá silic hay mã não, là đá không có tại chỗ (chỗ có đá này cách hang hơn 20 km).

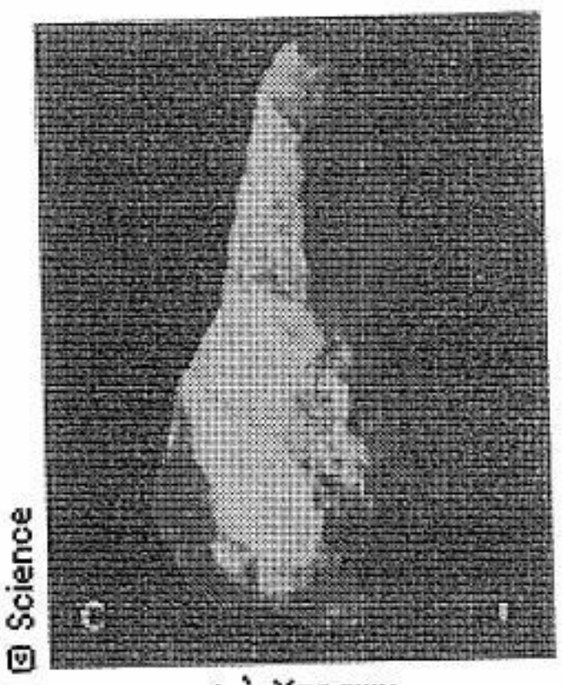

Dụng cụ đá đẽo hai mặt của *Homo erectus* ở Bose, Quảng Tây.

Nổi tiếng nhất phải kể "người Bắc Kinh." Việc cố đạo người Pháp Teilhard de Chardin tìm thấy trong hang Chu Khẩu Điếm (Zhoukoudian) di cốt của nhiều người *Homo erectus* đầu thế kỷ 20, đã làm vang động thế giới. Một số lượng lớn di cốt xưa đã hóa thạch nằm trong cùng hang : 15 mảnh sọ từ nhiều người, 12 mảnh hàm, 6 mảng xương mặt, nhiều xương chân, 150 răng và hơn100 ngàn đồ đá (đa số là flakes, mảnh đánh rời khi đẽo đá), cùng với rất nhiều xương thú vật. Nhiều thế hệ sống vào khoảng hai đến năm trăm ngàn năm trước tại đấy. Ngày nay ngành khảo cổ xếp cư dân Zhoukoudian vào *Homo erectus*. Nhờ số lượng lớn di cốt này mà người ta biết được diện mạo *H erectus* Á châu. Một tượng "người Bắc Kinh" đã được tạo dựng từ những mảnh mặt và đầu của nhiều người khác nhau. Họ có trán thấp, và sọ dài về phía sau, nhưng óc đã gần bằng người sapiens : 1075 phân khối. Khuôn mặt họ còn nhiều nét hoang sơ, với mặt ngắn, trên hai mắt có vòm xương lồi hẳn ra, miệng nhô ra phía trước... Họ làm nhiều dụng cụ bằng đá, và đã sử dụng lửa trong hang, nhưng người ta không biết họ đã biết nhóm lửa hay chỉ lấy lửa thiên nhiên giữ không cho tắt. Điều đáng tiếc là toàn bộ sưu tập người Bắc Kinh cổ không còn nữa. Khi phát xít Nhật đe dọa vùng bắc Trung hoa năm 1941, các nhà khảo cổ đóng thùng bộ sưu tập gửi xe lửa ra hải cảng để đưa đi nơi an toàn ở ngoại quốc (Mỹ?); toàn bộ sưu tập không bao giờ đến nơi. Nhưng người *H. erectus* đã sống nhiều nơi khác tại Trung Hoa đến cách đây một trăm ngàn năm, còn để lại di cốt và dụng cụ đá ở Xihoudu , Lantian, Xiaochangliang, Donggutou, dù không đầy đủ như ở Chu Khẩu Điếm.

Những răng người cổ tìm được ở nhiều nơi tại Trung Hoa có điểm đặc biệt của nhóm dân Mongoloid ngày nay (Tàu, Mông Cổ, Việt Nam): đó là răng cửa hình xẻng. Những nhà khảo cổ Trung Quốc còn nhìn thấy một số chi tiết sọ người cổ có mặt trong sọ người Trung Hoa ngày nay, nghĩa là theo họ, người Trung Hoa ngày nay đã thừa hưởng genes người sống tại chỗ trước kia. Theo đa số các nhà khoa học, *H. erectus* trên thế giới đã tuyệt chủng khoảng 100 000 năm trước, nhưng các nhà khảo cổ theo thuyết "tiến hóa đa vùng" cho rằng người *erectus* thật ra đã lai giống với người *sapiens* đến sau, hợp thành những dân địa phương như người Tàu cổ (hay thổ dân Úc) cho nên một số yếu tố nhân dạng cổ mới truyền đến dân địa phương.

Đười ươi khổng lồ *Gigantopithecus blacki*

Đặc biệt tại vùng nam Trung Quốc- bắc Việt Nam có giống đười ươi khổng lồ (viết tắt KL) *Gigantopithecus blacki* độc nhất trên thế giới. Chúng sống ở đấy trong cùng thời điểm với người *Homo erectus* và đã tuyệt chủng từ lâu. Ở Việt Nam, di chỉ *Gigantopithecus* xưa chỉ tìm thấy ở hang Thẩm Khuyên cùng với di chỉ của *Homo erectus*. Các nhà khảo cổ cho rằng răng cửa hóa thạch tìm thấy tại trong hang Thẩm Ồm (Nghệ An) là răng *Gigantopithecus*, nhưng khi xem lại một số nhà khảo cổ xếp chúng vào răng đười ươi (tức orangutan, khỉ thuộc họ*pongo* chưa tuyệt chủng). Người ta cũng tìm được trong hang này năm răng hàm hóa thạch, trong đó ba răng của người, hai răng của đười ươi. Lúc đầu, người tìm ra cho là răng xưa đến 150 đến 250 ngàn năm. Nếu răng đười ươi cùng nơi không phải của *Gigantopithecus* thì người ở đấy có thể không phải

Đầu tạc từ sọ *Homo erectus* đào được tại Chu Khẩu Điếm, Bắc Kinh.

là *H. erectus*, dù chúng có nét cổ.

Người Tàu dùng răng đười ươi KL này làm... thuốc bắc từ rất lâu. Họ gọi là răng rồng (lóngyá *long nha*). Năm 1935, nhà khoa học von Koenigswald tình cờ mua được răng rồng trong một tiệm thuốc bắc tại Hongkong, và khám phá ra đó chỉ là răng đười ươi KL. Các khoa học gia khi đó đổ xô đi đào xới trong các hang động và tìm ra ba hàm cùng hơn ngàn răng đười ươi KL. Nhiều nhất là trong «động đười ươi KL» Liucheng ở Liuzhou (984 răng), nhưng người ta tìm ra răng trong nhiều hang khắp trung và nam Trung Hoa, nhất là ở Quảng Tây và Quảng Đông.

Ciochon là chuyên gia Mỹ về giống đười ươi KL. Ông đưa ra giả thuyết về sự tuyệt chủng của chúng như sau:

Theo ông, đười ươi KL là loài nhân hình to nhất (có thể trừ loài đười ươi tối cổ khổng lồ hơn nữa –*Gigantopithecus giganteus*- mà chỉ có vài răng tìm được ở bắc Ấn Độ). Sau khi tính toán tỷ lệ đầu/thân thể các giống khỉ vượn to khác, Ciochon nhờ Bill Munn, chuyên gia Hollywood về quái vật và khủng long, làm thành một con giả: họ đi đến kết luận là "nó" phải cao đến 10 ft (hơn 5m) và nặng 1200 lbs (gần 600 kg). Không phải ai cũng đồng ý với mô hình loại King Kong này, nhưng ít ra "nó" cũng phải cao 9 ft và nặng hơn 600 lbs, và vẫn là loài nhân hình to nhất. Nhưng con to như thế phải là con đực, còn con cái chỉ nhỏ bằng phân nửa. Người ta phân tích gần tám trăm răng và thấy có hai nhóm răng với độ lớn khác nhau rõ rệt. Căn cứ vào số lượng "răng con đực" và "răng con cái" bằng nhau, ông cho là sự khác biệt thân thể không phải do con đực cần lớn con để tranh được con cái. Cũng theo ông, đười ươi KL sống trên mặt đất (không đu trên cây) và đi chống trên hai nắm tay (như khỉ đột của Diane Fossey) chứ không đứng thẳng như người ta. Tuy nhiên khó có thể suy ra các giải thích cho những chuyện này khi chỉ căn cứ trên răng và hàm mà thôi !

Nhưng Ciochon suy ra khá rõ thức ăn của đười ươi KL qua dạng răng và những gì còn dính trên men răng. Kính hiển vi điện tử (SEM) cho thấy trên men răng còn dính nhiều phytoliths (chất vô cơ không phân hủy theo thời gian) của thực vật họ cỏ. Trong vùng nam Trung Hoa- bắc Việt Nam, tre là thực vật họ cỏ có số lượng lớn đủ nuôi sống đười ươi KL. Răng hàm thấp và có men rất dày, răng tiền hàm cũng gần giống răng hàm, mặt rộng và bằng, răng nanh không nhọn mà rộng và ngang ra, răng cửa nhỏ và xít nhau; tất cả những chi tiết này cùng sự to khỏe của xương hàm đều hướng về tre, thức ăn dồi dào nhưng nhiều sợi, dai, cần bộ máy nghiền thích hợp. Ciochon còn tìm ra điểm khác về thức ăn: đười ươi KL cũng ăn trái cây, và vì thức ăn ngọt nên bị sâu răng khá nhiều (11% số răng).

Ciochon đề nghị ba yếu tố gây ra sự tuyệt chủng của loài *Gigantopithecus blacki*: sự lệ thuộc vào thức ăn chính (tre), sự hiện diện của gấu tre khổng lồ (tổ tiên gấu *panda*), và người *H. erectus*. Các yếu tố này liên quan lẫn nhau. Gấu tre cũng ăn toàn lá tre. Rừng tre cứ đến đúng chu kỳ tự nhiên chết hàng loạt. Vì tùy thuộc quá nhiều vào tre, khi tre không còn nhiều, lại bị gấu tre ăn bớt phần, thêm vào đó người (ăn mụt măng hay dùng tre làm dụng cụ), đười ươi KL đành rơi vào tuyệt lộ. Ciochon căn cứ vào bằng chứng đười ươi KL và người *erectus* đã sống cùng lúc và cùng nơi với nhau ở vùng Lạng Sơn (Thẩm Khuyên) để đưa ra giả thuyết theo đó người *erectus* đã làm đười ươi KL tuyệt chủng. Hà Văn Tấn nói : *giả thuyết thú vị đấy, nhưng cần chứng minh thêm !*

Vùng bắc Việt Nam – nam Trung Hoa nửa triệu năm trước

Dù lý do gì đi nữa, đười ươi KL đã tuyệt chủng vào khoảng thời gian người *erectus* vào Việt Nam từ nam Trung Hoa, cách nay hơn ba trăm ngàn năm. Một trong những nguyên nhân khác có thể là người *erectus* đã săn đười ươi KL. Người *erectus* ăn thịt thú to như đã thấy trong một số di tích ở nam Trung Hoa. Con người cá nhân không thể đọ sức với các thú dữ hay to hơn nên có thể họ đã dùng sức của cả nhóm, và dùng mưu để săn bẫy, hoặc bắt giết những thú yếu, bệnh, hay bị thương. Những thổ dân nơi rừng núi hẻo lánh ngày nay vẫn còn săn khỉ to, huống hồ người cổ xưa. Thêm vào đó, cứ sau bốn, năm mươi năm, tre nở hoa một lần rồi chết hết lá. Vào lúc đó, con người (tranh) ăn những loại trái của đười ươi KL, và gấu tre KL tranh ăn những lá tre còn lại, tất nhiên đười ươi khổng lồ tuyệt chủng vì đói. Loài đười ươi nhỏ có thể ăn tạp hơn nên sống đến ngày nay.

Một loại gấu tre khổng lồ khác *Ailuropoda* là sinh vật đặc trưng thời ấy, cũng tuyệt chủng, nay chỉ còn gấu tre Panda ở Tứ Xuyên (có một dạo

cũng bị đe dọa tuyệt chủng). Khí hậu lúc đó nóng ấm nên thú vật toàn vùng phong phú thu nhiệt đới hơn ngày nay, với các loài tê giác, khỉ (*Macaca*), vượn (*Hylobates*), hươu nai, trâu bò dê, nhím, lợn, chồn chó, và hổ báo. Về sau, ngoài đười ươi KL, voi tiền sử (*Palaeloxodon*) voi răng kiếm (*Stegodon*) và lợn (có) vòi (*Tapirus*) cũng tuyệt chủng. Sau những thay đổi khí hậu, môi sinh, một số loài không thích ứng được, chết dần, đến khi sỉ số còn lại dưới mức cần thiết để duy trì giống loài thì chúng tuyệt chủng. Hà Văn Tấn cho là các giống voi cổ đã bị diệt tuyệt sau giai đoạn lạnh ác liệt khoảng ba mươi ngàn năm trước.

Đa số các nhà khoa học đồng ý rằng người *erectus* ở vùng Việt Nam - Trung Hoa này tuyệt chủng vào khoảng trăm ngàn năm trước. Sau đó có một khoảng trắng thời gian (cho đến khoảng bốn mươi ngàn năm trước đây) trong đó không tìm được di cốt người nào trong toàn vùng. Theo một số nhà khảo cổ Việt Nam, những dụng cụ đá tìm được trong vùng núi Đọ (Thanh Hóa) và đồ đá Hàng Gòn (Xuân Lộc) và Gia Tân là thuộc giai đoạn này, nhưng những đồ đá tìm được lại nằm trên mặt đất, ngoài các tầng đất khảo cổ, nên tuổi không định được mà chỉ được ước đoán theo kiểu dáng, kỹ thuật. Giai đoạn kế tiếp tương ứng với văn hóa "Ngườm" và Sơn Vi, trái lại, có tuổi định rõ và có di cốt cùng di vật, tôi sẽ đề cập đến trong bài tới. Người cổ thuộc các văn hóa này có thể xem như tổ xa xưa nhất của người Việt. Ngành sinh học di truyền đưa giả thuyết sau: những người sống trong giai đoạn sau người *erectus* là người *sapiens* đến từ Phi Châu qua ngã Đông Nam Á trước khi đến Trung Hoa. Họ sinh sôi, thiên di, hợp chủng qua lại, thành người ngày nay. Riêng lý do chính xác sự tuyệt chủng giống người *erectus* không ai rõ lắm.

*

Những người đầu tiên đặt chân trên đất Việt nửa triệu năm trước thuộc giống người *erectus*, đã tuyệt chủng, không dính dáng đến người Việt ngày nay. Họ đến Việt Nam từ nam Trung Hoa, và có thể chính họ đã tiêu diệt loài đười ươi khổng lồ *Gigantopithecus* trong cuộc tranh sống trong môi trường biến đổi. Và tuy có khả năng thích ứng với môi trường cao hơn một số loài vật, họ cũng không sống nổi sau khoảng trăm ngàn năm trước đây. Rồi năm mươi ngàn năm sau đó, một nhóm người *sapiens* từ Phi Châu đến dọc theo mạn nam châu Á, chiếm lĩnh không gian bỏ trống tại Đông Dương, sinh sôi, lai với những di dân đến sau, làm thành người Việt ngày nay.

Gigantopithecus còn một huyền thoại, huyền thoại «người rừng» khổng lồ, mà nhiều người trên thế giới cho là còn lẩn khuất đâu đó trong rừng núi: đó là người rừng ở cao nguyên nam Việt Nam, Yeti ở bắc Ấn Độ - Pakistan, Sasquatch ở Canada, Bigfoot ở My... Dù một số người kiên trì săn lùng họ, hiện nay thế giới chưa có bằng chứng rõ ràng về sự hiện hữu của họ, trừ một đoạn phim video quay ở bắc Mỹ, nhưng phim này cũng không thuyết phục mọi người. Có thể vì quá có kinh nghiệm đau đớn về loài người nên họ phải tiếp tục trốn tránh?

11/2002

Tài liệu biên khảo:

* Hà văn Tấn (chủ biên), 1998, Khảo cổ học Việt Nam, Tập 1, Thời đại đá Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, pp. 9-69.

* Ciochon Russel L., Vũ thế Long, R. Larick et al., 1996. Dated co - occurrence of *Homo erectus* and *Gigantopithecus* from Tham Khuyen Cave, Viet Nam, Proc. Natl. Acad. Sci., USA, 93 : 3011-3020.

* Pettifor Eric, 2000, From the teeth of Dragon to *Gigantopithecus blacki*. .

* Ciochon, Russell L., Dolores R. Piperno, and Robert G. Thompson, 1990. Opal phytoliths found on the teeth of the extinct ape *Gigantopithecus blacki*: Implications for paleodietary studies. *Proceedings Natl. Acad. Sc., 87:* 8120-8124.

* Ciochon, Russel L., John Olsen, and Jamie James, 1990. *Other Origins: The Search for the Giant Ape in Human Prehistory.* New York: Bantam Books.

* Corruccini, Robert S. 1973. Multivariate Analysis of *Gigantopithecus* Mandibles. *Amer. J. Phys. Anthropol., 42:* 167-170.

* Frayer, David W. 1972. *Gigantopithecus* and Its Relationship to *Australopithecus. Amer. J. Phys. Anthropol., 39:* 413-426.

* Schwartz, Jeffry H. 1991. Book Review of Other Origins: The Search for the Giant Ape In Human Origins. *Amer. Anthropologist, 93:* 1029-1030.

* Simons, Elwyn L., and Peter C. Ettel 1970. *Gigantopithecus. Scientific American,* January, 1970: 77-85.

* Von Koenigswald, G.H.R. 1952. *Gigantopithecus blacki* Von Koenigswald, a giant fossil hominoid from the pleistocene of southern China. *Anthropological Papers of the American Museum of Natural History, 43*: 295-325

* Huang Wanpo, Ciochon, Gu Yumin, et al. 1995. Early Homo and Associated Artefacts from Asia. *Nature* 378:275-278.

Yamei, H., R. Potts, *et al.* 2000. Mid-Pleistocene Acheulean-like stone technology of the Bose Basin, South China. *Science* 287(March 3):1622-1626.

Internet sites:

http://abcnews.go.com/sections/scitech/DailyNews/ (Schepartz's work from Cincinnati University on Panxian Dadong)

http://www.mnh.si.edu/anthro/humanorigins/whatshot/2000/wh20002.html (Bose bifacial stone tools)

http://www.sciencenews.org/20000304/fob1.asp (Bose bifacial stone tools)

http://abob.libs.uga.edu/bobk/ccc/cc030600.html (Bose bifacial stone tools)

http://www.archaeology.org/0001/newsbriefs/china.html, & www.uiowa.edu/~bioanth/china.html, (ancient fossil site of Renzidong)

http://dawning.iist.unu.edu/china/bjreview/98Apr/98-13-35 (Yuanmou man datation)

XUÂN THA HƯƠNG

PHẠM THÀNH CHÂU

Sau năm bảy lăm, bố tôi đi tù cải tạo thì chỉ ít lâu sau, mẹ tôi đem ba anh em chúng tôi về giao cho gia đình bên nội nuôi rồi đi biệt, nghe nói có chồng khác. Sau năm bảy lăm, đồng bào Miền Nam coi như gặp đại họa, gia đình ngụy lại càng thê thảm. Bà nội tôi già quá, chẳng có gì ngoài tấm lòng thương con, thương cháu.

Nhà nội tôi ở trong hẻm, gần chợ Cây Quéo. Nhà lợp tôn, vách ván, tuy cũ nhưng chưa rệu lắm, mưa chỉ dột có vài chỗ. Cũng may, nền nhà tráng xi măng nên tối đến, ba anh em chúng tôi trải chiếu, giăng mùng, ngủ dưới đất, rất mát và thoải mái.

Chúng tôi có hai người cô, làm công nhân, lương không đủ sống lại còn phải nuôi bố tôi và hai người chú trong tù, nên chúng tôi chẳng khi nào no bụng. Hai đứa em tôi còn nhỏ, đứa bảy tuổi, đứa năm tuổi, tôi thì hơn mười tuổi. Đói quá, tôi dẫn thằng em kế xách cái bị cói, đến các nơi đổ rác, dùng cái móc sắt moi giấy, chai lọ, bọc ni lông...bán kiếm tiền ăn quà rong, coi như hai đứa tôi không ăn cơm nhà, đôi khi còn mua ít quà về cho thằng út. Bữa nào anh em tôi bị mấy thằng lớn hơn cướp mất rác thu nhặt được là tối đó về, chúng tôi đành nhịn đói vì bà tôi và các cô cứ tưởng chúng tôi no rồi, không bao giờ để phần cơm, mà chúng tôi cũng không đòi ăn, vì không muốn làm phiền ai cả, tuy vẫn biết nội tôi và các cô rất thương chúng tôi. Mỗi khi có thư của bố tôi hay các chú gửi về xin quà thăm nuôi là nội tôi ngồi khóc. Bấy giờ gia đình ngụy quân, ngụy quyền nào cũng thế cả. Đàn ông thì ở trong tù, chỉ còn đàn bà, trẻ nít với người già, chẳng biết xoay xở ra sao, nên được thư xin quà thăm nuôi vừa mừng vì biết người thân còn sống vừa nhớ và lo, không có gì tiếp tế cho người đi tù nên chỉ biết khóc. Giá như nước mắt mấy bà mẹ, bà vợ, con cháu... biến thành gạo, cá khô, đường... thì người trong tù ăn bao giờ cho hết? Nói thế chứ nước mắt nội tôi chẳng còn bao nhiêu, chỉ có hai giọt, lăn đến cái miệng móm xọm là vừa khô.

Để có tiền mua quà thăm nuôi tù cải tạo, các cô tôi tìm xem trong nhà có gì bán được thì đem ra. Trước hết là mấy cái áo quần mới, may trước "giải phóng," rất đẹp. Hai cô tôi, trước khi đem bán, thường mặc vào, ỏng ẹo đi ra, đi vào, soi gương cả buổi, chán chê rồi lầu bầu với nội tôi "Khi nào mấy anh đi tù về, mẹ nhắc mấy ảnh sắm đồ mới mà đền cho tụi con." Tưởng như mấy người tù sắp về đến nơi! Nội tôi cũng tin như vậy nên thường đứng trước cửa, dòm ra đường, vẻ bồn chồn như người chờ xe buýt. Nhưng dòm mãi vẫn không thấy đứa con nào về! Hết áo quần thì

đến cái tủ. Nội tôi cười bảo "Cái tủ trống rỗng, để chi cho chật nhà!" Bán được tủ, nội tôi giữ tiền, không bỏ ra một cắc, để giành cho các cô đi thăm nuôi tù. "Tụi bây có đói cũng chưa chết. Cha với chú tụi bây trong tù không có thăm nuôi là chết..." Quà thăm nuôi cũng chỉ cái bị cà ràng, đựng gạo, cá khô, đường... Sau khi cái nhà trống trơn, nội tôi nhìn quanh, chỉ còn cái bàn thờ. Nội tôi cũng cười nhưng miệng méo xẹo "Cho bộ tam sự vượt biên."

Bộ đồ thờ bằng đồng, gồm cái lư hương to, có hai con lân hai bên, trên nắp cũng có con lân, đúc rất đẹp, nội tôi coi như của gia bảo. "Từ khi tao về làm dâu nhà nội bây, bộ tam sự nầy thờ đã được hai ba đời trước rồi...!" Bán chẳng được bao nhiêu nhưng cũng giúp cho người trong tù cầm hơi mà sống. Hà tiện cách mấy, tiền cũng hết, đến lượt cái tủ thờ cẩm lai, chạm trổ rất đẹp, cũng phải lên đường. Lần nầy nội tôi ngồi khóc thút thít mãi, vì không có gì để thờ Phật, thờ Ông Bà. Trước khi giao bàn thờ cho người ta, nội tôi quì lạy mãi, tưởng như thế Phật Bà và Tổ Tiên sẽ thông cảm mà tha thứ cho tội bất kính, bất hiếu. Tượng Phật và mấy bài vị được để trên một miếng gỗ, treo trên vách, coi như cái bàn thờ. Mỗi tối tụng kinh Phật, cầu an cho người trong tù, nội tôi ngồi bệt dưới đất, gõ mõ cốc cốc, miệng ê a một lúc lại ngước lên bàn thờ và lạy, trông giống con gà bị bịnh dịch, cứ ngửa cổ lên trời, đi thụt lùi rồi ngã lăn ra chết. Nội tôi không bị ngã nhưng mỏi cổ nên sau nầy chỉ cúi lạy coi như lạy cái vách ván. Rồi đến bộ bàn ghế ngồi ăn cơm và tiếp khách, nội tôi kêu mấy bà thường lội xóm "Ai có bàn ghế, giường, tủ, máy may, quạt máy...bán không?!" Bà nào cũng trề cái môi dài thòng "Chẻ làm củi chụm đi bà ơi! Bà bán không đủ tiền mua củi đâu." Vừa lúc tôi tròn mười sáu tuổi, tôi thuê được một chiếc xích lô, thả rong khắp đường phố, chở khách và chở hàng. Tôi còn nhỏ, chân ngắn quá, vói không tới bàn đạp, phải nghiêng bên nầy đạp một cái, nghiêng bên kia đạp một cái, vậy mà xe vẫn chạy ào ào, đâu thua ai! Tôi đạp ngày đạp đêm. Nặng nhẹ, mắc rẻ gì tôi cũng chở tuốt. Bắp thịt chân tôi cứng ngắt, mấy đứa em tôi cứ bóp thử, phục lắm. Từ sáng tửng mưng, tôi đã đẩy xe ra, khuya mới về, đôi khi tôi tấp xe bên đường, trùm cái khăn lớn, ngủ luôn trên xe. Được bao nhiêu, sau khi trừ chi phí thuê xe và tiêu vặt, tôi đem giao hết cho nội tôi, để giành thăm nuôi. Cái bị cói đựng quà thăm nuôi nặng hơn trước. Các cô tôi tha không nổi, cứ đi lệch bệch mà miệng thì cười toe toét. "Thăm nuôi ít quá, các ảnh biết, ngoài đời, mình khổ lắm, không muốn nhận quà." Các em tôi, nhờ ăn uống đầy đủ, hồng hào, lớn lên thấy rõ.

Rồi bố tôi và các chú tôi, lần lượt được thả ra. Ai cũng bắt chước tôi, đạp xích lô. Nhà đâm khá giả mà nội tôi cũng không còn đứng ở cửa, ngóng ra đường như người ta chờ xe buýt nữa. Mái nhà được lợp lại cho khỏi dột, lại làm thêm một cái gác lửng cho ba anh em tôi làm chỗ ngủ. Tối nào cũng leo lên cái thang rồi bò vào như mấy con thú rừng bò vào hang vì cái gác làm sát mái nhà quá, buổi trưa không ai dám lên vì nóng khủng khiếp. Ít lâu sau có vụ HO, tù cải tạo được đi Mỹ. Theo như nhà nước phổ biến, người làm đơn chỉ tốn tiền mua các mẫu đơn, điền vào, nộp quận, huyện, nhưng làm như thế đến Tết Ma Rốc mới được đi. "Khâu" nào cũng cần tiền, có tiền thì hồ sơ mới được chuyển đi, như xe máy cần đổ xăng mới chạy được, mà thường tính bằng chỉ vàng, lượng vàng. Còn thêm vụ đôn danh sách nữa. Đúng ra ai nộp hồ sơ trước thì được cứu xét trước để chuyển cho tòa đại sứ Mỹ phỏng vấn, ai nộp sau, phải chờ, nhưng nếu có vàng, ra Hà Nội chạy chọt (hối lộ) sẽ được đôn danh sách, nghĩa là được đưa vào danh sách phỏng vấn sớm nhất, đi Mỹ trước. Gia đình nội tôi làm gì có vàng. Thời may, bố tôi được một bà, lớn tuổi, nhưng không chồng, chịu chi phí, với điều kiện để tên bà ta vào như là người vợ của bố tôi để bà ta cùng đi Mỹ. Bà ta lại chịu khó ra Hà Nội đóng vàng nên gia đình tôi được lên máy bay sớm.

Trước đây, bố tôi làm hôn thú với người đàn bà chỉ nghĩ rằng qua đến Mỹ sẽ chia tay, không ngờ hai người vẫn sống chung cho đến nay. Bà ta sinh được hai đứa con, tức em cùng cha khác mẹ với tôi. Bà đối xử với mấy anh em tôi không tốt. Trước bảy lăm, là sĩ quan quân đội, không hiểu bố tôi ra sao, nhưng sau khi đi tù về, bố tôi có vẻ ba phải, ai làm gì cũng mặc, nhất là khi ở Mỹ, ông chỉ nói chuyện tu tiên, tu Phật gì đó, chuyện gia đình không lý đến. Tôi chán quá, qua tiểu bang khác với thằng bạn. Hắn làm ở tiệm Mc Donald, và giới thiệu tôi vào làm. Đây là nghề chỉ có bọn thất học như tụi tôi mới làm vì lương hướng chẳng bao nhiêu. Nếu bạn đi tiệm Mc Donald, người làm phục vụ khách ra sao thì cứ tưởng tượng tôi là một trong những người đó, nên xin khỏi dài dòng. Miền Đông nước Mỹ cũng có nhiều người Á Châu, nhất là người Việt, đôi khi gặp, chuyện trò thăm hỏi cũng đỡ chán đời. Một

lần, tôi gặp một cô khách, không đoán được người xứ nào, nhưng rất đẹp, tôi bèn gọi thằng bạn đang chiên French Fries sau bếp "Lẹ lên! Ra coi người đẹp." Hai đứa tôi tranh nhau chào người đẹp. Tôi hỏi (bằng tiếng Anh) "Cô có phải là người Á Châu không?" Cô mỉm cười, lắc đầu, xổ ngay một tràng tiếng Spanish. Chúng tôi không hiểu nên hỏi cô "Có phải cô là người Nam Mỹ không?" Cô gật đầu, nói (tiếng Anh) "Tôi người Ấn Độ, nhưng ở Nam Mỹ." "Người Ấn Độ sao mũi không cao?" Cô ra dấu "Tôi cắt bớt nên nó thấp xuống như thế nầy." Chúng tôi cùng cười vui vẻ. Thế là tôi và cô coi như quen nhau. Thật khó để tả cô đẹp ra sao. Cô như viên kim cương màu đen, tỏa ra một thứ ánh sáng quí phái mà hấp dẫn. Da cô ngăm ngăm, mắt cô đen láy và sáng trưng nhưng lại có vẻ buồn buồn. Lông mày cô đậm, cong vòng như lá liễu. Mũi nhỏ, thanh tú, hơi hếch lên nghịch ngợm. Dáng người mảnh mai, tóc đen nhánh, óng mượt, đồi ngực nhỏ nhưng dựng đứng lên, đẹp kỳ lạ... nhất là khi cô đi, hai cái mông tròn, cao, nhún nhảy, nhẹ nhàng theo từng bước chân như những nốt nhạc trong một bản hòa tấu cổ điển. Nhìn cô đi, tôi chỉ ước được nằm xuống cho cô dẫm chân lên người, có lẽ sẽ sung sướng lắm!

Một lần, khi trao hàng, tôi nói với cô (bằng tiếng Anh) "Tôi thấy cô đẹp, tôi khen cô, cô có giận tôi không?" Cô lắc đầu "Không, tôi cám ơn anh" "Nhưng tôi nói tiếng Anh không rành lắm nên tôi nói tiếng Việt với bạn tôi để khen cô, cô có nghi ngờ chúng tôi nói xấu cô không?" Cô nhìn tôi, mắt sáng lên, vẻ tinh nghịch "Tôi có cái máy trong đầu, tôi sẽ biết các anh nghĩ gì về tôi. Anh cứ nói thử, tôi đoán xem có đúng không?" Tôi nhìn vào mắt cô và nói "Mắt em đẹp tuyệt vời! What do I say?" "My eyes ´re wonderful. Right?" Thực ra không cần cô phải thông minh lắm mới đoán được những gì trong đầu tôi, vì đôi mắt si dại của tôi nhìn cô rất lộ liễu. Đại khái tôi khen cô bằng tiếng Việt và cô đoán để giải thích bằng tiếng Anh. Đó là một trò chơi mà cô rất thích. Một lần, tôi nhìn ngực cô định nói thì cô đã đưa ngón tay lên miệng ra dấu và nói "Đừng nói!" Cô chỉ vào cánh tay trần của cô "Anh chưa nói mà tôi đã nổi da gà..." Lần khác, nhân lúc vắng khách, tôi xin cô đứng yên một phút để ngắm cô. Cô gật đầu, đứng nhìn sự chiêm ngưỡng của tôi với vẻ vừa điềm tĩnh vừa tò mò như nhìn một em bé đang chơi một trò ngộ nghĩnh gì đấy. Từ nhỏ tôi chỉ tiếp xúc với bọn đầu đường xó chợ, quen ăn nói tục tĩu, về cả những chuyện mà tuổi tôi bấy giờ chưa hề biết, thế nên những gì tôi nghĩ trong đầu thường bật ra thành lời nói rất sống sượng. Mà khổ nỗi, không nói ra, nhất là những ý tưởng không được trong sạch về cô là tôi cứ rậm rực trong người. Có lần tôi ngứa miệng quá, đành nhìn bàn tay cô và nói (tiếng Việt) "Ngực em đẹp phải biết! Chỉ nhìn qua lần vải, anh cũng biết nó tròn, nhỏ, cứng, da mịn và thơm. Em cho anh úp mặt vào đó, năm phút thôi... rồi em lấy súng bụp vào ngực anh một phát, anh sẽ mỉm cười, hạnh phúc đi về chín suối..." Cô tò mò hỏi tôi "Anh nói gì về bàn tay tôi mà nhiều thế?" "Tôi biết coi chỉ tay. Nhìn tay cô tôi biết cô đang có chuyện buồn." Cô ngạc nhiên "Hôm nào anh coi chỉ tay tôi và nói xem tương lai tôi sẽ ra sao?" "Để tôi nói ngay bây giờ, có đúng không nhé. Cô đang có chuyện buồn nhưng trong tương lai, cô sẽ vui vì có một người rất yêu cô..." Cô cười "Anh muốn tán tỉnh tôi phải không?" "Nhưng cô có thưa tôi về tội quấy nhiễu cô không?" "Anh yêu tôi không phải là cái tội." Một lần cô mặc thời trang, chỗ rốn chừa ra một khoảng bụng hấp dẫn, tôi đứng nhìn sững, thằng bạn bên cạnh thúc cùi chỏ, nhắc tôi lo phục vụ khách đang chờ. Trong lúc làm việc, hắn thì thầm với tôi, làm như nói chuyện riêng "Mầy nhìn bụng em thấy gì lạ không?" "Thấy gì? Chỉ muốn để tay lên, xoa xoa..." "Em có chửa, ít ra cũng ba bốn tháng. Nhưng sao không thấy em đeo nhẫn cưới?" "Tao cầu cho thằng "tác giả" cái bụng em chạy làng để tao nhào vô." "Coi bộ em chịu mầy rồi, mầy dám thầu luôn đứa nhỏ trong bụng em không?" "Tao không xứng xách dép cho em. Em đẹp như thế, tao đứng xa mà ngắm thôi. Nhưng em mà chịu tao thì chuyện em có con với ai, tao đâu cần. Cái gì của em, tao cũng quí cả thì con em, tao cũng quí, cũng thương luôn." Lúc trao hàng, cô hỏi tôi "Các anh nói gì về tôi đấy?" Tôi nói tránh qua chuyện khác "Tôi hỏi bạn tôi, nếu tôi mời cô đi tiệm ăn, cô có nhận lời không?" "Anh mời thì tôi nhận lời, nhưng anh được nghỉ giờ nào?" Tôi nói giờ giấc tôi làm việc và cả giờ tôi đi học ESL buổi tối nữa. Cô lắc đầu "Lúc anh rãnh rỗi thì tôi bận việc!...Chúng ta sẽ gọi nhau để biết chắc giờ gặp lại." Cô cho tôi tấm cạc có ghi địa chỉ và số phôn của cô "Khi nào cần, anh gọi tôi." Nhờ có số điện thoại của cô, tôi được nhiều dịp mời cô đi ăn tiệm những lúc chúng tôi cùng rãnh rỗi. Đôi khi cô giành phần trả tiền. Lúc đó tôi rất hãnh diện vì biết mọi người chung quanh tưởng lầm cô là vợ tôi và sẽ nhìn tôi

khâm phục. "Thằng cù lần có cô vợ đẹp!" vì chỉ có vợ mới phải trả tiền khi đi tiệm ăn hoặc mua sắm. Tôi vênh mặt làm oai thôi chứ không dám đụng đến người cô cũng như không bao giờ cho cô nghe những ý nghĩ sàm sở trong đầu tôi bao giờ. Tôi giữ rất kín. Tôi thường nghe nói tình yêu lý tưởng, cao thượng gì đó, nhưng sao, yêu cô càng nhiều tôi càng thấy mình tầm thường, chỉ muốn ôm cô hôn vì thèm muốn.

Thế rồi, mấy tháng sau đó, tôi không thấy cô ta đến. Gọi điện thoại thì được trả lời rằng cô đi xa, chưa về. Tôi cứ ngóng cổ cò nhìn chừng, thấy dáng ai từ xa, giống cô, là tôi hồi hộp. Cho đến khi tôi nghĩ rằng cô đã qua ở hẳn tiểu bang khác rồi thì tôi lại gặp cô, sau giờ làm việc, tại bãi đậu xe. Vẻ mặt cô buồn buồn "Tôi đến để anh đưa đi tiệm ăn." Tôi mừng rỡ "Cô biết món ăn Việt Nam không? Ngon lắm. Nhưng cô chờ cho một phút." Tôi dọn rác rưởi trong xe rồi lấy một cái khăn lông trắng lớn trải lên ghế ngồi và mời cô lên xe. Cô nhìn tôi "Anh là người bạn tốt của tôi." Đến tiệm tôi gọi chả giò, hến xào... Cô ăn uống có vẻ ngon lành. Lúc nãy, cô trầm tư bao nhiêu thì giờ đây, cô càng sinh động, vui vẻ bấy nhiêu. Các món ăn đều cay nên cô vừa suýt soa vừa cười "Ngon quá! Anh gọi những món mà tôi rất thích. Nhất là có anh..."

Tôi hỏi cô "Tôi nghĩ rằng cô đang có chuyện buồn? Cô có thể kể cho tôi nghe? Không chắc tôi sẽ giúp được gì, nhưng khi nói ra, cô cũng sẽ bớt buồn hơn là giữ mãi trong đầu." Cô yên lặng một lúc rồi hỏi "Anh thấy tôi có gì khác trước đây không?" "Tôi nói nhưng cô đừng giận tôi. Hình như cô sắp có em bé. Cô đang mang bầu?" "Anh nói đúng, tôi buồn vì nó. Nó không có cha." Tôi nhanh nhẩu "Tôi xin làm cha đứa bé được không?" "Chưa được đâu. Tôi đang kiện cha nó để đòi tiền cấp dưỡng." "Vụ kiện đến đâu rồi?" "Đang làm thủ tục. Nhưng anh cảm thấy thế nào khi đi cạnh người đàn bà có bầu như tôi? Anh nghĩ gì về đứa bé nầy?" "Tôi yêu cô, tôi sẽ yêu đứa bé. Nó đâu có lỗi gì để không có được một người cha thương yêu nó." "Anh khác xa thằng chồng lưu manh của tôi. Hắn chờ tôi có bầu mới bỏ tôi đi theo con khác. Khi tôi sanh nó ra, tôi cho anh, anh dám nuôi nó không?" "Nhưng phải nuôi luôn hai mẹ con tôi mới chịu." Cô mở to mắt, làm như ngạc nhiên "Anh định cho mẹ con tôi ăn Mc Donald suốt đời sao?" "Tôi không nghĩ thế, chẳng phải vì tôi giàu, mà vì trông sắc diện cô, cô đẹp sang trọng như công chúa, tôi tin, cô không khổ bao giờ." Cô cười "Lần nầy anh đoán sai rồi. Tôi khổ từ lúc mới sinh ra vì không có cha. Ngày nào cũng đói vì mẹ tôi có đồng nào uống rượu hết cả. Mấy anh chị em tôi đều cùng mẹ nhưng khác cha. Cha da đen, cha da trắng, cha da vàng... Cũng chẳng biết chính xác ai là cha mỗi đứa tụi tôi nữa. Bây giờ đến lượt đứa bé trong bụng tôi, nó cũng sẽ không có cha." "Tôi hứa là sẽ thương yêu nó như thương yêu cô vậy." "Anh chỉ được

CỔ NGƯ

Thơ Cho Xuân

Con xòe những ngón tay,
Mùa Xuân hồng nở vụt,
Bố làm thơ khai bút,
Mẹ thắp một nén hương.

Mùa Xuân gửi yêu thương
Lên má con phúng phính,
Đời tròn quay, bầu bĩnh,
Không gai sắc, mưa sầu.

Mùa Xuân tung cánh câu,
Con bay đường nhân ái,
Bố kể lời thần thoại,
Mẹ hát một khúc ru.

Mùa Xuân đầu đơm nụ,
Hoa nở nghìn Xuân sau,
Con cười xinh một nụ,
Đời vui vạn sắc màu.

Xuân Nhâm Ngọ
Choisy-le-Roi 12.02.2002

thương yêu một người thôi, hoặc tôi hoặc đứa bé. Anh thương đứa bé nhé! Tôi sẽ giao nó cho anh và bỏ đi. Anh tính sao?" "Bố con tôi sẽ đi theo cô!" Cô nghe thế, ngồi cười mãi "Cám ơn anh. Tôi biết anh chân thật, nhưng tôi chỉ xem anh là người bạn thân mà thôi. Tình yêu... không đến với tôi bằng một nguyên nhân nào cả." Rồi cô thở dài "Nó đến và cứ ở mãi trong tôi..."

Lần gặp gỡ đó của chúng tôi vào mùa Đông. Buổi chiều, trời lạnh nhưng tuyết đã ngưng rơi. Khi chia tay, cô có vẻ suy nghĩ rồi bảo tôi "Ít hôm nữa tôi sẽ rời nơi đây, đi tiểu bang khác. Tôi gặp anh lần nầy để nói bye với anh. Tôi sẽ nhớ mãi rằng tôi đang có một người bạn rất tốt là anh." "Tại sao cô đi sang tiểu bang khác. Có phải vì tôi làm phiền cô không?" "Không phải thế. Tôi có nhiều bạn ở Florida, chúng gọi, rủ tôi về ở chung, sẽ giúp tôi trong lúc tôi sinh con, sẽ thay phiên nhau săn sóc đứa bé trong những giờ tôi bận đi kiếm sống. Tôi làm nghề móng tay, việc làm chờ sẵn cho tôi ở dưới đó rồi." Tôi ngập ngừng "Đây là lần cuối tôi được gặp cô. Xin cô cho tôi đưa cô đến một nơi vắng người như công viên chẳng hạn. Tôi cứ ước ao một lần nào đó đi bên cạnh cô trên một quãng đường vắng..." "Được chứ! Tôi sẽ theo anh đến nơi nào anh thích..." Chúng tôi lên xe và tôi đưa cô đến một công viên có hồ nước, rộng đến độ chỉ thấy được hàng cây mờ mờ với tuyết trắng xóa ở bờ bên kia. Ở đây, mùa Đông, vắng hoe, mấy con ngỗng trời, vịt trời cũng đã về miền Nam tránh rét, chỉ thỉnh thoảng nghe tiếng mấy con quạ kêu, vang lên đâu đó trong rừng. Tuyết khắp nơi, trên mặt đất, trên ghế đá, trên những cành cây trụi lá, như nơi nào cũng phủ bông gòn trắng tinh. Bầu trời giống một cái lồng vĩ đại chứa đầy sương mù, chụp lên công viên và hồ nước. Chúng tôi dẫm trên tuyết nghe lạo xạo và để lại những dấu giày sâu ngập đến mắt cá. Khi đến bờ hồ, cô dừng lại tựa vào người tôi nhìn ra mặt nước mênh mông. Chúng tôi cứ đứng yên lặng như thế thật lâu, cho đến gần tối, cô rùng mình vì gió lạnh, chúng tôi chuẩn bị ra về. Tôi nói với cô "Cô có cho phép tôi được ôm cô một lần không?" Cô xoay người lại, ngước lên, mỉm cười rồi đưa hai tay ra chờ đợi. Chúng tôi đều mặc áo ấm dày cộm nên tôi ôm cô giống như ôm một đống áo quần. Cô kéo cái mũ trùm đầu xuống và tựa hẳn đầu vào ngực tôi. Tôi úp mặt vào mái tóc cô và nói "Trong đời tôi, cô là người đàn bà duy nhất có cảm tình với tôi, tin cẩn tôi. Và cũng là người đàn bà duy nhất mà tôi yêu thương. Cô đi, tôi buồn lắm!" Và tôi lặng lẽ khóc... Một lát, cô lấy khăn lau nước mắt cho tôi...

Mùa Đông ở xứ Mỹ kéo dài đến tháng hai, là mùa Xuân của người Á Đông, thế nên chủ nhà tôi ở trọ kéo cả gia đình sang Cali. để ăn Tết với cha mẹ, anh em của họ bên đó. Tôi đành sống một mình với mấy gói mì ăn liền. Mùa Xuân hay Tết nhất của người Việt ở Mỹ, thật ra chỉ là trong tâm tưởng. Họ có quê hương, làng xóm, có người thân, bạn bè để nhớ, để thương. Họ có nhiều kỷ niệm thời thơ ấu, tuổi xuân xanh để luyến tiếc. Tôi chẳng có gì. Cha mẹ tôi chẳng phải là hình ảnh thân yêu gì cho lắm. Tôi cũng chẳng có bông hồng, bông trắng nào để cài áo cả. Tuổi thơ của tôi chỉ quanh quẩn bên mấy đống rác hôi thối, mấy đường phố với những con người thấy hoài, gặp hoài mà lúc nào cũng xa lạ, chỉ biết hiếp đáp tôi để giành rác, đánh đuổi tôi vì sợ bị ăn cắp, vì dơ bẩn. Những ngày Tết tôi chỉ được phép nhìn những đứa trẻ khác ăn mặc đẹp, chỉ được ngửi mùi thức ăn thơm đến ứa nước miếng từ các tiệm ăn bay ra đường. Bà tôi, bố tôi, các chú, các cô tôi có thể rất thương chúng tôi, nhưng cuộc sống quá khó khăn, chẳng ai hơi đâu mà nói lời thương yêu, cũng chẳng dư giả để quà cáp, kẹo bánh cho tụi tôi...

Nằm suy nghĩ miên man, tôi nhỏm dậy gọi điện thoại đến cô ta. Không có ai trả lời, tôi để lại trong máy nhắn "Cô cần một người bạn thân, một người có thể trông nom đứa bé khi cô đi làm thì tôi có thể làm việc đó. Chúng ta thay phiên nhau, người nầy đi làm thì người kia ở nhà. Xin cô ở lại. Nếu cô không đi nữa, xin gọi ngay cho tôi". Tôi gác máy và canh chừng. Nếu tối nay cô không gọi lại tức là cô đã lên đường từ lúc sáng rồi. Đến khuya, mắt tôi ríu lại và tôi ngủ quên luôn.

Sáng Chủ Nhật, đúng ngày Mồng Một Tết, tôi không phải đi làm. Đang nằm lơ mơ tôi bỗng nghe tiếng chuông cửa. Tôi uể oải ra mở cửa thì thấy cô đứng đấy. Cái bụng bầu của cô phồng lên, trông vừa hấp dẫn vừa buồn cười, giống như cô đang giấu nửa trái dưa hấu trong áo. Tôi mừng quá kêu lên "Thank you, for your coming to say bye to me!" Cô nhìn tôi, cười cười và nói bằng tiếng Việt khiến tôi kinh ngạc "Thôi, đừng có tiếng tây, tiếng u với em nữa. Ra xe xách giùm mấy gói đồ ăn vào. Em ở đây ăn Tết với anh." "Nhưng sao bữa đó em nói tiếng Spanish như gió, làm tụi anh bị lầm?" "Em làm chung với mấy đứa xì, khách xì cũng đông nên phải biết để có nhiều khách..." Rồi cô nghiêm trang bảo "Tuần sau, em thuê một căn phòng rộng hơn. Anh dọn đến ở với em."./.

ĐÁM MÂY BÊN KIA HỒ MJOESA

TÂM THANH

Tôi không dám nhìn lâu vào đôi mắt khẩn khoản của Gunnar. Tôi phải nhìn sang bên kia hồ Mjoesa, nơi có dẫy núi phủ mây trắng, dường như quanh năm; nơi mỗi lần có điều khó nghĩ tôi thường nhìn sang, dù đó là điều khó nghĩ của đứa bé bảy tuổi không biết viết thư cho Ông Già No-en phải gián tem bao nhiêu, có bớt giá cho con nít không hay điều khó nghĩ của một đứa con gái dậy thì nên mua cái áo hở ngực tới đâu, và giờ đây phải trả lời với người yêu ra sao. Gunnar tình cờ ngồi đúng cái ghế da mà ba tôi ngồi hôm đó, và tôi thì lại tình cờ ngồi đúng cái ghế da chị Lên ngồi, cái hôm kỳ cục đó.

Chị Lên là con lớn của dì Hoa, em ruột mẹ tôi. Chị có thân hình như một nữ lực sĩ bơi lội. Mỗi lần chị theo dì Hoa, cậu Dựng tới thăm gia đình tôi, chị thường "chào" tôi bằng cách nâng tôi lên trời ba lần. "Nữa đi!" tôi cười khanh khách nói. Và chị tung ba lần nữa. Sau đó chị lên phòng khách ngồi nói chuyện với ba trong khi mẹ và dì Hoa vào thẳng bếp chuyện trò và nấu phở. Những người khác, như cậu Dựng và mấy anh chị lớn, ngồi trong phòng TV nói chuyện, uống bia, uống nước ngọt, trước cái tivi mở không. Tôi nhảy vào lòng chị Lên, hóng chuyện, mặc dù không hiểu lắm ba và chị Lên nói gì. Thì thường là chuyện học hành và tập aerobic của chị Lên, chuyện báo đăng chó sói ăn thịt cừu, chuyện một tên cướp ngớ ngẩn, đánh cắp bưu điện để người ta tóm cổ tại chỗ. Có lần hai người tranh luận con bò có răng hay không, ba nói bò không răng, chị Lên nói có răng... Tôi thầm đồng ý với chị Lên rằng con bò có răng mới gặm cỏ được, nhưng tôi im lặng, nghe sau lưng thân hình nẩy nở và rắn chắc của chị, khác hẳn thân hình nhỏ và mềm của mẹ. Trong số những người bà con bên mẹ tôi, ba tôi không thích nói chuyện với ai cả; ba chê họ nói tiếng Na-uy dở quá, mà lại hay nói to, điếc cả tai; ba chỉ thích nói chuyện với chị Lên. Tôi để ý lúc nói chuyện với chị, ba tươi tỉnh khác thường. Chị Lên hay vuốt tóc khiến tôi buồn ngủ, tai lơ mơ nghe tiếng nói đều đều của hai người xen kẽ với tiếng cười vang trong lồng ngực to của chị Lên.

Hôm đó tôi nghe loáng thoáng ba đề nghị để ba tập lái xe cho chị Lên, và chị rất hào hứng, hai người hẹn ngày giờ nơi chốn. Rồi ba khen chị Lên đẹp. Chị nói chị chẳng có cái gì đẹp. Ba nói bữa nào đi hồ tắm với ba, ba sẽ chỉ cho coi chị đẹp chỗ nào. Chị cười khanh khách nói "Có vợ rồi mà còn nói nhảm." "Mặc kệ, giết vợ để lấy Lên tôi cũng sẵn sàng," ba trả lời. Tôi nói hôm đó là cái hôm kỳ cục là vì thế.

Sau đó, chị Lên có đi hồ tắm với ba và có đi học lái xe với ba hay không, tôi không rõ. Chỉ biết có lần dì Hoa cậu Dựng tới nhà nói chuyện gì có vẻ rất trầm trọng. Mẹ và dì Hoa to tiếng với nhau rồi cùng khóc. Tôi chỉ hiểu một chút tiếng Việt, và chỉ nghe người lớn nhiều lần nhắc tên "con Lên" và chữ "ông ấy" mà tôi hiểu là ba. Từ đó chị đi biệt tích. Gia đình dì Hoa không tới nhà tôi nữa. Tôi nhớ chị lắm, ngày tôi chịu phép Thêm Sức chị không tới dự, tôi hỏi chị đâu thì người lớn trả lời chị đang ở bên Mỹ. Nhiều năm về sau, khi bắt đầu có bạn trai, tôi mới tình cờ biết rằng chị Lên đi Mỹ thật, nhưng chỉ chừng nửa năm lại quay về, sau lấy một người Thổ. Chị sang Thổ-nhĩ-kỳ ở một năm, được một đứa con trai, bị ngược đãi, phải nhờ tòa đại sứ Na-uy can thiệp giải cứu về lại Na-uy. Cũng nhờ tòa đại sứ can thiệp chị mới mang được cả đứa con về. Khi tôi gặp chị trên xe điện với một đứa con trai tóc quăn tít và ngổ ngáo, chị kể chuyện về mười năm luân lạc, nhiều lần bi thảm hơn những điều tôi đã nghe qua dì Hoa hoặc người ngoài. Thấy tôi chăm chú nhìn vào cái bụng dềnh dàng, chị cho biết bây giờ chị đang ở với một ông người Bosnia cư trú bất hợp pháp; cái bầu là của ông này. Chị không nhắc gì tới ba. Tôi cũng không hỏi hôm đó tại sao mẹ và dì Hoa khóc, cũng như ngoài thằng bé tóc quăn đang ngồi bên cạnh và đứa con trong bụng, chị còn đứa con nào nữa không. Về nhà thấy ba

mẹ vẫn sống chung, ăn uống chung, đi xe chung... không nói làm gì – thấy ba làm như mọi sự bình thường, thì tôi thấy lợn cợn trong lòng. Trong trái tim tôi.

"Cecilia! Em có nghe anh nói không?" Gunnar kéo tôi về thực tại.

Tôi rời ánh mắt khỏi dẫy-núi bên kia hồ, quay lại nhìn Gunnar. Anh vẫn nhìn tôi chờ đợi.

"Dạ, em nghe," tôi trả lời.

"Sao em không đáp?"

Phải, lẽ ra tôi phải vui mừng đáp "Dạ" ngay khi Gunnar ngỏ lời hỏi có bằng lòng cưới anh không. Chúng tôi quen nhau từ cuộc cắm trại chuẩn bị lễ Thêm Sức, rồi thân thiết trong nhiều năm; trong bụng tôi vẫn mong chờ giờ phút anh ngỏ lời. Nhưng tại sao khi nó xảy đến, lòng tôi không thể vui mừng như mong đợi?

"Gunnar! Em bối rối lắm," tôi đáp. "Anh tha lỗi cho em, em không trả lời bây giờ được."

"Tại sao? Có điều gì trở ngại?"

"Dạ không, hoàn toàn không."

"Em có yêu anh không, Cecilia?"

"Anh biết là em yêu anh."

"Vậy tại sao em không trả lời ngay mà lại bắt anh chờ đợi?"

"Em cần thời gian suy nghĩ." Tôi vớ được một lý lẽ xem ra vững chắc. "Chúng ta phải xét xem hai đứa đã sẵn sàng kết hôn chưa."

"Chỉ cần em hứa một lời, rồi bao giờ đám cưới cũng được," Gunnar nói xong, ngả người ra sau. Mái tóc nâu vàng tươi của anh chạm vào chùm hoa hồng vân trắng, loài hoa mà mẹ lấy giống từ Pháp về và đặt tên là hoa ti-gôn. Bạn bè Việt Nam của mẹ có vẻ thích cây hoa này lắm; còn ba thì cười vì mấy bà trọng hóa cái hoa vô danh đó. Anh nghiêng người về phía trước, cầm ly cà-phê.

"Cà-phê nguội rồi," tôi nói. "Để em rót mới cho anh!"

Anh không từ chối. Tôi vào bếp đổ cà-phê cũ và rót mới cho anh. Anh uống một hớp nhỏ, hình như nóng quá, đặt tách xuống nói, giọng trở lại bình thường:

"Mình đi dong thuyền buồm nghe em?"

Tôi nhìn ra ra hồ nói thẫn thờ

"Hôm nay sao nhiều buồm vậy?" Rồi tôi lẩm bẩm "Tình yêu không thể coi thường được." Anh ngơ ngác, vì không nghe hoặc nếu nghe thì không hiểu hai câu nói không ăn nhằm gì với nhau và không trả lời vào câu hỏi của anh như thế. Hồi này tôi hay như vậy, anh cũng biết.

Bề ngoài tôi chỉ có vài nét giống mẹ - vành môi chúm và ngón chân cái to khác thường, ngoài ra tâm hồn tôi có nhiều nét giống mẹ. "Nó Việt Nam lắm," mẹ khoe. Còn tôi lại lo sợ về cái 'giống' đó. Sợ nhất là con đường tình cảm của tôi sẽ như mẹ, nghĩa là cúi đầu chịu đựng. Dì Hoa kể mẹ tôi là cô gái đẹp nhất trong số những người tị nạn Việt Nam đầu tiên tới Na-uy. Mẹ đẹp và dễ thương tới nỗi có một ông thuyền trưởng ngày nào cũng mang quần áo, thực phẩm tới trại tạm cư để được nhìn mẹ, nói vài câu tiếng Pháp với mẹ. Hôm nào mẹ đi học tiếng Na-uy về trễ, ông cứ ngồi trong phòng khách, bồn chồn chờ đợi. Có lần cô giáo đưa cả lớp đi coi nhà bảo tàng rồi đi picnic, ông chờ lâu quá, buồn tay, đem cái giỏ mây của mẹ đan giở ra đan. Bây giờ mẹ và dì Hoa cứ còn tiếc nuối cái thời người Na-uy quí người tị-nạn Việt Nam như vàng, con nít ra đường họ cho tiền, người lớn lên xe công cộng đôi khi họ cho đi miễn phí, các hội từ thiện thay phiên nhau tới ủy lạo. Ông thuyền trưởng buồn tay đan hết mấy cái giỏ mây mà hội Hồng Thập Tự bày ra cho các bà các cô trong trại làm để có thêm chút tiền túi; bắt đầu bằng cái giỏ của mẹ, rồi sang mấy cái của các bà khác. Các bà về thấy thế, cười ré lên, các cô hát bài *"Anh là thủy thủ"*. Ông không hiểu tiếng Việt nhưng biết bị chế diễu, mắc cỡ, nói với nhân viên trực trại "Xin lỗi, tôi quên!" Các bà các cô chưa tha, hỏi "Quên cái gì?", rồi lại cười ré lên. Nhưng không bao giờ ông quên mẹ. Sau khi mẹ lấy ba, ông vẫn chưa lấy vợ. Vài người quen Việt Nam tò mò hỏi, ông trả lời thẳng "Tôi chỉ yêu Hương thôi." Hương là tên mẹ tôi. "Vậy chứ sao hồi đó ông không nói sớm?" một người cắc cớ hỏi ngay trong đám cưới mẹ. Ông trả lời "Tôi tưởng tình yêu không cần nói bằng lời." Lại có người hỏi "Hồi đó sao ông biết cái giỏ nào là của Hương?" Ông trả lời "Biết chứ, nó thơm và đẹp." Vậy mà hai người không lấy được nhau – chỉ vì một người ít lời một người giữ ý.

Ba thì dư lời. Ba tôi gặp mẹ lần đầu khi mẹ đi lãnh tiền ở ngân hàng mà quên đem căn cước. Mẹ đứng năn nỉ với cô nhân viên ngân hàng "Bây giờ tôi về lấy giấy căn cước trở lại thì ngân hàng đóng cửa mất tiêu rồi. Xin cô tin tôi một lần đi. Tôi là người lương thiện mà!" Sự kiên nhẫn của cô ngân hàng chỉ làm cho cuộc nói chuyện kéo dài thêm, chớ không cho phép cô vượt qua thể lệ. Bỗng một người đàn ông từ văn phòng đi ra, thấy mẹ, dừng lại nghe cuộc đối thoại. "Ông ơi!" mẹ kêu cứu. "Có việc gì vậy, thưa cô?" ông hỏi.

Mẹ nói "Ông! Ông làm ơn bảo đảm cho tôi là người lương thiện được không?" Ông mặc đồ lớn đó nghe mẹ nói, bật cười, đưa bút ký tắt vào ô "Căn cước" trên tờ ngân phiếu. Mẹ lãnh tiền xong, nhìn vào trong, thấy ông mặc đồ lớn còn đứng ở cửa văn phòng nhìn ra, gật đầu mỉm cười. Tình cờ, trong một buổi tiệc hội Lion khoản đãi người tị nạn Việt Nam, ông giám đốc ngân hàng gặp lại "cô gái lương thiện" lộng lẫy trong chiếc áo dài. "Trên đời tôi chưa thấy ai đẹp như cô. Tôi muốn cưới cô," ba nói sau nửa giờ nói chuyện.

Sau khi chị Lên bỏ nhà ra đi một thời gian ngắn, lúc đó tôi bắt đầu học lớp năm tiểu học, ba tôi quen bà Bodil mà ba bảo tôi phải kêu bằng tata. Không có một thỏa thuận nào, dù thầm kín, nhưng tôi vẫn coi những buổi đi chơi nhà tata là việc hoàn toàn riêng tư giữa ba con tôi với tata, không liên quan gì tới mẹ, không cần kể với mẹ. Nhà tata lại hấp dẫn hơn, sẵn đồ chơi, nhiều phim hoạt họa, và có con chinchilla. Khi tata mua thêm con nữa thì hai con làm chuyện trống mái tự nhiên. Một lần, vuốt ve bồng bế con chinchilla mềm mại lù đù mãi cũng chán, tôi định xin ra ngoài đạp xe với lũ trẻ trong xóm. Mở cửa phòng ngủ, tôi thấy ba nằm chung giường với tata. Tata một tay kéo mền che ngực, tay vẫy tôi lại, mi một cái, rồi xua ra ngoài. "Người lớn không khác gì mấy con chinchilla," tôi nghĩ trong khi thả xe phăng phăng xuống giốc.

Khi tôi lớn ba ít rủ tới chơi nhà tata, nhưng tôi biết hai người vẫn đi lại mật thiết. Tôi cũng bắt đầu cảm nhận ra rằng mối liên hệ giữa ba và tata là một việc thầm lén, nhưng không có cam đảm mách mẹ, sợ mẹ rầy sao không nói sớm. Tôi bỏ qua câu chuyện một bên luôn. Ông nội tôi rất giầu, có để lại cho ba một hòn đảo riêng, trên có hai cái nhà nghỉ mát, có bến tầu riêng. Ba nói sẽ chia đôi, cho tôi một nửa, một nửa cho hai người anh cùng cha khác mẹ của tôi.

ĐỖ THÌ KÊNH G

VỀ QUÊ THƯA CHUYỆN CÙNG ĐẤT

(Cụ Bùi Giáng: *Tôi gọi Cần Thơ là cần thở.*)

Tôi gọi Hà Nội là hà nôi
Đan bằng máu thịt tổ tiên tôi
Từ nôi ấy nước Ngàn năm cười khóc
Và lớn khôn góp mặt với đời.

Tôi gọi Đồng Đăng là đồng đắng
Đắng thiệt mà, đắng quá Lạng Sơn ơi
Biên thùy xưa, núi xanh mây trắng
Kìa núi mây giặc Bắc bắt rồi.

Tôi gọi Biển Đông là biển động
Biển động rồi thuyền có biết hay không?
Biển càng động, thuyền càng cần to rộng
Mãi là ghe chỉ lóp ngóp ven sông.

Tôi gọi Bến Hải là bên hai
Hai bên bờ cây còn vết cháy
Sông vẫn chảy kìa sông vẫn chảy
Sông chở mình chứ sông chở ai.

Tôi gọi Thừa Thiên là thừa thiện
Thiện trong lòng, thiện chính là tâm
Ác gian kia chẳng bao giờ thắng thiện
Thiện như mưa, gặp đất, ôm chầm.

Tôi gọi Biên Hòa là biên hoa
Quê nhà ta từng tấc đất ra hoa
Đất quê ta cho ta hoa và quả
Quả đất nuôi, và hoa đất thơm ta.

Tôi gọi Long Xuyên là long xuyến
Gặp lại cô xao xuyến sóng sông lòng
Sóng luyến lưu vỗ ru bờ lưu luyến
Cô phù sa tôi biết lòng cô trong.

Tôi gọi Vĩnh Long là vĩnh lòng
Lòng tôi vĩnh viễn với long đong
Nước long đong, người long đong sao nỡ
Đôi bờ xa, nhưng nước mãi chung dòng.

Tôi gọi Cần Thơ là cần thở
Thở đi mà thở thở đất tôi ơi
Từng thớ đất, từng giọt sông nhớ nhớ
Thở đi mà thở thở nước tôi ơi.

Xuân Quý Mùi 2003

Mùa hè năm đó, ba hỏi mẹ có ra đảo chơi không, mẹ bận đi ăn thôi nôi con một gia đình Việt Nam. "Vậy anh đi với con Cecilia," ba nói, và sửa soạn lên đường ngay. Ba hối hả quẹo xe lên đón tata cùng đi. Tôi thấy tata làm tóc mới và diện quần áo đẹp, trông trẻ trung như một cô gái. Đi hơi vội, nên mặc dầu mẹ có chuẩn bị đồ ăn cho cha con, nhưng lại quên nhét theo cái áo thung của mẹ. Tôi có cái tật phải kề mũi vào cái áo thung có hơi mẹ mới ngủ được, dù đã mười lăm mười sáu tuổi đầu. Tối hôm đó, không có cái áo thung, tôi nằm trằn trọc hoài, nghe con thuyền va kềnh kệch vào cầu tầu. Mặt trời không chịu lặn, mấy con hải âu cũng không chịu đi ngủ, cứ kêu réo ngoài ghềnh. Cuối cùng tôi nghĩ ra một điều: tôi đổi sang cái phòng ngủ bữa trước mẹ nằm, có thể còn hơi mẹ. Phòng này sát vách phòng ba và tata. Qua vách gỗ, tôi nghe rõ hai người trửng dỡn bên kia và trong những lời trửng dỡn có câu nói của ba "Giết vợ để lấy em, anh cũng sẵng sàng!" Tôi giật mình.

"Nếu không lấy được em, anh thà chết dưới hồ này!" Gunnar cột giây buồm, lại ngồi bên tôi, nói.

Hai người đàn ông quan trọng nhất trong đời tôi, người thì đòi giết vợ để đi phiêu lưu, người thì đòi chết nếu không được gắn bó. Bề nào chăng nữa, tình yêu của họ là giông bão, hủy diệt. Lòng tôi không yên ổn. Một lần nữa tôi trì hoãn:

"Vậy mình sang bên kia hồ đi, Gunnar nhé!"

Tôi nhích sang bên, nhường tay lái cho anh. Dãy núi bên kia thấp nhô trên đám mây như con tầu khổng lồ trôi trên sóng bạc.

Thuyền buồm băng qua hồ và trở về bình an; như thường lệ. Sự bình an này trước nay tôi không để ý. Thấy tôi về mẹ ôm chầm lấy mà khóc:

"Con đi đâu vậy? Ba bị bệnh vô nhà thương rồi!"

"Ba bị gì vậy, mẹ?" tôi hoảng hốt.

"Mẹ không biết. Ba mẹ đi phố về, ba kêu mệt đi nằm. Mẹ làm bếp xong vào phòng coi ba thì nghe ba ú ớ, rồi im luôn, mẹ hỏi, lay không trả lời. Mẹ kêu xe cứu thương..."

Chúng tôi vào nhà thương, thấy ba đã tỉnh, nhưng sút hẳn người đi, như bệnh từ nhiều tháng nay. Mẹ khóc, vuốt vuốt những chấm đỏ trên mu bàn tay ba, nói:

"Bác sĩ nói sao, ông?"

"Ung thư máu."

"Ông ơi! Ông đừng chết nghe!"

Nhìn ánh mắt mẹ khi đút xúp cho ba, nhìn nụ cười của mẹ khi cắt móng chân cho ba và đưa bàn chân ông lên mũi hửi, tôi thương mẹ quá, và hối hận xưa nay coi bà Bodil là tata.

Bà Bodil cũng biết tin dữ. Bà ngang nhiên vào thăm ba như một người thân. Mẹ hỏi ba:

"Ai vậy, ông?"

"Người quen."

"Quen ra sao? Sao chưa bao giờ tôi gặp mặt?"

Mặt ba sượng trân, trông rất kỳ cục, tránh nhìn mẹ, quay sang tôi, như cầu cứu. Tôi không hiểu sự cầu cứu đó có nghĩa gì - tôi nói ra sự thật giùm ba hay giấu biệt. Cuối cùng, chán ngán sự giả dối, tôi kể hết sự thật cho mẹ nghe khi chỉ có hai mẹ con ở nhà. Mẹ nghe một cách bình tĩnh khiến tôi phát sợ. Tôi giấu không nhắc câu nói "Giết vợ để lấy em anh cũng sẵn sàng." Bởi vì tôi biết nếu tôi nói ra mẹ có thể chết được, không cần ai giết.

Hôm sau chúng tôi lại chạm mặt bà Bodil trong nhà thương. Mẹ nhịn nhục không nói gì. Ngược lại bà Bodil còn khiêu khích:

"Ở đây dư một người đàn bà!"

Mẹ không mau mồm miệng như người ta, không biết trả lời sao cả. Lúc đó bà Bodil ngồi trên ghế kê sát giường bệnh, mẹ đứng cuối giường, tay xách giỏ đồ ăn. Tôi nắm tay mẹ để xác định vị trí của mình, nói:

"Người dư là bà!"

Mẹ xiết chặt tay tôi hơn nữa. Bodil không ngờ phản ứng của con bé mà lâu nay bà tưởng đặt lòng trung thành nơi 'tata' hơn người mẹ ngoại quốc.

"A! Thì ra rau nào sâu nấy!" Bodil nói giọng khinh khỉnh, tay nắm tay bệnh nhân, tay vuốt mái tóc hoa râm của ông.

Tôi cho rằng chỉ mẹ tôi mới có quyền vuốt tóc ba. Tôi định tiến tới kéo tay Bodil ra, nhưng mẹ biết ý, trì tay tôi lại, nói:

"Để cho ba con yên!"

Rồi mẹ kéo tay tôi ra ngoài hành lang, ngồi chờ. Chờ cho tối mịt bà Bodil vẫn không ra, mẹ xách giỏ cơm đi về.

Sáng hôm sau, xảy ra một điều không bao giờ mẹ chờ đợi — ba yêu cầu mẹ ký giấy xin ly dị.

Mẹ và tôi theo Công giáo, ba theo Quốc giáo Tin lành. Hơn nữa mẹ tôi là người đàn bà Việt Nam xưa cũ. Tôi biết rằng mẹ dễ dàng chấp nhận cái chết nhưng không bao giờ chấp nhận và tưởng tượng có ngày mình phải ly dị. "Chồng bỏ mình cứ bám lấy, bỏ được sao?" Mẹ lý luận như thế đó. Mặc dù thống kê nói cứ một trăm cặp lấy

nhau thì có gần năm chục cặp thôi nhau, mẹ thường nói rằng năm mươi phần trăm đó rơi béng đi nơi khác, không bao giờ rơi vào giữa mẹ với ba.

"Ly dị à?" mẹ ngẩn ngơ. "Sao ông không chờ khỏe đã?"

"Bà thông cảm cho tôi," ba thiểu não.

Mẹ cầm cây bút có huy hiệu quen thuộc ngân hàng của ba.

"Mà tôi đã làm gì nên tội?" mẹ khóc.

Tôi cực kỳ bối rối. Vừa thương mẹ vừa thương ba. Nhưng hình như tôi lo sợ ba chết quá đến nỗi quên nỗi đau đớn của mẹ, quên tức cho sự khờ dại nhu nhược của mẹ. Và dường như chính mẹ cũng quên nỗi đau đớn của mình, hoặc không lường được tầm quan trọng của ngòi bút sắp sa xuống. Như một cái máy, mẹ nức nở đặt bút xuống tờ giấy:

"Xưa ông đã ký bảo đảm cho tôi là người lương thiện!"

"Kìa ba! Kìa má!" tôi rên rỉ, trong tuyệt vọng.

Ba làm như không nghe, không thấy. Ba quay mặt vào tường. Dường như ba cũng đau lòng, nhưng không đau lòng đủ để đổi ý, cản má lại. Tôi tưởng tượng nếu bây giờ má đau lòng mà chết, ba cũng lừng lững mà đi con đường của mình. Có phần nào thật trong câu nói ghê gớm của ba. Của đàn ông!

Má ký xong, oà khóc chạy ra ngoài, tôi theo dìu má ra xe.

"Mẹ để con lái xe cho," tôi nói.

Trên đường về, tôi cứ bị ám ảnh vì câu nói của ba "Giết vợ để lấy em anh cũng sẵn sàng." Người như ba, nhu nhược ngay trong tình yêu, chắc không giết ai được; nhưng ông giết niềm tin của tôi vào tình yêu.

Suốt thời gian ly thân, mẹ như sống trong mơ, cứ tưởng ba sẽ đổi ý. Lâu lâu mẹ lấy quần áo sạch của ba đem giặt, ủi, xếp ngay ngắn. Mẹ làm chả giò bỏ tủ đá chờ ba về bất ngờ. Đêm mẹ không khóa cửa, ngày đi làm để chìa khóa nhà trong thùng thư. Mỗi tối mẹ bắt tôi quỳ trước bàn thờ cầu nguyện, xin Chúa can thiệp soi lòng soi dạ cho ba hồi tâm. Nhưng ba không quay lại. Ba nhất định ly dị.

Ly dị xong, ba làm lễ cưới với Bodil liền. Trên giường bệnh. Lễ cưới xong, Bodil không tới nhà thương nữa.

Một tuần sau, ba chết trong tay mẹ.

Bà quả phụ Bodil chỉ xuất hiện để nghe luật sư công bố chúc thư. Theo di chúc, hòn đảo của gia đình chia hai, một nửa phía nam với nhà nghỉ mát trên đó thuộc hai người anh cùng cha khác mẹ với tôi, nửa phía bắc cũng có nhà nghỉ mát và bến tầu thuộc về người vợ chính thức hiện tại, Bodil. Biệt thự mà ba mua để ở với Bodil trong những tháng cuối đời thuộc về bà, đương nhiên, vì đứng tên bà. Mẹ con tôi được tiếp tục ở và làm chủ ngôi nhà bờ hồ.

Ba mất được ba tháng thì bà Bodil đi lấy chồng khác, nghe đâu hôn lễ cũng cử hành trên giường bệnh. Người hằng ngày ra thắp nến trước mộ ba là má. Tôi giận ba không thắp nến, má nói "Ở Trên Đó cái lòng người ta không như dưới dương thế này nữa đâu con ơi." Tuy bị ruồng rẫy mẹ định để tang chồng ba năm. Trong thời gian để tang, mẹ không son phấn, và rất giữ gìn trong việc giao thiệp với đàn ông. Mỗi lần ông thuyền trưởng tới, mẹ bắt tôi ngồi cạnh. Lần đầu tiên thấy mặt người đã đeo đuổi mẹ mình trước khi mình ra đời, tôi có cảm giác rất lạ. Như là tôi nằm trong bụng mẹ mà dòm ra thế giới. Lạ lùng hơn nữa là tôi thấy gần gũi ông ngay, như một người cha.

Tôi bưng cà-phê ra, ông nhìn một cách thân ái, nói cám ơn. Cái nhìn của ông dành cho tôi khác hẳn cái nhìn trước đây ba dành cho chị Lên, mặc dù tình cờ ông ngồi đúng cái ghế da ba ngồi. Còn mẹ ngồi trên cái ghế chị Lên ngồi hôm đó. Tôi định bỏ vào bếp thì bị mẹ kéo lại ngồi kề bên. Miễn cưỡng tôi phải 'làm chứng' cho một lời tỏ tình:

"Tôi sắp về hưu," ông ngập ngừng. "Ước nguyện duy nhất của tôi là được nắm tay bà đi vòng quanh thế giới những năm còn lại."

Tôi nhìn hai bàn tay ông đan nhau để trong lòng, và mường tượng hai mươi lăm năm trước chúng đan 'cái giỏ thơm' để chờ đợi. Tưởng chờ vài tiếng mẹ đi học về đã đủ, lại chờ một phần tư thế kỷ. Bây giờ ông vẫn đan tay chờ đợi.

Mẹ lặng đi hồi lâu, mặt đỏ hồng không son phấn. Tay mẹ vò chéo áo không vắt xổ. Mẹ cố lấy giọng bình thản:

"Ông đi đây đi đó cả đời chưa thỏa sao?"

"Đi một mình có tới đâu đâu..."

Thấy câu chuyện tới hồi đậm đà, tôi gỡ tay mẹ, khoác áo ra khỏi nhà. Tôi xuống bờ hồ ngồi trên tảng đá quen thuộc nhìn sang bên kia. Đám mây thiên thu như xây bằng cẩm thạch. /.

GIAI THOẠI NGOẠI GIAO NĂM 2002

TỪ TRÌ

Cũng như các năm trước, các nhà ngoại giao trên thế giới trong năm 2002 đã để lại nhiều giai thoại lý thú. Vì những câu nói ngớ ngẩn hay những lời tuyên ngôn bừa bãi lắm vị đã trở thành trứ danh, được các giới truyền thông đàm tiếu sôi nổi và đôi khi lại còn làm phương hại tới quyền lợi của chính nước họ. Hơn nữa, các nhà ngoại giao dù ở cấp bậc cao quý đến đâu chăng nữa vẫn là những con người, với đủ hỷ, nộ, ai, lạc nên nhiều khi có những hành động "bốc đồng" làm người khác ngạc nhiên.

Tuyên bố ngớ ngẩn: Nhiều nhà ngoại giao có những câu tuyên bố ngớ ngẩn nếu không là ngây thơ khiến người nghe phải phì cười.

Có lẽ Tổng Thống Hoa Kỳ George W. Bush phá được kỷ lục về kiểu tuyên bố không giống ai này. Vào tháng Năm, khi ông sang viếng thăm chính thức nước Nga, để tỏ ra rằng ông thân thiết với Tổng Thống Nga Vladimir Poutine, ông Bush đã tuyên bố rằng ông: "Thấu hiểu được tâm hồn ông Poutine vì ông bà Poutine cũng biết yêu con gái của mình như người Mỹ vậy."

Nhân dịp này trong một bữa tiệc khoản đãi vị Tổng Thống Mỹ tại điện Cẩm Linh, ông Poutine đã "chọc quê" ông Bush bằng cách nói đùa rằng: "Để làm món trứng cá (caviar) ngư phủ Nga bắt cá về mổ bụng lấy trứng rồi khâu bụng cá lại thả xuống sông." Mọi người trong bàn tiệc phá lên cười trong khi ông Bush vẫn nghiêm trang trả lời: "Ngư phủ Nga khéo tay thật!"

Mấy hôm sau, ông Bush sang Pháp để kỷ niệm ngày quân đội Mỹ đổ bộ lên vùng Normandie để giải phóng nước Pháp khỏi ách Đức quốc xã năm 1944. Cuộc viếng thăm này cũng trùng với "NgàyTưởng Niệm Liệt Sĩ" (Memorial Day) của Mỹ. Ông lại đại dột tuyên bố với báo chí rằng ông quên mất hôm đó là Ngày Tưởng Niệm vì theo ông "Khi người nào quá 55 tuổi thì không còn trí nhớ tốt nữa."

Phát ngôn bừa bãi: Nếu các lời tuyên bố ngớ ngẩn chỉ làm cho người ta tức cười thì những lời phát ngôn bừa bãi lại có thể có những hậu quả chính trị tai hại.

Trong cuộc bầu cử Tổng Thống Pháp vào tháng 4 và 5 vừa qua, bà Roselyne Bachelot, phát ngôn viên của ứng cử viên Chirac đã tuyên bố với tờ tuần báo Marianne rằng: "Ông Sharon, Thủ Tướng Do Thái là một tên đồ tể của hòa bình... Chính sách tiêu diệt dân Palestine của ông ta chẳng khác gì chính sách diệt chủng của Hitler ngày trước."

Ví một người Do Thái với Hitler, người đã tàn sát dân Do Thái trong cuộc Đệ nhị Thế Chiến, thật đúng là một cử chỉ nhục mạ quốc dân Do Thái. Trước phản ứng của Chính phủ Tel Aviv, ông Chirac đã phải ra lệnh cấm bà Bachelot không cho phép phát biểu ý kiến về vấn đề Trung Đông nữa. Tuy nhiên khi được tái đắc cử Tổng Thống, ông Chirac vẫn cử bà Bachelot làm Tổng Trưởng Bảo Vệ Môi Sinh.

Tai hại hơn nữa là lời tuyên bố vô trách nhiệm của bà Herta DaÄbler - Gmelin, Tổng Trưởng Tư Pháp của Đức. Vì Đức không đồng ý với thái độ hiếu chiến của Mỹ trong vấn đề Irak, bà DaÄbler - Gmelin đã tuyên bố rằng: "Tổng Thống Hoa Kỳ George W. Bush muốn tấn công Iraq để dư luận trong nước quên những khó khăn nội bộ của ông. Đó là phương pháp hành động mà Hitler đã xử dụng."

Trước sự bất bình của chính phủ Mỹ, Thủ Tướng Đức Gerhard Schruder đã phải viết thư xin lỗi ông Bush. Nhưng ông Bush thù dai không thèm trả lời. Hai tháng sau, khi Hội Nghị thượng đỉnh của Minh Ước Đại Tây Dương (OTAN hay NATO) nhóm họp tại Prague, thủ đô Tiệp Khắc, Tổng Thống Mỹ khi gặp ông Schruder ở ngoài hành lang chỉ lạnh nhạt bắt tay mà không cho tiếp kiến riêng.

Rút cục lại là bà DaÄbler - Gmelin bị mất chức Tổng Trưởng khi ông Schruder cải tổ nội các sau khi thắng cử trong cuộc bầu cử Quốc Hội Đức

Công du : Những cuộc công du của các nhà ngoại giao cũng là những dịp tạo ra nhiều giai thoại đáng chú ý.

Vào tháng 2, khi Quốc Trưởng Afghanistan Hamid Karzai sang viếng nước Mỹ, ông ăn vận rất là lịch sự : áo dài quốc phục hàng tơ nõn, mũ

lông thú Astrakhan, dày da hoẵng (daim) v.v... Ông được các bà lớn ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn đón tiếp nồng nhiệt. Và sau đó thời trang (mode) Karzai trở nên rất thịnh hành trong xã hội thượng lưu Mỹ.

Ngược lại, tân Thủ Tướng Pháp Jean-Pierre Raffarin lại cố tình ăn mặc xuyềnh xoàng khiêm nhượng. Khi ông đến thăm Thủ Tướng Anh Tony Blair vào tháng 9, tờ báo Time đã ca ngợi cái "lịch sự nhà quê" (chic paysan) của ông Raffarin.

Cũng vào tháng 9, ông Raffarin và phu nhân tới thăm Thủ Tướng Ý Sylvio Berlusconi. Hai ông bà được tiếp đón nồng hậu tại một biệt thự huy hoàng ở Porto Rodonto. Ông Berlusconi tặng ông Raffarin một cái đồng hồ đeo tay quí giá hiệu "Locman Nuovo" và bà Raffarin được một chiếc đồng hồ quí giá không kém hiệu "Diamond Tonneau" nạm kim cươnglấp lánh trị giá 5500 euros.

Trước kia ông thày cũ của ông Raffarin là cựu Tổng Thống Pháp Valéry Giscard d'Estaing chỉ vì nhận hột soàn của Tổng Thống Trung Phi Jean Bedel Bokassa mà bị báo chí phê phán chỉ trích đến độ bị thất cử năm 1981. Khiếp đảm trước giá trị của các món quà này và sợ sẽ bị như ông Giscard d'Estaing ngày trước, ông Raffarin khi trở về Pháp đã vội vàng đưa mấy cái đồng hồ ra khai ở nha thuế vụ.

Vào tháng 8, khi ông Vaclav Havel, Tổng Thống Tiệp Khắc, sang viếng thăm chính thức nước Pháp. Ông Đại Sứ Pháp và phu nhân ở Tiệp được tháp tùng trên chiếc máy bay riêng của ông Havel. Nhưng khi máy bay đáp xuống phi trường Paris thì bà Đại sứ không tìm thấy cái mũ của bà trong hành lý. Ông Đại sứ đã yêu cầu nha nghi lễ Bộ Ngoại giao Pháp can thiệp với chính phủ Tiệp để đòi bồi thường. Nhưng Bộ Ngoại giao Tiệp đã bác bỏ lời yêu cầu vô lý này.

Bị rắc rối với pháp luật : Trong năm 2002 có nhiều nhà ngoại giao bị rắc rối với pháp luật của chính nước họ hay của quốc gia sở tại.

Trước hết là vụ ông Jean-Pierre Castella, nguyên Tổng lãnh sự Pháp ở Alexandrie (Ai Cập) bị toà án Pháp truy tố về tội thông dâm với con trai vị thành niên (pédophilie). Khi khám xét nhà ông, cảnh sát tìm thấy một thiếu niên Ai Cập 16 tuổi đang chung sống với ông. Thì ra trong thời gian phục vụ tại Alexandrie từ năm 1995 tới năm 1999 ông đã "viện trợ" rất nhiều cho các gia đình địa phương và cũng được các gia đình này "trả ơn" cũng nhiều. Tuy nhiên phòng luận tội của Toà Thượng Thẩm Paris cho ông Castella được tại ngoại hậu tra.

Vụ thứ hai là ông Khaled Ben Said, phó Lãnh sự Tunisie ở Strasbourg, bị những người dân tỵ nạn nước ông kiện trước toà án Pháp về tội tra tấn tù nhân. Thật vậy, ông Ben Said trước khi được cử sang phục vụ tại Strasbourg đã giữ chức cảnh sát trưởng ở tỉnh Jendoba bên Tunisie. Ông đã để cho thuộc hạ tra tấn dã man những phần tử chống đối chính phủ Tunisie. Nhưng khi toà án Pháp khởi sự điều tra thì ông Said được biết trước đã cao chạy xa bay mất rồi.

Nghi lễ ngoại giao nhiều khi gây rắc rối làm cản trở hoạt động ngoại giao.

Vào tháng 10, Tổng Thống Áo Thomas Klestil đang sửa soạn vào hội kiến với Giáo Hoàng Jean-Paul II thì được Toà Thánh Vatican cho biết rằng theo nghi lễ của Giáo hội bà vợ mà ông mới cưới sau khi ly dị với bà trước sẽ không được Giáo Hoàng tiếp kiến. Ông Klestil bênh vợ, rỗi bỏ ra về, không đến gặp Giáo Hoàng nữa.

Nhưng ngược lại ông Mahathir Mohamad, Thủ Tướng Mã Lai lại quyết định gạt bỏ nghi lễ, đích thân tới con đường phố mang tên Pháp là Colmar street ở thủ đô Kuala Lumpur để dự lễ quốc khánh 14-7 của Pháp. Hôm đó, trái với nghi lễ thông thường, Thủ Tướng Mã Lai bằng lòng nghe hai bản quốc thiều La Marsaillaise của Pháp và quốc thiều Mã Lai. Ông làm như vậy để tỏ lòng hâm mộ nước Pháp.

Thân tình giữa các nhà ngoại giao: Nhiều khi tình thân thiết giữa các nhà ngoại giao bị thương tổn khi quyền lợi quốc gia của họ va chạm nhau.

Tháng 11 vừa qua, trong buổi họp thượng đỉnh của Hội Đồng Âu Châu, Thủ Tướng Anh Tony Blair, từ trước tới nay vẫn thân thiết với Tổng Thống Pháp Chirac, đã nặng lời chỉ trích ông Chirac, trách ông đã liên kết với Thủ Tướng Đức Schrỏder "cúp" tiền của Anh. Cả giận, ông Chirac đã "la" ông Blair trước mặt mọi người: "Ông ăn nói mất dạy! Từ trước tới giờ chẳng có ai dám nói với tôi những câu vô lễ như ông cả." Và ông Chirac quyết định hủy phiên họp thượng đỉnh Anh-Pháp được dự trù vào đầu tháng 12.

Sau đó các nhà ngoại giao Anh và Pháp nín thở chờ đợi phản ứng của ông Blair. Họ sợ rằng ông Blair sẽ dẹp bức hình cậu Leo, con trai ông, ra khỏi bàn giấy của ông, vì chính ông Chirac đã chụp và đề tặng ông Blair bức hình này.

Tuy ông Blair không dẹp bức hình nhưng ông

đã cố tình tiết lộ với báo chí vụ cãi lộn nói trên để cho mọi người biết có sự bất đồng ý kiến giữa hai nước. Và báo chí Anh không ngớt lời đả kích ông Chirac.

Vụ cãi lộn này làm người ta liên tưởng tới vụ cãi lộn tương tự cách đây 15 năm giữa ông Chirac và bà Thatcher. Khi ấy ông Chirac còn làm Thủ Tướng Pháp. Ông đã đụng độ với bà Thatcher, Thủ Tướng Anh. Cũng như ông Blair bâygiờ, bà Thatcher cho rằng nước bà cho Liên Hiệp Âu Châu rất nhiều mà chẳng được bao nhiêu nên trong một buổi họp của Hội Đồng Âu Châu bà cứ lải nhải đòi tiền ("I want my money back"). Chịu hết nổi, ông Chirac tính hay văng tục, nói tới bộ phận sinh dục của ông khiến cả hội trường phải phát ngượng. Một phụ tá ngồi bên ghé vào tai bà Thatcher dịch câu nói của ông Chirac sang tiếng Anh. Bà đỏ mặt mắc cỡ, xong lại tiếp tục đòi tiền.

Nhưng rồi bà Thatcher cũng không giận ông Chirac mà còn thân thiết với ông nữa vì hai người cùng có chung ý thức hệ hữu khuynh.

Năm nay ông Blair cũng vậy. Tuy thuộc tả phái (xã hội) nhưng ông cũng không giận ông Chirac. Đến cuối tháng 11 khi ông Chirac "lên lão" 70, ông Blair còn đặc biệt tặng ông Chirac một cái bút máy "Churchill" và lại còn viết một bài báo bằng tiếng Pháp đăng trong tờ Paris Match ca tụng ông Chirac, khen ông là một "vĩ nhân" của thế giới!

Giai thoại cuối cùng trong năm 2002 là do Thủ Tướng Thụy Điển Persson tạo ra.

Trong kỳ họp của Hội Đồng Âu Châu vào tháng 12 ở thủ đô Đan Mạch Copenhague, nhân lúc ngừng họp, ông Chirac ra ngoài hành lang lấy điện thoại di động ra gọi. Thấy ông Chirac dùng cái máy hiệu Nokia cổ lỗ, ông Persson chạy tới nói đùa:

"Cái máy của Ngài cổ lỗ sĩ như từ thời ông cha chúng mình đã dùng vậy! Để tôi biếu Ngài một cái máy Ericsson hiện đại nhất." Thì ra ông Persson vừa nói đùa vừa muốn quảng cáo cho kỹ nghệ nước ông vì máy Ericsson là máy của Thụy Điển. Trước câu đùa "vô duyên" này ông Chirac tức quá quên cả nói tục.

Như vậy chúng ta có thể kết luận rằng nghề ngoại giao cũng lắm công phu./.

CUNG VĨNH VIỄN

Thời Gian

thấp thoáng như là chiếc bóng câu
hay như dòng nước chảy chân cầu
ví von như thế mà chua xót
sương tuyết phôi pha trắng mái đầu

rồi làm như rất đỗi ngậm ngùi
rót nhgiêng chai rượu để quên thôi
mà đâu có nhớ gì tha thiết
năm tháng ơ hờ năm tháng trôi

buồn tay lại giở vài trang sách
đọc dăm cái tựa muốn buông rơi
những tâm tình cũ nghe xa vắng
cung nhạc năm xưa cũng rã rời

đôi khi cảm thấy hình như cũng
đã khá lâu rồi chẳng gặp ai
như con ốc nhỏ thu mình lại
trằn trọc đêm thâu tiếng thở dài

thì ra vẫn nghẹn ngào tâm sự
cuối cùng ta trốn được ta đâu
thời gian, những giọt cường toan ấy
ngọc nát châu chìm mấy bể dâu.

LẨN THẨN CHUYỆN DÊ

TRẦN QUÁN NIỆM

Thủa thanh bình xa xưa, ngày Xuân nơi làng mạc, thôn xóm, già trẻ trai gái tấp nập trẩy hội đình, hội chùa. "Tháng Giêng là tháng ăn chơi, tháng Hai cờ bạc, tháng Ba hội hè." Những trò vui trong ngày Xuân, không thể thiếu những trò sát phạt đỏ đen, nhưng cũng còn những thú giải trí tao nhã như đánh cờ người, đánh đu, đánh vật, bơi thuyền, đố chữ, hát bài chòi v.v. Nhân dịp này, các gánh cải lương, hát bội cũng hốt bộn bạc vì đồng bào ta còn có thú bói tuồng đầu năm, mong gặp chuyện tốt lành, vui tươi. Do đó các chàng hề tha hồ chọc cười thiên hạ cho vui vẻ cả làng. Khi chữ quốc ngữ phổ thông, báo chí ra đời rầm rộ, hàng năm giai phẩm Xuân tràn ngập sạp báo, trang bìa đầy mầu sắc tươi đẹp, in hình các giai nhân tươi như hoa, hoặc các cô ca sĩ xinh như mộng, hoặc cành mai, cành đào rực rỡ, in bao nhiêu bán cũng hết.

Nơi hải ngoại cũng vậy. Sau ít năm đầu định cư, báo chí Việt ngữ không có là bao, nay đời sống tương đối ổn định, báo chí phát hành không sao đếm xuể. Đồng bào đi chợ Tết, sau khi mua sắm vật thực ê hề, thế nào cũng bỏ ra vài đồng mua một tờ báo Xuân (hoặc hà tiện hơn thì lượm báo phát không) để thưởng thức lúc trà dư tửu hậu trong ba ngày Tết. Ấy là chưa kể báo biếu, đặc san do các tôn giáo, hội đoàn phát hành, không biết cơ man nào mà kể.

Cầm tờ báo về nhà, nhẩn nha đọc từng trang, cũng thấy thú vị. Bài nào cũng nói về Xuân về Tết, sao hợp tình, hợp cảnh quá chừng. Nào báo này xông đất báo kia, nào chuyện nấu bánh chưng đêm ba mươi và thức rình kẻ trộm, chuyện đi lễ chùa đầu năm, xin xăm, hái lộc. Hết chuyện Tết năm nay, lại đến chuyện Tết năm xưa. Đặc biệt có hai mục không thể thiếu là sớ Táo Quân, tổng kết tình hình trong năm và bài nói về con giáp sắp tới. Thôi thì đầu cua, tai nheo, chuyện xấu, chuyện tốt của con giáp được lôi ra cho bằng hết hầu mua vui cho độc giả. Độc giả phục lăn các ông các bà nhà văn, nhà báo chữ nghĩa tuôn trào lai láng. Ít ai ngờ rằng trước đó vài tháng, khi tiết trời còn lạnh buốt, các ông các bà đó đã cặm cụi nặn óc nói láo ăn tiền, tưởng tượng hão huyền, ăn Tết giả bộ, kiếm đề tài viết cho đầy trang báo. Bụng lép kẹp mà vẽ ra cảnh bánh mứt, cỗ bàn thịnh soạn. Rét run hừ hừ mà làm thơ ca ngợi cảnh Xuân đầm ấm, hoa đào đua sắc, chim chót hót ca. Viết xong nộp cho ông bà chủ báo, chờ lúc báo lên khuôn, phát hành đầy sạp, đợi chủ báo tính toán lời lỗ, phát cho chút tiền còm, để các vị nhà văn, nhà báo hào hoa, nhưng luôn luôn... đói, chạy vội ra chợ Tết... tàn, mua ít cân mứt ế, vài chai rượu rẻ về nhà ăn Tết... muộn.

Kẻ viết bài này cũng thế, mấy tháng trước Tết đã lục tìm ký ức, vào thư viện kiếm tài liệu. Viết xong, hí hửng đem khoe người yêu chờ nàng cho ý kiến. Ai ngờ vừa liếc qua cái đề, nàng đã ban cho cái nguýt dài thoòng và một câu xanh rờn: "Xí, thiếu gì chuyện mà bầy đặt viết chuyện dê

cho người ta chửi." Chưng hửng một giây mới vỡ lẽ ra rằng nàng tưởng chuyện dê xồm, dê gái bậy bạ, ai ngờ đây là chuyện dê chính thống. Thế mới biết hình ảnh con dê xấu xa đã in đậm nét trong đầu óc người dân Việt từ lâu.

Của dê và người (of goat and man)

Thật vậy, loạng quạng chọc gái, không may trúng nhằm con mụ đanh đá, chua ngoa lại không chịu đèn, thế nào cũng được nghe một tràng "mỹ từ" đồ dê xồm, đồ 35 con dê, đồ già dịch, đồ già dê, đồ dê cụ. Hình ảnh con dê được gắn liền với hình ảnh xấu xa đồi bại. Thật ra dê có làm gì nên tội. Nó chỉ thi hành phận sự thiêng liêng cao cả Thượng Đế giao phó cho nó là truyền giống để bảo tồn giòng họ nhà dê. Có tội chăng chỉ vì nó thi hành một cách hăng hái, nghiêm túc, đều đặn quá, lại diễn ra nơi thanh hiên bạch nhật, đồng đều cho cả đàn dê cái. Nếu nó khéo biết che đậy môi miếng như loài người, chắc chẳng bị miệng đời bêu riếu như thế đâu. Xã hội loài người càng văn minh càng bầy đặt nhiều lễ nghi rườm rà, lấp liếm. Con người càng giầu có, trưởng giả càng no cơm rửng mỡ. Sau lớp vỏ đạo đức hào nhoáng bên ngoài, bầy biết bao trò trụy lạc hơn ai hết.

Ngày thì quan lớn như thần
Đêm về quan lớn tần mần như ma

Cô nàng kia vừa đi chơi hai tuần trăng mật ở Đà Lạt, Nha Trang hay Bemuda, Hawai về, bạn bè xúm lại hỏi thăm thì chỉ nghe nàng líu lo, nào biển xanh lắm, mây trắng lắm, nào cưỡi ngựa, nào bơi thuyền, nào chơi golf, ăn uống suốt ngày thật là thú vị, rất ngây thơ trong trắng. Có ai cấc cớ đòi xem ảnh trăng mật thì nàng hớn hở lôi ngay trong bóp ra một xấp hình. Đừng vội mừng và hồi hộp nghe. Không có ảnh chụp trong phòng đâu, toàn cảnh trời mây non nước vô tội vạ không à. Thế mà cả người xem lẫn chủ nhân đều xuýt xoa, đều tấm tắc, đều hể hả. May mà con dê nó không biết nghe tiếng người, chứ không nó cũng cười đến vỡ bụng, hoặc bể cái đầu vì không biết loài người muốn gì. Vài tháng sau nàng ôm bầu một bụng chình ình (chắc vì tắm biển, uống nhiều nước). Thế là thiên hạ lại nhào tới chúc tụng, tặng quà tíu tít.

Trường hợp này là trường hợp của nàng thiếu nữ có cưới xin đàng hoàng, có gửi thiệp, và bà con thân thuộc được ăn tiệc tại tiệm cao lầu. Ngược lại, nếu nàng âm thầm cái bụng một ngày một bự, thì thiên hạ tha hồ bàn ra tán vào, phê phán, đàm tiếu khiến cha mẹ nàng xấu hổ, còn nàng cũng phải trốn đi xứ khác mới xong. Ấy là chưa kể ngày xưa tập tục khắt khe hơn, cha mẹ bị đóng trăn, phạt vạ, cô gái bị gọt gáy bôi vôi, thả bè chuối trôi sông nữa kìa.

Rõ hay nhỉ. Cùng là một sự chửa đẻ, mà tốt cũng nó, xấu cũng nó. Chung qui chỉ do tục lệ, miệng lưỡi thế gian mà ra. Trong kho tàng ca dao, một tác giả vô danh có câu ngạo đời rằng:

Không chồng mà chửa mới ngoan
Có chồng mà chửa, thế gian sự thường

Tuy nhiên bá nhân, bá tánh. Có người chê, cũng có kẻ khen. Đám này là đám bợm nhậu, đám đàn ông sồn sồn, choai choai. Thấy khả năng tình dục của dê tuyệt diệu quá, sau khi tự so sánh ngầm, họ bèn sinh lòng kính phục. Từ kính phục đến tôn vinh chẳng bao xa. Dê được gọi là Ông Thầy. Tuy nhiên Ông Thầy giỏi phần thực hành và dở phần lý thuyết, chẳng chỉ bảo cho ai được bí quyết gì, nên đám fans bèn hạ thịt Ông Thầy ăn cho nên thuốc. Hai hòn bi được cung kính gọi là ngọc dương và chiếu cố tận tình. Theo sách ẩm thực của Tầu, thịt dê tánh nhiệt, bổ thận, cường dương. Dê được chế biến thành dê bẩy món, nào nướng lửa, nào bóp thính, nào tái chanh, giả cầy, thịt luộc, cà ri v.v. Cái món tiết canh cũng hấp dẫn đáo để. Cầu kỳ hơn nữa, Tầu có món dê hà nàm (bào thai dê) hầm thuốc Bắc, ăn vào cam đoan đại bổ. Ăn thịt dê để được "dê" không phải hoàn toàn vô căn cứ. Nó bắt nguồn từ tập tục xa xưa, hồi con người còn bán khai, chiến sĩ các bộ lạc, mỗi lần xung trận đều có tục lệ ăn gan uống máu quân thù, tin tưởng rằng làm như vậy họ thụ hưởng được sự can đảm, hiếu chiến, khỏe mạnh của chiến sĩ địch. Ngày nay thì "Ăn gì bổ nấy."

Các bà các cô tuy ngoài mặt làm bộ không thích mấy thằng cha có máu dê, nhưng lại khoái món sữa dê. Rửa mặt bằng sữa dê, hoặc làm kem đắp lên mặt, khiến da mặt mịn màng tươi trẻ, lỗ chân lông nhỏ lại. Việt Nam không nuôi nhiều dê, họa chăng chỉ có mấy anh chà và chăn dê, sáng sáng lùa dê đi ăn cỏ và giao sữa từng nhà, một chai nhỏ xíu mà giá đắt quá trời, nên chỉ có các vị phụ nữ nhà giầu mới dám đụng tới để dưỡng da. Ngoại trừ thời mồ ma Đệ Nhất Cộng Hòa, bà cố vấn mới dám mua sữa đổ đầy bồn tắm rồi ngâm cả tấm thân ngà ngọc trong đó. Việc bà cố vấn tắm sữa dê hay sữa bò hàng ngày chẳng làm bận tâm đám quần chúng cho lắm, vì nhà vua, tiền của dư thừa, muốn gì chẳng được. Cho tới khi có tin đồn từ dinh Bà vọng ra là sữa dùng rồi, thay vì đổ đi, đám gia nô tiếc của, vô chai bán rẻ ngoài thị trường, lọt tới cả những nhà hàng sang trọng như Givral, Continental, La Pagode. Tin này

không rõ thực hư (hay do tên thối mồm nào loan nhảm) nhưng cũng làm đám nghệ sĩ hay tụ họp đấu láo tại mấy nơi này, giật mình thon thót mỗi khi gọi món sữa tươi, chỉ sợ vô tình thằng chà và phải gió, lười biếng khi vắt sữa bỏ sót vài sợi lông... dê đen nhánh trong đó.

Đặc tính loài dê

Ngoài cái khả năng thiên phú gây nhiều mâu thuẫn trong dư luận loài người như vừa nói, dê còn có đặc tính gì nữa không? Khoa tử Vi Tây Phương cũng chia 12 con giáp, tuy nhiên con giáp Tây Phương không căn cứ trên năm sanh, mà căn cứ trên tháng sanh. Ngày sinh của bạn trong khoảng từ 20 tháng 3 đến 19 tháng 4, bạn cầm tinh con Aries, dịch là Dương Cưu hay Miên Dương (con cừu). Nếu sinh từ 22 tháng 12 đến 19 tháng 1, bạn cầm tinh con Capricorn, dịch là Nam Dương (con dê). Theo từ điển Webster, caprice, capricious có nghĩa bất chợt, bất thường, không đoán trước được. Đó chính là đặc tính của dê (Webster không thấy nói đến máu dê). Nó lăng quăng hiếu động, nhẩy nhót bất thường. Hồ Xuân Hương cũng có nhận xét tương tự, khi dùng hình ảnh sau đây để diễn tả dám thiếu niên lấc cấc, choai choai ưa chọc gái, trẻ không tha, già không bỏ.

Ong non ngứa nọc châm hoa rữa
Dê cỏn buồn sừng húc dậu thưa

Theo văn hào Alfonse Daudet, con dê của ông Seguin là một chú dê non, hiếu thắng lại thêm tính tình bướng bỉnh ngoan cố, thích gì phải làm cho bằng được. Chả thế mà, dù ông Seguin cưng chiều, cho ăn cỏ non, uống nước mát, chỉ được vài ngày, chú dê đâm chán. Nhìn xa xa có ngọn núi cao ngất, chú nổi tính phiêu lưu vặt, nhất định đòi lên đó dạo chơi, dù ông Seguin cảnh cáo là mấy con dê ông nuôi khi trước cũng đòi lên núi rồi bị chó sói ăn thịt. Đã không sợ thì chớ, con dê hiếu thắng nhất định bứt dây cho bằng được, phóng lên núi, dù biết rõ tai họa đang chờ. Quả nhiên tối đến, sói tới. Dê chiến đấu với sói suốt đêm. Trời sáng, dê biết mình cũng thừa can đảm chống cự với sói như những con dê khác, mới đành chịu chết thảm trong hàm răng sói. Tuổi trẻ loài nào cũng thế.

Đặc tính khác của dê là mức sinh sản vô địch. Đàn dê vài chục con cái và một con đực, chỉ cần vài năm là dân số dê tăng vọt gấp bốn, năm lần. Chị dê đẻ sòn sòn, cứ sáu tháng một lứa, hết lứa này đến lứa khác, mỗi lứa mấy con. Những chú dê bé bé thật dễ thương, tối ngày chạy giỡn, trò chơi thích thú nhất là nhẩy quẫng lên, rồi đứng thẳng lưng, đi bằng hai chân sau, hai chân trước chờn vờn như người đánh box, rồi phóng vào nhau, húc đầu nghe côm cốp. Dê chịu đựng mọi khí hậu, ăn gì cũng được, từ cỏ non đến cây gai, nên đâu đâu trên mặt địa cầu cũng có dê. Khắp thế giới có khoảng 375 triệu dê (năm 1991). Ấn Độ chăn nuôi 65 triệu, Trung Hoa 55 triệu, Turkey và Nigeria mỗi nước 20 triệu, Iran 18 triệu, Mỹ 4 triệu, số còn lại rải rác các nơi. Ngay hải đảo Hoàng Sa (VN), một hoang đảo không cao quá mặt biển vài mét, do san hô chồng chất lên mà thành, đảo không có đất, chỉ có san hô vỡ vụn ra và phân chim, trên đảo loe ngoe. Ít cây gai, như loại xương rồng, cằn cỗi èo uột, thế mà đàn dê của bà cố vấn giao cho tiểu đội Thủy Quân Lục Chiến chăn nuôi, cũng sinh sôi nẩy nở. Khi bà cố vấn hết thời, đám Thủy Quân Lục Chiến, ngả thịt đánh chén dần, mãi mà không hết. Dê cái mắn đẻ đã đành, nhưng nếu ai nói dê đực cũng đẻ, bạn có tin không?

Chuyện dê đực đẻ con

Dưới triều nhà Hán, trung thần Tô Vũ làm phật ý vua vì lời can gián quá thẳng, nên bị đầy lên miền tuyết lạnh chăn một đàn dê đực, hẹn bao giờ dê có con mới được về (có nghĩa đi đầy suốt đời đấy). Tô Vũ chịu khó chăm sóc đàn dê cả chục năm, chẳng thấy dê đực có con, mà Tô Vũ lại có con. Số là nơi miền tuyết giá hoang vu, lạnh lẽo cô đơn quá, Tô Vũ bèn lấy một chị đười ươi. Ăn ở với nhau trong hang núi có được hai con. Lúc này nhà vua đã hồi tâm, tha tội cho Tô Vũ và cho thuyền lên rước về. Thuyền đi trên sông, chị đười ươi ôm con chạy theo khóc lóc thảm thiết, mà Tô Vũ chẳng động lòng, nhất quyết dứt áo về xuôi. Ôi tình người và tình thú, ai thú ai người. (Tuy sử sách chép là Tô Vũ lấy vợ đười ươi, nhưng thiết nghĩ đây chắc là cô sơn nữ của một bộ lạc bán khai nào đó). Thời cận đại, có biết bao chàng Tô Vũ miền xuôi, bị đổi lên làm việc nơi mạn ngược, dùng lời lẽ ngon ngọt chải chuốt, khiến các cô sơn nữ mê mẩn, lấy vợ đẻ con đùm đề. Tới khi mãn hạn, chàng rũ áo về thành bỏ lại các nàng sơn nữ đau khổ nơi núi rừng.

Việt Nam cũng có chuyện dê đực đẻ con. Tương truyền khi Trạng Quỳnh chào đời, vị quan chiêm nghiệm thiên văn của triều đình, nhìn về phương Quỳnh sinh trưởng thấy vượng khí bốc lên, lại thấy một ngôi sao sáng rực rỡ, đoán là phương ấy có nhân tài ra đời, bèn tâu vua. Vua sợ

thiên hạ có người tài, có thể cơ nghiệp của mình sẽ lung lay bèn tìm kế, kiếm cho ra người đó, nếu thấy nguy hiểm thật sự thì giết đi để trừ hậu họan. Nếu sai quân truy lùng, rất có thể người tài tìm kế ẩn mình, hơn nữa lại làm kinh động đến dân chúng, vị quan bèn hiến một kế thần diệu. Vua cho lệnh phát cho một số làng tình nghi có nhân tài xuất hiện, mỗi làng một con dê đực, hẹn trong vòng ba năm dê đực phải có con, nếu không cả làng sẽ bị tội. Gần đến ngày hẹn, dê cứ ì ra, chẳng chịu chửa đẻ gì cả, hội đồng hương chức lo sốt vó, không biết làm sao. Lệnh vua ra rõ ràng, lo mơ là có tội nặng chứ không phải giỡn. Thấy thế Quỳnh xin với hương chức trong làng cho phép đi trình vua về lệnh quái đản nói trên. Ngày nọ biết vua đi chơi ngoài thành, Quỳnh bèn nằm trốn dưới gầm cầu nơi vệ đường. Khi đoàn quân đi ngang, Quỳnh khóc rống, quân lính bắt lên tra hỏi. Vua thấy xôn xao, truyền lệnh dẫn thằng bé đến trước kiệu. Quỳnh mếu máo thưa: "Mẹ con mất sớm, con thích có em bé, nhưng đợi mãi không thấy cha con đẻ, con buồn nên con khóc." Vua phì cười: "Sao mày ngu thế, đàn ông làm sao có con được, muốn có em bé, mày về bảo cha mày lấy vợ đi." Quỳnh thưa tiếp : "Đàn ông không có con, sao nhà vua lại bắt dân làng nuôi dê đực cho có con." Vua ngẫn người, biết thằng bé này là nhân tài mình muốn tìm, bèn tha tội cho Quỳnh và rút cái lệnh quái ác kia về. Thời quân chủ, ý vua là ý trời, muốn gì cũng được. Thế cũng chưa bằng, quí bạn đọc chắc còn nhớ đời Tần Nhị Thế, quyền thần Triệu Cao chỉ con hươu và bảo nó là con ngựa (chỉ lộc vi mã), ai không hùa theo, Triệu Cao cho người giết đi. Đây là một cớ để Triệu Cao sát hại kẻ trung thần.

Dưới cằm lém đém một chòm râu

Thời gian tiến triển, quan niệm về giá trị ở đời cũng thay đổi. Ngày trước đàn ông phải có râu mới oai nghi và đúng là bậc trượng phu, tu mi nam tử (tu là râu). Trong sách đoán về tướng mệnh, đoạn nói về tướng râu có câu

Đàn ông không râu bất nghì
Đàn bà không vú lấy gì nuôi con

Trong dân gian người ta thường nói cái râu cái tóc là góc con người. Tướng kẻ anh hùng thì râu hùm, hàm én, các ông già đẹp lão, trông tiên phong đạo cốt (vì ông Tiên nào cũng có râu) thì râu ba chòm hoặc năm chòm, phất phơ, trắng như cước, ngồi buồn lại vuốt râu chơi. Trong truyện Tam Quốc Chí Quan Vân Trường có hàm râu rất đẹp, nên được tặng tên hiệu là Mỹ Nhiêm Công (ông râu đẹp), Tào Tháo muốn lấy lòng bèn tặng Vân Trường túi gấm để bao râu.

Thanh niên trước kia cỡ ba mươi tuổi trở lên là bắt đầu để râu. Có râu, con người trông nghiêm trang, chững chạc hẳn lên. Dê cũng thế. Dê con có râu là thành dê cụ. Râu người có nhiều loại, nào râu xồm, râu cá chốt, râu quai nón, râu ngạnh trê... nhưng chẳng ai thích râu dê vì coi bộ không khá. Trên sân khấu tuồng cải lương, vai gian thần thường không có râu hay cùng lắm là có chòm râu dê. Đó là theo sách tướng, nhưng mấy người có râu dê lại cho là sách nói nhảm, trong đó có tướng râu dê Nguyễn Khánh. Mỹ nó cũng gọi râu dê là goatee.

Râu biểu hiệu cho giống đực, cho nam tính, do đó đức Phật ngài bảo các đệ tử xuất gia phải cạo bỏ râu tóc, cốt ý tránh làm động lòng nữ giới. Dê đực mới có râu, nhưng tại sao dê cái loài Kasmiri cũng có chòm râu? Tạo hóa cắc cớ hay nhầm lẫn? Và bộ râu dê cái dùng vào việc gì? Về điểm này, kẻ viết bài cũng đành chịu, xin các bậc cao minh giải đáp hộ.

Dê trong dân gian

Tuy nghề nuôi dê không thịnh hành ở Việt Nam như tại Ấn Độ hay tại các quốc gia Trung Đông, nhưng dê cũng chiếm một địa vị quan trọng trong nghi lễ. Phẩm vật tế thần không thể thiếu trong các cuộc tế lễ lớn được gọi là tam sinh: trâu, lợn và dê. Như trên đã nói, thịt dê tuy có mùi gây và khó làm, nhưng rất được giới bợm nhậu ưa chuộng. Đầu dê không quí bằng đầu heo (thủ lợn), nhưng cũng có công dụng của nó trong việc lừa bịp khách hàng, treo đầu dê bán thịt chó, ám chỉ quảng cáo thì hay, hàng họ bán ra thì "dỏm", phẩm chất quá kém. Ruột dê không được giới ăn nhậu ưa chuộng như lòng heo vì nó rắc rối ngoằn nghèo, do đó người miền núi thường gọi con đường mòn khúc khuỷu, ngoắt nghéo là con đường ruột dê. Da dê tuy không bền, nhưng cũng được thuộc để làm túi, làm bao tay, làm giầy, làm áo. Tuy thế áo da dê chỉ dành cho người nghèo mặc (lúc còn cơ hàn, chưa được trọng dụng, Lý Bá Hề chỉ có mấy bộ áo da dê. Nhà giầu mặc áo lông chồn (hồ cừu) vì đẹp, mướt và dầy ấm.) Thợ săn đi rừng hạ được dê núi (sơn dương), không có sẵn nồi bèn lột da dê làm nồi nấu, do đó có câu nồi da sáo thịt, ám chỉ cảnh anh em một nhà, dân một nước tương tàn, chém giết nhau vì quyền lợi, vì chủ nghĩa. Lông dê cứng và thưa, không dùng được, ngoại trừ loại dê xứ lạnh có lông dầy và mềm, dùng làm len và quần áo ấm đắt tiền. Đó là giống dê

Casmere sống ở vùng Kasmire thuộc dẫy Hy Mã Lạp Sơn, Ấn Độ hay giống dê Angora, Thổ Nhĩ Kỳ. Nói tới len, nỉ người ta không thể không nhắc tới cừu.

Họ hàng nhà dê

Cừu có họ gần với dê, tuy nhiên thân hình đẫy đà hơn, lông dầy và mềm, không có râu, bản tính chậm chạp hiền lành, không ưa nhẩy nhót. Cách đây từ 9,000 đến 12,000 năm, nhân loại đã biết nuôi cừu làm gia súc. Mới đầu dùng ăn thịt, sau lấy lông làm len may quần áo, dệt thảm, làm lều. Cừu có mặt khắp nơi. Úc, Anh, Trung Hoa, Ấn Độ, Trung Đông...tổng cộng độ một tỷ con. Úc đứng hàng đầu trong ngành chăn nuôi cừu, khoảng 160 triệu con, sau đó là Anh, Trung Hoa, Argentina... Mỗi năm người ta gọt lông cừu một lần, sau đó tẩy sạch, chế biến thành len. Trước thời đại đồ sắt, lông cừu được nhổ bằng tay. Sau này được gọt bằng kéo tay hay kéo điện. Mỗi ngày một người thợ khéo dùng kéo điện có thể gọt lông chừng 100 con cừu, nhưng với số cừu mỗi đàn từ vài ngàn đến vài chục ngàn con, người ta cố gắng tìm kiếm cách nào vừa nhanh vừa tiện vừa đỡ tốn kém. Gần đây trường đại học Western Australia tại Perth, Úc Châu áp dụng kỹ thuật chế người máy (robot) tinh xảo, thí nghiệm việc gọt lông cừu bằng máy. Cừu được đặt nằm ngửa trong một chiếc nôi đặc biệt, và cừu nằm yên không tỏ vẻ sợ sệt, sốt ruột trong khi máy chạy rè rè rà sát thân mình (tính tình khù khờ của cừu rất đắc dụng nơi đây). Đây là loại người máy có bộ phận thăm dò (sensor) rất nhạy, biết uốn lượn theo thân thể cừu và ngừng khi cừu dẫy dụa. Máy có thể gọt lông cừu thành một mảnh mà không phạm đến da. Vẫn chưa hài lòng, bộ Canh Nông Hoa Kỳ tại Beltville, Maryland vừa cử một toán bác học sang Sydney, Úc để thí nghiệm loại hóa chất lấy từ hạch chuột đực, tạm gọi là EGF (Epidermal Growing Factor). Vài ngày trước mùa gọt lông, cừu được chích hóa chất này, có tác dụng làm lông rời ra, có thể nhổ bằng tay. Thí nghiệm có kết quả mỹ mãn, an toàn cho sức khoẻ cừu và phẩm chất của lông. Người ta dự trù khi thuốc được bào chế trên qui mô rộng lớn, đến ngày đã định, cừu sẽ được lùa qua một hành lang hẹp, tại đó máy hút sẽ hút lông cừu chuyển vào máy khác có nhiệm vụ giặt tẩy, sẵn sàng biến chế thành len. Vào đầu này ra đầu kia, cừu đã sạch trơn đến gần sát da. Thật là vừa tiện vừa lợi. Tương tự, năm 2002 Do Thái đã gây được giống gà không lông. Một ngày nào đó trong tương lai, khi cân lượng vừa đúng để làm thịt, gà sẽ tự động xếp hàng nghiêm chỉnh bước vào máy sát sinh. Gà vào đầu này, đầu kia máy sẽ tuôn ra những vỉ cánh, vỉ đùi, vỉ lườn bọc trong giấy bóng kính, sẵn sàng ra siêu thị.

Dê trong thần thoại và tôn giáo

Trong thần thoại Hy Lạp, vị thần của đồng cỏ và của mục đồng chăn gia súc mang hình người nhưng lại có chân, tai và sừng dê. Vị thần này tên Pan, có biệt tài về âm nhạc (thổi sáo), nhưng vì có dạng dê nên thường bị hiểu lầm, coi là tà thần, chuyên dùng tiếng sáo dụ dỗ phái nữ.

Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo, hai tôn giáo lớn của nhân loại, phát xuất từ Ấn Độ và Trung Đông, là nơi chăn nuôi dê cừu, nên hình ảnh của vị hướng dẫn tinh thần đạo Thiên Chúa Giáo được ví như người chủ chiên (chăn cừu). Trong Thánh Kinh Cựu Ước, cừu được nhắc tới trện 300 lần. Năm 1987 Đức Giáo Hoàng John Paul đệ nhị, đã tới viếng thăm nước Mỹ trên chiếc phản lực cơ mang tên "Người Chủ Chiên Số Một" (Shepherd One), chắc ý muốn bắt chước chiếc Air Force One của Tổng Thống Mỹ.

Trong Phật Giáo có truyền tụng Thái Tử Tất Đạt Đa (sau này thành Phật) trên đường tìm đạo, trải qua giai đoạn hành xác khổ hạnh, thân thể gầy khô. Sau đó ngài tỉnh ngộ, không tu phép ép xác nữa mà nhận một bát sữa dê do một nữ mục đồng dâng, dùng cho lại sức. Kể từ đó ngài tu theo Trung Đạo, nghĩa là không chủ trương hành xác quá độ, cũng như không quá phục vụ cho dục lạc bản thân.

Theo sách "hồi dương nhân quả" của nhà Phật, dê cũng hiện diện dưới địa ngục, có nhiệm vụ trừng phạt kẻ ác, tại địa ngục ở tầng thứ chín có tên là ngục dương súc thành hải, tạm dịch là ngục dê húc... càn. Ở đây con dê sắt dùng sừng húc kẻ có tội. Có lẽ ở dưới từng quá sâu, lại chỉ biết âm thầm thi hành nhiệm vụ, dê không nổi tiếng như hai anh quỉ đầu trâu mặt ngựa nên ít người biết đến.

Quan Công phò nhị tẩu

Các cụ nho ngày xưa rất khuyến học, nhưng có một môn học các cụ cho rằng chẳng cần chỉ bảo, tự nhiên đến tuổi, con trẻ nó cũng biết. Các cụ giữ kín mít như bưng, sợ lộ ra là chỉ đường cho hươu chạy hay là vẽ rắn thêm chân. Đó là việc vợ chồng. Các cụ quan niệm lửa gần rơm sẽ bén,

(căn cứ vào kinh nghiệm bản thân, hồi nhỏ các cụ có được ai dạy đâu, thế mà xáp lại vẫn sinh con sinh cháu đùm đề). Nhưng ở Mỹ, học trò tiểu học còn ở lứa tuổi ô mai, hỉ mũi chưa sạch đã được học tập, chiếu phim cho coi, lại còn giảng giải cặn kẽ (trong phạm vi bài phiếm luận đầu xuân, việc tranh luận về "nên" hay "không nên" được để dành vào dịp khác, vì dư luận Mỹ đã tốn giấy mực, hơi sức tranh cãi với nhau cả vài chục năm nay, mà kết cục vẫn chưa dứt khoát).

Như vậy các vị nhi đồng ngày xưa học chuyện ấy từ đâu. Xin thưa: từ thiên nhiên. Mỹ nó gọi là from the birds and the bees, và được hướng dẫn bởi bản năng sinh lý ẩn tàng trong cơ thể. Còn nếu hỏi một chú mục đồng chăn dê chăn cừu xứ Trung Đông, chắc chắn câu trả lời sẽ là from the sheeps. Quả thế, suốt ngày nhìn đoàn dê cừu đú đởn chung quanh, ắt phải thâu tóm được cái nguyên lý âm dương của trời đất chứ còn gì nữa. Ấy thế mà lòng anh chàng chăn cừu của Alfonse Daudet trong truyện "Les Étoiles" không một chút vẩn đục, sáng vằng vặc như trăng sao. Truyện kể, một hôm cô chủ đem cơm và đồ tiếp tế lên cho chàng mục đồng trên núi cao, vì trời mưa lớn làm nước con suối dâng cao, cô chủ không về được, phải ở lại qua đêm trên núi bên chàng chăn cừu. Anh chàng thức suốt đêm, kể cho cô chủ nghe chuyện những vì sao trên trời, nào Gấu Lớn, Gấu Bé, nào kiều nữ Andromeda v.v. cho đến khi cô chủ mơ màng tựa vai chàng mà ngủ. Chàng tưởng tượng một cách đầy thơ mộng, nàng là vì sao đi lạc, từ trời cao xuống tựa bên vai anh. Ôi tấm gương vằng vặc sáng tỏ như vầng nhật nguyệt nào có thua gì Quan Công phò nhị tẩu, thấp bạch lạp đọc binh thư suốt đêm để chứng tỏ mình không có gì khuất tất với hai bà chị dâu xinh đẹp mà mình có nhiệm vụ phò tá. Hoặc giống như chàng si tình Đoàn Dự, quì lậy chân dung Vương Ngọc Yến cả ngàn lậy, chiêm ngưỡng dung nhan tuyệt vời mà không dám động tới tà áo người tiên.

Người bán thịt dê

Nghề viết bài cho báo Tết cũng như nghề nông, có năm được, có năm thất. Năm được mùa là năm gặp con giáp có nhiều chuyện tích, huyền thoại hấp dẫn, đặt bút viết thao thao bất tuyệt, vài giờ là xong. Năm mất mùa là năm gặp con giáp không nhiều chuyện, phải tìm kiếm hụt hơi mới đủ tài liệu ghép lại thành bài. Năm Dê là loại năm này. Để thay lời kết người viết xin kể hầu quí vị một chuyện liên quan đến dê trích trong Cổ Học Tinh Hoa như sau:

Vua Chiêu Vương nước Sở mất nước, phải bỏ chạy, có người bán thịt dê tên Duyệt cũng chạy theo. Sau vua lấy lại được nước, bèn thưởng cho những người chạy theo khi trước, có cả anh hàng thịt dê nữa. Ai cũng vui vẻ lãnh thưởng, trừ anh hàng thịt, từ chối nói rằng:

- Trước nhà vua mất nước, tôi mất nghề bán thịt dê, nay nhà vua còn nước tôi còn nghề bán thịt dê. Thế là tôi giữ được nghề cũ, đủ ăn rồi, còn đâu dám nhận thưởng gì nữa.

Vua cố ép, người đó thưa:

- Nhà vua mất nước không phải tội tôi, nên tôi không dám liều chết, nhà vua được nước không phải công tôi, nên tôi không dám lĩnh thưởng.

Vua bảo:

- Để rồi ta đến nhà ngươi chơi vậy.

Người hàng thịt dê nói:

- Theo phép nước Sở phàm người nào có công to, được trọng thưởng thì vua mới đến nhà. Nay tôi xét nình mưu không đủ giữ được nước, dũng cảm không đủ giết được giặc. Quân giặc vào, tôi lánh nạn phải theo nhà vua, chớ có phải cốt ý theo nhà vua đâu. Nay nhà vua muốn bỏ phép nước mà đến nhà tôi chơi, tôi e thiên hạ thấy lại chê cười chăng.

Chiêu Vương nghe nói ngoảnh lại bảo Tư Mã Tử Kỳ rằng:

- Người này tuy làm nghề ti tiện mà giải bầy nghĩa lý rất cao xa. Nhà ngươi làm thế nào nói người ấy ra nhận chức Tam Công cho ta.

Người hàng thịt dê nói:

- Tôi biết chức Tam Công quí hơn cửa hàng bán thịt dê, bổng lộc nghìn vạn, giầu hơn tiền lãi bán thịt dê. Nhưng tôi đâu dám tham tước lộc mà để nhà vua mang tiếng là gia ơn không phải nghĩa. Tôi thực không dám nhận. Xin cho về giữ lấy nghề bán thịt dê.

Nói đoạn lui ra ngay.

Lời bàn: Vua Chiêu Vương muốn thưởng là lấy cái ý khi mình gặp bước lưu vong mà người ta đi theo, là người ta có lòng trung thành với mình. Người hàng thịt dê không nhận thưởng là lấy cái nghĩa không đáng nhận vì không có công cán gì. Nếu ai cũng biết an phận thủ thường, quí trọng nghề nghiệp như người bán thịt dê, thì còn ai là kẻ ham mê phú quí, quyền thế và sự thưởng phạt ở đời chẳng công minh lắm ru. Thật đáng làm gương cho những kẻ không biết liêm sỉ, tài năng đức độ chẳng có gì, mà cũng cố cậy cục, chạy chọt lấy chút chức vị, phẩm hàm để lòe đời vậy.

AI LÊN XỨ LẠNG

du ký

MAI KIM NGỌC

Những xôn xao thời sự về mất biển mất đất với Trung Quốc làm tôi nhớ lại nhiều sự việc liên hệ đến biên thùy Hoa Việt, trong đó có sự tích Tô Thị. Rồi tôi liên tưởng đến bài đồng dao '*Ai Lên Xứ Lạng*', nhắc đến tiết phụ hóa đá ngay trong câu 2. Và sau cùng, tôi nhớ đến một người đàn bà trẻ đẹp mà không may mắn, đã có hồi gắn bó mật thiết với cuộc sống của bản thân tôi. Người đàn bà đó là vú tôi, và vú thường ru tôi với bài 'Ai Lên Xứ Lạng'...

Một tam giác tình tự xuất hiện, tiềm tàng trong tâm thức tôi, với ba người đàn bà chiếm giữ ba góc. Đó là nàng Tô Thị, người đàn bà không tên trong 'Ai Lên Xứ Lạng', và vú tôi. Tôi không nghĩ đến tam giác này cho đến năm ngoái nhân tham quan vùng cửa sông Saint Laurent của Quebec, thấy người lại ngẫm đến ta, tôi cảm thấy phải ngồi xuống viết lại câu chuyện.

*

Bắt đầu bằng bài đồng dao. Tôi nhớ hôm đó tôi đã lớn, và tôi được nghe mẹ tôi ru cháu nhân dịp anh tôi mang vợ con về trình diện bà. Mẹ tôi ru:

"Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh..."

Tôi buột miệng:

"Con biết bài hát này."

Và tôi đọc mấy câu tiếp theo:

"Ai lên xứ Lạng cùng anh
Bõ công bác mẹ sinh thành ra em
Tay cầm bầu rượu nắm nem
Mảng vui quên mất lời em dặn dò
Gánh vàng gánh bạc đi đổ sông Ngô
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương..."

Mẹ tôi ngạc nhiên, vì đã lâu lắm nhà tôi không có trẻ con. Bài hát ru em rất Bắc Kỳ lại không phổ thông tại tỉnh lỵ miền trung nơi chúng tôi đang cư ngụ. Còn nữa, tôi lớn lên với vú Cần, và vú không ru em bằng ca dao, mà thuộc lòng mấy ngàn câu thơ Kiều. Vú gốc gác khá giả ở nông thôn, cảnh nhà bất ngờ sa sút vì chuyện kiện tụng mới phải lên tỉnh làm vú.

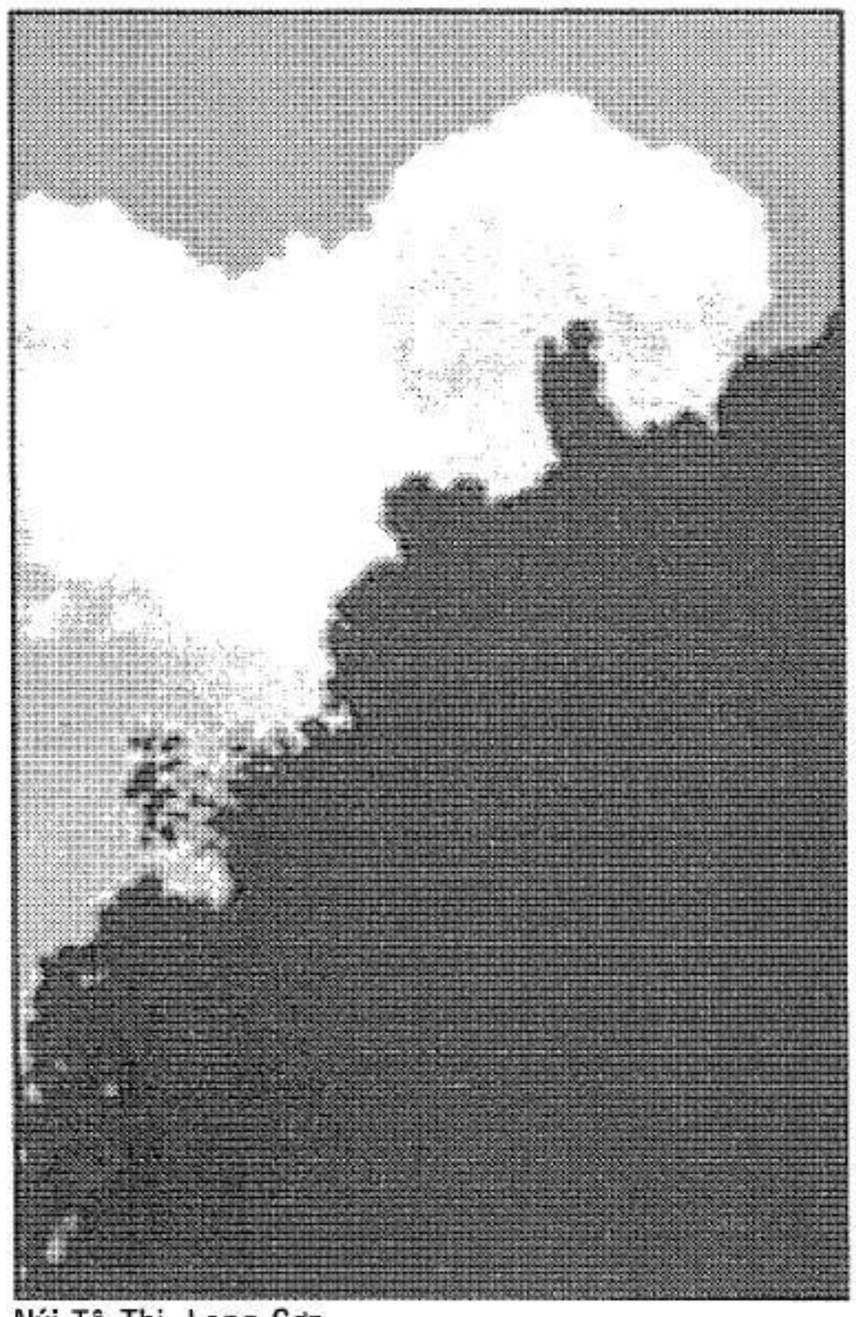

Núi Tô Thị, Lạng Sơn.

Tôi nghĩ tôi vẫn nằm mơ thấy người ta ru em bằng bài ca dao này. Tuy nhiên học ca dao khi nằm mê, nói ra nghe kỳ dị nên tôi lặng yên. Ba tôi ngồi đọc sách gần bên, có lẽ đã theo dõi câu chuyện nên bỏ tờ nhật trình xuống. Ông nhắc mẹ tôi là trước vú Cần, tôi còn vú khác hay ru em bằng sự tích Tô Thị.

"Vậy mà em quên đi mất..." mẹ tôi nói.

Tôi nghĩ mải ôm cháu, bà nói cho có nói. Nhưng ba tôi nói tiếp:

"Còn tôi thì không quên nổi vú Nguyệt. Chỉ vì vú mà tôi phải hai lần đích thân lên cẩm lãnh con và người làm về..."

Tôi không hẳn nhớ mà không hẳn quên người vú sữa của tôi. Vú thôi làm khi tôi chưa đầy hai tuổi. Vú lại không giữ liên lạc. Có thể tôi thuộc

'*Ai Lên Xứ Lạng*' nhờ về sau đọc hay nghe ở một nơi khác, thay vì nghe vú ru mà nhớ khi còn là một hài nhi.

Chuyện ba tôi phải lên cẩm (sở cảnh sát thời Pháp bảo hộ) lãnh vú và tôi về làm tôi tò mò. Và kỳ lạ chưa, những sự kiện gom góp về vú được nghe lần đầu mà cảm thấy quen thuộc như nhớ lại từ một giấc mơ.

Như ba tôi nói, vú tên Nguyệt, một cái tên ít thấy nơi gái quê. Vú còn trẻ, đẹp người, qua tấm ảnh gia đình trong đó tôi được vú bế. Khác với vú Cần, vú Nguyệt là vú sữa. Nghe nói sữa vú rất tốt, tôi chóng lớn ít đau ốm vặt, nên mặc dầu vú nhiều tật, mẹ tôi cũng gắng chiều, cho đến khi chiều không nổi.

Tật nhẹ của vú là ham ăn quà. Tật này thật ra cũng không nặng, nhưng thú chấn cạ của vú tạo nhiều phiền phức cho mọi người. Vú lại thích trai, có hồi mê anh tài xế của ông đốc thú-y trước nhà tôi, lần khác vú nhìn với con mắt có đuôi bác tùy phái tòa đốc lý có lần đến nhà tìm ba tôi vì việc sở. Nhưng mối tình lớn của vú -tuy một chiều- là anh lính khố xanh con trai bà già bán hàng nước góc phố bên cổng chùa Tàu sát hội quán Quảng Đông. Hàng nước này ngoài chuyện bán quà bánh vặt, thỉnh thoảng còn có đám chấn hay xóc đĩa. Trong dạng thức đơn sơ nhất, đây là một câu lạc bộ bình dân đầy đủ giải trí cũng như ẩm thực. Khách hàng là giới phu xe, đám chị sen anh nhỏ, hay mấy người nhà quê lên tỉnh có việc quan. Vú Nguyệt hay bế tôi đến đây, vừa tiện ăn quà đánh bạc, vừa tiện ngắm dung nhan anh lính khố xanh chưa vợ mỗi khi anh chàng xuất trại về thăm mẹ.

Chính tại đây vú bị cẩm bắt về tội đánh bạc. Vú thoát hiểm nhiều lần, nhờ nhanh mồm nhanh miệng, cũng như đôi mắt lẳng lơ. Nhưng nhân viên công lực ngay thời Pháp thuộc cũng có người thanh liêm cương trực, không rơi vào mỹ nhân kế của vú. Lần đầu được lãnh về, vú khóc lóc với mẹ tôi và hứa từ nay xin chừa. Lần thứ hai, ba tôi tình cờ gặp người tuần viên đã bắt vú. Anh ta cho hay là khi bị bắt, vú đang dở ván chấn sắp ù to, và tôi đang bò một mình trên xi măng thềm cửa bốc cát bỏ vào miệng. Giọt nước cuối cùng đã tràn ly, và mẹ tôi cho vú nghỉ. Bà thuê vú Cần thay thế và đổi qua nuôi tôi bằng sữa đặc có đường.

Tôi nghĩ nếu quả thật tôi đã học thuộc mấy câu ru em trong lúc còn bế ngửa, chưa biết nhìn mà cũng chưa biết nghe, thì thần thức trẻ thơ đã có khả năng chọn lựa. Ngoài mấy câu hát, tôi không nhớ gì thêm về những sinh hoạt của thế giới vỉa hè, nơi vú ăn quà, đong đưa, và đánh bạc. Trên những chiếc ghế gỗ thấp của hàng nước, bao nhiêu anh phu xe giữa hai cuốc xe đã ngồi uống bát chè tươi hay kéo điếu thuốc lào, bao nhiêu chị hàng xén đã hạ gánh để tạm dưỡng đôi vai ê ẩm, bao nhiêu bác nhà quê lên tỉnh đã dừng lại ăn chiếc bánh gai lót bụng trước khi vào dinh hầu quan. Ấy là chưa kể bao nhiêu cô Sen cậu Nhỡ đã tỏ tình với nhau hay hùa nhau nói xấu chủ. Tất cả những con người ấy đã hồn nhiên sinh hoạt trước mặt đứa hài nhi mà họ cho là chưa biết gì, với tất cả vui mừng, lo âu, yêu đương, giận ghét. Vậy mà tôi chỉ nhớ bài hát ru em của vú Nguyệt...

*

Có khi rảnh rỗi, tôi tìm hiểu nội dung của bài đồng dao. Tôi không có vấn đề gì với hai câu đầu. Chúng gọn ghẽ và mạch lạc, xác định vị trí của một vùng phiên dậu đất nước với những thắng cảnh nổi danh:

"Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa...
Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh"

Nhưng hai câu tiếp đã làm tôi suy nghĩ:

"A*i lên xứ Lạng cùng anh*
Bõ công bác mẹ sinh thành ra em..."

Rõ ràng là một truyện tình, có 'anh' có 'em'. Nhưng anh em nào? Xem ra không phải là chuyện tình của nàng Tô, mà cả đá Tô Thị lẫn xứ Lạng chỉ là bối cảnh cho một cuộc tình hậu sinh khác. Cuộc tình này khác với những cuộc tình trong văn học cổ điển của các tác giả khoa bảng. Nó rất hiện đại không phải chỉ vì chữ 'anh' chữ 'em' trai gái ngày nay vẫn xưng hô với nhau, mà nội dung rất gần với sự sống và ngổn ngộn sinh lực. Xem ra người con gái tỏ tình trước. Không đợi mà cũng không bắt chàng phải van xin '*Đài gương soi đến dấu bèo,*' nàng thú thực và cảm ơn tình lang cái ân sủng được gặp và được yêu. Nàng nói:

'*Bõ công bác mẹ sinh thành ra em.*'

Lời thú nhận mới chân thành làm sao. Tình *chàng* làm cuộc sống của *em* có ý nghĩa. Duyên này nếu không xảy ra thì cả cuộc sống đã không đáng công cha mẹ sinh thành. Người nữ đã đầu hàng tất cả cho tình yêu, không còn chút e lệ hay kiêu kỳ thường tình.

Vậy mà sự việc vẫn không thể hiểu lầm là thiếu tự ái hay tự trọng. Câu nói xứng đáng thoát ra từ miệng một công chúa hay một nữ tì. Không

đẳng cấp, nó là sự hiến dâng trọn vẹn và không điều kiện của tình yêu thăng hoa.Chuyện hiếm hoi quý như kỳ nam hay sừng tê giác, phải chăng chỉ xảy ra một lần trong đời người đàn bà, hay có khi không bao giờ xảy ra. Và người tình lang có diễm phúc được nghe lời thú nhận ấy, chắc sẽ ghi tạc vào lòng để mỗi khi nhớ lại sẽ nhớ theo cả một trời êm ả và hạnh phúc.

Trong văn học khoa bảng, hiếm có những lời tỏ tình như vậy. Kiều chỉ nói được với Từ Hải, '*Đến bây giờ mới thấy đây, mà lòng đã chắc những ngày một hai.*' Và Ôn Như Hầu cũng chỉ viết được '*Bõ công đặt cái khăn ngày tắc ơ.*'

Sự đam mê không tính toán của người nữ trong ca dao làm tôi nghĩ đến vú Nguyệt. Mẹ tôi đoán vì vú đã không chồng mà chửa nên sinh nở xong phải cho con đi rồi kiếm sống bằng nghề vú em. Phải chăng cái đam mê vô kỷ luật của vú đã tạo ra hoàn cảnh khó khăn cho vú. Có lúc tôi nghĩ đến những người đàn ông đã đến với vú. Nghe kể vú đam mê thế nào với những đàn ông sau này, tôi đoán vú phải đam mê lắm với người đàn ông đầu đời của vú. Tôi chắc vú đã được sống những giây phút nhiệm màu để có thể nói như người đàn bà của ca dao, là '*Bõ công bác mẹ sinh thành ra em.*'

Vú đã phải cho con cho người khác nuôi, cuộc tình của vú đã không êm ả. Người đàn ông của vú đã bạc tình như anh chàng bạc tình trong câu năm và sáu của ca dao:

Tay cầm bầu rượu nắm nem
Mảng vui quên hết lời em dặn dò...

Đây là lời trách của người nữ. Lời trách cay đắng mà không nặng nề. Người đàn ông phụ bạc không bị đồng hóa với tên Sở Khanh. Nàng vẫn thấy nét phong lưu lãng tử nơi kẻ bạc tình. Người trai xứ Lạng sinh động trong cuộc chơi, tay bầu rượu tay nắm nem, ham vui đến nỗi quên mất người em bé nhỏ ở nhà. Xem ra y còn phong lưu hơn chàng Thúc trong Kiều với '*Thúc Sinh quen thói bốc giời, trăm ngàn đổ một trận cười như không...*' Tốt lẫn với xấu, người tình lang của ca dao hiện thực như bước ra từ một tiểu thuyết hiện đại...

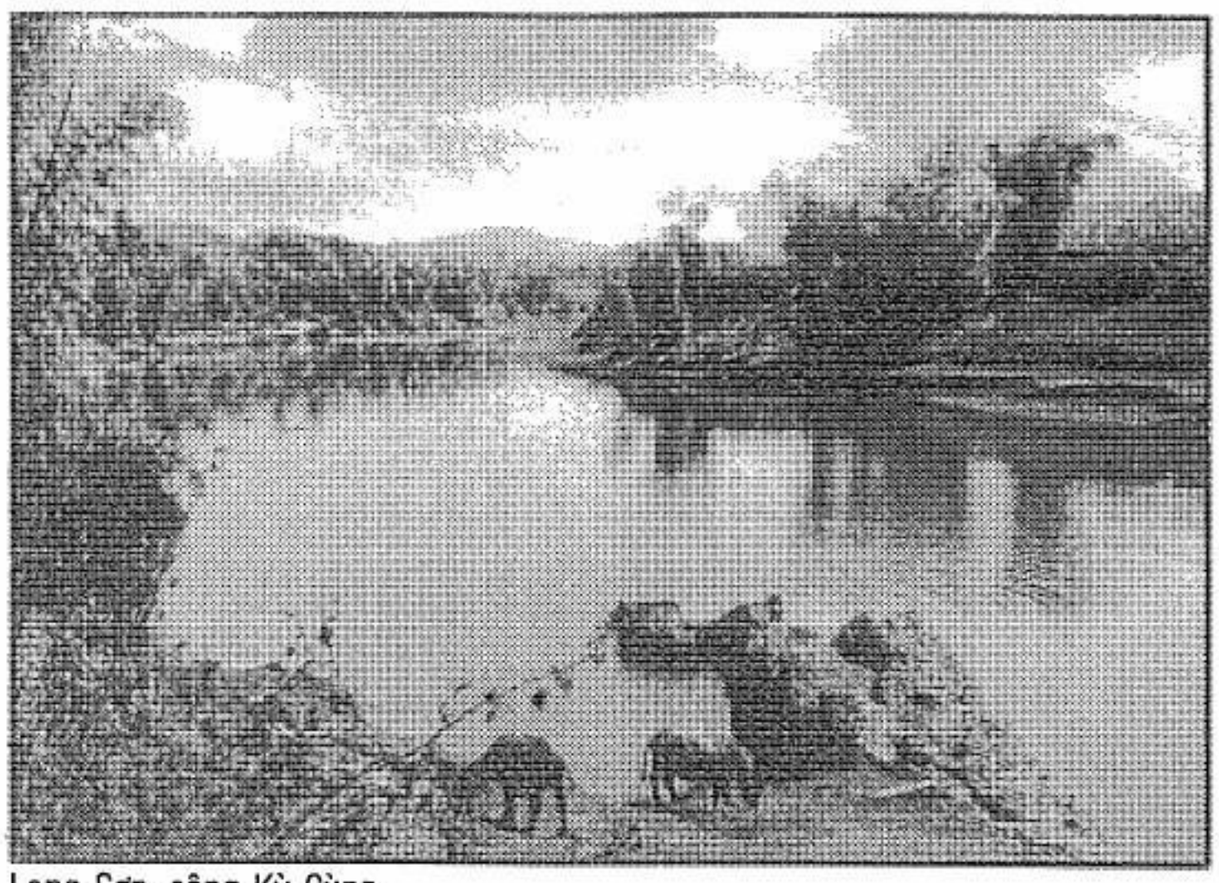
Lạng Sơn, sông Kỳ Cùng.

Còn nữa, kẻ bạc tình biết hối tiếc sau khi lỗi lầm. Anh ân hận đã không trân trọng tấm tình mà bây giờ anh mới biết là quý hóa như vàng như bạc của người em gái nhỏ. Ân hận theo anh đêm ngày, ngủ rồi mà trốn cũng không được:

Gánh vàng gánh bạc đi đổ sông Ngộ
Đêm nằm tơ tưởng đi mò sông Thương...

Tôi nghĩ người đọc dù phái nữ cũng thấm thía với cái dằn vặt ăn năn của lãng tử mà tha thứ cho tội bạc tình tổ tông của nam giới, không nhiều thì ít, không trong hành động thì cũng trong tư tưởng...

Có lần viết báo lớp, tôi lấy đề tài '*Những Bài Hát Ru Em*' và chép lại bài ca dao. Cha tôi xem qua rồi lưu ý tôi là nên sửa '*Bõ công...*' thành '*Tiếc công...*' vì ông nghĩ không có dị bản nào có chữ '*Bõ công.*' Ông lại bảo, câu 5 là '*Gánh vàng đi đổ sông Ngô,*' thay vì '*Gánh vàng, gánh bạc đi đổ sông Ngô.*' Tôi rắn đầu không theo lời cha. Tôi biết có nhiều dị bản khác nhau cho bài đồng dao, nhưng tôi không tin dị bản nào hay bằng dị bản tôi nghĩ đã nghe vú ru. Có lẽ chữ '*Bõ công*' nó phản ánh đúng hơn cái tính đam mê của vú Nguyệt như tôi đã được nghe kể lại. Còn chữ '*gánh bạc*' ở câu 5 thêm cái kể lể tha thiết vào âm hưởng. Thật ra chính bản thân tôi cũng thích một nhân vật nữ đam mê đến chỗ đủ can đảm bước qua vòng phấn của quy ước, dẹp đi mọi tự ái, và thú nhận trước với tình lang, là nhờ gặp chàng mà cuộc sống của em đáng sống...

Tôi nghĩ đến đứa con của vú, không biết trai hay gái, đứa con mà phần sữa của nó đã thành da thịt của tôi. Tôi biết không có gì có thể thế chỗ cho máu mủ, và không bao giờ tôi có thể thế chỗ

đứa con vì hoàn cảnh vú đã phải cho đi. Nhưng tôi vẫn nghĩ vú thương tôi. Chính mẹ tôi cũng công nhận điều này. Mùa hè, vú cũng không quản nóng nực, nằm ôm tôi suốt những giấc ngủ trưa cho tôi khỏi giật mình. Vú săn sóc tắm rửa cho tôi sạch sẽ, trau chút từng chiếc áo lót cho tới đôi tất sợi. Hai chiếc giày con nít, vú bao giờ cũng thắt dây cẩn thận thành hai cánh bướm gọn ghẽ. Vú kiêu hãnh cho tôi là kháu khỉnh hơn những trẻ con cùng tuổi trong xóm. Nếu không vì những ván bài sắp ù hay sắp thua, hay những giây phút bị anh lính khố xanh thu hồn, vú không bao giờ để tôi lê la trên xi-măng bốc cát bỏ vào miệng.

Trong dân gian, người ta tin rằng uống sữa vú thì giống tính vú. Tất nhiên là niềm tin không có căn bản y học, nhưng mỗi khi bắt chợt ghi nhận mình đang làm chuyện gì, hay nghĩ chuyện gì với sự tha thiết bất thường, tôi lại liên tưởng đến những đam mê của vú mà người ta kể lại.

Và đôi khi tôi nghĩ đến cuộc sống vỉa hè của vú, khi mê mệt trên chiếu bạc, khi ruồng rẫy đám phu xe mà vú ghét, khi đong đưa gợi tình với người lính khố xanh bảnh trai, cuộc sống ấy vú đã cho tôi dự phần hơn một năm trời như một nhân chứng hài nhi chưa biết nói, chưa biết nhìn, và chưa biết nghe. Tuy tôi thường cho rằng mình đã không ghi nhận chút gì những chuyện bèo bọt này, nhưng đôi khi tôi phải thắc mắc mà xét lại. Đó là những lần viết lách, bỗng cảm thấy có khả năng thấy được cái đẹp của sự sống dưới cái vỏ ngoài lam lũ tầm thường, tôi tự hỏi phải chăng đây là nhờ kinh nghiệm những ngày thơ ấu lê la với vú tại quán nước vỉa hè...

*

Tôi đã nói xong chuyện vú Nguyệt và bài ru em của vú. Đã đến lúc tôi đề cập đến cái đỉnh thứ ba của tam giác tình tự là hòn đá trông chồng Tô Thị.

Tôi được mục kích đá Tô Thị cách đây ít năm, nhân vụ đi thăm hồ Ba Bể rồi tạt vào. Kỳ ấy, vừa ngắm cảnh, vừa tìm tài liệu đọc, tôi tiếp thu được một số kiến thức về ba hòn đá trông chồng của nước ta. Hòn ở Bình Định tôi chưa được thấy. Hòn ở Thanh Hóa, tôi đã có dịp thăm viếng từ hồi Pháp thuộc, là một nơi tôi có nhiều kỷ niệm, lại hư cấu thêm nhiều sự việc trong khi sáng tác văn học. Có dịp tôi sẽ trở lại thắng cảnh này. Dù sao, nổi danh nhất cũng là hòn Tô Thị của Lạng Sơn.

Cũng như nhiều chuyện khác trên đời, chuyện nàng Tô Thị tôi nghe đã hơn nửa thế kỷ, vậy mà kiến thức cũng như thưởng lãm của tôi không tiến không lùi, không đi sâu hơn được quá nghĩa hẹp của từ. Và cứ như vậy cho đến hôm đạp xe trên hải đảo cửa sông Saint Laurent, những chi tiết bỗng tổng hợp lại, và tôi bắt được phần nào cái ý nghĩa sâu xa của huyền thoại. Hiểu rồi, tôi thấy kiêu hãnh về văn hóa dân gian của quê cũ. Không ở đâu khác, cái giá con người phải trả cho nếp sống văn minh quy củ được ghi lại đầy đủ và đẹp như vậy. Tôi nghĩ đá Tô Thị là một viên ngọc quý cho kho tàng nhân chủng học không những cho Việt Nam mà còn cho cả nhân loại...

Sự tích của cả ba hòn đá trông chồng tương tự giống nhau. Đại khái có hai anh em nhà kia, vì tai nạn bất thường lạc nhau từ hồi thơ ấu, về sau gặp nhau vô tình mà kết duyên vợ chồng. Họ sanh được một con trai. Tình cờ người chồng biết sự thật. Vẫn giấu vợ, anh bỏ nhà ra đi và không trở về. Người vợ lên non trông chồng, đợi mãi không thấy, sau cùng hóa đá. Cốt truyện chung là vậy, còn mỗi nơi lại thêm ít nhiều tình tiết địa phương. Ở Bình Định, người anh chặt mía cho em ăn, dao sút cán chạm vào đầu cô bé. Sợ em chết, người anh bỏ trốn. Về sau tình cờ gặp lại em, yêu em và lấy em làm vợ mà không biết mình đã mắc tội loạn luân. Nàng vọng phu đất Thanh cũng lấy lầm anh ruột làm chồng, cũng hóa đá, chỉ khác là trước khi hóa đá, nàng đã sắp thuyền ra khơi tìm chồng. Lên núi lần chót để nhận phương hướng, nàng bị cơn giông bất chợt ập tới nên hóa đá. Chiếc thuyền cũng hóa đá luôn. Còn ở Lạng Sơn, có ba dị bản khác nhau về nàng Tô Thị. Hai bản, một Nùng một Kinh, khá giống nhau. Bản Nùng thì kể hai anh em mồ côi vào rừng kiếm củi. Người anh chặt cây nho dại kiếm nước trong ruột cây cho em uống, chẳng may tuột tay dao nên gây thương tích cho em. Tưởng em chết, người anh bỏ chạy, về sau được một phú ông nuôi làm con nuôi. Người em không chết, được hổ tha về bỏ tại túp lều một gia đình tiều phu... Còn theo bản Kinh thì hai anh em họ Tô có cha có mẹ, nên nàng vọng phu mang tên Tô Thị. Thương tích là do anh nhặt đá ném chim, đá bay lạc trúng vào đầu em làm em bất tỉnh. Sợ em chết, anh bỏ nhà trốn sang Tàu... Khi khám phá ra tội loạn luân của mình, người anh trăn trở dằy vò mà không cho vợ hay. Nhân vua gọi lính, anh tòng quân, dặn vợ ba năm không thấy về thì cứ việc đi lấy người khác. Nàng thủ tiết ba năm không thấy chồng về, vẫn kiên gan đợi tiếp. Một

hôm lên non trông chồng, nàng không trở xuống lại. Khi dân làng lên tìm thì nàng đã hóa đá.

Dị bản thứ ba của đá Tô Thị thì đặc biệt ở chỗ hoàn toàn khác hẳn tất cả những dị bản khác. Nó chỉ minh họa sự chung thủy vợ chồng mà hoàn toàn tách rời khỏi chuyện loạn luân. Ở đây cô gái gốc miền Trung, con nuôi vị quan họ Tô, giỏi thêu thùa. Chồng tên Khiêm đi lính ngoài Bắc lâu mãi không về. Nàng thêu sớ lên gấm dâng vua, xin cho chồng về. Vua thương tình cho nàng ra biên giới tìm chồng mà đoàn tụ. Tới Lạng Sơn, nàng ra lễ chùa Tam Thanh, rồi lên núi để định hướng tìm chồng và hóa đá trên ấy. Dị bản này không phổ thông vì có tính cách áp đặt.

Về Mỹ, tôi quên chuyện đá Tô Thị một thời gian khá lâu. Chữ chung thủy ở văn hóa này không được đặt lên đỉnh cao như ở nước ta. Tôi nghĩ chuyện chung thủy không sâu đậm trong lòng, nên chi người Mỹ nhìn ra ngoại cảnh không thấy được đá vọng phu. Lục địa Bắc Mỹ bao la, bao nhiêu là núi non mà không có được dù một hòn đá trông chồng.

*

Vậy mà năm ngoái tôi biết mình lầm, nhân chuyến đi thăm một hòn đảo nhỏ vùng cửa sông Saint Laurent của Gia-Nã Đại gốc Pháp. Hòn đảo chu vi khoảng 10 hải lý, ước lượng bằng đồng hồ tốc độ tình cờ gắn sẵn trên chiếc xe đạp anh bạn thuê cho để đi vãn cảnh. Anh bảo:

"Đảo nên thơ lắm. Đảo lại có một kỳ quan có một không hai tại Bắc Mỹ."

Hỏi kỳ quan gì mà mấy chục năm ở lục địa này tôi chưa từng nghe, anh bí mật trả lời tới nơi rồi sẽ biết...

Trên đường, tôi đạp theo anh qua khu thị tứ, ghi nhận quyền lực rất lớn trên đảo của một vọng tộc. Họ có mặt khắp nơi. Những danh tính nào Jacques D., nào Robert D., nào Juliette D., nào Louis D. được kẻ lên hông xe vận tải, lên cửa siêu thị, lên cổng nhà máy phó mát, lên mái xưởng giấy, lên mũi phà và tầu chạy sông. Phố chính mang tên Francois D... Nhưng anh bạn tôi cũng công nhận là vọng tộc này biết bảo vệ môi sinh. Họ gom nhà máy, tiệm buôn, kho hàng vào một khu gần bến phà, phần đảo còn lại giữ hoang vu để bảo tồn thiên nhiên. Nghe nói gia đình này mới tới đảo khoảng trăm năm nay. Siêng năng và thông minh lại biết đùm bọc nhau, họ sớm thành công.

Khi sắp tới thắng cảnh, anh bảo tôi sẽ thích công viên 'La Roche Pleureuse' này. Tôi nghĩ cái tên khá đặc biệt, và lẩm nhẩm dịch cho mình là 'Đá biết khóc.' Anh bạn có hồi đã ở Sài Gòn, khá thông thạo tiếng Việt. Anh nửa trêu nửa trách, bảo nhà văn mà chữ nghĩa nặng thế. 'Đá *biết* khóc' nghe như 'Khỉ *biết* đi xe đạp' hay 'Chó *biết* nhảy vòng lửa,' thích nghi với chuyện kỳ lạ hơn là đau thương. Sao không gọi là '*Đá khóc*' vừa gọn, vừa đúng với cái buồn của cô gái mất người yêu.

Mười phút sau, chúng tôi đến công viên 'Đá Khóc.' Hòn đá hình trứng, cỡ người đàn bà trung bình nhưng tất nhiên không có đầu, không có mình cũng như tay chân. Đá dựa vào vách đá, giữa vô vàn hoa dại, vàng có tím có. Một dòng nước từ kẽ nứt ngang đỉnh chảy tràn xuống. Nước rất trong, tục truyền là nước mắt của đá trông chồng. Sự tích được tóm lược trên tấm bảng đồng dựng bên cạnh. Đỡ cho tôi phải đọc những hàng chữ nhỏ li ti, anh bạn kể rằng một mùa Giáng Sinh năm xưa, có cô gái xinh đẹp được người con trai họ D. đón về đảo làm vợ. Anh gửi tạm cô tại một quán trọ để trở lại đất liền sắm sửa quần áo vòng nhẫn, cũng như quà Giáng Sinh cho mọi người. Anh hẹn chỉ hai hôm sẽ trở lại đón cô về nhà để giới thiệu với gia đình và cử hành hôn lễ.

Đúng hẹn, cô gái ra bến đợi từ sớm, đến chiều anh vẫn biệt tăm. Đêm xuống, một cánh buồm hiện ra phía đầu đảo làm cô mừng rỡ chạy lên sườn đồi để nhìn cho rõ. Nhưng thuyền không cặp bến, tiếp tục đi về cuối đảo và mất hút phía hạ lưu. Ngày sau và ngày sau nữa cô gái vẫn đợi. Sau cùng người chồng chưa cưới trở về. Anh không thấy cô đâu, chỗ cô đứng xuất hiện hòn đá và dòng suối này...

Gia đình họ D. bấy giờ đã có bề thế, có người trở thành đại doanh thương ở Montreal, có người làm chính trị tới chức dân biểu nghị sĩ tại Quebec và Ottawa. Họ khoanh đất xung quanh hòn đá lại thành hoa viên 'La Roche Pleureuse.' Đã giàu có và thế lực, vọng tộc của đảo giờ đây lại được tô điểm thêm huyền thoại của một chuyện tình buồn và đẹp.

"Anh có tin không?" anh bạn hỏi. Như miễn cho tôi câu trả lời, anh bảo nếu tôi có không tin thì anh cũng không buồn, vì anh không có liên hệ gia tộc với những người họ D. Mới một trăm năm, huyền thoại chưa đủ sương khói quá khứ để thành huyền thoại. Anh lại bảo chẳng qua là cô gái đợi chán bèn bỏ đi thôi. Cô gái tứ cố vô thân giữa bến vắng chiều đông, trở lại nhà trọ có thể không

tiện vì tiền phòng tiền ăn mấy bữa chưa ai thanh toán. Nên chi trốn về đất liền cũng là thượng sách. Thủa ấy những mỏ vàng miền bắc này khan hiếm đàn bà, cô nàng đi đâu chẳng được, tội gì phải chờ đợi anh chàng trại chủ cù lần.

Chúng tôi cùng cười, nhưng cười xong cảm thấy không còn gì để nói thêm. Cảnh đá giả cây trồng chỉ có thế, cùng lắm chỉ là hòn non bộ khéo cắt tỉa. Sự việc cô gái tây phương thất tình đơn giản như năm phút du khách dừng lại ngắm cảnh, và tâm tình vọng tộc D. vì mất thể diện mà dựng lên huyền thoại cũng chỉ vỏn vẹn thế thôi.

*

Sự đơn giản của nàng vọng phu Quebec làm tôi ghi nhận sự súc tích của chuyện Tô Thị. Cả một nền văn hóa của quê cũ hiện ra, tầng tầng lớp lớp, mỗi tầng mỗi lớp là một chiều sâu khác nhau của tâm hồn Việt Nam. Lớp ngoài giản dị nhất, là cái đạo lý Khổng Mạnh với chuyện chung thủy vợ chồng, chuyện tiết hạnh của người đàn bà, chuyện chí trai phục vụ đất nước...

Dưới cái hình thức phải đạo này là cái u uẩn của tội loạn luân. Nhưng loạn luân ở đây không đơn giản và dứt khoát một ngả như ở văn hóa khác. Trong hoàng tộc cổ Ai Cập, loạn luân không phải là tội. Hoàng tử lấy công chúa em gái mình với sự chúc phúc của hoàng gia, triều đình, và thần dân. Có lẽ cũng không có chữ loạn luân với ý nghĩa phê phán, mà sự việc được chỉ định bằng những từ trung lập đại để như 'hôn nhân đồng máu huyết.' Ngược lại sự cấm đoán có thể tuyệt đối đến nghiệt ngã tại những xã hội không hẳn văn minh hơn mà có khi còn bán khai. Tại một bộ lạc Phi Châu, cặp trẻ song sanh một trai một gái vừa ra đời tức thì bị hy sinh để tế thần. Chúng bị coi như đã phạm tội gần gũi người cùng máu huyết suốt thời gian chung chạ trong bụng mẹ. Hai xã hội là hai thái cực, mà hai cách luận tội cũng là hai thái cực khác.

Trở về quê hương, sự tích nàng Tô Thị không đơn giản như vậy. Nó phản ánh một văn hóa đã phát triển đến mức tinh vi, và tư duy của quần chúng đã đến mức tế nhị. Chuyện *định tội* loạn luân tuy cũng giống như trong mọi xã hội văn minh khác, nhưng chuyện *luận tội* lại đặc thù ở chỗ uyển chuyển và tinh vi. Người anh vô tình phạm tội, cho đến khi chưa biết sự thật thì không có tội. Nhưng một khi sự thật đã tỏ tường, tức thì tội lỗi hồi sinh và anh phải đón nhận hình phạt. Anh phải lẳng lặng dứt tình vợ con mà bỏ nhà ra đi.

Còn nàng Tô Thị cũng phạm tội ấy, nhưng nhờ chồng và anh che chở, đến chết cũng không biết mình phạm tội nên không bao giờ có tội. Ngược lại nàng được vinh danh bởi phong hóa, đạo lý, luân lý đời này qua đời khác. Hình ảnh người đàn bà đứng trong mưa gió nhìn ra xa xăm từ khi có núi từ khi có người là hình ảnh thiêng liêng của tiết hạnh và lòng chung thủy vợ chồng. Hòn đá trông chồng trở thành miếu đền của trinh bạch mà phong hóa và luân lý dựng lên cho nàng. Và còn tráng lệ hơn mọi miếu đền, miếu đền trong lòng dân gian bảo tồn sự tích của nàng đời này sang đời khác.

Còn nữa, nàng Tô ngự trị trong văn học khoa bảng. Nằm chốn địa đầu, đá vọng phu đã được chiêm ngưỡng suốt chiều dài lịch sử bởi những tinh hoa văn học của đất nước trên đường đi sứ sang Tàu (xin xem chú thích).

*

Phải nói người chồng xứng đáng về mặt đức hạnh bằng hay hơn vợ. Ngoài cái khổ đau chung với vợ về chuyện chia ly, anh còn cái khổ đau riêng khi giấu vợ sự thật để một mình nhận lấy tất cả tội lỗi. Vậy mà gần như không ai nhắc đến anh trong những thơ văn quanh đá Tô Thị. Các văn nhân rất ít lời về anh. Cao Bá Quát dành cho anh một câu độc nhất là "*Âm thư cửu đoạn hà nhân xứ?*", còn Nguyễn Du thì hoàn toàn quên anh. Phải đợi đến thế hệ chúng ta, nhà nhạc sĩ yêu nước Lê Thương mới tặng cho anh những dòng nhạc hùng tráng, và phong cho anh chức tướng quân lãnh mệnh vua đi giết giặc. Tuy vậy, những câu hát thắm thiết nhất của 'Ai Xuôi Vạn Lý' Lê Thương vẫn dành cho người đàn bà, cũng như cái tựa chung 'Hòn Vọng Phu' của toàn thể bản trường ca ba phần. Phải chăng người nữ dễ gợi hứng và vì vậy thường làm người mẫu cho sáng tác văn học nghệ thuật nhiều hơn nam giới.

Đáng để ý là hầu hết những bài thơ vịnh đá vọng phu của giới khoa bảng không ghi nhận chuyện loạn luân. Chỉ có Lý Văn Phức trực diện vấn đề '*Em gái anh trai*' để thanh toán tức thì ngay trong câu đầu '*Em gái anh trai lọ phải bàn.*'

*

Tất cả chỉ là chuyện gái trinh trai trung. Có lẽ các bậc thâm nho trong tư cách cột trụ của đạo lý khoa bảng, không muốn nói đến những chuyện trái đạo lý. Một giải thích khác là chuyện 'anh

trai em gái,' bản chất đã phức tạp lại càng phức tạp hơn với những yếu tố giảm khinh nơi họ Tô. Chừng đó khúc mắc sẽ quá tầm xử lý của một bài Đường luật tám câu bảy chữ.

Nhưng không ghi nhận chuyện 'anh trai em gái' khi thưởng lãm sự tích đá trông chồng, không có nghĩa là nỗi uẩn loạn luân không cần thiết cho sự thưởng lãm sự tích của các cụ. Nàng Tô Huệ một liệt nữ có thật đời Đường về mặt trinh bạch nào có kém gì nàng Tô Thị, nhưng mấy ai nhớ và mấy ai tặng thơ.

Nhận định trên đưa tới suy ngẫm về vai trò của cái u uẩn 'em gái anh trai' khi sự tích được hư cấu bởi tác giả, và sự trường tồn của sự tích ấy qua năm tháng. Tôi nói đến *tác giả*, vì mọi sáng tác văn học dù khoa bảng hay dân gian đều có tác giả. Tác giả có khi là một có khi là nhiều cá nhân. Với ca dao, tác giả vì lẽ này lẽ nọ ẩn danh.

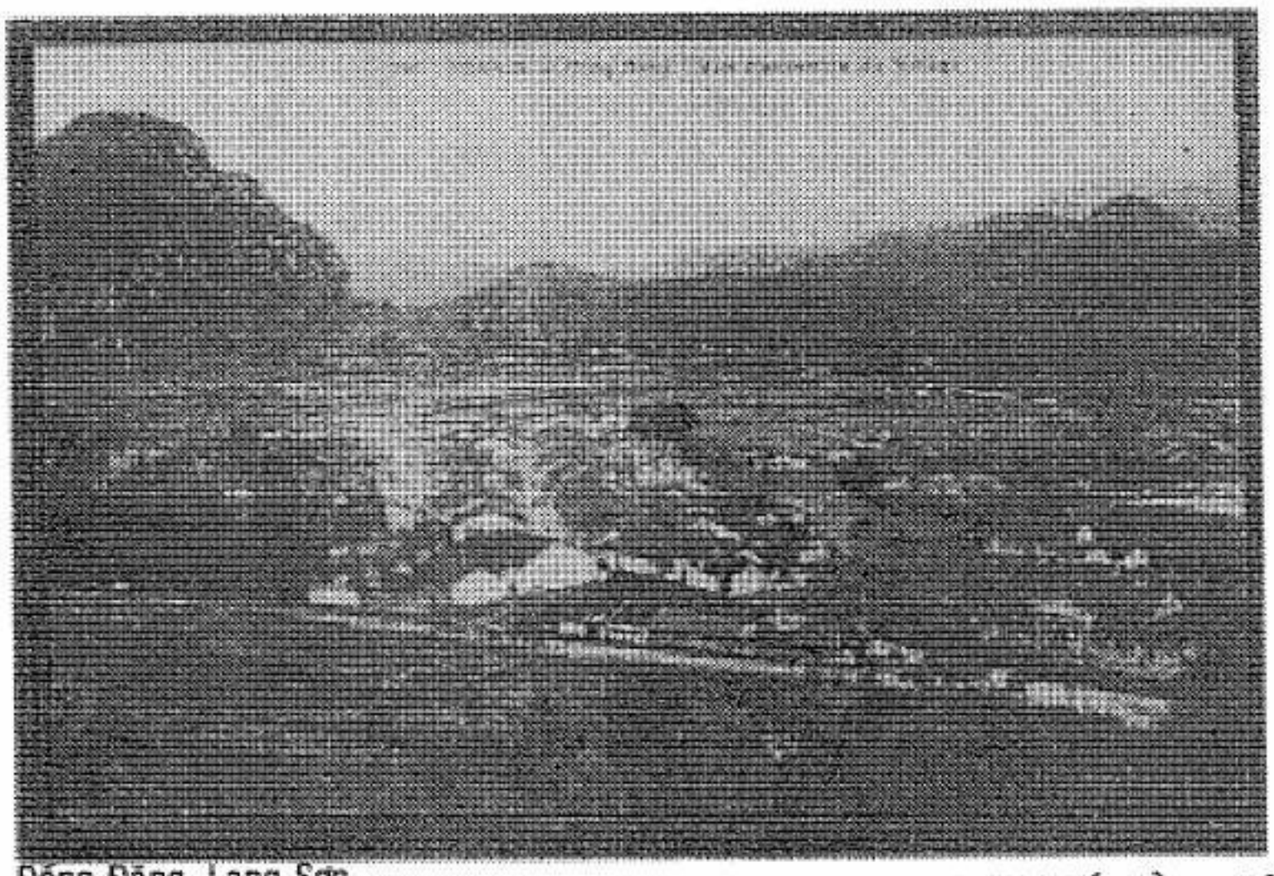
Đồng Đăng, Lạng Sơn.

Riêng sự tích Tô Thị, tác giả lại còn hư cấu, vì sự thật là người ta có sầu muộn đến đâu cũng không bao giờ bao giờ hóa đá, dù là bây giờ, mười ngàn năm trước, hay từ thủa hồng hoang. Vậy thì với cái tự do hoàn toàn khi ẩn danh mà đặt chuyện hư cấu, tác giả đã chọn lựa và chủ tâm nói chuyện phi luân thường trong khung cảnh luân thường của phẩm tiết và chung thủy.

Hành động của tác giả phải chăng là cái phản ứng của buổi giao thời văn hóa và phong hóa. Hôm qua xã hội còn vô luân vô luật nên chưa có tội, hôm nay cũng tình yêu cũng ái ân nam nữ ấy đã bị cấm đoán và trở thành muôn vàn điếm nhục. Luật lệ hôm nay là thế, nhưng phong tục phóng túng của hôm qua chưa hẳn đã quên được. Phải chăng tác giả vẫn tưởng nhớ lối sống cũ, cảm thấy sự cấm đoán quá ngặt nghèo.

Ta không biết huyền thoại đá trông chồng xuất hiện từ bao giờ. Trước Bắc thuộc lần thứ nhất, trước Nhâm Diên và Sĩ Nhiếp và đồng liêu là những quan cai trị mang phép tắc Trung Quốc sang áp dụng bên ta? Hay về sau này khi phong hóa còn định chế hơn nữa với luật lệ.

Văn thơ xưa nhất tôi được biết về đá Tô Thị thuộc thế kỷ 15, khi Nguyễn Trãi trong Dư Địa Chí cho rằng huyền thoại nàng Tô Thị là một với sự tích nàng Tô Huệ bên Tàu đã nói đến ở trên. Tô Huệ có chồng là Đậu Thao đi lính lâu năm không về, bèn thêu thơ lên tấm gấm để dâng vua Đường xin cho chồng giải ngũ. Bài thơ dài hơn 600 chữ, gọi là Chức Cẩm Hồi Văn vì viết theo lối thước thợ tận cùng với chữ THIÊN TỬ bằng đại tự ngay trung tâm khổ gấm. Vợ chồng Tô Huệ không phải là anh em, vợ không hóa đá, chồng không biệt tăm, và hai người sau cùng được đoàn tụ.

Có thể Nguyễn Trãi không biết đến huyền thoại Tô Thị lấy lầm phải anh ruột. Có thể Nguyễn Trãi biết huyền thoại mà vờ đi, và đem truyện Tô Huệ đời Đường thế vào. Cả hai giả thuyết đều xem ra không vững vì nhiều lý do. Thứ nhất, Nguyễn Trãi lăn lộn với dân gian suốt chín năm bình Ngô, khó mà ngài không biết sự tích Tô Thị. Thứ nhì, Nguyễn Trãi dù thâm Nho nhưng với ý chí độc lập với Tàu, chắc cũng không lấy câu chuyện nhập cảng từ Trung Quốc về áp đặt lên huyền thoại dân gian của đất nước. Thứ ba, bản thân Nguyễn Trãi cũng là kết quả của một cuộc tình không hoàn toàn phải đạo, tiêu thụ trước hôn thú bởi hai bậc sinh thành. Ông tất hiểu chuyện con người, và sẽ phóng khoáng với anh em họ Tô ít nhất là bằng các nhà nho hậu sinh như Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Nguyễn Huy Oánh, Lý Văn Phức, vân vân. Vậy thì có lẽ huyền thoại đá trông chồng có sau Nguyễn Trãi, nghĩa là sau thế kỷ 15.

Mặt khác, ái ân hay hôn nhân đồng máu huyết cho tới nhà Trần vẫn không phải là chuyện cấm đoán ngay trong hoàng tộc, nên chi dân gian chắc

không đến nỗi khắc nghiệt về chuyện này. Cuộc tình nàng Tô dù có thật sự xảy ra, chắc cũng không gây ra bấy nhiêu trăn trở khốn khổ cho các đương sự. Bối cảnh xã hội và phong tục đã dễ dàng như vậy, không lý do gì tác giả lại phải khúc mắc dựng lên một cuộc tình loạn luân ẩn dụ, để bênh vực nó bằng những lý do vô cùng phức tạp, là vô tình mà phạm tội, là phạm tội mà biết hối cải, là hai chữ trung trinh giáo điều của Khổng Mạnh đều đã được thỏa mãn.

Vậy thì huyền thoại Tô Thị phải xảy ra sau đời Trần. Cũng với những lý lẽ trên, nó phải xảy ra sau thời Bắc thuộc dưới nhà Minh. Bận tâm chính của Trương Phụ và đồng bọn là khai thác thuộc địa, và phong hóa không phải là ưu tiên lớn của họ.

Thời điểm thích nghi cho sự tích Tô Thị ra đời có lẽ là khi nước đã ổn định và luật Hồng Đức đã được công bố. Ở đây hội tụ những điều kiện giao thoa giữa mới và cũ, giữa tình yêu vô luật vô luân của ngày hôm qua và cương thường phong hóa đã được định chế chặt chẽ của ngày hôm nay. Chính cái hoàn cảnh phức tạp ấy đã tạo ra cái trăn trở súc tích đa diện của huyền thoại đá trông chồng...

*

Chừng đó giả thuyết về gốc nguồn sự tích Tô Thị, còn lại là vấn đề tại sao chi tiết 'em gái anh trai' có thể tồn tại nguyên vẹn trong sự tích suốt những thế kỷ qua. Ca dao nói chung trong dạng thức ta biết hôm nay là kết quả của sự biên tập không ngừng của dân gian. Vậy mà truyền miệng đời này qua đời khác, dân gian đã không biên tập đi chi tiết tình yêu và hôn nhân cùng máu mủ. Phải chăng đây là cái uẩn ức hay cái tâm tưởng nhớ thủa vô luân vô luật cũ vẫn còn dai dẳng, ít nhất trong tiềm thức mọi con người.

Câu chuyện còn nhiều câu hỏi nhân chủng học chưa có trả lời, hoặc có mà tôi chưa có cơ hội đọc tới. Tuy nhiên, dù sao huyền thoại Tô Thị vẫn phản ánh văn hóa súc tích và đa dạng của chúng ta. Nó phản ánh cuộc sống giằng co giữa nhiều động lực xuôi ngược, đòi hỏi một khả năng tổng hợp và thích nghi cao độ. Nó tuân theo luật lệ phong hóa và những giáo điều của xã hội 'văn minh,' nhưng đồng thời lắng nghe cái lẽ của con tim ngay khi vì nó mà người ta sa chân vào những hoàn cảnh éo le hay sóng gió. Nó phản ánh một trí tuệ cao độ, luôn luôn lật đi lật lại vấn đề cho đến ráo riết. Và khi thám hiểm những vùng cấm địa của nhân tâm, nó can trường nhưng không bừa bãi.

So với La Roche Pleureuse của Quebec, tôi thấy cái khác nhau của đông và tây. Sự so sánh ấy làm cho tôi yêu mến cái chân chất của Gia Nã Đại gốc Pháp, ấm áp tình người và lòng quý khách. Nhưng đồng thời, tôi kiêu hãnh về cái tế nhị và mặn mà của văn hóa quê cũ, mà mỗi tầng lớp của nhân tâm là mỗi trăn trở, mỗi suy ngẫm ráo riết, để tìm ra giải pháp thích nghi cho mỗi hoàn cảnh éo le.

Tôi lại nghĩ đến vú Nguyệt. Vú thất tình, thất học, cuộc sống thua thiệt của vú điển hình cho quần chúng đã biên tập văn học nghệ thuật dân gian của đất nước. Cái phóng túng của vú là cái phóng túng của ca dao. Chắc vú không còn ở trên đời này, và tôi ước mong vú đã được an lạc trong miền vĩnh phúc. Tôi cũng mong cuộc sống của vú từ khi ra khỏi nhà tôi đã được hạnh phúc, và kinh nghiệm của vú với đàn ông êm ả hơn.

Tôi không ví vú với Tô Thị, vú không có cái phẩm tiết ấy. Nhưng tôi thấy nơi vú cái hiện thân của văn hóa dân gian, cái văn hóa đã hư cấu ra và bảo tồn chuyện đá trông chồng. Cái xấu lẫn với cái tốt, cái xinh đẹp lẫn với cái thô bạo. Cái yêu đời tha thiết đầy đủ hai mặt. Mặt xấu là những phiêu lưu vô kỷ luật, nhưng mặt tốt lại bảo tồn cho cuộc sống tất cả sinh khí sinh lực của nó. Chính vú và những người đàn bà như vú khi kể lại sự tích nàng Tô cho con cháu đã không biên tập đi những gì không phải đạo với hiện tại, hay chính xác hơn với phong hóa mới định chế thành luật bởi những triều đại Lê Nguyễn và sau cùng nhập cảng thêm từ dân luật Nã Phá Luân...

Ngồi viết bài này, tôi bỗng thèm trở về vùng Cao Bắc Lạng. Lần này ngoài thú thăm lại thắng cảnh cũ, tôi sẽ tìm gặp để học hỏi thêm với những nhà học giả đã bỏ công nghiên cứu về miền đất phiên dậu của tổ quốc. Tin đồn đá Tô Thị đã bị sát nhập vào đất Trung Quốc làm tôi bất an. Theo câu nói đùa cay đắng của người dân Hà Nội, nàng Tô Thị đã bồng con sang Tàu. Với tôi, cả hai mẹ con đá vọng phu đã mang đi một kho tàng văn hóa quan trọng.

Câu chuyện chưa rõ thực hư, vì nhà cầm quyền cho đến bây giờ không tiết lộ đã nhượng bao nhiêu đất, và nhượng đến đâu. Tôi hy vọng là lời đồn đãi không đích xác. Nhưng tin xấu không làm tôi tuyệt vọng. Tôi nghĩ đến một tiền lệ trong lịch sử của vùng đất nước này về chuyện thu hồi những lãnh thổ mất mát cho người láng giềng miền Bắc.

Tiền lệ đó xảy ra dưới thời nhà Lý. Sau những chiến thắng oai hùng của Lý Thường Kiệt tại châu Ung, châu Khiêm và Như Nguyệt (1075-1077), ta và Tàu hòa đàm để hai bên trao trả đất lại cho nhau. Cuộc đàm phán gay go khi sứ Tàu không chịu đưa vào nghị trình những bản và động các tù trưởng các sắc dân thiểu số dâng cho nhà Tống. Sứ Tàu nói:

"Nơi nào quân thiên triều chiếm đóng trong cuộc chiến thì nay mới trả lại. Còn những nơi các tù trưởng tự ý dâng nạp cho Tống thì không liên quan gì đến việc tranh chấp mà phải bàn tới."

Chánh sứ của ta đã trả lời một câu sắc sảo sử Tàu còn ghi:

"Đất có chủ. Bọn tù trưởng trông coi cho chủ, đem đất đi dâng cho người khác là bọn ăn trộm. Sao Thiên Triều lại giữ đất ăn trộm để làm nhơ bẩn sổ sách của nhà vua."

Đất tranh chấp là vùng bắc Cao Bắc Lạng, và chánh sứ Việt Nam là Lê Văn Thịnh, trạng nguyên đầu tiên của nhà Lý.

Với võ như Lý Thường Kiệt và văn như Lê Văn Thịnh, ta thu hồi được phần lớn những đất đai đã mất. Châu đã về Hợp Phố. Không có lý do gì mà trong tương lai, nhân tài văn võ nước Nam sẽ không được như Kiệt như Thịnh một ngàn năm trước.

Chú Thích:

Thơ văn vịnh đá Tô Thị:

Nguyễn Du có:

Vọng Phu Thạch

Thạch đa? Nhân đa? Bỉ hà nhân?
Độc lập sơn đầu thiên bách xuân
Vạn kiếp liêu vô vân vũ mộng
Nhất trinh lưu đắc cổ kim thân
Lệ ngân bất tuyệt tham thu vũ
Đài triệu trường minh nhất đoạn văn
Từ vọng liên sơn diễu vô tế
Độc giao nhi nữ thiện di luân"

Với bản dịch của Vũ Ngọc Khánh:

Vọng Phu Thạch

Ai đây? là đá? là người?
Trơ trơ đầu núi đội trời bao năm
Thân người thanh bạch là thân
Ngàn đời mưa Sở mây Tần không ham
Mưa thu như lệ chảy tràn
Rêu in nét triện thành trang tâm tình
Bốn trời đồi núi mông mênh
Riêng người phụ nữ gương lành treo cao.

Nguyễn Huy Oánh có

Vọng Phu Sơn

Hoa vi cốt cách ngọc vi thân
Tạo hóa trường lưu cữu thị thân
Tích vũ sơ tình vân kế hiện
Hàm sơn đán thổ nguyệt mi thần
Nhạn thư tái ngoại truyền phương tín
Ba trữ giang trung chức cẩm vân
Kính tiết nham nham thùy tỉ tịnh
Ngã tâm phỉ thạch hữu trung thần"

Với bản dịch của Vũ Ngọc Khánh:

Vọng Phu Sơn

Hóa công lưu giữa hồng trần
Hoa cốt cách ngọc tinh thần là đây
Mưa ngưng hiện áng tóc mây
Núi ôm đất ngậm nét mày trăng in
Ải xa cánh nhạn mừng tin
Sóng đưa núi gấm trên nền sông trong
Gương cao ai muốn sánh cùng
Lòng không phải đá cũng lòng trung can

Lý Văn Phức có *'Vọng Phu Sơn'*:

Vọng Phu Sơn

Dĩ hỷ thùy phân muộn dữ kha
Các an ngô nghĩa nại ngô hà
Nhân sinh phong hóa quan tâm trọng
Thiên hiển luân thường phụ hồi đa
Thạc tọa thiên niên tồn khổ tiết
Nam suy kỷ độ phản chính đà
Liên cừ phong vũ không hành viễn
Bất vấn cô nhi vấn lão bà

Với bản dịch của Vũ Ngọc Khánh:

Vọng Phu Sơn

Em gái anh trai, lọ phải bàn
Cũng đều vì nghĩa đã là hơn
Giữ nền phong hóa, niềm trân trọng
Hận đạo cương thường, nỗi xốn xang
Núi đá ngàn năm ôm tiết đẳng
Mái chèo mấy độ ngóng nồm nam
Người đi xa mãi trong mưa gió
Vợ yếu con côi chẳng đoái màng.

Cao Bá Quát có:

Vọng Phu Thạch

Độc lập sơn đầu đệ nhất phong
Chu điêu phấn tạ vị thùy dung
Âm thư cửu đoạn nhân hà xứ
Thiên hải vô nhai lộ ký trùng
Huyết lệ yên hòa minh nguyệt thấp
Hương hoàn vân tích lục đài phong
Thiên hoang địa lão tình do tạc
Dạ dạ xao tàn bích động chung

Với bản dịch của Vũ Ngọc Khánh:

Một mình đứng đỉnh non cao
Son phai phấn lạt, dám nào làm duyên
Người đi biền biệt vắng tin
Mênh mang trời biển dặm nghìn bao xa
Khói sương trăng đẫm lệ nhòa
Rêu xanh mây phủ ngỡ là tóc thơm
Tình còn trơ giữa tang thương
Chuông ngân động biếc đêm trường lại đêm

VƯỜN LAN

THƠ THƠ

Đó là một mùa hè năm tôi mười tám tuổi, lần đầu tiên tôi được sống một mình. Chú Tường, bạn thân của ba, nhờ tôi đến trông nom vườn lan trong khi cô chú đi nghỉ hè xa. Gia đình tôi cũng về thăm trại của bà ngoại. Vì thế tôi đến ở hẳn nhà chú. Nhà trên đồi, một vùng đồi thênh thang gồm năm vườn lan, ba nhà kính nuôi lan và một phòng thí nghiệm. Số lan tôi phải chăm sóc chừng năm ngàn loại khác nhau. Ban ngày có người giúp việc đến dọn dẹp vườn. Từ chiều đến tối chỉ còn mình tôi.

Một ngày mùa hè của tôi bắt đầu từ bảy giờ sáng, pha một ấm trà nhỏ, ngắm một cành lan , trò chuyện với nó bằng những ý tưởng của mình. Có ngày tôi uống trà với nhiều cây lan chung quanh, những đóa hoa mà vẻ đẹp đang làm tôi mê say. Khoảng bảy rưỡi, tôi khoác bộ khaki, thêm một lớp áo ấm, và đi ra vườn.

Lan đất ngoài vườn mùa này rực rỡ với những chùm cả mấy chục đến mấy trăm bông. Chúng thích khí hậu lạnh và ánh sáng rực rỡ trên đồi. Khi hoa nở thì côn trùng và sâu bọ kéo tới. Hầu như tôi phải kiểm soát từng cây, từng bông mỗi ngày. Những khu cạnh đó trồng loại lan thường thấy trên thị trường: lan bướm, lan vũ nữ, lan dã hạc, lan vân hài. Rồi đến những loại hiếm hơn như lan nhện, lan bọ cạp, lan hổ, lan thiên nga..

Xuống thấp một chút là vườn lan biển, tôi gọi vậy vì chúng thích trá hình thành những sinh vật ngoài khơi. Chúng mang mầu san hô và hải quỳ, đài hoa buông rủ thành cánh tay bạch tuộc hay sao biển. Cánh hoa hình môi biến dạng ra những con sò đỏ tía hoặc những con sứa mềm xốp trong veo. Có một dạo người ta săn lùng những loại này vì hình thù kỳ dị của chúng.Tất cả những loại lan vừa kể chú dùng để cung cấp cho những tay sưu tập lan với mục đích thương mại. Họ mua một lúc cả mấy trăm cây, rồi bán lại cho dân chơi lan tài tử.

Khi nắng chiếu thẳng đỉnh đầu là lúc tôi phải vào nhà kính. Chú có ba nhà kính với ba miền khí hậu khác nhau, được trang bị hệ thống làm mưa, làm mây mù nhân tạo. Hệ thống điện toán tối tân để kiểm tra và báo động độ ẩm, độ khoáng chất, và độ sáng cho cây. Lan trong nhà kính là những loại cực hiếm, có loại trên thế giới chỉ còn vài tay sưu tập lan nuôi được. Có loại tưởng như tuyệt chủng, đột nhiên chúng mất tích và không ai hiểu tại sao.

Đặc biệt nhất là loại lan ra đời bằng phương pháp hóa học. Cấu trúc di truyền của chúng thay đổi và đảo ngược để tạo thành những đóa hoa vô cùng dị dạng.Chúng như một thứ quái thai ở người. Và chúng biến hóa như chỉ có ở trong truyện thần thoại. Những bông hoa có đuôi, có mào, có sừng , có răng, có những khuôn mặt tinh vi sắc sảo. Mỗi bông hoa là một nhân cách riêng. Những loại thật lớn có vóc dáng thô bạo và màu sắc kỳ quái gợi cho tôi hình dáng của những con vật. Trong thế giới những kẻ sưu tầm lan thì quái thai lan là món hàng đắt giá nhất, bị săn đuổi ráo riết nhất. Chú Tường nổi tiếng vì thế, chú tạo ra nhiều loại lan đặc thù hơn hẳn những tên tuổi khác.

Lan là một đam mê có tính truyền nhiễm. Tôi tin rằng nếu ở gần một người chơi lan, cuối cùng mình sẽ rơi vào bẫy. Có lẽ ba tôi hiểu rất rõ điều này. Chú Tường tặng nhiều lan đẹp, nhưng ba chỉ chưng trong nhà cho đến lúc hoa tàn, rồi trả lại cây cho chú.

Tất cả bắt đầu vào sinh nhật thứ mười ba . Chú hỏi tôi muốn quà gì. Tôi cảm thấy không còn thích đồ chơi như những năm trước nữa, nên nói bừa:

"Cháu chỉ muốn cái gì mà chú quí nhất thôi".

Chú cười:

"Dễ quá. Cháu thích cây lan nào, muốn bao nhiêu cây, cứ việc. Nhưng rồi sẽ mất thì giờ lắm đấy".

Chú chọn cho tôi khoảng hai mươi cây khác nhau, vừa chậu, vừa giò, đầy hoa và nụ. Tôi còn nhớ một giò Kim Điệp vàng rực mà mỗi lần gió thoảng lại chuyển mình ra bướm. Một cành lan khác cũng làm tôi say mê rất lâu, nó như những cô gái mặc áo đầm trắng viền ren và nơ hồng, đứng trên nền ngôi sao vàng nhạt. Chú mang đến nhà tôi, chọn một cửa sổ nhiều nắng cho lan, rồi lại mất cả ngày làm giàn ngoài hiên để treo những

giò lan rễ dài cả thước.

Ngày hôm ấy trôi qua êm ả và vui nhộn bên ngoài. Nhưng bên trong, một thế giới riêng mới mẻ vừa mở hé cánh cửa, làm tôi bàng hoàng. Cùng một lúc tôi nói cười rộn rã với mọi người, tôi cảm nhận lặng lẽ những xúc động ào ạt bên trong. Ngày đó tôi không bao giờ quên, lần đầu tiên tôi biết đến thứ cảm giác rộn ràng ấy. Nó êm ái như được vuốt ve, lại xót xa đê mê kỳ lạ. Nhìn những chùm hoa, tôi thấy ngọt ngào, tôi thấy đau đau, vừa đầy tràn vừa thiếu vắng.

Những ngày sau đó như có ai vừa đánh cắp mất linh hồn của tôi. Tôi không muốn rời mắt khỏi những bông hoa, và những ý nghĩ về chú Tường đeo bám dai dẳng như cái bóng. Tôi nhớ chú khôn nguôi. Nỗi nhớ điên cuồng và bão tố. Tôi ôm ấp và che giấu nó.

*

Khi nắng ngả sau đồi là lúc tôi quay lại phòng thí nghiệm. Mọi hoạt động nơi này đều tuần tự với chiều đi của nắng. Phòng thí nghiệm có hệ thống báo động nối với nhà kính và vườn lan. Tôi có thể kiểm soát tất cả trên màn ảnh lớn. Computer ở đây lưu trữ hồ sơ của tất cả mấy ngàn loài lan. Tôi có đủ dữ kiện về nguồn gốc, xuất xứ, phân loại. Hồ sơ lan cũng như hồ sơ cá nhân của một con người - tên cha mẹ, phương pháp thụ thai, đặc điểm nhận dạng, cách nuôi dưỡng, sở thích, bệnh lý, và thuốc chữa.

Những dãy bàn dài la liệt chai lọ và ống nghiệm đựng bụi phấn hoa và mầm sống của những đợt thử thách mới. Trong này có một số cây tôi ghép lấy, thử công thức pha màu của chú Tường. Nếu thành công thì tôi sẽ có những đóa Vanda màu rêu. Đấy là mầu tôi yêu thích đặc biệt, và hiện nay trên thế giới chưa ai có Vanda màu này cả. Chú vẫn bảo:

"Chỉ ba năm nữa thôi là sẽ có Vanda mang tên Hiên. Cháu sẽ nổi tiếng đấy nhé".

Tôi cười:

"Cháu không cần nổi tiếng, cháu chỉ thích pha màu những đóa hoa. Điều này họa sĩ chỉ cần vài phút, còn mình thì phải mất mấy năm. Chú có bao giờ thấy sốt ruột không?"

"Không. Trong lúc chờ đợi mình làm nhiều thử nghiệm khác. Và mình được hy vọng mỗi ngày".

Ba năm nữa tôi sẽ biết được khuôn mặt của những cây Vanda non này. Trong thế giới lan, ba năm là một thời gian quá dài. Bởi mỗi ngày, trong các phòng thí nghiệm, người ta có thể tạo ra cả trăm loài lan mới. Người ta dành dật nhau thời gian và những hạt phấn hoa. Một cây lan quý rất có thể bị đánh cắp dù vẫn ở cạnh mình. Trong hội chợ lan, có người đã từng ăn cắp phấn hoa để về tạo ra những phiên bản y chang.

Tôi sắp xếp lại những ống nhỏ đựng mầm rễ và cây non. Cạnh đó là bưu thiếp cô chú gửi từ châu Á, cô viết đã mua nhiều quà cho tôi lắm, chú cảm ơn tôi trông hộ vườn lan. Tại sao chú lại cảm ơn. Những lời lẽ có phần khách sáo và không thật với con người chú. Tôi đến đây mỗi ngày là vì lan, hay đúng hơn là vì tôi. Tôi nghĩ chú hiểu điều này, cũng như chú từng hiểu nhiều điều mà tôi không nói ra. Không hẳn là chú đọc những ý tưởng trong đầu tôi, mà là một sự đồng cảm. Điều này làm tôi thấy yên tâm, thấy dễ chịu, và nhiều khi muốn khóc. Vì vậy, những dòng chữ trên bưu thiếp như của một người xa lạ. Tôi không tìm thấy chú Tường trong đó.

Hệ thống báo động cho tôi biết ngoài kia trời trở gió. Tôi đến ngồi bên cửa sổ, nhìn xuống vùng đồi lan chập chùng rực lên trong ánh nắng cuối ngày. Chú vẫn hay ngồi đây, đối diện với một cành lan ngoài vườn,thường là một tác phẩm mới ra đời. Có lúc chú cần một tách trà, có lúc chú cần nhạc, có lúc chú cần tĩnh lặng tuyệt đối. Chú ngồi im, đăm đăm nhìn những đóa hoa của mình.

Ngoài cửa sổ hôm nay là một cành Vanda bướm, đẹp như mới gỡ ra khỏi một bức tranh. Những chiếc lá hình nan quạt sắc sảo cứng cáp như nét vẽ, những cọng rễ trắng xanh buông rủ vướng vít ngoài khung gỗ, một cụm hoa tha thướt và trang trọng nghiêng mình nhìn xuống tôi. Màu của hoa kỳ lạ lắm, có khi tím ngát, có lúc biếc xanh, tùy vào ánh sáng trong vườn , lúc nắng lên hay chiều xuống. Nó bí ẩn như màu rừng thẳm trên những viên đá ngoài bờ suối, có bóng cây lá rong rêu thấm vào.

Tôi thấy nó lần đầu dưới bóng cây si xanh mướt dù lúc đó mùa thu đang trút lá. Chú ngồi trên chiếc ghế mây gần đó, mỉm cười bảo tôi: "Nhìn lên đi, cái chạc cây trên đầu cháu ấy".

Tôi quay lại, giật mình thấy một con bướm to màu tím vướng trong chùm lá. Gió nổi lên rào rào trong vòm cây làm nó không thoát ra được. Tiếng chú sau lưng:

"Đẹp không? Vanda mới nhất đấy! Lạ nhất là cánh hoa giữa hình môi(*).Hiên để ý nhìn kỹ xem".

Tôi thấy rờn rợn.Cánh hoa hình đôi môi của

lan đã biến dạng ra một con bọ với cái đầu quá khổ, trán thấp cằm bạnh, đôi mắt tròn xoe nhìn tôi chằm bằm. Nó là con sâu, mặt khỉ, khoác lên mình cánh bướm nhung mượt mà huyền ảo. Tôi biết ngay đóa hoa này rồi sẽ "nổi tiếng". Không hẳn vì nó đẹp, mà vì nó bất thường. Khi nhìn ngắm nó, người ta sẽ hoang mang sẽ tự hỏi có lẽ nào lại thế. Tôi không chỉ nhìn nó như một đóa hoa, tôi nhìn thấy biểu tượng của vẻ đẹp hóa thân từ một thứ gớm ghiếc nhất đời. Những người bi quan sẽ tiếc cho cánh bướm có con sâu ma quái. Những người hiếu kỳ sẽ săn lùng nó bằng mọi giá.

Tôi còn nhớ sau đó đúng một tuần chú nhận lời tham dự một buổi thuyết trình ở trường UC.S.D. Ngay hôm chú vắng nhà thì cô Đào đến chơi. Cô Đào là bạn của cô, cũng yêu lan, bộ sưu tập của cô khoảng hơn trăm cây, phần lớn từ vườn nhà chú Tường. Đúng như tôi đoán, cô Đào bị cây Vanda bướm mê hoặc ngay lập tức. Cô săm soi từng chi tiết như nhà bác học sử dụng kính hiển vi, rồi cô lùi lại mấy bước nheo mắt ngắm nghía như họa sĩ khi mới quẹt xong những nét cọ cuối cùng.

Xong cô lại đi vòng quanh cây hoa, đánh giá tổng thể như đạo diễn đang cân nhắc tuyển chọn người mẫu. Cô cứ lắc đầu quầy quậy, miệng than thở: "Không thể tưởng tượng được. Không thể nào tưởng tượng được. Ôi Trời! Không làm sao tưởng tượng được".

Cô lúc đó đứng tựa vào gốc cây, mỉm cười bảo cô Đào :

"Cây lan này mới ra hoa lần đầu. Biết hôm nay Đào đến, anh Tường dặn mình treo sẵn ngoài vườn để tặng Đào".

Tôi điếng người nhìn cô trân trân. Cô có điên không? Cô vẫn nói với cô Đào mà mắt lại nhìn tôi. Chúng tôi cứ nhìn nhau như thế. Tôi không hiểu cô nghĩ gì, vì cây vanda này còn đang trong thời gian thử nghiệm. Nó là duy nhất trên đời. Và chú Tường chưa kịp lấy cấu trúc di truyền để tạo những phiên bản mới. Nhưng tôi không có phản ứng nào cả, vì cái nhìn của cô làm tôi hoang mang, nó vừa diễu cợt vừa thách thức. Tôi còn nhớ như in hình ảnh cô lúc đó, đầu ngước cao đài các, chiếc áo trắng mỏng tha thướt tạt theo chiều gió, cô khoanh tay khép sát vào ngực trong dáng vẻ kiêu kỳ và cô độc.

Theo lời chú kể thì ngày xưa cô yêu lan lắm. Đam mê lan bắt nguồn từ cô. Mỗi lần đến thăm thay vì mang hoa hồng thì chú lại cố tìm loài lan mới tặng cô. Tình yêu biến ý thích của cô thành đam mê của chú. Hai người vào rừng, đi ngoại quốc tìm lan lạ. Bắt đầu chỉ vài chục cây rồi con số cứ nhân đôi mãi thành trăm thành ngàn. Cuối cùng thì giấc mơ chú xây dựng cho cô đã thành hiện thực. Còn cô lại bắt đầu thờ ơ. Cô chắc mệt mỏi với việc chăm sóc cả ngàn giò lan ngày này sang ngày khác. Nhưng chú Tường không nhận thấy điều này, chú bận rộn với việc sáng tạo, giải quyết những thử thách mới chú tự đặt ra cho chính mình.

Chuyện cô Đào làm tôi suy nghĩ mãi. Mấy tuần liền tôi tránh không dám đến. Gọi điện thoại hỏi thăm chú về có khỏe không, chú hỏi lại: "Cháu trốn đi đâu thế?". Chú biết là tôi trốn chú?

Tôi gặp lại chú dưới bóng cây si già. Chú an ủi tôi trước, dỗ dành như tôi vẫn còn là đứa bé. Khí lạnh của mùa thu se sắt làm tôi cảm thấy sức nóng kỳ lạ từ ngực và hơi thở chú. Chúng tôi đứng tựa vào nhau, tay chú ràng quanh bờ vai tôi. Tôi tha thiết muốn ôm lại chú, ghì sát vào thân thể mình đang vô cùng mềm yếu. Nhưng rồi chỉ hỏi chú có buồn không. Chú nói: "Chú sẽ buồn nếu vì thế mà Hiên không đến nữa".

Tôi gần như nín thở. Sức nén bên trong làm tôi choáng ngất. Và người thì nhẹ như đang thoát bay cùng với gió

Tôi muốn nghe chú nói mãi, nói mãi. "Cháu đa cảm quá. Rồi cháu sẽ cô đơn". Tôi nói cô đơn là do mình tự chọn. Chú cười khẽ, nhưng giọng nói có chút gì buồn bã:

"Ừ, người nghệ sĩ suốt đời chỉ cần chơi với chính mình thôi. Thế cũng đủ rồi."

*

Tôi cũng đang chơi với chính mình đây, và cành lan trước mặt luôn gợi nhớ về bao nhiêu ký ức. Sau đó thì mọi chuyện trở lại bình thường. Cây Vanda bướm của cô Đào đã gãy sau một cơn bão gió. Chú làm lại từ đầu, suốt ba năm chỉ tập trung vào loài Vanda hiếm muộn ấy, như tái tạo lại một đứa con đã chết. Công việc lần này cực kỳ khó khăn. Bao nhiêu mầm èo uột, chết non, hoặc mắc một thứ bệnh kỳ lạ. Chú gây cả ngàn cây, chỉ giữ được độc nhất cành lan này - mạnh mẽ và cho hoa thật đẹp. Cánh hoa màu tím biếc xanh có khoang viền màu nhạt như cánh bướm, và chính giữa là con sâu mặt khỉ ngồi thu lu với đôi mắt to trô trố.

Tôi hỏi chú định đi đâu trong hai tháng hè. Chú cười, bảo: "Chú đi với cô". Cô mơ màng:

"Lâu lăm rồi cô chú mới lại đi chơi xa như thế này, có lẽ từ trăng mật đến giờ". Tôi nghĩ thầm, mười hai năm cho hai lần đi xa, cô thờ ơ với vườn lan vì vậy. Trông cô đăm chiêu, tôi nhìn cô - người ta vẫn nói đôi mắt người sắp đi xa mang hình ảnh nơi họ sẽ tới. Tôi muốn tìm trong mắt cô bóng dáng con thuyền trên mặt biển xanh ngắt, hoặc đường phố rộn ràng đèn sáng như sao. Nhưng không hiểu sao chỉ thấy những cánh đồng hoang vắng ngút ngàn, hình ảnh một đoàn tàu lửa đập vào đầu tôi, băng qua những bụi lau chập chùng vô tận.

*

Chú gọi tôi vào sáng sớm:

"Chú đánh thức Hiên dậy, phải không?"

Tôi trả lời không trong một cảm giác lạ lùng, chú đang ở đâu đây, tối qua tự dưng tôi có linh tính chú sẽ gọi cho mình.

"Chú đang ở Athens, khuya lắm rồi, chờ cô ngủ chú mới gọi cháu được. Cháu đang làm gì?"

Tôi nhìn ra bàn - một bình trà và hai chén nhỏ in hình những chiếc dù nhật bản xen lẫn hoa cỏ và những vệt màu tươi trên áo kimono. Chén hồng nhạt hoa anh đào của tôi, chén xanh lục màu thủy trúc của chú. Những buổi sáng ở đây đã trôi qua như thế, tôi ngồi một mình, uống trà một mình, nhưng không hẳn một mình.

Tôi hỏi: "Chú có chuyện gì quan trọng không?"

"Cháu thông minh lắm. Chú muốn nhờ cháu một việc, Chú có người bạn là chuyên viên trang trí nội thất, trước khi đi chú đã nhờ anh ấy thiết kế lại toàn bộ nhà. Cháu liên lạc ngay hộ chú, nói anh ấy bắt đầu ngay ngày mai."

"Khoảng bao lâu thì xong chú biết không?"

"Chắc chắn sẽ xong trước khi chú về".

"Nhỡ cô không vừa ý thì sao?"

"Thật ra cô định để đi chơi về rồi làm. Theo như chương trình thì hai tuần nữa chú về, nhưng cô đổi ý đòi đi Ấn Độ một tháng. Thế nên chú định gây ngạc nhiên cho cô. Cháu giữ bí mật, đừng cho cô biết nhé!".

DƯƠNG KIỀN

Sát Na Yêu

Trong sương mù buổi sáng,
Mất hút những đồi,
Có không con chim hót,
Âm thầm một tiếng rơi.

Ta tìm ta không thấy,
Không em và không tôi,
Bình minh không vệt nắng,
Đời lạ mặt với đời.

Mở trang kinh phủi bụi,
Nhấp một chén trà ôi,
Không tìm ra câu kệ,
Dậy người sống với người.

Trong mù sương buổi tối,
Trong mù sương một đời,
Ta tìm ta đã thấy,
Sát Na em yêu tôi.

19-02-2002

Một tháng! Tôi kêu thầm trong đầu. Sao chú đi lâu thế, đi xa thế. Chú không nhớ vườn lan sao?

Chú hỏi:

"Hiên có khỏe không? Cây Vanda bướm đã ra hoa hết chưa?"

Tôi buồn bã bảo chú yên tâm đi, Hiên còn sống thì nó không thể nào chết được, chúc chú đi chơi vui. Nói chuyện xong thì ấm trà của tôi đã nguội. Khí lạnh ban mai làm tôi rùng mình. Ngoài kia sương trắng mỏng dần, nhưng trong nhà vẫn lạnh lắm. Lạnh như có người mới bỏ ra ngoài rồi quên không khép cửa lại.

Những tấm bưu thiếp cho tôi biết đường đi của

chú. Delhi, Bombay, Jaipur, Ấn Độ Dương..., hình những đền đài và lăng tẩm trong ráng chiều hư ảo, hội chợ lạc đà, đường lên sa mạc Thar, những tấm lều vải bạt cả vùng cát mênh mông đầy khói trắng, những trạm xe lửa nơi mỗi thành phố chú dừng chân. Cho đến lúc này mọi sự vẫn tốt đẹp. Cây Vanda bướm đã ra chín bông, còn thêm năm nụ nhỏ. Catlaya đen vừa nở rộ ngoài vườn. Nhiều người kiêng không dám trồng loại này, còn đối với tôi, màu đen của những cánh hoa là màu quyến rũ nhất. Nó gây cảm giác vừa mịn màng vừa rờn rợn của bóng đêm ẩm ướt.

Việc sửa nhà tiến hành gần xong, chỉ còn lại lối đi, hành lang và phòng làm việc của cô ở khuất trên lầu. Tôi phải dọn bớt sách vở khỏi tủ sách, ngăn kéo và bàn viết để những người thợ dễ di chuyển trước khi lót thảm và lát gỗ sồi trên tường. Tôi hơi ngại công việc này, vì phòng làm việc là của riêng cô, tôi chưa bao giờ đặt chân vào.

Tôi có cảm tưởng mình đang xâm phạm thế giới riêng tư của người khác. Những cuốn sách cô đọc cho biết cô là một phụ nữ trí thức, thông minh, tinh tế, có khiếu thẩm mỹ cao. Thực sự những điều này tôi đã biết rồi. Cô thích nghệ thuật, văn chương, thông thạo năm ngoại ngữ Anh, Pháp, ý, Đức, Tây Ban Nha. Những điều này tôi cũng đã biết rồi. Nhưng những cuốn sách nằm khuất ở ngăn cao nhất của tủ sách làm tôi ngạc nhiên và tò mò. Sách viết bằng một ngôn ngữ hoàn toàn xa lạ với tôi. Ngoài ra có cuốn tự điển Hindi-Anh, tài liệu tiếng Anh về Ấn Độ, và cuốn Du Lịch Ấn Độ Bằng Xe Lửa. Tôi giữ lại cuốn này, còn tất cả cho vào thùng, chuyển sang phòng khác để toán thợ làm việc.

Tôi mang sách ra đọc ở phòng thí nghiệm. Hình chụp trong sách từa tựa ảnh và bưu thiếp chú gửi về. Những lộ trình bằng xe lửa đi lễ hội, đền đài, hành hương, sa mạc, và săn bắn. Chỉ trừ đi săn, còn tất cả các tour kia chú đều đã dự. Và bằng xe lửa. Có lẽ thế sao. Chú nói chú đang đi phiêu du, đến Hy Lạp mới nghĩ ra đi Ấn. Còn tôi thì lại nhớ tới đôi mắt cô trước khi đi, hình ảnh những toa xe nối tiếp nhau đập vào đầu tôi. Cứ như chúng nằm trong dự định của cô, từ trước.

Hôm sau tôi nhận được hình chú chụp ở Lâu Đài Gió, một kiến trúc gồm những khung cửa nối tiếp chồng chất lên nhau. Chú viết: "*Khung cửa chỉ là những khoảng trống để gió lùa vào, ở đây không có cánh cửa, chỉ có những tấm màn thật mỏng để người bên trong ẩn mình nhìn ngắm đời sống bên ngòai. Đêm đến, chúng trở thành những lỗ hổng thu hút gió. Gió chạy đuổi qua các phòng, gió cuốn quanh những hành lang, gió xóay suốt lên đỉnh tháp cao, và những tấm màn bay lượn quay cuồng theo điệu nhạc gió. Người ta sắp xếp những khung cửa sao cho hơi gió có giai điệu, và tòa lâu đài biến thành một nhạc khí vi vu*". Tôi tưởng tượng ra những phụ nữ Ấn quí tộc ngày xưa giam mình trong đó, những vòm mái chạm trổ tuyệt xảo như rèm mi rủ xuống những đôi mắt rỗng, tòa lâu đài như biết thôi miên bằng hàng trăm cặp mắt thần linh.

Trở lại phòng thí nghiệm, tôi đọc tiếp cuốn Du Lịch Ấn Độ Bằng Xe Lửa. Có nguyên một trang nói về Lâu Đài Gió, trang kế là bản đồ. Trên tấm bản đồ có người đã dùng bút màu đánh dấu và nối kết những địa danh. Chính là lộ trình cô chú đã đi qua. Từ đó tôi dõi theo từng dấu mốc khúc mắc: sa mạc Thar đến Lâu Đài Gió , hướng lên đông bắc vào Manipur. Đường đi dừng lại ở đó.

Điện thọai vào buổi tối, biết chỉ có chú gọi, vậy mà trái tim tôi vẫn đập mạnh, vẫn nhói đau. Giọng chú lo lắng:

"Hiên sao thế, chắc có gì lo nghĩ phải không?"

Tôi muốn nói sao chú đi lâu thế, có biết tôi đang chờ không; nhưng rồi chỉ hỏi hôm nay chú làm gì, chú đi những đâu. Chú kể hôm qua cô chú theo đòan safari đi săn, tôi cười:

" Thế chú có săn được con thú nào không?"

Chú cũng cười:

"Đáng lẽ được nhiều lắm, nhưng chú lại nhìn thấy lan rừng. Thế có chết không! Hiên bảo chú phải làm gì?"

Một điều gì chợt vỡ òa trong lòng tôi, nửa như niềm vui, nửa như trách móc. Tôi thấy mình không phải, nhưng không thể không hân hoan, không mong đợi. Tôi vẫn cầu mong chú bình an trong mỗi giây mỗi phút của chuyến đi, và giờ thì tôi biết chắc những đóa lan rừng không cho chú một lúc nào yên nghỉ. Chú tả lan rừng cho tôi nghe, chú nghĩ có thể là Vanda, hoặc Ascocentrum, cũng có thể không phải, chú chưa nhìn thấy bao giờ, toàn những mầu rất lạ, hình dáng cũng lạ, hỏi những người ở đó cũng không ai biết. Vào sâu trong rừng thẳm sẽ còn nhiều nữa. Những cây lan ấy chưa được phân lọai, chưa ai biết đến, chưa ai sở hữu.

Tôi thầm cảm ơn những đóa lan rừng, tựa như chúng đã mang chú về gần tôi hơn một chút. Dẫu sao tôi cũng nhắc:

" Chú đi chơi với cô chứ không phải đi tìm lan đâu đấy".

Tôi biết chú đã cam kết với cô rằng chuyến đi này không dính líu gì đến chuyện tìm lan cả. Chú thở dài:

"Cô không ngờ khu rừng này là nơi còn nhiều lan dại nhất trên mặt đất, cả ngàn loài hoa, cả một kho tàng. Cô bảo mang lan rừng về nước khó lắm, nhưng chú biết cách".

Tôi hỏi:

"Chú phải bỏ tiền để người ta chứng nhận là lan nuôi trong lab phải không?"

Chú cười, "Ừ chỉ cần có tiền, vào sâu trong rừng mới khó. Chú định để cô ở lại chơi trong thành phố, chú thuê ba người Ấn đi dẫn đường và mang cây về, khoảng vài ngày là xong".

Một linh cảm xui khiến tôi dặn dò:

"Chú cẩn thận nhé, trong rừng có thú dữ không?"

Im lặng vài giây rồi tôi nghe tiếng chú dịu dàng:

"Phải mang theo súng chứ Hiên".

Tay tôi lạnh toát. Những ý tưởng vụn gẫy lóe lên trong đầu, nhưng tôi không kịp phân tích chúng.

Tôi chỉ nhớ câu nói cuối của chú: "...rừng lan ở biên giới Ấn và Bangladesh".

Tôi đã nhìn thấy nó trên bản đồ.

Đường vẽ ngoằn ngèo theo suốt hành trình của chú ngừng lại ở đó, tựa như đó là đích tới cuối cùng. Suốt hai ngày dài tôi tìm trong chồng sách của cô những đoạn nói về rừng rậm Manipur, nơi nổi tiếng về lan dại,và đầm lầy. Không phải chỉ vài ngày như chú nói, muốn vào tận trung tâm rừng người ta phải băng qua những bãi lầy từ hai đến ba tuần. Dọc đường là rắn độc, beo gấm ,và những cạm bẫy ngầm.

Không còn nghi ngờ gì nữa: những đóa hoa rừng đâu phải là một tình cờ, nó nằm trong toan tính của cô. Cô đã chuẩn bị chu đáo, kỹ càng như tất cả chỉ là ngẫu nhiên, chỉ là chuyến phiêu du vô định. Đầu óc tôi sáng suốt lạ lùng, tôi như nhìn thấu vào bóng tối, thấy một sợi dây nối kết những hình ảnh đã được xếp đặt từ lâu - căn phòng này, những cuốn sách này, tấm bản đồ này, và chuyến đi chấm dứt ở một nơi không du khách nào muốn tới. Cũng chẳng có lối về.

Tôi bỏ ra vườn, đi giữa bóng đêm, đi thăm những đóa hoa. Mấy ngàn cây lan quen thuộc với tôi, tôi biết tên của từng cây một. Chúng là bạn tôi, những người bạn thầm lặng và đáng tin cậy nhất. Tôi vẫn cảm được ý tưởng của chúng, ngay vào lúc này tôi biết chúng không chỉ an ủi tôi, linh tính cho tôi biết chúng muốn báo cho tôi biết một điều gì đó. Tôi cứ đi hết khu vườn này đến khu vườn khác, những bông hoa mịn màng và mê đắm hơn trong sương. Tôi vào nhà kính, những cành lan vẫn đứng ngồi trong thế giới bình an của truyện thần tiên. Những bộ máy vẫn bận rộn làm mây trắng phả hơi nước xuống hoa. Hệ thống báo động vẫn chăm chỉ nhấp nháy những thông tin thường nhật. Tất cả vẫn bình thường. Không có gì đe dọa sự sinh tồn của chúng. Tôi đến phòng thí nghiệm. Những cây non, những mầm sống mỏng hơn bụi phấn vẫn bình yên trong ống kính. Tôi ngồi vào computer, những tên hoa lướt qua màn ảnh. Dáng vẻ, hình dung, màu sắc từng loại hiện lên trong đầu: tôi yêu loài hoa này, chú yêu loài hoa kia, cả chú lẫn tôi đều mê mệt một cây lan khác. Bất chợt tôi hiểu. Hiểu là mình đang đi tìm điều gì.

Điều ấy làm tôi hoảng loạn.

File Vanda 2001 chỉ còn là một hồ sơ rỗng.

Tôi chạy đi tìm cây Vanda bướm. Nó vẫn ở dưới cành si già. Trực giác cho tôi biết điều gì đó ẩn nấp đàng sau những cánh hoa. Mới sáng nay chúng còn mọng nước và tươi mát. Bây giờ cánh hoa mỏng tanh, tôi nhìn được những đường gân cong quắt. Những đóa hoa bị hút kiệt sinh lực. Chúng khô héo và tàn tạ.

Đấy là lần đầu tiên trong đời tôi chứng kiến một sự kiện lạ lùng như vậy.Bởi những bông hoa không bao giờ chết cùng một lúc chỉ trong một ngày.Đấy là lý thuyết, là khoa học, là kinh nghiệm, là một điều không thể phủ nhận. Vậy mà cây Vanda bướm đã phủ nhận tất cả. Nó đứng ngoài, thách thức tất cả.

Tôi mang nó trở lại phòng thí nghiệm. Tôi biết đêm nay tôi sẽ không ngủ được. Tôi cũng không muốn trở vào nhà. Tôi ngồi suốt đêm với những bông hoa tàn, và một hồ sơ hoa rỗng. Ai đó đã xóa sạch nội dung. File Vanda 2001 chỉ còn là một cái tên. Tôi nhớ ra chú chưa kịp đặt tên cho cây lan này, như một điềm báo trước.

Sáng hôm sau tôi phát hiện những đốm vàng úa trên nhánh lá già gần rễ nhất. Thử bằng thuốc trừ nấm, hôm sau nữa tôi biết là chữa không đúng bệnh ,vì đốm vàng lan rất nhanh sang những lá gần đó. Tôi ngờ rằng nó bị một thứ virus lạ, khả năng hủy hoại như bệnh ung thư của loài người, nhưng tốc độ thì nhanh hơn nhiều.

Sang ngày thứ tư, những cọng rễ bắt đầu ung thối. Mầm bệnh lan rất nhanh, cắt chỗ này nó chạy sang chỗ khác. Tôi thấy mình tuyệt vọng.

Bây giờ điều duy nhất tôi còn có thể làm chỉ là viết phần cuối của File Vanda 2001 - hồ sơ bệnh lý cho loài hoa yểu mệnh. Nó sẽ chẳng bao giờ được đời biết đến.

Tối ngày thứ sáu có điện thoại. Tôi mừng rỡ và lo ngại. Hy vọng và sợ hãi. Tôi cần nghe tiếng nói của chú biết bao.Tôi cần môt điểm tựa để ngoi lên khỏi những tư tưởng u ám và bệnh hoạn này.

"Hiên đấy à? Phải Hiên không?"

Tôi nhận ra tiếng của cô. Ôi, tôi nhắm mắt lại. Hình ảnh chú hiện lên trước mặt, quần áo khaki đi rừng bê bết sình, đôi mắt u buồn gắn trên nụ cười bất biến. Tôi hỏi:

"Chú chết rồi phải không?"

Có tiếng khóc ở xa vọng lại:

"Không, chú mất tích trong rừng. Nhưng tại sao Hiên biết?"

Tôi trả lời bình tĩnh hơn tôi tưởng:

"Cọp beo. Đầm lầy. Rắn độc. Còn gì nữa không? Chúc mừng cô."

Tay tôi lạnh buốt, người tôi run cầm cập tựa như nhiệt độ trong phòng mới tuột xuống đột ngột. Tôi ôm chặt lồng ngực, đau xói lên như bị dao nhọn xoáy vào. Trái tim trong bàn tay tôi căng nhức, nó đập hỗn loạn vô nhịp điệu. Tôi muốn móc nó ra, nếu có thể được - để đổi lấy cây Vanda cho chú.

Tôi cứ vật vã như thế trong suốt hai tuần sau đó. Ngày và đêm cứ trôi qua như bóng. Ngày và đêm cứ lướt đi không để lại dấu vết gì trên ký ức mờ mịt của tôi. Trí não tôi tê dại. Nhưng nỗi đau vẫn vô cùng sắc nhọn. Vườn lan thêng thang quá, và nỗi cô độc đáng sợ đến tột cùng. Chẳng lẽ không bao giờ, không bao giờ nữa sao, không bao giờ tôi còn nhìn thấy chú. Những lúc mê man tôi đi tìm chú. Nhiều lần tôi thấy chú thấp thoáng dưới gốc si già. Có tiếng nói trong đầu bảo tôi: "Chú đang ở gần đây, giữa những cành lan, chú đang nhìn thấy Hiên đó". Đôi lúc tỉnh ra, tôi thấy mình ôm một bụi lan khóc rưng rức. Có lúc tôi thấy yêu thương thật nồng nàn những đóa hoa. Có lúc tôi thấy chúng hoàn toàn vô giá trị. Chúng vô tri. Chúng thờ ơ. Vẻ đẹp của chúng tỏa ra một thứ hương độc ác.

Lúc bình tĩnh trở lại tôi biết mình phải làm gì. Thư cô mấy ngày nay tôi không đụng đến. Tôi muốn viết vài hàng để lại cho cô , nên mở thư ra đọc. Cô viết:

"Hiên hiểu lầm hay là Hiên tưởng tượng? Không ai đẩy chú vào tình huống này cả. Chính chú tự chọn kết thúc này. Chú biết khu rừng này hơn mười năm trước. Chú biết nhiều người từng bỏ mạng vì tìm lan. Nhưng hôm đi săn nghe nói vào sâu trong rừng có Vanda màu rêu - màu Hiên thích, màu chưa ai có - thế là không ai ngăn cản được. Thật ra không phải lỗi của Hiên. Đam mê của chú đã giết chú. Mà cũng không riêng gì chú, tất cả những người chơi lan đều điên dại như thế. Họ theo đuổi lan như theo đuổi đàn bà , theo đuổi người tình. Họ tham muốn tất cả các loài lan trên đời, họ không biết họ sẽ chết trước khi đạt được ước mơ. Một thứ đam mê nguy hiểm và tối tăm chi phối họ. Nó không bao giờ biết buông tha. Nó khốc liệt hơn ma túy. Bởi nó được che giấu bằng vẻ đẹp siêu phàm của những đóa hoa. Lan là nỗi ám ảnh tàn ác nhất.

Về những cuốn sách trong phòng, tất cả chú đều biết và đã đọc. Có thể tuần tới Hiên sẽ nhận được quà của chú. Tôi còn phải ở lại để chờ xác nhận và làm thủ tục."

Tôi ra cảng nhận quà của chú. Món quà cuối cùng chú dành cho tôi là hơn trăm cây lan dại. Tôi mang tất cả ra vườn, ngồi trên đất, lặng im ngắm nhìn chúng. Trông chúng không được khỏe, không được vui. Chuyến đi dài làm chúng mệt mỏi, cũng có thể chúng nhớ rừng. Tôi vuốt nhẹ những phiến lá - nghĩ đến đôi bàn tay dài và gầy của chú. Chú đã đệm thêm sơ rêu và vỏ cây để bảo vệ những cọng rễ khi di chuyển. Tôi chú ý đến một tảng rễ to nhất, được cột kỹ lưỡng hơn hẳn những cây khác, một mẩu giấy nhỏ ghi chú: "Vanda màu rêu".

Hoa đã tàn cả. Chùm rễ dài cả thước như mái tóc rối. Tôi gỡ từng sợi, gượng nhẹ trong một trạng thái kỳ lạ. Khi không còn sơ nữa, tôi thấy đám rễ già nhất quấn quanh một vật gì giống khúc cây. Đụng vào, tôi biết không phải. Nó từa tựa xương khô. Có thể là xương người - người đó có thể đã đi tìm lan, đi tìm một điều gì huyền hoặc ẩn hiện như chỉ trong tầm tay, nhưng cái chết lại gần hơn thế nữa.

Tôi ngồi vậy, rất lâu, như sẽ mãi mãi ngồi như thế. Gió trong vườn thổi rùng rùng ớn lạnh như một mùa thu trút lá đã xa. Ký ức tôi quay lại gốc si già. Con bướm xanh vướng trong chùm lá . Nơi lần đầu tiên chú ôm tôi. Chưa bao giờ chú gần tôi đến thế. Tôi ôm cây lan vào ngực - cả hoa tàn, lá úa - cả rễ khô, xương mục. Tôi hôn nó điên cuồng./.

(*) Phong lan thường có hai cánh trong, ba cánh ngoài, và một cánh giữa hình môi (lips)

NGA NGA LƯỠNG NGA NGA

NGUYỄN VĂN THÀ

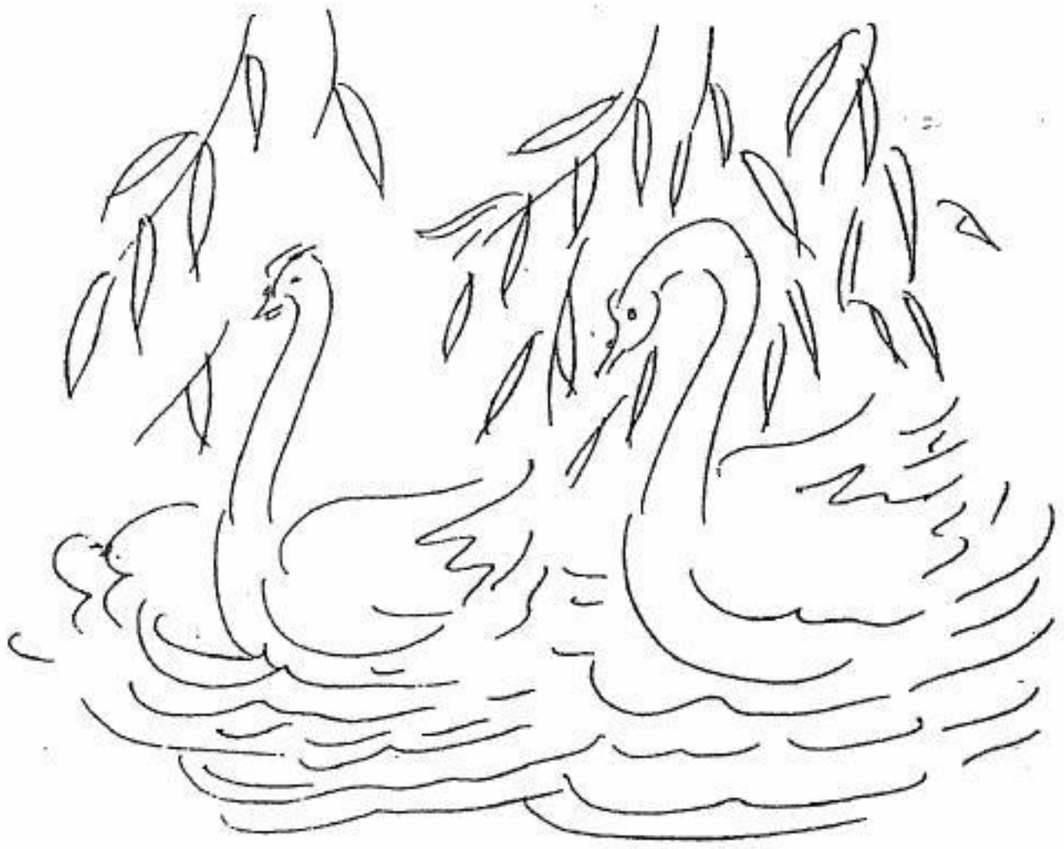

Người tệ hơn thú, người Tây thời gian gần đây hay nói. Cứu vật, vật trả ơn, cứu nhơn, nhơn trả oán, người mình nói đã từ lâu. Còn người Tàu: Người Nhà Nước tàn ác, thà ở với cọp dữ. Nhưng đồ vật thì hiền hơn người, lành hơn cả thú. Ý nghĩ như thế chợt loé lên trong đầu Nam khi anh đang lúi húi ăn sáng trước giờ đi làm, lúc ngoài trời còn tối đen. Anh bấm nút chiếc đèn bỏ bàn nhỏ, thấy cái đầu cúi lặng lẽ của nó mà thương. Đèn soi, tắt. Ghế ngồi lên, bỏ trơ. Chiếc bàn viết gọn gàng, giấy má ngổn ngang. Nồi cơm điện thơm ngát xôi đậu, mốc meo cơm thừa. Sách thơm giấy mới, sách bụi bám. Bao quần áo thơm mùi thuốc giặt, thum thủm mồ hôi. Đồ gỗ, đồ nhựa, đồ sắt, đồ vải sợi, đồ giấy... như những trẻ nhỏ, như những người bạn đời, hay, đôi lúc nhìn quanh căn phòng chật hẹp tựa xà lim của mình, chúng với anh như những bạn tù ki cút lâu năm.

*

Thầy Ngọc Chiếu đang lon ton tưới mấy cụm hoa quanh cột cờ trại tạm giam Cá Lớn. Thầy lúc nào cũng vui. Không biết thầy vui vì thầy đã đạt đạo, hay tính khí thầy bẩm sinh vui vẻ như thế. Đáng lẽ ra thầy phải rầu mới phải, vì thầy bị các người tù trong trại tạm giam gán cho cái biệt hiệu từ đời xửa đời xưa dân gian vẫn hay gán cho những thầy chùa thích đàn bà. Người đàn bà đó là bà Yến. Tuy bà đã có con 18 tuổi, cái thằng thỉnh thoảng lén thăm mẹ ở ngoài hàng rào trại tạm giam, bà vẫn còn trẻ như một cô gái hai mươi, hai mốt. Lẽ ra quê chết đi được, vậy mà thầy vẫn bình thường. Có người khinh bỉ chê bai, thậm chí gọi xách mé thầy là thầy «Ngọc Hành,» nhưng cũng có kẻ cho là thầy đã giác ngộ chân như, thấu được lẽ bất nhị nên thầy mới ung dung giữa những lời ong tiếng ve.

Không như anh chàng Nam, từ ngày yêu cô Nga, yêu thì yêu đấy, thích thì thích đấy, nhưng cứ xấu hổ, ngóc đầu không nổi vì anh bị mọi người cười chê. Nhiều kiểu cười chê, nhưng tựu trung: Anh là dân trí thức (Nam tốt nghiệp trường kỹ sư Phú Thọ) mà đi yêu con *Nga chôm chỉa*. Nhưng làm sao mà không thương được người con gái tên Nga ấy! Vẻ mặt buồn buồn thuyền trời lạc bến. Ngọc ngà tay Đức Mẹ toà cao, ngón mềm Quan Âm Bồ Tát, mọng nước Cam lồ mát dạ chúng sinh; bàn tay ấy không thể nào chôm chỉa được, không thể đã từng dùng ống bơm dập vào gáy khách bộ hành. Giọng nàng mật ong nhỏ từ Như Ý. Người cao ráo, dáng đi nhẹ nhàng tựa bóng chiều hoàng hạc ngàn năm một lần ghé bến hoàng hoa. Lại còn nút ruồi dưới cằm, vệt thuốc độc nhân ngãi; lại còn đôi mắt lá răm sắc như kiếm báu xứ Hời. Mà dù Nga có ăn cướp thì đã sao? Xã hội phải chịu trách nhiệm phần lớn những hành vi tội lỗi của con người sống trong xã hội đó, không phải vậy sao? Nhất là khi nàng phải bơ vơ giữa

cái xã hội nghèo đói, mắc phải ách hà chính thụt lùi hàng ngàn năm lịch sử văn minh nhân tính. Nam có đủ kiến thức xã hội học để biện minh, cho Nga. Rồi còn nữa: nào là tha thứ, nào là bao dung; những thứ ấy, anh đầy dư vạn hộc. Nên chàng trai ấy thương nàng *Nga chôm chỉa* tình yêu dâm bụt, nên yêu *Nga ống bơm* hoa chuối sân tù. Vậy mà nhiều kẻ lại thương xót cho *ông thầy* Nam, dù những kẻ ấy khi chia bắp hột, chắc chắn không chịu cho Nam nhiều hơn họ một hột, dù những kẻ ấy, những lúc Nam đau răng chết cha đi, rên cho mày rên, chẳng ai thèm hỏi, ngay cả cái thầy Linh, cái ông thầy giảng tính vượt biên qua Rôma để học viện thần học Thánh Giáo hoàng Grêgôria Cả trứ danh, cho thỏa lòng ham chuộng trí thức cao cả về đạo Chúa Trời, khi Nam xin chút dầu xanh xức răng đau, cứ chối phắt rằng không có, nhưng khi biết Nam, một người có học như mình, mà lại đi mê con nhỏ bụi đời, lòng thầy ta thương Nam vô hạn, nên cứ cận kề sớm tối khuyên can. Người ta thương xót bảo ban, người ta bảo ban thương xót cái bút cái nghiên anh đồ chấm bậy bãi phân trâu. (Lạ, vì cớ làm sao người ta để ý xót thương những người dây dưa chuyện trai gái loăng quăng, hơn gấp trăm lần để ý những kháng chiến quân trẻ, bị tra tấn, bị cùm kẹp, bị bỏ đói bỏ khát, bị ngạt thở, lở ghẻ đầy mình, ở biệt giam địa ngục bên kia, và chẳng bao lâu nữa sẽ bị mang ra hành quyết? Cái phồn thực của Nam, cái *yoni* của cô Nga cao trọng trong đầu óc họ đến như thế sao? Chúng còn cao trọng hơn những vầng chính khí?)

Khi xuống nhà bàn lãnh phần cơm Nam thấy các bạn tù tụm năm tụm bảy, vừa nhai bắp, vừa xì xụp canh rau *cải thiện*, vừa cười hô hố. Thằng Chín Đen, anh chàng dân *ba đờ ghe* thân nhất với Nam, khi thấy Nam đi vào, kêu lớn:

«Thầy Nam mấy bữa này có gặp ông thầy Ngọc Chiếu không?»

"Không, mà có gì vậy không Chín?"

"Thì nghe đồn là tháng trước, lúc bà Yến bị biệt giam mấy ngày, ông thầy Ngọc Chiếu, ổng rà rà giả tưới bầu gần khu biệt giam, dù đúng ra cái việc của ổng là việc tưới hoa sân cột cờ, chớ không phải tưới bầu khu đó, rồi ổng lén đưa cần câu thòng thuốc lá thơm cho bà Yến trong biệt giam, qua cái song sắt nằm cao tít tận mái. Thầy Nam có biết hông: bả còn làm mấy cha sĩ quan, sĩ quéo ở đây cứ nhìn bả thèm chảy nước miếng, tui vậy chớ, tui đã từng chơi bả rồi?"

"Xạo mày!"

"Có mặt đèn làm chứng. Hồi tui tổ chức vượt biên, tui móc nối bả. Bả chịu tui, tui chơi liền. Tui chơi bà, bả đã quá, bả rên 'Sướng quá anh ưi!' "

Thằng Chín kéo dài tiếng *ưi* dài thiệt là dài, làm mấy anh tù đang đau đáu nhìn chia bắp, cũng phải đồng loạt giật mình, ngoắt lại đằng sau, trợn mắt nhìn, cười rộ. Hai ba người gì đó nhao nhao:

"Xạo mày! Xạo mày! Mầy đen như cột nhà cháy, lại hôi rình như cú, ai mà thèm!"

Chín Đen cười hề hề, nhăn hàm răng trắng nhởn:

"Trời đất ơi, các người nói gì dzậy! Các người không tin, tui chứng minh cho các người thấy."

Nói rồi, hắn lập tức ra hứng hai thùng nước (hắn có nhiệm vụ gánh nước chế vào bồn nước trước dãy biệt giam) . Trước khi gánh sang bên dãy biệt giam, hắn gánh lạng qua dãy nhà tù nữ. Hắn vừa gánh vừa uốn éo cặp mông khá lớn của hắn, và: "Sướng quá anh ưi! Anh Chín đây Yến à! Sướng quá anh ưi! ... Mình đã từng thương nhau hồi đó, sao bi giờ em làm mặt lạnh với anh!" Cả tù nam đứng ngoài hiên, cả tù nữ còn trong buồng giam, cười đã đời. Mãi tới lúc có tiếng gã công an trực phía cổng giam quát lớn: "Anh Chín nói gì đó!? Liên hệ nam nữ bất chính hả? Cùm đầu bây giờ," Chín Đen mới chịu im.

Chiều hôm đó nàng Yến vẫn tươi mát trong bộ đồ bộ xanh xanh da trời đi qua đi lại giờ lãnh cơm nhà bếp. Cứ nhìn vào mắt của mấy anh sĩ quan, mấy tay trí thức (những kẻ mặc nhiên cho là mình xứng đáng với bà Yến) thì thấy rằng những lời khoe của thằng Chín là một sự láo khoét vĩ đại.

Người đàn bà đẹp đó có cái đẹp con nhà nòi, và con nhà nòi ấy lại được ăn trắng mặc trơn suốt đời: Bà là con của một bà chủ thuốc tây người gốc Huế, và là vợ của một ông đại úy đang còn cải tạo ngoài Bắc. Người đẹp mà lại gốc Huế thì đương nhiên thấp thoáng thêm cái vẻ hoàng phái của một tiểu thư, một mệnh phụ Công Tằng Tôn Nữ nào đó. Làn da, mái tóc, dáng đi, giọng nói của bà hội đủ những nét ước lệ về qúi phái xứ Huế. Một thầy tăng trọc đầu như thầy Ngọc Chiếu mà lại đi nói chuyện với người đàn bà đẹp, nhất là người đàn bà trắng nõn nường mà lúc nào cũng mặc những bộ đồ bộ vải lụa màu, thường là màu xanh da trời, dù chỉ thấy một lần, thì không có cái đầu óc của người thế tục nào còn đủ lý trí để hãm lại cái khuynh hướng vẽ vời thêu dệt mà Con Tạo cài vào từ ngày tạo dựng Âm Dương.

Ngày mồng một, tù không *được* đi lao động, nhưng Nam xin phép cán bộ ra được vườn bầu, vì anh là trưởng tổ tổ rau xanh. Nam muốn ra đó để ngắm được bầu trời rộng, và để được tắm nơi cái

giếng nước mát vườn bầu ngày mồng một Tết, như thói quen ngày ở quê nhà. Hồi đó, anh hay kiếm cớ để được giữ nhà sáng mồng một cho cả nhà đi lễ *misa*, hầu được tắm một mình giếng nước im ắng ngày đầu năm, khi mặt trời nguyên đán vừa ửng đỏ trời tươi. Vầng dương ấy là tình xuân trời. Nước mát ấy là tình xuân đất. Giờ nầy anh nhớ mẹ nhớ cha, nhớ thùng bánh tét cha lúi húi coi lửa châm nước cả đêm, như hạnh phúc lớn của ông, nhớ lát bánh xanh màu lá mạ mẹ xắn, nhớ sợi mật trong mẹ thắng vừa thơm. Nhớ những trang sách đọc đêm giao thừa; hương ngọt quyện quanh giấy cũ. Anh tạm thời quên đi những tháng ngày tù tội, quên những nhóm trí thức khệnh khạng rẻ tiền cùng buồng, quên luôn những lời tục tĩu dâm bôn của mấy đứa như thằng Chín Đen, quên cả những lời chào xáo về chuyện thầy tăng Ngọc Chiếu và kiều nữ Hoàng Yến, giữa anh và *Nga chôm chỉa*. Anh cảm thấy anh là người may mắn. Có lẽ là người may mắn nhất giữa đám tù khốn khổ xa quê. Một sáng xuân miền Nam bất hạnh.

"Chào anh Nam, năm mới! ... Mấy cội bầu xanh um, trái mỡ màng thiệt đẹp, thiệt như trong những bức tranh dưa của Lý Mã Nguyên."

Nam giật mình, nhìn lại:

"Thầy đó hả, chào thầy năm mới, mà thầy nói gì mà dưa với bầu...?"

"Tôi nói về vườn bầu đẹp, về Lý Mã Nguyên, một họa sĩ Đài Loan, chuyên vẽ về các loại bầu, bí, dưa hấu, dưa chuột..."

"Rồi sao nữa?"

"... mà Tàu họ gọi chung là Qua họa... Và anh xem, bầu trời lại xanh vút như thế này, trời như hút lòng người thế vào lòng xanh vô tận."

Nam cười nụ:

"Xin cho con được hỏi thầy: Màu xanh da trời hút lòng người thế vào cõi vô thủy vô chung, trong màu xanh trời bay áo ai chăng?"

"Hà hà hà...trời xanh, áo giai nhân là một."

"Khói thuốc lá thơm, giai nhân mặt ngọc; thầy tăng trọc đầu, kinh kệ bỏ quên."

"Nam mô A di đà Phật."

"Xin bậc cao minh thích nghĩa."

"Anh Nam ơi, Trời sinh ra tôi, bắt tôi yêu Cái Đẹp ở mức độ khác người. Hồi còn đi học trường Tây, có những đêm ôm tập tranh của Delacroix vẽ những nường *parisienne* khói thuốc bay bay, hao hao giống bà Yến, đã làm tôi không cách chi ngủ được. Rồi cái ông Nguyễn Du, thơ trác tuyệt mênh mang tóc trắng, thi ca dật dờ lữ thứ, làm dạ này dạ dạ chẳng an. Đòi phen, tôi như điên như khùng vì Cái Đẹp. Và anh Nam biết không: tôi theo Phật cũng chỉ vì quá mê Cái Đẹp trong tư tưởng của Tất Đạt Đa? Cái Đẹp ấy là Cái Tình. Tình thì làm cho ta mê đắm, kể cả loại tình mà tôi tạm gọi là tình tư tưởng. Chẳng thiếu gì người sống chết ăn nằm với tư tưởng. Cái tình tư tưởng cũng nguy hiểm, làm chết đuối con người chẳng kém mỹ nhân. Tư tưởng cũng làm người ta giật *orgasme*. Gã Cồ Đàm cũng tham lam lắm. Tham tư tưởng đến nỗi bỏ được cả thú ái ân vợ chồng, thú ăn ngon mặc đẹp, thú được người thế tôn vinh. Và rồi một ngày, ông đã khơi được nguồn tư tưởng từ đáy huyệt riêng ông. Nó vọt lên dữ dội như suối nước nóng gặp lúc địa chấn, rồi ào ào thác lũ, rồi êm đềm tưới gội hằng hà sa số lá ưu đàm nhân thế, và lòng ông bắt đầu một mùa lặng thinh xuân tứ, xuân tứ mênh mang Hi Mã Lạp Sơn. Và tuy rằng, vào cuối đời, ông ta nói là mấy chục năm nay ông chẳng nói gì, thì lời ấy là lời đã đời của một kẻ đã được no tình. Một loại đê mê Archimède sau ngày thảng thốt *eureka*. Và anh Nam ơi, Con Người bị kết án phải suy nghĩ. Ôi, cái lụy nhân sinh ấy to lớn nhường bao. Thiên đàng và địa ngục cũng ở chỗ đó."

"Hèn gì bên Công giáo có Charles Foucauld, người sáng lập dòng tu tiểu đệ, đặt thêm điều lệ trong lời *khấn khó nghèo* là người tu dòng của ông không được sở hữu cả chính sách vở là những nơi chất chứa thiên đàng địa ngục như thầy vừa nói."

"Vâng, mê sách vở cũng là một loại dục ghê gớm. Tạm gọi là *thư dục*. Vì sách vở mở ra cho ta bao nhiêu điều đẹp đẽ. Kẻ muốn lùa Cái Đẹp vào đầu mình, và kẻ ôm người đàn bà đẹp trong tay, họ không khác nhau bao nhiêu. Chuyện tôi mê tư tưởng Tất Đạt Đa và chuyện tôi yêu bà Yến cũng chẳng khác nhau là mấy. Anh Nam này, tôi nghĩ đã đến lúc phải đốt đi những chùa chiền, đập tan chuông khánh mà thiện nam tín nữ cứ thích trú ẩn vào, cứ thích gõ mãi không thôi. Họ đã được nuông chiều quá nhiều qua hàng ngàn năm nay rồi. Hư thân mất nết cả lũ."

Nam ngập ngừng:

"Hay nói cách khác: Cuốn Tình sự Kama Sutra và cuốn kinh Bát Nhã chưa chắc cuốn nào trên cuốn nào? Có thể nói được như vậy chăng?"

"Vậy là anh Nam hiểu được dạ tôi."

"Dạ.."

"Cảm ơn Nam đã chịu khó nghe những lời càn rỡ của mình, một nhà sư vướng lụy. Nam ơi, trút dạ cho Nam xong, mình bỗng thấy lòng trống rỗng và cô đơn như sau khi trải qua một cơn bạo bệnh.

Cảm ơn Nam đã nghe mình, như bao lần trước. Thôi mình trở vào buồng giam... nghỉ một lát."

"Dạ..."

Thầy quay lưng đi, so vai rụt cổ như không còn mang nổi hình hài cổ lụy đời mình, nhưng rồi như chợt nhớ ra điều gì, thầy gọi giật Nam lại, nghiêm trang:

"Anh Nam, *Nga nga lưỡng nga nga Hồng thủy trạo phong ba - Ngỗng ngỗng hai con ngỗng Nước đỏ chèo gió sóng.*"

"Dạ..."

Rồi mấy ngày sau đó thầy bị vào biệt giam. Có người nói là vì tay trưởng giám thị trại giam cũng mê bà Yến, có người lại bảo vì thầy đòi quyền được để đầu trọc.

Thời gian đó linh mục Canh cũng vừa mới được cho ra khỏi biệt giam sau ba năm nằm trong buồng tối. Cha giữ chân tưới hoa thay cho thầy Ngọc Chiếu. Cha từng du học ở Pháp mười một năm. Cha biết nhiều về văn chương, triết học Pháp. Cha còn thuộc lòng hàng trăm bài thơ Pháp từ Ronsard cho tới Prévert; biết nhiều về Descartes, Jean Paul Sartre, Emmanuel Mounier..., cả về Freud, Jung... nhưng khi cha biết Nam người trí thức và là con chiên của cha mà lại đi yêu cái con nhỏ *Nga chôm chỉa* thì cha không hài lòng lắm. Tuy cha vẫn khôn khéo, không để lộ ý ra ngoài, nhưng Nam vẫn biết, vì thương Nam, cha đang cố vận dụng kiến thức của cha để thuyết phục Nam, con người cũng thích kiến thức, đừng dây dưa với Nga nữa. Có bữa cha kể với Nam:

"Cô Nga, mỗi lần gặp tôi ở tổ chăn nuôi, nói chuyện với tôi, cô ấy cứ vừa ôm cái cột chuồng heo vừa nói, con mắt lá răm híp híp, lại còn cười hí hí. Nhất là những lúc cô hỏi chuyện về anh, lại càng ôm cột chặt. Theo Freud thì, cái kiểu cứ ôm cột mà còn cười hí hí, là một biểu hiện của *libido*..."

*

Mồng hai Tết năm nay, thằng Vi, con út của Nam, đến nhà ba chơi. Nó vốn thương ba và thích ở gần với ba những ngày nghỉ học.

Còn Nam, cứ mồng hai Tết, là làm anh nhớ món cháo bánh canh nấu với những con cá biển mồng hai xuất hành ra khơi của bố anh. Dĩ nhiên, ở Na Uy này, không cần đi biển anh cũng có thể có cá tươi, cả những ngày mồng hai nào đó của cái xứ Việt Nam xa lắc. Nhưng Nam vẫn thích chèo chiếc xuồng cao su, thả một tay lưới nhỏ mà bố anh gởi sang, nơi cái lạch biển cách chung cư anh khoảng năm cây số. Thường anh thả lúc trời chạng vạng, để sáng mai bắt được cá chạng vạng lẫn cá rạng đông như kinh nghiệm hồi còn đi lưới thúng với bố. Thằng út háo hức về mẻ cá sáng mai; ngủ mà còn mỉm cười. Sáng ra cha con chưa kịp ăn sáng, nó đã thúc đi kéo lưới.

Thằng nhỏ reo vui mỗi khi có cá đóng lưới đang bị ba nó kéo lên. Khi kéo được chừng nửa tay lưới, thằng nhỏ chỉ chỏ, trộ tiếng Na Uy, quên cả lệnh cấm nói tiếng Na Uy với ba:

"*Pappa,* có con ngỗng dính lưới! Có con ngỗng dính lưới!"

Một con ngỗng trắng, xơ lông, lờ đờ, kêu khào khào.

"*Pappa*, cô giáo nói là không được phép bắt ngỗng trời đó nghe ba!"

"Ừ, bắt mà làm gì! Để ba thả nó ra."

Nhưng thằng út bỗng đưa tay ngăn, suy nghĩ:

"Khoan đã ba. Để con nghĩ xem... Nó chắc là bị đói, bị rét cả đêm, và cũng có thể bị thương nữa. Mình đưa về nhà ủ cho nó ấm, rồi xem nó có bị thương không. Lỗi do mình mà... Rồi mai thả."

"Nhưng lỡ cảnh sát bắt được thì sao"

Thằng nhỏ trở nên thông minh láu cá ngoài mức dự tưởng của Nam:

"Thì cho nó chui vào chiếc áo khoác mùa đông của con; áo con rộng chán; không ai thấy đâu."

Nam đồng lõa với hành vi phạm pháp dễ thương đó ngay.

"Ừ. Để ba kéo cho xong lưới rồi mình về. Mấy con cá *torsk* thịt trắng tinh này nấu cháo bánh canh ngọt phải biết!"

"Mà ba đã có ngò chưa? mà phải ngò tươi xanh đó ba!"

"Rồi."

"Có tiêu không?"

"Có."

"Và phải có một hai trái ớt đỏ nữa. Mới cay, mới đẹp nồi cháo."

Nam ứa nước mắt:

"Mà sao con biết?"

"Thì hồi về Việt Nam thăm ông bà nội, con thấy bà nội nấu mà."

Con ngỗng kêu "quác," chao chao lòng xuống.

Tối đó cha con hít hà húp nồi cháo nóng vừa ngọt vừa cay. Thằng nhỏ huyên thiên kể về những chuyện Việt Nam mà nó đã thấy. Thấy nhiều quá, mà toàn là chuyện không ngờ đối với nó, nên kể nhiều lần với ba, mà nó vẫn chưa hết chuyện, từ chuyện con cậu nó không biết cái *hamburger* là gì đến chuyện *internet* ở quán cà phê ở Việt Nam chạy gì mà chậm rì... Nó còn nói con gái Việt

Nam thon hơn con gái Na Uy, con gái Na Uy sao hay ú quá mà lại dữ quá! (nó lại nói tiếng Na Uy). Con sẽ kết hôn với một cô gái Việt Nam. Mấy cô Việt Nam đẹp mà sao cực vậy ba? (Con nít Na Uy nói chuyện bổ bịch, chuyện lấy vợ lấy chồng rất tự nhiên.) Nam nước mắt nước mũi chảy ròng ròng. Tại ba bỏ nhiều ớt quá, thằng út nói như vậy.

Ăn no, ăn ngon, tắm nước ấm với kem tắm thơm, thằng út ngủ êm đềm nơi chiếc giường của Nam, ôm ngỗng mà ngủ. Ngỗng có vẻ thích nó, hoặc có lẽ quá mệt, giờ lại được êm ấm, nên chẳng kêu ca chi. Nhưng ngỗng không ngủ. Thỉnh thoảng nó lại ngóc đầu nhìn ngọn đèn, nơi Nam đang ngồi đọc sách. Nam đọc sách cũng không yên, thỉnh thoảng nhìn lại ngỗng, cứ sợ nó *ị* ra một bãi thì khá là phiền. Giường nệm khăn trải giường trắng sạch mới giặt ăn Tết hôm ba mươi, còn thơm thuốc xả mùi ngọc lan; nhưng đành chiều con, vì anh chẳng mấy khi gặp được nó, và dẫu gì nó cũng chịu mất mát do chuyện vợ chồng anh đã thôi nhau. Nhưng rồi cuốn sách hay quá, nó cuốn hút anh; chuyện *ị* hay không *ị*, không còn đủ công lực lôi anh ra khỏi trang sách.

Bỗng con ngỗng kêu "quác quác," cổ ngóc dài. Thằng út, tỉnh ngủ, nói tỉnh bơ:

"Ngỗng nó muốn nói chuyện với ba."

"Hả, nói chuyện với ba!? Hay là nó *ị* ra cả giường rồi?!"

"Không đâu ba, nó chưa đi cầu đâu, ba. Con có nghe mùi gì đâu. Nó muốn nói chuyện với ba mà!"

"Này, có muốn đóng tuồng thú vật lớp mẫu giáo với ba thì nói ra đi, ba sẵn sàng; đừng có mà bày đặt nữa."

"Con nói thiệt mà. Nó muốn nói chuyện với ba. Nó buồn."

"Tuồng hay không tuồng cũng như nhau," Nam bỗng triết lý sảng. "Ừ, bảo ngỗng bắt đầu đi."

Và anh bắt đầu cảm thấy mình nhập vai.

"Anh ơi, em là Nga đây, em đã vượt muôn gió sóng qua đây để được gặp anh."

Anh rợn người hóa thân đồng cốt, ngôn ngữ nghe thoắt đã thay màu:

"Trời đất, em là Nga! Em từ Việt Nam bơi qua đây!?"

"Qua Thái Bình Dương bão tố liên miên. Qua Đại Tây Dương lạnh lẽo vô chừng. Anh chừng như đã quên em. Hồi đó, anh rời khỏi trại cải tạo, em còn ở lại ba tháng nữa, mà anh có hề viết cho em một lá thư, nói gì đến chuyện đi thăm em như anh đã hứa."

"....."

"Anh chẳng được như Chín Đen. Anh ta với bà Yến ra tù, ăn ở với nhau, giờ đã được mấy mặt con."

" Hả, Chín Đen mà..."

"Dạ, Chín Đen lấy bà Yến."

"Trời đất!"

"Tình yêu ai mà biết được. Còn anh, anh ơi, qua những lá thư lén trao em trong tù, anh đã nói bao nhiêu điều thương mến. Em sững sờ với tình yêu mãnh liệt lạ lùng nơi anh. Nhưng tại sao, tại sao?"

"Anh cũng không biết nữa, Nga ơi. Những tàn nhẫn, những đói khát nào có buông anh sau ngày anh ra tù. Anh như bị tê liệt. Anh như mất hồn khôn. Em giận anh cũng đúng. Ngày em ra tù, em không chịu gặp anh nữa cũng đúng luôn. Nhưng tại sao em lại không trở về quê cũ Cá Nhỏ, mà anh nghe nói là em bỏ đi biền biệt xuống vùng muỗi mòng sình lầy miền Tây?"

"Em không muốn gặp anh! Em không muốn gặp anh! Em đã ngỡ chỉ có anh mới hiểu và thương em thực sự. Em đã đinh ninh rằng những người đàn ông khác không bao giờ được như anh; họ chỉ lợi dụng cái em đang có; họ vừa tiêu vốn chấn em, trong lòng họ vừa khinh bỉ em. Em đã tin anh của em sẽ không như thế. Đọc thư anh, em linh cảm một tình yêu vượt mức bình thường. Có những đêm trong tù em đã qùy lạy tạ ơn Trời Đất."

"Anh cũng chẳng biết anh nữa, Nga ơi. Em biết không, một khi tâm tư tê liệt như thế thì đó là khởi đầu cho một địa đạo tối om chỉ có một hướng duy nhất là chúi về phía địa ngục? Người ta không thể lùi lại giai tầng ánh sáng. Bị tù rồi ra đời, ra đời đó cũng chỉ là nối dài cái địa đạo ma tru quỷ hờn. Có những người thật mạnh mẽ, hoặc có những người oằn oại rồi thích ứng với đời giun. Họ lướt qua được, họ quen được; anh thì không."

"Vâng, những năm trôi nổi ở cái nhà tù rộng lớn vô vọng của cuộc đời ấy, em mới hiểu anh, hiểu sự câm lặng của anh, nên em thương anh vô chừng. Quay về tìm anh, không thấy. Tìm thầy Ngọc Chiếu hỏi, thầy nói em trai anh đưa anh vượt biên rồi. Em nói với thầy: ' Thì cũng mừng cho anh ấy.' Nhưng thầy lại nói: 'Anh ấy không bao giờ hạnh phúc, dù ở phương trời nào. Anh là con người sinh ra để chịu đau khổ. Bởi anh sinh ra đời với trái tim trích tiên.' Em đã chèo chống qua được đây, trích tiên của em ơi. Em đã dính được lưới anh, lòng em mãn nguyện. Chết cũng cam. Em thương anh! Em thương anh!"

"Trời đất ơi...!"

"Ba nói gì một mình vậy ba? Cái thằng Per bạn con, nó cũng có tật nói một mình như vậy.

Giáng sinh vừa rồi nó đóng vai gấu Ole Brum nói một mình thiệt hay."

"Hả, con nói gì!?"

"Con nói là ba nói gì như mấy người mất trí."

Nam giật mình.

"Mà ba, ba làm gì cho con ngỗng nó khóc đây nè. Hai hạt nước mắt nó to như hai biển lớn."

Rồi thằng út ngủ trở lại, như không. Và Nam cũng rơi vào mê thiếp. Sáng ra anh tỉnh giấc bình thường, như chưa có chuyện gì xảy ra, lại còn nhíu mày nhìn xem con ngỗng còn nằm với thằng út không và còn khịt khịt mũi xem có nghe mùi phân ngỗng, nhưng anh vừa ngạc nhiên vừa mừng khi không còn thấy ngỗng đâu; anh chỉ thấy cánh cửa sổ hé mở và một chiếc lông ngỗng vướng trên cành hoa dâm bụt trên bệ cửa, trắng tinh khôi như vệt mây nguyên đán còn vương.

Nam canh giờ chờ bố mẹ ở Việt Nam đi lễ sáng về để gọi điện thoại mừng tuổi. Ngày mồng một chưa gọi được sợ bố mẹ trông, nhưng bây giờ mồng hai, gọi tới gọi lui mới bắt được tiếng mẹ.

"Mẹ đó hả? Mẹ khoẻ không? Con xin chúc mừng bố mẹ năm mới."

"Trời đất ơi, ngày mồng một, bố mẹ trông con gọi điện thoại quá chừng."

"Xin lỗi bố mẹ. Con có cố gắng gọi nhưng sao không được. Có lẽ là tại tết nhất nhiều người gọi về Việt Nam quá mới bị như vậy. Mà mẹ ơi, bố mẹ có mạnh giỏi không? Nói cho con mừng!"

"Khoẻ, con à"

"Mà bố đâu rồi, mẹ?"

"Thì bố đi thả lưới xuất hành mồng hai như mọi năm chơ đâu! Sắp về rồi. Chắc cũng được ít con nấu bánh canh ăn. Mà năm này cha con con có gặp nhau nấu bánh canh như năm ngoái con kể cho bố mẹ nghe không vậy?"

"Dạ có. Giờ thằng út nó đang còn ngủ với con đây nè. Mẹ có muốn nói chuyện với cháu không?"

"Thôi để cho cháu ngủ. Mà này, chuyện con vợ con ra sao rồi? Mẹ những mong hai đứa về lại với nhau. Nhưng mà nếu không được, con cũng phải kiếm người khác; các cha nói gì mặc kệ các cha; chẳng lẽ con sống vậy hoài một mình?"

"Con cũng chẳng biết nữa."

"Cũng chẳng biết nữa là làm sao? Mà nầy, con còn nhớ đến con nhỏ Nga không? Nó mới đây về thăm bố mẹ. Nó đi đâu cả mấy mười năm sau ngày ra tù. Con nhỏ coi vậy cũng hiền lành dễ thương, chứ có đâu như người ta đồn đãi. Nó đến thăm bố mẹ ở chơi mấy ngày. Thấy nó ngồi đâm trầu cho mẹ ăn mà thương. Biết vậy hồi đó mẹ cưới quách nó cho con. Biết đâu hai đứa hạnh phúc với nhau. Con không phải chịu cái cảnh đơn côi như bây giờ, mà nó cũng khỏi lở dở lang dang. Mà hồi đó con cũng mát mát điên điên sao đâu ơ! Sau khi ra tù nó giận con, nó đi đâu xuống miền dưới. Chuyện chồng con, hỏi nó, nó không nói, nó chỉ khóc. Nó nay còn bị đau bao tử nặng, và xem chừng tứ cố vô thân."

"Trời đất, mà cô ta giờ ở đâu?"

"Nó ở chơi mấy bữa, ra chợ mua cho mẹ cái cối giã trầu mới. Rồi nó đi! "

"Chao ơi!"

"Nó nói nó ở đâu dưới vùng Cà Mau, Rạch Giá gì đó. Mà bệnh nó có mòi nặng. Nó đi, mẹ cứ tiếc không kêu nó ở lại quách để chạy thầy chạy thuốc cho nó. Mẹ cứ sợ nó có mệnh hệ gì thì lại ân hận!"

"Xót ruột quá!"

"Lại còn thầy Ngọc Chiếu nữa..."

"Sao, thầy ra sao rồi!?"

"Ổng chết thiêu trong chùa."

"Hả, mẹ nói sao?"

"Ông thầy chùa hồi đi tù với con đó! Chùa cháy, ổng cũng bị chết cháy với chùa. Bổn đạo lương giáo ai cũng thương tội nghiệp cho thầy. Còn mấy ông cách mạng lại cho thầy tự thiêu phản đối Nhà Nước..."

"Bạn Ngọc Chiếu ơi, *Nga nga lưỡng nga nga Hồng thủy trạo phong ba!* "

"Nam, con nói gì vậy!?"

Oslo, 9.12 .02

1. *Nga Nga...*

Hai câu thơ này Nguyễn Văn Thà nghe thầy Ngọc Chiếu đọc và dịch thẳng như thế. Trong Thiền Uyển Tập Anh và Đại Việt Sử Ký Toàn Thư kể là: Khi sư Đỗ Pháp Thuận, (915 - 990) , đời vua Lê Đại Hành, đóng vai lái đò tiếp sứ Tàu, trên con đường sông đi vào kinh thành, sứ giả Lý Giác thấy hai con ngỗng bơi lội trên mặt nước bèn ngâm dùa rằng: *Nga nga! Lưỡng nga nga Ngưỡng diện hướng thiên nha - Ngỗng kia! Ngỗng một đôi Nghển cổ nhìn chân trời.* Nhà sư đang cầm chèo bèn ngâm tiếp theo ngay: *Bạch mao phô lục thủy Hồng trạo bãi thanh ba - Nước xanh bày lông trắng Sóng biếc chân hồng bơi.*

Có thể đây chỉ là truyền thuyết đẹp, và những câu thơ trích trên đây là phỏng theo bài *Vịnh nga* của Lạc Tân Vương, nhà thơ đời Đường, làm lúc 10 tuổi. Bài thơ như sau: *Nga! Nga! Khúc hạng hướng thiên ca Bạch mao phù lục thủy Hồng chưởng bát thanh ba - Ngỗng! Ngỗng! Ngỗng! Cong cổ hướng lên trời mà kêu Lông trắng nổi trên nước biếc Bàn chân hồng khua sóng xanh.*

Hoặc có thể hai vị đã vận dụng thơ cổ trong cuộc đối thoại. (Thơ Văn Lý Trần, nxb KHXH, Hà Nội, 1977, tập I, trang 202 - 203)

Lâu nay Thà này vẫn thắc mắc tại sao thầy Ngọc Chiếu, một người quảng bác, lại nhớ sai bài thơ đẹp như vậy. Hoặc giả thầy cố ý nhớ sai? chuyện này Thà không thể biết được; và thầy cũng đã mất; mà xem ra cũng chẳng cần biết mà làm gì!

2. Cá *torsk*, tiếng Anh gọi là cá *trout*, thân thon, da màu xanh đen như cá Mú bên mình.

GIỮA ĐÀNG

SONG THAO

Xe Huyndai tương đối còn mới, sạch sẽ, máy lạnh rò rè, năm chục chỗ ngồi chia làm hai hàng, giữa là lối đi, mỗi bên hai chỗ ngồi, cửa kính hai bên đều có những tấm màn vải sạch sẽ có thể kéo ra kéo vào được. Anh hướng dẫn du lịch và các cô ở quầy tiếp tân khách sạn đều gọi đó là xe đò cao cấp. Cao cấp hình như là một tiếng thời thượng để chỉ những gì mà hạng người bình thường không thể với tới được. Tôi đã thấy ở một bên Xa Lộ gần ngã tư Hàng Xanh một tấm bảng to lớn cao vời vợi quảng cáo thứ kem chống nhăn cao cấp. Đầu tôi cứ miệt mài băn khoăn không hiểu tấm bảng có ý định chỉ rõ ra là có một thứ da mặt nhăn cao cấp không. Còn thứ cao cấp của chiếc xe đò nghe nói là do một công ty Đại Hàn khai thác này, ngồi thoải mái trên xe tôi mới dần dần ngộ ra cái cao cấp của nó. Xe chạy loăng quăng qua các tụ điểm đón khách của thành phố Đà Lạt, phần lớn là các khách sạn, rồi rời thành phố là thôi, chạy một mạch không dừng lại đón khách giữa đường. Vừa ra khỏi Đà Lạt, anh hướng dẫn mở máy phóng thanh chào mừng khách, thông báo giờ nghỉ, giờ ăn, giờ đến bằng hai thứ tiếng Việt và Anh rất gọn ghẽ và chuẩn xác. Sau đó, anh lơ xe đò cao cấp này đi phát cho mỗi người một khăn ướt lau mặt và một chai nước suối cá nhân xem ra cũng thuộc loại cao cấp.

Ngồi yên vị trên ghế, hành lý cũng đã yên vị trong những hộc sát trên trần xe như trên máy bay, sắp xếp xong áo quần và mấy thứ trái cây xách tay, tôi mới rảnh rang ngó quanh. Hành khách gần phân nửa là người ngoại quốc, số còn lại cứ nhìn cách ăn mặc đủ biết ai là Việt Kiều, ai là thương gia, ai là cán bộ (cao cấp?). Ngồi hàng ghế trên tôi, chắc là hai cha con, ông bố và đứa con gái nhỏ nhấn khoảng hai chục tuổi, loại nhà giầu, tôi nghĩ vậy. Đường dốc xuống, xe chạy ngon trớn. Hai bên đường vẫn xanh rì một loại thông Đà Lạt. Nắng vắt trên những chóp cây, đâm xéo vào chỗ tôi ngồi. Tôi kéo chiếc màn cửa, tính tôi vốn sẵn ngại ngùng sợ nắng ăn nám da. Vừa quay sang nói chuyện với Thạnh ngồi bên ghế phía trong, tôi thấy vạt nắng nhảy phắt vào nằm lại trên người. Tôi nhìn ra phía cửa kính, chiếc màn đã bị kéo gọn lên hàng ghế trên. Tôi nhìn sững vào gáy ông già ngồi phía trên Thạnh, phóng ánh mắt nháng lửa sang phía chồng dò hỏi. Thạnh nhún vai, lắc đầu, chép miệng. Anh chồm người ngang qua tôi, kéo xộc lại chiếc màn. Ông già đứng dậy, chỉ vào chiếc màn, nhún vai nói câu xin lỗi bằng tiếng Anh. Chiếc màn nhỏ chỉ đủ che một hàng ghế xuệch xoạc nằm giữa hai thanh sắt. Tôi nghĩ chắc ông già tưởng chúng tôi là người ngoại quốc khi dùng tiếng Anh nên nói lại bằng tiếng Việt.

"Chắc họ làm thiếu một chiếc màn, mình để che ở giữa cho đỡ nắng cả trên dưới vậy, bác hỉ!"

Mặt ông già có vẻ ngơ ngác. Cô gái vội đỡ lời.

"Dạ, dì để như vậy được rồi. Cám ơn dì."

"Không có chi, em!"

Thạnh chôn mắt vào những trang sách. Anh có tật mê sách, lúc nào đọc cũng được, ngồi đâu đọc cũng được. Cứ có cuốn sách trên tay là chẳng biết trời trăng gì cả. Mà lạ, sách gì cũng đọc, cứ có chữ là mê mải. Hỏi thì anh bảo cứ đọc sẽ thấy có những cái mình cần biết, cái mình thấy hay, phải gõ thì cửa mới mở chứ! Tôi thì ngại gõ. Sách đâu có phải cuốn nào cũng hay, cũng hấp dẫn, nhiều cuốn đọc lạt lẽo, chán phèo chỉ muốn gấp ngay lại. Thạnh tỉnh bơ lập thuyết: gấp ngay lại thì còn biết gì nữa, đọc thì mới thấy chán làm sao, tại sao chán, dở như thế nào, tại sao dở, tìm được ra như vậy cũng thú vị chứ! Thật là lý luận nhăng cuội chỉ tổ đau đầu. Tôi thì cái gì hay mới đọc, không hay thì cho de. Mà đọc phải có chỗ có chàng đàng hoàng. Ngồi xe đọc tôi chẳng thể tập trung tinh thần được, họa chăng coi hình vớ vẩn thì có. Cuốn báo tháng chuyên về thời trang bạn gái mới mua ở sập báo sáng nay, giấy láng tốt, in ấn đẹp đẽ, hình ảnh rõ ràng như báo ngoại quốc, mang theo để đọc vẫn còn nằm nguyên trong túi xách. Tôi ngồi ngắm vu vơ cảnh vật hai bên đường nhưng thỉnh thoảng mắt vẫn kín đáo nhìn cặp hành khách ngồi trước mặt.

Nắng xiên khoai đã gắt. Tôi kéo tay áo xuống, vắt thêm chiếc khăn trên thành ghế chống nắng. Ông già phía trên loay hoay xoay trở chiếc nón rơm rộng vành che nắng cho cô gái. Trông điệu

bộ lăng xăng của ông mắc tức cười. Chiếc nón hình như chưa đủ, ông lẹ tay với ra phía cửa. Chiếc màn vải nhích lên phía trên một chút. Nắng thừa cơ chen chân rọi vào vai tôi. Bụng tôi tức anh ách. Tôi huých Thạnh. Anh giật mình rời mắt khỏi trang giấy, liếc sang tôi, ngúc đầu dò hỏi. Tôi khẽ thì thầm.

"Thằng cha phía trên dễ ghét! Hắn mới kéo thêm một chéo màn lên phía con gái hắn."

Thạnh nhìn chiếc đầu muối tiêu đang rộn ràng nhích qua nhích lại trước mặt, thì thầm lại với tôi.

"Em muốn anh kéo đầu hắn xuống hỏi cho ra lẽ không?"

"Ai làm vậy, kỳ chết!"

"Vậy thì nhường hắn vậy."

"Nhưng mà tức cái bụng lắm!"

Thạnh dẩu môi như người đang suy nghĩ băn khoăn lắm. Thì thầm tiếp.

"Vậy em muốn kỳ hay muốn tức?"

Tôi véo mạnh vào đùi chồng.

"Ghét cái mặt hay giỡn! Nói với anh thà đừng nói còn hơn."

"Vậy thì đừng nói!"

Thạnh tiếp tục đọc sách. Tôi ngồi khoanh tay ấm ức. Giận cuốn sách, tôi muốn giật phăng khỏi tay Thạnh. Giận thằng cha già ngồi trên, tôi muốn giật tấm màn xuống lại phía tôi. Nhưng tôi vẫn ngồi yên, mặt lạnh như tiền, đầu óc quay quắt với cơn giận. Tôi cố ém lòng, ngơi nghỉ với cảnh vật hai bên đường. Những bóng thông đã biến mất, cây cỏ miền thấp đã tràn lan. Rải rác đã có những thôn xóm làng mạc. Tôi chẳng nhận được ra xe đã chạy tới đâu. Mà sao tôi biết được, con đường này ngày xưa tôi đâu có dám đi tuy Sài Gòn Đà Lạt tôi lên về như con thoi. Mối nguy hiểm vì mìn bẫy, hay nỗi bất trắc của những cuộc chặn xe, bắt người đã đẩy tôi lên máy bay. Khoản tiền ăn học trên Đà Lạt của tôi nặng nề thêm với món tiền không phải nhỏ trả cho những chiếc vé máy bay mỏng dính của Air Vietnam. Con đường SàiGòn-ĐàLạt-SàiGòn của tôi không tính bằng cây số, bằng những địa danh bên đường mà bằng những giờ bay khi sáng khi tối tùy tấm vé quí giá nhiều khi phải nhờ quen biết mới mua được hồi đó.

Chán với cảnh vật hai bên đường, tôi định mở túi xách, lôi cuốn tạp chí ra coi hình để giết thời giờ, thì tôi to mắt nhìn lên phía trên. Cô gái tựa đầu vào vai ông già say ngủ, ông già tì mặt xuống thả những chiếc hôn tha thiết lên má, lên tai cô bé. Tôi bấm tay Thạnh, chỉ lên trên. Thạnh gật đầu. Tôi thì thào.

"Thằng cha già dịch! Tưởng là bố con, ai dè."

"Ai bảo em tưởng là bố con!"

"Anh biết trước à?"

"Ừ, làm gì mà không biết!"

"Sao anh biết được?"

"Trông điệu bộ như gà mắc đẻ của chả, khó chi mà không biết."

"Sao anh không nói với em?"

"Em có hỏi đâu!"

Nói chuyện với Thạnh tức anh ách. Vòng vo một hồi rồi cũng bù trất! Mà lại mua thêm cái bực mình. Vậy mà tôi vẫn cứ nói. Thiệt!

"Anh còn biết gì nữa không?"

"Chả không phải là người Việt."

"Người gì vậy?"

"Một là Đài Loan, hai là Đại Hàn."

"Sao anh biết?"

"Người Việt thì không dại gì dắt bồ nhí đi khơi khơi như vậy."

Tôi trề môi.

"Chà! Kinh nghiệm dữ hè! Vậy thì dấu ở đâu?"

"Anh không biết."

"Anh là người Việt mà sao không biết?"

"Anh không phải là người Việt."

Tôi chồm người qua.

"Anh nói chi vậy? Anh không phải là người Việt?"

"Ừ!"

"Tại sao vậy?"

"Vì anh cũng đang dắt bồ nhí đi khơi khơi trên xe này vậy!"

Tôi đập Thạnh một cái mạnh. Mặt tôi giãn ra. Bụng ngan ngát lâng lâng. Tôi nhìn bộ mặt dễ ghét của Thạnh, muốn ôm vào lòng.

Tiếng máy phóng thanh vừa được mở nghe rè rè óc ách. Anh hướng dẫn viên thông báo xe sẽ nghỉ ở Định Quán một tiếng cho mọi người dùng bữa trưa. Thạnh gấp vội cuốn sách nhìn nháo nhác ra bên đường. Tôi giương mắt theo dõi cử chỉ cập rập của Thạnh. Tuồng như anh vừa phóng mình trở thành một Thạnh khác. Câu hỏi của tôi cố làm ra vẻ thản nhiên xa cách.

"Ngày xưa có cô bồ nào ở đây không mà nghe thấy tên Định Quán là nhớn nhác như gà lạc đàn vậy?"

Thạnh vẫn láo liên nhìn ra cửa, ậm ừ.

"Làm gì có! Em chỉ được cái đoán mò."

"Cứ đoán khơi khơi như vậy coi chừng trúng phóc ạ."

Thạnh như không nghe thấy câu nói của tôi,

mắt vẫn như diều hâu săn mồi. Làm như đã nửa phần đoán đúng, tôi nhấn thêm ga.

"Đúng không bồ?"

"Em muốn đúng thì cứ cho là đúng."

Tôi thở ra niềm vui.

"Em cho thế nào được. Nếu đúng thì là đúng. Thôi, khai ra cho rồi!"

"Ba bốn cô lận! Biết khai làm sao?"

"Thì cứ có bao nhiêu khai bấy nhiêu cho được tiếng là thật thà."

"Một cô cao, ba bốn cô thấp."

"Dữ à! Cao là cao bao nhiêu? Cao bằng em không?"

"Anh không biết."

"Bộ không đo với nhau bao giờ sao?"

"Không. Nhưng cao lắm. Phải chỗ này không à?"

Tôi nhìn ra cửa. Chỉ thấy cây chen lẫn với đá. Trời mênh mông xanh. Nắng trải rộng chóa mắt. Tôi nâng cằm Thạnh lên, giọng dịu ngọt.

"Bộ bồ anh là người rừng à?"

"Người rừng đã là phước."

"Phước? Bộ hồi đó anh muốn đóng khố đeo gùi đi chân đất thật sao?"

Thạnh bật cười. Anh nâng lại cằm tôi.

"Em có bộ óc phong phú lắm. Nhưng tưởng tượng của em trật đường rầy tất cả. Người ngợm gì đâu! Anh kiếm mấy tảng đá ở khoảng đường này. Hồi đó, lần đầu tiên được đi xe ké lên chơi Đà Lạt, anh rộn ràng từ lúc xe nghỉ ở Định Quán, chụp hình bên những khối đá vươn cao ở khúc đường này. Đối với anh, cuộc phiêu lưu đầu đời hình như bắt đầu từ những tấm hình với đá nơi đây. Anh muốn sống lại với chúng mà sao chúng chạy đi đâu mất tiêu hết!"

"Ngộ hè! Chẳng lẽ đá cũng có chân!"

Thạnh ngẩn ngơ buồn bã.

"Đá không có chân đâu. Chắc ký ức của anh đi lạc!"

Xe tung bụi mù mịt vào bãi đậu trước một hàng ăn rộng rãi. Mấy bậc thềm dẫn lên nhà hàng bằng gỗ có tay vịn bằng những thân cây rừng còn nguyên vỏ. Phòng ăn rộng mênh mông. Người người tấp nập. Thạnh nhìn quanh, xấn tới chiếm một chiếc bàn nhỏ. Cô hầu bàn nhanh nhẹn bưng tới hai ly trà đá.

"Có cơm, có phở, có hủ tiếu. Cô chú dùng gì?"

Tôi muốn ăn cơm nhưng ngại. Chẳng cần hỏi Thạnh, tôi gọi.

"Cô cho hai tô phở, một lớn một nhỏ, thịt chín. Hai chai nước suối lạnh."

Cô hầu bàn lúi húi ghi vào tấm giấy nhỏ, vừa quay gót vừa nói.

"Cám ơn cô chú."

Thạnh ngó quanh. Tôi thấy cần phải giải thích một chút.

"Em thèm cơm nhưng coi bộ ở đây không bảo đảm. Ăn phở dù sao cũng có nước dùng sôi nóng, yên tâm hơn. Anh đừng uống trà đá này nghe. Em đi kiếm thêm chút gì lành lành tráng miệng."

Tôi chậm rãi tới nơi quầy ở góc nhà bán đủ thứ thập cẩm dùng cho khách đi đường. Mắt tôi loạn lên. Hàng hóa thứ xếp trên quầy thứ treo lủng lẳng dài theo tường rối mắt. Tôi chợt thấy những bao giấy bạc mầu sắc rực rỡ. Tay tôi nhanh nhẹn nhấc từng bao tìm kiếm. Cái này lạ đây. Tôi cầm bao mít sấy khô, ra trả tiền.

Hai tô phở tỏa khói làm tôi thấy đói bụng. Tôi tưởng có thể ăn hết ngay trong nháy mắt. Mới

LÝ THỪA NGHIỆP

NGHE NGÂM KIỀU Ở FOOTSCRAY

* Tặng Tôn Nữ Lệ Ba

Ở lại đây, hỡi loài chim quý
Hót chiều nay và hót cả sớm mai
Rừng đã khô và cỏ vàng buồn bã
Đợi mưa rào hay đợi khúc Nam-ai.

Người đến đây rồi về hay ở
Con trăng rằm nhớ bóng Xuân-thu
Hoa hay ngọc mà lung linh mắt biếc
Sáo ai reo vi vút tiếng Ca-trù.

Người đến đây, về chi vội vã
Bỏ lại đây thương nhớ ít hay nhiều
Lòng nhỏ nhoi hay đất trời xa quá
Biết còn nghe được khúc Lẩy-kiều.

Thì hãy nán ngày mai hay ngày mốt
Bởi người về, ai sẽ nhớ ai đây
Ai sẽ nhớ tiếng ngâm Kiều lảnh lót
Huế nồng nàn, nên Huế hát mê say.

được vài miếng, tôi khựng lại.

"Phở lạ quá anh nhỉ?"

"Ừ. Hình như món này người ta không tìm được tên gọi nào khác nên gọi là phở."

Tôi lắc đầu.

"Tội nghiệp người ta, anh!"

"Thì thôi! Anh kính trọng lòng từ tâm của em đối với những người đeo vàng đầy tay đang ngồi thủ chiếc ngăn kéo đầy nhóc giấy bạc kia!"

Thạnh hất đầu ra hiệu cho tôi nhìn về phía sau. Anh tài xế và anh hướng dẫn viên đang bận rộn với mặt bàn ê hề thức ăn, bia và hai bao thuốc lá ba số chưa bóc. Tôi kéo Thạnh ra ngoài.

Từng hàng dọc xe đạp cõng sọt trái cây to bự trên yên sau đậu kín sân trước nhà hàng. Những người bán hàng nhanh miệng mời chào, thoăn thoắt trên tay con dao lá lúa sắc lẻm xẻ từng miếng trái cây mời khách nếm thử. Táo Thái Lan, ổi xá lị thanh long, đu đủ, khóm tươi mơn mởn bắt mắt. Ổi xá lị chấm muối ớt làm tôi xuýt xoa lại thời con gái. Mắt tôi đụng vào một đống rễ cây còn dính đất chất trên chiếc sân thấp bên cạnh nhà hàng. Một thanh niên đang ngồi cong lưng đẽo gọt. Tôi bước tới gần. Cặp mắt chăm chú của người thanh niên dán vào mũi đục được đẩy nhẹ bằng chiếc búa vỗ lên cán gỗ của cán đục. Anh đang tô tỉa khuôn mặt Chúa với vòng lá gai quấn quanh đầu. Bên anh ngổn ngang những chiếc đục to nhỏ nhiều cỡ. Khuôn mặt Chúa đã có hồn. Chiếc đục nhỏ xíu đang tần mẩn một giọt lệ trên má. Thấy có người, anh ngước mặt lên mời chúng tôi vào phòng trưng bày. Những bức tượng khắc trên rễ cây, cái lớn cái nhỏ bóng lộn nước quang dầu, được bày thành hàng trên những chiếc kệ thấp. Cô gái nhỏ ngồi trước tôi trên xe đang đứng bất động trước khuôn mặt Phật Bà Quan Âm hiền từ. Thấy tôi, cô gật đầu chào. Tôi hỏi cho có chuyện.

"Tượng khắc linh động quá cô nhỉ?"

"Dạ. Mấy chú thợ ở đây xem ra vừa có hoa tay vừa có tâm hồn. Em..."

Đôi mắt cô quấn lấy tôi. Môi cô ngập ngừng định nói gì rồi thôi. Tôi nhận thấy nét bối rối trên mặt cô. Mãi rồi cô mới dò dẫm.

"Xin lỗi cô cho em hỏi. Cô có phải là cô Diệu không ạ?"

Khuôn mặt cô đỏ ửng lên. Tôi tròn mắt ngạc nhiên.

"Sao cô biết tên tôi?"

"Em có học cô mà. Cô không nhận ra em sao?"

Tôi không nhận ra khuôn mặt thanh thanh hơi xanh xao trước mặt. Học trò tôi ngày trước, lớp đi lớp tới, năm này nối năm khác, làm sao mà nhớ nổi. Thấy tôi ngây người không có vẻ gì là nhận ra được người học trò cũ trước mặt, cô gái vội chỉ tay vào ngực.

"Thục Quyên đây cô!"

Tôi há miệng ngạc nhiên.

"Trời ơi! Em lớn thế này sao cô nhận ra em được?"

"Em cũng không nhận ra cô. Cô trắng và mập ra nhiều. Chỉ khi thấy nụ cười quen thuộc của cô em mới bạo gan hỏi. Cô ở nước ngoài về chơi phải không cô?"

"Sao em biết?"

"Trông bộ điệu và cách ăn mặc của cô làm gì mà không biết."

"Cô không ngờ lại gặp em ở đây. Cô vẫn nhớ tới cô học trò ngoan hiền của cô ngày xưa."

Thục Quyên xoắn tay ngượng nghịu. Cử chỉ dễ mến này nhắc tôi bay về những ngày thầy trò cũ.

Thục Quyên là học trò ruột của tôi những năm em mới bắt đầu bước chân vào trường trung học. Em nhỏ người, quá nhỏ so với đám bạn cùng lớp. Da em xanh xao bệnh hoạn. Thực ra, những ngày nhọc nhằn đó, học trò của tôi hầu như toàn là những đứa trẻ thiếu ăn thiếu thuốc cả. Nhưng Thục Quyên choắt choeo thấy bắt thương hại. Gia đình em ở quê, em lên ở trọ nhà bà con để đi học. Nhà em trọ là một quán bán cà phê nên em thành một lao động vất vả sau giờ học. Những cái ngáp mệt mỏi trong lớp cùng với sự sa sút trong bài vở của em khiến người giáo viên chủ nhiệm là tôi phải gọi em hỏi riêng. Em thú thật là không có đủ giờ ngủ, thiếu thời gian học bài làm bài, lại phải quần quật làm việc nên rất nhọc mệt. Em đưa tay gạt nước mắt thều thào với tôi. Thà là như vậy, em còn được cấp sách tới trường, về quê chắc chắn em phải bỏ học. Thỉnh thoảng, em khệ nệ mang tới nhà tôi vài trái dừa, trái bí, trái bầu hoặc đòn bánh tét, bánh dừa do gia đình em mang lên. Tôi nấu ruột trước những món quà dân giã nhưng đầy ắp thân tình của em. Không nhận thì em nặng mặt không vui, nhận thì khó chịu trong bụng. Khó chịu như những lần chia nhu yếu phẩm trong trường. Chỉ vì chút mỡ chút xương, chút nhiều chút ít rau củ, chút nặng nhẹ tay của từng nhúm bột ngọt, chút nhích nhẹ của bàn cân cá cân khoai mà đồng nghiệp lạnh mặt với nhau. Mỗi lần tan trường vào ngày chia nhu yếu phẩm, tôi lúng túng xếp, cột những cái vặt vãnh nhưng thiết thân vào chiếc xe đạp, thì bao giờ cũng có bàn tay khéo léo của Thục Quyên giúp đỡ. Thỉnh thoảng được chia ít viên kẹo, thỏi đường, tôi kín

đáo gói cho em chút ít bồi dưỡng. Khi em nhận, khi em nhất định không nhận. Cô mang về cho mấy em nhỏ ở nhà! Thục Quyên nhỏ nhẹ vừa nói vừa bỏ lại vào giỏ xe. Mấy đứa con tôi giờ đây cao lớn đẫy đà, chắc cũng xấp xỉ gấp đôi Thục Quyên đang đứng trước mặt tôi. Chút son phấn nhẹ nhàng trên mặt không xóa được nét thơ dại của Thục Quyên ngày xưa. Tôi nhìn em, đầu óc rối mù, lặng người đứng như một người câm.

"Mấy em bây giờ chắc lớn bộn rồi cô nhỉ?"

"Chúng cao lớn hơn cả cô rồi."

"Vậy thì chắc chúng nuốt trọng em được!"

Thục Quyên le lưỡi cười. Tôi ngần ngừ sang số hoài mà chưa hỏi được cô học trò cũ điều muốn hỏi.

"Em chắc bây giờ cũng khá chứ?"

"Cũng lai rai vậy cô. Sống được là may rồi, cô ạ."

Tôi lại loay hoay lựa lời.

"Ừ, thời buổi này sống mà thỉnh thoảng đi chơi xa được là tốt rồi."

Thục Quyên nhìn xuống đôi chân đang rê rê phía dưới.

"Em đi công tác đấy cô ạ."

Câu chuyện lại ngập ngừng trúc trắc như đang đi vào ngõ bí. Cả tôi lẫn Thục Quyên đều ngại ngùng chưa dám đặt bước tiến xa hơn. Tôi lấy hơi quả quyết trong bụng. Mình cần phải biết hoàn cảnh của người học trò cũ tình cờ gặp lại này, để xem có giúp đỡ gì được không. Tôi mạnh bạo dấn bước.

"Hình như em đi với một người nữa phải không?"

Mắt Thục Quyên chạy quanh, xáo xác như mắt nai bị săn đuổi.

"Dạ. Ông chủ em đấy."

Tôi không nỡ vờn con thú đang bị săn đuổi chuệnh choạng trước mặt nhưng tại sao tôi vẫn cứ xấn tới.

"Chắc ông ấy buôn bán lớn?"

"Ông ấy qua đầu tư ở bên này."

Tôi làm bộ ngạc nhiên.

"Ủa, ông ấy không phải là người mình sao?"

"Không, ông ấy người Hàn Quốc đấy chứ. Em tưởng cô biết rồi!"

Tôi thẹn với mình, ngại ngùng đuổi theo câu chuyện.

"Ừ, lúc ở trên xe, cô chỉ ngờ ông ấy không phải là người mình thôi. Còn cô có biết ông ta là người nước nào đâu."

"Bây giờ người Hàn Quốc qua đầu tư bên mình đông lắm. Dân trong nước nhìn là biết liền. Cô ở xa về chắc không biết."

"Lương em khá không?"

"Cũng tạm được cô ạ. Đủ nuôi gia đình."

"Em lập gia đình rồi hả?"

"Chưa cô ạ."

Em bỗng nắm tay tôi, mắt rướm lệ, giọng ướt sũng.

"Em khổ lắm, cô ơi!"

Tôi ôm chặt đứa học trò cũ tội nghiệp, lòng dạ như có kim châm.

"Cô hiểu em. Tội nghiệp em!"

Thục Quyên thổn thức trong vòng tay tôi.

"Em học hành dang dở, làm được chân thư ký quèn cho hãng nước ngoài đã là phúc. Phải cắn răng mà chịu đựng hết, cô ạ! Mất cái nọ thì được cái kia. Bổng lộc em cũng khá, đủ nuôi một bầy em ăn học. Nhờ trời, tụi nó cũng chịu khó học hành tất cả, đứa nào cũng vào được Đại Học."

Tôi đắng ngắt trong cổ. Tay tôi vuốt ve bờ vai mỏng.

"Cô thương em quá!"

Trong tôi, Thục Quyên bỗng biến hình thành một đứa con gái yêu của tôi. Mắt tôi rớm lệ. Phải chi tôi luôn luôn ấp ủ được em như thế này. Tôi với tay qua cầm bức tượng Quan Thế Âm.

"Em giữ bức tượng này. Mỗi khi buồn phiền trong lòng, em niệm Phật cho em được thanh thản để chịu đựng được nhọc nhằn của cuộc sống. Mỗi bước chân gian nan của em, em luôn luôn nhớ có cô ở bên em. Lúc nào cô cũng thương đứa học trò bé bỏng ngày xưa của cô."

Tiếng máy xe nổ vang vang ngoài bãi đậu. Tôi trả tiền bức tượng, tiện tay rút tấm danh thiếp có ghi địa chỉ trao cho Thục Quyên. Tôi đưa giấy lau mặt cho Thục Quyên, lau kỹ mắt mình, giọng gạo nói.

"Em lau mặt đi. Xe sắp chạy rồi đó."

Chúng tôi vội vàng leo lên xe. Thạnh dò hỏi bằng mắt. Tôi ghé vào tai chồng.

"Học trò cũ của em."

Thạnh gật đầu. Tôi không nói mà anh như đã hiểu hết. Anh ngồi lặng im. Cuốn sách thả lửng trên đùi vẫn gấp nguyên. Xe chuyển bánh. Bụi tung mù mịt. Mấy chị bán hàng kéo khẩu trang lên che mũi miệng. Tiếng máy phóng thanh rù rù mở. Thạnh quay sang hỏi nhỏ tôi.

"Đại Hàn hay Đài Loan vậy?"

Tôi như hóa đá, giọng chán chường.

"Có gì khác nhau không?"

12/2002

NHẠC XUÂN

TRẦN DOÃN NHO

Trong lúc tôi đang viết bài này và trong lúc các tờ báo ở Cali đang chuẩn bị bài vở cho số xuân thì ở xứ này, người ta chuẩn bị đón... Đông. Mùa đông bắt đầu vào ngày Đông Chí (21/12). Vài ngày sau đó là Giáng Sinh. Họ treo đèn kết hoa từ cuối tháng 11, ngay sau khi vừa "ăn" xong Thanksgiving. Người ta mong chờ Giáng Sinh, còn người Việt thì mong chờ một mùa xuân... còn lâu mới đến. Vì khi Tết ta đến thì ở đây nhằm ngay giữa mùa đông. Ở các vùng phía bắc vào thời gian đó, bên ngoài tuyết giá trắng trời.

Nhưng nhằm nhò gì, chưa có mùa xuân ngoài trời thì ta có mùa xuân trong lòng. Cũng là xuân vậy. Như mọi người Việt khác, tôi có thói quen nghe nhạc xuân vào ngày Tết. Không mai vàng, không pháo nổ, không bà con hàng xóm láng giềng thì đón xuân bằng nhạc. Thường thì sau Giáng Sinh, cỡ đầu tháng Chạp ta, các con tôi đã bắt đầu lo "sưu tập" nhạc xuân. Thì cũng chừng ấy bài, chừng ấy giọng ca. Lâu lắm mới nghe thêm một bài mới. Nhưng có mới mà chẳng hề nới cũ. Ba mươi năm, bốn mươi mấy năm trước đây ta nghe "Nhớ một chiều xuân" hay "Xuân đã về" hay "Xuân và tuổi trẻ" thì bây giờ vẫn còn tiếp tục nghe "Nhớ một chiều xuân," "Xuân và tuổi trẻ," "Xuân đã về." Đâu có sao. Nhưng cái lạ là năm nào nghe lại vẫn thấy mới.

Có thể nói nhạc xuân là một phần quan trọng của việc đón xuân. Nhất là đối với những kẻ tha hương. Ngày xưa, Tết đi đôi với mai vàng, pháo nổ, bánh chưng, hạt dưa, đánh bài, xông đất, hái lộc. Từ khi có băng nhạc, rồi cassette rồi vidéo, rồi CD, rồi DVD, thì nhạc - và nhạc xuân - đã đi vào từng ngõ ngách của đời sống. Nhạc không còn là thú tiêu khiển trưởng giả mà trở thành đại chúng. Người ta nghe nhạc khi ngủ, khi chạy, khi đi làm, khi tập thể dục, khi chơi. Và nhờ vậy, người ta có thể mang mùa xuân đến bất cứ đâu. Ngoài trời thì tuyết giá mà trong nhà thì nắng ấm, hoa nở, chim hót, người người áo quần xinh đẹp cùng nhau đi chùa, đi thăm bà con xóm giềng. Rồi hạt dưa, bánh chưng bánh tét, mứt, rồi cũng pháo nổ đì đùng, mai vàng nở rộ... Đâu mà có vậy? Dạ thưa, từ các băng nhạc xuân.

Nghe nhạc xuân không giống như nghe nhạc tình hay nhạc êm dịu. Nhạc xuân không để nghe một mình. Nhạc xuân không để ru dỗ giấc ngủ. Nhạc xuân là cái gì chung, phải mở lớn ra cho mọi người cùng nghe. Đã thế, không phải là ngồi yên lặng mà phải vừa nghe vừa làm một cái gì đó. Chẳng hạn như nhậu, đánh bài, nấu nướng, cúng quảy, trò chuyện râm ran về xuân hoặc dọn dẹp nhà cửa. Nhạc xuân có tính chất "hâm nóng" thêm không khí Tết. Nó lan tỏa mọi nơi, chan hòa. Nghe nhạc xuân, do đó, phải dễ tính. Những ngày xuân mà bạn đòi nghe những là "Một cõi đi về" hay "Lời buồn thánh" hay "Nhìn những mùa thu đi" hay "Buồn tàn thu" hay "Tìm nhau" hay "Senerata" hay các bản *concerto* của Beethoven chẳng hạn... thì đâm ra lạc điệu. Nghe nhạc xuân, phải tưởng tượng như mình đang thậm thò thậm thụt đi nhặt pháo hư nhà hàng xóm hay bỏ diêm sinh vào cái "van" xe đạp, lấy cây đinh nhét vào rồi ném xuống mặt đường cho nổ, vân vân. Vui, nhộn, phổ thông, bình dân. Niềm vui Tết, tự trong bản chất, là niềm vui trẻ thơ, là dấu vết của tháng ngày thơ ấu. Vui xuân là cái vui hồn nhiên và trong sáng, chan hòa. Vui xuân là tin ở cái khởi đầu, tin ở cái kỳ diệu của những ngày đầu tiên trong năm, là tin ở những lời cầu nguyện, là có quyền làm mới lại cuộc sống, là ấp ủ lại những hy vọng và cả... ảo vọng. Vui xuân còn là biết... nghe nhạc xuân. Thế mới hay, cái trẻ thơ trong mỗi người thực sự không bao giờ mất. Chúng chỉ tạm ẩn dấu đâu đó, khi có dịp lại bùng lên. Tết có lẽ là dịp để cho chúng phát tiết.

Con nhớ xuân nào thuở trời yên vui
Nghe pháo giao thừa rộn ràng nơi nơi
Bên mái tranh nghèo ngồi quanh bếp hồng
Trông bánh chưng chờ trời sáng
Đỏ hây hây những đôi má đào
(...) Đàn trẻ thơ ngây chờ mong anh trai
Sẽ đem về cho tà áo mới

Ba ngày xuân đi khoe xóm giềng (hay phố phường?)

(Xuân này con không về/Trịnh Lâm Ngân)

Vào những ngày Tết, phải sống xa nhà, tha hương - dù là lính hay không - đố ai nghe những đoạn nhạc như trên mà không cảm thấy bùi ngùi. Có lẽ ít có cảnh nào đậm chất tuổi thơ hơn hình ảnh "trông bánh chưng chờ trời sáng" hoặc mặc áo mới để "ba ngày xuân đi khoe xóm giềng." Ngây ngô biết bao, nhưng cũng cảm động biết bao! Đấy, nhạc xuân.

Tôi còn nhớ, thuở còn nhỏ, cứ mỗi lần xuân đến thì bản nhạc mùa xuân bọn tôi thường cùng nhau hát là "Xuân và tuổi trẻ," nhạc của La Hối lời của Thế Lữ. Rồi sau đó là "Phiên gác đêm xuân" của Nguyễn Văn Đông. Nhạc xuân hồi đó, đã ít lại chỉ được nghe trong các buổi trình diễn văn nghệ Tết ở trường hoặc nghe qua radio. Chúng tôi có xuân nhưng không có nhạc. Giờ thì đầy rẫy. Đủ loại đủ kiểu. Theo tôi biết, chúng ta có đến gần một trăm năm chục bài nhạc xuân. Cũ có, mới có. Trong nước có, hải ngoại có. Những ca khúc mừng xuân có thể nhận ra ngay ở tựa đề: *Bến xuân, Phiên gác đêm xuân, Cánh thiệp đầu xuân, Đồn vắng chiều xuân, Hoa xuân, Lời tỏ tình mùa xuân, Anh cho em mùa xuân, Nhớ xuân thì, Thì thầm mùa xuân, Hoa cỏ mùa xuân, Mộng chiều xuân, Ô kìa nàng xuân, Phố xuân, Nụ Xuân hồng, Về Huế chiều xuân, Xuân đến bên em, Xuân yêu, Dường như mùa xuân, Cảm ơn một đóa hoa xuân...* Nếu tựa đề không có chữ xuân thì cũng có chữ Tết hay năm mới, giao thừa như: *Phút giao thừa lặng lẽ, Câu chuyện đầu năm, Phút giao thừa, Đầu năm đi lễ, Đêm giao thừa, Chúc Tết. Ly rượu mừng* là một trong rất ít bài có cái tựa đề không mấy xuân nhưng lại... vô cùng xuân.

Hầu hết nhạc xuân đều vui tươi, rộn ràng, hớn hở, tràn trề hy vọng. Tiết tấu trong sáng, gọn, nhanh, phơi phới. Ca từ khai thác những hình ảnh đẹp nhất, tươi sáng nhất tượng trưng cho mùa xuân: chim hót, hoa cười, nắng mới, cây cỏ xinh tươi, đầy niềm tin và hy vọng. Nghe hát lên lòng thấy ấm lại, bao ưu tư phiền muộn tiêu tán và cảm thấy mình bỗng trở lại tuổi thanh xuân.

Hoa lá nở thắm đẹp làn môi hồng
Xuân đến rồi đây nào ai biết không?
Mang những hoài mong đi vào ngày tháng
Bao nhiều mơ ước đến khi mùa Xuân sang
Tôi chúc....tôi chúc...

(Cánh thiệp đầu xuân - Minh Kỳ)

hoặc:

Trên đường đi lễ xuân đầu năm
Qua một năm ruột rối tơ tằm
Năm mới nhiều ước vọng chờ mong
May nhiều rủi ít ngóng trông
Vui cùng pháo đỏ rượu hồng
Ta cùng nhau...

(Đầu năm đi lễ/Ngọc Sơn)

Hoặc:

Xuân đã về, xuân đã về
Kìa bao ánh xuân về tràn lan mênh mông
Trên cánh đồng, chim hót mừng đang thướt tha từng đàn cùng vui say xuân

(Xuân đã về - Minh Kỳ)

Ngay cả cho dù bản nhạc xuân là một bản nhạc buồn, ta vẫn cảm thấy không... buồn mấy:

Đón Xuân này tôi nhớ Xuân xưa
Một chiều Xuân em đã hẹn hò
Như ươm tình trong cánh hoa mơ, đưa hương theo làn gió
Em nói rằng em viết thành thơ
(...) Bước sông hồ như đắm như mơ
Trở về đây khi gió sang mùa
Mong ước tìm cô gái Xuân xưa, cho vơi bao niềm nhớ
Có đâu ngờ Xuân vắng người thơ.

(Đón Xuân này tôi nhớ Xuân xưa/Châu Kỳ)

Mới nghe thì thấy tội nghiệp cho anh chàng vì không gặp được người tình cũ. Thực ra thì anh ta chỉ nhớ cho có nhớ. Vì ai mà đợi được một anh chàng giang hồ "như đắm như mơ"! Cô gái chỉ còn là cái cớ để anh ta nói về mùa xuân. Nhạc xuân mà!

Trên đây là trích đoạn từ một số bài hát rất phổ thông. Lời lẽ bình dị, không có gì cầu kỳ sâu sắc, ai cũng nghe được, hiểu được và dễ nhớ, dễ đi vào lòng người. Hình ảnh, tuy khá ước lệ, nhưng vẫn làm cho ta cảm thấy gần gũi và hiện thực. Vả lại, dù có thích hay không thích, ta cũng phải nghe, phải nhớ. Cứ mùa xuân đến là có chúng. Điệu nhạc, lời ca lập lại bên tai hàng ngàn lần. Cơ hồ chúng đã trở thành một sinh hoạt "truyền thống" gắn bó với Tết tựa như hái lộc đầu năm, câu đối, đốt pháo hay hạt dưa, mứt, bánh tét, thịt dầm vậy.

Trong số những bản nhạc xuân truyền thống ấy thì "Ly rượu mừng" của Phạm Đình Chương có lẽ chiếm vị trí hàng đầu. Bản nhạc này, nói không quá, như một loại "quốc ca" trong các băng nhạc xuân và chương trình sinh hoạt xuân ở hải ngoại. Thiếu nó, ta có cảm giác như thiếu vắng cái gì. Điệu *valse* dồn dập, tươi vui, ca từ ăm ắp

tình người, tình vật, tình xuân, nồng nàn, tha thiết. Nghe không thôi, cũng đã thấy vui. Nếu nhìn vidéo với hình ảnh của ca sĩ trong những chiếc áo dài đỏ, xanh, vàng hòa cùng hoa và pháo nổ, ta lại càng thấy vui hơn... Tết nữa. Bản nhạc gây nên một hiệu ứng tình cảm đặc biệt. Nghe hát lên là muốn hát theo. Nghe hát lên là lòng tự nhiên thấy phơi phới, chứa chan hy vọng.

Mừng xuân nâng chén ta chúc nơi nơi
Mừng anh nông phu vui lúa thơm hơi
Người thương gia hạnh phúc, người nông dân ấm no
Thoát ly đời gian lao nghèo khó
A...a...a...a
Nhấp chén đầy vơi, chúc người người vui...
(...) Rót thêm tràn đây chén quan san
chúc người binh sĩ lên đàng,
chiến đấu công thành...
(...) Rượu hân hoan mừng đôi uyên ương
Xây tổ ấm trên cành yêu đương
Nào cạn ly, mừng người nghệ sĩ
Bạn hỡi, vang lên lời ước thiêng liêng
Chúc non sông hòa bình, hòa bình
Ngày máu xương thôi tuôn rơi
Ngày ấy quê hương yên vui
Đợi anh về trong chén tình đầy vơi.

Ca từ đề cập đến đủ hạng người trong xã hội với những lời chúc chân thành, thắm thiết. Bài hát kết thúc với một đoạn nhạc chậm và cao, cao vút lên như những tấm lòng mở rộng ra để chờ đón những ngày tháng mới ngập tràn hạnh phúc:

Ước mơ hạnh phúc nơi nơi
Hương thành bình đang phơi... phới...

Vâng, phơi phới! Vô cùng phơi phới. Nghe xong bản nhạc là bất giác cảm thấy mùa xuân đang tràn về, tràn về. Và cảm thấy mùa xuân trong lòng dường như "thiệt" hơn mùa xuân ngoài thiên nhiên.

*

Nhạc xuân vui thì cũng có nhạc xuân buồn. Đó là mùa xuân và người lính.

Có lẽ bản nhạc đầu tiên nói đến hình ảnh người lính trong mùa xuân là bài "Phiên gác đêm xuân" của Nguyễn Văn Đông:

Đón giao thừa một phiên gác đêm
Chào xuân đến súng xa vang rền
Xác hoa tàn rơi trên báng súng
Ngỡ rằng pháo tung bay
Ngờ đâu hoa lá rơi.

Thời còn bé, mỗi lần Tết đến, nghe bản nhạc này, tôi cảm thấy vừa thương người lính vừa thích được... làm lính. Có lúc, tôi lãng mạn mơ ước rằng nếu được làm anh lính gác trong đêm giao thừa như thế thì "hay" biết mấy. Sau này, lớn lên, đi lính, những phiên gác đêm bao giờ cũng làm tôi rờn rợn mặc dù chỉ là những phiên gác đêm ở... quân trường, đã thế lại là "phiên gác đêm thường" chứ chẳng phải là "phiên gác đêm xuân"! Đúng là một thứ lãng mạn thời trẻ con. Dù sao, phải công nhận Nguyễn Văn Đông đã dựng nên một hình ảnh khá độc đáo, tạo được những ấn tượng không dễ phai mờ trong ký ức. Cho đến nay, cho dù chiến tranh đã hết từ lâu, cho dù đang sống ở hải ngoại mà âm hưởng bài hát vẫn còn vương vất đâu đây mỗi độ xuân về:

Ngồi ngắm mấy nóc chòi canh
Mơ rằng đây mái nhà tranh
Mà ước chiếc bánh ngày xuân
Cùng hương khói vương niềm thương
(...) Ước mong nhiều...

Thời của bài hát đó, chiến tranh chưa lan rộng. Sau này khi chiến tranh mở rộng, xâm nhập vào đời sống từng người, nhạc lính và nhạc phản chiến ra đời ào ạt, phản ảnh đủ mọi sắc thái của thực trạng chiến tranh. Hình ảnh của người lính trong muà xuân vẫn là hình ảnh cô độc, chua xót. Hai bản nhạc xuân nói đến người lính phổ thông nhất là "Đồn vắng chiều xuân" (Trần Thiện Thanh) và "Xuân này con không về" (Trịnh Lâm Ngân).

Đầu xuân năm đó anh ra đi
Mùa xuân này đến anh chưa về
Những hôm vừa xong phiên gác chiều
Ven rừng kín hoa mai vàng
Chợt nhớ tới sắc áo năm nào em đến thăm gác nhỏ

(Đồn vắng chiều xuân/Trần Thiện Thanh)

Con biết bây giờ mẹ chờ tin con
Khi thấy mai đào nở vàng bên nương
Năm trước con hẹn đầu xuân sẽ về
Nay én bày đầy trước ngõ
Mà tin con vẫn xa ngàn xa

(Xuân này con không về /Trịnh Lâm Ngân)

Khác với "Phiên gác đêm xuân", hai bản nhạc trên tuy không mấy vui nhưng không quá bi thảm về đời lính. Tiết tấu và ca từ chứa nhiều chất lãng mạn rất... lính thời chiến. Tuy thế, nghe kỹ, ta vẫn có cảm giác bùi ngùi và thương cảm. Nhất là khi được sống trong thành phố an toàn nghĩ đến những người đang đối diện với cái chết lúc mùa xuân đến. Theo tôi biết, hai bản nhạc này

rất được mấy anh chàng bộ đội Cộng sản thích, có lẽ vì chúng đã nói rất đúng tâm trạng của người lính xa nhà không được về ăn Tết, chứ không mang đậm chất tuyên truyền như các bài nhạc Cộng sản.

Đời lính trong thời chiến là như thế nên một số các bản nhạc xuân khác, tuy không trực tiếp đề cập đến người lính nhưng trong những lời chúc tụng, vẫn dành nhiều cho người lính:

Tôi chúc muôn người mọi điều ước muốn
Non nước vinh quang
Để người anh yêu dấu quay về gia đình
Tìm vui bên lửa ấm
(Cánh thiệp đầu xuân/Minh Kỳ)

Hay:

Chúc người chiến sĩ lên đàng
Chiến đấu công thành
Sáng cuộc đời lành
Mừng người vì nước quên thân mình
(Ly rượu mừng/Phạm Đình Chương)

*

Nhạc xuân buồn còn có xuân tha hương. Ở đây, ta lại gặp trước hết là Nguyễn Văn Đông với "Nhớ một chiều xuân." Bản nhạc này được phổ biến rộng rãi. Nhịp chậm, buồn, hiu hắt. Nghe bản nhạc, thấy lòng chùng lại, cho dẫu mình chưa hề sống cảnh tha hương:

Chiều xuân, có một người ngơ ngác đi tìm
Một tình thương nơi phương trời cũ
Chiều nay hoa Xuân bay nhiều quá
Chiều tàn dần phai trên ngàn lá
Tìm đâu bóng hình ai.

Trước đó khá lâu, một bản nhạc xuân tha hương khác đã xuất hiện, nhưng không được biết nhiều. Đó là "Xuân tha hương" của Phạm Đình Chương:

Chiều nay lê bước phiêu du
Thầm nhớ Xuân về làng cũ
Tình quê chan chứa trong lòng
Chua xót thay sầu tư hương
Đường đi xa lắc lê thê
Thêm khát khao ngày về quê
Để sống vui quê mẹ lúc xuân về

"Nhớ một chiều xuân" là tâm trạng của một kẻ tha hương, những ngày xuân lang thang không có một tổ ấm để về đón xuân, lòng trĩu nặng hình bóng người ở phương trời cũ. Còn "Xuân tha hương" là tâm trạng của người ly xứ, mong ngày được trở về quê cũ đón xuân. Dẫu sao, đó cũng là một nỗi buồn riêng tư, thầm lặng có cái gì khác hẳn với tâm trạng của Ngô Thụy Miên trong "Em còn nhớ mùa xuân" sau này khi hàng triệu người bỏ nước ra đi. Tiết tấu bản nhạc nhanh, nghe như vui, lại nghe như buồn. Nghe ray rứt, xót xa, cay

LƯU HY LẠC

Lá Thư Miền Tây

Em,
Nhiều bận rồi thề bỏ nhau
cũng chỉ, những chuyện tầm phào/ lứa đôi,
riết rồi trên dòng nghĩ tôi
cứ nghĩ suy chuyện thề bồi/ phân ly.

Sau cùng bận này em đi
tôi hôm sớm dõi xuân thì gót son;
hơi hướm em/ tiếng cười giòn
dòng nghĩ tôi hiển hiện còn vệt môi,

lần sau cùng tôi đãi bôi;
cho đến nay- vẫn đứng, ngồi ngó mông..
Dòng nghĩ tôi quạnh, trống không-
hình ảnh em nối tiếp/ chồng lên tôi.

Em biết không; bận này thôi,
tôi mặc cả mỗi chỗ ngồi hoang liêu;
dòng nghĩ tôi mỗi chiều chiều-
nhớ duy nhất mỗi đôi điều tôi ơn,

để suốt ngày tôi chờn vờn;
trên dòng nghĩ để trống trơn ngó trời,
biết sao đầy/ sao biết vơi !
mỗi khoảnh khắc, nỗi bời bời - tôi xiêu .

Lần sau cùng ồ, buổi chiều;
em điềm đạm nói mãi điều bỏ tôi.
Cho đến nay tôi vẫn ngồi,
trên dòng nghĩ vẫn chỉ hồi tưởng em,
thấy tình rồi cũng cũ mèm.

đắng hòa lẫn phẫn hận , lại vẫn nghe hy vọng. Ca từ là tổng hợp của một tâm trạng phức tạp của những người bị buộc phải rời xa tổ quốc không biết ngày về. Chẳng phải là tâm sự chỉ của một cá nhân, mà là của cả một cộng đồng, một thế hệ hay cả một phần đất nước:

Nơi ấy bây giờ còn có mùa xuân
Có dáng nghiêng nghiêng nụ cười thật gần
Có mắt nai vàng ngời sáng tình xanh
Em có bao giờ thấu cho tình anh
Trời Sài Gòn chiều hôm nay còn nhiều mưa bay
Nhiều niềm đau thương bi hận tràn đầy
Gượng nụ cười giọt lệ trên môi
Nhìn đất nước tơi bời một thời em có hay
(...) Em nhé khi nào chợt nhớ mùa xuân
Nhớ lá thư xanh và chuyện tình hồng
Nhớ nắng hanh vàng nhuộm áo Hà Đông
Anh ở nơi này vẫn luôn chờ mong

*

Trên đây, tôi tạm phân ra vài loại nhạc xuân. Cũng gọi là phân loại cho có... phân loại. Thực ra, về mặt ca từ, hầu hết các bài nhạc xuân (đại thể) đều hao hao giống nhau về ý tưởng. Mùa xuân là khởi đầu của một chặng đời mới từ hoa cỏ, trời mây cho đến cuộc sống và lòng người. Xuân đồng nghĩa với tươi, trẻ, hy vọng: tình xuân, giấc xuân, mộng xuân, hoa xuân, chiều xuân, mưa xuân, nắng xuân, tuổi xuân, gái xuân... Những tính từ đi theo mùa xuân cũng thế, chứa chan hy vọng: rực rỡ, rạng rỡ, rạng ngời, tươi thắm, rộn ràng, nồng nàn, thanh bình, ấm cúng. Màu sắc thì hồng, đỏ, xanh, đào. Xuân trước hết là mùa của tự nhiên, xuân thiên nhiên. Hãy tưởng tượng hình ảnh của một bến nước ven rừng vào mùa xuân:

Bao lũ chim rừng họp đàn trên khắp bên xuân
Từng đôi rung cánh trắng ríu rít ca u...ù...u...ú
Cành đào hoen nắng chan hòa
Chim ca thương mến chim ngân xa u...ù...u...ú
Hồn mùa ngây ngất trầm vương
(Bến xuân / Văn Cao - Phạm Duy)

"Bến xuân" có phải là bản nhạc xuân đầu tiên của Việt Nam? Tôi không rõ lắm. Thời của "Bến xuân" còn là thời, nói như Phạm Duy, của thứ "tình ca ấp úng." Là một bản nhạc tình mà cũng là một bản nhạc xuân. Ca ngợi "em" cũng có mà ca ngợi mùa xuân cũng có. Dùng mùa xuân thiên nhiên để bày tỏ mùa xuân của trái tim. Tiết tấu bản nhạc rất sang. Ca từ lại đầy chất thơ. Ngay hai chữ "bến xuân" đã là một ví von tinh tế. Bến xuân hay bến tình? Xuân ca hay tình ca? Có lẽ là cả hai:

Dìu nhau theo dốc mới nơi ven đồi
Còn thấy chim ghen lời âu yếm
Tới đây chân bước cùng ngập ngừng
Mắt em như dáng thuyền soi nước
Tà áo em rung theo gió nhẹ thẹn thùng ngoài bến xuân.

Thì *xuân* với *tình* đâu có gì gọi là cách xa (về phương diện ý tưởng). Như ca từ sau đây của Từ Vũ:

Lòng Xuân lơ đãng, má Xuân hồng
Cô gái Xuân mơ chuyện vợ chồng
Đôi tám Xuân đi trên mái tóc
Đêm Xuân cô ngủ có buồn không?
(Gái Xuân/Từ Vũ)

Ca từ của một số bản nhạc xuân khác trông có vẻ "khách quan" hơn, ít ra là trên hình thức. Chẳng hạn như Phạm Đình Chương thì "thoáng" và đầy tình nhân loại:

Vui trong bình minh
Muôn loài chim hát vang mọi nơi
Đem trong tiếng cười
Cho kiếp người tình thương đắm đuối
Ánh Xuân đem vui với đời
(Đón Xuân - Phạm Đình Chương)

Với Bảo Chấn và Dương Thụ, thì xuân gần gũi, đơn giản tong một cấu trúc ca từ có vẻ hiện đại:

Này là cỏ non rất mềm
Này là mùa xuân rất hiền
Này là hoa rất thơm
Này là giọt sương trĩu nặng
Hạt ngọc trên lá cỏ
Trên bông tầm xuân trước hiên nhà
(Hoa cỏ mùa xuân/ Bảo Chấn)

Con chim bồ câu bé nhỏ
Bay qua vùng trời, vùng trời mùa xuân.
Tia nắng từ đâu đến ở
Long lanh từng ô cửa, ô cửa mùa xuân
(Hơi thở mùa xuân/ Dương Thụ)

Phạm Duy thì rất hiện thực:

Nắng khắp phố phường và Xuân ngay trong vườn
Hoa cười lên hương
Dừa cao nghe ngóng, máu Xuân trong lòng
Tràn lan trong gió cong
Yêu một dòng, dòng nước cuốn mênh mông

(Xuân nồng/Phạm Duy)

Trong lúc đó, Từ Công Phụng có nét duyên dáng riêng (cả về nhạc và lời) khi ca ngợi mùa xuân:

Rồi mai có một lần tôi đưa em
Đưa em về miền nắng ấm
Những con chim thôi ngủ sau mùa đông lạnh căm
Hát lên gọi mùa xuân rạng rỡ
Đem mặt trời tô mắt dại tuổi mơ
(Mùa Xuân trên đỉnh bình yên)

Đấy, các bạn xem, nhạc sĩ nào cũng dùng những lời lẽ thật đẹp, thật đầy và thật dễ thương để mô tả hiện thực mùa xuân, từ giọt sương, con chim, tia nắng, ô cửa, tiếng cười... Thực tế thì mùa xuân đẹp thật. Bức tranh ảm đạm của những ngày đông mưa phùn gió bấc, tuyết giá lạnh lùng được thay thế bằng bức tranh trong sáng của mùa xuân. Thiên nhiên, sinh vật, cảnh sắc đều đổi khác. Từ u ám sang tươi vui. Từ úa tàn sang nở nụ. Nhưng thật ra, không cần chim hót, hoa cười, không cần nắng ấm thì có lẽ mùa xuân vẫn cứ là... mùa xuân. Nếu trời mưa à? Thì là mưa xuân. Nếu lỡ có rét thì cũng là cái rét mùa xuân. Vì mùa xuân thực sự là mùa xuân ở trong lòng. Và như trên đã nói, mùa xuân là mùa của tình yêu. Xuân và tình kết thành một. Thành thử nhạc xuân cũng chính là nhạc tình:

Giọt mưa nào rơi thật êm trên phố phường
Mùi hương nào thơm thật thơm trong gió thoảng
Và em đợi anh đợi anh như đã hẹn
Nghe trong mưa đêm mùa xuân lặng lẽ say
(Lắng nghe mùa xuân về/Dương Thụ)

Nhà thơ Kim Tuấn (qua Nguyễn Hiền phổ nhạc) bạo dạn hơn và lẳng lơ hơn vì dám cho em cả... mùa xuân (làm như mùa xuân là của riêng ông ấy!):

Anh cho em mùa xuân
Nụ hoa vàng mới nở
Chiều đông nào nhung nhớ
Đường lao xao lá đầy
Chân bước mòn vỉa phố
Mắt buồn vin ngọn cây
Anh cho em mùa xuân
Mùa xuân này tất cả
Lộc non vừa trẩy lá
Lời thơ thương cõi đời
Bầy chim lùa vạt nắng
Trong khói chiều chơi vơi
(Anh cho em mùa xuân/Kim Tuấn - Nguyễn Hiền)

Tán tỉnh em (và tán tỉnh mùa xuân thế là hết sẩy!). Chẳng biết cô em nhận cái mùa xuân lớn rộng như thế rồi "xài" sao cho hết? Một nụ hoa thì còn được. Ở đây là cả đường lao xao lá, cả chân bước trên hè phố, lại lộc non, lại lời thơ, lại bầy chim, lại vạt nắng và... tất cả, chao ôi là nhiều!

Không phải ai cũng "táo tợn" như Kim Tuấn và Nguyễn Hiền. Có người ngập ngừng, khó khăn trong việc tỏ tình mặc dầu xuân mang lại nhiều điều kiện thuận lợi:

Mùa xuân đến đạp xe trên phố tóc xõa vai mềm
Mùa xuân hái nụ hoa thơm ngát nở trên môi hồng
Mùa xuân rất hiền lặng yên ngồi nghe tôi hát
Và tôi biết rằng nói yêu em là điều khó khăn.
(Lời tỏ tình mùa xuân/ Thanh Tùng)

Tôi không tin người ta lại có thể khó khăn như thế khi muốn tỏ tình trong mùa xuân. Chỉ trừ khi mình lỡ có người yêu khác rồi!

Có người thì làm bộ:

Ngồi xuống đây nghe chim là chim đang hót
đồng cỏ như bàn tay
trời trong mắt say
ta ngó nhau ôi còn biết nói gì
hai đứa ngồi ngồi đó
như hai hòn bi
(Mùa xuân yêu em/Đỗ Quý Toàn - Phạm Duy)

Thực ra, nghe những khúc hát trên, đôi khi tôi tự hỏi không biết các nhạc sĩ đã mượn mùa xuân để yêu em hay mượn em để tả mùa xuân. Vì mùa xuân nên yêu em, yêu em thêm hay vì yêu em nên yêu cả mùa xuân. Hay chỉ là... tưởng tượng.

Phạm Duy có lẽ là nhạc sĩ có nhiều bài hát về mùa xuân nhất. Không kể bài "Bến xuân" viết chung với Văn Cao, một mình ông có đến gần 10 bài về xuân: *Trên đồi xuân, Mừng xuân, Mùa xuân máu đổ, Hoa xuân, Xuân ca, Xuân hành, Xuân hiền, Xuân nồng, Xuân thì, Xuân trên buôn.* Tình xuân trong Phạm Duy thường mở rộng. Ông đi từ tình yêu đôi lứa cho đến tình yêu nhân loại. Trong bài "*Hoa xuân,*" nhạc sĩ bắt đầu bằng mấy nét chấm phá về mùa xuân:

Xuân vừa về trên bãi cỏ non
Gió xuân đưa lá vàng xuôi nguồn
Hoa cười cùng tia nắng vàng son
Lũ ong lên đường cánh tung tròn

Cỏ, gió, lá, hoa, nắng, ong. Hòa hợp và vui vẻ. Nhưng, bằng một cái nhìn rộng lượng, ông

nhìn thấy một hình ảnh khác hẳn. Hoa chẳng yêu chỉ "cánh bướm lả lơi," mà yêu người lao động, yêu anh chiến sĩ, yêu người thi sĩ nghèo miền quê, yêu cô thôn nữ đương độ xuân thì, yêu em bé, yêu người già. Càng yêu xuân, ông càng kêu gào:

Xuân! Hoa tỏa hương mới
Nhân quần ân ái đã kêu đòi niềm vui
Xuân! Hoa là tình tôi
Đua nở cùng ai, cùng luyến yêu mọi nơi.

Trong một bản nhạc xuân khác, ông đi sâu vào ý nghĩa uyên nguyên của ý niệm về xuân:

Xuân trong tôi đã khơi trong một đêm vui
Một đêm, một đêm gối chăn phòng the đón cha mẹ về
Xuân âm u lắt leo trong ngồn suối mơ
Bừng reo rồi theo nắng lên từ cha chói chan lòng mẹ

(Xuân Ca/ Phạm Duy)

Đoạn nhạc này có ý nghĩa thế nào? Nhà văn Phạm Xuân Đài cho biết ông không lưu ý đến ý nghĩa đặc biệt của đoạn nhạc này cho đến khi tình cờ một cô bạn gái người Thụy Điển cho ông biết rằng nó mô tả động tác ái tình của cha và mẹ. Phạm Xuân Đài viết:

"Thú thật lúc bấy giờ tôi ngỡ ngàng. Tôi đã hát Xuân Ca nhiều lần, và không lưu ý để hiểu hết ý nghĩa của ngay đoạn mở đầu như cô gái Thụy Điển đã nhìn thấy trong bản dịch tiếng Anh. Thường bài hát nào cũng thế, thoạt tiên người ta rung cảm vì âm hưởng của lời lẽ ngân lên hơn là chính ý nghĩa của lời lẽ đó, nhất là loại ý nghĩa thâm trầm. Nhưng sau khi nói chuyện với cô bạn, tôi bỗng 'ngộ' toàn bộ nội dung mấy câu trên, và có cảm giác như mình ý thức được tình trạng của mình từ khi mới chỉ là một tế bào, một con tinh trùng giữa cõi âm u của "nguồn suối mơ" trong cha tôi, để vào đêm gối chăn phòng the đầu tiên ấy, theo cơn "nắng lên từ cha" mà được phóng vào làm chói chan lòng mẹ. Đó mới là nguồn cội của cái gọi là xuân của một đời người. Ca tụng mùa xuân thì phải bắt đầu từ tình trạng ấy, chỗ thâm sâu, chỗ uyên nguyên của tất cả những biểu hiện về sau mà người ta vẫn ca tụng mùa xuân" (Tạp chí "Văn", số đặc biệt về Phạm Duy, tháng 6&7/2002, trang 120).

Nói đến Phạm Duy thì có lẽ cũng phải nói đến Trịnh Công Sơn. Trịnh Công Sơn có bài nhạc xuân nào không? Có và không. "Có" là anh có nói đến mùa xuân. Nhưng "không" là vì anh chỉ dùng mùa xuân để mô tả cái khác. Trong một vài ca khúc, anh đề cập đến mùa xuân như là ý niệm về thời gian, về vòng quay không ngừng của thời gian: xuân,hạ, thu, đông:

Vừa tàn mùa xuân rồi tàn mùa hạ
Một ngày đầu thu nghe chân ngựa về, chốn xa

(Một cõi đi về)

Em đứng lên mùa xuân vừa mở
Nụ xuân xanh cành thênh thang chim về vào ngày tuổi em trên cành bão bùng.
Rồi mùa xuân không về mùa thu cũng ra đi mùa đông vời vợi, mùa hạ khói mây...

(Gọi tên bốn mùa)

Trong một bài hát khác có tựa đề rất "xuân" là *Ru em từng ngón xuân nồng*, có đoạn, anh viết:

Thôi ngủ đi em
Mưa ru em ngủ, tay em kết nụ
Nuôi trọn một đời nuôi một đời người
Mùa xuân vừa đến xin mãi ăn năn mà thôi.

Chẳng thấy xuân nồng đâu, chỉ thấy ăn năn và muộn phiền. Tất cả chỉ vì anh nhìn mùa xuân chẳng phải là cái gì khởi đầu, chẳng phải cái gì là mới. Đó chỉ là một vòng sinh diệt miên man. Xuân đến rồi xuân lại đi. Một vòng quay bất tận. Tất cả nằm trong một cõi rất giới hạn: cõi đi về.

Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt
Rọi xuống trăm năm một cõi đi về.

Trịnh Công Sơn còn có một bài khác với một tựa đề rất "xuân": *"Một buổi sáng mùa xuân."* Ta tưởng anh sẽ nói về chim, về hoa, về nắng, về vân vân. Không. Hãy nghe:

Một buổi sáng mùa xuân
Một đứa bé ra đồng
Đạp trái mìn nổ chậm
Xác không còn đôi chân
Một buổi sáng mùa xuân
Ngực đứa bé tan tành
Ngàn hoa đồng cỏ nội
Cúi xuống nhìn con tim
(...) Một buổi sáng mùa xuân
Một đứa bé yên nằm
Bàn tay cầm cỏ dại
Có hoa vàng mong manh.

Không thấy mùa xuân đâu, chỉ thấy cái chết. Hay thì hay thật. Nhưng thảm quá!

*

Việt Nam ta thì có nhạc xuân. Vậy thì người Tây phương có nhạc xuân hay không nhỉ? Có lẽ không. Lễ lạc của họ là Giáng Sinh. Họ xem Chúa ra đời là đem mùa xuân về cho nhân loại rồi, nên chẳng cần mùa xuân thiên nhiên. Tôi không biết

họ có loại nhạc gọi là "spring song" như của ta hay không. Nhưng tôi biết bản "Happy New Year." Đây là một bài hát rất hay, ca từ rất nhân bản. Xin chép ra nguyên bài ở đây để tặng bạn nào chưa biết:

Happy New Year

No more champagne
And the fireworks are through
Here we are, me and you
Feeling lost and feeling blue
It's the end of the party
And the morning seems so grey
So unlike yesterday
Now's the time for us to say...

Happy new year
Happy new year
May we all have a vision now and then
Of a world where every neighbour is a friend
Happy new year
Happy new year
May we all have our hopes, our will to try
If we don't we might as well lay down and die
You and I

Sometimes I see
How the brave new world arrives
And I see how it thrives
In the ashes of our lives
Oh yes, man is a fool
And he thinks he'll be okay
Dragging on, feet of clay
Never knowing he's astray
Keeps on going anyway...

Happy new year
Happy new year
May we all have a vision now and then
Of a world where every neighbour is a friend
Happy new year
Happy new year
May we all have our hopes, our will to try
If we don't we might as well lay down and die
You and I

Seems to me now
That the dreams we had before
Are all dead, nothing more
Than confetti on the floor
It's the end of a decade
In another ten years time
Who can say what we'll find
What lies waiting down the line
In the end of eighty-nine...

Happy new year
Happy new year
May we all have a vision now and then
Of a world where every neighbour is a friend
Happy new year
Happy new year
May we all have our hopes, our will to try
If we don't we might as well lay down and die
You and I

Super Trouper (1980)

Bản nhạc này do ban Super Trouper (tức ban nhạc ABBA, Thụy Điển) biên soạn và trình diễn (đơn ca với sự phụ họa của toàn ban) rất tuyệt vời. Tiết tấu lạ, nhịp vừa phải, nghe xong muốn nghe lại ngay. Ca từ đồng thời cũng là một bài thơ. Một bài thơ hay, đượm mùi triết lý. Tuyệt vọng và hy vọng. Chúng ta mong mỏi được nhìn thấy một thế giới mới ra đời, trong đó mọi người đều là bằng hữu. Nhưng con người thì điên cuồng mà vẫn tưởng mình tỉnh táo, cứ tiếp tục lê bước mà chẳng hay rằng mình đã lạc đường... - *Oh yes, man is a fool/And he thinks he'll be okay/Dragging on, feet of clay/Never knowing he's astray/Keeps on going anyway...*- Một thập niên qua rồi. Bao nhiêu ước mơ chúng ta từng có đều đã tan thành mây khói. Chẳng biết một thập niên tới đây thì cái gì đang chờ ta ở phía trước. Nhưng dù sao, ta cũng cứ hy vọng. Bởi vì "nếu chúng ta không còn hy vọng thì chúng ta chỉ còn nằm xuống và chết mà thôi" - *If we don't we might as well lay down and die* -

Vâng, dù sao, mùa xuân cũng là mùa của hy vọng.

Xuân tôi ơi! Sức Xuân tôi còn khát khao
Dù nay, dù mai cũng như mọi ai chết trong địa cầu
Xuân muôn năm, có ta Xuân còn hơi Xuân
Thì xin, thì Xuân hãy cho tình nhân sống thêm vài lần.
Xuân ơi Xuân! Xuân ới Xuân ơi!
Xuân ơi Xuân! Xuân ới Xuân ơi!

(Xuân ca/Phạm Duy)

Xuân ơi, Xuân ơi!

(12/2002)

CÂY BÀNG LÁ ĐỎ

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Buông từ trên tít cao rơi lửng ở ngang chừng, những giây rễ con đan kết vào nhau bện thành từng chùm thả xuống như tấm rèm thưa vây che thân cây si già sần xùi, cổ kính: Hà Nội trong mắt tôi cũng đan kết dính quyện với nhau như thế. Trong cái nhìn của tôi không thể nào tròn vẹn là một Hà Nội những năm đầu của thiên kỷ mới mà luôn có lẫn cái nhìn cũ kỹ của chính tôi thời thơ ấu, có vương cái hồn những người cật ruột của tôi phơi bầy qua những dòng văn lãng mạn nổi tiếng một thời.

Đêm Hà Nội có lễ hội. Tết Trung Thu năm nay lại rơi đúng vào tối thứ bẩy. Tôi bước xuống từ lầu nhà Thủy Tạ thấy mình rơi vào dòng người tấp nập ngược xuôi xung quanh bờ hồ. Phố Lê Thái Tổ ôm sát mửa vòng hồ chứa cả một khối lượng không biết cơ man nào xe máy, tưởng như tất cả các chiếc xe của thành phố bỗng từ trăm ngả cùng lúc tuôn ra đi "thưởng trăng" nơi hồ Hoàn Kiếm. Trên những chiếc xe máy là cả một đàn thê tử: chồng thì gò lưng lách lạng, vợ ngồi sau ôm cứng bầy con; có xe — ôi chao — kẹp những ba đứa, những đứa bé nghếch mặt tay giơ cao chiếc que đèn lồng hay kéo sợi giây căng có buộc chùm bong bóng đủ màu.

Đêm này, năm mươi năm trước, đứa bé đó là tôi tay xách đèn lồng đi tung tăng trong khu phố cổ, ngụp lặn trong thế giới của đồ chơi tháng Tám những phố Mã Mây, Hàng Bông, Hàng Hòm, Hàng Quạt, Hàng Bồ... Thằng bé đi qua phố Hàng Thiếc ngây người đứng xem những cái tàu thủy bằng thiếc chạy xịch xịch trong thau nước, con bướm sắt đẩy đi trên hè kêu leng keng chiếc cánh gập lên hạ xuống, tạt vào Hàng Mã nhìn những con giống bằng bột hình con thạch sùng, con kỳ lân, con phượng... màu sắc lòe loẹt, sặc sỡ. Nó hoa mắt nhìn những cỗ đèn Trung Thu đủ màu đủ kiểu ở phố Hàng Gai: đèn xếp, đèn quả trám, đèn con thỏ, đèn kéo quân, đèn ông sao... trong khi đâu đó từ hướng Hàng Trống đưa lại tiếng trống ầm ầm, xùng xoèng múa sư tử.

Dưới ánh đèn xe chớp loạn, lẫn với tiếng người kêu gọi ồn ào là tiếng xe máy gầm rú, tiếng ô-tô bóp còi tin tin liên hồi. Qua mặt Hồ Gươm lặng chìm bóng tối mà khoảng sáng độc nhất sững lên ở cuối hồ là cái tháp rùa được thắp sáng màu trắng phớt xanh, hàng hàng ánh đèn xe chớp lóe làm thành những vệt sáng dài ngoằng ngắt hiện loáng thoáng qua hàng trăm thân cây sấu quanh hồ. Tôi thả người theo dòng xô đẩy về phía Tràng Thi. Đi cùng dòng với tôi là một đám chục người ngoại quốc chắc cũng vừa rời nhà Thủy Tạ, những anh chị ba-lô tây đầm cao to, họ bước đi nhìn thẳng làm ngơ trước những bàn tay chìa ra của đám con nít bán postcards bu quanh. Trên vỉa hè rộng lát gạch đỏ dòng người đi bộ đập vướng tránh né các hàng quà bánh bầy la liệt; thoảng trong gió đưa từ mạn hồ có mùi mực nướng thơm nồng, tiếng rao hàng mời mọc, những khoảng sáng của gian hàng quảng cáo chụp ảnh lấy liền với ánh điện quang giả pháo bông chớp lóe. Dưới chân ánh sáng cột đèn là từng đám ngồi chồm hỗm châu quanh bàn cờ tướng. Mấy anh công an trẻ măng mặc áo xanh ve đang xua đi mấy chị hàng rong. Phía sát ven hồ, dưới tàng cây liễu rủ, kín mít phủ lên bãi cỏ san sát những manh chiếu, những mảnh vải rộng, là đùm đề gia đình hóng mát. Tất cả vào đêm Trung Thu, cả cái khối người đông như bể kiến ấy, tôi tưởng như không có một ai buồn ngước mặt nhìn trăng; vả lại nếu có ngước nhìn cũng khó thấy, trên đầu những cây sấu, cây lim, cây si, cây điệp, cây liễu, cây bàng vấn vít giao nhau cành lá. Giọng ca Hồng Nhung đâu đây từ một cassette theo gió hồ đưa lời nhạc Trịnh Công Sơn: *Hà Nội mùa Thu cây cơm nguội vàng... Cây bàng lá đỏ... Nằm kề bên nhau... Phố xưa nhà cổ... Mái ngói thâm nâu...*

Tôi đứng dừng lại trước đầu đường Hàng Trống. Phía bên kia đường là một dẫy nhà hàng, khách sạn; tôi giương mắt nhìn không thấy đâu dấu tích rạp chớp bóng Lửa Hồng nơi tôi đã xem những phim tarzan thời thơ ấu. Ngay cái góc xéo đường Hàng Trống đâm ra bờ hồ là một tòa lầu kiến trúc cổ quét vôi vàng, trụ sở mang tên Trung Tâm Nghiệp Vụ Văn Hóa Thông Tin. Một lần ngồi uống cà-phê nơi cái quán cóc Highland's Coffee giữa

tàng cây sấu bên bờ hồ, ông bố vợ tôi, người mà từ hơn tám mươi năm nay không hề rời khỏi làng Hoàng Mai Hà Nội, chỉ vào cái trụ sở ấy nói: Con biết không xưa kia nó là trụ sở hội Khai Trí Tiến Đức đấy!

Một lát sau, trên khoảng đất ven hồ người đứng đông quá, hai thiếu nữ thấy khó lòng tiến lên được. Giữa lúc ấy có tiếng reo ầm ỹ từ phía Hội quán "Khai Trí Tiến Đức" đưa lại. Rồi phố Hàng Trống rẽ sang một cái ô-tô kết bông trắng thành hình cái thuyền trên có tám cô thủy binh... Trong làn không khí mờ bụi, ồn ào đầy tiếng cười và tiếng vỗ tay, những hoa giấy, những vòng giấy ngũ sắc ném tung lên dầu, lên người bọn lính thủy xinh xắn và như cố lôi giựt các cô xuống đất. Những chiếc ô-tô với hàm răng trắng lướt qua, những sợi dây hồng, dây tím rơi đầy đường: - Xe trường nào thế? - Trường taxi girls! Đáp lại câu trả lời ngộ nghĩnh, tiếng cười phá lên vang động (Thoát Ly - Khái Hưng).

Tôi bỗng lặng đi. Những ký ức đóng băng từ một thời quá vãng chợt như rã ra hòa với thực tại và cái cảnh trí tôi hiện thấy trước mắt bỗng lướt qua êm như một ảo giác, mơ màng như không có thực. Tôi vừa rời đi từ một thành phố miền Tây Bắc nước Mỹ nơi tôi đã sống gần nửa đời mình, nơi cả rừng xe trện xa lộ chạy êm êm không một tiếng bóp còi. Dường như cái ồn ào hoảng loạn mà tôi không quen làm tôi nôn nao. Hình như hai chai bia Hà Nội làm tôi ngầy ngật. Tôi quay nhìn phía Hồ Gươm nơi tháp rùa sáng lên lung linh qua tàng cây liễu. Rồi tôi bỗng có cảm giác như mình đang đứng ở điểm giữa của một cái đèn kéo quân khổng lồ, những vệt đèn làm đường viền sáng quanh hồ như chênh lên và chiếc đèn kéo quân rập rình như muốn quay đi...

*

Chiếc xe buýt của hãng du lịch café Sinh cuối cùng rồi cũng rời khách sạn Prince đường Lương Ngọc Quyến chạy kềnh càng qua những con đường rất hẹp của khu phố cổ. Mã Mây. Hàng Bạc. Hàng Bè. Cầu Gỗ. Từ trên tầm cao của xe những căn nhà cũ như thấp hẳn xuống. Hai bên con phố trên vỉa hè hẹp cây bàng, cây dâu da xoan đâm chìa cành lá lát sát chạm vào thành xe.

Mái ngói của 80 Quán Thánh, nhìn từ ngã tư Hàng Bún.

Đến cuối phố Cầu Gỗ chiếc buýt làm một vòng qua bồn phun nước, nơi năm con phố cổ chụm đầu đâm vào Hồ Gươm. Phía bên kia đường Đinh Tiên Hoàng trông sang Đền Ngọc Sơn, thoáng qua hàng cây bờ hồ, một tòa nhà nhô cái tháp cao phô hàng chữ Múa Rối Nước Thăng Long. Chiếc xe đi vào lườn của Hồ Gươm, khung cảnh khu hồ quang đãng êm dịu của một buổi sáng vào thu, khác hẳn khung cảnh đêm Trung Thu hôm trước

Bọn tôi năm người. Ba anh chị tôi và tôi được gọi là "Việt kiều." Còn hai người kia là dân tại chỗ, một cô em họ và một người bạn của anh tôi. Ngay từ đầu chuyến du ngoạn mà hầu hết là ngoại

kiều đã gặp chuyện lộn xộn phải khởi hành rất muộn. Chẳng phải do lỗi chúng tôi mà xe đi trễ. Chung quy chỉ vì chú tài xế, anh hướng dẫn và cô thâu ngân của hãng xe ham tiền. Nhưng những người ngoại quốc trên xe lại không biết thế: khi năm chúng tôi bước lên xe tôi đọc ở ánh mắt họ cái nhìn tức tối và ác cảm.

Thời gian ở Hà Nội của anh em chúng tôi eo hẹp nên hôm trước chúng tôi có hỏi dò mấy hãng du lịch xem có tour nào đi chơi xa mà lại có thể đi về nội trong ngày. Trên tấm phích quảng cáo chuyến đi Ninh Bình (Tam Cốc xem ra hấp dẫn vì thắng cảnh được tả một cách mỹ miều là một "Vịnh Hạ Long trên cánh đồng lúa." Giá cho mỗi người là 17 đôn. Nếu thêm 5 đôn nữa thì lại được đi thăm Phát Diệm. Chị tôi và tôi quyết bắt cái tua Ninh Bình (Phát Diệm chỉ vì muốn nhìn lại cái nhà thờ Phát Diệm mà hơn năm mươi năm trước chúng tôi tản cư về sống ở ngay bên cạnh. Khi lấy vé thì được biết cái tua ấy bị hủy. Chú bán vé giải thích: "Chúng cháu mở cái dịch vụ này chủ yếu là nhắm vào người nước ngoài, thế mà cái tỉnh Phát Diệm thì chỉ có độc một cái nhà thờ là đáng xem, nhà thờ thì ở bên tây thiếu giống gì!" Sau cùng thấy chị tôi cứ muốn đi Phát Diệm bằng được, chú ta chỉ sang phía bên kia đường: "Cô thử sang hỏi hãng bên kia. Họ đi nhiều chuyến, có thể có tua đi Phát Diệm." Sau khi mua được vé, anh tôi dặn dò: "Ngày mai đón chúng tôi ở khách sạn Prince, nếu xe không đi Phát Diệm thì chúng tôi sẽ không đi đâu và lấy lại tiền vé." -"Chú cứ yên trí đi. Chúng em làm ăn đứng đắn!"

Hôm sau lúc chiếc buýt màu trắng đỗ trước khách sạn thì trên xe đã đầy người. Chúng tôi hẳn phải là khách rước sau cùng. Toàn khuôn mặt tây đầm nhô lên trong khung kính. Trước khi lên xe, chị tôi cẩn thận hỏi lại là xe có đi Phát Diệm không. Chú tài xế nói không. Anh tôi lúc đó đã bước hẳn trên xe vội quầy quả bước xuống, ngăn chúng tôi lên xe và đòi trả lại tiền. Anh hướng dẫn tour chạy vội lại, nhăn nhó: "Cô chú cảm phiền. Tối qua họ điện cho biết đường vào Phát Diệm bị mưa ngập lụt xe không đi được. Mời cô chú cứ lên xe đi Ninh Bình. Cháu sẽ hoàn lại tiền sai biệt cho cô chú." – "Hôm qua tôi đã nói là nếu xe không đi Phát Diệm thì chúng tôi không đi. Anh trả lại tiền cho chúng tôi và không nói lôi thôi gì nữa!" Lằng nhằng một hồi thì sau cùng cô thu ngân cũng phải mở cặp đếm đủ 110 đôn trả cho anh tôi. Mặt cô ta ngẩn ngơ như thể chính cô ta vừa mất số tiền to tát ấy.

Trở lại khách sạn chúng tôi lên gác vào buồng bàn tính với nhau về chương trình thay thế chuyến du ngoạn hụt. Khoảng gần nửa giờ sau, khi tôi đinh ninh là chiếc buýt ấy đã rời khỏi Hà Nội từ lâu, thì (hỡi trời!) chiếc xe ấy với tất cả đám khách trên xe vẫn chưa nhúc nhích, vẫn còn đỗ ngay trước khách sạn! Có tiếng gõ cửa phòng và cái đầu của cô thâu ngân thò vào. Cô ta cười cười: "Mời cô chú lên xe! Chúng cháu đã thương lượng xong với khách trên xe và xe sẽ đi thêm Phát Diệm như là cô chú muốn. Chúng cháu phải đi lỗ vì không bắt họ trả thêm tiền." – "Nhưng chúng tôi lại đổi ý không đi nữa rồi..." Anh tôi nói. "Vả lại đường đi Phát Diệm ngập lụt thế kia..." Cô thu ngân chắc vì không nghe câu nói láo của anh "tua gai" đương ngẩn mặt ra thì anh tôi nói tiếp: "Thôi, chúng tôi đồng ý đi. Nhưng cô đừng có lấy tiền đi Phát Diệm nhé! Chả lẽ cô cho họ đi miễn phí mà cô lại lấy tiền của chúng tôi..."

Xe bắt đầu chuyển bánh. Chúng tôi được xếp ngồi băng sau cùng. Thấy không khí trên xe căng thẳng tôi ngoắc anh hướng dẫn, lúc đó đang vịn thành cửa kính và là người duy nhất còn đứng trên xe: "Này chú, chuyện gì xẩy ra vậy? Xem ra chuyến đi chơi này tốn tiền mà không thấy ai vui vẻ hết, chuyện gì vậy?" – "Thật cháu không hiểu được mấy con mẹ tây này! Ai đời cho đi chơi Phát Diệm không lấy tiền mà còn xưng xỉa. Lại còn một cặp giận dỗi không đi đòi lại tiền nữa chứ. May mà còn có cô chú đi nếu không chuyến này lỗ chổng gọng! Lại còn cái con bé này..." Anh ta hất hàm về phía cô tây ba-lô ngồi trước tôi hai hàng ghế: "Bực mình đéo chịu được! Cháu chỉ muốn táng cho một cái! Mình có bắt nó đi đâu, xuống xe thì không chịu xuống, trả lại tiền thì không lấy, mặt cứ chầm hầm, cứ nói bua xùa cả lên là có cái hẹn tối nay ở Hà Nội nếu đi thêm Phát Diệm thì sợ về không kịp. Cháu đã bảo đảm về kịp mà..." Tôi ngắt lời anh ta: "Này chú, tôi ở nước ngoài lâu năm tôi hiểu họ. Họ bực mình là phải. Lỗi ở các chú cả. Thứ nhất bắt họ ngồi chờ trong xe nửa tiếng đã là chuyện đáng tức. Hai nữa họ đi du lịch qua đây thời giờ rất giới hạn, làm cái gì cũng phải tính trước chương trình giờ giấc, các chú làm trật đường rầy của họ hết trơn, tức là phải!" Anh ta lặng yên không nói gì, ngoảnh mặt nhìn ra phố. Tôi nhìn theo và như một thói quen, tôi dướn người hướng về căn nhà xưa của mình khi chiếc xe lướt qua phố Hàng Bè.

Lần đầu tiên nhìn lại dãy phố đó, căn nhà đó, sao chúng nhỏ nhắn quá ngoài trí tưởng của tôi.

Có thể là dưới tầm mắt của một cậu bé con thì thế giới cái gì chẳng là vĩ đại. Có thể là hơn phần tư thế kỷ sống ở nước ngoài cái tầm vóc lớn đã ăn sâu vào cảm quan tôi. Thăm lại một thành phố cũ "trở về mái nhà xưa" nơi tôi đã rời xa khi tôi mới tròn mười tuổi và chỉ trở về khi trên đầu mình đã hai mầu tóc, Hà Nội hiện về trong ngày đầu với một kích thước được rút bé đi rất nhiều: người, nhà, phố, hồ và dường như cả cái bầu trời Hà Nội nom cũng be bé xinh xinh. Nhưng chính cái huyễn hoặc về một không gian thu hẹp lại ấy cộng thêm cái háo hức đầy tính trẻ thơ muốn "đi tìm thời gian đã mất" của mình đã giúp tôi trong buổi sáng đầu tiên ấy thả bộ đi miệt mài cùng khắp Hà Nội mà không biết đến thế nào là mỏi mệt. Và tôi ngạc nhiên là cái Hồ Gươm trong trí tưởng của tôi năm mươi năm trước nó rộng mênh mang ấy tôi đã rảo bước đi trọn một vòng trong có đúng mười bẩy phút!

Rõ ràng là số 15 đây rồi nhưng cái tiệm uốn tóc Thu Hương mang con số đó hoàn toàn không một chút gợi nhớ cái cửa hàng bán cau khô của mẹ tôi. Chỉ khi tôi ngước nhìn lên cao những cửa sổ chấn song sắt han rỉ ở căn gác và cái mảng tường quét vôi loang lổ hoang tàn vẫn còn nguyên xưa tôi mới thực tin rằng tôi đã tìm được căn nhà cũ của mình. Come back to Sorrento! Tiếng hát của anh Triệu tôi, theo điệu nhạc ấy, vang lên ở Sài Gòn, ở Đà Lạt: "Nhà tôi bên Hàng Bè âm u... Chiều chiều gió lay... Và đông người qua..." Cất cao giọng, anh tôi hát điệp khúc sau: "Rồi từ đó bước chân vô Nam... Lòng nhớ thương... Mười lăm Hàng Bè..."

Cái vỉa hè ở trước nhà, tôi không tin được con mắt mình, nó hẹp một cách lạ thường, rộng chỉ vừa đúng một chiếc xe máy đặt ngang, thế nhưng đó là cả một thế giới của chúng tôi thời thơ ấu: chơi bi, đá cầu, đánh khăng, nhẩy giây, lò cò, ô quan... Thằng bé thơ thẩn chơi bi một mình ở đó. Lần đầu tiên thằng bé ý thức một cách mơ hồ nó có một người cha khác thường khi ông thợ húi tóc ở vỉa hè cạnh đó ngừng tay hất mặt về phía nó, bảo khách: "Con ông Tam đấy!"

Phía bên kia con phố hẹp mà cây dâu da xoan trồng hai bên hè giao nhau những chùm hoa ngà trắng, căn nhà trước đây hai tầng bây giờ thành ba mang số 16 xưa kia là của thầy Bùi Hữu Đột, nay biến thành Sinh Café-Open Tour. Nhìn lên cái cửa sổ ở lầu hai tôi mỉm cười nhớ lại cái tinh nghịch của mình. Mỗi lần thầy dậy học đứng trước bảng đen ở căn lầu ấy mặt hướng ra phố thì thằng bé ở căn gác bên này dùng gương hứng ánh nắng hè chiếu tia phản xạ đúng vào mắt thầy! Thằng bé chín tuổi ấy cũng đủ quỷ quái để mỗi lần thầy bị lóa mắt thì vội vàng ngồi thụp xuống ngay. Nó học cái trò "ném đá dấu tay" nhanh như cắt! (Sau này vào Nam thầy Đột có mở "cua"luyện thi Trung Học Phổ Thông môn Lý Hóa ở đường Công Lý và tôi là học trò của thầy. Một hôm sau khi thầy giảng bài toán quang học về "sự phản chiếu ánh sáng ở gương phẳng" tôi thú tội với thầy tôi là thằng bé đã nghịch chiếu vào mắt thầy khi còn ở Hà Nội. Tôi nhớ thầy có thốt lên "à ra đó là mày!" và thầy còn "khen" tôi là có khiếu về khoa học, biết áp dụng nguyên tắc vật lý từ lúc còn rất bé).

Hai bên vệ đường loáng thoáng rải rác những căn nhà bé thấp mái ngói xưa cũ, những cây bàng cành lá tiều tụy, những chiếc lá xơ xác bám phủ bụi đường mất đi cái màu lá xanh bóng bẩy của những cây bàng trong thành phố, những hàng quán vắng trần trụi trên xe nhìn thống qua nhà những chiếc bàn ghế gỗ xiêu vẹo, trước quán những bảng chữ quen thuộc tôi thấy cùng khắp miền ngoại ô Hà Nội. *Thịt chó. Cơm Phở. Bia Hơi.* Chiếc buýt xuôi nam theo quốc lộ một, vượt qua một cái mốc thấp màu trắng ven đường. *Phủ Lý 62 cây số.* Sau những căn nhà thấp, những hàng tre bờ ao đã thấy xuất hiện và ở xa nữa cánh đồng lúa đã bắt đầu mở ra.

Trên xe đám người yên lặng. Sau đêm Trung Thu thức khuya mấy người trong bọn tôi gật gưỡng. Tôi nhìn quanh xe. Nhìn thoáng thì trên xe chỉ có hai nhóm, nhóm người Việt thưa hơn nhóm ngoại kiều. Nhưng qua cách ăn mặc tôi thấy ngay nhóm người mình cũng xếp thành hai: "Việt kiều" gồm chúng tôi và một cặp rất trẻ. Nhóm kia là khách du lịch trong nước; đặc biệt trong số có hai bà đứng tuổi không thể lẫn được là dân địa phương: hai bà đi chơi mà cứ như đi dự dạ hội, mặc áo dài gấm, thứ áo mà xưa kia tôi chỉ thấy mẹ tôi mặc trong những dịp lễ tết. Đến Ninh Bình tôi lại khám phá ra là còn có thêm một tốp thư tư nữa, chỉ có hai người thôi, nhưng đó là chuyện sau.

Cô thâu ngân vừa rời hàng ghế đầu tay lần vịn thành ghế đi về phía chúng tôi. Cô ngồi xuống một trong hai ghế trống ở băng trước (ghế trống chắc thuộc về một cặp đã giận dỗi bỏ không đi từ đầu), hướng về anh tôi ý muốn thâu tiền. Anh tôi móc nguyên bó tiền cô giao ban sáng, lấy lại 25 đôn, rồi đưa cô ta số còn lại: "Còn tiền này tôi sẽ

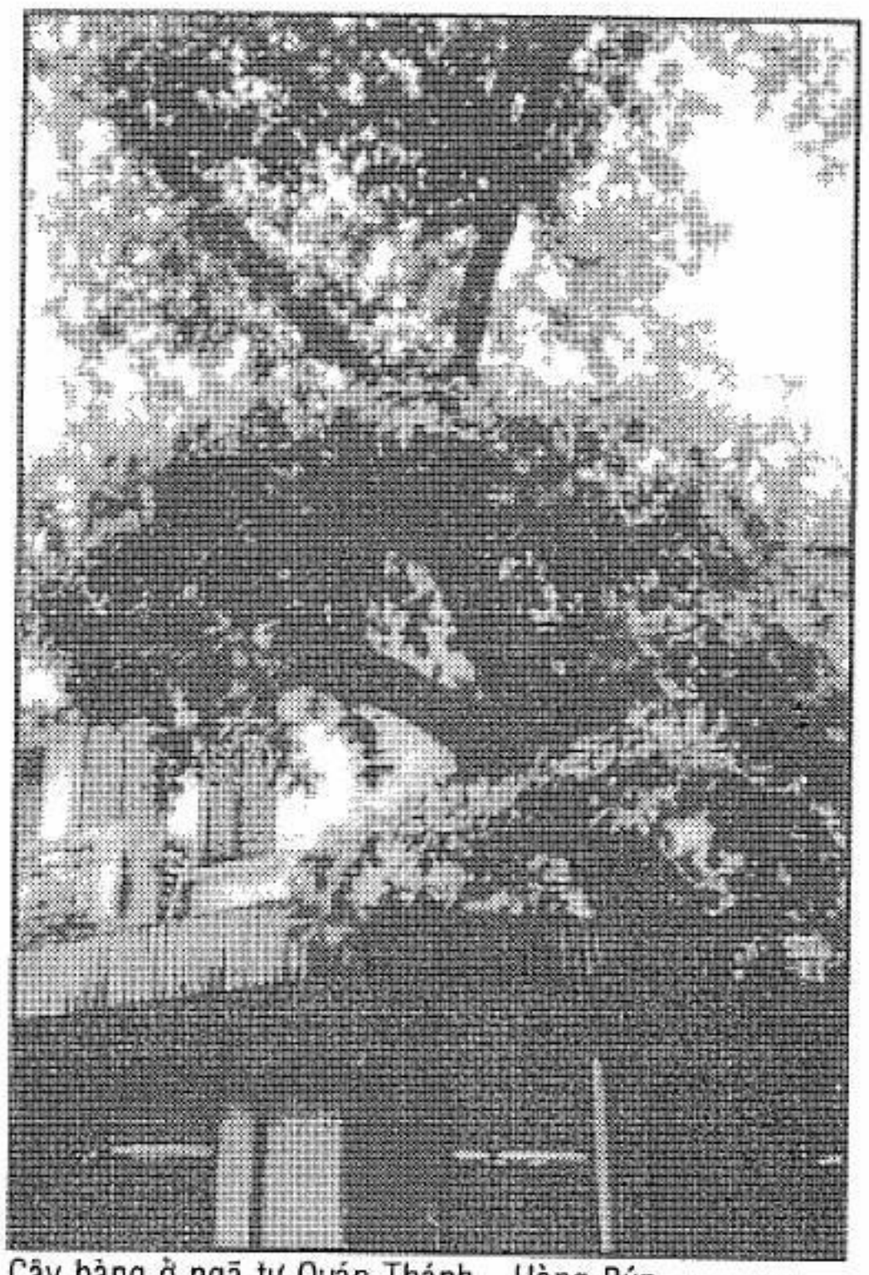

Cây bàng ở ngã tư Quán Thánh - Hàng Bún.

đưa cô sau khi đến Phát Diệm. Sau chuyện sáng nay bây giờ thì tôi không còn biết tín ai!" Mặt phụng phịu, cô thu ngân nài nỉ: "Thôi mà, cô chú bồi dưỡng chúng em tí chút, chúng em xin cám ơn!" Anh tôi cười (chắc vì cái từ lạ tai cô ta dùng), giao nốt số tiền cho cô ta: "Tôi bồi dưỡng cô chứ có ai bồi dưỡng cho tôi đây!" Cô gái về ghế, tôi nói với anh tôi: "Này anh Việt, bọn này nghi lắm! Hãng xe thì không biết là xe này đi Phát Diệm rồi. Ba cô chú này chắc cấu kết với nhau để chia chác ăn lẻ số tiền đi Phát Diệm của tụi mình. Hai mươi lăm đôn cũng ngon lắm! Có thế tụi nó mới bắt xe chờ nửa tiếng để thương lượng và nài tụi mình đi bằng được."

Ở băng trên có người nói to tiếng. Rồi cô tây ba-lô đứng dậy. Bằng một giọng Anh ngữ lạ tai mà tôi ngợ là từ Úc châu, cô ta nói to với anh hướng dẫn tour than phiền về cái máy lạnh trên xe, hơi lạnh cứ nhè vào gáy cô ta mà thổi làm cô ta rét run. Bấy giờ tôi mới để ý là cái máy điều hoà không khí trên xe đã làm việc sốt sắng quá độ mà cô ta thì lại mặc đồ short, lạnh là phải. Anh hướng dẫn loay hoay đứng điều chỉnh cái núm ở trên cao để hướng luồng gió lạnh về phía khác, nhưng sau mười phút vật lộn với cái núm, anh ta bỏ cuộc. Hơi lạnh tiếp tục phì phà vào gáy cô gái Úc làm mấy sợi tóc tơ của cô bay tạt đi. Anh hướng dẫn chỉ vào cái ghế trống trước mặt tôi, đề nghị cô ta đổi chỗ ngồi. Nhưng cô gái Úc nhất định không chịu rời ghế, cứ ngồi đó mà chịu rét và tiếp tục cằn nhằn to tiếng với anh hướng dẫn, lôi cả câu chuyện ban sáng ra nói. Tôi nghe anh "tua gai" đáp lại bằng cách văng tục cũng to tiếng không kém nhưng cố nhiên bằng tiếng Việt Nam: "Đ... mẹ mày! Hôm nay đúng là ngày ông ra ngõ gặp gái..."

Cô gái rất trẻ. Chắc khoảng hai mươi. Hàng ghế cô ta ngồi có ba người, hai người kia là một cặp vợ chồng già. Tôi đoán cô ta đi du lịch một mình. Nhìn nghiêng tôi thấy má cô ta có nhiều tàn nhang, khuôn mặt gẫy, mái tóc vàng sợi tóc rất nhỏ như tơ, phía sau gáy tóc buộc túm bằng sợi cao su. Chặp sau cô ta ngồi yên, tiếp tục đọc một cuốn sách dầy, bìa cứng, như một cuốn tiểu thuyết. Nhưng cô ta dường như không đủ kiên nhẫn để đọc lâu, chốc lát lại ngửng lên, ngó lung ra ngoài xe, nhìn đồng hồ tay, tiếp tục đọc thêm được chừng trang sách, rồi lại ngửng lên nhìn đồng hồ tay. Cứ thế!

Xe qua Phủ Lý. Trung tâm thị xã những biệt thự khang trang là những công sở mới xây cất mái ngói còn nguyên màu đỏ tươi. Xe lướt qua Kho Bạc Nhà Nước, tòa nhà đồ sộ tôi thấy hiện diện ở tất cả các trung tâm những thị xã tôi đã đi qua từ nam ra bắc. Tôi nhớ câu nói tếu của một người họ hàng: "Ở cái xứ sở này cái gì cũng thuộc về nhân dân hết, duy chỉ có kho bạc thì nhất trí phải là của nhà nước!"

Phía xa sau những căn nhà của thị xã là một dải xanh của rặng núi vôi Ninh Bình, những khối màu lam lớp thẫm lớp nhạt đè chồng lên nhau vắt ngang chân trời. Cái màu xanh lam ấy đã ăn sâu vào ký ức tôi. Hơn năm mươi năm trước chúng tôi đã chạy loạn qua miền núi Ninh Bình để đến tạm cư ở Phát Diệm. Chiếc thuyền xuôi nam theo giòng sông Đáy đi giữa những rặng núi vôi ấy. Chúng tôi năm anh chị em, hướng dẫn bởi người chị cả lúc đó mới hai mươi tuổi đầu. Bố chúng tôi bôn ba sang Tàu, mẹ chúng tôi và người anh cả bị Việt Minh vây bắt ở phủ Thường Tín. Trong khung cảnh tan hoang ấy thằng bé bảy tuổi nhởn nhơ thò tay nghịch nước ở mạn thuyền và nhìn những rặng núi lam hùng vĩ và đẹp như cảnh thần tiên. *Thuyền mơ trên giòng sông vắng... Buồn in bóng... trên ngàn thơ say... Núi lam khuất sau ngàn cây... Như bức tranh chiều lắng tơ xây mộng vàng... (Thuyền Mơ - Dương Thiệu Tước).*

Gần trưa, chiếc buýt đáp vào một bãi đậu xe rộng bên cạnh một bến nước với rất nhiều quán lá mở ra trước mắt một khung cảnh vừa hùng vĩ vừa mộng mơ trong lòng rặng núi đá Ninh Bình. Mọi người trên xe vội vã quẳng đồ tùy thân trên những cái bàn dài trong quán, xếp hàng đứng đợi trước hai cái W.C. Lúc tôi trở lại quán thì một đám người bu quanh bàn. Giọng của cô gái Úc cất cao, đầy tức tối. Cô giơ tay phân bua là cô mới để cái ba-lô và chai nước suối ở trên bàn, cô vào W.C. lúc ra cái chai nước đã biến mất! Xem ra đám người bu quanh chắc chỉ biết là cô ta tức tối mà không biết cô ta tức tối cái gì. Thấy cô thâu ngân chạy lại, cô gái Úc trút hết căm phẫn vào cô ta, xổ ra một tràng. Trong khi đó ở ngay bàn bên cạnh, một bà trong số khách du lịch trên xe, bà mặc áo dài gấm, thản nhiên ngồi uống một chai nước lọc. Cô thâu ngân, với giọng nhỏ nhẹ lễ phép, hỏi bà là chai nước bà uống có phải là của bà ấy mang theo không. Bà ta trả lời là không, bà tưởng là chai nước để trên bàn ăn thuộc về nhà hàng nên cứ tự tiện lấy uống. Sau khi được biết là chai nước của cô gái Úc, bà còn nói là từ nẫy giờ đứng cạnh nghe cô đầm la lối mà cứ thắc mắc hoài không hiểu chuyện gì. Cô thâu ngân sai anh hướng dẫn vào quán mua một chai nước lọc mới nguyên hoàn lại cho cô gái Úc và chuyển lại lời xin lỗi của bà uống nhầm chai nước. Cô Úc mặt vẫn hầm hầm, không nhận chai nước, nói chai nước này phẩm chất không bằng chai nước của cô mua ở Hà Nội, hiệu La Viande, nhập cảng; còn chai nước anh hướng dẫn đưa là nhãn hiệu La Vie, sản phẩm nội địa. Anh "tua gai" nhìn tôi lắc đầu, lại văng ra một câu chửi tục, lần này còn "dữ dội" hơn là câu anh đã văng ra ở trên xe.

Năm chúng tôi ngồi vào bàn ăn. Ngồi cạnh tôi là một cặp mà trên xe tôi không để ý đến. Một cặp vợ chồng già, có lẽ nhiều tuổi nhất trong số khách trên xe. Người vợ nói chuyện với chồng bằng tiếng Pháp giọng nhỏ nhẹ và nói rất nhanh, nghe líu ríu như giọng trẻ con. Người đàn ông gương mặt Á châu, nom như người Nhật Bản. Bà kia chắc phải là người Pháp. Người chồng cầm đũa rất thạo, ông gắp luôn tay cho vợ. Tôi nhìn rõ cái đũa run rẩy trong bàn tay già nua. Người vợ vừa ăn vừa cười lúc cúc trong miệng, thỉnh thoảng lại rúc vào vai ông già nói khẽ vài lời nhỏ nhẹ nghe như tiếng chim sẻ kêu. Sự thân mật đầm ấm của cặp vợ chồng già trông cảm động. Nó nhô hẳn lên cái sự tương phản với nhiều cặp rất trẻ trong chuyến du lịch này. Cuối bữa ăn, ông quay mặt về người dọn bàn nói vài câu, lúc đó tôi mới biết ông ta người Việt. Bằng một giọng nói rất chậm của một người đã lâu lắm không có dịp dùng tiếng mẹ đẻ và với một giọng Hà Nội của một thời rất xưa cũ, ông yêu cầu một món ăn tráng miệng cho người vợ đầm của ông. Tôi bắt truyện với ông ta và được biết ông sống ở Marseille bên Pháp đã trên 60 năm và đây là chuyến hồi hương đầu tiên của ông. Tôi cảm thấy như vừa có một người bạn đồng hành cùng đi trong chuyến hành hương tìm về quá khứ của mình.

Ăn trưa xong tất cả ra bến xuống thuyền đi theo một nhánh nhỏ của sông Hoàng Long thăm ba cái động được gọi là *Tam Cốc*. Những chiếc thuyền nan nhỏ như chiếc lá liễu chỉ chở được một cặp. Thường thì cặp là vợ chồng hoặc bồ bịch. Chỉ những người đi riêng lẻ mới được xếp chung với nhau. Điều rắc rối và khó hiểu là những người tổ chức sắp xếp cứ nhất định bắt ly gián cặp vợ chồng già. Bà đầm Pháp gần như bị lôi xuống thuyền ngồi chung với cô gái Úc, trong khi ông già Việt lại bị cặp với một người trong bọn tôi. Tội nghiệp bà già, bà sợ hãi run rẩy cương không chịu xuống thuyền. Còn ông chồng thì cực lực phản đối, nói là nếu không xếp ngồi cùng

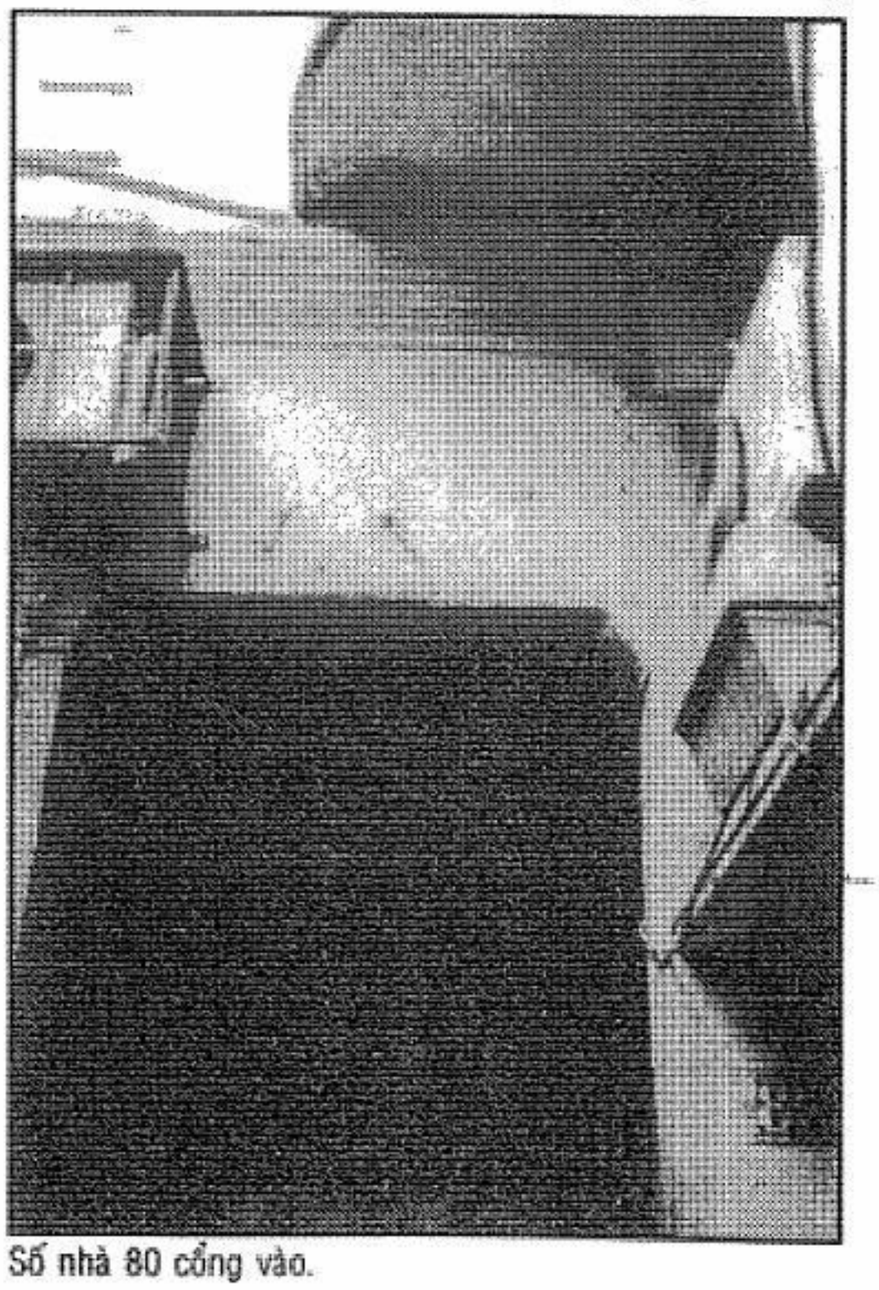

Số nhà 80 cổng vào.

thuyền thì vợ chồng ông sẽ không đi. Sau cùng một người đứng tuổi chạy tới nói: "Người ta vợ chồng xếp cho người ta ngồi chung thuyền đi." Ông già lẩy bẩy ôm lấy vợ, tôi nghe ông nói nhỏ bằng tiếng Pháp với bà, thứ tiếng mà tôi còn hiểu được nghĩa những câu thông thường: "Em đừng sợ. Có anh đây. Anh không để chúng nó chia rẽ chúng mình đâu!"

Trong suốt chuyến đi Tam Cốc tôi cứ bị ám ảnh bởi cặp vợ chồng bị ly gián và thắc mắc tại sao những người xếp thuyền lại cố tình không muốn họ ngồi chung một thuyền. Chiều hôm đó, trên chuyến xe buýt trở về Hà Nội tôi có hỏi người bạn của anh tôi, là dân địa phương, thì được anh cho biết là khi những chiếc thuyền lá ra sông phải đi ngang một trạm kiểm soát và bị đánh thuế: nếu trên thuyền có một người ngoại quốc thì thuyền bị đánh thuế cao, còn thuyền có người Việt thì đánh thuế thấp vì được xem như là khách du lịch trong nước. Những người tổ chức dịch vụ du lịch thu giá đắt đối với Việt kiều vì coi họ như người nước ngoài, nhưng khi đóng thuế thì tìm cách để xếp họ là người trong nước để hưởng thuế nhẹ. Việt kiều "yêu nước" bị móc túi hai lần!

Mấy chục chiếc thuyền lá liễu lướt đi trên con sông cạn, nhiều đoạn sông thu lại nhỏ như một con lạch, len lỏi qua cánh đồng lau sậy, rồi mở ra trước mắt cánh đồng lúa vàng bát ngát, trên cánh đồng mênh mang đó lác đác đó đây sừng lên như có ai cắm vào những khối núi đá xanh lam.

Thuyền êm trôi dưới mái chèo nhẹ nhàng của các cô gái quê, tôi và người chị ngồi chung thuyền, hai người yên lặng và cùng nhau nhớ lại cái thời tản cư xa xưa. Lướt sóng đôi với thuyền chúng tôi là thuyền cô gái Úc, cô ngồi một mình một thuyền. Trong cái yên tĩnh của cảnh vật mà tiếng động duy nhất là tiếng khuơ nước của mái chèo, tôi nghe tiếng tôi cất lên bằng tiếng Anh với cô gái Úc: "Này, cô bé! (tôi dùng chữ *young lady*!). Tôi hiểu được cái bực mình của cô. Nếu tôi ở địa vị cô tôi cũng sẽ bực mình y như cô vậy. Cái bà kia đáng lý ra phải hỏi trước khi uống, cứ tự tiện uống một chai nước không phải của mình là một việc làm không phải. Nhưng thôi, cô nên nhớ rằng đây là một chuyến đi nghỉ mát của cô, một *vacation*, mà mục đích của chuyến đi chắc chắn là để tìm sự thoải mái. Cô từ xa đến thăm xứ sở này, cô đã bỏ ra một số tiền không nhỏ cho chuyến du lịch, không lẽ chỉ đổi lấy toàn sự bực mình, sự đổi chác đó quả là không tương xứng. Trong một xã hội không toàn hảo, mà chả cứ gì ở nước này, ở đâu đâu cũng thế, sự bực mình lúc nào cũng có, không thể tránh được, nếu cô cứ xoáy vào nó cô sẽ chỉ trông thấy nó mà không nhìn thấy những cái lạ cái hay cái đẹp lúc nào cũng có đầy dẫy ở ngay trước mắt cô, rất đáng để cô chú ý và rất xứng đáng với số tiền cô bỏ ra cho chuyến du lịch này. Cô cứ tin tôi đi!" Cô gái Úc yên lặng không trả lời tôi. Trong ánh mắt cô tôi đọc thấy hình như là một sự ngạc nhiên: tôi không biết cái thoáng ngạc nhiên đó là do nội dung những lời tôi nói, hay chỉ vì cái khả năng diễn đạt bằng Anh ngữ của tôi, tuy còn xa lắm mới đến chỗ toàn hảo, nhưng hẳn là hiếm thấy trong số những người cô được tiếp xúc ở Việt Nam.

Tôi bước trên vỉa hè hẹp, tránh những vũng nước mà trận mưa đêm qua đã để lại trên khắp lối đi. Trước những căn nhà nhỏ của khu phố cổ những chiếc xe máy chắn chật vỉa hè, người đi bộ phải tách xuống mặt đường, bước qua những mương rác rưởi. Con phố cũ của tôi đã được hiện đại hoá bằng những Mini Hotel nhiều tầng, những cửa hàng dịch vụ du lịch với những phích quảng cáo trưng bày trước cửa. Free Internet! Trong những gian hàng dịch vụ, khách du lịch ngoại quốc tấp nập, những anh tây chị đầm với ba-lô trên vai ngồi đánh e-mail trên một dẫy những bàn máy vi tính. Tôi bước qua ngõ Gia Ngư. Khu chợ này vẫn lầy và nhiều rác như năm mươi năm trước. Đến đầu phố Hàng Bè ở góc Cầu Gỗ tôi đưa mắt tìm nhưng không thể nào nhận ra được đâu là căn nhà cho thuê xe đạp quen thuộc của tôi mà thuở nhỏ tôi đã thuê giờ đạp xe cùng khắp Hà Nội, thích nhất là đạp xe trên đường Cổ Ngư đến Quảng Bá để đi bơi ở rặng ổi. Theo phố Hàng Dầu tôi đi về phía bờ hồ. Trên vỉa hè, dưới bóng một cây si già, một hàng bán thịt bò khô làm sống dậy thời thơ ấu của tôi: ông bán hàng khuỳnh hai tay dốc dốc hai chai nước mắm, dấm vào hai cái đĩa mỏng bằng nhôm đặt trên cái bàn xếp, rưới đẫm hai thứ nước chấm trên những sợi đu đủ màu trắng xanh, mấy miếng gan cháy, mấy lát húng xanh xếp gọn ở trên. Hai đứa bé đứng chờ, mắt chăm chú nhìn vào đĩa, đầu chúng chỉ cao hơn chiếc bàn xếp có gang tay. Chúng nó đang nuốt nước bọt... Tôi đoán... Y chang như tôi năm mươi năm trước. Tôi quay đi, bụng nghĩ với cái dạ dầy từ lâu bị Mỹ hóa của tôi, nếu bây giờ tọng vào một đĩa ấy thì bảo đảm là đi cầu chết bỏ!

Tôi bước sang bên kia đường, tìm về rạp xi-nê Philamonique. Đó là rạp chớp bóng gần nhà tôi

nhất. Thằng bé tối tối la cà đến đó chui luồn qua đám ông tây bà đầm, những người tây ăn mặc lịch sự đang tụm lại nói chuyện dưới cái vòm hiên cong chìa ra vỉa hè rộng để chờ giờ vào rạp. Nó đến đây để nhặt những tờ programme phim mà nó sưu tập. Lâu lâu gặp những phim nổi tiếng như "Cuốn Theo Chiều Gió" nó cũng đánh bạo sổ tiếng tây bồi để xin bà đầm tờ programme mà bà cầm trên tay.

Cái mái hiên vòm cong đó giờ đây không còn nữa. Rạp Philamonique nay trở thành rạp trình diễn "Múa Rối Nước Thăng Long" (Water Puppets Show). Những ông tây bà đầm ăn mặc lịch sự và sang trọng kia, hơn nửa thế kỷ sau, được thay thế bằng những anh tây chị đầm ba-lô, quần đùi áo ngắn, đi đứng nghênh ngang hí hửng với chiếc nón cối Việt cộng ở trên đầu.

Dựa theo trí nhớ tôi đi men theo vỉa hè đó đến vườn hoa Chí Linh, giữa vườn hoa vẫn còn tòa nhà bát giác xưa kia tôi đứng nghe hoà nhạc ở đó. Cuối vườn hoa tôi không tìm thấy dấu vết cái Ấu Trĩ Viên với cái hồ bơi lộ thiên nơi tôi đã tập bài học bơi đầu đời. Thay vào chỗ đó hình như là một biệt thự khang trang dùng làm Sứ Quán một quốc gia nào đó.

Quay lại phía Hồ Gươm, ngang qua nhà Bưu Điện, tôi băng qua phố Đinh Tiên Hoàng. Ngồi trên ghế đá sát hồ, gần một cây cổ thụ mà thân cây uốn còng xuống la đà mặt nước, tôi nhìn ngắm ánh nắng sớm mai lấp lánh lăn tăn chạy trên mặt nước xanh và bàng hoàng chợt nhận thấy là Hà Nội đẹp quá! Đẹp hơn cả trong trí tưởng của tôi... Về phía Tràng Tiền, những hàng cây liễu rủ lá xuống mặt nước... sau những cây liễu một đám người già tập thể dục tai-chi, tay chụm nhau đưa cao quá đầu, cong người như múa. Trên vỉa hè rộng lát gạch đỏ những tấm bích chương cổ vũ làm đẹp thành phố để chuẩn bị kỷ niệm một ngàn năm ngày thành lập cố đô Thăng Long.

"Chú đánh giầy!"

Tôi giật mình. Hai đứa bé xà xuống chân tôi. Hai gương mặt cùng ngửng lên nhìn tôi chờ đợi. Tôi nhìn đôi giầy bám đầy bụi của mình, gật đầu. Thằng nhỏ con vừa giơ tay sờ vào giầy tôi thì bị thằng lớn hơn xô một cái mạnh ngã lăn chiêng. "Tao thấy chú này trước! Mày đừng có ăn tranh!" Thằng nhỏ ngồi phắt dậy, văng một câu chửi tục tằn: "Đ... mẹ mày!" Nó đứng tấn, lấy thế. Tôi can: "Thôi đừng đánh nhau. Cả hai đứa đều đánh giầy cho tao!" Tôi cởi giầy, đưa cho mỗi đứa một chiếc: "Đây! Đánh cho kỹ nghe! Thằng nào làm kỹ hơn tao cho thêm tiền!" Hai đứa, mỗi đứa một đầu ghế, giở hộp gỗ nhỏ, lấy xi, giẻ lau, lúi húi chà bóng chiếc giầy; thằng nhỏ lặng yên, thằng lớn vừa làm việc vừa huýt sáo. Chặp sau chúng đưa đôi giầy bóng loáng cho tôi. Tôi ngắm nghía rồi nói: "Hai đứa mày làm kỹ đây! Tao cho bằng nhau mỗi đứa hai ngàn! Tao biết giá mà!" Tôi mở ví. Tiền Việt Nam là tiền lèo. Để cho ví khỏi cộm tôi chất toàn giấy bạc lớn. Rút ra tờ năm chục ngàn (khoảng hơn ba đôn), tôi đưa cho thằng nhỏ: "Tụi bay chia đều nghe chưa!" Nhìn hai đứa bé mặt mày rạng rỡ, vừa đi khỏi vừa ôm bá cổ nhau, thốt nhiên tôi lặng người!. Đó đúng là hình ảnh của hai anh em tôi năm mươi mốt năm trước, tôi mười tuổi, em Thái tôi lên tám, hai đứa vẫn thường bá vai nhau đi trên con đường bờ hồ này. Tôi còn giữ bức ảnh cũ hai anh em tôi chụp chung đứng bên cây liễu cạnh hồ, cũng khuôn mặt rạng rỡ, cũng tay bá cổ nhau. Bức ảnh chụp hai tháng trước khi nó chết vì bệnh tê liệt. Tôi nhớ trước khi chết nó đòi được ăn thịt bò khô. Nó chết ở căn nhà số 15 phố Hàng Bè. Vào ngày Thứ Hai, mồng Ba tháng Tư năm Năm mươi. Cái ngày dễ nhớ. Kể từ ngày đó tôi bị đẩy xuống làm em út trong một gia đình còn lại sáu anh chị em.

Rời chiếc ghế đá tôi đi không định hướng theo phía hai thằng bé đánh giầy. Tôi không biết đi đâu. Có quá nhiều chỗ để đi, có quá nhiều nơi để gợi nhớ, hầu như khắp Hà Nội đâu đâu cũng ghi dấu kỷ niệm đến nỗi tôi không biết bắt đầu từ đâu nữa. Tôi như những đứa bé mà bố tôi đã tả trong áng văn Nhặt Lá Bàng. "Chúng chạy vụt ra xa rồi lại quay vòng trở lại, có khi đương chạy về một phía bỗng nhiên đứng dừng: một đám lá rơi lỏa tỏa trên người khiến chúng ngập ngừng bối rối không biết quay nhặt phía nào." Thốt nhiên tôi muốn nhìn lại tòa nhà đó, nơi tôi tin rằng bố tôi đã ngồi viết áng văn kia. Tòa biệt thự ấy tôi chỉ đến có một lần trong đời. Chiếc xe xích-lô chở hai mẹ con rời phố Hàng Bè. Đứa bé năm tuổi ngồi trong lòng mẹ. Xe đưa nó đến một biệt thự tọa lạc ở một nơi dường như xa xăm lắm, trong một khu phố tây trên con đường ngợp bóng cây mát. Mẹ nó nói với nó là đi thăm bố, người bố xa lạ mà nó không hình dung được khuôn mặt. Nhưng cái kỷ niệm đã mờ nhạt ấy không phải là nguyên cớ cho cái háo hức của tôi bây giờ muốn nhìn lại tòa nhà đó. Tôi tò mò muốn đến xem tận mắt một cái địa điểm đã được nhắc tới hoài hủy, đã ám ảnh tôi sau này khi tôi lớn lên đến độ, với tôi, nó gần như một linh địa.

Chiếc xe buýt bỏ Quốc Lộ số 1 ở gần Hoa Lư đi vào một con lộ nhỏ hơn. Mốc chỉ đường cho thấy còn cách Phát Diệm 25 cây số. Xe chạy chừng chục cây thì tiến sâu vào vùng giáo xứ đánh dấu bằng những nghĩa trang bên đường với hàng trăm ngôi mộ mang dấu thập tự trắng, những ngôi nhà thờ tuy nhỏ nhưng nhiều vô kể, gây cảm tưởng là nhà thờ còn nhiều hơn những cấu trúc khác trong vùng. Gần vào thành phố, xe chạy dọc một quãng dài theo một con sông nhỏ ở mé trái rồi qua một vài con phố rất hẹp nhà cửa hai bên bé nhỏ cũ kỹ trước khi đến nhà thờ chính tòa Phát Diệm. Chị tôi và tôi nhoài người ra cửa xe vừa kịp thoáng thấy ngôi tượng chúa dang tay trên một tháp cao đặt chính giữa một cái hồ tròn bằng xi-măng rộng lớn nằm cách mặt tiền của nhà thờ một khoảng khá xa. Xe buýt đỗ dưới bóng một cây đa bên hông phải nhà thờ, được bao quanh bởi một bờ tường cao. Tôi theo đám du khách xuống xe qua một cái cổng ở bên hông bờ tường bước vào địa phận của nhà thờ.

Mặc dù hồi bé tản cư sống gần cạnh nhưng tôi không nhớ một chút nào hình thù của nhà thờ, chỉ nhớ mang máng nó là một khối đen sừng sững. Tôi ngạc nhiên là nhà thờ Phát Diệm lớn quá, ngay cả đối với tầm mắt của tôi hiện giờ. Làm toàn bằng đá cẩm thạch, mặt tiền của nhà thờ là một khối xám xịt có hình thù như một cổ thành thu nhỏ mà tôi thấy trong Đại Nội ở Huế, với cái nóc nhà thờ là một dẫy kế tiếp những mái đỏ uốn cong vút lên như những mái chùa. Nếu không có cây thánh giá ở trên tít cao và ngôi tượng chúa dang tay thì chắc không ai biết kiến trúc đó là một nhà thờ Thiên Chúa giáo.

Tôi lấy máy ảnh bấm mấy tấm với anh chị tôi đứng trước mặt tiền nhà thờ và trước bức tượng chúa. Trong khi tất cả đám du khách tiến vào thăm bên trong thì tôi tách ra; một mình, tôi lách khỏi cái cửa gỗ bên hông trái bước ra khỏi địa phận nhà thờ. Tôi muốn nhìn lại căn nhà xưa của chúng tôi.

Đó là Phát Diệm của năm 1947. Thị xã hừng hực không khí kháng chiến. Từ căn nhà lá chúng tôi tá túc thằng bé là tôi nhìn ra nhà thờ Phát Diệm qua một rặng cây phi lao. Trong ký ức xa xăm của tôi có in tiếng gió rì rào trên đỉnh phi lao cao ngất. Thời gian của nó ở đây là một chuỗi dài những ngày hè nóng bức. Nó ê a đọc thuộc bài thơ đầu đời. *Ai xui con cuốc gọi vào hè. Cái nóng nung người nóng nóng ghê. Ngõ trước vườn sau um những cỏ...* Nó nhớ nhất là những đêm hè đi ra cánh đồng nhìn những đốm sáng bay la đà trong không gian, những đốm sáng chớp tắt chớp tắt. *Đầu cành gọi bạn oanh xao xác. Trong tối đua bay đóm lập lòe...* Cùng với đứa em trai, nó đi bắt những con đom đóm bỏ lọ rồi hai đứa chui vào màn chụm đầu vào nhau, tay nó lắc lắc cái lọ trong đó mấy con bọ toả ánh sáng mờ mờ xanh trong.

Trong cảnh chơi đùa ấy thằng bé con cảm thấy một cách mơ hồ không khí nghiêm trọng ở chung quanh. Nó nhớ là người chị cả của nó với nét mặt âu lo chụm đầu nói chuyện với những người nhiều tuổi trong họ cùng đi chung trong chuyến tản cư. Phải mãi mãi rất nhiều năm sau này nó mới biết được nội dung những câu chuyện đó. Người ta đang tung tin đồn vu cáo bố nó ăn cắp hai triệu đồng công quỹ bỏ trốn sang Tầu và toàn quốc đang dấy lên phong trào mạ lị bố nó và Cụ Nguyễn Hải Thần. Nhưng cái không khí nghiêm trọng nó cảm thấy rõ ràng hơn không phải ở trên gương mặt những người lớn tuổi mà là ở những gì nó chứng kiến trong khu vực xung quanh nhà thờ. Từ trước căn nhà lá nhìn qua rặng phi lao, những đoàn dân quân tự vệ trang bị vũ khí thô sơ, mỗi người đeo một giỏ đá ở bên hông, chạy rầm rập, hô to vang dội: *Đức Cha Lê Hữu Từ. Muôn năm! Muôn năm! Đức Cha Lê Hữu Từ. Muôn năm!*

Cả thị xã Phát Diệm vùng lên những lời ca kháng chiến. Thằng bé bảy tuổi học thuộc bài ca đầu tiên trong đời nó. Năm mươi năm sau mỗi lần hát lại, tôi như sống dậy trong cái hồn của đứa bé kia. Bài hát đầu đời cũng là bài hát hận thù. Bài "Diệt Phát Xít" của Nguyễn Đình Thi. *Việt Nam bao năm ròng rên xiết lầm than... Dưới ách quân tham tàn gian ác sài lang...Giặc Phát Xít cướp và giết dân lành...*

Khi tôi lách qua cửa nhìn ra ngoài, cái rặng phi lao trong trí tưởng của tôi vụt mất. Trước mặt tôi là một con phố hẹp, một bên là bờ tường hông nhà thờ, bên kia là một dẫy nhà một từng san sát nhau. Cả một vùng trống trải xưa kia được lấp đầy bằng những căn nhà chi chít. Cái khung cảnh xưa kia giờ đây chỉ còn lại trong tâm tưởng của ba anh chị em tôi, những người còn lại trong đám năm chị em lưu lạc kia.

Tôi bước vào một quán nước trước mắt. *Hoàn Hải Cà Fê Kem Ly Sinh Tố.* Quán vắng. Tôi gọi một cốc nước chanh quả. Ngồi một mình trên một chiếc ghế nhựa thấp tôi vừa lấy ngón tay xoay tròn cục nước đá vừa nhìn chung quanh. Bên kia đường, khuôn mặt cô gái Úc thò ra cửa ngó dáo

dác ra ngoài. Khi thấy tôi cô quả quyết bước ra đường vào ngay quán như thể cô có dụng ý đi tìm tôi. Vẫn cái giọng như còn giận dỗi cô nói ngay với tôi khi vừa đặt chân vào quán: "Này ông! Hồi nãy ở trên thuyền ông có khuyên tôi không nên bực mình vì đây là vacation. Ông nói hay lắm. Nhưng tôi không dấu ông là tôi rất bực mình đây! Chuyến đi Phát Diệm của ông đã làm hỏng chương trình của tôi. Tôi không tin là sẽ về kịp Hà Nội tối nay. Nhưng thôi thế cũng tạm được đi. Tôi đã tạm tin rằng đi viếng cái nhà thờ này đối với ông nó cũng quan trọng như cái hẹn của tôi. Tôi chỉ tức mình là từ lúc xuống xe ông không thèm nhìn cái nhà thờ này lấy một phút. Ông bỏ ra đây ngồi chơi trong khi tất cả mọi người chiêm ngưỡng cái nhà thờ lạ lùng này. Vậy thì ông đi Phát Diệm làm gì cho phí thì giờ." – "Cô hãy ngồi xuống đây cái đã rồi tôi sẽ nói cô nghe vì sao tôi đến đây. Chuyện nó hơi dài dòng." Tôi đứng lên, mở tủ kính lấy ra một chai nước cất, tôi trả tiền ở quầy rồi đưa chai nước cho cô gái Úc: "Lúc nãy tôi để ý thấy nhà hàng này có bán chai nước suối giống hệt nhãn hiệu cái chai cô mua ở Hà Nội. Vậy tôi thay mặt cái bà uống nhầm chai nước của cô sáng nay mà tôi biết chắc là bà ta vô tình, để hoàn trả cô chai nước này."

Cô gái Úc nhận chai nước, nói cám ơn, rồi ngồi xuống cái ghế thấp cạnh tôi. Bằng một giọng từ tốn tôi giải thích về chuyến đi của tôi. Một người sinh đẻ ở Hà Nội nhưng đã rời xa Hà Nội trên năm mươi năm, hiện sinh sống ở bên Mỹ. Với tôi chuyến trở về này không có ý nghĩa một chuyến du lịch thông thường mà là một cuộc hành hương tìm về quá khứ của mình. Tôi kể về thời thơ ấu của tôi, về chuyến chạy loạn đến vùng Phát Diệm và tạm cư ở ngay sát nhà thờ này. Đó là lý do tôi đã bỏ ra ngoài để tìm lại dấu tích nơi chúng tôi đã sống hơn một nửa thế kỷ về trước. Tôi kể về người chị cả của tôi lúc đó mới hai mươi tuổi đầu đã hướng dẫn bốn người em bị lạc cả bố lẫn mẹ tan tác chạy đi giữa cơn ly loạn. Tôi nói: "Cả bố mẹ tôi và người chị ấy đã qua đời từ lâu. Mới cách đây hai tuần lễ ba anh em chúng tôi từ Pháp và từ Hoa Kỳ đã mang di cốt của mẹ chúng tôi từ Pháp về Sài Gòn, sau đó lại di chuyển di cốt của bố mẹ chúng tôi và người chị cả về chôn cất nơi nguyên quán ở Hội An. Trên chuyến xe hỏa xuyên đêm từ Sài Gòn đi Hội An tôi nằm ngủ ôm cái bình tro của người chị cả. Tôi đã nói với chiếc bình đó. *I am so sorry*... bởi vì khi chị còn sống tôi đã không có được một lời gọi là tử tế đối với chị, mà trái lại tôi thấy chị chỉ là một người khó tính và dở hơi, đến độ tôi chỉ muốn lánh xa. Tôi có hứa với cái bình đó là nếu có dịp tôi sẽ đi lại đoạn đường mà chị đã hướng dẫn các em đi qua trong thời kỳ tản cư để thấy được cái can trường của người con gái hai mươi tuổi đầu như chị. Gọi là một chút ghi ơn muộn màng. Và,

Phố Quán Thánh - Từ số 80 nhìn qua đường

như một sự rất tình cờ, cái tour Ninh Bình- Phát Diệm này nó thỏa được điều hứa của tôi."

Khi tôi ngừng nói, cô gái Úc lặng lẽ rời quán. Tôi ngồi thêm một chặp uống hết cốc nước rồi tôi đứng dậy đi qua con phố trở vào trong địa phận nhà thờ. Tôi không nhìn thấy đám du khách đâu, tự hỏi không biết họ còn đang ở trong nhà thờ hay đã ngồi đợi trên xe buýt. Dưới bóng mát một gốc cây tôi thấy anh hướng dẫn đứng một mình đang phì phà điếu thuốc. Gập tôi anh nói ngay: "Này chú! Cái cô gái điên đó nó điên thật rồi! Cả buổi sáng thì nó tức tối cà khịa, giờ thì nó lại khóc hu hu ở trên xe. Cứ bua xùa cả lên! Chả ra làm sao cả!"

Tôi đi về phía cây đa. Chiếc xe buýt dưới bóng cây hình như trống trơn. Tôi bước lên không nhìn thấy một ai trên xe. Rồi ở cuối xe một cái đầu ngửng lên. Tôi thấy đôi mắt cô ta mọng lên đẫm ướt. Cô nói với tôi, đúng cái câu tôi đã nói với chị tôi: *I am so sorry...* Rồi cô đứng lên, đặt tay lên vai tôi: *I apologize. I didn't know that this trip meant so much to you...*(Tôi xin lỗi. Tôi không biết chuyến đi này mang ý nghĩa lớn với ông như thế.)

"Trương chậm bước lại vì chàng vừa nhận thấy mình đi nhanh quá tuy không có việc gì vội và cũng không nhất định đi đến đâu. Từ lúc nãy, vô cớ chàng thấy lòng vui một cách đột ngột khác thường nên tự nhiên chàng đi nhanh làm như bước đi cần phải ăn nhịp với nỗi vui trong lòng." (Bướm Trắng- Nhất Linh). Tôi cũng bước chậm lại vì nhận thấy mình đi nhanh quá. Nhưng tôi khác anh chàng Trương tôi biết là tôi đi đến đâu và cái háo hức trẻ thơ muốn đến ngay thay vì nỗi vui đã khiến tôi nhanh bước.

Lúc nãy ở nhà Thủy Tạ tôi đã hỏi dò đường đến phố Quan Thánh. Từ cái ngã năm có bồn phun nước ông già chỉ đường cho tôi giơ tay về phố Hàng Đào nói cứ đi thẳng hướng đó, đi quá Chợ Đồng Xuân thì đến. Ông ta còn bảo đường xa lắm sao không đi xe ôm. Tôi nói tôi thích đi bộ. Bước qua đường ở cái ngã năm là một thử thách cho những người ở nước ngoài về. Cả một rừng xe máy, ô-tô nườm nượp không ngừng. Khi nào không thấy xe lớn thì cứ chậm chậm qua đường không đợi xe vãn. "Xe tránh người chứ người không tránh xe." Một người họ hàng khuyến cáo tôi ở Sài Gòn. Đoàn xe máy cứ như đâm lao thẳng vào người tôi cho đến sát gần thì đám xe tách qua hai bên. Nơi này xưa kia là bến đỗ của tàu điện. Nơi này xưa kia vang lên tiếng xe leng keng. Nơi này xưa kia người chị cả dẫn đứa em út đi ăn kem ở quán Mụ Béo. Tất cả bây giờ không còn nữa. Kể cả người chị. Thay vào đó là quang cảnh những ngoại kiều đi lại tấp nập, những cô đầm nép vào nhau sợ hãi líu ríu dắt nhau qua đường.

Tôi đi trên những con đường ngắn nối tiếp nhau. Hàng Đào. Hàng Ngang. Hàng Đường. Đồng Xuân. Hàng Giấy. Qua chợ Đồng Xuân tôi thấy đường đi không xa như tôi tưởng và mỉm cười nghĩ tới ông già chỉ đường cứ đề nghị tôi đi xe ôm. Đường trong khu phố cổ rất ngắn, qua rất nhiều ngã tư có đèn xanh đèn đỏ. Tôi nhớ tới lời của bố tôi: "Nhớ giữ nhịp đi của mình, đừng có để bị cái đèn xanh đèn đỏ nó chi phối mình đi nhanh hơn hay chậm hơn. Đến, thấy đèn đỏ mình ngừng. Đến, thấy đèn xanh mình đi. Nếu trong đời sống mình lúc nào cũng giữ được cái nhịp sống như vậy thì mình sẽ sống được một cuộc đời thoải mái." Bố tôi rất ít nói. Nhưng khi ông nói bao giờ cũng ngầm một ý nghĩa sâu xa.

Đập vào mắt tôi là cái bồn tròn chứa nước Hàng Đậu. Trí nhớ của tôi vụt hiện ra hình ảnh chiếc xe xích lô mẹ con tôi ngồi năm mươi sáu năm trước, chiếc xe lượn vòng tròn quanh cái bồn nước ba từng bằng đá xám to lớn bề thế chạy vào một con đường rợp bóng lá bàng. Trong ký ức của tôi có tiếng ve sầu kêu râm ran. Tiếng ve kêu thoạt to rồi cứ nhỏ dần trôi về phía cuối đường, ở đó như vỡ ra tiếng ve lại nổi ran lên. Chiếc xe đỗ ở ngã tư, trước tòa nhà 80 Quan Thánh. Thằng bé con ghi nhớ toà biệt thự có một khoảng vườn rộng phía trước bao bởi hàng rào thấp. Nhưng nó nhớ nhất và khoái trí nhất là khi mẹ con nó bước vào cổng, người lính Việt Quốc ở chòi canh đứng nghiêm tắp bồng súng chào. Đó là năm 1945. 80 phố Quan Thánh vừa trở thành trụ sở của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Tôi bước qua vườn hoa Hàng Đậu. Phía bên kia, gắn trên trụ điện là tấm bảng sắt sơn màu xanh dương đề "Phố Quán Thánh." Cái dấu sắc trên chữ Quan làm tôi ngạc nhiên. Đã bao nhiêu năm trời tôi đọc sai mà tôi không biết, hay là cái dấu sắc chỉ được thêm vào sau này? Phố Quán Thánh của năm 2001 mà tôi đi qua có quán café Trung Nguyên. Tiếng hát Hồng Nhung vẳng từ trong quán ra phố. Hà Nội mùa Thu...Mùa Thu Hà Nội... Mùa hoa sữa về... Thơm từng cơn gió...Mùa cốm xanh về...Thơm bàn tay nhỏ... *Trịnh Công Sơn vừa chết. Khắp nước người ta để tang bằng những bản nhạc của anh. Bản nhạc này, được nghe từ trong lòng Hà Nội, tôi ngậm*

ngùi nhớ tới người nhạc sĩ, tới kỷ niệm đã có với anh. Một buổi chiều mùa Thu ở Huế năm 1967, một buổi chiều có nắng vàng hanh, có mưa bụi bay "mưa không ướt áo"như anh nói, chúng tôi vừa ăn bún bò ở dốc Nam Giao xong, về nhà anh đường Nguyễn Trường Tộ gần nhà thờ Phủ Cam. Anh ở trên lầu hai một chung cư dài nhìn ra hàng cây long não. Chúng tôi đứng trên lan can nhìn ra hàng cây. Anh nói cái hàng cây long não đó gợi hứng anh viết nên một số bài hát của anh. Anh giải thích là về mùa Đông lá cây thưa đi, mùa Hè lá cây rậm rì, mùa Xuân "hàng cây lá xanh gần với nhau" (Mưa Hồng). Mới hai tuần lễ trước tôi ở Sài Gòn, một người tôi quen biết, người đó có cơ hội tham dự cả hai đám tang, có nói với tôi: "Ở Sài Gòn, 38 năm sau đám tang của nhà văn Nhất Linh, mới lại có một đám tang đông đảo với thành phần sinh viên tham dự nhiều như thế."

Tôi đừng lại trước ngã tư Quán Thánh - Hàng Bún. Tòa nhà đó phải là ở đây, nhưng tôi không nhận ra. Tôi dò con số 80. Con số đó thuộc một căn nhà ở cuối một ngõ cụt rất ngắn. Căn nhà hai từng với bức tường quét màu vôi vàng loang lở. Tôi quay trở ra ngoài ngõ, băng qua bên kia phố Quán Thánh, nhìn từ xa ngược lại. Tôi nhìn ra cái mái ngói nâu nhô lên cao của toà nhà mang số 80 cuối ngõ và tôi hiểu ra: cái vườn hoa nhỏ phía trước biệt thự đã biến mất, thay bằng những căn nhà nhỏ chắn mặt tiền biệt thự chỉ chừa một con ngõ nhỏ đi vào cổng. Tôi băng trở lại con ngõ, nhìn kỹ vào tòa nhà cũ kỹ kia. Cái nôi của Tự Lực Văn Đoàn bây giờ bị chia cắt thành từng mảng nhỏ với rất nhiều hộ ở chen chúc, những người đàn ông vai trần nhô lên trên cửa số trên gác, đang dương mắt tò mò nhìn người khách lạ, máy hình lủng lẳng trên vai, lăng xăng chạy tới chạy lui dưới ngõ. Ngay trước ngõ là mấy sạp hàng quán, mấy chị bán hàng cũng quay nhìn ông khách kỳ lạ. Tôi sửa soạn máy ảnh, cẩn thận hỏi mấy người bán quán: "Này chị, tôi chụp ảnh được không chị?" – "Được mà, chú cứ chụp thoải mái!" Tôi nghe chị ta nói với người bán bên cạnh: "Di tích lịch sử đấy nghe! Tháng trước tao cũng thấy có mấy người đến đây chụp ảnh."

Nhớ tới đoạn văn Nhặt Lá Bàng của bố tôi, tôi lại chạy ra ngoài, băng qua đường. Ở ngã tư, đối diện với toà nhà 80 là một khách sạn lớn, mang tên Khách Sạn Hữu Nghị. Tôi đứng rất lâu dưới mái hiên khách sạn. Ở vị trí đó tôi có thể nhìn được bao quát: vừa thấy được cái mái ngói nâu của tòa biệt thự vừa thấy được mấy cây bàng ở phố Hàng Bún. Tôi lặng người đối diện với cái khung cảnh mà trong bao năm đã trở thành "linh địa" trong tâm khảm tôi.

Dưới mái ngói thâm nâu của toà nhà cổ kính kia, tôi hình dung bố tôi ngồi sau cánh cửa sổ nhìn ngắm những cây bàng chỗ tôi đang đứng. Giữa hai thế giới là một khoảng cách bẩy mươi năm chiều dài của một đời người. Cây bàng ông nhìn thấy là cây bàng lá xanh. Cây bàng tôi thấy bây giờ là cây bàng lá đỏ. Lời cảnh cáo ghê gớm của bố tôi trước khi chết, mười hai năm sau đã trở thành sự thực.

Một người anh họ tôi, nhà văn Tường Hùng, đã từng san sẻ rất nhiều tâm tình và kỷ niệm với bố tôi. Trong một lần gặp gỡ anh có tâm sự với tôi: "Chú Tam rất mê thơ Huy Cận. Chú thích thơ Huy Cận hơn thơ Xuân Diệu. Hai câu thơ sau đây chú thường ngâm cho anh mà chú cho là một kiệt tác trong dòng thơ hiện đại:

Đồn xa quần quại bóng cờ
Phất phơ buồn tự thời xưa thổi về.
(Chiều Xưa - Huy Cận)

Thốt nhiên tôi hiểu vì sao bố tội yêu hai câu thơ ấy. Bằng vào một cảm nhận có tính cách linh liêng hay bằng vào một thứ cảm quan có mang di truyền tính, tôi không biết, nhưng tôi trông thấy giống như ông đã trông thấy, qua hai câu thơ, cái quằn quại của tâm hồn ông và cái hồn xưa hiện về ám ảnh ông khôn nguôi.

Tôi nhìn thấy ông quằn quại lựa chọn giữa những cái phải làm có tính cách vĩnh cửu với những cái phải làm có tính cách cấp thiết, cái quằn quại giữa con người văn nghệ và chính trị, giữa tâm hồn nghệ sĩ và tâm hồn cách mạng, giữa hai con người nhập một của ông.

Giờ đây nhìn lên cái mái ngói kia tôi thấy bàng bạc cái hồn xưa hiện về. Dưới mái nhà đó đã có những con người cùng có những trái tim rung động như nhau, cùng chia sẻ những kỷ niệm thần thánh nhất của cuộc đời mình, cùng nhau tạo dựng được cả một vùng trời văn học. Rồi bỗng thoắt - vào cái thời điểm mà chiếc xích lô chở mẹ con tôi đến căn nhà đó - tan hàng đứt gánh "anh đi đường anh tôi đường tôi" và hơn thế nữa thuộc hai khối lạnh lùng giết hại lẫn nhau, nhân danh lý tưởng. Thất tinh của Tự Lực Văn Đoàn, trừ một Thạch Lam đã ra đi trước, sau năm 1945, tách làm hai đều nhau ba người theo hai bên bờ khác nhau của

Giòng Sông Thanh Thủy, của Giòng Sông Bến Hải, hai tác phẩm cuối đời của bố tôi, một đã hoàn tất một còn trong dự tưởng.

Tôi còn giữ một số trang bản thảo của tác phẩm dự tưởng ấy. Cuốn truyện dài mang tên "Hai Con Mắt" bố tôi chưa viết được bao nhiêu nhưng trong mấy trang đầu đã thấy Thanh và Ngọc, câu truyện của các nhân vật Giọng Sông Thanh Thủy được tiếp tục. Tôi nhớ là Hai Con Mắt sau được bố tôi đổi thành Giòng Sông Bến Hải, nhưng tài liệu này đã bị thất lạc sau biến cố tháng Tư năm 1975. Nếu trong Giòng Sông Thanh Thủy bố tôi dẫn đầu cuốn truyện bằng một lời của Pascal: "Bên này dẫy núi Pyrénées là sự thực, bên kia là sai lầm," thì ở trong tác phẩm dự tưởng Giòng Sông Bến Hải, mở đầu có hai câu thơ sau đây của bố tôi, cũng là hai câu thơ chót của đời ông:

Cùng nguyền giữ tấm lòng Nhân
Tình yêu Tổ Quốc, tình thân Bạn Bầy.
(Nhất Linh 24-1-1961)

"Trong hương trầm của đêm 30 Tết và mắt mờ đi vì thương cảm những người cũ đã khuất hoặc mất tích... tôi có mấy lời cảm xúc này - và cũng là chúc thư luôn thể - với một bài thơ để gửi các anh em cũ (bất cứ từ khu nào)...

"Những lúc ngoảnh về quá khứ, kiểm điểm công việc mình đã làm tôi thấy rõ ràng công việc tốt đẹp, lâu bền và có ích nhất của đời tôi là sự thành lập được Tự Lực Văn Đoàn và công việc sáng tác...

(Nhất Linh - 2 giờ sáng, mồng 1 Tết năm Quý Tỵ 14-2-53)"

Đứng ở gốc cây bàng nhìn toà nhà 80 Quán Thánh, cũng như bố tôi năm nào trong hương trầm của đêm 30 Tết, mắt tôi cũng mờ đi vì thương cảm. Bố tôi đã ra đi được non 40 năm. Thất tinh của Tự Lực Văn Đoàn nay tụ hội đầy đủ ở thế giới bên kia, biết đâu anh linh còn vương vấn bên kia đường, dưới cái mái ngói thâm nâu của tòa nhà cổ kính kia.

Rời Phát Diệm chiếc xe buýt trở lại Ninh Bình. Theo chương trình xe còn đi Hoa Lư thăm đền vua Đinh Tiên Hoàng và đền vua Lê Đại Hành trước khi trở về Hà Nội. Đi qua Hoa Lư chị Thoa tôi quay sang tôi nói: "Em nhớ hồi nhỏ mình học thơ lịch sử không, giống như *Bà Trưng quê ở Châu Phong*..., Đến Hoa Lư lại nhớ đến câu *Có ông Bộ Lĩnh họ Đinh. Con quan thứ sử ở thành Hoa Lư. Khác thường từ thuở còn thơ. Rủ đoàn mục thụ mở cờ bông lau.* Mình học thơ sử từ hồi còn bé thế mà mãi đến giờ mới được thăm ông Đinh Bộ Lĩnh và cố đô Hoa Lư." Tôi nói: "Còn những bài hát về lịch sử như bài Bóng Cờ Lau của Hoàng Quý, hồi bé hát nhiều thế bây giờ chả nhớ được gì. Em chỉ nhớ là nhạc của Hoàng Quý nó tươi mát và trẻ trung lạ thường! À này, chị có biết cậu thích nhạc của ai nhất không? Cậu mê nhất là nhạc Đặng Thế Phong. Sau đó là Văn Cao. Thứ nữa mới đến Phạm Duy. Nhưng cậu thích lời nhạc Phạm Duy. Cậu mê cái câu này. *Người về ấm lũy tre xanh...* Cậu nói sao mà hay thế! Em tiếc là chưa được gặp ông Phạm Duy. Nếu gặp thế nào em cũng nói với ông ta như thế!"

Xe dừng ở một bãi đậu cách Đền một khoảng xa. Khách trên xe chưa bước xuống thì như ong vỡ tổ một đám đông những người bán hàng đã ồn ào kéo tới. Họ bám theo đám khách du lịch suốt dọc con đường nhỏ dẫn đến Đền Vua. Những đứa bé bán kẹo, những cô gái bán nước uống, những bà già bán bánh trái kèo nài mời mọc. Biết là nhắm vào khách ngoại quốc không ăn thua gì, đám bán hàng chỉ tấn công vào đám người Việt. Nhìn những đứa bé lem luốc và những bà già áo quần sờn rách tôi thấy cái nghèo khó của vùng quê miền Bắc, cái nghèo khó như bị ướp nguyên từ cả trăm năm nay, tương phản với đời sống những nơi thị tứ tôi đã đi qua. Chị tôi mua mấy thứ, vì tội nghiệp mà mua, chứ tôi biết những thứ đó chị tôi cũng sẽ đi cho chứ không ăn được. Tội nghiệp ông già Việt kiều và bà vợ đầm. Hai người không đi được nữa vì bị bu quanh, phải rớt lại phía sau. Hai tay ông già đầy bánh trái không còn chỗ nào để cầm nữa, dưới nách còn cặp thêm chai nước, mà đám con nít vẫn không buông tha. Vì số người bán quá đông mà người mua ít tôi đọc thấy sự thất vọng trên khuôn mặt của những người không bán được hàng. Nhất là hình ảnh bà già đứng ở ven đường, một bà già răng nhuộm đen của một thời xưa, bà xuất hiện như thể vừa đi ra từ trong vùng sâu quá khứ của tôi. Khăn vấn, áo cánh trắng, chiếc quần đen bạc thếch, khuôn mặt nhăn nhúm, bà giơ hai bàn tay về phía trước. Sức nặng của thời gian làm lưng bà còng xuống. Rõ ràng bà chìa tay không phải ăn xin. Bà ta bán hàng. Nắm kẹo vừng lẩy bẩy trên lòng bàn tay. Nhưng bà không tranh được với những thằng bán kẹo xông xáo, bà bị đẩy lui về phía sau.

Phía bên tay mặt cái cổng vào đền là một hàng chữ khắc trên đá đen "Đền Thờ Vua Đinh- Tiên-Hoàng." Qua cổng đền du khách chia làm hai nhóm đi theo anh hướng dẫn viên nói tiếng Anh và cô thâu ngân giải thích bằng Việt ngữ. Tôi

không đi theo nhóm nào, tôi lấy máy hình chụp ảnh anh chị tôi trong tốp người Việt theo cô thâu ngân. Phía trong cùng của ngôi đền là tượng của Đức Vua đặt trong một gian tối mờ mờ, giữa những cây cột gỗ lim đen bóng và mùi hương trầm phảng phất. Hai bà du khách mặc áo gấm đốt nhang và xì xụp khấn, dưới ánh chớp lóe của những chiếc máy ảnh từ phía du khách ngoại quốc. Tôi thấy chiếc áo dài gấm của hai bà trông không kệch cỡm như khi đi thuyền sáng nay nữa, mà trái lại rất thích hợp trong khung cảnh này.

Trong khi hai hướng dẫn viên giải thích về lịch sử Vua Đinh Tiên Hoàng tôi thơ thẩn đi dạo quanh, tôi nhìn cái sân rộng dưới chân với những viên gạch bát tràng nâu đã thâm bóng lại và thời gian đã làm mòn trũng đi ở giữa những viên gạch. Trên sân, những bông hoa giấy đỏ thắm trồng trong những chậu sành lớn. Ở ngang hông đền thờ một cái cửa nhỏ khoét trên bức tường thành, qua cánh cửa mở là cánh đồng lúa chín vàng rực ở bên ngoài. Tôi tiến về phía cửa. Bên ngoài vắng ngắt không một bóng người. Cánh đồng lúa trải ra bát ngát, một con trâu gầy gò đang gặm cỏ ở gần và mùi lúa chín thoảng về làm sống dậy khứu giác tôi cái mùi quê đồng cỏ nội của thời quá khứ xa xưa. Ngay khi tôi toan quay trở vào đền, tôi chợt thấy ngay gần tôi, sát phía ngoài của bờ tường một bà già đang ngồi gục ngủ, cái nón lá bên cạnh. Tôi không biết có phải bà bán kẹo mà tôi đã thấy trước khi vào đền hay không nhưng áo quần bà mặc và cái đầu tóc vấn thì giống hệt. Thốt nhiên tôi lặng người. Hình ảnh bà già ấy đúng là hình ảnh của mẹ tôi, đầu vấn khăn, chiếc áo cánh trắng, chiếc quần lĩnh đen, đang cúi xuống chà chà cho sạch những miếng cau khô ẩm bị xanh mốc. Cái hình ảnh quen thuộc đó của bà nó ăn vào ký ức tôi từ thời tấm bé, từ căn nhà 15 Hàng Bè Hà Nội cho đến 39 Khu chợ An Đông Sài Gòn. Bao nhiêu năm tháng qua, bao nhiêu thăng trầm của thời cuộc, ngay sát cạnh cái đời sóng gió tơi bời của bố tôi, bà cứ lui cui cúi xuống vân vê chăm sóc những hạt cau khô từng hạt từng hạt không rời, xem chúng như những hạt quý nuôi dưỡng chúng tôi. Hai mươi năm qua từ ngày mẹ tôi mất hình ảnh của tôi về bà bao giờ cũng là hình ảnh buồn bã, cái buồn bã như thấm đọng vào đời bà, như thấm sâu cả vào trong tiếng cười ròn của bà nữa.

Một buổi trưa tôi nằm ngủ lơ mơ trong căn gác ở chung cư chợ An Đông. Trong giấc mơ ngắn ngủi của tôi có tiếng khóc nức thảm thiết khiến tôi choàng dậy. Tiếng khóc như vừa xuyên thủng giấc mơ vì khi tỉnh giấc tôi còn nghe rõ tiếng khóc nức ấy đưa lên từ nhà dưới. Tôi nhẩy hai bước một xuống cầu thang. Dưới nhà, trên tấm giường phản gỗ, mẹ tôi đang cười ròn tan, cười chẩy cả nước mắt vì mắt bà đỏ hoe! Mẹ tôi vừa cười vừa vỗ vỗ lên vai bà khách: "Giời! Lâu quá mới gặp lại bà! Dễ từ cái thời ở Hà Nội. Gặp nhau nói chuyện cũ với bà, ôi sao vui quá!" Mẹ

LƯU NGUYỄN

NHỮNG NGÀY Ở CỬA ĐẠI, HỘI AN

Bờ cát mịn níu chân người lữ khách
buổi sáng yên không khí mặn trong lành
biển lặng ngắt một màu xanh bích ngọc
mặt trời lên, nắng dìu dịu long lanh.

Bờ cát mịn vòng tay ôm biển rộng
sóng mơn man âu yếm cát vàng êm
sóng thì thầm tâm sự suốt ngày đêm
biển và cát nghìn năm kề cận mãi
biển và cát ghì ôm nhau mãi mãi.

Buổi sáng, buổi chiều lang thang Cửa Đại
chân bước thênh thang, lòng chẳng mong cầu
những áo, những cơm, những ngày dầu dãi
trút bỏ sau lưng, như tự kiếp nào.

Buổi sáng một mình, cọ trời, có biển
có chim líu lo trong rặng thùy dương
có cát vàng êm dưới chân mát lịm
có những bóng hình, để nhớ, để thương.

Buổi sáng, buổi chiều, giữa trời biển rộng
dáng núi mờ xa, dáng núi chập chùng
mây trắng, mây xanh, phiêu du lồng lộng
thành phố sau lưng, như thể nghìn trùng.

tôi ngừng nói khi trông thấy gương mặt thảng thốt của tôi. "Trời, mợ cười mà con cứ nghĩ là mợ khóc, làm con hết hồn!" Mẹ tôi quay sang bà khách: "Đấy, đứa con út của tôi đấy! Bố nó thương nó nhất nhà. Lúc bố nó chết, có bao nhiêu sách bố nó giao cho nó hết. Tôi chỉ sợ sau này nó cũng đến khổ như bố nó thôi..."

Ví mà tôi đổi thời gian được
Đổi cả thiên thu tiếng mẹ cười
(Thơ Trần Trung Đạo)

Nhìn trước sau không có ai, tôi lấy ví tiền rút ra mấy tờ giấy bạc lớn rồi sợ bà già thức giấc tôi rón rén bỏ tiền vào trong chiếc nón lá. Khi tôi quay trở vào trong thì vừa vặn đám du khách cũng đi ra về phía cổng đền.

Chiếc xe taxi bỏ Hồ Hoàn Kiếm rẽ qua phố Tràng Thi. Xe đi vào khu phố tây của Hà Nội. Nó khác khu phố cổ ở những vỉa hè rộng, những cây sấu cao to thay thế những cây dâu da xoan thấp bé và những biệt thự màu vôi vàng y nguyên từ thời thuộc địa thấp thoáng qua những hàng rào sắt chạy dài dọc theo vỉa hè. Đến đường Diện Biên Phủ tôi bảo tài xế chạy chậm cho tôi dò tìm số nhà. Xe ngừng, tôi dặn anh tài xế đúng một giờ sau trở lại đón tôi ở đấy.

Ngày hôm trước đứng dưới gốc bàng nơi ngã tư Quán Thánh - Hàng Bún tôi sực nhớ tới một người. Dưới mái nhà kia người đó đã từng san sẻ nhiều kỷ niệm với bố tôi, là người mà có thể tôi đã gặp trong toà nhà đó năm mươi sáu năm trước mà vì còn quá nhỏ tôi không nhớ, là người duy nhất đang ở thành phố này có thể giúp tôi làm cây cầu nối liền quãng thời gian gần bẩy mươi năm, khoảng cách giữa hai lần bố con tôi cùng nhìn về cây bàng này. Trở về khách sạn tôi quay điện thoại xin gặp nhà thơ Huy Cận.

Sau khi tự giới thiệu là con của nhà văn Nhất Linh từ nước ngoài về muốn đến thăm ông, ở đầu giây có tiếng thốt lên mừng rỡ bằng một giọng rất nặng Huế: "Có phải anh là anh Triệu không? – "Không, cháu là em của anh Triệu." (Tôi nhớ ngay đến bài thơ Tựu Trường Huy Cận 1938 với lời đề "Tặng em Triệu"). Nhà thơ nói với tôi là đúng hai giờ trưa mai ông có thể tiếp tôi một tiếng đồng hồ tại tư gia. Ông còn nói là mặc dù có tuổi ông vẫn còn làm việc ở Nhà Văn Hóa và thời gian đó là thuận tiện nhất cho ông.

Nhìn đồng hồ tay tôi thấy mình đến sớm 10 phút. Nhớ tới lời dặn của ông tôi chờ bằng cách tản bộ trên vỉa hè rộng của khu phố tây. Buổi sáng nay Hà Nội rào rào một trận mưa lớn. Tôi đi dưới hàng cây sấu cao. Sau trận mưa ban sáng những chiếc lá xanh trở nên đậm màu hơn và trên vỉa hè, trên mặt đường phủ lên một lớp hoa sấu vàng mỏng. Vỉa hè còn ướt nhẹp nước mưa. Tôi dẫm đi trên hoa sấu nhỏ li ti những cánh hoa vàng nhạt mỏng manh mọng nước.

Đó là một toà nhà quét vôi vàng nhạt với kiến trúc cổ, trước nhà một cánh cổng sắt sơn màu xanh lá cây. Đúng hai giờ một ông già dáng đi nặng nề từ trong nhà bước ra tay cầm chùm chìa khóa tra vào ổ cánh cửa sắt. Cửa mở. Trước mặt tôi là Huy Cận. Trước mặt tôi là tác giả câu thơ "Bèo giạt về đâu hàng nối hàng..." bố tôi đã trang trọng viết trên trang đầu bản thảo cuốn Xóm Cầu Mới (Bèo giạt) mà tôi đã nâng niu cất giữ trong suốt 40 năm qua.

Huy Cận hướng dẫn tôi vào nhà qua một lối đi lát gạch có đặt nhiều chậu cây kiểng. Trong phòng khách ông tiếp tôi có treo trên tường bức tranh vẽ chân dung nhà thơ Xuân Diệu. Trên một cái tủ đen có trưng hai bằng tưởng thưởng lồng trong khung kính, qua hàng chữ đỏ lớn tôi đọc thấy "Huân Chương Độc Lập" và "Giải Thưởng Hồ Chí Minh." Ngồi xuống ghế, tôi nói ngay với ông cái mục đích rất giản dị của tôi là xin được gặp ông để nghe ông nói về những kỷ niệm ông đã có với bố tôi. Tôi xin ông không nói chuyện chính trị bởi vì giữa ông và bố tôi đã đi trên hai con đường khác nhau mà cả hai bên tôi nghĩ đều rất hãnh diện về sự lựa chọn của mình. Xem ra ông cũng đồng ý với tôi trên căn bản đó.

Tuổi già không làm khuôn mặt ông hom hem như nhiều khuôn mặt những người tuổi ông tôi đã thấy ở Hà Nội. Mặt ông vẫn giữ được vẻ đầy đặn có thể gọi là tròn trịa. Với cặp mắt húp húp Huy Cận nhìn tôi và bắt đầu câu chuyện bằng một câu hỏi: "Cháu Thiết năm nay được bao nhiêu tuổi?" Sau khi tôi nói tuổi của tôi, trầm ngâm hồi lâu rồi ông nói, giọng "ngậm ngùi": "Cháu có biết không? Thế là cháu đã già hơn bố cháu bốn tuổi khi bố cháu mất đấy!" Rồi ông hỏi tôi về đời sống của tôi, của các anh chị tôi, có những ai còn ở trong nước không và nhất là hỏi thăm anh Triệu mà ông đã san sẻ kỷ niệm dưới tòa nhà 80 Quán Thánh (anh Triệu tôi là con nuôi của nhà văn Khái Hưng). Ông cũng hỏi anh em chúng tôi còn lại bao người. Tôi trả lời chúng tôi còn lại năm. Huy Cận nói: "Bố mẹ cháu có trên mười người con. Cháu có biết vì sao cháu có đông anh em thế không? Mỗi lần bà Nhất Linh mang bầu thì ông Nhất Linh lại nói với tôi là sau mỗi lần sinh đẻ bà

Xuân Diệu Thế Lữ Nhất Linh Khái Hưng

khỏe hẳn ra chứ không như những người đàn bà khác ngại đẻ, cho nên có nhiều con cũng là một cách tốt để bả sống lâu."

Bố tôi đối xử với bạn bè và những người cộng tác với ông hết sức chân tình. Huy Cận ghi nhận. Ông kể với tôi là ông không bao giờ quên được một đêm đông ông đến thăm bố tôi, thấy ông trên người chỉ có cái áo phong phanh, bố tôi đã cởi ngay chiếc áo lạnh pa-đờ-suy mà bố tôi đang mặc khoác lên người ông và tặng luôn ông chiếc áo lạnh đó.

Rồi bỗng như lóe ra một kỷ niệm vui, trong cặp mắt húp húp của ông già ấy tôi thấy ánh một nét trẻ thơ: "À, mà chuyện này bà Nhất Linh không biết đâu! Chỉ có tôi với ông Nhất Linh biết thôi! Chúng tôi có san sẻ riêng với nhau câu chuyện về một thiếu nữ. Tôi không biết ông Nhất Linh có mê thật cô ấy không, nhưng ông đặt một bí danh cho thiếu nữ ấy là "cô áo trắng." Tôi viết bài thơ "Áo trắng" tặng ông. Cháu biết không, cô áo trắng sau này là cô Thu trong Bướm Trắng của ông Nhất Linh đấy."

Tôi hỏi Huy Cận là ông có biết bài thơ Ngậm Ngùi của ông đã được nhạc sĩ Phạm Duy phổ nhạc và bản nhạc này rất thịnh hành ở miền Nam đến độ với bài Ngậm Ngùi người nhạc sĩ Phạm Duy đã làm mờ nhà thơ Huy Cận. Ông không trả lời vào câu hỏi nhưng ông nói: "Bài thơ Ngậm Ngùi có tư tưởng mới lắm nghe! Sáu bẩy mươi năm trước mà tôi đã viết câu 'anh hầu (chứ không phải em hầu) quạt đây!' Mới lắm nghe!"

Tôi nhìn đồng hồ thấy đã nói chuyện với ông gần một tiếng. Trước khi đứng dậy cáo từ, tôi nhìn thẳng vào mắt Huy Cận, tâm tình: "Này chú, cháu có thắc mắc này, và cháu nghĩ biết đâu cũng có những người khác có cùng thắc mắc như cháu, đó là một người, một nghệ sĩ đã từng sáng tác được những câu thơ như chú trong cái thời 1930 ấy, những vần thơ lãng mạng trác tuyệt như thế đến như bố cháu cũng phải cảm mà lấy tên Bèo Giạt đặt cho một tác phẩm để đời của mình, một người có cái tâm hồn ấy không thể nào là bản chất của một người cộng sản được."

Huy Cận ngẫm nghĩ hồi lâu rồi trả lời:

- Hỏi thật cháu chứ câu này có phải của ông Nhất Linh nói không?

Khi tôi nói là không phải và tôi cũng không biết bố tôi có cái thắc mắc như tôi hay không, thì ông không trả lời, chỉ nói nhẹ nhàng: "Cháu nghĩ là người cộng sản không có tâm hồn sao?" rồi ông nói lảng sang một câu chuyện khác.

Huy Cận tiễn tôi ra cửa. Bàn tay ông run rẩy tra khóa vào ổ khoá chiếc cửa sắt. Chúng tôi ra ngoài hè đường. Chiếc xe taxi đã đậu chờ sẵn dưới bóng một cây sấu. Ông ngoắc tôi đi theo ông đến một hiệu photocopy ở cách đó mươi nhà. Ông làm mấy phóng ảnh đưa tôi. Đó là bốn bức ảnh chụp Khái Hưng, Nhất Linh, Xuân Diệu, Thế Lữ với lời đề tặng Huy Cận của từng người một từ gần bẩy mươi năm trước. Rồi ông và tôi bước trở lại chỗ chiếc taxi đậu.

Giây phút trước khi tôi lên xe, Huy Cận quàng tay qua người tôi. Tôi cảm thấy bàn tay ông nặng xuống bả vai. Qua giọng nói của ông và qua bàn tay ông truyền vào người tôi, tôi cảm nhận được cái xúc động của ông già 82 tuổi đó, cái xúc động nó rõ ràng là mạnh mẽ hơn một sự ngậm ngùi: "Việc gì anh ấy phải chết. Việc gì bố cháu phải chết..."

Dọc đường trở về Hà Nội, trên xe buýt cô gái

Úc có một lúc rời chiếc ghế ở hàng trên xuống ngồi trên chiếc ghế ngay trước tôi. Khoảng thời gian cô ngồi nói chuyện với tôi, tôi thấy đó cũng là lúc cô tỏ ra thanh thản nhất trong suốt chuyến đi chơi. Tôi được biết cô ta ở thành phố Sydney bên Úc. Cô ta đã để ra ba tháng hè để đi du lịch và đúng như tôi đoán cô ta du lịch một mình không có bạn đồng hành. Nghe cô gái tả về hành trình đã qua của cô tôi ngạc nhiên về cái tinh thần phiêu lưu mạo hiểm của cô và chắc cũng là của nhiều những cô gái tây phương trẻ trung của thế hệ mới này. Chuyến đi bằng đường bộ của cô khởi đi từ thượng lưu sông Dương Tử bên Trung Quốc trong vùng núi Tứ Xuyên. Bằng đường bộ trong một tháng trời cô đi xuôi nam xuống biên giới Việt Hoa, qua ngã Lào Cay cô vào Việt Nam. Hai tuần lễ ở Sapa, cô leo núi Fansipan và sống với người H' mông ở trên núi. Cô ở Hà Nội có hai ngày. Ngày mai cô sẽ rời Hà Nội sớm đáp xe đi qua Lào, qua ngõ Điện Biên Phủ. Chương trình của cô sau đó là băng qua Thái Lan bằng đường bộ và sẽ bay về Úc từ Bangkok. Cô hỏi tôi là tôi đã đi Sapa chưa, tôi nói chưa, cô nói đấy là một nơi rất đẹp của Việt Nam và là một chỗ phải đi. Tôi nói với cô gái Úc: "Thành phố nơi chúng tôi sinh sống, Seattle của tiểu bang Washington, rất giống thành phố Sydney nơi cô ở. Tôi biết như vậy là vì coi TV chiếu thế vận hội mùa hè ở Sydney, đoàn lực sĩ chạy đường trường trên những con đường của thành phố. Tôi thấy Sydney cũng giống như Seattle có rất nhiều cây, rất nhiều nước vì cả hai thành phố đều nằm sát vùng vịnh. Ở bên Úc chúng tôi cũng có nhiều người bạn và họ hàng sinh sống, vì thế chúng tôi sẽ qua thăm đất nước của cô trong thời gian gần đây." Tôi còn nói vợ chồng tôi rất thích đi du lịch và đề nghị khi nào cô có dịp ghé Seattle thì tôi sẽ làm hướng dẫn viên và cô cũng làm như thế khi chúng tôi đến Sydney.

Cô gái Úc trở lại chỗ ngồi sau khi chúng tôi trao đổi địa chỉ e-mail. Đọc cái địa chỉ mà cô ta ghi cho tôi trên một mẩu giấy, tôi biết được tên cô ta. Bên ngoài xe trời mùa thu miền Bắc chụp bóng tối xuống rất sớm. Về đến gần Hà Nội thì đèn trên xe đã thấy bật sáng, hai bên đường ánh đèn điện vàng mờ trong những hàng quán. Ngoại ô Hà Nội về đêm trông hoang vắng đìu hiu.

Xe vào trong thành phố. Tôi thấy cô gái Úc đứng dậy nhìn ra ngoài. Cái vẻ nóng ruột hiện rõ trên nét mặt cô. Luôn tay nhìn đồng hồ, cô nhắc lại đến hai ba lần với anh hướng dẫn là nhớ nói với chú tài xế ghé Hồ Gươm cho cô ta xuống trước khi xe đến bãi đỗ. Tôi thấy anh hướng dẫn gật đầu lia lịa, có vẻ chịu đựng như không còn buồn cà khịa với cô tây ba-lô nữa.

Tôi suy nghĩ. Tôi đã làm hỏng chuyến đi chơi này của cô gái chỉ vì cái nhà thờ Phát Diệm. Tôi đoán trong lúc nói chuyện với tôi hồi nãy sở dĩ trông cô thanh thản chắc là vì lúc ấy cô đinh ninh là sẽ không về kịp Hà Nội nên cô bỏ cuộc thôi không nghĩ đến cái hẹn của mình nữa. Nhưng đến khi xe vào thành phố, xem lại giờ thì chắc là cô nghĩ không đến nỗi nào, và chính vì thế nên cô mới lại nóng ruột. Cái hẹn nào mà quan trọng thế? Tôi tưởng tượng nếu tôi ở vị trí cô ta và tôi cũng trẻ như cô ta. Với cái tuổi đó cái hẹn gì là quan trọng nhất? Có lẽ bị ảnh hưởng bởi những dòng văn lãng mạn của Tự Lực Văn Đoàn, tôi hình dung một câu chuyện tình. Sáng sớm mai cô ta phải rời Hà Nội. Cái hẹn tối nay là cơ hội chót để cô gặp người ấy. Một anh tây ba-lô cũng đi du lịch một mình như cô, người Úc, người Đức, người Mỹ; điều đó không quan trọng, cái quan trọng là hai người đã gặp nhau và hợp nhau. Cô đã quên không lấy địa chỉ của người đó. Nếu lỡ hẹn cô đã mất đi một cơ hội lớn nó có thể làm lệch hẳn đời cô. Vì cô ta cứ nhất định muốn xuống xe ở Hồ Gươm, vậy thì chỗ hò hẹn phải là cái nhà Thủy Tạ thơ mộng kia.

Khi chiếc xe buýt đến bờ hồ, cô gái bỏ chỗ đứng tiến đến chờ sẵn ở sát cửa. Đến đường Đinh Tiên Hoàng, chỗ đối diện với đền Ngọc Sơn, cô gái Úc ra hiệu xe ngừng. Chiếc buýt đỗ lại bên hè, thả cô gái xuống rồi chạy ngay. Tôi dướn người nhìn qua khung kính. Trên vỉa hè đèn sáng trưng, cô gái Úc vừa đi tất tả vừa lục trong ví sách tay lấy ra một cái gì như tấm vé, trình cho cô gái đứng trước rạp và biến mất vào trong. Rạp hát vắng ngắt. Cảnh vật ban đêm ở chỗ đó khác hẳn quang cảnh tôi đã thấy ban ngày. Tôi nghe mình nói thầm với tôi. *Bye bye Christina! Bye...*

Cái mái hiên vòm cong đó giờ đây không còn nữa. Rạp Philharmonique nay trở thành rạp trình diễn "Múa Rối Nước Thăng Long" (Water Puppets Show). Những ông tây bà đầm ăn mặc lịch sự và sang trọng kia, hơn nửa thế kỷ sau, được thay thế bằng những anh tây chị đầm ba-lô, quần đùi áo ngắn, đi đứng nghêng ngang hí hửng với chiếc nón cối Việt cộng ở trên đầu.

Seattle, mùa Giáng Sinh 2002

TẢN MẠN VỀ ĐIỆN ẢNH Á ĐÔNG

LƯU VĂN VỊNH

Thế sự biến hiện không ngừng nghỉ, như hình bóng dội từ cõi tâm lên phông màn gọi là đời sống. Cho nên, người thật hay bóng ảnh tuy dị mà đồng... Sư Vạn Hạnh từ 1000 năm trước từng viết "*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô*" từ ngữ *điện ảnh* có ý nghĩa triết lý sắc sắc không không của nó. Thuở nào đấy Tú Uyên mơ người trong tranh, vua Tự Đức muốn "*Đập cổ kính ra tìm lấy bóng,*" thời đại truyền hình chớp bóng, mơ tưởng tài tử minh tinh, cũng chỉ là mang giấc mộng nhỏ chồng lên giấc mộng lớn, không hơn không kém, mà đôi khi lại ít phiền phức hơn! Phim ảnh là một vũ trụ *duy tâm tạo* lồng lên vũ trụ của Hóa Công, một vũ trụ do óc sáng tạo của con người tạo lên cạnh tranh với Tạo Hóa hay ít ra, cũng cạnh tranh với *diễn tiến tự nhiên*, cũng đi vào tai vào mắt, cũng rung động tâm hồn, vào *vũ trụ nhân tạo* này, thấy nở phồng lên những chiều kích vô lượng, bay bổng không biện cương, vượt được thời gian vật lý.

Ông bác tôi hồi bảy tám mươi tuổi vẫn còn nhắc tới Marlene Dietrich thuở sinh viên đi xem ở rạp Philarmonic Hà Nội, các cụ kể lại thời làm phim Cánh Đồng Ma năm 1939 đi tìm một nữ diễn viên rất khó, muốn gia đình cổ kính cho con gái sang Hương Cảng đóng phim phải làm đám cưới rồi mới được cho phép đi xa diễn xuất, cuốn phim này quay ở Hương Cảng, nghe nói âm thanh "*phải hét lên mới nghe được*" và tài tử đối thoại thì như cầm giấy đọc bài, nhưng dù sao cũng là cuốn phim Việt Nam mở đầu...

Trung bình bốn tháng mùa Đông trên nước Mỹ có thể xem tới 300-400 cuốn băng phim Tầu, mỗi cuốn dài chưa tới một giờ, xem ba giờ mỗi ngày, một trăm đêm Đông, cũng không là nhiều! Người Á Đông rải rác khắp thế giới có nhu cầu xem phim đọc báo bằng ngôn ngữ mẹ đẻ và hình ảnh phương Đông, thành ra các hãng phim ảnh Tầu sản xuất không kịp thị hiếu, đến nỗi có những phim bộ như Tam Quốc Chí, mỗi tuần lại thấy một một cuốn mới kế tiếp nhau. Năm 1984 trên đường từ miền Đông về Cali, tôi cùng anh bạn quê Phan Thiết ghé lại Atlanta thăm bà con dân chài... Đêm ấy mùa Đông trời lạnh băng giá đi tìm nhà... nghe tiếng nhạc vọng cổ và tiếng đánh chưởng đốp chát là tìm ngay ra nhà Việt Nam! Ở một góc hiu quạnh trên nước Mỹ mưa tuyết, đúng ngày Tết ta, nhìn mấy cụ già ngồi xem phim bộ mới thấy phương trời quê xa vẫn có thể gói vào băng nhựa, chung quanh đất khách quê người, nhưng trong nhà và trong hồn, vẫn là *đất ta, ta ngồi* ! Đi xuống Biloxi, ăn Tết với những con hào lớn bằng chiếc đĩa, bà con đánh cá ra biển mùa xuân mùa hè, mùa Đông nghỉ ngơi, ngâm hào để dành trong những hũ lớn nước muối... Người Việt nhìn lẫn nhau đầu năm như xem một cuốn phim sống, lớp sóng lịch sử đưa đẩy, đánh cá từ góc này Thái Bình Dương sang góc kia vịnh Mễ Tây Cơ giăng lưới, chẳng bánh chưng bánh tét, cũng cá cũng hào *ăn mừng năm mới*!

*

Thời đầu thập niên 1960 truyện chưởng Kim Dung mở màn cho một luồng gió kiếm hiệp mới, tiến bộ hơn hẳn thời trước. Khoảng 1950 ở Hà Nội, loại truyện võ hiệp kỳ tình như *Hỏa Thiêu Thiếu Lâm Tự, Kim Hồ Điệp*... in từng tập mỏng hàng tuần ở nhà in Vĩnh Thịnh, ngay đầu đường trường Hàng Vôi, nhưng võ hiệp thời ấy vẫn còn giới hạn ở dao bay, đấu quyền, đánh chùy, tới sa kiếm, kiếm nhỏ như hạt cát, tới phun kiếm quang... đã là thần kỳ vô địch. Kim Dung phối hợp triết lý với giả tưởng, *Tây Du Ký* Phật pháp Thiên long bát bộ với võ hiệp kỳ tình, đẩy văn chương loại Lục tài tử lên hàng cao, có thể tạm ví như nhạc Trịnh Công Sơn phối hợp triết lý với nhạc tình, tạo được một phong trào mới. Ngay cả võ thuật truyện Kim Dung cũng nghiên cứu cặn kẽ, thỏa mãn vừa óc tưởng tượng vừa cái lý sự của đầu óc Đông phương, lại pha thêm chút đạo đức nửa thiện nửa ác, cái mung lung giữa quân tử và ngụy quân tử... thời mạt pháp viết như thế nhiều người cho là phải!

Song song với truyện chưởng, phim ảnh Hồng Kông bắt đầu tiến bộ vượt bực... Từ 1950 tới 1960 phim Tầu nghiêng về tình cảm xã hội, nữ tài tử nổi danh Lý Lệ Hoa chìm đi thì tới loạt mới của thời *Mùa Thu Lá Bay* 1968- 69- 70... như *Nhân Trân, Lâm Thiên Hà*, với các chuyện phim Quỳnh Dao mô phỏng từ tiểu thuyết Anh... Tiếp tới các

phim kiếm hiệp võ thuật được diễn xuất khéo léo như thật: *Vương Vũ* với *Độc Thủ Đại Hiệp* cầm con dao ngắn to bản, *Trần Tinh* với cú đấm chết người, *Khương Đại Vệ* nhỏ bé nhưng võ công cao, nhanh và gọn, hơn hẳn *Địch Long* đẹp trai mà vụng về... Về sau thêm *Lý Tiểu Long*, đánh cú nào dứt điểm cú ấy, võ thật được mang lên màn bạc, lại thường đấu võ với người Tây phương, hay Nhật, khiến khán giả thấy hả giận tự hào như chính mình được "trả thù dân tộc"! Phim võ hiệp thời ấy vừa tới cao điểm thì *Lý Tiểu Long* lăn ra chết: cơ thể con người có giới hạn, tập võ ghê gớm quá sức không đứt mạch máu thì cũng đứt gân xương... Lý Tiểu Long cùng tuổi với ông nội cũng là một võ sĩ, tương truyền gia đình họ Lý có một con ma tác hại truyền kiếp, ngày hôm trước bàn bát quái treo ngoài cổng rớt xuống thì ngày hôm sau Lý Tiểu Long chết !

Thuở ấy ở Sài Gòn người ta mê đi xem phim Tầu đến nỗi thầy trò "*cúp cua*" đi ciné! Cho tới năm 1978-79 ở Washington DC, phim tình cảm xã hội Tầu vẫn chiếu hàng tuần ở một rạp bên Maryland, và dân Việt di tản nhớ đêm Sài Gòn vẫn lũ lượt sắp hàng giữa trời Đông giá lạnh đi xem... *Lâm Thiên Hà* còn nổi, cao, kiêu kỳ, loại cô gái khó tính làm khổ mấy anh chàng si tình... Gần đây khoảng 1990, tới tuổi 40 cô mới lấy chồng người Hồng Kông gốc Nhật và ở ngay California. Hết thời nữ sinh thiếu nữ, cô họ Lâm lại đóng vai nữ hiệp trong rất nhiều phim nhưng không mấy ai biết, khuôn mặt đứng tuổi đăm chiêu, một thời lãng mạn đã qua, chẳng ai để ý tới tài tử cũ với tên mới *Brigitte Lin*, mặc dù đã mời cả Gong Li đóng chung trong một phim loại thần tiên kỳ hiệp (*The Dragon Chronicles*...).

Thập niên 1980, màn ảnh TV Hoa Kỳ bắt đầu tung ra loại phim dài nhiều kỳ *miniseries* như *Shogun -Tướng Quân Nhật Bản* -dài 12 giờ, thu hút 130 triệu khán giả, tiếp đến phim *Lonesome Dove* loại phim Cao bồi Viễn Tây kéo dài cả tuần... Hồng Kông Đài Loan cũng mang ra các phim trường thiên gọi là phim bộ, tình cảm xã hội cũng có, mà võ hiệp chưởng cũng có. Các pho truyện Kim Dung được mang lên màn ảnh, xem không hay bằng đọc truyện, vì diễn xuất một pha chưởng rất khó, phần giả tạo lộ liễu hơn là đấu quyền đánh kiếm. *Thần Điêu Đại Hiệp* hời hợt trẻ con, kỹ thuật rẻ tiền, kém cả nội dung lẫn kỹ thuật so với thời võ hiệp Độc Thủ Đại Hiệp 1970, vả lại thương mại tiền bạc làm nghệ thuật giảm sút, ít ai muốn bỏ một số tiền quá lớn để thu về đơn bạc: một bộ phim videó nguyên bản nghe nói chỉ bán ra được khoảng 4000 cuốn trên toàn thế giới, đa số in lậu hoặc truyền nhau xem, rút cục rạp chiếu bóng cũng mất khách, mà nhà sản xuất cũng thất thu!

Song song với các video trường thiên xã hội, bi hài kịch gia đình, du đãng buôn lậu bắn súng sát thủ, phải kể phong trào làm phim bộ lịch sử Tầu như *Thái Bình Công Chúa, Tần Thủy Hoàng, Tam Quốc Chí, Hán Sở Tranh Hùng, Từ Hy Thái Hậu, Thủy Hử, Tây Du Ký*... những phim này thời mới ra, 1985- 90, còn tôn trọng khán giả, đóng cẩn thận có nghệ thuật, không pha trò hề, vẽ mày vẽ râu rẻ tiền sau này cho lớp khán giả dễ tính! Bộ *Tần Thủy Hoàng* nổi bật nghệ thuật phân cảnh, viết phim bản đạt mức rất cao: phần một xoay quanh nhân vật Lữ Bất Vi, có nhiều chứng cớ là cha ruột của Tần Thủy Hoàng, phần hai xoay quanh Kinh Kha, tiêu biểu cho sức chống đối của quần chúng Lục quốc trước bạo lực, phần ba xoay quanh nàng Mạnh Khương có chồng đi nô dịch xây Vạn Lý Trường Thành... Rồi tới Thừa Tướng Lý Tư, trình bày một quãng sử dài, dầy đặc tình tiết, bằng cách tập trung vào từng nhân vật chủ chốt tiêu biểu, khiến phim tuy trường thiên mà vẫn nhất quán, người xem không bị mờ mịt quên trước quên sau. Phim *Tây Du Ký* nhân vật đóng vai khỉ Tôn Ngộ Không rất tài tình linh hoạt, hơn hẳn những bộ mới làm sau này, thập niên 1990 trở đi. Tuy vậy tìm kỹ thì ra Tầu làm phim Tần Thủy Hoàng sau Nhật Bản tới 25 năm! Năm 1963 Nhật đã có phim về nhà Tần, Lữ Bất Vi, Kinh Kha rồi !

Phim Nhật lên tới cao điểm ngay từ thời sau đệ nhị Thế chiến, từ Địa Ngục Môn *Rashomon* tới các phim của đạo diễn *Akira Kurosawa*, với đại tài tử Toshiro Mifune (một cựu chiến binh Nhật) trong các phim Samurai, lịch sử Nhật và các tướng quân Nhật. Mãi tới năm 1980, suốt 30 năm từ phim *Bức Thành Ẩn Dấu* (the *Hidden Fortress*, 1958), Kurosawa còn đổi mới loại phim Samurai qua phim *Kagemusha* (*the Shadow Warrior, Bóng Tướng quân*), *tả lại một anh tầm thường phải đóng giả vai một vị Tướng quân đã chết, để đánh lừa địch quân, tới lúc hết vai trò thì anh ta bị đẩy ra ngoài thành, trở lại vị trí tầm thường cũ và anh chàng ngốc nghếch này bỗng tiếc ngẩn ngơ vai trò tướng quân giả*. Phim vừa linh hoạt, vừa sâu sắc. Bên cạnh loại phim Samurai, thời 1963 bộ phim hiệp khách Nhật khác như Hiệp Sĩ Mù *Zatoichi* chiếu liên tục 26

cuốn 100 hồi trên đài truyền hình, đây là một phản đề của Samurai, mô tả một anh mù chuyên nghề đấm bóp, tai thính nghe được cả con súc sắc trên bàn bài, mà võ nghệ kiếm thuật lại cao cường, chuyên hành hiệp chống lại các ông võ sĩ liên kết với cường quyền bắt nạt hà hiếp dân đen. Tiếp đến loại *kung fu* cạnh tranh với Hồng Kông như các phim đấu quyền do tài tử *Sonny Chiba* đóng, hay không kém Lý Tiểu Long. Nhìn chung, phim Nhật nghệ thuật phân cảnh tinh vi, chuyện phim gọn và đúng kỹ thuật viết phim: không gian, thời gian, chủ điểm quy về một mối, làm khán giả hồi hộp theo dõi, không bát nháo, không dây dưa lòng thòng mua giờ như phim bộ Tầu, kiếm vung lên là đầu rơi xuống, dứt điểm, không múa may biểu diễn hời hợt. Bộ phim ba cuốn Đời Hiệp Sĩ (*the Samurai*) là mẫu mực cho loại phim kiếm sĩ Nhật, đến phim Bẩy Người Hiệp Sĩ (*Seven Samurais*) thì ngay cả Hollywood cũng phải bắt chước (*Seven Magnificents*). Tuy vậy cũng có người phê bình phim Nhật là nặng quá, phim nào cũng căng thẳng, không nhẹ nhàng giải trí, tình tiết rùng rợn. Đề tài xã hội tâm lý cũng vậy, như phim *Một Người Đàn Bà Tên Sada Abe* (1975- *A Woman Called Sada Abe*) diễn tả một cô *geisha* bị bệnh tâm lý ám ảnh (*obsession*), mê say tình dục và cuối cùng "*cắt chim*" người tình để dành ! Cuốn phim khác, *Người Đàn Bà Dưới Hang Cát (Sand Dunes)*, cũng vậy, nàng cô đơn nên giữ chặt một người đàn ông vô tình bị lọt xuống nhà nàng, dưới hầm cát, không lên được... Bây giờ xem phim chiếu trên TV Nhật, đề tài lịch sử được diễn tả rất chi tiết, như thời *Tokugawa*, thời *Hideyoshi*... từng vết thành cổ, từng số quân số lương số súng cũng được chỉ dẫn trên bản đồ, tướng Hideyoshi có trận dùng tới hỏa lực một nghìn cây súng, ông như Nguyễn Huệ, dữ dội trên sa trường, linh động trong cai trị. Đề tài mới xã hội hiện đại như cô giáo học trò, mối tình tay ba, chuyện gia đình con cái. Nữ tài tử thì rất khả ái, hay nhuộm tóc hung vàng, mà nam tài tử thì vẫn chưa thấy ai vượt được Toshiro Mifune năm xưa.

Một cảnh trong phim Emperor Assassin

Phim Tầu không hay bằng phim Nhật vì lối diễn xuất của Tầu vẫn còn nhuốm không khí tuồng, kịch, lúc cười thì cười ha hả, lúc khóc thì lại khóc quá lố (*overact*), nhân vật nữ lại hay nhõng nhẽo như trẻ con lên mười, nghệ thuật vì thế bị giảm rất nhiều. Cho mãi tới thập niên 90, các đạo diễn Hoa lục Thượng Hải mới bắt đầu học hỏi được của Nhật và Mỹ, lối diễn xuất chính xác, đúng, gọn, không thừa, không thiếu, không kéo dài vô ích...Trương Nghệ Mưu và Củng Lợi đạt được tiêu chuẩn quốc tế, kỹ càng và tả chân, việc chọn lựa tài tử cũng khéo hơn xưa: Củng Lợi, giai nhân đất Dương Châu sông hồ ẩm ướt, tuy không tuyệt sắc, nhưng nét đẹp truyền thống

của cô không thể lẫn với nét đẹp dân tộc khác, mặt hơi gãy, đanh chứ không hiền, miệng dâm đãng mà chua ngoa, xem một lần là phải nhớ. Đấy chính là lối tuyển chọn tài tử của Hollywood, lấy nét độc đáo làm chuẩn, như Paul Newman, James Dean, Yul Brylner, Charles Bronson, Anthony Quin, Audrey Hepburn... không nhất thiết phải bảnh bao như Alain Delon, đẹp như Catherine DeNeuve của Pháp... Vừa thoát khỏi kìm kẹp của loại văn hóa chỉ đạo một chiều, phim Tầu bung ra với một mặc cảm về tự do, tự do luyến ái, vì thế phim nào cũng có pha làm tình từ *Lồng Đèn Đỏ*, tới *Judo*, tới *Xiu Xiu*... phim nào cũng xoay quanh mặc cảm muốn chứng tỏ tự do, phản kháng luân lý cổ hủ về tình dục... Ngay tới phim Đài Loan, Long Tàng Hổ Phục -*Crouching Tiger*- cũng phải xen vào cảnh làm tình ở sa mạc Tân Cương giữa nữ hiệp con nhà quan với anh chàng sa mạc Tân Cương giang hồ... Một số phim Hoa lục tạo nét bi sắc đậm quá, như cảnh các bà vợ ngoại tình bị mang lên lầu cao treo cổ, hoặc cảnh ai oán trong phim *Judo*, trước sau chú cháu chết ngộp trong hồ nhuộm vải, làm người xem thấy rợn và không muốn xem lại lần thứ hai!

Hết phim Tầu phim Nhật, bây giờ tới phiên **Đại Hàn**, cả ba đều chú trọng tới cảnh trí thiên nhiên, lấy trời mây non nước, lấy nét thủy mạc, chiều tàn, lá rụng... làm nền, rồi bầy biện con người trong đó. Cũng có khi làm tăng nghệ thuật, cũng có khi làm cuốn phim chậm lại, dài dòng khiến người xem thấy chán, đấy có thể là nhược điểm chung của phim Việt, phim Tầu thời trước, chậm chạp, dài dòng, không chịu cắt bỏ. Có lẽ đó cũng là nhược điểm của *phim Pháp*: bắt người xem phải suy nghĩ về ý nghĩa "*triết lý*" trừu tượng của cảnh trí, đối thoại, trong khi cốt yếu của chớp bóng là phải nhanh như chớp, động tác-*ciné*- hơn là lời hay cảnh. Một số phim Việt Nam làm ở Pháp, hoặc theo lối diễn xuất của Pháp, như *Hè Muộn* (thập niên 1970), gần đây như *Mùi đu đủ xanh, Đông Dương- Indochine*... nghiêng về trừu tượng hơn là động tác, chậm và hơi khó hiểu, phản ảnh đầu óc trừu tượng mông lung của đạo diễn. Mấy phim của Củng Lợi làm với Pháp như phim Nữ Họa Sĩ *La Peintre* không đặc sắc như những phim làm với đạo diễn Tầu, ngay cả phim *Chinese Box*, cảnh Hồng Kông, cũng rơi vào tầm thường nhạt nhẽo... Phim ảnh thật ra rất khác với tiểu thuyết và khác với kịch tuồng sân khấu, cho nên xem phim tình cảm xã hội nhiều khi thấy chậm, phim võ hiệp và cao bồi có lợi điểm là nhanh như chớp, làm thì giờ qua mau, người xem không cần nghĩ ngợi nhiều quá, còn phim loại xã hội tình cảm mà đạt tới mức hấp dẫn thì phải là loại diễn xuất tuyệt diệu, và thường thường không thể thiếu những đoạn hồi hộp, bi thương. Người đạo diễn phải là thứ tâm lý gia, nắm bắt được hỉ nộ ái ố của khán giả! Một số phim trường thiên chiếu trên màn ảnh TV Nhật Bản, có khi mô phỏng trên màn ảnh TV Tầu, thường phải chọn lựa minh tinh trẻ đẹp quyến dũ, phác họa lại đời sống xã hội đương thời. Bộ phim TV Nhật như Ông Chủ Ga Xép (*The Railroad man*), thật tài tình trong thuật kéo dài với những nút thắt mở hồi hộp, tình nghĩa của ông bố nuôi với cô con gái nuôi từ nhỏ, cảm động đến chảy nước mắt, giữ người xem từ tuần này tới tuần khác không thể bỏ ngang được!

Nhưng gần đây, Đại Hàn phát triển mạnh trong mọi lãnh vực, tổ chức được thế vận hội từ năm 1988 thì tổ chức phim ảnh cũng chỉ là một bước ngắn: họ đã thành công trong lãnh vực điện ảnh, có thể thay thế Nhật vì Nhật đã khai thác gần hết đề tài. Phim Nhật đang nhập vào hướng khoa học giả tưởng, hoạt họa trò chơi điện tử và không gian như Mỹ... Đại Hàn còn nhiều đề tài cổ tích, lịch sử để khai thác: cuốn phim nổi danh, 1998, *Chunhyang*, của nhà đạo diễn Kwon Taek, một tuyệt tác diễn lại câu chuyện cổ tích loại Tấm Cám nước Hàn, qua lối kể chuyện (*storyteller*) rất phổ thông thời xưa: một ông cầm quạt đứng kể chuyện, một ông ngồi đánh trống điểm từng đoạn từng hồi, xen vào từng khúc phim đóng rất điêu luyện, vừa đối thoại như phim thường, vừa có hoạt cảnh ca vũ... Cuốn phim hoàn toàn chinh phục đưa khán giả vào một giấc mơ cổ tích, *một ngôi chùa cổ, có người thiếu nữ tuyệt sắc đánh đu như hội chùa Lim bên ta, chàng thư sinh Mongryong con quan Tổng đốc, si mê cô gái Chunhyang con nhà bình dân, hai người lấy nhau vụng trộm, những cảnh âu yếm chăn gối đẹp như giấc Vu sơn như mộng Bích câu, rồi chàng lên kinh đi thi, nàng ở nhà chờ chồng, nàng bị viên quan ô lại hãm hại cưỡng bức không xong bèn đánh đập tàn nhẫn giam nàng trong tù... ba năm sau chàng tân khoa trở về, trong chức vụ tuần tra thanh sát của nhà vua, bắt hết bọn gian ác...và chàng với nàng từ đây kiệu rước lọng che đến bạc đầu...* Câu chuyện giản dị nhưng kỹ thuật điêu luyện làm cuốn phim trở thành một "*masterpiece*" (*Chicago Tribune*), một cuốn phim sau khi xem xong, người xem cảm thấy lâng lâng

Phim Ấn Độ

như từ cõi mộng trở về, tâm tư khác hẳn, "*after seeing Chunhyang you will never be quite the same*" (*the New Yorker*). Nhất là phần đầu, cảnh nam nữ gặp nhau trên quê hương thanh bình, xướng họa thơ văn, cảnh đánh đu, cảnh hai thiếu niên ôm ấp chẳng thể rời nhau... là những giấc mơ phổ quát trong tâm thức mọi người, là tiềm thức yêu đương của mọi lứa tuổi, là hình ảnh ân ái chứa đầy trong trái tim phương Đông. Xem ba bốn lần không thấy chán, thấy chính mình, thấy trái tim kẻ sĩ mấy trăm năm trước, đâu đó trên địa bàn đất Việt, đất Hàn, đất Tầu, đất Nhật... dồn dập như tiếng trống cầm chầu kể lể một mối tình đã xẩy ra trong không gian đẹp như tiên cảnh. Hai điểm quan trọng nhất của phim ảnh Đại Hàn đều đạt tới là: *kỹ thuật làm phim* cùng kỹ thuật *tổ chức* điều hành nghiêm túc, không khơi khơi được, râu thì ra râu, không vẽ sơ sài như hề, tóc thì ra tóc không giả mạo như dán giấy đen, không cười cợt vô lối kiểu phim thương mại như Jackie Chan, không cho thêm một chú bé dăm bẩy tuổi vào làm hoạt náo rẻ tiền, không có cảnh tiểu tiện bẩn thỉu của chú Chiệc! Và quan trọng nhất là *nữ tài tử phải vừa đẹp vừa phải có tài nghệ* diễn xuất. Phụ nữ Nhật và Hàn nét đẹp giống nhau, nét đẹp của dân xứ lạnh, đầy đặn, to khỏe, tay chân không lẻo khoẻo, da mịn, nhưng giai nhân Hàn có thêm ưu điểm: hàm răng đều đặn như ngọc, nụ cười như đóa hoa, nhưng không toe toét, hai vai nẩy nở không thuôn gầy. Đôi mắt gái Hàn và Nhật, nếu một mí thì có nét xảo, nhưng thường khuôn mặt hiền hòa không dối trá đanh đá, hồn nhiên trong tia nhìn. Những phim loại tình cảm xã hội của Hàn như *Ngày Xuân (Spring Day), Một Chuyện Tình (A Love Story), Người Đẹp (La Belle)*, tuy đầy dục tình, nhưng mô tả được loại tâm lý con gái mới, nửa hiện sinh, nửa đàng điếm, đi tìm một cảm giác mạnh mà thực ra không biết tìm gì... có lẽ còn lâu kỹ thuật Việt Nam mới theo kịp, mà muốn theo kịp thì phải đào tạo từ đạo diễn đến tài tử từ cử chỉ tới lời ăn tiếng nói. Phim *Người Đẹp* kể trên, chỉ có hai người đóng, *một nhà văn trẻ, một cô gái tìm quên người tình cũ, nàng đùa bỡn với anh nhà văn si tình, hai người hoan lạc, nàng vụt đến rồi vụt đi, sau thành thói quen, bện hơi nhau, vắng nàng thì thấy thiếu, giống như anh chàng Chương trong chuyện Đời Mưa Gió của Khái Hưng Nhất Linh si mê một ả giang hồ.* Phim được chọn dự tranh giải quốc tế ở Pusan 2001, chắc chi phí chẳng bao nhiêu, mà khá hấp dẫn, có nghệ thuật, chẳng thể kiếm cớ nói làm phim hay phải nhiều tiền mới làm được! Tới phim *Hòn Đảo* (*The Isle*), thì lối viết phim bản đã rất cao: *quanh một hòn đảo nhỏ, một cô lái đò câm, tối làm điếm cho các người tới câu cá trên các phà nổi giữa nước... rồi tình yêu, đam mê, ghen tương, án mạng, giữa hai người mang cùng tâm lý khổ dục (masochist) chàng lấy móc câu nuốt vào cổ họng, nàng lấy móc câu cho vào âm hộ... người làm phim thấu đáo tâm bệnh lý, mà người xem bị câu chuyện cuốn hút từ đầu.* Cuốn phim khác, Cuộc Nổi Dậy (*The Uprising*), diễn lại mâu thuẫn giữa dân làng bên lương bên giáo thời 1900, đề tài chưa nước nào ở Á Đông khai thác.

Một nước khác, Việt Nam ta hay coi thường, là Ấn Độ, bây giờ phim ảnh đã tiến bộ khác hẳn các cuốn phim bình dân như *Người lấy rắn* chiếu ở Sài Gòn thời 1960- 1970. Cuốn phim DVD mới, 2001, phim ASOKA, thuật lại cuộc đời vị đại đế hung tàn sau "*bỏ gươm xuống thành Phật,*" người đã dựng lên đế quốc hùng mạnh nhất xứ Ấn khoảng 300 năm trước tây lịch. Sau khi tay đã nhúng máu, nhìn cảnh chiến trường chết chóc vạn cốt khô, ngài đã *đốn ngộ* quy Phật với các công trình truyền bá giáo pháp từ bi vĩ đại để lại tới ngày nay. Phim do nữ tài tử *Kareena Kapoor* (cô

thuộc gia đình ba bốn đời trong nghề điện ảnh Ấn), và Shah Rukh Khan đóng, Kareena có nét Aryan, đẹp như tài tử Âu Mỹ, mà nước da ngăm lại ăn ảnh sắc mặn hơn. Những cảnh chiến trận vĩ đại, cảnh ca múa truyền thống, chuyển cảnh, chuyển hồi... cho thấy Ấn đang tiến ngang với phim ảnh Hồng Kông, Hàn, Nhật, mà phim Ấn lại có thể ăn khách cả Tây phương lẫn Đông phương. Xứ ta nằm giữa hai nền văn hóa lớn, Ấn và Tầu, sau này Hán Nho học nghiêng hơi quá về Tầu, có lẽ nên quân bình lại, ngả thêm sang Ấn, lấy văn minh Hy Mã Lạp Sơn, để thăng hoa tâm linh, có lẽ cũng là chiều hướng trung lập khôn ngoan, xưa nay Ấn chẳng xâm lăng ai cả, mà nước Anh vào rồi cũng bị loại ra bất bạo động, xem phim Ấn khán giả cảm thấy có một cái gì rất hiền hòa mà khôn ngoan trong ấy.

*

Kể từ khi có Truyền Hình, có Video... thì **văn hóa truyền thông** đã rẽ sang một hướng mới của thời đại điện tử, nhiều rạp chớp bóng ế khách phải đóng cửa, nhiều nhà sách trên đất Mỹ cũng lần lượt chuyển sang nghề mới: bán CD, DVD... bên cạnh những tủ sách nặng nề có lẽ sẽ dần dần biến mất trong mươi năm nữa, hầu hết tư liệu đã chuyển vào nhu liệu, cả thư viện có thể bỏ túi trong mấy cái đĩa mỏng hơn chiếc bánh đa *taco*! Thế thì nhà văn nhà báo sẽ đi về đâu? điều mà J.P.Sartre lo âu từ năm 1947 trong cuốn *Văn Chương là gì*? (*Qu'est ce que la littérature*?) thì nay đã thành sự thật, văn chương nhường chỗ cho phát thanh, phát hình, chiếu bóng... Sách dầy cộm chẳng mấy ai mua, từng trang đầy đặc chữ nghĩa đọc mỏi mắt hơn là xem truyền hình, video, nhất là với những người lớn tuổi phải đeo kính, ngay cả đi *du lịch* cũng không nhất thiết cần yếu, nằm dài xem *phim tài liệu* Kim Tự Tháp, đỉnh Hy Mã... đỡ mỏi chân tốn sức leo trèo. Ngoài vài nhà văn lớn như James Clavell, Stephen King với các tác phẩm được mang vào phim, nhiều nhà văn khác trở thành chuyên viên viết phim bản, kịch bản truyền hình. Ngay cả Clavell, với cuốn *Shogun* in tới bảy triệu bản nhưng ngòi bút vẫn phải hướng về phim bản. Thành thử, những nước nghèo, nhược tiểu như Việt Nam, hết rơi vào quỹ đạo chính trị quốc tế, lại rơi vào tình trạng lệ thuộc văn hóa nước ngoài, phim Tầu, phim Mỹ tràn ngập... thời 1960, 1970..." miền Nam Việt Nam, nếu không có "*nắng thủy tinh, Diễm xưa...*" của Trịnh Công Sơn, thì quần chúng chỉ loay hoay quanh mấy chữ "*chưởng, ngụy quân tử...*" từ Hồng Kông mang sang mà thôi... Phim ảnh của ta nghèo nàn, nửa thế kỷ vẫn chỉ ngoi ngóp từ *Kiếp Hoa 1952, Chúng Tôi Muốn Sống 1956, tới Số Đỏ, Đời Mưa Gió*... vẫn giống đóng kịch, vẫn chưa thoát khỏi sân khấu, từ phim bản, tới âm thanh, quay phim...còn lâu mới cạnh tranh quốc tế được. Đôi khi phim làm ở ngoại quốc, kỹ thuật khá hơn,...nhưng phim làm ở ngoại quốc, vừa Tây vừa Ta, làm nét lai căng nổi rõ, ngay Gong Li đóng với Jeremy Irons trong *China Box* xem thấy kệch cỡm và *chướng*! Chưa kể chuyện phim nhiều khi giả tạo không sát thực tế, như cảnh một bà đầm vào nhà tù Côn Đảo tìm người nhà... Tài tử của Việt Nam thời 1950 như Kim Chung, Kim Xuân, bước từ sân khấu sang điện ảnh, Ái Liên cũng vậy, lớn tuổi mà lại đóng vai một thiếu nữ không đếm xỉa gì tới câu "*thầy già con hát trẻ*" của cổ nhân! Vĩnh Noãn với Lê Quỳnh sau này đã tiến bộ hơn nhiều, Đoàn Châu Mậu để tóc bạc như Jean Gabin của Pháp, Thanh Lan rất ăn ảnh TV, thời 1970 kỹ nghệ phim ảnh ở miền Nam Việt Nam đã khởi sắc, đạo diễn Lê Dân luôn luôn bận rộn, tháng Giêng 1975 ông đạo diễn Hè Muộn còn quay một cuốn phim mới lấy cảnh vũ trường Catinat. So với các tài tử Á Đông khác thì có lẽ Việt Nam ta chỉ có một ưu điểm là giọng nói: giọng nữ êm đềm đầy nhạc tính như giọng Hà Nội, giọng Huế... nghe êm tai hơn tiếng Quảng, tiếng Nhật... Xem phim Tầu, phim Nhật nhiều khi ngỡ họ cãi nhau, hay sắp giết nhau, mà thật ra chỉ là nói chuyện thường, lời tâu lên chủ tướng, hay xin lỗi nhau...Việc huấn luyện học hỏi trong kỹ nghệ truyền hình, phim ảnh, cũng quan trọng như bất cứ nghề nghiệp chuyên môn nào khác : ngay cả vai nói tin tức truyền hình cũng không dễ, nghề chuyên môn, *speaker* mất nên nhìn thẳng, miệng không chúm chím gợi tình, giọng rõ ràng mạch lạc, không phải tới đoạn quan trọng là phải dằn giọng đanh thép như cán bộ tuyên truyền. Kinh nghiệm như cô *Connie Chung, Dan Rather* khi xưa phỏng vấn ông bà Bush chỉ hỏi dò một câu soi mói, chỉ thêm một lời vặn, cũng phải xin lỗi vì lý do thiếu khách quan nghề nghiệp (*unprofessional*)!

Mỗi dân tộc có nét văn hóa riêng, trong khi chờ Việt Nam làm những cuốn phim lịch sử, đề tài thì vô kể vì lịch sử nước ta vốn lắm chuyện, có thể gợi ý như sau : *Gián Điệp Thành Cổ Loa, Vua Hùng Kén Rể, Tản Viên Nhổ Bọt Cao Biền, Đinh Bộ Lĩnh vây sứ quân núi Côn Sơn, Thuyền*

Phim Đại Hàn The Uprising

Nhà Lý Di Tản Sang Hàn, Mối Tình Trần Thủ Độ và Cô Ngừ, Trần Gia Bảo Kiếm Náo Hồ Gươm, Huyễn Trân Công Chúa, Ngọc Hân Công Chúa, Nỗi Lòng Chiêu Thống, Thanh Long Đao họ Mạc, Vua Phật Trúc Lâm, Mạc Đĩnh Chi Đánh Cờ Với Mông Cổ, Cô Bán Chiếu , Bà Bán Nước Bến Bạch Đằng, Đề Thám hội Cụ Phan, Hoàng Diệu và cố đạo Puginier, Vua Ba Vành, Quân sư Châu Chấu, Giặc Biển Tên Phụng, Bảo Đại- HCM đấu trí (The last emperor and the old fox !), Mười Ba Cái Đầu Yên Bái, Hồn Bướm Mơ Tiên, Tấm Vải Điều Tây An, Cổng Chùa Nổi Lửa, v..v.. phải hai ba kiếp nữa họa may ta mới làm được. Người Việt *sinh nhầm thế kỷ* có thể tạm xem phim ảnh Tầu, Nhật, Hàn... là những nước đồng văn hóa, cùng văn minh *cầm đũa*, cho nguôi ngoai *nỗi hờn vong quốc độ!*

Trong điều kiện nghèo nàn hiện tại, Việt Nam ta có lẽ làm phim lịch sử loại kể chuyện, như phim Civil War của Ken Burn, chiếu trên PBS, qua loạt phim American Stories, trưng hình chụp, tài liệu sách báo thư từ, phỏng vấn nhân chứng, đệm tiếng súng tiếng hò hét, nhạc, và lời kể chuyện...cũng có thể hấp dẫn và lưu truyền rông rãi hơn là viết sách hay viết báo. Loại phim Tiểu sử (*Biography*) hay Phóng sự (*Reportage*) cũng dễ thành công và thu hút khán giả, như phim Hề Cải Lương Việt Nam, phim phọng tục tập quán người Hmong (thầy mo với hai miếng sừng trâu, *Two broken horns*) chiếu trên PBS là những thí dụ. Phim về chiến tranh Việt Nam, kể cả phim gần đây như *Đứa Con Từ Đà Nẵng* (*Daughter from Danang*), sau mấy chục năm sống ở hải ngoại, thấy như tấn tuồng lợm giọng, chẳng mấy ai muốn xem nữa. Xương máu nước mắt của một dân tộc dù ngoại nhân có thiện chí đến mấy, mỗi lần mang ra tô vẽ, kệch cỡm nhắc đi nhắc lại, cũng là xát muối lên vết thương mà thôi.

Dường như càng xa quê hượng người ta càng sống với gốc rễ tiềm thức dài giằng dặc cả bốn, năm ngàn năm cho nên rất khó thưởng thức phim ảnh Âu Mỹ, họ pha trò khác mình, điển tích huyền thoại khác mình, óc tưởng tượng của họ cũng khác, trẻ con họ thích Dinosaur, trẻ con mình thích dế, thích bướm... Mình thấy mái chùa đồng ruộng là gần gũi thì họ thấy cao ốc với xa lộ là quen thuộc, cho nên cái sơ mẫu *archetypes* mỗi vùng trời một khác, khung cảnh Đông phương gần với tâm thức người Á Đông, từ tác động cử chỉ, từ một cái nhếch mép, một cái liếc khuynh quốc khuynh thành, liên quan như có dây nối vào nội tâm có thể làm nghiêng ngả trái tim, mà tài tử da trắng, tuy đẹp như pho tượng Milo, nhưng đường nét mỹ thuật không có khung mẫu phục sẵn trong tim óc, nên khó bắt được, khó cảm nhận được, không rung động tận đáy lòng được. Chữ *duyên* nôm na, từ ý nghĩa *duyên khởi* của Phật pháp, chẳng chịt vô vàn yếu tố trong tàng thức, cũng có thể dùng để tìm hiểu cảm nhận thẩm mỹ nghệ thuật ở đây.

10- 2002

Chú Thích: Các phim Tầu, Hàn, Nhật, kể trên có thể tìm thấy trong các tiệm bán Video ở Chinatown hay Japantown, làm lại dưới dạng VCD – dạng DVD giá đắt gấp ba gấp bốn, loại hiếm như các phim Nhật thời 1950- 60, bán giá từ 25- 60 USD một cuốn VHS trong các tiệm sách hay tiệm cho thuê video Nhật. Phim Ấn có thể tìm ở chợ điện tử Fry's hay nhà sách Borders...

ANH TƯ VỀ LÀNG

(Sự Tích Bộ Áo Gấm Mầu Nhiệm)

KHỔNG-CÓ-CHI

Thức mồ côi từ nhỏ, nên không ai biết họ hàng và quê quán chàng ở đâu. Người ta chỉ biết rằng chàng bắt đầu xuất thân giang hồ từ xóm Ngã Ba Chú Ía dưới danh hiệu "thằng Tư". Sau đó chàng trở thành một hiệp sĩ nổi danh tại khu Khánh Hội. Ai nghe đến "anh Tư Thức" đều phải kính nể.

Thế rồi, giặc càng ngày càng mạnh, rồi ùn ùn kéo quân vào kinh đô tàn phá. Con đường võ lâm dựng nghiệp của Tư Thức trở nên khó khăn hơn trước. Thật là bi đát. Làm sao một hiệp sĩ tiểu xảo có thể đương đầu với cả một đám thảo khấu đã bao năm dầy công tu luyện những món ác chưởng kinh hồn như "cải cách điền địa" hay "đánh tư sản mại bản"?

Tư Thức đành phải gác kiếm chờ thời, ẩn mình trong thảo lư để tử thủ hộ khẩu, và cũng để tu luyện thêm chưởng công, hầu có thể thích ứng với tình trạng mới, và để tìm cách hội nhập với giặc. Nhờ trí thông minh tuyệt vời, nên chỉ trong có vài tháng chàng đã thông suốt được tất cả 35 pho võ công của giặc. Nhờ vậy, trong giới võ lâm thời đó, chàng được tôn là "Đệ Nhất Anh Hùng Xa Lộ".

Thế là chàng được giặc để ý tới, và được mời ra làm quan cai trị xóm nghèo ngoài cổng thành Già Hồ. Để tiến thủ, chàng ra sức làm việc ngày đêm, không nề hà với chức vụ nhỏ bé. Vì thế, chỉ một ít lâu sau, giặc cất nhắc chàng lên chức "lãnh binh trị an khu vực". Giặc đã dùng chàng đúng với khả năng thiên phú của chàng.

Được giặc tin cẩn, Tư Thức dùng hết tài kinh bang tế thế ra chỉnh đốn khu Ngã Ba Chú Ía. Chàng dùng phép "lâm pháp trị" để giáo hóa dân, nên rất được mọi người kính nể. Những bậc hiền sĩ không muốn đi trau dồi kinh sử tại các trường Quốc Học Cải Tạo thì vẫn được sống ẩn dật trong xóm, hưởng thú điền viên. Vì thế họ không quản ngại hàng tháng tỏ lòng tri ân đầy đủ với chàng. Các thanh lâu kiều nữ cũng được chàng hết lòng nghĩa hiệp bảo vệ. Nhờ vậy, luật pháp trong xóm rất nghiêm, không ai dám phiền nhiễu, không một vương tôn công tử nào dám giở trò "chơi quỵt" trong xóm.

Sẵn tiền, sẵn quyền, nên Tư Thức có một đời sống rất là thanh thản. Những hôm rảnh rang, chàng thường đi ngao du, thăm viếng những danh lam thắng cảnh trong kinh thành. Một hôm, khí trời oi ả, Tư Thức cùng thằng tiểu đồng, vai mang túi thơ cùng bầu rượu, đến thăm chùa Hóa Kiếp, một ngôi chùa quốc doanh mà giặc mới cất ở khu Gia Định để lôi cuốn thiện nam tín nữ vào con đường tà đạo tù mù. Ở đây cây cối um tùm, rất là mát mẻ. Mọi người tới khu u uế này để trốn nóng, và nhân tiện xem triển lãm hàng trăm giống hoa dâm bụt đang thi nhau đua nở muôn mầu sắc.

Tư Thức lách vào đám đông, thấy một nàng xinh đẹp tuyệt trần, bị trói vào thân cây si trước chùa. Chàng nhận ra ngay cô này là một trong những kiều nữ nổi tiếng được chàng bảo vệ. Chàng vội hỏi:

— Sao cô nương lại rơi trong tình cảnh bi đát thế này? Cho ta biết, ta sẽ chạy chọt cho. Rồi sau sẽ tính đến chuyện ơn nghĩa.

Cô gái vừa khóc thút thít, vừa kể lể sự tình:

— Bẩm quan lớn. Thật là cực quá! Thiếp đang "đi khách" ở sau chùa, bỗng nhiên ông sư quốc doanh lò mò ra, đi tìm chỗ tiểu tiện. Thiếp bị bắt quả tang trong cảnh xiêm áo hở hang. Ông ta trói thiếp ở đây, và nói rằng tối nay ông ấy sẽ mang ra xử thiếp về tội đánh gẫy cành hoa dâm bụt. Xin quan lớn cứu giúp em.

Nghe thấy vậy, Tư Thức động lòng nghĩa hiệp. Chàng vội đi thẳng vào chùa, tìm tên ác sư quốc doanh. Thấy tay này đang xì xụp bát cháo lòng trong bếp, Tư Thức vội nói:

— Kính chào đại ca. Cô gái mà đại ca bắt ngoài kia là một nữ tỳ hầu dưới trướng của bỉ nhân. Đại ca là bạn đồng môn với bỉ nhân, mà cớ sao hành sự quá khắt khe như vậy?

Tên sư quốc doanh cười hềnh hệch:

— Bá ngọ con bé đó. Dám đến nơi đây để nàm chuyện đồi chụy phong kiến. Giữa ban ngày ban mặt mà nó dám phơi bầy "thân thể người ta chia da nàm ba phần" cho mọi người chông thấy. Vì vậy bần tăng ngứa mắt, đành phải bắt nó. Nuật

KHÁNH HÀ

XUÂN NÀY

Người từ xa xôi tới
Da còn vàng phương đông
Tóc đen giờ hóa trắng
Xuân sang vẫn chạnh lòng

Ra vườn bới trong tuyết
Chặt mấy cành forsythia
Đem cắm trong nước ấm
Tưởng hoa mai bên nhà

Sáng mồng một nhớ bạn
Mỗi năm đến xông nhà
Năm nay bạn không đến
Thăm mồ bạn thì xa

Tuổi già như lá úa
Năm tháng đuổi theo sau
Xuân này gởi tấm thiệp
Xuân sau biết còn nhau

nệ nà nuật nệ.

— Thôi xin đại ca tha cho cô gái đó.

— Không sao. Thật da, bần tăng chỉ muốn giữ con tiện nữ ở đây vài tiếng thôi. Sau khi khách thập phương da về, bần tăng dự định "đi một đường nhục dục" cho mát duột con nợn nòng. Dồi sẽ thả nó da. Chứ giữ cái "nghiệp chướng" mỹ miều ở đây nâu không tiện. Chỗ này nà nơi chang nghiêm tu hành. Tuy nhiên, nếu ngay từ lúc đầu, con tiện nữ đó cho bần tăng biết dằng nó nà em út của đại ca, thì bần tăng đâu có đụng tới nó.

Nói xong, tên sư quốc doanh bước ra ngoài cởi trói cho người con gái thời loạn sa vào cảnh lầm than. Cô gái lí nhí cám ơn Tư Thức, rồi mắc cở chạy tuốt ra khỏi vườn dâm bụt.

Sau đó, Tư Thức trở về huyện đường, và tiếp tục mang "đạo đức cách mạng" ra giáo hóa dân lành. Chẳng bao lâu chàng trở nên giầu có, danh tiếng lừng lẫy khắp nơi. Cũng vì lòng nhân đức "thương dân như thương con", nên dân trong vùng càng ngày càng xác xơ. Và cũng vì thành tích vẻ vang này, nên có rất nhiều kẻ tiểu nhân rất thèm khát, chỉ muốn ám hại người quân tử để có dịp ngoi lên nếm miếng đỉnh chung.

Thế rồi, tên thái thú họ Nguyễn tên Linh bị thất sủng. Quyền cai trị lại rơi vào tay một tên khác. Tư Thức bị mất nơi nương tựa. Nhân dịp này, tụi nịnh thần tới tấp gửi sớ vào cung, mạt sát chàng. Tư Thức đành phải "treo ấn từ quan". Tụi cẩu trệ tịch thu gia sản của chàng, rồi mang ra chia nhau. Thật là đúng câu cổ nhân xưa kia đã dạy, "cái có cũng chỉ là cái không".

Đang đi lang thang, chán nản cho cõi đời ô trọc, Tư Thức bỗng nghe tiếng chào:

— Kính chào quan lớn. Sao bây giờ quan lớn lại tiều tụy đến như thế này? Thiếp là Hướng Giang đây nè. Quan lớn có nhớ ra chăng?

Tư Thức quay lại, và nhận ngay ra nàng kiều nữ mà chàng đã cứu khỏi tên sư quốc doanh trụ trì trong chùa Hóa Kiếp. Hắn buồn bã nói:

— Xin cô nương đừng xưng hô như vậy. Trong cảnh hỗn loạn ngày nay, quan lớn, quan bé chỉ là một bức tranh vân cẩu mà thôi, có nghĩa gì đâu. Tư Thức đây chán cảnh bon chen lắm rồi. Thành ra bây giờ chưa biết đi đâu để tìm một lối sống thanh đạm và thảnh thơi.

— Thế thì hay quá. Nếu đại ca không còn thiết tha đến công việc triều chính nữa, thì xin mời đại ca về đồng tịch đồng sàng với thiếp, để thiếp có dịp xả thân ra trả ơn đại ca đã cứu nạn khi xưa.

Tư Thức chịu ngay. Hướng Giang đưa chàng về nhà, giới thiệu ân nhân với mẹ. Lão bà mừng rỡ:

— Âu cũng là duyên tiền định. Trong cảnh loạn ly, "khỉ thành người" như lúc này, con Hướng Giang có phúc đức được dịp nâng khăn sửa túi cho hiệp sĩ thì lão cũng không còn lo sợ cho nó trong cảnh "thân gái dậm trường".

Tư Thức vái lão bà hai vái, rồi thưa rằng:

— Được làm phu quân của Hướng Giang và làm nhạc tế của lão mẫu là một cái vinh dự lớn lao cho tiện nhân trong lúc thế cùng vận hẹp này. Xin đa tạ lão mẫu.

— Bằng lòng làm con rể lão thế thì tốt lắm. Đã là con cái trong nhà, lão nói thiệt với hiệp sĩ. Thân phụ con Hướng Giang trước kia là một phú

ông hiền lành lương thiện. Khi giặc cướp nổi lên, ông bị chúng bắt, và mang ra đánh đập tàn nhẫn để tra của, rồi sau đó bị chúng đìm xuống ao cho đến chết. Lão đành phải mang hai đứa con bỏ làng ra đi, làm ăn cực nhọc để nuôi nấng chúng nên người. Hai chục năm sau, giặc lại tràn tới. Thằng con trai lão bị mắc nạn "tư sản mại bản". Nó đành xuống thuyền ra đi để tìm đất sống. Nhờ trời phù hộ, nó may mắn thoát khỏi cảnh địa ngục trần gian này.

Nói đến đây, Lão Bà nghẹn ngào nức nở làm Tư Thức cũng phải mủi lòng. Bà cụ già vừa sụt sùi vừa kể tiếp:

— Trước cảnh mất nước nhà tan, con Hướng Giang ở nhà chán nản, nên dấn thân vào con đường hoa nguyệt. Lão cản nó không được. Hiện nay thằng anh nó đang làm giấy tờ bảo lãnh nó sang cõi Bồng Lai Mỹ Cảnh. Nhưng nó cứ nhùng nhằng không chịu đi. Nó không muốn gặp đại ca nó vì cảm thấy hổ thẹn đã làm bại hoại danh gia. Hiệp sĩ nên khuyên nhủ nó cho lão. Lão hy vọng hai vợ chồng sang đó, làm ăn, xây dựng lại tương lai hạnh phúc. Còn lão lúc này thì cũng đã gần thất tuần rồi, được mồ yên mả đẹp nơi quê cha đất tổ là một điều phúc đức cho lão. Lão không cần gì hơn!

Thấy có dịp thoát cảnh trần tục, Tư Thức sung sướng như "tục tử lạc vào Thiên Thai". Bỗng nhiên chàng cảm thấy yêu thương Hướng Giang bội phần. Chàng vội nói:

— Thưa nhạc mẫu, đừng lo chuyện đó. Tư Thức này sẽ thuyết phục Hướng Giang. Về việc chạy giấy tờ xuất cảnh cũng không khó khăn gì.

Rồi chàng quay sang Hướng Giang khuyên giải:

— Nàng đừng có mặc cảm nhiều về hành vi quá khứ. Nàng chỉ là một nữ nhi lâm nạn trong thời loạn mà thôi. Ta sẽ mang thân nam nhi chí khí ra bảo vệ danh dự nàng. Kẻ nào phỉ báng nàng, ta sẽ mang đoản đao này ra chặt ngay.

Thế là mọi chuyện đâu vào đó. Nhờ tài chạy chọt của Tư Thức và nhất là mấy lượng vàng của Hướng Giang, chỉ nội trong mười tám tháng là hai vợ chồng đáp xuống vùng Thiên Thần. Anh em Hướng Giang đoàn tụ, tay bắt mặt mừng. Cuộc đời Tư Thức lúc này mới thực sự đổi mới theo "định hướng thị trường".

Ông anh vợ là một thương gia, nên cũng dư giả, và tận tình giúp đỡ hai vợ chồng mới sang. Thấy thằng em rể không có một nghề chuyên môn gì ngoài nghề hiệp sĩ búa dao, ông ta bỏ vốn ra cho hai em để mua lại một tửu lâu nằm ngay ở giữa khu Hắc Bì.

Khu Hắc Bì trong vùng Thiên Thần nổi tiếng là nơi độc địa. Ngay cả đến thiên thần thứ thiệt cũng không dám bén mảng tới. Tuy nhiên, Tư Thức đâu có ngán ai. Với hơn 30 năm kinh nghiệm giang hồ hiệp sĩ, "đầu đội trời, chân đạp đất", chàng ra tay đánh đông dẹp bắc trong khu Hắc Bì. Vì thế, quán Bồng Lai Mỹ Tửu của chàng càng ngày càng thịnh vượng.

Đời sống rất là thoải mái. Sau cơm trưa, hai vợ chồng lững thững từ trên lầu son gác tía xuống dưới nhà, mở cửa tiệm. Vợ ngồi thu tiền. Chồng đeo đoản đao, đi đi lại lại như Trương Phi giữ thành. Tụi thảo khấu Ma Phia không dám bén mảng đến làm phiền nhiễu.

Cứ như thế, hai vợ chồng sống vui vầy trong hạnh phúc. Hoa thơm, quả ngọt, mùa nào thức đó. Những đêm trăng thanh gió mát, mỹ tửu uống hết chung này đến chung khác. Khi thèm nem công chả phượng, hai vợ chồng đánh cỗ xe Gà-Đi-Lạc xuống khu Hoa Kiều phè phỡn. Cứ như thế chàng quên dần cảnh trần tục khi xưa.

Thế rồi một hôm, dân trong vùng mở hội Hoa Cam tại khu Bon Chen, đón mừng xuân sang. Tiên ông, tiên bà, tiên cô, tiên non ... quần lụa, áo thêu, lũ lượt tới dự. Suốt đêm nhẩy múa theo khúc nhạc Thiên Thai. Ôi, thật là mê ly! Thật là huyền ảo!

Trong khi mọi người vui chơi theo tiếng đàn tiếng địch, Tư Thức cảm thấy nỗi buồn man mác, nỗi buồn "nhớ nước đau lòng con cuốc cuốc". Từ đó, chàng cứ thờ thẩn như người mất hồn. Ăn không thiết ăn, uống không thiết uống. Cây đoản đao đeo trong người cũng không được ngày ngày lau chùi mài rũa. Hướng Giang thấy vậy cũng thấy buồn lây, rồi gạn hỏi chồng:

— Có điều gì làm phiền lòng chàng chăng? Xin cho thiếp biết.

— Ta đã bỏ nước ra đi hơn ba năm nay rồi. Ta rất nhớ quê hương, và muốn về thăm xóm làng.

Hướng Giang nghe thấy vậy, rụng rời chân tay. Tuy nhiên vì thương chồng, nàng đành thu vén 20 lạng vàng cho chàng làm tiền lộ phí. Tiễn chân chồng lên đường, nàng ôm chồng khóc thút thít:

— Chàng về làng trong lúc này, thiếp cảm thấy rất là lo sợ. Không biết chúng ta còn gặp nhau lại nữa không. Thiếp tặng chàng cái áo gấm mà thiếp đã cặm cụi may trong mấy bữa nay. Với chiếc áo mầu nhiệm này khoác lên người, chàng đi đâu cũng được tiếp đón nồng hậu.

Tư Thức an ủi:

— Nàng đừng có sầu muộn. Nội trong ba tháng, hết mùa Vi Gia, ta sẽ trở lại.

Tư Thức bay về nước. Không ngờ quê hương đã thay đổi một cách nhanh chóng như vậy. Xóm nhà lá đầy tình người khi xưa nay đã bị san bằng, nhường chỗ cho những lâu đài nguy nga tráng lệ. Dinh thự mọc lên như nấm. Du khách đầy đường. "Ngựa xe như nước, áo quần như nêm". Thật là giầu có! Thật là sang trọng! Súng sính trong bộ áo gấm về làng, Tư Thức đi đâu cũng được trọng nể. Bộ áo gấm thật là có phép tiên mầu nhiệm!

Chàng đi lang thang khắp nẻo đường, nhưng tìm ra không thấy một ai quen biết, chỉ thấy đám hành khất rách rưới chạy theo sau. Chán nản với cảnh bụi trần mờ mịt ở ngoài phố, chàng thuê xe trở về khách sạn.

Trên vỉa hè, trước khách sạn, chàng thấy một ông già ngồi co ro, ngửa tay xin tiền. Tội nghiệp, chàng rút ra một mớ tiền, và dúi vào tay ông lão, rồi hỏi:

— Trời đã khuya rồi, sao cụ còn ngồi đây? Nhà cụ ở đâu?

Ông già nhận tiền, cám ơn rối rít. Ông chỉ vào tòa nhà tráng lệ, đèn đuốc sáng trưng, và nói:

— Thưa quý khách, đây là nhà của tôi.

— Ủa! Dinh thự của cụ sang trọng như vậy, sao cụ phải đi ăn xin?

— Cuộc đời biển dâu, cực lắm. Trước tôi có căn nhà nhỏ tọa lạc ở ngay đây. Tôi ở lầu trên, lầu dưới tôi cho mướn làm tửu điếm. Nhờ vậy tôi cũng đủ sống. Bỗng nhiên giặc đến đuổi tôi ra khỏi nhà, và bồi thường tôi một số tiền nhỏ, không đủ sống trong một tháng. Họ phá nhà của tôi đi để xây cái khách sạn quốc doanh này. Sau đó, họ bán lại cho đám người từ hải đảo Đài Loan tới lập nghiệp. Thế là người ngoại quốc đến làm chủ, và nhân dân đi ăn mày.

— Tội quá! Thế cụ ở đây lâu, cụ có biết ông Tư Thức trước cũng ở trong xóm này không?

— Tôi có nghe tiếng ông hiệp sĩ đó. Nhưng ông ấy bỏ nơi này đi lâu rồi. Ông ấy đi đâu, không ai biết. Thì cũng như tất cả mọi người khác ở đây trước kia, trừ tôi ra, ai cũng bị đuổi đi nơi khác làm ăn rồi.

Tư Thức thở dài, nhìn đồng bào đói rách trong cảnh tráng lệ muôn mầu. Chàng ở lại thêm một tháng nữa, cố tìm bạn bè thân thuộc, mà không thấy một ai. Thất vọng, chàng bay về với tiên giới.

Xuống tới vùng Thiên Thần, chàng thuê xe song mã về nhà. Khi chàng cho người xà ích biết địa chỉ, người này ngạc nhiên nhìn chàng:

— Nhà tôi cũng ở gần đó. Tiên sinh là du khách tới thăm bằng hữu chăng?

— Không, đó là nhà tôi.

— Thế tiên sinh đi xa nhà bao lâu rồi?

— Dạ, tôi đi về thăm quê hương làng xóm hơn một tháng nay.

Người xa ích lắc đầu, nói cụt ngủn:

— Thảo nào!

Tư Thức vội hỏi:

— Ông nói vậy là nghĩa lý gì?

— Rồi tiên sinh sẽ biết.

Cỗ xe chạy bon bon trên xa lộ, rồi rẽ xuống khu chàng ở. Chàng ngạc nhiên khi thấy cả khu phố hoang tàn, tối đen như một nghĩa địa. Người xà ích đi tìm địa chỉ một hồi, rồi dừng xe trước một đống gạch, và nói:

— Đây là nhà của tiên sinh.

— Ủa! Nhà tôi là một dinh thự lớn, đâu có phải là đống gạch vụn cháy đen như thế này?

— Nhà của qúy khách có phải là Bồng Lai Tửu Quán không?

— Dạ, phải.

Người xà ích lắc đầu thở đài:

— Doanh nghiệp của tiên sinh đã bị đốt cháy tan tành rồi đó.

— Tại sao ở nơi tiên cảnh lại có chuyện lạ lùng như vậy?

— Tiên sinh nhầm rồi! Đất này đâu phải là nơi tiên cảnh. Cách đây ba tuần, có cuộc nổi loạn ở đây. Dân Hắc Bì nổi lên đốt trụi hàng mấy dẫy phố. Nhiều người bị thảm nạn. Dinh thự của tiên sinh lại nằm ngay giữa vùng nổi loạn, nên bị đốt rồi. Hy vọng là thân nhân của tiên sinh không ai bị lâm nạn.

— Trời ơi! Không biết người hiền thê của tôi đi đâu rồi?

Người xà ích lắc đầu thở dài, rồi nói:

— Nhiều người từ miền Á Đông tới cư ngụ tại đây đã bị nạn trong vụ nổi loạn này, trừ kiều dân Cao-Ly. Bây giờ tiên sinh muốn tôi chở đi đâu?

— Thôi, xin ông để tôi xuống đây.

Tư Thức lấy mấy lạng bạc ra trả tiền xe. Người xà ích Hắc Bì khước từ:

— Tiên sinh khỏi phải trả tiền. Tôi xin chia buồn với tiên sinh. Tiếc rằng tôi không giúp tiên sinh được gì hơn.

Tư Thức nức nở xuống xe, đi lang thang tìm lại cảnh tiên trong sương mù đen tối. Cả đời tranh dành vật lộn để rồi đi tìm "cái có" trong "cái không."

VÔ THƯỜNG

PHAN THANH TÂM

Năm nay trời đất có nhiều dấu hiệu lạ. Vào những ngày năm cùng tháng tận, thời tiết trở ấm bất thường. Nhiều hôm đạt kỷ lục. Ấm tới 50 độ F, hơn bình thường 15 độ. Trước đó, hầu như *mùa thu đã chết (1)*. Mùa mà mọi người chờ đợi để mong "*cảm cái lạnh se sẻ của bầu trời trong xanh, để ngắm sự trở màu của cây lá ở các khu rừng, để thì thầm:* Em nghe chăng mùa thu, Lá thu kêu xào xạc, Con nai vàng ngơ ngác, Đạp trên lá vàng khô (*2) hay để hỏi:* Thu về em đã gặp Thu chưa (3)", đã không hề thấy xảy ra. Thật vậy, chỉ có một bước nhảy vọt, từ hè sang đông, từ nóng bức sang lạnh giá. Và rừng thu thì vang vọng tiếng súng của hàng trăm ngàn tay săn.

Bắn gục một con nai vàng thơ thẩn bên bờ suối, một hình ảnh thô bạo. Thế nhưng, đó là một giải pháp được khuyến khích. Lý do là hươu nai sinh sản nhiều quá. Loài dê có khác. Chúng còn đe dọa gieo rắc bệnh dịch như bệnh bò dại ở bên Anh. Năm 1900 nước Mỹ chỉ có dưới một triệu. Hiện con số này lên đến gần 29 triệu con. Chúng chạy lông ngông khắp nơi, phá làng, phá xóm, phá vườn tược, hoa màu. Mùa đông chúng còn táo tợn xông vào các nhà ở thôn quê để kiếm ăn. Thống kê cho biết, cả triệu con bị xe cán chết hàng năm, gây cho cả trăm người chết và tổn hại vật chất đến cả tỉ đô la. Riêng tại Minnesota có 15,000 con nai bị xe tông và trên 200,000 con bị bắn hạ. Toàn tiểu bang này có 800,000 con.

"Hit and run" là một điều cấm kỵ. Chẳng may húc phải một nàng nai tơ thì sao? Nếu không hề gì thì cứ việc đường ta ta cứ đi. Lỡ hit thì cứ run. Phải chăng loài thú thuộc đẳng cấp thấp kém so với loài người? Cũng xương, cũng thịt, máu cũng đỏ vậy. Hàng ngày có biết bao chim chóc, hươu nai, chồn, cáo, sóc, thỏ phơi thây ở các xa lộ? Xe cán chó có gì là quan trọng. Chưa thấy một ông cảnh sát nào làm biên bản về vụ một con vịt bị cán chết bấy. Tôi nhớ đọc đâu đó hàng năm có hơn bốn triệu con bị xe tông chết, bị cán nhầy nhụa, máu me be bét ở các con đường trên toàn nước Mỹ. Có vị nào trải qua kinh nghiệm cán phải một con vật chưa?

Chuyện hai con chim

Tôi không tông phải nai nhưng có hai lần xe tôi đụng hai con chim. Lần thứ nhất vào một hôm đầu xuân cách đây mấy năm. Hết tuyết , hết lạnh. Vào sở , nhìn qua khung cửa sổ thấy cảnh vật rạng rỡ. Cây cối bắt đầu đâm chồi nẩy lộc. Màu xanh của cây cỏ chan hòa khắp nơi. Nắng ấm long lanh. Tiết xuân phơi phới, tươi mát. Chim, sóc nhảy hót từ cành này sang cành khác, hớn hở. Thiên nhiên như mời gọi. Máu giang hồ vặt lại nổi lên. Tôi lấy xe lái đi vòng vòng, chầm chậm. Hết đường này sang đường khác, cả giờ, rồi ra ngoại ô.

Đồng trống. Đường vắng. Trời xanh mây trắng, Một buổi sáng thật dễ chịu, êm ả. Trước mặt, một đàn chim đang nô đùa ở giữa lộ. Xe trờ tới. Cả đàn bay vút lên. Một con va vào xe. Qua kính chiếu hậu tôi thấy một vật đen đen nằm ở bên đường. Xuống xe, tới gần. Một con chim sẻ mắt nhắm, thoi thóp. Ấp trong lòng bàn tay, tôi còn cảm thấy hơi ấm ấm của nó tỏa ra. Một lúc rồi xụi lơ, lạnh dần. Tôi đã làm chết một con chim. Tôi tự trách, nếu cứ ngồi ở sở làm việc, nhâm nhi cà phê thưởng xuân thì đâu có can tội sát sanh? Làm gì bây giờ? Đem nó về nhà, ra chôn ở gốc cây. Vừa làm vừa sợ hàng xóm biết; họ sẽ cười cho.

Lần thứ nhì vào mùa hè năm nay. Đưa con đi học tiếng Việt. Con cắp sách đến lớp. Cha mang sách về sau buổi học. Cứ thế, đều đặn. Một lần vừa vô tới nhà thì tôi mới sực nhớ là để quên đâu đó trong chùa mấy cuốn sách mà con tôi trao cho tôi. Vội vàng lái trở lại chùa. Trên đường một đàn chim bay vút qua. Tôi nghe một tiếng soạt. Một vật đen lù lù nằm trên lộ. Tấp xe vào lề. Một con chim, đuôi dài lông màu xanh rất đẹp, nằm bất động. Cái quên không làm chết người nhưng làm chết một con vật. Nếu không quay lại chùa thì con chim này đâu có tông vào xe. Đem về nhà. Lại nhìn trước nhìn sau không thấy ai, chôn con chim, ngay chỗ con chim nằm trước. Thế là

hai con có đôi có bạn, không lẻ loi một mình.

Sự sống và sự chết

Thường thường có sự sống nằm trong sự chết. Theo đài Á Châu Tự Do, trong một bài đặc ký, tại Tây Tạng, xác người chết được cắt thành miếng nhỏ, ném cho chim ưng ăn. Đám tang theo truyền thống Tây Tạng diễn ra như vậy. Dân Tây Tạng tin tưởng là làm thế, người chết sẽ bớt nghiệp chướng để kiếp sau được nhiều phúc hơn. Người tổ chức tang lễ nói rằng hàng ngày, cứ đến giờ ăn là các chim thiêng bay tới. Xương của người qua đời được đem đập vụn trong khi những miếng thịt từ cái xác cắt ra, trộn với bột, trứng, và rau thơm để chim thiêng thêm ngon miệng.

Anh Tenor Taring làm việc trong ban tiếng Tây Tạng của Đài Á Châu Tự Do giải thích rằng, phong tục này liên quan đến đạo Phật truyền thống của người Tây Tạng, dạy là hãy luôn làm điều ích lợi. Thân xác ta chỉ là thịt xương, không có ích gì sau khi chết đi. Cho chim ưng ăn thì có ích hơn. Anh Taring cho biết là dân Tây Tạng, có tới 90% theo tục lệ đó. Họ hàng người chết đi theo đám tang ra ngoài núi, chứ gia đình không đi. Anh nói tiếp là anh từng thấy cảnh đem xác người cho chim ưng ăn. Xác để trên tảng đá, phu nhà đòn tới cắt thành những miếng nhỏ, đem xương ra đập vụn cho chim ưng dễ ăn hơn.

Về cái chết của hai con chim tôi chẳng thấy có sự sống nằm trong sự chết. Cũng chẳng phải lỗi tại tôi mọi đàng. Nó có vẻ phi lý và tình cờ. Người Mỹ thường hay nói *wrong place, wrong time* hay *right place, right time* cho những sự việc không thể giải thích được. Vì ham ngắm trời đất quên trước quên sau, nếu tôi đi lối khác, chậm hay nhanh hơn, đâu có ra cơ sự? Ngược lại, tôi có một cháu gái, Hoàng Phan Nam Phương, làm việc cho hãng Fred Alger & Co Inc., ở World Trade Center, New York. Ngày 11 tháng 9 năm ngoái, quên thẻ an ninh vô cửa cô phải nán lại lầu một làm thủ tục thì khủng bố 9/11 xảy ra. Nhờ ở tầng trệt, cô kịp thoát ra ngoài. Toàn thể đồng nghiệp trên tầng lầu 93 chết hết; trong đó có người bạn Phạm Tú Anh, 42 tuổi, mới đi làm lại một ngày sau sáu tuần nghỉ hộ sản cho đứa con đầu lòng.

Hiện tại tuyệt vời

Hòa thượng Thích Trí Siêu trong tập Vô Ngã cho rằng đa số Phật tử đến với đạo Phật đều biết và công nhận đời là vô thường. Biết là vô thường, nhưng thấy được vô thường là một chuyện khác. Theo Hòa Thượng có một loại "sát na vô thường," tức sự biến chuyển sinh diệt trong từng giây phút. Chúng ta ngoài miệng nói vô thường nhưng trong thâm tâm thì lại cho sự vật rất là thường (tức luôn luôn là như vậy, không thay đổi, không biến chuyển, sinh diệt). Hòa thượng nói, thực tướng của sự vật là vô thường. Nếu thấy rõ vô thường thì ta sẽ sống tự tại và luôn luôn hỷ xả.

Khó quá. Làm sao ngộ được điều này? Thế gian lại lắm chuyện. Sinh sự và sự sinh. May rủi, rủi may, đủ thứ. Lại thêm, tham, sân, si, và nhiều thói hư, tật xấu thường tình khác. Dù rằng đã trải qua bao cuộc bể dâu, tị nạn tôi vẫn thấy cái bóng của bất trắc, đổ nát, chiến tranh là một đe dọa lớn, bao trùm, ảnh hưởng mọi sinh hoạt. Vậy, hãy nắm giữ lấy cái *Hiện Tại Tuyệt Vời; An lạc từng bước chân* (4): sống thực, yêu đời, yêu người vì *Cuộc Đời Đó Có Bao Lâu Mà Hững Hờ?* (5).

Cuối năm đem chuyện may rủi, chim chóc ra tán hưu tán nai thì thiệt là "vô thường." Phải không quí vị?

Saint Paul, 12/02.

** 1:Phạm Duy; 2: Lưu Trọng Lưu; 3:Đinh Hùng; 4: Thích Nhất Hạnh; 5: Trịnh Công Sơn.*

PHẠM VŨ

Nhạc Sĩ Sáng Tác & Hòa Âm

Tel: (714) 839-5227

CD và CASSETTE đã phát hành:

1. **Tình Yêu Đã Chết**
2. **Mộng Du**
3. **Tin Nhạn**
4. **Sầu Mộng I**
5. **Sầu Mộng II**

Nhận hòa âm cho ca và dàn nhạc

Nhạc và lời hòa âm: **PHẠM VŨ**

Với các giọng ca: **Kim Tước, Mai Hương, Duy Trác, Quỳnh Giao, Jo Marcel và Hà Thanh**

Mọi liên lạc để mua CD và cassettes trên xin đến các Trung Tâm Băng Nhạc hoặc xin liên lạc trực tiếp

Nhạc sĩ Phạm Vũ (714) 839-5227

CON DÊ CỦA ÔNG SEGUIN

Truyện: ALPHONSE DAUDET
HÀ KỲ LAM dịch

Ông Seguin không có diễm phúc với mấy con dê của mình.

Ông mất tất cả chúng cùng một trường hợp như nhau: một buổi mai đẹp trời, chúng làm đứt dây, bỏ đi vào núi, và làm mồi cho chó sói. Những vuốt ve của chủ, nỗi đe dọa của loài sói, tất cả chẳng có mãnh lực níu kéo chúng lại. Dường như đó là những con dê bản tính độc lập, thích tự do, phóng khoáng với bất cứ giá nào.

Ông Seguin không hiểu gì về bản tính những con dê của mình, rất đỗi ngạc nhiên. Ông than:

- Thế là hết. Con dê nào cũng buồn chán không muốn ở với tôi. Tôi sẽ không nuôi con nào nữa.

Tuy nói vậy, ông không nản chí, và sau khi đã mất sáu con dê cùng một cách thức như vậy, ông mua con dê thứ bảy; nhưng có điều là lần này ông cẩn thận lựa một con dê còn bé ngõ hầu nó quen với cuộc sống nhà ông hơn.

Ồ, anh Gringoire, con dê của ông Seguin mới đẹp làm sao! Đôi mắt nó dịu dàng, chòm râu cằm đẹp đẽ như của các thầy cai, thầy đội, bốn chân với móng đen bóng loáng, đôi sừng có vằn, và bộ lông dài trắng toát làm thành một cái áo khoác. Con dê đó đẹp không kém gì con dê con của kiều nữ Esméralda, bạn còn nhớ chứ, Gringoire? Và lại nữa, nó ngoan ngoãn, triu mến, mỗi khi người ta vắt sữa nó đứng yên, không cựa quậy, không thọc chân vào máng sữa. Một con dê thật dễ thương...

Ông Seguin có một khoảng đất sau nhà, chung quanh trồng loại cây táo gai. Chính ở đó ông ta nuôi con dê mới. Ông buộc con dê vào một cây cọc, cắm ở chỗ đẹp nhất trong đồng cỏ, ưu ái cho nó một sợi dây thật dài, và thỉnh thoảng ra thăm chừng nó. Con dê cảm thấy hạnh phúc, và gặm cỏ thỏa thích khiến ông Seguin ngây ngất vì vui sướng.

Người chủ tội nghiệp đó mừng thầm:

- Cuối cùng mới có một con dê thích ở với tôi!

Ông Seguin đã lầm, con dê của ông lại buồn bã rồi.

Một hôm con dê nhìn lên rặng núi, thầm nhủ:

- Được ở trên đó chắc sung sướng biết bao! Còn gì thú bằng nhảy nhót giữa cỏ cây không có sợi dây khốn nạn này siết trầy cổ! Cuộc sống chỉ gặm cỏ trong một khoảnh nhỏ có rào dậu bao vây như thế này chỉ dành cho loài lừa hay bò. Họ nhà dê phải sống trong cõi bao la.

Kể từ giây phút đó, cỏ trong khuôn viên sau nhà trở nên nhạt nhẽo. Nỗi phiền muộn chợt đến. Con dê gầy đi, bầu sữa cạn dần. Ai thấy cũng tội nghiệp cho cái cảnh con dê kéo lê sợi dây trên cổ suốt ngày, đầu cứ quay nhìn về rặng núi, hai lổ mũi nở lớn vừa kêu "Mê" một cách rầu rĩ.

Ông Seguin nhận thấy con dê có vẻ gì khác lạ, nhưng ông không rõ đó là điều gì... Một buổi sáng, khi ông vắt sữa xong, con dê quay nhìn ông và nói:

- Ông Seguin ạ, ở đây con buồn rầu mõi mòn, ông hãy để cho con đi vào núi sống.

Ông Seguin sửng sốt, đánh rơi cái máng sữa, kêu lên:

- Ối Trời ơi! Lại đến phiên con này nữa!

Đoạn ông cố lấy giọng ôn tồn, đến bên nó:

- Sao, Blanquette, con muốn bỏ ta à?

Và Blanquette đáp:

- Vâng, thưa ông Seguin.

- Phải chăng vì ở đây thiếu cỏ?

- Ồ, không đâu, ông Seguin ạ.

- Hay có lẽ sợi dây ngắn quá, con muốn ta nới rộng dây không?

- Xin đừng nhọc công, ông Seguin ạ.

- Vậy thì ta phải làm sao, con cần chi?

- Con muốn đi vào núi, ông Seguin ạ.

- Nhưng, thật khổ cho con, con há chẳng biết trong núi có chó sói sao. Con sẽ làm sao khi sói đến?

- Thưa ông, con sẽ đánh cho nó mấy phát sừng.

- Cặp sừng của con chỉ làm trò cười cho con sói. Nó đã xơi tái của ta mấy con dê với những

bộ sừng còn khỏe hơn của con nhiều. Chắc con biết con Renaude ở đây năm ngoái, một con dê mệnh phụ khỏe và dữ tợn như một con dê đực. Nó đã quần thảo với con chó sói suốt đêm... đến sáng con sói đã mần thịt nó.

- Tội nghiệp chị Renaude! Nhưng không sao đâu, ông Seguin, xin hãy để cho con đi vào núi.

- Chúa ơi! Chả lẽ phần số của các con dê của tôi là như vậy sao chứ? Con này rồi cũng sắp bị sói ăn... Không, ta sẽ cứu con, cho dù con không muốn. Và để đề phòng con làm đứt dây, ta sẽ luôn luôn nhốt con trong chuồng.

Nói xong, ông Seguin mang con dê vào trong chuồng tối đen, đóng hai lớp cửa lại. Nhưng rủi thay, ông ta quên đóng cửa sổ, và vừa quay lưng đi thì chị dê phóng qua cửa sổ, ra đi...

Bạn cười à, Gringoire? Tôi nghĩ thế nào bạn cũng đứng về phe con dê chống lại ông Seguin. Để xem lát nữa đây bạn còn cười được không.

Khi nàng dê trắng bước chân vào núi rừng thì mọi vật đều say đắm chiêm ngưỡng. Những cây tùng già cỗi suốt đời chưa bao giờ thấy một sinh vật đẹp như thế. Tất cả chào đón nàng như một nữ hoàng. Những cây lật thì nghiêng cành sát đất vuốt ve nàng. Những đóa hoa bướm vàng nở rộ và tỏa hương ngát dọc lối nàng dê đi. Núi rừng mở hội tưng bừng.

Gringoire, bạn nghĩ con dê của chúng ta có sung sướng không! Không còn dây, không còn cọc, không còn gì cấm đoán nó nhảy nhót tung tăng, ăn cỏ thỏa thích. Chính ở đó mới có cỏ nhiều, cỏ cao đến tận sừng dê, bạn ạ! Và cỏ thật tuyệt! Cỏ mịn màng, thơm ngon, tổng hợp từ hằng nghìn loại. Hương vị thật khác xa cỏ trong khuôn viên sau nhà. Còn hoa nữa!

NGUYỆT THƯ

Tìm Mùa Xuân Cũ

thương nhớ Già-Lam

Khi xưa
hẹn trước sân chùa
cội bồ đề vẫn bốn mùa trổ xanh,
vin cành lộc biếc đầu năm
tay ai khẽ chạm. Giật mình.
Tiếng chuông.

Vườn chùa
trãi vạt nắng xuân
có bầy chim sẻ véo von hát mừng,
có cành lan tím, và em
mắt anh làm bướm đậu lên
cành nào?

Trầm hương
thơm tỏa ngọt ngào
gót chân luống cuống tìm nhau quỳ gần,
lẫn trong tiếng kệ lời kinh
nghe nhịp tim đập rất nhanh.
Rộn ràng.

Lòng thành
cầu đức Thế Tôn
xin cho một đoạn đường trần đi chung,
đừng như lời quẻ xâm buồn
tình yêu hư huyễn chợt gần
chợt xa

Xuân qua.
Hun hút mấy mùa
cội bồ đề vẫn đong đưa lá mềm,
bầy chim sẻ vẫn an nhiên
cành lan tím vẫn đầu thềm
trổ hoa.

Mỗi năm
hái lộc lệ nhoà
nhìn quanh mong gặp lại mùa xuân xưa,
bàn tay bỗng thấy dư thừa
thiếu người chạm khẽ. Sân chùa
quạnh hiu.

Những cánh hoa chuông lớn màu xanh lơ, những lóng hoa ngón tay màu đỏ thẫm, cả một rừng hoa đại tràn đầy chất nhựa làm ngà ngà say.

Con dê trắng no say nằm lăn ra, đưa bốn vó lên trời, lăn theo triền dốc, lá khô và cành cây thấp nằm rạp dưới lưng. Rồi thình lình nó đứng phắt dậy. Thoắt một cái, nó đã chạy băng qua một khu bụi rậm, khi thì ở một đỉnh đồi, khi thì ở cuối một đường khe, khi lên cao, lúc xuống thấp, khắp nơi. Người ta tưởng như cả chục con dê của ông Seguin đang ở trong núi.

Chính vì con Blanchette bây giờ không còn sợ sệt điều gì cả.

Nó nhảy qua các giòng suối, nước tung tóe lên mình. Mình mẩy ướt đẫm, nó lên nằm dài trên một phiến đá phẳng phơi nắng cho khô lông. Có một lúc, nó tiến đến bên một bờ vực, thoáng nhìn xuống dưới kia, xa xa, nó nhận ra mái nhà ông Seguin với khoảng đất có hàng cây vây kín đằng sau. Nó bỗng cười đến chảy nước mắt. Nó nói một mình, "Bé nhỏ làm sao! Vậy mà làm sao tôi đã ở trong ấy được nhỉ?"

Tội nghiệp cho con dê. Thấy mình đang ở trên cao, nó những tưởng mình cũng to lớn như thế giới này.

Tóm lại, hôm đó là một ngày tuyệt vời đối với con dê của ông Seguin. Vào khoảng giữa ngày, trong khi lang thang đây đó, nó đụng đầu với một bầy mẽn đang ăn mấy cây nho dại. Chị dê áo trắng của chúng ta cảm thấy thích lắm. Các con mẽn nhường cho chị dê cây nho ngon nhất, và mấy chàng trai thì rất lịch sự với đàn bà.

Gió bỗng dịu mát. Những ngọn núi bỗng đổi sang màu tím. Chiều xuống...

"Hết ngày rồi!", con dê thốt lên; và nó dừng lại, ngỡ ngàng.

Dưới kia, các cánh đồng chìm trong sương khói. Khoảnh vườn cỏ sau nhà ông Seguin mất hút trong sương mù, và người ta chỉ còn thấy nóc nhà với làn khói mỏng cuộn lên. Nó lắng nghe những tiếng lục lạc đeo cổ của một đàn súc vật người ta đang lùa về, và cảm thấy lòng buồn rười rượi... Một con chim ưng bay về tổ, dang đôi cánh lớn sà thấp lướt qua. Con dê chợt rùng mình, rồi một tiếng hú cất lên trong núi, "hou! hou!"

Nó nghĩ đến chó sói; suốt ngày con vật dại dột không hề nghĩ đến điều đó. Cùng lúc, một hồi tù và vang lên thật xa dưới thung lũng. Đó là ông Seguin đang cố gắng lần cuối.

"Hou! hou!" ... Con chó sói gào lên.

- Trở về thôi! Trở về thôi! ... Chiếc tù và gọi khẩn thiết.

Blanquette muốn trở về. Nhưng nhớ lại cái cọc, sợi dây, hàng dậu bao quanh vườn cỏ, nó thấy không thể trở lại cuộc sống đó nữa, và nó muốn ở lại đây.

Chiếc tù và không còn lên tiếng nữa...

Con dê nghe đằng sau lưng có tiếng lá lay động. Nó quay lại và trong bóng tối nó thấy hai cái tai ngắn, dựng đứng, và hai con mắt ngời sáng... Đó là con chó sói.

Kếch xù, bất động, con sói ngồi đó nhìn con dê trắng thèm thuồng. Biết chắc trước sau gì nó cũng sẽ được ăn con dê, nên con sói không vội vàng; chỉ có điều là lúc con dê vừa ngoái nhìn phía sau nó phá lên cười một cách dữ tợn, "ha ha, con dê của ông Seguin," và đưa cái lưỡi to tướng, đỏ lòm liếm quanh mép.

Blanquette thấy tuyệt vọng. Trong một thoáng, nhớ lại câu chuyện con Renaude chiến đấu suốt đêm để đến sáng hôm sau bị ăn thịt, nó tự nhủ thôi thà nộp mạng phức cho rồi; thế rồi nó đổi ý, hạ thấp đầu xuống, giương cặp sừng tới trước, tư thế dũng cảm như con dê của ông Seguin mọi ngày. Chẳng phải nó nuôi hy vọng hạ con sói - có con dê nào hạ nổi chó sói đâu - nhưng nó muốn thử sức xem có cầm cự lâu bằng con Renaude không.

Con ác quỷ tiến tới, và cặp sừng tí hon của con dê múa lên. Ôi, con dê can trường thật! Nó dấn thân đến nơi đây do tự nguyện mà! Anh Gringoire ạ, tôi không nói ngoa đâu, có hơn mười lần con dê tấn công làm chó sói phải lùi lại thở dốc. Giữa các hồi hưu chiến cỡ một phút, con dê ăn vội vã vài nắm cỏ, lá cây, rồi trở lại vòng chiến. Cứ thế cuộc quần thảo kéo dài suốt đêm. Thỉnh thoảng con dê của ông Seguin liếc nhìn sao trên trời thầm nhủ, "Ồ, miễn là ta cầm cự đến rạng đông."

Tinh tú trên trời dần dần tắt. Hai đối thủ xuất đòn tới tấp, Blanquette với những cú đánh sừng, và chó sói với những miếng ngoạm. Chân trời hửng sáng. Có tiếng gà gáy khàn khàn cất lên từ một điền trang.

"Thế là xong", con vật đáng thương thốt lên, chỉ đợi đầu ngày để chết. Và nó nằm sóng sượt trên mặt đất, trong chiếc áo lông trắng đẹp đẻ loang lỗ máu...

Lúc bấy giờ con chó sói mới chồm lên mình con dê và bắt đầu ăn thịt nó./.

NHỮNG ĐÓA MẪU ĐƠN

ĐẶNG PHÚ PHONG

Nắng xế mùa thu khiến bóng của hàng dâm bụt cao quá đầu người làm tối đi gương mặt nhăn nheo của ông Nghè Trì đang rảo bước vào cổng. Ông xô nhẹ cánh cửa cũ kĩ, xiêu vẹo đóng không kín của nhà ngõ. Tiếng kêu của cánh cửa làm con Mực đang thiêm thiếp ở hàng ba, vụt dậy, phóng chạy ra, cất tiếng sủa nhưng nhận ra người quen, nó gừ gừ mấy tiếng rồi quẫy đuôi dẫn khách vào nhà. Bà Huân cũng vừa gánh đôi thúng gạo bước ra khỏi cửa dưới, vội vã để gánh xuống vái trả cái vái chào của Ông Nghè và mau mắn nói:

-Chào chú Nghè, ông nhà đang đợi chú, mời chú vào. Tôi phải đi giao gạo cho họ bây giờ kẻo không kịp về tối chú ạ.

-Dạ, em xin phép chị.

Nghè Trì bước qua hàng ba chợt dừng lại để lắng nghe tiếng ngâm thơ của ông Huân đang khe khẽ vang lên:

Đội gạo những buồn cơn nắng xế
Mài gươm thêm thẹn bóng trăng tà.

Chờ cho giọng buồn buồn ấy rơi hút vào cái tĩnh mịch của căn nhà lá mái đã mục nát Nghè Trì mới xô nhẹ cửa bước vào. Ông Huân đang ngồi xếp gối, rung đùi nhè nhẹ trên bộ ván gõ đen láng bóng. Trước mặt ông là chiếc khay trà. Ông ngửa chén, vừa rót trà vừa bảo:

- Chú ngồi xuống uống trà. Bà ấy bán buôn khổ cực cũng không nuôi nổi nhà. Anh em mình đem thân phò nước cũng chẳng ra làm sao cả. Thẹn quá đi chú!

Ông Nghè tháo đôi giày hạ, ngồi đối diện anh, im lặng nâng chung trà thấm giọng. Ông nhìn kỹ ông anh mình. Chỉ lớn hơn ông một tuổi và với tướng mạo khôi ngô, trán cao miệng rộng, nên từ nhỏ đến lớn, ngay trong thời gian tám chín năm trốn tránh trong rừng sau khi khởi nghĩa thất bại, ông Huân lúc nào cũng trông trẻ hơn ông. Nhưng từ hồi chú em NguyễnThúc Mân mất rồi kế đến thân phụ của hai ông qua đời, ông Huân bỗng già mau lên một cách dễ sợ.

Cụ Tú Nguyễn Khuê có bốn người con theo thứ tự là Nguyễn Bá Huân, Nguyễn Trọng Trì, Nguyễn Thúc Mân và Nguyễn Quý Luân. Cả năm người đều tài cao học rộng, giới sĩ phu hâm mộ thường sánh họ với họ Tô thời Tống. Nghè Trì rất kính phục ông anh, cả thơ văn lẫn cách sống. Năm mười lăm tuổi Bá Huân làu thông Ngũ Kinh Tứ Truyện, thành thạo các thể thi, phú, văn sách, kinh nghĩa... Vốn không màng danh lợi, nhưng vì nể gia đình, ông đã vác lều chõng đi thi ba kỳ và đều hỏng cả ba khoa, chán, định bỏ hẳn. Nhưng lại bị mọi người ép ông phải đi thi lần nữa. Nhưng ông không mang lều chiếu, chỉ xách theo một bầu rượu, đi thẳng vào Thập đạo, lãnh giấy bút, làm bài một hơi thì xong, rồi rót rượu vừa uống vừa đọc lại. Càng đọc càng cao hứng , vỗ đùi đôm đốp, bảo rằng "*Văn hay như thế này mà để quan trường khuyên thì uổng quá.*" Nói xong liền hạ bút khuyên. Đọc một câu, thưởng một chén, khuyên một khuyên. Quyển bị khuyên đầy thì người cũng say mèm và... hỏng thi. Nghè Trì thường bảo với mọi người "Cái cuồng ngông của anh ta không dễ ai có thể cuồng được. Cái cuồng ấy sánh với Sở cuồng Tiếp Dư." Tự thấy cách sống của mình thua hẳn Bá Huân về sự thẳng thắn, khẳng khái nên Trọng Trì luôn luôn kính cẩn trước lời anh "*Không nói thì thôi, đã nói thì nói cho có biển có nguồn.*" Vợ Trọng Trì không có con, gia đình khuyến dụ cưới vợ bé . Bà không chịu,Trì cũng muốn nghe theo, gia đình cố ép, bà đứng ra cưới cho ông một người con gái xinh đẹp và có học. Thế là Trọng Trì đâm ra mê mệt với bà hai. Bà cả nổi ghen bắt phải bỏ, Trọng Trì bấm bụng nghe theo. Nhưng việc này chưa làm Nghè Trì áy náy xấu hổ với Bá Huân bằng việc lặng thinh trước cái chết của Quản Trấn Trần Tân.

Năm Ất Dậu, quân Pháp chiếm kinh thành Huế, vua Hàm Nghi bỏ chạy ra Quảng Trị, xuống hịch Cần Vương. Hường Lô Đào Doãn Địch phụng chiếu về Bình Định khởi nghĩa. Bá Huân, Trọng Trì và Quý Luân tham gia ngay. Chỉ ít lâu sau Đào Doãn Địch bị bệnh nặng, giao binh quyền lại cho Mai Xuân Thưởng rồi mất. Mai xuân Thưởng cử Nguyễn Trọng Trì chức Hiệp Trấn cùng trấn thủ thứ Hương Sơn với hai người là Tham Trấn Vũ Phong Mậu và Quản Trấn Trần Tân. Thứ Hương Sơn là một nút chặn đường tiến quân của Pháp ở hướng Bắc của căn cứ, tương đối yên ổn hơn mặt Nam. Việc canh phòng lại thuộc phần Quản Trấn Trần Tân,Trọng Trì và Phong Mậu rảnh rỗi nhiều nên cứ rủ nhau uống rượu đánh cờ. Năm Bính Tuất quân Pháp kéo quân tấn công căn cứ theo mạn nam, giết chết

tướng phòng thủ nơi đó. Quản Trấn Tân đang đi tuần hay tin vội vã về dinh . Đến nơi thấy Trọng Trì và Phong Mậu đang uống rượu đánh cờ. Giận quá ông lớn tiếng và xách cờ , rượu của hai ông ném quách. Tham Mậu hô quân vây bắt, Quản Tân đánh với bọn lính đông đảo không lại. Tham trấn Mậu buộc tội Quản Trấn Tân là phản loạn truyền đem chôn sống. Hiệp trấn Nguyễn trọng Trì im lặng để cho Tham Mậu tùy ý hành động không nói một lời. Đến Khi Mai Xuân Thưởng hay tin, cho người phi ngựa tới đào lên, Quản Trấn Tân đã ra người thiên cổ. Khi Bá Huân biết chuyện nầy giận lắm không thèm nhìn mặt Trọng Trì liền mấy tháng.

Hai anh em bước ra khỏi cổng với y phục tuy đã sờn cũ nhưng thật chỉnh tề. Người nào cũng giày hạ, quần trắng, áo the đen, đội khăn xếp, vác dù và quấn quanh cổ chiếc khăn lông dài. Bá Huân nhìn mặt trời rồi nói:

- Trời hôm nay tốt quá, ta cứ thong dong vẫn đến kịp giờ hẹn với Đào công chú ạ.

- Anh ạ, cho đến giờ phút nầy em vẫn còn hồ nghi trong dạ. Liệu Đào công có thực bụng hoan hỉ mà viết thiếp mời anh em mình đến xem hoa mẫu đơn nở hay là... Đào công muốn chơi khăm một vố gì đây để trả thù những lời mắng của em lúc hay tin ông ta từ chối tham gia vào phong trào Văn Thân. Nếu không thì giữa anh em mình và ông ta chưa một lần gặp gỡ sao lại mời mọc như bậc thượng khách trong khi từ vai vế đến tuổi tác anh em mình chỉ là kẻ nhỏ mọn và hậu sanh ?

- Chú nghĩ vậy coi bộ không phải. Ta với chú đã từng bình những bài thơ của Mai tăng và vô cùng khâm phục tài hoa của ông phổ lên từng câu từng chữ. Bài thơ nào cũng toát lên cái đẹp của một đóa hoa thanh khiết, cái dũng của một đấng anh hùng. Một người đã làm cặp đối chữ như thế nầy thì không thể có cái tiểu tâm được.

Ông Huân nói đến đây bỗng dừng chân, quay người nhìn Nghè Trì rồi cất giọng ngâm nga:

Tùy xứ khôi hài, Mạ Thiên Tiên bản sắc
Phùng trường tác hý, Hoan Hỷ Phật tiền thân.

Ngâm xong ông tiếp tục bước, hắn giọng rồi nói tiếp:

- Hơn nữa, cái tuồng Hộ Sanh Đàn đã làm ta và chú khóc, cười, ái, nộ theo từng hồi. Nó là một bổn tuồng kiệt tác từ văn chương đến tư tưởng.

Nghè Trì sửa cái khăn lông cho khỏi chật cổ rồi tiếp lời:

- Anh nhắc đến Hộ Sanh Đàn làm em nhớ hôm nọ em giảng giải với mấy đứa học trò. Hộ Sanh Đàn không phải là "đàn đỡ đẻ." Chính là cái đàn vô hình mà Hộ Sanh Sứ Giả bước lên để nhận lệnh đi giúp đỡ Lan Anh đang chuyển bụng. Vì sao phải nhọc sức thần linh như vậy? Chính vì đứa bé trong bụng kia là quí tử do cha trung dũng, mẹ tiết nghĩa sanh ra. Đào công xây dựng nhân vật Tiết Cương và Lan Anh có đủ đức trung nghĩa tiết dũng để gián tiếp bảo rằng: "Đứa bé sanh ra sẽ là một anh tài của đất nước , một hy vọng của tương lai." Dụng ý của Đào công rất sâu: Không phải Tiết Cương cứu nguy được nhà Đường, mà chính Tiết Quì. Cha mẹ gieo nhân, đời con hái quả. Ông muốn nói với chúng ta: "Thế hệ này chưa lấy lại được nước non Hồng Lạc, hy vọng ở đám hậu sinh." Do vậy Đào công nhấn mạnh ở việc sanh đẻ và lấy ba chữ Hộ Sanh Đàn đặt tên cho tuồng. Tuồng này nếu hát ở vùng Nghệ thì Tiết Nghĩa là hình ảnh của Cao Ngọc Lễ, tên phản sư phản quốc. Nếu đem hát ở vùng Quảng Nam, Bình Định thì Tiết Nghĩa sẽ là hiện thân của tên Nguyễn Thân khốn kiếp.

Nghè Trì bật cười khi chợt nhớ hôm đi coi tuồng Hộ Sanh Đàn, ông đã đánh cái trống chầu suýt bể khi và cười ha hả khi nghe câu hát:

"Bảo cho, nễ khả, thằng thân hạ mã, thúc thủ lại hàng"

và:

" Như ngươi chừ: Hết cậy thế xông đồ phá trận. Biểu cho: Phải cam lòng hạ mã thằng thân cho rồi."

Hay quá, đã quá.Thằng thân hạ mã , chữ nho là trói mình xuống ngựa và nói nôm là thằng Thân xuống ngựa đầu hàng đi. Bá Huân không hiểu cái cười của em nên đưa mắt hỏi. Nghè Trì chợt thấy mình còn vẻ trẻ con trước mặt anh nên vội nín cười và nói thác đi:

- Mình rảo bước một chút đi anh kẻo trễ.

Đến Hương Thảo Thất trời đã chạng vạng tối, hai anh em sửa soạn y phục cho tề chỉnh rồi mới gọi cổng. Cửa nhà ngõ sịch mở, người nô bộc khom mình bái chào. Chưa kịp đáp lễ, hai anh em đã thoán thấy Đào Tấn xuất hiện. Dáng khoan thai, chững chạc, vừa vuốt chòm râu trắng xóa vừa cười khà khà nói:

- Nhị vị huynh đệ thật đúng hẹn, xin rước nhị vị vào tệ thất.

Đào Tấn lách người một bên, đưa tay ra dấu mời.

- Ấy chết, Đào công xin đừng làm thế, huynh đệ chúng tôi chỉ xin được nối gót ngài.

Bá Huân vội vã lên tiếng rồi bước ra sau Đào công chờ đợi. Ông không ngờ đích thân Đào công ra tận cổng đón hai anh em ông. Dù đã về hưu nhưng Đào Tấn đã là quan Thượng Thư và hai anh em ông, dưới mắt triều đình chỉ là những kẻ phản loạn.

- Cùng là kẻ sĩ với nhau chấp gì chút lễ nghi

chật chội. Xin mời huynh đệ đánh một vòng nhìn nước ao sen mùa thu, xem mấy gốc mai cằn, rồi ta sẽ vào nhà hàn huyên cho phỉ tình mong đợi.

Nói xong Đào Tấn chững chàng từng bước hướng dẫn anh em họ Nguyễn. Hai bên tả hữu của cổng chính đều là ao sen. Tuy đã vào thu nhưng hoa sen vẫn chưa nở hết, thấp thoáng trong đám lá sen già những bông sen vụt cao lên, trắng xóa trong cái tối nhờ nhờ, để sáng ngày mai khai hoa nở nhụy. Mùi hương sen thật nhẹ, thật thoang thoảng, nhưng mọi người đều ngửi được, nên lồng ngực cứ muốn căng ra hít cái mùi hương huyền dịu quý giá ấy.

Trong ao, người nô bộc đang nhẹ nhàng, cẩn trọng vạch từng lá sen để chèo một chiếc thúng, chốc chốc lại dừng bên những búp sen vừa chớm hé. Ông ta dùng một ngón tay khe khẽ thò vào chỗ hé của búp sen từ từ xoay vòng tròn cho miệng sen há to đủ cho ông bỏ nhúm trà mộc vào rồi cũng thật khẽ khàng lấy sợi dây bằng bẹ chuối khô thắt gút lại. Tinh mơ sáng hôm sau ông ta lại cũng thật nhẹ nhàng , cẩn trọng chèo thúng đến từng cái hoa, cũng rất khẽ khàng mở dây buộc, lấy từng nhúm trà ấy cho Đào công pha với nước sương đọng trên lá sen, tinh hoa của trời đất đêm qua. Tất cả việc buổi tối bỏ trà, buổi sáng lấy trà trong hoa sen, ông đều làm hết sức cẩn thận, vì Đào công luôn luôn nhắc nhở *"Hưởng được hương vị hoa sen là hưởng được ân sủng của trời đất, nên không thể làm hư cái sự nở của hoa. Ông phải luôn luôn dè chừng không làm hư thứ tự sắp xếp của cánh hoa, để ngày mai hoa sẽ còn góp mặt với đời."*

Đào Tấn nhìn Nghè Trì, giọng vui vui:

-Tiếc là trời hôm nay thiếu gió, nếu không mình sẽ cùng thấy mặt Nhan Uyên.

Trong lòng Nghè Trì nhoi lên một niềm vui. Thì ra Đào công chú ý tìm hiểu về ông khá nhiều.Lúc ra Huế chờ nhận chức, ông có dịp quen với Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp. Một hôm Đạm đọc cho ông nghe vế đối của vua Tự Đức mà quần thần chưa ai đối được:

"*Thủy trích bích tườngsanh Khổng Tử*"

(nước nhỏ xuống chân tường sinh ra những giọt nước cử động. Khổng Tử vừa là tên ông Khổng tử vừa có nghĩa là giọt nước không đứng yên một chỗ). Đang tìm câu đối , bỗng nhìn thấy gió thổi lá sen để lộ mặt hồ nước trước nhà trọ, ông liền đối:

"*Phong xuy hà diệp kiến Nhan Uyên*"

(Gió thổi lá sen nhìn thấy mặt hồ. Nhan Uyên vừa là tên ông Nhan Uyên, học trò của Khổng Tử vừa có nghĩa là mặt hồ.)

Cả ba bắt đầu dạo quanh vườn mai. Mai trồng thành từng ô vuông khấng khít với nhau bằng những cành khẳng khiu như củi mục nhưng tiềm chứa sức mạnh chống chọi với thời gian bằng vô số chiếc lá xanh lục khiến anh em họ Nguyễn như lạc vào chốn rêu xanh cổ tích. Trọng Trì kêu lên, giọng sôi nổi:

- Anh ạ, cái cành kia đẹp quá, cái thế của nó tựa như một con rồng đang vùng vẫy, em nghĩ xuân về, những bông hoa mai nở viền quanh sẽ điểm cho nó cái thần khí để bay vút lên mây.

- Ông Nghè giàu tưởng tượng hỉ. Thôi đã tối trời, chúng ta vào nhà dùng chén rượu tẩy trần.

Cửa chính mở rộng, chiếc đèn tọa đăng tỏa sáng khắp nhà, soi rõ bức hoành phi treo trên gian giữa với ba chữ Hương Thảo Thất bay lượn nhẹ nhàng như hương thơm của cỏ dịu dàng lẹn giữa không gian. Bên trái của bức hoành là hàng chữ đứng: Thành Thái Ất Vị Xuân, góc mặt là hai chữ Mai Tăng nhỏ bé, khiêm nhường.

Chủ khách vừa ngồi xuống ghế, lập tức người nô bộc bưng khay rượu ra, trên là một bình Mai Quế Lộ. Tự tay Đào Tấn rót rượu ra chén ân cần mời khách:

- Vân Sơn nổi tiếng một nhà năm người sánh với gia đình họ Tô thời Tống. Hôm nay được gặp gỡ hàn huyên cùng nhị huynh đệ lão rất vui mừng. Chúng ta cạn vài chung rượu rồi dùng cơm đạm bạc, sau đó sẽ đến tiết mục chính của bữa tao ngộ hôm nay.

Bá Huân một tay nâng chén rượu, tay kia nắm tay áo the đen tỏ vẻ cung kính nói:

- Dạ, Đào công quá khen chứ bốn anh em chúng tôi mắt không nhìn tới nổi ngọn Linh Phong, tài chưa bén cổng làng Vinh Thạnh. Vừa mới mãn tang gia phụ năm ngoái, mà lòng vẫn không hết thẹn với cha già là chưa làm tròn những điều tâm sự. Còn nỗi niềm việc nước cứ canh cánh bên lòng khiến huynh đệ chúng tôi sống như đi trên dầu sôi lửa bỏng. Riêng Huân này, sở học ít oi, thô thiển nên không tiếc việc thi hỏng. Lòng chỉ muốn hòa nhập vào mây trời lãng đãng mà nhàn du với cỏ nội hạc ngàn. Tiếc thay nước nhà gặp cơn bỉ, đành đem thân mà trải, những mong trả nghĩa lộc trời, nhưng rồi chẳng cưỡng nổi mệnh trời, nên vô cùng tâm đắc với hai câu Nam ở cuối tuồng Diễn Võ Đình qua nhân vật Triệu Khánh Sanh mà Đào công đã phóng bút:

Tấm thân liều gửi cung dâu
Đố con tuấn mã biết đâu là nhà.

Huân này mạo muội nghĩ rằng Đào công cũng đã từng trở trăn thống thiết như vậy. Bao lâu nay đã nghe nức tiếng Tiểu Linh Phong Mai Tăng, cũng như thưởng thức hàng hàng cẩm tú của Mộng Mai Tiên sinh, hôm nay lại được đối ẩm

với ngài quả là muôn vàn hân hạnh.

Nghè Trì cũng đứng dậy nghiêng mình thi lễ, tiếp lời anh:

- Thưa Đào công, tiểu đệ từ ngày bỏ được rừng xanh, về nhà có thì giờ, sinh đọc những áng văn chương trác tuyệt của ngài, nhất là hôm đi coi tuồng Hộ Sanh Đàn. Văn chương cũng như bố cục đều thật là cao siêu, từng câu từng chữ của vở tuồng thấm tận đáy lòng của tiểu sinh. Khiến lòng này không khỏi thẹn khi nhớ lại chuyện ngày xưa vì quá nông nổi, chưa biết phân chia hư thực. Lòng dặn lòng có dịp thì xin được tạ tội thất lễ với Đào công. Sau lần đọc xong bổn tuồng Thái Thạch Cơ, tiểu sinh vô cùng xúc động nên có làm hai bài tứ tuyệt, tiện đây xin dâng tặng Đào công nhàn lãm:

- Quốc loạn anh hùng bất tác thi
Tùng quân ngự địch lập công thì
Thiên an khởi thị thư sinh nguyện
Hoàn ngã hà sơn khả định kỳ.

- Thái Thạch Cơ biên nô lãng hào
Thôn Ngưu hùng khí vạn tầng cao
Viên môn dạ lập quan Kim trận
Vũ tuyết phân phân mã chiến bào.

Đào Tấn nghe hai bài tứ tuyệt xong, tấm tắc khen:

- Văn quả là người. Tài hoa, khí tiết, có cả uất khí xông tận trời cao. Trả lại núi sông cho ta có thể hẹn kỳ là trung nghĩa. Và, đêm đứng nhìn trận giặc Kim, tuyết rơi bời bời trên áo giáp, thực quả là thanh lệ vô cùng. Chao ôi,thơ của ông Nghè thực là Thốn tâm thiên cổ.

Đến giờ thưởng hoa, chiếc bàn ăn được dọn đi, thế vào là một cái đôn thấp bằng sứ Bát Tràng và cái án thư để bày bộ trà. Hai người tráng đinh khiêng một chậu hoa to, khá nặng đặt trên cái cán đan bằng tre, khệ nệ bước qua hè nhà rộng, rồi rất cẩn thận đặt lên đôn.

Chiếc chậu sứ da rạn chạy chữ triện quanh miệng trông rất mỹ thuật. Cây Mẫu Đơn khá lâu năm, cao gần thước tây, cành lá sum sê. Điều làm anh em họ Nguyễn vô cùng thích thú là hoa. Hoa thật nhiều, thật tràn trề trên cùng khắp các nhánh. Đa số đều nở. Màu trắng thật tinh khiết thật đôn hậu. Những cánh hoa dày, chắc chắn, giống như những cánh Trà Mi, xếp tròn thành nhiều tầng chung quanh chùm nhụy vàng phơn phớt sang cả. Mùi thơm của hoa Mẫu Đơn thật nhẹ nhàng quyến rũ, thoang thoảng mùi của hoa lài lẫn chút đậm đà của nàng hoa bưởi. Không gian im hơi, cả ba thinh lặng, tất cả như bị đắm chìm trong cái không khí nửa huyền hoặc nửa thăng hoa toát ra từ cây Mẫu Đơn tuyệt mỹ. Cả Bá Huân và Trọng Trì đồng thanh buộc miệng: "Vương giả chi hoa" rồi sau một thoáng nhìn nhau, cả hai lại cùng rơi vào im lặng. Hương đã gây mùi nhớ, trà giục khan giọng tình. Giọng Bá Huân trầm trầm cất lên như vang từ chốn mê cung xa vắng:

- Nhớ xưa nàng Dương Quí Phi là một trong Tứ Đại Giai Nhân của Trung Hoa được Đường Minh Hoàng vô cùng yêu quý, tận tay hái một bông hoa Mẫu Đơn cài vào tóc nàng. Người đương thời cho rằng hoa Mẫu Đơn xứng đáng được kề cận với Quí Phi. Giờ tận mặt thấy hoa bèn trộm nghĩ rằng, nên nói Dương Quí Phi xứng đáng được mang hoa Mẫu Đơn trên tóc.

Để tạ chút lòng Đào công đoái tưởng xin được múa rìu trước cửa Lỗ Ban, xin cho một mảnh hoa tiên để được trổ chút tài mọn.

Bá Huân tiếp giấy bút từ người nô bộc, cúi gập người xuống án thư lấy ngọn bút lông chấm xuống nghiên mực vừa mài. Tay ông thoăn thoắt, đá, phảy, đưa lên , ngoặc xuống, trong thoáng chốc đã thành một bài tứ tuyệt.:

Hý khúc ngô châu trứ giả đa
Tranh hồng đấu tử tổng nhàn hoa
Mẫu đơn nhất đóa quần phương chủ
Khả tỷ Đào công đại bái gia.

Đào Tấn kê mảnh hoa tiên sát bên ánh tọa đăng, nheo mắt đọc. Vừa xong, ông vuốt râu, thảng thốt kêu mấy lượt "Hay a, Hay a!" Ông lấy giấy ra phóng bút họa ngay một bài:

Văn tinh tụ chiếu ngã châu đa
Từ uyển hân chiêm mỹ lệ hoa
Hồng hạnh bích đào giai tuyệt sắc
Quần phương các hữu tại chư gia.

Viết xong ông đưa cho Bá Huân và nói:

- Xin đa tạ nhã ý của ông, văn hay chữ tốt, nhưng lão thật tình không dám được ví như hoa Mẫu Đơn là chúa các loài hoa, mà thiết nghĩ rằng hoa hạnh hoa đào đều là tuyệt diệu và mọi loài đều có trong mỗi nhà soạn tuồng thôi ông Huân ạ.

Đã gần đến nửa khuya, anh em họ Nguyễn đứng dậy xin kiếu từ. Đào Tấn hết sức cầm ngủ lại, hai ông hết sức chối từ. Nguyễn huynh đệ dắt nhau về dưới sương khuya. Ra khỏi khu vườn thuộc Hương Thảo Thất chợt Bá Huân dừng lại bảo với em:

- Chú Trì ạ, tôi rất đồng ý với chú hồi chiều, khi chú nói cái dụng ý sâu xa của Đào công qua bổn tuồng Hộ Sanh Đàn. Thế hệ mình chưa thể lấy lại non nước, chỉ hi vọng vào đám hậu sinh, chú ạ.

30-12-02

HẠT CHÂU

LINH BẢO

Bốn cô ngồi chung quanh bàn ăn, ở giữa có một đĩa bánh chưng khói lên nghi ngút. Bánh không gói bằng lá chuối xanh, nhưng gói bằng giấy bạc, thứ giấy để bọc đồ ăn đốt lò chịu nóng được. Từng chiếc bánh nhỏ bằng nắm tay, nhưng bên trong có nhân đậu xanh và thịt giống như bánh ở quê nhà trông thật ngon lành.

Hằng, cô gái bé nhất lên tiếng trước:

- Mười hai giờ khuya rồi hở các chị? Hôm nay là ngày Tết, giờ này là giờ giao thừa đây... Giá chúng mình ở nhà thì được mặc áo mới, khách đầy nhà, tha hồ ăn bánh mứt, hoa quả, lại có cả tiền mở hàng nữa!

Trí tưởng tượng của Hằng còn đang muốn phiêu lưu xa hơn nữa thì Ngọc, cô gái có nhiều ý tưởng mạnh dạn nhất đám gạt ngang:

- Thôi đừng lộn xộn.

Hiền cũng hiền lành như cái tên của nàng, giảng hòa:

- Chả mấy khi Tết nhà nấu bánh chưng, để cho cô em út vọng quê hương một bữa cho đỡ thèm.

Vân, cô lớn nhất chỉ mỉm cười.

Không biết có duyên nợ gì mà bốn cô bốn xứ bỗng họp lại sống chung trong một căn nhà trọ. Họ sống gần gũi, thân mật, quý mến nhau, đồng thời cũng lục đục như bốn chị em. Các cô mời nhau ăn khi có món ngon vật lạ, và cũng có những lúc không bằng lòng nhau. Người nóng tính lồng lộn lên một lúc rồi quên đi, người đằm thắm thì giận âm ỉ nung nấu trong lòng, không nói gì ra mặt nên mối hờn hình như hơi lâu mới được quên...

Nhà chỉ có ba phòng ngủ. Vân đến thuê đầu tiên được phòng ngoài nhìn ra bể. Kế đến Hiền chọn gian phòng cuối nhìn ra vườn, rất yên tĩnh, có cửa ra vào riêng. Hằng đến sau nên nhận phòng giữa, cửa sổ nhìn sang nhà láng giềng, cửa lớn phòng Hiền ăn thông qua. Tuy thế, nhưng Hằng vẫn tự cho là may mắn vì thuê nhà rất khó, thuê cư xá phải chờ cả tháng cho đến khi có người dọn ra, mình mới có cơ hội dọn vào. Giá tiền cố nhiên đắt hơn gấp ba, bốn lần, lại phải sắm sửa tất cả các vật dụng cho cuộc sống hàng ngày... Ở tạm một phòng, tuy không độc lập lắm, nhưng Hằng có kế hoạch để dành tiền trở về trường học lại nên càng đỡ tốn càng hay.

Người khách trọ cuối cùng là Ngọc. Ngọc có chồng đang công tác xa. Trong khi đợi chồng về, Ngọc đi học, và cũng về đây đi dạy để dành tiền học nốt bằng MA. Ngọc quen Vân nên đến ở tạm trong khi tìm nhà. Ban đầu Ngọc ngủ ở phòng khách, chiếc divan giở ra thành giường, sáng xếp lại thành ghế rất tiện. Sau hai tuần đọc báo tìm tòi, Ngọc thuê được một gian nhà nhỏ. Ngọc dọn đi một ngày một đêm. Tối hôm sau Ngọc lại chở tất cả đồ đạc về đòi ở chung với lý do: - Em ghét con mẹ chủ nhà quá. Em phải đi làm chưa kịp gọi điện thoại cho người ta mở gas và điện nước tên em, chỉ dùng của nó có một ngày mà nó tru tréo lên. Em dọn về ở chung với mấy chị cho vui, ngủ divan cũng được, với lại chẳng còn bao nhiêu ngày nữa. Thuê nhà ở một mình vừa xa, vừa buồn, lại mất công đi thăm.

Thế là Ngọc trở thành người khách trọ thứ tư. Về chuyện ăn uống, ban đầu chỉ có Vân và Hiền, hai người ăn riêng. Hiền thường đến nhà người bạn trai của nàng nấu ăn xong mới về. Nàng chỉ nấu ăn sáng, hay những hôm không muốn ra ngoài. Ngọc và Vân ăn chung. Được mấy hôm, Hằng xin gia nhập để tập nấu ăn vì nấu ăn một mình phải bỏ nhiều thì giờ nấu nướng mất công quá. Ba người soạn một cái thực đơn có tên tất cả những món ăn họ biết làm, treo lên bếp, mỗi ngày nhìn vào đấy để chọn thức ăn khỏi phải suy nghĩ tìm món. Trong thực đơn, Ngọc tinh nghịch viết tên món thứ 20 là "cá rô cây, chấm nước mắm". Các bạn ngoại quốc đến chơi thấy tên ấy dài nhất tưởng là món đặc biệt ngon lắm, ai cũng điểm xin ăn món số 20. Thế là cả nhà sau khi giải thích được một bữa cười bò lăn. Hằng vừa cắn bánh chưng vừa hỏi:

- Mai ăn gì hở các chị?

Ngọc mắng đùa:

- Cô bé này lúc nào cũng nghĩ đến chuyện ăn, hỏng!

Vân bênh:

- Thế tốt chứ sao. Chu đáo thế còn đòi gì nữa. Nếu tôi làm đàn ông, tôi cưới một người vợ như Hằng. Ngày nào cũng được ăn ngon.

Hằng cười hai mắt híp lại trông kháu khỉnh như một con búp bê. Miệng cô bé hơi rộng nhưng có duyên. Hiền khen:

- Cô Hằng có hai má núng đồng tiền trông xinh ghê!

- Nhân tạo đấy chị ạ. Chị của em có những hai đồng tiền cơ. Hồi bé em cứ ganh tị với chị của em mãi. Em giận má sao có hai đồng tiền cho hết chị, không để dành cho em một đồng. Về sau khi em có cái mụn thật to đúng ngay chỗ này, khi gần lành em lấy tay gỡ mãi. Mẹ cấm gỡ vì sợ nó thành sẹo, nhưng con bé ranh lắm, biết là thành thẹo sẽ có một vết núng con con nên cứ lén gỡ. Quả nhiên, "hữu cầu tất ứng", con bé được ngay cái sẹo đúng vào chỗ của cái má núng đồng tiền, không xê xích cao thấp một ly một tí nào cả.

Cả bọn phá lên cười. Đối với Hằng, Vân có cảm tình khác hẳn với những người khác. Vân quý mến tất cả các bạn và coi họ ngang hàng với mình. Còn Hằng, vì nàng trẻ hơn Vân nhiều quá nên Vân coi Hằng như em. Và lúc đầu chính Hằng đối với Vân cũng có những cảm tình thành thật như vậy. Hằng yêu cầu Vân chỉ cho Hằng những điều gì Hằng chưa hiểu, và khi hiểu rồi, Hằng vui vẻ chấp nhận, không mất lòng, không giận dỗi... Hằng kể:

- Ngày xưa mẹ cưng em lắm, bà cứ nói là chữ khó, chứ học nấu ăn thì mấy hồi. Mẹ không bao giờ cho em vào bếp hoặc nhúng tay làm bất cứ chuyện gì trong nhà. Bây giờ em thấy cần phải biết nấu ăn thật ngon, vì nhỡ mai mốt em có bồ, em muốn cưng bồ, nấu vài món cho bồ ăn để biểu diễn tài nội trợ mà bồ nuốt không trôi thì nguy to.

Nàng còn thú thật:

- Chị biết không, năm kia em đi dự đại hội sinh viên hàng năm, thấy các chị làm bếp, em xông vào cái gì cũng xin giúp một tay để các chị tha hồ sai vặt. Cô bé nhẫn nại lắm, đứng khuấy nồi chè cả tiếng đồng hồ. Các anh trông thấy tưởng là cô bé có tài nội trợ giỏi ghê gớm cứ liếc tình mãi. Lại có anh ướm hỏi ngày nào được cô bé mời lại nhà ăn. Có biết đâu là cô bé chỉ biết khuấy nồi chè mà cũng chả hiểu kết quả rồi ra sao!

Hằng thông minh, ham học, biểu lộ tình cảm nồng nhiệt và chân thành như một linh hồn trong trắng chưa từng va chạm hay trông thấy một tan vỡ gì ở đời. Sự thực cũng đúng như thế. Sau khi đậu xong tú tài toàn phần ở Việt Nam, Hằng được học bổng sang Mỹ, và vào ở nội trú ngay trong một trường nữ học Công giáo. Sống dưới sự chăm sóc của các Mẹ, niềm yêu thương Chúa, tin ở mình và sự hòa hợp của các bạn đồng học, Hằng chưa từng trông thấy, động chạm hay trải qua một thử thách gì của đời. Năm nay Hằng vừa thi đỗ, định đi làm vài ba tháng, rồi lại vào đại học. Cửa tương lai mở ra đầy hứa hẹn tưng bừng. Lần đầu tiên ra đời làm việc kiếm tiền, Hằng rơi ngay vào căn gác trọ này. Hằng mở rộng mắt, tim ra đón nhận những cái gì nàng chưa biết, nhất là đòi học nấu ăn một cách hăng hái như trong tâm hồn đã có một chương trình nấu ăn cho một anh chàng nào đó rồi.

Hằng nhí nhảnh, hay cười, hay hát, Hiền trái lại, nghiêm trang điềm đạm, mắt lúc nào cũng đượm vẻ mơ buồn. Hằng đẹp ngây thơ tưng bừng chừng nào thì Hiền trầm lặng xa xôi chừng ấy. Trông Hiền trang điểm xong thật lộng lẫy mà cũng thật mơ hồ lạnh lùng. Ở cô gái này có nhiều nét khác hẳn nhau: Hiền vừa sợ cô đơn, vừa tìm đến cô đơn. Hiền tránh những đám đông cuộc vui, nhưng một mình buồn nên gọi điện thoại nói chuyện với bạn hàng giờ. Hiền nấu ăn rất ngon, chuyên môn nhiều món bổ khỏe để ăn cho lên cân. Hiền lại may giỏi, còn biết chọn những kiểu áo thích hợp để che dấu cái thân hình "mình hạc xương mai" của Hiền.

Ngoài giờ dạy học, lúc rỗi, Hiền lãnh may áo quần cho các bạn, nhiều nhất là áo dài Việt Nam. Hàng đặt tới tấp. Hiền may đêm này liền đêm khác, không bao giờ chán nản, mỏi mệt. Mới nhìn, ai cũng công nhận là Hiền đẹp, nhưng trong cái vẻ đẹp có một nét gì sắc lạnh, và chắc có lẽ chính cái nét ấy làm cho số phận Hiền lao đao.

Những người con trai Hiền quen biết hơn 20 năm nay đều đi qua đời Hiền một cách dửng dưng. Hiền thường nhắc nhở một người Hiền yêu ngày xưa đã chết.

Những anh chàng khác không có vấn đề này cũng có vấn đề khác, làm cho cuộc tình duyên có nhiều thiện chí mấy cũng không thành. Và càng nhiều cuộc tình duyên vụn không thành, thì cuộc tình tan vỡ vì cái chết, càng được vẽ vời thêm hoa thêm lá, thêm hương, thêm sắc, và càng ly kỳ nồng nàn thêm. Hiền thú thật với các bạn nàng chỉ thích lấy chồng Việt Nam, nhưng những chàng trai Việt ở ngoại quốc phần nhiều thích gái tóc vàng, và có thành kiến: "Gái Việt ra ngoại quốc

là hỏng", nên khó ghép những chiếc đũa lẻ loi lại thành đôi.

Cho đến bây giờ, Hiền có một người bạn trai mà hình như cũng chả đi đến đâu. Theo lời Hiền thì:

- Tánh anh ấy kỳ cục quá.

- Anh ấy nói chuyện dấm dẳn, quê một cục.

- Anh ấy cãi lộn với em hoài, đi chơi cũng chẳng có gì du dương, nói chuyện cũng không ngọt ngào.

Vân đùa:

- Thế còn cái anh chàng chiều nào cũng hai giờ điện thoại thì sao?

- Anh ấy ngọt ngào dễ thương, nhưng chỉ coi em như một người chị.

Có nhiều người khuyên Hiền nên về nước để lập gia đình, Hiền trả lời:

- Thôi đi. Bao nhiêu trai anh tuấn ra mặt trận hết. Còn lại ở thành thị những anh chàng "trốn lính đi ở chùa" hay đến quân dịch cũng không chịu bất thì vớ được cũng chỉ phải tội.

Thực ra, trong tâm Hiền nghĩ đến chuyện về nước phải chạm trán với những con người "tình cũ, nghĩa xưa" hơn 20 năm trước, bây giờ phây phây ra, cháu chắt đầy đàn, hạnh phúc tràn trề, Hiền nghe như tim mình muốn đứng lại. Tính Hiền rất ít nói, cũng không thích âm nhạc, ca hát hay đọc sách xem báo gì cả. Một lần Vân muốn Hiền cũng được hưởng chung cái thú của mình, tăng thêm kiến thức và hiểu thêm một vài khía cạnh khác của đời, Vân cố nài ép Hiền đọc một cuốn sách nàng mượn được của thư viện. Hiền nhận sách, nhưng ba tuần sau Vân quét nhà thấy nó nằm dưới gầm giường bám đầy bụi, có một mảnh giấy làm dấu trang đầu.

Ngoài giờ đi làm, ngoài giờ nói điện thoại, Hiền cắm đầu may áo thuê cho các bạn. Nhìn số tiền lương và tiền may hầu như không đụng đến, bỏ vào băng ngày càng nhiều, Hiền thấy vui vui. Nhớ lại lúc 16 tuổi Hiền đã đứng làm chủ một tiệm may, Hiền tự thấy kiêu hãnh vô cùng. Trong trí óc Hiền, sự suy tính mưu đồ kinh doanh bao giờ cũng lấn át hẳn phần tình cảm. Có lẽ cũng vì thế nên bao nhiêu cuộc tình duyên đều lỡ làng. Trời chỉ cho mỗi người một thứ lộc đặc biệt thôi. Được tình thì kém tiền, tiền đến thì tình lánh xa. Một tay Hiền đã làm ra hàng trăm triệu quan trong việc buôn bán tiền ở Pháp, trong lúc các cô bạn cùng lứa tuổi ăn bánh mì nhạt lót lòng qua buổi để đi học vừa đói, vừa lạnh. Nhưng học xong, họ cưới ngay một người bạn tình rồi về nước làm bà nọ bà kia. Còn Hiền vẫn cứ ở lại cô đơn với cuốn sổ băng càng ngày càng nhiều con số chồng chất lên nhau. Trời đã cho Hiền cái tài làm ra tiền để đền bù sự thiệt thòi, cho Hiền nhiều tiền để bớt thấy đời trống trải cô đơn vì thiếu tình. Hay lỗi tại Hiền, nàng lo chạy theo tiền quên cả thời gian, không có thì giờ giao thiệp tìm hiểu ai cả. Vì cớ gì không ai biết.

Bà Lan chủ nhà ở tầng dưới. Bà dạy một trường

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

CUỐI NĂM NHÌN TUYẾT RƠI

Tôi thường đứng một mình
Những ngày trời tuyết đổ
Như con chim sẻ nhỏ
Lủi thủi trên cành khô

Chim lạc bầy ở lại
Quanh quẩn nhớ cỏ xuân
Tôi nhà xa ngàn dặm
Heo hút biết đâu tìm

Người bạn bên hàng xóm
Ngừng đào tuyết, hỏi tôi
Man, you look so sad
What's your problem?

Vâng lòng tôi buồn lắm
Hôm nay ngày cuối năm
Bao nhiêu người đón Tết
Tôi ở đây, một mình

nhớ mùa đông ở New York
12/24/96

với các cô, nên mỗi buổi sáng chở các cô đi làm cùng một chuyến xe cho tiện. Bà thuộc hạng trẻ chưa qua, già chưa tới, chỉ lớn hơn Vân, Ngọc, Hiền vài tuổi thôi nên dễ tâm tình. Qua sông lần đầu bị gãy cầu, bây giờ bà vừa làm cha, vừa làm mẹ, làm cả thầy lẫn bạn của hai đứa con gái, kỷ niệm của chiếc cầu gãy. Thỉnh thoảng bà đem trà bánh lên lầu dự vào những buổi nói chuyện lan man với các cô. Bà không cần hỏi nhiều, chỉ thoáng nghe qua một vài câu chuyện trao đổi cũng đủ hiểu cả quá khứ, vị lai và tâm tư các cô. Làm một người bạn im lặng nghe, cũng như bà đã nghe và thông cảm bao nhiêu tâm sự của các cô bạn trẻ thuê phòng trước kia. Từng nhóm, từng nhóm, đám này đi, đám khác đến. Khi một người phải đi thuê một căn phòng ở một mình trong gác trọ, không ít thì nhiều cũng thuộc vào loại cô đơn rồi.

Cái khuyết điểm lớn nhất của bà Lan là không tin tưởng vào các bậc xưa nay vẫn gọi là "đại trượng phu", vì họ chỉ làm được trượng phu khi tử tế thôi, còn khi hết bạn thì các phẩm chất đại trượng phu cũng tan ra mây khói, và những thành tích trượng phu thành một đĩ vãng lịch sử không bao giờ có thể trùng diễn. Nghe bà tả chân các vị này thì thần tượng nào cũng sụp đổ. Một lần bà góp chuyện, nói đến mục phê bình "trai anh tuấn" của một cô tả oán mấy thằng anh hùng mất dạy nào đó, lời bàn của bà như lửa cháy đổ thêm dầu:

- Lứa tuổi các cô khó lấy chồng lắm các cô ơi. Các ông trung niên cỡ trên 40 tuổi ai cũng có vợ con cả đàn rồi. Còn sót anh nào chưa vợ hẳn là phải có chứng tật gì. Không bịnh vật chất, thì cũng khuyết điểm tinh thần. Vật chất có thể là ờ... ờ... bệnh tật quanh năm, tinh thần có thể là loại bươm bướm, ích kỷ không chịu trách nhiệm, sợ bổn phận, keo kiệt... Những thứ người ấy, các vàng cũng đừng nhận. Còn anh nào ly dị vợ hay vợ ly dị cũng có vấn đề. Có bà vợ nào có ông chồng quí hóa mà chịu để sổng ra đâu. Con chó nhả miếng xương ra thì miếng xương ấy còn gì mà nhẵn nữa. Chỉ còn nhìn vào những anh góa vợ, nhưng số này hiếm lắm vì đàn bà sống dai hơn đàn ông. Khắp nơi chỉ thấy nhan nhản đàn bà góa chồng, chứ đàn ông góa vợ thì thắp đuốc tìm sáng trời cũng không thấy.

Hiền yên lặng chịu số phận như một con mèo ngoan ngoãn, hiền lành, xinh xinh nằm phơi mình dưới ánh nắng mặt trời. Nhưng cũng con mèo ấy dấu đầy móng vuốt trong bàn tay, bàn chân. Những móng vuốt này không lòi ra miễn đừng ai động đến nó. Muốn làm thân với nó thì phải vuốt ve âu yếm, phải chiều chuộng chuyện trò. Nếu ai dại dột kéo đuôi nó một cái thì phải biết. Cũng con mèo dịu dàng xinh xinh ấy sẽ vùng dậy gào lên cấn một miếng đáo để.

Cái cảnh con mèo vùng lên, Vân và các bạn được trông thấy lúc bà Lan khuyên Hiền nên vặn máy nước cho chặt, đừng để nước nhỏ giọt tí tách suốt đêm nghe không ngủ được. Chỉ có thế mà Hiền như một người đã đè nén muôn nghìn nỗi niềm uất ức từ đời kiếp nào, bây giờ bỗng bùng nổ lên. Hiền giận dữ mắng:

- Cái máy của chị hư thì có. Tay người ta vặn chỉ đến đấy thôi. Không vừa tay thì ai làm thế nào mà vặn được.

Và cứ một điệu nhạc "không vừa tay" ấy, Hiền dằn đi dằn lại mãi hàng mấy tiếng đồng hồ, đến nỗi bà Lan phải chịu thua, xin lỗi Hiền, và công nhận là máy nước hỏng. Để tỏ ra có thiện chí, bà gọi thợ đến sửa, nhưng người thợ chỉ lắc đầu rồi ra về, vì nào máy có hỏng đâu mà sửa. Nó chỉ "không vừa tay" thôi. Nghĩa là người khác có thể vặn chặt, còn vòng tay của Hiền chỉ đến đấy là hết.

Từ hôm ấy mọi người hiểu rõ móng vuốt của con mèo hiền lành. Ai cũng lặng lẽ vặn nước lại cho chặt sau khi Hiền dùng xong bất cứ cái máy nước nào trong nhà.

Vân nhớ đến lời mẹ dạy ngày xưa "ngựa hay có chứng", và mặc dù ngựa có chứng, chưa chắc đã là ngựa hay, nhưng ta cứ cho nó là ngựa hay đi cho yên chuyện. Vân im lặng nhận xét tất cả các loại "chứng" của các bạn cùng trọ và cố không để cho các cô biết.

Ngọc có nét đẹp của người con gái miền Nam. Gương mặt trái xoan xinh xinh trông rất Á đông. Ngọc rất thông minh chăm học. Có lẽ hơi quá thông minh hơn mức thường một chút. Ngoài ra Ngọc lại nấu ăn khéo, chăm học, cuộc sống ngăn nắp gọn gàng, tính tình tế nhị, kín đáo.

Thực ra, có lẽ Ngọc cũng là một con mèo nằm phơi nắng, chỉ chưa có dịp nào cần biểu diễn bản lĩnh thôi. Qua những câu chuyện Ngọc kể, những lời Ngọc đối đáp lại với những kẻ hỗn xược với Ngọc ở ngoài đời hay trong sở, Vân hiểu Ngọc là người không để ai bắt nạt được.

Đó là một điều tốt, vì người ta yêu con mèo có lẽ một phần cũng vì nó là con mèo, nó có móng sắc nhọn ở trong bàn tay êm như nhung. Nó làm cho người ta yêu nó mà nể nó, chiều nó mà e dè nó. Nếu nó không có khí giới tự vệ, người ta sẽ kéo đuôi nó mà không phải lo bị nó cào.

Đường đời có một chiều, còn gì là thú sống nữa.

Sinh, chồng Ngọc, là một sĩ quan, bị đổi đi xa sau khi cưới được mấy tháng, nên Ngọc hay ngồi buồn ngẩn ngơ. Ngày ngày Ngọc đợi thư Sinh, đêm đêm Ngọc ôm chiếc máy ghi âm vào lòng nghe Sinh nói chuyện và hát. Có khi Ngọc mở to cho cả nhà cùng nghe.

- Bây giờ có lẽ anh hát cho em nghe nhé. Em muốn hát bài gì? Có lẽ em thích nghe bài này. Có lẽ anh sẽ hát thêm một bài nữa cho em nghe. Nhưng có lẽ em không thích... Sinh hỏi rồi Sinh trả lời. Nghe Sinh nhắc đi nhắc lại chữ "có lẽ" hàng chục lần, Vân đặt tên Sinh là "anh chàng có lẽ".

Cứ thế, đêm đêm trong góc nhà, chỗ divan Ngọc nằm tiếng hát của Sinh vẳng lên khe khẽ, Ngọc ôm máy lắng nghe giọng chồng tình tứ, nồng nàn, đếm từng ngày đợi thư chồng.

Mỗi chiều lúc tan trường, bốn cô về nhà thay quần áo xong, Hiền vào phòng riêng đóng cửa may hay đội chiếc mũ rơm lững thững đến nhà người bạn trai của nàng nấu ăn. Cơm tối xong Hiền về, lại đóng cửa may vá. Hiền ít khi ra phòng khách chuyện trò, ít chơi thân với ai, giữa nàng và tất cả mọi người lúc nào cũng như có một tấm màn ngăn cách. Ngoài việc may vá, Hiền tiêu thì giờ bằng cách gọi điện thoại nói chuyện với một người bạn trai khác hết giờ này sang giờ khác để tiêu sầu. Nhiều người đùa Hiền, bảo nàng thích anh nào thì nên chọn một, bồ với cả hai anh cùng một lúc như thế rồi chẳng có anh nào cả. Hiền trả lời:

- Một anh thì hay gắt gỏng, nói chuyện chẳng tình tứ du dương gì hết, quê một cục. Nếu em chịu được cái cảnh hai người mỗi ngày gây nhau 85 lần bất cứ vấn đề gì thì lấy nhau cũng được. Còn anh trong điện thoại, trái lại mềm mỏng, dễ thương ăn nói ngọt ngào lắm, nhưng anh ấy tỏ vẻ thích vợ trẻ và có bằng cấp cao. Em nhiều tuổi hơn anh ấy, lại không có bằng cấp cao nên anh ấy chỉ ngọt ngào chơi, giết thì giờ thế thôi, chứ không có ý xây dựng gì cả.

Cả bọn nghe xong phá lên cười:

- Thế bao giờ sinh nhật anh ấy để chúng em biếu anh ấy cái gương thần. Một cái gương soi thấy cả dung nhan lẫn giá trị tinh thần. Anh ấy mà cưới được chị Hiền thì có thể gọi là phúc tổ tiên bảy mươi đời để lại.

- Nhưng mà thôi, ai cũng có quyền mơ. Biết đâu phúc nhà anh ấy còn dày hơn nữa. Với lại mấy cụ trai già ấy thì cũng lắm bệnh, lắm tật kinh khủng. Tội gì mà tự chuốc cái ách nô lệ vào thân.

Thì ra con người ở bất cứ hoàn cảnh nào cũng giải thích một cách hợp lý được, và cố nhiên phần thắng danh dự về mình.

(Còn tiếp)

NGUYỄN MINH ĐỨC

LÁ XÁM

rừng cũ đó ngàn xưa lá xám
em trở về đỏ hực trời xuân
sẽ thắm lại mùa nhung nhớ lắm
lỡ say rồi, lỡ ái, lỡ ân

tình yêu cũ vàng như cháy nắng
tình yêu nào rạo rực vấn vương
tình yêu nào e dè buổi vắng
tình yêu nào xâu xé yêu đương

cho nghìn xưa giữ gìn nhung nhớ
bóng hình em nhạt bóng sương mai
cho say đắm si tình ngây dại
cho ngập ngừng ngơ ngác mắt nai
cho hôn em
nụ vắng
nụ dài
hôn em giấc ngủ
nhớ hoài không thôi.

Phiếm luận

ĂN ĐỂ SỐNG VÀ SỐNG ĐỂ ĂN

ĐOÀN VĂN KHANH

Không giống như thời tiền sử, con người chỉ biết ăn tươi nuốt sống bất cứ cái gì có thể ăn được và chỉ có thể ăn khi kiếm được thức ăn, vì thế mà hầu như không có sự phân biệt giữa những con người với nhau vì ăn. Nhưng kể từ khi con người văn minh ra và nhờ biết sản xuất, chế biến và dự trữ thức ăn thì tùy theo môi trường, hoàn cảnh và điều kiện của mỗi cá nhân mà cùng là con người sống chung trong một xã hội, nhưng người thì ăn cơm, kẻ ăn khoai; người ăn ngon, kẻ ăn dở, người ăn no, kẻ ăn đói v.v...

Rồi cũng vì biết so sánh về những sự cách biệt đó mà con người mới tìm cách làm sao cho mình có thể được ăn những thứ tốt hơn, ngon hơn và được ăn no hơn, ăn nhiều hơn kẻ khác. Chính vì thế mà cách sinh hoạt của con người tuy có thay đổi, nhưng xét cho cùng ra thì cũng chỉ xoay quanh cái việc ăn vì có ăn thì mới sống cho nên trong ngôn ngữ Việt, tiếng ăn thường được dùng để ghép chung với những từ khác để diễn đạt không biết bao hình thái sinh hoạt khác nhau của con người.

Trước tiên, vì con người có óc tổ chức nên biết ấn định ra những thời biểu dành cho việc ăn để không làm trở ngại cho các hoạt động mưu sinh cho nên mới có sự phân biệt nào là *ăn sáng, ăn trưa, ăn xế, ăn chiều, ăn tối, ăn khuya...* Rồi tùy theo số lượng thực phẩm mà người ta ấn định để ăn vào bụng theo những thời biểu khác nhau đó mà người ta nói là *ăn lót lòng, ăn chính, ăn dặm...*

Tuy đã chia cái việc ăn ra thành có giờ có giấc, nhưng có nhiều người thấy ăn theo bữa vẫn chưa thỏa mãn cái tính thèm ăn nên mới ăn lắt nhắt thêm bất cứ lúc nào thấy thèm. Ăn như thế gọi là *ăn vặt*. Còn những người hễ thấy hàng quà hàng bánh là nhào vô mua ăn liền thì gọi là *ăn quà*. Cái khoản này thì chỉ các bà các cô mới là kẻ rành hơn ai cả. Nói lên điều này không phải vì tôi có thành kiến gì với phái nữ nhưng tại vì ca dao từng có câu: *chưa đi đến chợ đã lo ăn quà*, nên tôi muốn mình cũng phải lý luận theo cho đúng sự nhận xét khôn ngoan của ông cha ta truyền lại thế thôi.

Vì ăn là một hành động thường lôi kéo thêm vài hành động khác đi kèm theo như ăn thì phải uống cho nên người ta mới nói là *ăn uống*. Tuy nhiên thay vì uống nước lã, nhiều người lại thay vào đấy những chất có đặc tính kích thích vị giác như la de, rượu tây, rượu đế... để tăng thêm phần khoái khẩu cho việc ăn nên người ta bảo là *ăn nhậu*. Nhưng chưa hết, nhiều người nhậu đã phải tạm ngưng để thở mà chỉ thở suông thì cũng chán mới châm thêm điếu thuốc để phì phà cho vui miệng nên người ta mới gọi là *ăn hút*. Rồi cũng nhờ có ăn thì mới có hơi sức để nói nên thích nói và hay nói nên nói hay, nói nhiều, nói mạnh, chứ đói thì chỉ có nước nằm co nên người ta bảo là *ăn nói*.

Sau khi no nê đã đời thì người ta lại đâm ra rậm rật nên mới xoay ra đi tìm đối tượng để giải quyết cái nhu cầu tiếp theo đó cho thỏa mãn hết mọi cái thú ở đời nên người ta mới bảo là *ăn chơi*. Ở đây tôi xin nói thêm là cái từ *ăn chơi* này ngoài cái nghĩa vừa nói trên, còn có nghĩa là ăn lai rai chút đỉnh cái gì đó cho đỡ buồn miệng trong khi chờ đợi ăn các món chính trong những bữa ăn lớn kéo dài nhiều tiếng đồng hồ. Ngoài ra tiếng *ăn chơi* cũng có khi biểu lộ một hành động giả bộ như trường hợp con nít lấy đất sét nặn thành bánh rồi giả vờ ăn cho vui vì biết cái đó không ăn được. Cũng có khi tiếng *ăn chơi* dùng để diễn tả cái ý phải biết kiềm chế hành động ăn vì tuy là món ăn đó ăn rất được nhưng mình lại không phải là đối tượng được ăn, chẳng hạn khi người khác đang ăn chợt thấy mình xuất hiện nên phải mời lơi thì mình dù muốn ăn cách mấy cũng chỉ nên *ăn chơi* thôi, nghĩa là *ăn lấy thảo*, chứ đừng *ăn lấy no lấy béo* mà đau lòng chủ.

Ngoài cái việc ăn thông thường hàng ngày hàng bữa, con người còn muốn có nhiều cơ hội để mà tụ họp nhau lại cùng ăn ngon hơn, ăn nhiều hơn và vui hơn nên mới đặt ra những cái lệ để

cho mình tổ chức ăn. Trong phạm vi cá nhân hay gia đình thì người ta bày ra chuyện *ăn tiệc, ăn mừng, ăn khao*: từ ăn đầy tháng, thôi nôi, sinh nhật, ăn đám cưới đám hỏi, ăn thượng thọ cho tới đủ thứ ăn mừng như ăn mừng tân gia, khai trương công việc; hoặc ăn khao thi đỗ, khao lên lương, lên chức... nghĩa là bất cứ trường hợp nào mà người ta có thể vin vào đó như là một cái cớ để tụ họp ăn uống khác biệt hơn ngày thường là tha hồ ăn khao, ăn mừng.

Ở mức độ tập thể thì có những cuộc *ăn liên hoan* của cơ quan hay đơn vị để mừng đủ thứ chuyện. Ngay cả công ty sắp sập tiệm người ta cũng họp nhau ăn uống để sáng ý ra mà tìm cách gỡ gạc lẫn nhau. Các hội đoàn ái hữu thì ăn tiệc để thắt chặt tình tương thân tương ái hay mừng nhau sau một cơn tan tác lại còn có dịp thấy mặt nhau để mà kể lể những chuyện không còn nơi nào khác để kể. Chung cho cả quốc gia dân tộc thì người ta bày ra cái gọi là *ăn tết. Tháng giêng ăn Tết ở nhà* mà vẫn chưa đủ nên người ta lại chế ra những tết nhỏ như tết Đoan ngọ, tết Trung thu... để có dịp đua nhau ăn.

Tuy đã bày ra mấy cái Tết rồi mà thấy vẫn chưa thỏa mãn nên người ta lại đặt thêm các ngày lễ, ngày hội để *ăn mừng*. Ở cấp địa phương thì có hội làng, lễ khánh thành ngôi chùa này, nhà thờ kia. Lên cấp quốc gia thì có lễ Quốc khánh, lễ kỷ niệm vị anh hùng này, trận chiến thắng nọ để mà cùng nhau *ăn mừng*. Cao hơn nữa và lan rộng ra cả thế giới thì có những cuộc lễ vĩ đại mang tính chất tôn giáo để cho muôn dân cùng ăn mừng một loạt như *ăn lễ* Giáng sinh, *ăn lễ* Phật Đản v.v...

Vui người ta nghĩ đến ăn đã đành mà buồn người ta cũng nghĩ đến ăn cho nên ngay cả khi bị thiên tai, hoạn nạn, đám ma, đám giỗ, người ta cũng cần phải có ăn thì mới thành đám cho nên mới bày ra trò cúng kiếng để cầu thần thánh ban ơn hay là để cho người chết cũng được no đủ. Nhưng đã là thần thánh thì đâu màng tới cái ăn, còn người chết rồi thì làm sao mà ăn được nữa cho nên những món thực phẩm bày ra để cúng kiến đó tất nhiên là người sống tha hồ mà hưởng và người ta gọi đó là *ăn cúng, ăn giỗ*.

Khi người ta chịu khó ra chợ mua thực phẩm đem về nhà nấu nướng rồi ăn thì người ta gọi là *ăn nhà*. Những người không thích chuyện bếp núc mất thì giờ bèn tới bữa thì ghé hàng ghé quán mà ăn luôn cho tiện việc thì gọi là *ăn tiệm*. Nhiều người ăn mãi cơm nhà hoài cũng chán hay bỏ tiền ra ăn tiệm hoài cũng tiếc tiền nên nhiều lúc chỉ mong cho có ai đó mời mình đi ăn hay bao mình ăn thì gọi là *ăn khách*.

Ăn khách còn có nghĩa là được nhiều người hâm mộ hay mê thích như tuồng cải lương này ăn khách, món nhậu nọ ăn khách. Thời tiền chiến có nhà thơ Tản Đà vừa hay thơ mà cũng nổi tiếng là sành ăn uống. Có lẽ thấy sành ăn cũng là một nghệ thuật phụng sự nhân sinh đáng đề cao nên thời miền Nam vừa thoát cảnh nô lệ mấy ông Tây thực dân thì chính quyền Ngô Đình Diệm bấy giờ bèn cho thực hiện ngay việc đổi tên các đường phố, Hội đồng Đô thành Sài gòn lúc ấy thấy trong Chợ Lớn có một con đường mà từ trong tiệm ra tới lề đường chỉ toàn kinh doanh có một ngành ăn uống bèn đặt tên luôn cho con đường này là đường Tản Đà. Có điều nếu có ai đó cắc cớ hỏi những người làm ăn buôn bán ở con đường đó có biết Tản Đà là ai không thì câu trả lời chắc chắn sẽ là "Ngộ hổng piếc." Mà đúng thế thật. Đã là "ngộ" thì chỉ cần biết mấy món đồ ăn của "ngộ" làm ra *ăn khách* và "ngộ" hốt bạc là đủ rồi.

Chính vì ăn là cái mục đích tối hậu nên ngay cả cái động từ *làm* cũng được ghép với tiếng *ăn* để thành ra tiếng "*làm ăn*". Rồi khi nói đến những nhu cầu phụ thuộc nhằm tăng thêm tiện nghi cho cuộc sống con người như vấn đề trang phục người ta cũng nói là *ăn mặc*, vì có dư ăn thì mới nghĩ đến chuyện mặc chứ bụng mà đói thì quần áo cũng đem đi cầm. Tục ngữ cũng có câu: *Ăn đói mặc rách*. Đã đói thì nhất định là phải rách. Rồi tới cái nhà dùng làm chỗ che mưa đụt nắng cũng được gọi là nơi *ăn ở*. Thậm chí trong cái việc vợ chồng sống chung thì cũng phải có ăn rồi người ta mới có thể âu yếm ngủ chung giường với nhau nên người ta cũng gọi đó là *ăn nằm*.

Cũng giống như cái mặc, cái ở cũng tùy thuộc sau cái ăn cho nên nếu dư ăn dư để thì mới có nhà. Càng dư ăn thì nhà càng cao càng đẹp. Lỡ khi hoạn nạn, biến cố hay thất nghiệp không có tiền ăn thì có nhà cũng phải đem bán. Cũng trong cái mục ăn ở, khi gia đình hoà thuận thì mọi người trong nhà ai cũng thích *ăn chung* cho tình gia đình thêm đầm ấm, nhưng nếu lỡ mà sinh sự ra rồi thì mạnh người nào người nấy ăn cho nên người ta lại thích *ăn riêng* để đỡ phải nhìn mặt nhau mà anh ách ở trong lòng.

Người không có cơm ăn không có nhà ở phải mang cái thân trần trụi tìm đến bà con bạn bè xin tá túc thì được gọi là *ăn nhờ ở đậu*. Làm thân *ăn*

gửi nằm nhờ thì nhiều khi chỉ dám *ăn thừa, ăn mót* và lúc nào cũng cố tìm đủ mọi cách để lấy lòng nhà chủ nhưng nhà chủ chưa lấy làm hài lòng nên hở ra là mắng đồ *ăn bám* hay *ăn báo*.

Những người thuộc loại vô tích sự lại chỉ thích *ăn không ngồi rồi* thì khi thấy nhà người khác có chuyện vui và có ăn thường mò tới chầu rìa rồi làm bộ xun xoe để được ăn nhưng khi gia chủ cần họ giúp một việc gì thì chỉ tổ làm hỏng việc hoặc khi gia chủ bị hoạn nạn thì họ lại nhanh chân chuồn gấp bỏ mặc gia chủ bơ vơ thì được gọi là *ăn hại*.

Những người lương tháng ba cọc ba đồng mà ưa ngồi hàng ngồi quán thì thường chưa hết tháng đã cạn túi bèn xoay ra ăn xong ghi sổ nợ chờ đến ngày lãnh lương thanh toán. Ăn như thế gọi là *ăn chịu*. Có người túi không tiền nhưng cũng vào hàng quán gọi đủ thứ ăn nhậu đã đời rồi tìm cách chuồn êm thì được gọi là *ăn quịt*. Cũng có người hễ thấy đâu có *ăn free* hay thấy người khác ăn uống thì cứ đứng xớ rớ bắt chuyện làm quen chờ người ta bảo ăn thì nhào vào *ăn lấy ăn để*. Ăn như thế thì được gọi là *ăn chực*.

Thân phận con người là *có làm mới có ăn* cho nên khi một người chỉ phải bỏ sức lao động ra làm việc cho người khác để lãnh tiền công thì được gọi là *ăn công*. Những người làm nghề buôn bán thì phải làm sao cho số doanh thu lớn hơn cái vốn bỏ ra lúc đầu để có được một số tiền thặng dư gọi là lời cho mình *ăn tiêu* nên người ta gọi là *ăn lời*. Những người thích buôn bán mà không có vốn nên chỉ biết làm trung gian môi giới giữa người có hàng bán và người cần hàng mua rồi dựa trên trị giá hàng hai bên mua bán được với nhau để mà ăn tiền tính theo tỷ lệ phần trăm thì gọi là *ăn hoa hồng*. Còn khi nhiều người cùng hùn hạp làm ăn chung với nhau để rồi cùng chia cái lời đó mà ăn thì người ta gọi là *ăn chia*. Tuy nhiên khi một kẻ thấy có món *ngon ăn* và dễ xơi thì chỉ muốn ăn một mình bèn tìm cách xé lẻ để cho mình *ăn trọn* thì được gọi là *ăn mảnh*.

Đi làm cho hãng hay cho nhà nước thì *ăn lương*. Có nhiều người thấy chỉ ăn lương nhà nước thì chưa đủ cho mình xài nên thấy công qũy sẵn tiền bèn ngứa mắt tìm cách moi móc cho vào túi riêng nên được gọi là *ăn đục, ăn khoét*. Có người thì nhờ nắm giữ những chức vụ có điều kiện để ban phát ân huệ cho người khác như cấp giấy tờ, cho việc làm thì cũng được nhiều người vì muốn được việc cho mình tìm đến đút lót cho ăn để xin xỏ, cầu cạnh. Ăn như thế này được gọi là *ăn hối lộ*.

Trường hợp không có phương tiện hay cơ hội để *ăn đút ăn lót* của người ngoài thì người ta tìm cách *ăn xén, ăn chận* người dưới mình như quan *ăn chận* lương lính, thủ trưởng *ăn xén* lương nhân viên. Ngay cả cơm tù đã quá tệ mà nhiều khi vẫn còn bị đám cai tù *ăn bớt* như thường. Ăn như thế này tục ngữ nói là *ăn hớt cơm chim*. Ngược lại người làm công hay cấp dưới cũng có thể tìm cách *ăn bòn, ăn rút*, của chủ. Những cách ăn theo kiểu này nói chung lại đều là *ăn bẩn*.

Người làm nghề tự do thì lại kiếm thêm bổng lợi cho mình bằng cách tính toán sai lệch nhằm mang thêm phần lợi cho mình nên được gọi là *ăn gian, ăn lận*. Dọ sự ăn gian ăn lận này mà nảy sinh ra những tiếng ghép về ăn nghe rất lạ tai như là *ăn vải, ăn xi măng, ăn sắt, ăn đá*... tùy theo ngành nghề của người đó. Làm thợ may thì ăn gian vải nên người ta bảo thợ may thì *ăn vải*. Nhà thầu xây cất thì *ăn gian* vật liệu cho nên người ta mới gọi là *ăn xi măng, ăn sắt*... toàn là những thứ nhai không được mà người ta vẫn có thể nuốt trôi như thường mới là tài. Ngay cả *funds* (quỹ) của các hội đoàn thiện nguyện do đồng bào đóng góp hay chính phủ tài trợ để làm những việc cứu tế từ thiện cho người nghèo, người bị thiên tai v.v... cũng bị người ta bùa phép thành của riêng bỏ túi cho mình *ăn xài* nên người độc miệng mới gọi ăn như thế là *ăn phân*.

Tuy ai cũng làm để có ăn nhưng có người may mắn thì *ăn nên làm ra* còn nhiều kẻ đã *ăn tần ăn tiện* mà vẫn không đủ ăn. Những người mà *ăn bữa sáng lo bữa tối, chạy ăn từng bữa* như thế thường được người ta gọi là *ăn đong*. Có người đã phải làm vất vả rồi mà vẫn không có đủ gạo nấu cho đầy nồi cơm đành phải dặm thêm mớ khoai, mớ củ mì vào cho đầy cái nồi để ăn cho đủ no thì được gọi là *ăn độn*. Rồi vì thiếu ăn cho nên càng thèm ăn và cái thèm ăn triền miên này thôi thúc mà có người hễ thấy đồ ăn của người khác để hớ hênh thì lén lấy ăn liền nên người ta bảo là *ăn chùng, ăn vụng*.

Cái tiếng *ăn vụng* này còn được hiểu rộng ra để chỉ mấy ông bà vì quá no cơm ấm cật nên rậm rật hơi nhiều thành thử tuy đã có vợ, có chồng nhưng chê đồ nhà không ngon bèn lén vợ lén chồng đi tìm vui với đào với kép. Thường thì đào kép rủ nhau *đi ăn vụng* bao giờ cũng có kèm theo màn ăn uống thực sự cho nên khi câu chuyện ăn vụng của họ bị đổ bể ra làm đề tài cho dư luận

đàm tiếu thì tùy theo hôm đó họ đưa nhau đi ăn cái gì mà thiên hạ dùng luôn cái món họ ăn hôm đó để mô tả cho tiện như là tuần trước ông nọ đưa bà kia *đi ăn chè* ở Nhà Bè, *ăn nem* Thủ Đức ... chẳng hạn. Ăn vụng kiểu này mà lỡ bị sư tử Hà Đông bắt gặp hay ông nhà trông thấy là thế nào cũng bị *ăn đòn*. Nhẹ ra thì miệng mũi cũng *ăn trầu*, còn dữ dằn hơn nữa thì không làm sao kể xiết.

Cái chuyện ăn mà không phải là ăn và chỉ có kẻ cho ăn mới là kẻ thỏa mãn, còn người được ăn hay bị ăn bao giờ cũng đau khổ mà nhận lấy, thì ngoài chuyện ăn đòn mà hầu như ai từ nhỏ tới lớn cũng đã từng trải qua, còn có nhiều thứ ăn khác nữa: Ra đường ghẹo gái mà gặp nhằm cọp cái thì chắc chắn là sẽ được *ăn tát*. Ra đời mà đụng chạm thì sẽ có những lần *ăn đấm ăn thoi*, cho tới *ăn dao, ăn đạn*. Ấy là chưa kể có những người mà nghề nghiệp bắt buộc họ trở thành cái mục tiêu *ăn dao ăn đạn* như mấy người trót phải theo nghiệp binh đao.

Mặc dầu muốn có ăn thì phải làm nhưng cũng có những người không thích lao động làm ra của cải cho mình mà chỉ thích lấy cái có sẵn của người khác để dùng. Ở mức độ nhẹ thì có *ăn cắp*. Bạo hơn chút nữa là *ăn trộm* vì còn biết sợ khổ chủ hay nhân viên an ninh trông thấy thì bị tóm. Đối với những tay chịu chơi hết mình, không còn nể nang luật pháp xã hội nữa mà ngang nhiên dùng vũ khí để uy hiếp kẻ khác đưa tiền cho mình xài thì được gọi là *ăn cướp*. Muốn *ăn cướp* lớn thì cần phải lập thành băng đảng để hành động cho hữu hiệu nên những kẻ trong băng đảng đều phải *ăn thề* để không một thành viên nào dám phản bội, vì chỉ cần một kẻ phản bội là đủ cho cả lũ rũ xác trong tù.

Có một con đường được coi như là khá lương thiện xưa nay vẫn giúp cho người ta có thể sau này vừa vinh

TRẦN VẤN LỆ

ANH SẼ ĐƯA EM ĐI CHÙA HƯƠNG

Anh sẽ đưa em đi chùa Hương
Chúng mình đi giữa một rừng sương
Đi men theo đá, bên bờ núi
Rồi ngả đầu bên suối Giải Oan...

Anh sẽ đưa em về quê anh
Đường lên phía Bắc mây nương ghềnh
Tóc em sẽ ướp hương mùa cốm
Thơm ngát một vùng tháng Chạp xanh!

Anh sẽ đưa em về xa hơn
Khi trăng vừa lặng ở sau non
Những con chim vạc bay về tổ
Xào xạc trên chùa đổ tiếng chuông...

Anh sẽ đưa em vào lũng sâu
Hứng tay thạch nhũ vách Thiên Trù
Gót son em lạnh anh bồng nhé
Gọi khẽ tên nàng, Hạ hỡi Thu!

Anh sẽ đưa em về đỉnh cao
Có mây giăng thấp nhánh hoa đào
Mùa Xuân đang chớm hoa còn nụ
Con bướm trở mình mơ kiếp sau!

Anh sẽ đưa em về vạn thuở
Ngắm bà Tiên ngủ giấc Hương Quan
Nhật mộ dẫu còn sương khói tỏa
Lối vào Cửa Võng đã thênh thang...

Anh sẽ đưa em trình với Phật
Tỏ bày thương mến của đôi ta
Anh tin bên bệ em quỳ khóc
Nước mắt không còn lạnh xót xa...

Anh sẽ đưa em vào chùa Trong
Mười câu Tâm Niệm khắc trong lòng
Ba cây hương nguyện bừng Tam Muội
Khói quyện mơ màng tâm kính dâng...

Anh sẽ đưa em đi chùa Hương
Đến đây để biết đâu Thiên Đường
Giang Sơn lơ lửng trong huyền thoại
Bỗng dựng giữa đời tượng Nước Non!

Anh sẽ đưa em về ước mơ
Giải Oan con suối biếc đang chờ
Bước lên! Ráng bước, anh dìu với
Mình ngả đầu hôn suốt giấc trưa...

thân vừa phì gia là con đường học vấn. Nhưng muốn học thì cũng phải ăn cái đã cho nên người ta mới bảo là *ăn học*. Tục ngữ cũng có câu: *ăn vóc học hay*. Cũng vì thế mà thường thì cha mẹ có đủ ăn hay dư ăn rồi mới có thể cho con đi học. Tuy nhiên có nhiều cô cậu thừa phương tiện ăn để học thì lại không chịu *ăn học* cho thành tài để giúp dân giúp nước mà chỉ biết *ăn xài* với lại *ăn chơi*.

Trong các môn tiêu khiển mà con người bày ra cho người ta vui chơi thì cái môn cờ bạc là hấp dẫn nhất vì cờ bạc thì bao giờ cũng có *ăn tiền*. Những kẻ mà bản tính keo kiệt thì đôi khi có ghé vào sòng bài cũng chỉ nhằm mua vui chốc lát nên thích kè những người đánh lớn mà đang hên để mong họ thắng thì mình cũng được chia chút đỉnh nên chỉ là *ăn ké*. Người nào mà vừa ăn được chút đỉnh đã vội rút lui khỏi sòng bài vì sợ ngồi dai thua lại hết tiền thì được gọi là *ăn non*. Tuy nhiên những tay có máu mê cờ bạc thì lúc nào cũng chỉ muốn *ăn thua đủ* cho nên lỡ mà thần may mắn không chiếu cố tất nhiên có ngày phải sạt nghiệp đến mức không còn một đồng mua bánh mì gặm cho đỡ đói đành phải đi xin ăn nên được gọi là *ăn xin, ăn mày*.

Mặc dù trong việc *làm ăn* thì tất cả ngành nghề gì cũng thu nhận nam và nữ, duy có một nghề bán hoa ái tình thì chỉ dành riêng cho phái nữ mà thôi. Đây là một công việc làm ăn chẳng lấy gì làm vinh quang nhưng ở những nước hay nói đến vinh quang lại là những nước có nhiều chị em ta làm cái nghề này hơn cả. Lý do xui chị em ta chọn cái nghề này là thuộc phạm vi tìm hiểu của nhà xã hội học, tôi không dám lạm bàn. Ở đây tôi chỉ muốn nói là có những chị em ta kém may mắn không có cơ sở nào thâu nhận vào làm lâu dài thì cứ phải đêm đêm ra đứng lấp ló ở mấy gốc cây bên đường chờ đợi khách mua hoa để cho mình có tiền ăn thì được người ta gọi là *ăn sương*.

Vì con người thì càng ngày càng đông ra mà của ăn thì càng ngày càng khó hơn cho nên con người càng phải biết nhanh tay lẹ mắt chụp giật mới có ăn. Quy luật của sự *ăn tranh, ăn giành, ăn giật* là kẻ mạnh bao giờ cũng tìm cách *ăn hiếp* hay đè bẹp kẻ yếu để cho mình *ăn chắc*, hay nói khác đi là mình phải *ăn người*. Tiếng *ăn người* ở đây chỉ có nghĩa là hạ được người khác để chỉ còn lại mình được ăn chứ không phải coi thịt người như là một món thực phẩm rồi ăn như ăn thịt một con vật, mặc dù hiện tượng này không phải là không có. Các bộ lạc dã man ngày xưa vẫn thường coi món thịt người là món qúy và ngon nhất. Người văn minh thì không còn ăn thịt người nữa nhưng đôi khi vì quá cùng quẫn đành phải ăn cả thịt người như chuyện cha mẹ ăn thịt con vào thời xảy ra nạn đói khủng khiếp ở đồng bằng Bắc Việt vào năm Ất Dậu.

Từ cái chuyện tranh ăn và ham ăn mà có thêm cái hiện tượng *ăn được* và *được ăn*. *Ăn được* nói ở đây không có nghĩa là cái đồ ăn đó lành, không có tính độc làm hại đến sức khoẻ con người khi ăn vào bụng, mà có nghĩa là một người nào đó vì ham ăn nên ăn quá nhiều, ăn đến độ bộ máy tiêu hóa cũng trở thành tê liệt, nhưng cái bản chất đam mê ăn uống của người ấy vẫn không chừa nên hễ thấy của ăn hay người khác ăn thì tiếc mới mong cho mình cũng *ăn được*. Ca dao có câu:

Ăn được ngủ được là tiên
Không ăn không ngủ là tiền vứt đi

Tuy nhiên ngược lại có những kẻ chỉ mong *được ăn*. Họ là những kẻ quá thiếu thốn vì không thể kiếm ra cái ăn hoặc bị kẻ khác tước đoạt mất cái ăn cho nên niềm mơ ước của họ là *được ăn*. Nắm được cái yếu điểm này của quần chúng đói rách mà có nhiều kẻ đã lợi dụng cái chiêu bài "*cơm no áo ấm*" để lôi kéo quần chúng làm cách mạng. Nhiều người vì tin tưởng vào cái chân lý ấy của cách mạng nên đã lăn xả vào kẻ bị coi là địch để mà "*ăn gan uống máu quân thù*" cho cách mạng sớm thành công nhưng khi "cách mạng" thành công thì mới nhận ra lâu nay mình chỉ làm kẻ hy sinh *ăn bánh vẽ* để cho mấy ngài "*cách mạng*" an vui thụ hưởng những tàn dư của kẻ thù.

Tại những nước từng làm cách mạng theo kiểu đó mà thành công thì nhờ có những đỉnh cao trí tuệ sáng suốt nghĩ ra mà nhân dân còn được ăn uống có chế độ gọi là *ăn tiêu chuẩn*. Người không có tiêu chuẩn *ăn chính thức* nhưng vì dựa vào mối liên hệ đúng trong quy định với một người có tiêu chuẩn để mà hưởng theo phần nào thì gọi là *ăn theo*. Các đỉnh cao trí tuệ lại còn tính toán tinh vi và khoa học để sáng tạo ra được cái lẽ công bằng là cấp cao phải ăn bếp nhỏ còn cấp thấp thì được ăn bếp to. Điều này mới nghe thì thật là hấp dẫn, nhưng phiền một nỗi là chỉ có bếp nhỏ nấu cho một hai người ăn mới có thể có

chân giò heo hầm dược thảo, còn bếp to nấu chung cho cả làng cả tổng cùng ăn thì mở chảo ra chỉ thấy lỏng bỏng toàn là nước lã nấu với chân lý.

Cái tiếng được ăn còn được hiểu theo nghĩa được quyền ăn cho nên kẻ mong được ăn mà không có quyền ăn hay không được phép ăn mới nghĩ ra một cách đòi ăn gọi là *ăn vạ*, giống như khi đứa nhỏ thấy người lớn ăn một món gì đó mà không cho mình ăn hay có khi còn cấm mình ăn thì xoay ra làm nũng khóc lóc để đòi hỏi. Người lớn cũng thường xuyên ăn vạ lẫn nhau như hàng xóm ăn vạ láng giềng, công nhân ăn vạ giới chủ nhân... Trên bình diện quốc gia thì khi người dân mà cảm thấy mình bị áp bức quá cũng rủ nhau kéo đến cửa công *ăn vạ* chính quyền.

Trường hợp dân ăn vạ đòi hỏi những cái không lấy gì làm quá đáng thì cấp thẩm quyền có thể chỉ cần tuyên bố chờ "ngâm kíu" rồi đóng cửa nằm trong nhà *ăn no ngủ kỹ* mặc cho đám ăn vạ cứ *ăn chực nằm chờ* ngoài trời cho đến khi không còn đủ sức chịu đựng nữa phải cuốn chiếu ra về. Còn trường hợp dân ăn vạ quá đông và có nguy cơ làm đổ cả mấy cái ghế lãnh đạo thì cấp thẩm quyền vì quyết tâm bảo vệ chế độ cũng sẽ không ngần ngại gì mà không sai lính tới cho dân *ăn lựu đạn cay* hay có khi còn cho ăn luôn cả đạn thật để hết đòi hỏi lôi thôi.

Có lẽ vì cái ăn lúc nào cũng ám ảnh con người mà nhiều khi nói về sự vật người ta cũng dùng tiếng ăn cho nhiều trường hợp như khi người ta nói chiếc xe hơi này chạy *ăn xăng*, chiếc tàu nọ cặp bến để *ăn hàng*... rồi đến các hiện tượng thiên nhiên như nguyệt thực được gọi là mặt trăng *ăn* mặt trời, còn nhật thực là mặt trời *ăn* mặt trăng v.v... Những tiếng ăn dùng theo cách này cũng nhiều lắm nhưng vì không nằm trong nghĩa tiếng *ăn* chủ quan của con người nên tôi không muốn bàn đến. Duy có cái đường biên giới mới giữa nước ta và nước Tầu hiện nay đã *ăn sang* lãnh thổ nước ta thì cũng có liên hệ xa gần đến cái việc ăn của con người nên đang là vấn đề gây sôi nổi. Đối với những người dân Việt yêu nước thì thấy đây là một vết thương đang *ăn sâu vào lòng* dân tộc nhưng đối với những kẻ có trách nhiệm trực tiếp về vấn đề này thì trót quen *ăn trên ngồi trước* nên không muốn lôi thôi về nó mà mất cái chỗ *ngồi mát ăn bát vàng* nên vẫn cứ *ngậm miệng ăn tiền*.

Vì nhận thức được cái sự đam mê ăn của con người là nguồn gốc của mọi sự sa đọa cũng như nguyên nhân của không biết bao nhiêu tranh chấp khiến cho con người trở nên hận thù, chinh chiến, tàn sát lẫn nhau nên từ xưa các nhà tôn giáo đã nghĩ ra phép *ăn chay* để cho tinh thần con người tỉnh táo ra mà biết sám hối. Ăn *chay* là phải kiêng ăn một số đồ ăn nào đó như người theo Phật giáo thì không được ăn các loài động vật. Thế nhưng nhiều người miệng thì nói ăn chay nhưng thực tế thì chỉ tìm cách ăn mặn và còn ăn bạo hơn cả người không bao giờ ăn chay. Có người thì tin theo giáo luật để khi ăn chay chỉ dùng rau quả ngũ cốc thôi nhưng vì cái ước muốn thèm thuồng những của ngon vật lạ trần gian vẫn chưa dứt bỏ cho nên mới chế ra gà quay chay, giò heo hầm chay v.v... để vẫn được ăn ngon mà không sợ phạm giới luật.

Người theo Thiên Chúa giáo thì khi giữ chay phải kiêng thịt và hạn chế số lượng thực phẩm đưa vào bao tử trong ngày đó cho nên có người mới chế ra cái trò canh đồng hồ: trước khi sắp bước vào ngày chay là họ đã lo ăn uống cho căng cả bụng lên để ngày ăn chay chỉ ăn qua loa đúng phép vẫn không đói. Chưa hết ngày chay thì đã lo sửa soạn sẵn các món ăn thật ngon, thật dồi dào để chờ đồng hồ vừa chỉ nhích qua ngày là an tâm chè chén mà không hề có một chút mặc cảm phạm tội nào.

Cũng vì thấy cái ăn lúc nào cũng ám ảnh con người và làm cho con người thành mê muội nên từ xưa trong ngôn ngữ Việt ông cha ta cũng còn dùng một tiếng ăn nữa cho dễ nhớ nhưng không nhằm chỉ hành động ăn theo nghĩa vật chất mà chỉ là một trạng thái tinh thần biết nhận ra những lỗi lầm sai trái trong suy nghĩ, lời nói và việc làm của mình để mà hối cải, tức là *ăn năn*. Cái tiếng ăn này thì hình như chẳng có vẻ gì hấp dẫn hay thú vị đối với nhiều người nên rất nhiều người cứ tảng lờ đi như không biết.

Tuy nhiên, những người nào mà trong quá khứ chỉ biết *sống để ăn* nên đã ăn quá nhiều, *ăn đến ngập mày ngập mặt*, ăn đến nỗi đâm ra *lú lẫn quên hết mọi cái phải trái ở trên đời*, ăn theo kiểu *ăn gian làm dối, ăn cháo đái bát, ăn cây táo rào cây sung, ăn trên mồ hôi nước mắt của kẻ khác, ăn trên sự đau khổ của đồng bào, ăn trên xương máu của nhân dân*, cũng cần nên nhớ lại hai tiếng *ăn năn* này để mà chịu khó mỗi ngày biết *ăn năn* một chút thì may ra xã hội loài người mới không có ngày bị hủy diệt vì những con người trót bị sa đọa vì *ăn./.*

VỢ GIỎI

NGUYỄN ÁI NHÂN

Vợ Thắng rất giỏi.

Tất cả bạn bè, người quen của Thắng đều nói vậy. Nhiều người trong số họ tin và nghĩ vậy.

Vợ Thắng rất giỏi.

Mọi người ở cơ quan, nơi vợ Thắng làm việc, đều khen vậy. "Em không tin những người đó lắm.", Thắng thường nói vậy với tôi.

Vợ Thắng rất giỏi.

Những người cùng công ty của Thắng cũng khen vậy. Nhưng Thắng bảo tôi: "Họ biết gì về vợ em, chỉ khen vớ vẩn."

Vợ Thắng rất giỏi.

Tất cả mọi người bên gia đình vợ Thắng đều khen vậy. Mỗi lần ở nhà gia đình vợ về Thắng lại kể cho tôi nghe một chuyện mới về vợ vừa được nghe. Chính xác hơn, một chuyện mới về việc cũ: "Vợ Thắng ngày xưa giỏi thế nào?".

Vợ Thắng rất giỏi.

Thắng cũng đã từng tự hào về điều đó, rất lâu. Đến nay, nhiều khi quên, Thắng vẫn tự hào về điều này, tuy chỉ khoảng khắc ngắn, dè dặt và theo thói quen.

"Hương rất giỏi anh ạ!" Ngày đó, lần đầu tiên Thắng kể với tôi về cô bạn (sau thành người yêu, rồi vợ) như vậy.

Từ ngày đó đến nay, thời gian đã khác. Nhiều chuyện cũng đã đổi thay.

*

Tôi phóng xe vội vã từ chỗ làm đến nhà Thắng. Tất cả như trêu ngươi, lúc vội bao giờ cũng thường xảy ra lắm chuyện. Đường phố như đông hơn, mặc dù ngày thường đã quá đông. Mọi người hình như đi chậm hơn, lộn xộn hơn để cản trở tôi. Đèn đỏ cũng như nhiều hơn, lâu hơn, bát nháo hơn. Tôi chắc chắn sẽ đến muộn, ít nhất 30 phút. Tất cả hình như đồng lòng quyết tâm chống lại tôi, quyết không cho tôi đến đúng giờ. Một sự thống nhất hiếm có, ở Việt Nam và với người Việt Nam. Đèn đỏ ở phố Đội Cấn như cố tình chơi trội, sáng rất lâu khiến không chỉ tôi mà tất cả người xung quanh cùng bực tức và chửi rủa. Chưa hết, hai đèn xanh ở ngã ba gần công viên Lê-Nin cùng tranh nhau sáng một lúc khiến tất cả xe máy ở hai phố cùng lao ra ngã ba, xuýt xảy ra bao nhiêu tai nạn nếu những người đi xe không kịp đề phòng (ở Việt Nam thường xuyên phải tập trung đề phòng chuyện xấu nhất, không chỉ những lúc đi xe máy, xe đạp, luôn là điều cần thiết). Người và xe cộ ngổn ngang, người nọ chửi người kia: "Mù à !"; "Bà già kia, muốn chết sớm hay sao đấy!"; "Mua bằng hay sao mà cắm đầu đi đèn đỏ!"; "Đồ ngu, không nhìn thấy đèn đỏ hay sao?"; v.v. Câu lịch sự nhất tôi nghe được trong đám hỗn loạn ấy: "Trời ơi, muốn chết hết cả hay sao?" và lời than của một bác đứng tuổi bên đường: "Trước sau cũng chết cả, đi đâu làm gì cho vội."

Vượt qua đám hỗn loạn do hai đèn xanh cùng sáng một lúc, chiếc xe 82' (xe Honda, model sản xuất năm 82) cùng tôi lại vội vã hết khả năng lao về phía trước. Dù biết là sẽ đến muộn, nhưng tôi vẫn cố đến muộn ít nhất- thói quen xấu của những kẻ đã từng có thời gian ở nước ngoài. Khổ nỗi, với chiếc xe trung thành, tận tụy nhưng quá cũ này có muốn nhanh hơn cũng không được. Thực ra, tôi không cần cố đến đúng giờ hay vội vã làm gì. Chỉ là bữa cơm liên hoan nhỏ do vợ chồng Thắng mời bạn bè và người quen thân thiết nhất với cớ nhân dịp "sinh nhật Thắng" và "kỷ niệm ba năm ngày cưới" thôi mà. Gọi là lấy cớ vì sinh nhật Thắng đã trôi qua hai tuần, còn kỷ niệm ba năm ngày cưới của vợ chồng Thắng mãi tận những chín ngày nữa mới tới. Nhưng vì ai cũng có vẻ bận và tất bật nên vợ chồng Thắng quyết định dồn hai buổi liên hoan kỷ niệm làm một.

Lao vội xe lên tận vỉa hè, nơi nhà ở tầng một tự chiếm dụng để trông xe cho khách, tôi mới vội vã xuống xe, cầm chai rượu vang năm 1994 còn sót được tìm thấy ở nhà, tôi vội vã leo lên cầu thang. Vừa chạy, vừa thở vừa nghĩ đến sự trách móc lẫn những cái nhìn diễu cợt của mọi người dành cho kẻ đến muộn, tôi vội vàng gõ cửa. Nhưng lạ thay, tôi chợt nhận ra sự yên tĩnh trong phòng khách nhà Thắng. Thắng thò đầu ra và phủ đầu bằng giọng quen thuộc: "Cán bộ với chiếc xe cà khổ đến sớm nhỉ?" Nhoài người vào phòng, tôi ngạc nhiên (như bao nhiêu lần khác- vẫn thói quen xấu vậy): phòng khách bày biện sẵn sàng, các

món ăn, rượu bia đã sắp xếp cẩn thận quanh chiếc mâm tròn đặt giữa phòng khách, bộ bàn ghế tiếp khách thường ngày được thu gọn lại vào góc phòng ... nhưng chưa có ai cả. Đúng hơn, chỉ có một cậu bạn dáng trí thức đã đang ngồi đó, hình như tôi đã gặp, và cũng lại một kẻ đã từng ở nước ngoài về và có tật xấu đúng giờ. Thấy sự ngạc nhiên của tôi, Thắng ngạc nhiên và bảo: "Anh ngạc nhiên gì vậy? Mọi người sẽ từ từ, trước sau cũng đến." Hương, vợ Thắng, từ trong bếp chào vọng lên: "Chào anh Hùng," và phá lên cười "Trời ơi, anh Hùng về nước bao nhiêu năm rồi mà vẫn cố đúng giờ và vẫn còn ngạc nhiên nữa cơ đấy."

*

Thắng bảo tôi: "Anh em mình làm cốc bia trước đi. Rượu đợi mọi người đến mở sau." Cầm chai rượu tôi đưa, Thắng trầm trồ: "94' cơ à, xịn nhỉ. Cám ơn anh." Và chợt nhớ ra điều gì, Thắng hỏi tôi: "Nhưng mà này, anh Hùng, rượu thật đấy chứ?". Tôi hơi tự ái: "Sao mày lại hỏi thế? Rượu anh tìm thấy và mang từ nhà đi đấy." "Xin lỗi ông tự ái," Thắng giải thích- "Có lý do nên em mới hỏi. Cách đây vài tháng em mua một chai rượu vang cũng năm 94' khá đắt để tặng một anh người quen rất tốt, đã giúp em mấy việc quan trọng. Thấy chai rượu xịn 94', anh ấy làm món nhắm mời bạn bè thân thiết đến thưởng thức. Ai ngờ mở ra, thấy cặn xủi lên biết ngay là rượu rởm. May mà anh ấy nhanh chí vứt đi ngay và thay bằng chai khác- bình thường hơn. Anh ấy không trách gì cả nhưng chỉ hỏi em lấy chai rượu đó ở đâu. Khi biết em mua, anh ấy chỉ bảo:- Lần sau mua cẩn thận, rượu bia bây giờ nguy hiểm lắm, uống không cẩn thận mang họa vào mà chết đấy."

Vừa chạm cốc bia xong, Thắng quay ngay sang cậu bạn, khoe về tôi: "Tuấn, mày gặp anh Hùng rồi phải không? Anh ấy có cái xe 82 rất cũ mà dứt khoát không chịu bán hay đổi mua xe khác."

Tuấn quay sang hỏi tôi: "Bây giờ xe máy Tàu rẻ lắm, trông đẹp nữa sao anh không mua lấy một chiếc đi cho có tư thế?"

Tôi lại phải giải thích (không biết bao nhiêu lần rồi vì chiếc xe): "Anh trông còn chẳng ra gì, tư thế lẫn tư cách làm chó gì có mà lại phải cố đi chiếc xe có tư thế?"

Cậu bạn Thắng hơi ngạc nhiên trước phản ứng của tôi. Thắng vốn biết tính tôi, nó mặc kệ và tiếp tục: "Có mấy tay xe ôm sẵn sàng trả anh ấy 13-14 triệu cho chiếc xe ấy. Bán đi anh Hùng có thể mua được thậm chí hai chiếc xe tàu, thế mà ông ấy không chịu. Mày thấy hâm không?"

Tuấn nhún vai và thanh minh: "Cái đó tùy quan điểm mỗi người. Nhưng em nghĩ cái xe nó không chỉ là phương tiện giao thông, nó còn là cả bộ mặt của người đi xe nữa- giống như răng, tóc, quần áo." Dừng lại một chút, Tuấn tiếp tục "lên lớp" cho tôi: "Anh ở nhà thuê, hay nhà của anh- xấu hay đẹp- người ta ít biết và không thấy. Nhưng ra đường anh đi xe thế nào, người ta nhìn thấy và đánh giá anh ngay."

"Thằng này đặc sệt kiểu trí thức Việt Nam!", tôi nghĩ thầm và đang định châm chọc lại thì có tiếng ồn ào ngoài cửa: "Chủ nhà ơi, xin lỗi nhé, vì đến muộn ấy."

Thắng bảo: "Đám bạn vợ em đấy." Nó đứng lên, ra mở cửa và như theo thói quen, Thắng bổ xung thêm rất tự nhiên: "Toàn người giỏi, rất thành công đấy."

Tôi để ý, Thắng nói nhiều câu rất giống vợ. Mỗi lần nói chuyện, Hương bao giờ cũng có những câu như vậy khi nói về bạn bè của cô. Thường là những câu giống nhau, chỉ khác đối tượng như: "anh ấy/chị ấy giỏi và thành công lắm. Rất giàu. Không nghèo và khổ như bọn em đâu"; "Chị ấy giỏi lắm"; "Anh ấy rất thành công và giàu lắm"; "Họ rất thành công..." v.v." Hương khiến tôi thường xuyên có cảm giác như bạn bè của Hương- vợ Thắng- toàn là những người giỏi, giàu có và thành công. Cũng như vậy, Hương thường khen ngợi mọi điều ở nước ngoài, cái gì của Mỹ cũng tốt, hay, ngon hơn. Và tất nhiên, cô chê người Việt Nam, cơ quan Việt Nam thường xuyên là ngu dốt, xấu xa v.v. Thế nhưng mỗi lần tôi đồng tình và bổ xung thêm gì đó về tính xấu, không hay của người Việt Nam thì Hương lại phản ứng ngược lại và lôi ra bao chuyện tốt đẹp của người Việt Nam và đem so sánh với những điều xấu khác của nước ngoài. Mâu thuẫn và rất khó nói chuyện. Nhiều khi phản ứng của Hương làm tôi liên tưởng đến hành vi của trẻ con: Luôn làm và nói ngược lại người khác.

Đám bạn Hương ùa vào phòng. Một cậu và ba cô. Các cô kéo nhau ngay xuống bếp và ở đó ngay lập tức rộn ràng. Tôi hỏi Thắng: "Bạn học cũ hay ở cơ quan vậy?"

"Bạn học cũ," – nó hạ giọng xuống và bảo nhỏ tôi đủ nghe: "Bọn em không bao giờ mời người cơ quan đến nhà. Thậm chí họ không biết là bọn em đã ở nhà riêng. Cơ quan vẫn nghĩ bọn em ở cùng bố mẹ."- Dừng lấy hơi, Thắng chân thành: "Anh biết đấy. Cơ quan nhà nước mà. Đố

ky, ghen ghét, đóng kịch ,nói xấu, chèn nén nhau suốt ngày. Mời họ đến nhà để hôm sau bọn nó đem ra phê bình, đấu tố trong cuộc họp à?"

*

Cuối cùng thì mọi người cũng đến gần đông đủ. Buổi liên hoan có thể bắt đầu, chậm gần hai tiếng rưỡi với dự định. Thắng phát biểu vài lời xin lỗi những người "đến sớm." Tôi cười bảo: "Không cần phải xin lỗi làm gì. Người Ý và Ả Rập đến muộn hai tiếng là chuyện bình thường. Mình chỉ kém họ một tí thôi, không sao đâu." Bữa cơm vui vẻ và thoải mái. Phải công nhận khách quan rằng, Hương nấu ăn rất ngon và bày biện cũng đẹp. Tất cả ăn, uống thoải mái, vui vẻ và cởi mở. Giữa bạn bè vẫn khác với lúc ở cơ quan hay những nơi làm việc, họp hành.

Chỉ không lâu, sau khi đã chạm đũa các món ăn, tất cả chuyển sang giải trí bằng những hình thức khác. Các cô xúm vào xem tập ảnh vợ chồng Thắng mới chụp cùng cậu con trai ... và cả những tập ảnh cũ. Đám đàn ông tập trung và say sưa vào canh bài. Nhà Thắng không có dàn Karaokê nên không ai biểu diễn hát được. Chỉ vài người còn sót lại ngồi bên cạnh đám đánh bài xem và nói chuyện rời rạc. Bữa cơm liên hoan nào cũng vậy, ná ná giống nhau. Thời gian nhiều nhất dành cho việc nấu ăn chuẩn bị và chờ đợi khách đến. Ăn uống thì ít và nhanh, chuyện ít và thường kết thúc bằng đánh bài, hát karaoke hay xem ảnh. Ai đó đã nói đúng thật, người Việt Nam vốn không có nhiều điều để nói và vụng nói chuyện nên các buổi liên hoan, hội hè thường như thế. Cũng thật khó, thanh niên ngày nay thường chỉ thích những chuyện vớ vẩn, khoe cho người nọ, người kia xung quanh biết sự chơi "hầm hố", hiểu biết, quen biết nhiều người nổi tiếng, giàu sang này nọ của mình. Họ bạ đâu nói đấy, chỉ biết những câu đùa cợt, tục tằn để cười ầm ĩ cho có không khí vui vẻ. Nhiều khi nói, mục đích chỉ để những người xung quanh nghe vì mọi chuyện khác đã biết với nhau cả rồi, gặp nhau thường xuyên mà. Nói chuyện thú vị, có hiểu biết thì thường nghe thấy thích nhưng vì hạn chế, ít chuyện và để câu chuyện có nghĩa phải tập trung đối đáp mệt nhọc. Hơn thế, nói chuyện có ý nghĩa lại còn làm người ta dễ tự ái, mặc cảm vì không khoe được nhiều chuyện của mình, xe mới mua, áo mới sắm... Hội hè bao giờ cũng có trò gì đó tiêu khiển, đánh bài hoặc thách đố nhau uống rượu cho rầm rầm, cho có chuyện xảy ra mà vui, mà giết thời gian.

Các cô vẫn tiếp tục xem, bình phẩm và vui vẻ với những tập ảnh cùng chuyện quần áo, chuyện người này, anh kia và chị nọ. Đám đánh bài vẫn còn rôm rả, nhóm thách đố rượu bia đã mệt, liêu xiêu và chuyển sang tư vấn, dạy bảo đám đánh bài. Tôi cảm thấy mệt mỏi và chán chường như bao lần khác. Thắng ra bảo tôi: "Anh về trước đi. Bọn nó còn phải lộn xộn một lúc nữa, không thì biết giết thời gian vào việc gì khi mà sách thì không đọc, chuyện thì không có gì để nói, để nghe." Tôi gật đầu, quay ra bảo Hương và đám các cô: "Thôi, anh xin phép về trước đây. Bọn em ở lại vui tiếp nhé." Thắng đứng lên cùng tôi ra cửa. Một cậu trong đám quanh ván bài giọng say lè nhè nói với theo: "Ông anh yếu thế, về sớm quá đấy!"

*

Ba tuần sau bữa cơm thân mật. Đang "làm việc" ở cơ quan, Thắng gọi điện bảo tôi: "Chiều nay anh rỗi không? Sau giờ làm đi uống bia với em."

Tôi hỏi ngay: "Lại cãi nhau với cô vợ giỏi à?"

"Không."- Thắng trả lời nhưng bồi thêm: "Vợ giỏi, nhưng ngu bỏ mẹ." Nghe vậy, tôi không hỏi gì nữa và chỉ hỏi: "Đi chỗ nào?"

"Ra quán bia 'Ốc chó,' cạnh trường cấp hai, gần công ty em nhé."

"Cho thêm cốc bia nữa," vừa nhìn thấy tôi vào, Thắng gọi to cậu rót bia.

Tôi chưa kịp ngồi, Thắng đã bảo ngay: "Vợ em giỏi mà sao ngu thế cơ chứ?"

Không đợi tôi hỏi và kịp phản ứng gì Thắng giải thích ngay: "Nhà vợ em có giỗ. Tất nhiên mọi người định mời bố mẹ em là 'thông dao' đến. Anh biết vợ em về bảo với mẹ vợ thế nào không?"

Tôi nhướn mắt lên: "Chịu."

"Nếu mẹ mời bên thông gia của con thì cũng xã giao thôi nhé, không cần nhiệt tình đâu. Hơn nữa, khi đến mẹ đừng kể chuyện bọn con sống thế nào. Họ không như nhà mình, hay bịa đặt ra các điều toàn là không hay thôi. Qua các kinh nghiệm xảy ra, nhà mình càng xa cách với họ càng tốt. Hơn nữa họ cũng không muốn gần mình đâu. Khác nhau về văn hóa nhiều quá mẹ ạ."

Tôi sửng sốt: "Thật thế không? Sao chú biết?"

"Sao em biết, anh không cần hỏi," mặt Thắng đỏ tím lên vì tức và thở hắt ra: "Còn thật thì chắc chắn."

" Thế mẹ vợ cậu thì bảo sao?"

"Chịu, em không biết và cũng không quan tâm

nữa." Thắng nhìn tôi và hỏi: "Người ta bảo muốn biết vợ thế nào thì đến thăm mẹ vợ, có đúng không?"

Tôi im lặng. Thắng im lặng. Chúng tôi ngồi im và lầm lì uống bia. Không khí xung quanh vẫn ồn ào, ầm ĩ đủ mọi chuyện trên trời, dưới biển.

Tôi bảo Thắng: "Anh vẫn chưa biết có nên tin chuyện đó hay không? Vợ mày giỏi. Hương có học, thậm chí đã học quá nhiều, có bằng cấp- thậm chí cả bằng tiến sĩ. Nó cũng đi nước ngoài nhiều, đi nhiều trong nước. Làm công việc tiếp xúc thường xuyên với mọi người. Chẳng nhẽ... chẳng nhẽ... lại ngu thế thật sao?"

"Anh nói đúng. Vợ em được học nhiều, đi nhiều, biết nhiều và... cả ngu nhiều. Còn chuyện giỏi hay không thì cần nghiên cứu thêm."

Tôi không nén được, bật cười vì giọng có vẻ rất nghiêm chỉnh của Thắng. Nó vẫn vậy. Ít nhất, Thắng vẫn chưa mất đi tính hài hước "lập dị" của nó.

HOÀNG HUY KHÁNH

Hoa Cúc Ngày Xưa

Buổi đầu xuân
Tình cờ
Ta gặp lại
Áo em vàng
Màu hoa cúc năm xưa
Có vì sao nào
Còn nép trong mưa?
Mà trong mắt em buồn
Ẩn một vầng trăng nhớ.

*

Chúng tôi quen nhau ở đại học. Tôi hơn Thắng ba tuổi và học trên một năm. Thắng từ huyện Hưng Yên lên. Nó vốn học rất giỏi và tự học thi đỗ vào đại học khi phong trào học thêm đã rất phổ biến và tốn kém. Tuy học nghành tự nhiên rất cơ bản: Vật lý, nhưng Thắng lại rất thích chuyện cổ tích và có thú quan sát mọi người. Nó bảo: "Em thích nhất khi quan sát con gái cáu hay đang buồn và khóc." Chúng tôi có lý lịch gần giống nhau. Mẹ Thắng làm cán bộ hội phụ nữ ở huyện, bố làm ở một cơ quan thành phố Hà Nội. Bố tôi làm cũng làm ở một công ty quốc doanh, mẹ tôi dạy học. Chúng tôi đều là con em "cán bộ ,công nhân viên nhà nước" (ngày nay gọi là công chức nhà nước), thành phần "tốt hơn" đám con nhà "tiểu thương" buôn bán đục khoét (ngày nay được gọi đàng hoàng hơn: doanh nghiệp tư nhân). Chúng tôi học hai nghành trái ngược nhau: Tôi học lịch sử, Thắng học vật lý. Chúng tôi ít là đối tượng để các cô gái để ý và quan tâm. Có rất nhiều lý do, chúng tôi ít quan tâm đến quần áo, hình thức và cũng không có được vẻ lịch thiệp, quan tâm chăm sóc chu đáo đến phái nữ. Ngoài việc ăn mặc quần áo lộn xộnThắng thậm chí còn đi dép cao su, tóc cắt cua và được nhiều người bảo là hâm vì tội thích chuyện cổ tích. Thắng ở Ký túc xá hai năm đầu, sau đó Bố được phân nhà và cả gia đình nó chuyện ra khu tập thể ở Hà Nội. Từ đó chúng tôi thậm chí thỉnh thoảng còn đi học chung đường.

Tôi còn nhớ mãi lời giới thiệu đầu tiên của Thắng về Hương: "Hương giỏi lắm anh ạ!"

Lúc đó tôi đã khá ngạc nhiên vì ít khi nghe ai giới thiệu về người yêu của mình như vậy. Hơn nữa tôi học lịch sử nên khá nhạy cảm về chữ nghĩa. Vì tôi biết Thắng rất giỏi và không có thói quen hay khoe khoang nên phản xạ đầu tiên là tôi tin và nghĩ ngay: "Chắc con bé này chắc ghê lắm đây. Thằng Thắng mà phải mở đầu khoe như vậy!"

Hương dáng ngược lại với Thắng. Cô trông

xinh xắn, nhanh nhẹn và luôn ăn mặc diện, đẹp. Tóm lại, Hương lúc đó là một cô gái mà đi qua chúng tôi chắc chắn sẽ phải nhìn theo. Sau này, khi quen hơn tôi được biết, Hương học báo chí, nấu ăn chơi đàn viôlong rất giỏi – một ngôi sao trong trường. Cô còn có một đám bạn cũng rất "thành phố," ăn mặc diện, pha chút kênh kiệu như cô và đặc biệt: Hương và cả đám bạn của cô ta rất hay chê người khác- trong đó có tôi và Thắng- là "nhà quê."

Thắng và Hương quen nhau khi cùng đi tập quân sự đầu năm thứ hai. Chỉ có điều mà mãi tôi vẫn không hiểu: Tại sao Hương, một cô gái thành phố kiêu ngạo ít nhiều như thế, lại để ý và thậm chí yêu Thắng- chàng sinh viên nhà quê dở hơi thích chuyện cổ tích.

*

"Chuyện mâu thuẫn con dâu, mẹ chồng thì muôn thủa. Nhưng em không ngờ là mọi người nghĩ về nhau khủng khiếp như vậy. Chẳng ai kém ai cả. Mẹ em cũng nghĩ mình là giỏi, vợ em cũng nghĩ vậy và không ai chịu ai. Mẹ vợ nữa chắc cũng nghĩ vậy. Nhà lắm người giỏi quá, mệt ghê."

Lời nói của Thắng cắt dứt dòng suy nghĩ lan man của tôi về chuyện ngày xưa của hai vợ chồng Thắng.

"Em nói cái gì? Anh không nghe hết."- Tôi hỏi lại.

"Em bảo, đàn bà nhà em, ai cũng giỏi- mẹ, vợ, mẹ vợ- nên rắc rối lắm."

"À, tưởng gì. Nhà nào chẳng thế. Mày nghĩ nhà anh thì khác hay sao? Chỉ khác nhau ở mức độ nhiều hay ít mà thôi."

"Đời nhà ai, con gái lại đi dạy mẹ đối xử với nhà chồng bao giờ cơ chứ. Đã thế lại còn dạy toàn điều ngu."- Thắng vẫn chưa hết tức giận.

Tôi im lặng. Thắng cũng im lặng trở lại. Tất cả xung quanh vẫn ồn ào, ầm ĩ đủ chuyện. Quán bia thời kinh tế thị trường XHCN mà.

Chúng tôi không biết đã uống cốc thứ bao nhiêu.

"Anh Hùng, về thôi anh ạ," Thắng bảo tôi - "Em thấy say rồi. Nói đúng hơn là vẫn chưa say hẳn, vẫn thấy tức và chán. Hóa ra rượu bia nhiều lúc cũng không mạnh bằng ý nghĩa, cảm xúc của con người."

"Về thôi. Chú vẫn triết lý dở hơi kiểu vậy mãi."- Tôi đứng lên và ra trả tiền.

Chuyện quan hệ phức tạp trong gia đình Thắng tôi đã biết. Có lẽ họ khác xa nhau "về văn hóa" cũng như sự khác nhau giữa hai nhà mà Hương đã dạy mẹ cô ấy thật.

*

"Hương giỏi lắm anh ạ. Cô ấy sẽ đi học tiếp tiến sĩ ở nước ngoài." Thắng nói với tôi vậy trong một lần gặp nhau sau khi chúng tôi đã tốt nghiệp đại học. Thắng vừa tốt nghiệp và đang tràn đầy hy vọng về tương lai. Còn tôi đã xin việc hơn một năm và vẫn chưa thấy gì sáng sủa lắm.

Sau một buổi liên hoan nhỏ, Hương chia tay chúng tôi sang nước bạn học tiếp. Tôi vẫn tiếp tục tìm và đi gõ cửa xin việc. Thắng bắt đầu chặng đường dài xin việc của nó.

Mấy tháng sau, tôi gặp lại Thắng. Tôi đã xin được một việc ở một công ty du lịch thành phố, chức năng chủ yếu viết các khẩu hiệu và một vài cuốn hướng dẫn du lịch mỏng. Thắng bắt đầu thấy sự khó khăn của hành trình xin việc. Nó đã hiểu ra rằng bằng tốt nghiệp xuất sắc không quan trọng bằng sự quen biết, tính khéo léo hay địa vị, tiền bạc của cha mẹ... thậm chí ngay cả dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Tất cả có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau nhưng không thể tuyệt đối được, có những người có quyền lợi "ngang bằng hơn." Tuy nhiên, Thắng rất vui vả kể với tôi về Hương. Hương viết thư kể cho nó rằng, cô ấy được học ở một trường rất nổi tiếng ở nước bạn. Tất cả sinh viên ở đó hoặc là rất giỏi, hoặc là con cháu những người chức to, nổi tiếng hay rất giàu có. Tôi nghe và thấy mừng cho Thắng thật sự. Nhưng tôi cũng không khỏi chạnh lòng khi nghĩ đến bản thân và thoáng thoảng qua đầu sự lo lắng cho Thắng. Họ, Thắng và Hương có vẻ khác nhạu nhiều quá.

Thắng cuối cùng cũng tìm được việc, làm hợp đồng ở một viện nghiên cứu hóa thực phẩm (Thắng tốt nghiệp loại giỏi nghành vật lý lượng từ). Thế nhưng khi gặp tôi, nó trông buồn. Không phải nó buồn vì làm trái nghành ở viện hóa, mà vì chuyện Hương. Tôi không dám hỏi, nhưng lo lắng chờ chuyện xấu nhất. Chuyện xấu nhất chưa xảy ra, nhưng đã có dấu hiệu. Thắng thú nhận với tôi rằng nó cũng bắt đầu có cảm giác về khác biệt giữa hai người. Hương cũng có dấu hiệu nhận ra và bắt đầu nói về chuyện đó. Dù muốn hay không, vẫn đập vào mắt Hương sự khác nhau giữa Thắng và những người bạn xung quanh Hương ở nước ngoài. Những người đó giỏi, thanh lịch, tình tình rất hay và có bố mẹ có quyền thế hay giàu có. Bên cạnh đó, Thắng quá bình thường. Thắng chỉ khác họ ở một vài điểm không có gì đặc biệt

hay ấn tượng lắm như: Độ lượng, chân thành, có cá tính đến mức bị coi là lập dị. Cả hai cũng bắt đầu nhận ra một điều: Thắng khác, sẽ mãi mãi khác hình ảnh người đàn ông lý tưởng của Hương. Bằng giọng buồn buồn, Thắng tâm sự: "Hương thậm chí luôn có xu hương muốn em phải ăn mặc thế này, thế khác hay phải nên thế nọ, làm thế kia..." Nghĩ một chút như để tìm lời, Thắng tâm sự tiếp: "Cô ấy còn cho rằng em không cố gắng, chỉ lý thuyết suông vớ vẩn, không thực tế và cả lập dị nữa." Những ngày đó thật buồn, cho cả hai chúng tôi. Tôi đã không biết phải nói gì, khuyên gì Thắng cả.

Điều xấu nhất xảy ra không lâu sau đó. Đợi đúng hết giờ làm việc, tôi lao ngay ra khỏi cổng cơ quan thì thấy Thắng đã đợi đó. "Anh Hùng, đi với em đi." – Nó bảo tôi. Nhìn mặt nó, tôi không nói gì và chỉ hỏi: "Đi đâu đây?" "Đi đâu cũng được, miễn là khỏi phải về nhà ngay."- Thắng trả lời ngay lập tức. Không cần hỏi, tôi cũng đoán ra: Chuyện Hương!

Thật trớ trêu, hôm đó lại là một ngày mùa xuân rất đẹp trời. Không khí hơi se lạnh, cây cối bắt đầu nẩy mầm và nắng trải dài khắp nơi. Những ánh nắng vàng nhạt mùa xuân đang tắt rất yếu ớt. Chúng tôi có thể đi đâu khác ngoài ra quán- thói quen rất xấu để lại từ thời còn là sinh viên.

Bên cạnh mấy chén rượu trắng rẻ tiền và lạc rang, Thắng đưa tôi xem lá thư của Hương mà nó mới nhận được chiều hôm trước. Bức thư chia tay. Phải công nhận, Hương đúng là dân học báo và giỏi về chữ nghĩa. Bức thư rất dài, viết rất buồn, đau khổ, cảm động... và cả rất rõ ràng. Sức mạnh ngòi bút đáng sợ thật (ngay cả với một người biết và hiểu cái sức mạnh đó như tôi). Đọc chưa hết mà tôi đã cảm thấy lạnh sống lưng và muốn ứa nước mắt. Không đủ can đảm đọc hết bức thư, tôi trả lại Thắng: "Thôi, đủ rồi. Anh không thể và cả không muốn đọc tiếp nữa." Không biết hôm đó chúng tôi ngồi bao lâu, ăn hết mấy đĩa lạc và cả uống bao nhiêu chén rượu hạt mít nữa. Chỉ còn nhớ, chúng tôi đứng lên ra về vì hết tiền mua lạc mua rượu và đói ghê gớm. Trước khi chia tay, tôi còn đủ sức để an ủi Thắng, đại loại rằng: Nó cứ buồn đi, thật buồn vào và không việc gì phải dấu diếm cả- ít nhất với tôi - để rồi sau đó mọi chuyện, cuộc đời sẽ tiếp tục trôi. Dù rất buồn, nhưng tôi vẫn còn nhớ, trời hôm đó thật đẹp. Thế mà người ta bảo: "Người buồn thì cảnh có vui bao giờ." Thật vớ vẩn!

Sau đó chúng tôi gặp nhau thường xuyên hơn. Thắng nhiều hôm như người mất hồn dù đã rất cố tỏ vẻ bình thường lại.

*

Gần hai năm sau đó, quá chán việc cơ quan, tôi xin được đi thực tập ở nước ngoài. Tôi đi thực tập không phải về lịch sử mà về quản lý kinh tế xí nghiệp. Một chận trời mới và cả một ngành mới đang chờ đợi tôi. Tôi và Thắng chia tay nhau trong tậm trạng rất buồn. Thắng bảo: "Anh em mình đừng lười viết thư nhé. Em chẳng còn ai hiểu em để nói chuyện cả." Chúng tôi đã cố giữ lời cam kết đó và đã giữ liên lạc bằng thư khá nhiều chỉ trong suốt gần một năm bởi vì ở đời không ai học được chữ ngờ!

Đang ngồi xem vô tuyến trong phòng, chiếc loa rè rè của chung cư vang lên khắp phòng: "Ông Hùng có khách." Tôi càu nhàu, vội tìm dép và đi xuống phòng thường trực xem ai đến phá đám vào lúc trời đã tối giữa mùa động lạnh giá thế này. Từ xa tôi đã sửng sốt, Thắng! Đúng là Thắng thật!

"Sao mày lại ở đây? Sang khi nào?"- Tôi hỏi ngay, dồn dập.

"Ở nhà chán quá, em cũng xin đi 'lao động' để gặp anh."- Thắng cười, mặt tái mét vì lạnh- "Bên này lạnh quá ạnh ạ!"

Chúng tôi vội vã lên phòng vì ở đó ấm hơn thật.

Không ai ngờ và nghĩ tới, nhưng chúng tôi đã gặp lại nhau ở đất châu Âu lạnh giá này.

Từ đó, chúng tôi thường xuyên gặp nhau, thường xuyên hơn cả ở Việt Nam. Có được người quen, thân và bạn tâm giao ở trên đất nước xa lạ như thế này thật hiếm và không phải ai cũng có may mắn đó.

Thắng sang nước bạn học nghề cao đẳng về nghành cơ khí. Nó cười bảo tôi: "Dù sao cũng gần với vật lý của em hơn như anh. Lịch sử gia đi làm kinh tế xí nghiệp." Tôi bảo nó: "Tố Hữu, nhà thơ, còn lãnh đạo cả kinh tế Việt Nam thì làm sao?" Nó ngẫm nghĩ và bảo tôi: "Mình nên cám ơn ông ấy. Nhờ ông ấy và kinh tế Việt Nam mà anh em mình mới có cơ hội 'tây du' cho biết đây, biết đó thế này." Hầu như không thấy nó đả động gì đến Hương.

Cuối cùng tôi cũng phải hỏi Thắng về Hương. Nó trả lời thờ ơ: "Em thật sự không biết. Hình như cô ấy đã học xong bằng Tiến sĩ và đã trở lại Việt Nam làm việc." Tôi thật sự quan tâm: "Thế nó đã sắp lấy chồng chưa? Hay Hương nó vẫn

quan tâm và muốn tìm lại chú?"

-"Em biết làm sao được."- Thắng ngạc nhiên nhìn tôi, "Thỉnh thoảng gặp một vài người quen cô ấy bên này, mọi người cũng hỏi em như thế. Thậm chí, họ còn biết về Hương nhiều hơn cả em."

"Biết thế nào?"- Tôi hỏi.

"Nghe nói, cô ấy có yêu một anh việt kiều nào đó. Nhưng sau không thành chuyện."- Thắng dừng lại, nhìn thái độ chăm chú của tôi, cười và tỏ vẻ nghiêm mặt: "Có khi anh việt kiều cũng không chịu nổi cô ấy?"

Câu chuyện kết thúc ở đó. Thắng không biết và cũng không muốn biết gì về cô bạn người yêu cũ thật.

*

Hai năm sau, hết thời hạn thực tập, tôi nghiêm túc về nước đúng thời hạn, Thắng ở lại một mình. Sau khi học xong nó quyết định không về ngay nước mà xin giấy phép ở lại làm việc tiếp. Nó tâm sự với tôi trong thư: "Về Việt Nam lúc nào chẳng được. Em thấy mình hợp với môi trường ở đây hơn. Tự do hơn, con người được coi trọng hơn. Hơn nữa ở đây em còn có cơ hội hiểu biết thêm bao nhiêu điều mà ở nhà chắc chắn không thể...." Thắng ở lại làm việc và sinh sống lâu hơn kế hoạch nó dự định. Nói đúng hơn, nó không nhìn thấy tương lai ở Việt Nam. Nhiều khi, tôi rất quan tâm và viết thư khuyện nó nên nghĩ đến chuyện về nước, lúc hãy còn trẻ và nó có thể tìm được việc làm tốt trong khi đất nước đang thay đổi mạnh mẽ. Trả lời thư tôi, Thắng viết: "... Em không tin Việt Nam có thể thay đổi nhiều. Tất nhiên sẽ phải thay đổi để tồn tại, nhưng rất chậm. Sự thay đổi ở Việt Nam giống như chuyện đi học: Cả thế giới người ta học mỗi năm lên một lớp, Việt Nam mình phải mất bốn, năm năm hay nhiều hơn nữa để lên được một lớp... Em không hy vọng gì nhiều vào thay đổi vẻ bề ngoài đó." Tôi biết tính Thắng và thôi không khuyên gì nó nữa.

Bỗng nhiên, một hôm, Thắng gọi điện thoại cho tôi về Việt Nam, một điều rất hiếm khi xảy ra. Nó bảo: "Hương viết thư cho em kể về cô ấy và khuyên em nên về Việt Nam."- Nó không đợi tôi trả lời giải thích ngay: "Cô ấy bảo đang đi làm cho một cơ quan nhà nước, cùng phe cánh với sếp lớn nhất và công việc rất phù hợp. Ngoài ra cô ấy kể bao nhiêu chuyện lạ nữa, như bây giờ ở Việt Nam 'tây' đầy đường, muốn học tiếng Anh rất dễ. Công việc nhà nước thì rất thoải mái, lương không cao nhưng bổng lộc nhiều và nếu muốn đi nước ngoài thì thỉnh thoảng đi công tác rất dễ. Đặc biệt, nhiều người có kiến thức rất giàu có và có thể sống rất đàng hoàng... Em nghe lạ quá nên hỏi anh xem có đúng vậy không? Có gì em sẽ viết thư sau."

Trong bức thư sau đó, Thắng kể cụ thể hơn. Nó tường trình lại: "Hương kêu gọi và khuyên em trở về Việt Nam vì như thế sẽ có tương lai hơn. Đặc biệt, cô ấy nhấn mạnh, ở Việt Nam bây giờ Tiến sĩ, thạc sĩ nhiều lắm rồi, cái bằng đại học và trung cấp vớ vẩn của em chẳng là gì cả. Hơn thế, cô ấy nói là biết những việc em đang làm bên này và gọi là 'những việc buôn bán hay làm thuê cho hội buôn bán vớ vẩn.' Cô ấy bảo, em cần phải làm những công việc đàng hoàng hơn (xin rất dễ)- ví dụ ở các viện nghiên cứu v.v." Nó giải thích thêm rằng, nó nghe nhiều điều lạ quá nên muốn hỏi ý kiến tôi- cả chuyện đặt lại quan hệ với Hương.

Tôi vội vã viết thư trả lời ngay Thắng: "Muốn học tiếng Anh ở nhà thì rất dễ, sách vở bán rất nhiều và các trung tâm học tiếng mọc lên khắp nơi để móc túi học sinh. Để học giỏi thì vẫn khó như trước. Chuyện cơ quan nhà nước ở Việt Nam thì theo anh vẫn thế, chỉ phức tạp, tinh vi và nhiều khi vô lý trắng trợn hơn mà thôi. Lương vẫn thấp, bổng lộc thì không rõ, tùy từng cơ quan khác nhau. Anh không rõ Hương làm ở cơ quan nào, nhưng cũng thấy ngạc nhiên. Với anh đi công tác nước ngoài vẫn không dễ, nhưng nếu Hương cùng bè với sếp thì cũng có thể là ở chỗ đó dễ thật, anh không biết. Tây nước ngoài đầy đường thì anh không thấy vì xin visa vào Việt Nam vẫn rất khó khăn. Họ sợ người nước ngoài vào làm gián điệp hay can thiệp nội bộ vào công việc nhà nước Việt Nam. Bằng tiến sĩ ở Việt Nam thì quả là nhiều thật, lý do vì có thể mua bán được. Sắp tới danh thiếp sẽ phải làm to hơn vì phải ghi đủ cả mọi thông tin liên quan đến bằng cấp ngoài tên tuổi, cơ quan và địa chỉ, ví dụ:

Chief of Department Culture Economic
Member of Party Board
PhD. Tourism Science (Tokyo- Nhật bản)
MBA (Harvard- Mỹ)
MA Ecomomic of Culture (Moscow- Nga)
v.v.

Còn về công việc, theo anh bất kỳ việc gì đàng hoàng và có lương, không ăn trộm, ăn cướp, làm hại người khác v.v. đều là bình thường. Anh không có khái niệm phân biệt việc tử tế, xứng đáng và

tầm thường. Nhà thơ mà cứ đòi làm kinh tế, nhà kinh tế lại cứ đòi làm thơ và ông quét rác đòi lãnh đạo xí nghiệp thì sẽ rất phức tạp và hỗn loạn..."

Trong thư sau đó, Thắng rất cám ơn tôi và nó thông báo sẽ tiết kiệm tiền cuối năm về thăm nhà, để nhìn lại Việt Nam và những thay đổi bằng con mắt của chính nó.

*

Cuối năm đó Thắng về thăm Việt Nam. Nó đến chơi gặp tôi sau khi đã "mất thấy, tai nghe" ở Việt Nam gần hai tuần. Tất nhiên, trước đó nó cũng đã gặp lại Hương. Sau khi thăm hỏi vợ con tôi (Thắng bấy giờ đã khác trước, biết cách giao tiếp, hiểu biết, tự chủ và cả tự tin hơn trước - "lịch thiệp hơn!"), chúng tôi ra quán nước chè gần nhà nói chuyện cho tự nhiên. Vợ tôi nhún vai thông cảm nhưng cũng không thể không quên diễu cợt: "Hai anh em ra đó bàn việc nước cho tự nhiên, nhưng cẩn thận nhé. Đừng để những người xung quanh nghe thấy hết!"

Chợ nằm giữa khu tập thể, bao quanh tường trường học. Hàng trăm quán nước, quán bia, cửa hàng ăn uống lẫn lộn với các lều hàng bán đủ thứ xen kẽ bên nhau. Chúng tôi chọn vào ngay một quán mà tôi đã biết là tương đối sạch sẽ nhất, quán nằm ngay đối diện với cổng trường học. "Uống gì Thắng, ở đây chỉ có bia Halida rẻ tiền dành cho bình dân thôi."

"Bia nào cũng được, em có câu nệ chuyện đó đâu. Miễn uống rồi mà vẫn sống là được." Thắng trả lời rất hồn nhiên.

"Anh không bảo đảm chuyện đó. Uống thì cứ uống thôi, sau đó không biết được."- Tôi phản ứng lại.

"Anh vẫn vậy. Nói năng thế mà vợ anh ở nhà vẫn chịu được à?"- Thắng diễu cợt tôi.

"Phải cố mà chịu thôi. Vợ anh đã lấy anh thì khó có lựa chọn nào khác."

Chúng tôi vừa ngồi xuống, một ông khách vội đứng lên. Chúng tôi hơi ngạc nhiên, tưởng ông này nhường chỗ cho mình. Không phải vậy. Ông chạy vội ra bụi cây cách chỗ ngồi vài bước chân đi "tè". Uống bia nên có nhu cầu mà. Thắng nhìn tôi lo ngại hỏi: "Thế đi vệ sinh ở đâu?" Tôi cười: "Chỗ ông vừa rồi ấy."

THÁI TUẤN

MÙA XANH

Mùa Xuân qua đi, kìa áng mây trôi
Tình như mây trắng, lòng sao bồi hồi
Nhớ mảnh vườn sau, mùa xanh ân sủng
Có tiếng ca vang xao xuyến đất trời

Thắng than phiền ngay: "Chẳng khác gì trước. Chỉ thay đổi bề ngoài mà thôi." Không đợi tôi hỏi lại, Thắng kể ngay với tôi những cảm xúc mới của nó sau gần sáu năm quay trở lại Việt Nam để tận mắt thấy tai nghe.

"Em đã gặp lại Hương,"- Thắng nói.

"Sao, cô ấy dạo này thế nào? Anh rất ít khi gặp nó, chỉ một hai lần nhìn thấy cô ấy ăn mặc rất diện đi đâu đó."

"Bình tĩnh, anh sẽ biết"- Thắng lưu ý tôi và kể tiếp ngay:

"Cô ấy vẫn thế. Vẫn giỏi như trước... nhưng em thấy, bắt đầu thấy... cái giỏi của cô ấy có vấn đề, có gì không ổn..."

"Thế là sao?"- Tôi ngạc nhiên.

"Em đến cơ quan và phải rất khó khăn mới được gặp cô ấy!"

"???..."

"Em gọi điện thoại lên lên phòng. Cô ấy qua thường trực hỏi lại: Cơ quan nào? Đến có việc gì v.v. rồi sau đó em mới được gặp!"

"Chuyện ấy là bình thường, tại em mới về chưa biết kiểu ở nhà."- Tôi bảo nó, bỏ qua chuyện đó đi.

".... Cô ấy vừa thay đổi, vừa không thay đổi gì cả. Em cảm giác, bản tính của cô ấy trong sâu thẳm vẫn không thay đổi, nhưng đã thay đổi suy nghĩ trong nhiều chuyện..." – Thắng dừng lại bảo tôi: "Nó hơi giống như cái ông đi 'đái' vừa rồi ấy. Kinh tế thị trường Xã hội chủ nghĩa tạo điều kiện

có bia phong phú, đủ loại bán khắp nơi... nhưng mấy cái gốc cây, bờ tường vẫn phải bị người ta đi bậy. Con người vẫn không thay đổi và mấy cái gốc cây vẫn chịu khổ."

"Thế chuyện cơ quan, phe cánh với sếp... thế nào rồi?" – Tôi không thể không hỏi.

"À, đã thay đổi ít nhiều. Bây giờ Hương đã than phiền nhiều về cơ quan, kêu chán và chửi rủa tình hình, công việc ở đó. Cô ấy cũng đã nghĩ khác về sếp. Đúng như anh nói, chỉ khi va chạm với quyền lợi của sếp thì mới biết rõ mọi chuyện được."

"Anh cũng nghĩ là sẽ như thế."- Tôi buồn bã đồng tình.

"Theo Hương kể, cô ấy làm việc được nên bị mọi người ghét và cả ghen tị. Xin vào đảng mấy lần không được, mặc dù rất nhiều người ủng hộ nhưng đảng vẫn không cho vào! Buồn cười thật, em cứ tưởng không ai vào đảng bây giờ. Hóa ra vẫn khối kẻ vì quyền lợi lạy lục, xin vào đảng mà không được. Chán quá, cô ấy xin đi học, được cả học bổng, những cũng không được vì sếp sợ mang tiếng và bị ảnh hưởng. Bây giờ cô ấy được giao nhiệm vụ trông coi thư viện và văn phòng để đỡ phải làm gì, trách nhiệm gì và khỏi phải đòi hỏi, yêu cầu này nọ về công việc..."

"Trông thư viện? Tiến sĩ!"- Tôi sửng sốt.

"Họ vẫn giữ cô ấy lại để làm cảnh cho cơ quan khỏi mang tiếng không có nhân viên trình độ cao. Thỉnh thoảng cô ấy vẫn được mặc áo dài đi ăn tiệc hay lăng xăng đón các đoàn khách này nọ... Chắc anh gặp cô ấy những lúc như thế."

Câu chuyện của chúng tôi rất dài, nhưng tôi biết được điều quan trọng nhất: "Thắng và Hương quay lại với nhau."

*

Sau đó, mỗi lần đến nhà tôi chơi, Thắng đều đi cùng Hương. Có lẽ Thắng đã không nhầm, và nhận xét gần đúng: Hương vẫn vậy tuy có thay đổi ít nhiều trong suy nghĩ, có lẽ là do tác động của môi trường cơ quan, gia đình và cả những biến chuyển trong xã hội nói chung. Tất nhiên, Hương cũng đã va chạm nhiều hơn, từng trải hơn và cả hiểu ra nhiều điều mà trước đây cô không có điều kiện để hiểu. Thế nhưng, mỗi lần nói chuyện với Hương tôi vẫn không tránh được cảm giác, cô vẫn như không thay đổi gì. Vẫn là chuyện về những người quen, bạn bè thành công, nổi tiếng hay ít ra cũng giỏi giang, giàu có của cô. Cô vẫn không quên và vẫn như xưa: Chỉ trích những người như tôi, Thắng... là không thực tế, hão huyền, lười biếng không chịu làm gì và chỉ nghĩ những điều vớ vẩn. Chúng tôi vẫn khác nhau, Thắng và Hương vẫn khác nhau nhiều quá. Thật sự, tôi vẫn khó cảm thấy hòa đồng cùng Hương. Những lúc không có cô, tôi và Thắng vẫn cảm thấy nói chuyện dễ hơn, hòa đồng hơn dù chúng tôi cũng có suy nghĩa khác nhau (nhiều khi đối lập) về nhiều chuyện. Nhiều lúc tôi cảm thấy Thắng như xấu hổ với tôi về thái độ của Hương. Khi ngồi cùng chúng tôi và những người khác như chúng tôi (chưa từng đi Mỹ bao giờ) , Hương rất hay kể về mọi điều ưu việt, hay và tuyệt vời của nước Mỹ, nơi mà cô đã đi học và công tác. Còn khi chuyện trò với bạn bè cô cùng học ở Mỹ về, cô lại hết lời ca ngợi những điều tuyệt vời, đầy tính người và sự ưu đãi quan tâm dành cho sinh viên Việt Nam ở nước Balan xã hội chủ nghĩa thời cô đi thực tập. Tất nhiên những lúc đó cô phê phán kịch liệt kiểu sống thực dụng đến tàn nhẫn của người Mỹ và than phiền rằng ở Mỹ bất kỳ điều gì cũng phải tự lo và không được "bao cấp," quan tâm như ở Balan. Cô đi nhiều, biết nhiều và có nhiều điều để so sánh... rất lạ.

Thắng và Hương rất khác nhau, nhưng họ cùng có chung một mong muốn... lớn: Cả hai đều đã mệt mỏi và muốn có một mái ấm gia đình bình thường như bao người khác. Vì thế, họ vẫn gắn bó và cố gắng làm mọi chuyện để tình cảm ngày càng tốt hơn. Cuối chuyến "thanh tra- tai nghe, mất thấy- Việt Nam", Thắng thông báo với tôi một quyết định quan trọng: "Em sẽ sang bên đó thu xếp và quay lại về sống ở Việt Nam." Tôi rất mừng vì vốn coi Thắng như em trai, nhưng vẫn cảnh báo nó: "Em đã nghĩ kỹ chưa? Về sống hẳn ở Việt Nam khác với về chơi rất nhiều đấy." Thắng nhìn tôi rất lâu và trả lời: "Em biết. Biết nhiều chuyện phức tạp, khó khăn gì sẽ chờ em, nhưng em muốn về và sẽ về." Tôi tin và biết, Thắng sẽ làm điều mà nó đã muốn. Không lâu sau đó Thắng về, họ làm đám cưới và Thắng đã có một gia đình cùng Hương như bao người khác. Ngày nay họ đã có một bé trai dáng nghịch ngợm và thông minh gần hai tuổi. Một gia đình hạnh phúc bình thường.

*

Chuyện quan hệ phức tạp trong gia đình Thắng tôi đã biết. Có lẽ họ khác xa nhau "về văn hóa" như sự khác nhau giữa hai nhà mà Hương đã dạy mẹ cô ấy thật. Mỗi ngày mỗi chuyện, sự phức

tạp và mâu thuẫn trong gia đình Thắng lần lượt bộc lộ ra.

Đầu tiên là chuyện muôn thủa: Con dâu- mẹ chồng. Chuyện đó lại càng phức tạp và rắc rối hơn khi cả hai người này đều giỏi hay tự cho mình là giỏi. Mẹ Thắng là một người rất tốt, làm ở Hội phụ nữ bao nhiêu năm trời và đã từng tiếp xúc đủ loại người, nghe và chứng kiến bao chuyện về phức tạp của khái niệm gia đình. Than ôi, nhưng chỉ khi những chuyện đó xảy ra ngay trong nhà bà- với bà, thì mới thấy khó làm sao. Nói dễ, làm khó thật. Bà tốt, rất tốt và thương con cháu, nhưng phải theo cách của bà. Hơn nữa, bà lại rất bảo thủ theo nghĩa những gì bà nghĩ là đúng- nó phải đúng và mọi người phải làm theo. Với bà, cứ làm theo các cụ là "tốt nhất," chẳng nhẽ người ta đúc kết bao nhiêu năm, bao nhiều đời người mà lại sai? Với bà, đảng và nhà nước cũng không thể sai. Trước kia, đảng bảo phải dùng chế độ tem phiếu vì có lý do, khó khăn, khan hiếm thực phẩm sau chiến tranh. Nay đảng bảo đổi mới, cho phép kinh doanh cá thể là cũng đúng vì phù hợp với xu thế thời đại. Đảng luôn sáng suốt và đúng đắn. Ngày nay, ở thế kỷ 21 này bà vẫn không cho ai động chạm đến việc nói xấu và chỉ trích đảng, nhà nước. Bà không thể nào hiểu nổi, tại sao nhiều việc bà làm vì thương con cháu, chỉ muốn mọi điều tốt nhất cho chúng nó mà lại không phù hợp và không đem lại niềm vui cho chúng. Những lúc đó, bà thường than phiền: "Ngày nay chúng nó sướng quá, không được giáo dục cẩn thận nên không biết coi trọng sự quan tâm, giúp đỡ của cha mẹ. Tôi đã cố giải thích rất nhiều. Giải thích thậm chí bằng hình ảnh rằng, sự quan tâm, giúp đỡ như vậy, cũng giống như trường hợp: 'Bác đem xôi, thịt đến cho, khi người ta khát và mang rượu đến biếu khi ngươi ta đang đói mềm sắp chết," tất nhiên là không thích hợp và cả có ý nghĩa nữa. Mẹ Thắng vẫn thường tự an ủi khi nói chuyện với tôi: "Thôi thì nước mắt chảy xuôi!"

Mâu thuẫn của họ bắt đầu từ những điều rất nhỏ, rất phụ nữ: từ cái bếp và chuyện nấu nướng. Mẹ Thắng rất sạch sẽ nên có một hệ thống riêng trong chuyện làm bếp. Trước hết, phải rửa tay rất nhiều lần, khắp nơi có bánh xà phòng... nhưng bản thân cái bếp thì trông lại không sạch lắm. Thắng đã nhiều lần than phiền về chuyện, cách đây bốn năm nó đã mua từ tận nước ngoài cho mẹ nó một bộ đồ làm bếp đủ mọi thứ thuận tiện nhất. Thế nhưng đến bây giờ vẫn không thấy mẹ nó dùng và không hề biết bà cất chúng ở đâu. Bà bảo, dùng các thứ đó không quen, rắc rối và dùng thì ít lại mất công rửa thì nhiều. Hương thì khác, thích dùng những đồ mới, giúp đỡ cho việc nấu ăn đơn giản hơn và cũng không quá "sạch" như mẹ chồng. Và thế là mâu thuẫn giữa họ ra đời. Từ một suy ra hai, hai suy ra ba... ba suy ra mười, lời qua tiếng lại, từ chuyện làm bếp dẫn tới chuyện "chụp mũ" với mọi hình thức khác nhau: "Nó tưởng, nó có bằng cấp mà chuyện gì cũng biết à"- "Mẹ làm rất cầu kỳ nhưng việc nấu ăn vẫn rất luộm thuộm"; "Nhà nó sướng từ bé, không phải làm gì hay sao mà cái gì cũng thuê, mua?"- "Mẹ bảo thủ, điều gì cũng sợ người ta chê, cười"; "Bảo vợ mày là đừng lên lớp và bảo bố mẹ làm thế này thế khác... "- "Mẹ đối xử không đúng, nói, mắng chửi con dâu vô cớ và chẳng ra gì cả..." v.v.

Người khổ nhất tất nhiên là Thắng. Những khi đó nó thường tìm đến tôi. Có lần nó thậm chí đã nổi cáu: "Em chỉ muốn quẳng cả vợ, con lẫn bà già đi tuốt và trốn đi biệt tăm cho yên chuyện." Tôi chỉ biết an ủi: "Mẹ em cũng rất tâm lý và Hương có học, lại rất giỏi chắc họ sẽ biết điều và tìm cách hợp lý cư xử với nhau..." Nghe tôi nói, Thắng chỉ cười.

*

Một lần Thắng hỏi tôi: "Anh có biết, xin đi học tự túc ở nước ngoài cần làm thủ tục những gì không?" Tôi ngạc nhiên hỏi nó: "Sao lại hỏi anh mà không hỏi vợ em? Nó vẫn nói là biết rất nhiều và chuyện đó rất dễ cơ mà?"

Thắng nhìn tôi: "Anh nghĩ thế thật sao? Nghe Hương?"- Nó giải thích thêm "Bây giờ em chỉ tin vợ em có 40% thôi."

Tôi ngạc nhiên: "Sao lại thế? Mà sao lại 40%?"

Nó từ tốn giải thích:

"Anh còn nhớ lần em viết thư hỏi anh về tình hình Việt Nam do Hương kể không? Từ sau lần đó em giảm lòng tin và sự giỏi giang của Hương xuống 20%. Sau đó là những thao thao bất tuyệt toàn những thông tin "tuyệt vời" về nước Mỹ, nước Ba lan của cô ấy đã giúp em giảm lòng tin xuống 10% cho mỗi nước. Tiếp đó là những chuyện ở cơ quan của cô ấy, cứ khoe khoang nhiều vào sự tuyệt vời của cơ quan (nay đã trắng mắt ra ít nhiều) đã đẩy lòng tin xuống 10% nữa. Và cuối cùng là chuyện đối xử với những mâu thuẫn trong gia đình nội, ngoại- giảm 10% nữa. Đơn giản vậy thôi."

Tôi vừa ngạc nhiên, vừa buồn cười về cách

giải thích và hệ thống lòng tin kỳ quặc của Thắng. Thì ra là thế: "Vợ em vẫn rất giỏi, nhưng em không tin nhiều nữa!" Thật nguy hiểm và đáng sợ, khi con người ta mất lòng tin. Thắng sẽ chỉ cư xử lịch sự, đúng trách nhiệm của nó trong gia đình. Tôi chợt hiểu một điều rất buồn mà chính tôi đã trải qua: Hương sẽ chỉ là vợ, không còn là bạn tâm giao của nó.

Tôi hiểu Thắng. Có lần tôi đã chứng kiến và biết Thắng rất xấu hổ vì Hương và đã phải kiềm chế thế nào. Hôm đó chúng tôi nghe tin bố một người quen của Hương vừa mất. Có lẽ, vốn không có cảm tình từ trước nên thay cho lời cảm thông, chia buồn, Hương lại nói: "Ừ, nhà nó sướng nhiều quá rồi thì cũng phải gặp chuyện gì chứ!" Tôi ngạc nhiên, pha chút sửng sốt. Thắng ngạc nhiên. Hai cô bạn của Hương không hiểu vì lịch sự hay bản tính các cô vốn vậy mà cũng gật đầu và tiếp tục câu chuyện cùng Hương. Thắng ngay sau đó xin lỗi tôi và than: "Em không hiểu hai cô bạn Hương là người hạng gì mà vẫn có thể tán thưởng và tiếp tục nói chuyện với Hương được."

Vợ Thắng rất giỏi, nhưng lòng tin của nó vào vợ đã giảm xuống con số 0... sau chuyện xảy ra ở sân bay. Vợ Thắng đi công tác nước ngoài. Thắng đã nhắc vợ hỏi rất kỹ về chuyện vali, thủ tục ở sân bay vì những điều đó rất phức tạp và thay đổi thường xuyên. Hương cứ khăng khăng đã hỏi kỹ, biết rồi và chắc chắn như đinh là không thể có chuyện gì vì cô đã đi công tác nhiều lần. Chắc các bạn cũng đoán ra: Vali của Hương không thừa cân nhưng quá khổ và vì lý do an toàn không được phép mang vào: phải đổi sang vali khác. Thế là một loạt chuyện xảy ra: đi tìm mua vali mới, chuyển đồ sang (lấy gì, mang gì, để lại gì) và tất nhiên sự bực bội, khó chịu và căng thẳng của tất cả mọi người. Họ đã cãi nhau, Thắng bực mình đã định bỏ đi để mặc kệ Hương tự lo lấy. Sau lần đó, Thắng mệt mỏi bảo tôi: "Vợ em giỏi! Nhưng chấm hết, em không còn tin cô ấy nữa, sự tin tưởng là 0%."

*

Sau câu chuyện về buổi giỗ không lâu, tôi hỏi khi gặp Thắng: "Hôm giỗ thế nào? Không có chuyện gì xảy ra chứ?"

"Em cũng không quan tâm nữa. Mà thôi, bỏ qua chuyện đó đi anh. Chúng ta đều là người, là người ... Việt Nam cả mà."

Tôi hiểu và không hỏi gì thêm.

Thời gian vẫn trôi. Cuộc đời vẫn tiếp tục. Thắng và Hương vẫn sống... hạnh phúc với nhau trong một gia đình. Nhưng thật buồn, mỗi khi có vấn đề gì, Thắng thường xuyên trao đổi với tôi. Một phần vì nó biết tính tôi, hơi khó chịu nhưng không bao giờ khuyên hay nói bất kỳ điều gì mà tôi không biết. Phần khác, vì Thắng đã không còn tin ở Hương, nó thường hỏi lại và vô ý thức kiểm tra những điều Hương nói.

Vợ Thắng rất giỏi.

Tất cả bạn bè, người quen của Thắng đều nói vậy. Nhiều người trong số họ không còn tin nhưng vẫn khen vậy.

Vợ Thắng rất giỏi.

Mọi người ở cơ quan, nơi vợ Thắng làm việc, đều khen vậy.

Vợ Thắng rất giỏi.

Những người cùng công ty của Thắng cũng khen vậy.

Vợ Thắng rất giỏi.

Tất cả mọi người bên gia đình vợ Thắng vẫn khen vậy.

Vợ Em giỏi lắm.

Thắng thỉnh thoảng vẫn nói vậy, theo thói quen.

Nhưng chỉ Thắng (và cả tôi) biết: Mọi chuyện không hoàn toàn như vậy. Cả hai chúng tôi còn buồn hơn: Hương không phải là người duy nhất như vậy.

*

Ngồi ở cơ quan, đang chúi mũi vào đống tài liệu làm thêm để kiếm tiền. Chuông điện thoại bỗng vang lên làm tôi bực mình. À, Thắng gọi điện cho tôi... để hỏi: "Anh Hùng, Hương nhà em lại vừa nghe đâu về kể lại, sắp tới nhà nước sẽ giảm đáng kể cước phí điện thoại gọi ra nước ngoài và cho dùng Internet không phải trả tiền. Em thấy khó tin quá, hỏi lại anh xem có đúng không? Chăng nhẽ...?"

Tôi chưa kịp trả lời, Thắng lại tiếp tục ngay:

- "À, còn chuyện nữa, vui lắm, nhưng rất tiếc không liên quan đến anh em mình. Hương còn bảo, trong cuộc họp nội bộ ở cơ quan có thông tin, nhà nước đang nghiên cứu đề xuất quy chế khuyến khích: Những gia đình trẻ, cả hai vợ chồng trình độ đại học, đảng viên và nếu quyết định không bao giờ có con- sẽ được chính phủ ưu tiến cấp nhà hay cấp đất xây nhà. Tất nhiên, từng trường hợp cụ thể nào đó phải được Bộ chính trị xét duyệt và đồng ý."

- "!!! ???"

NHỮNG BƯỚC HOÀN TẤT CỦA TRUNG QUỐC ĐỐI VỚI CHUỖI ĐẬP VÂN NAM

Gửi Nhóm Bạn Cửu Long

NGÔ THẾ VINH

HIỆN CÓ HAY CHƯA CÓ CON ĐẬP THỦY ĐIỆN CẢNH HỒNG ?

(Xin xem thư của ông Trương Văn Châu ở mục Bạn Đọc Viết, trang 9)

Do hai bài báo trên đã được đăng đồng thời trên hai tập san Thế Kỷ 21 California và Đi Tới Montréal tháng 11 năm 2002, nghĩ rằng đây cũng có thể là thắc mắc của nhiều bạn đọc khác, nên thay vì chỉ là những dòng chữ ngắn trả lời trong mục Hộp Thư Độc Giả, đã đến lúc cần có một bài viết tương đối chi tiết và cập nhật hóa / update để có thể trả lời một cách dứt khoát *"Đã Có hay Chưa Có Con Đập Thủy Điện Cảnh Hồng"* và một cách khái quát hơn là tìm hiểu xem vào thời điểm hiện nay [Tháng Giêng năm 2003], "Bước Hoàn Tất của Trung Quốc Đối với Chuỗi Những Con Đập Bậc Thềm Vân Nam Trên Khúc Thượng Nguồn Sông Mekong" đã tiến triển tới đâu?

Sự khó khăn để tìm nguồn tin tức

- Trung Quốc thì luôn luôn giấu kín nhẹm các kế hoạch khai thác con sông Mekong — như một thứ bí mật quân sự. Điển hình là ông Lê Quang Minh, nguyên dân biểu quốc hội kiêm Phó Viện Trưởng Viện Đại Học Cần Thơ đã phải than thở: *"Thật khó để có được thông tin từ phía Trung Quốc. Điều ấy khiến chúng tôi thật sự lo ngại."* *(6)* Không phải chỉ với trong nước, ngay cả ở hải ngoại có tự do thông tin nhưng cũng chẳng dễ dàng gì để có các tin tức chính xác và cập nhật hóa về những gì đang diễn ra trên khúc sông Mekong thượng nguồn và các bước hoàn tất của Trung Quốc với chuỗi đập Vân Nam của họ.

- Chẳng hạn tên các con đập Manwan / Mạn Loan, Daichaoshan / Đại Chiếu Sơn, Jinhong / Cảnh Hồng luôn luôn cùng được nhắc tới như *ba con đập đầu tiên* của chuỗi đập bậc thềm Vân Nam, được mô tả là những con đập có thành vách cao với các hồ chứa theo mùa / *seasonal reservoirs*, lấy nước tối đa trong mùa mưa và xả nước trong mùa khô sẽ có tác dụng chống lũ lụt và chống hạn cho các quốc gia hạ nguồn.

- Cho nên khi có tin con đập Xiaowan / Tiểu Loan được khởi công (04/2001) thì nhiều người (kể cả người viết bài này, trước chuyến đi Vân Nam (09/2002) cũng cho rằng con đập thủy điện Cảnh Hồng cũng đã hoàn tất và Tiểu Loan sẽ là con đập thứ tư . Nhưng sự thực không phải vậy.

- Khi đến Vân Nam, xuống tới thị trấn Cảnh Hồng, theo bản đồ, hai lần đi thuyền máy khởi hành từ chân cầu Cảnh Hồng, ngược dòng sông Lan Thương / *Lancang Jiang* [tên Trung Quốc của con sông Mekong] tới gần nơi sẽ xây con đập Cảnh Hồng, tận mắt chứng kiến những con tàu hàng lớn từ giang cảng Tự Mao / Simao ở phía bắc vị trí con đập Cảnh Hồng, vẫn còn tự do ngược xuôi trên khúc sông Mekong ấy để đi về phương nam, thì tôi mới biết rằng chưa có Con Đập Cảnh Hồng, bởi vì nếu có thì con đập trên dòng chính sông Mekong ấy sẽ như một nút chặn giao thương bằng đường sông giữa giang cảng Tự Mao và Cảnh Hồng, cần phải có những *Cửa Đập Bậc Thang / Dam Navigation Locks* để thuyền bè có thể đi xa hơn xuống thị trấn Cảnh Hồng và tới các quốc gia Miến Điện, Thái Lan và Lào.

Những dữ kiện về con đập Cảnh Hồng / Jinhong

Lược khảo qua sách vở, báo chí và Internet _ theo trình tự thời gian, cũng để thấy rằng không hoàn toàn có sự thống nhất về các con số và thời điểm khởi công cũng như thời điểm hoàn tất mỗi con đập. Tuy nhiên chúng ta vẫn có thể rút ra từ các tài liệu ấy những nét chung và khái quát về tiến trình xây con đập Cảnh Hồng và xa hơn nữa là các bước hoàn tất của Trung Quốc đối với chuỗi đập Vân Nam.

(1) DỮ KIỆN 09 / 97 / *http://www.pnl.gov/china/thaihydro.htm*:

Theo tài liệu này thì các chuyên gia Trung Quốc và Thái Lan đã hợp tác để hoàn tất cuộc

nghiên cứu về *"tính khả thi / feasibility"* của con đập thủy điện Cảnh Hồng trên dòng chính sông Mekong tỉnh Vân Nam. Kết quả cuộc khảo sát này đã được đệ trình lên các cơ quan liên hệ để có thể được phê chuẩn vào cuối năm nay (1997).

Việc xây dựng đập Cảnh Hồng là nằm trong chính sách của Trung Quốc khuyến khích hợp tác đầu tư của ngoại quốc vào chương trình phát triển năng lượng. Cả hai chánh phủ Trung Quốc và Thái Lan đều tỏ ra rất quan tâm tới công trình xây con đập thủy điện Cảnh Hồng.

Đập Cảnh Hồng là một trong số những con đập thủy điện lớn trên dòng chính con sông Lan Thương / Lancang Jiang (tên Trung Quốc của con sông Mekong), tổn phí dự trù lên tới 8 tỉ yuan (963 triệu Mỹ Kim).

Vào tháng Năm 1996, thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng đã đến Vân Nam và quan sát thực địa, được nghe tường trình về kế hoạch xây đập Cảnh Hồng, sau đó đã bày tỏ ý kiến hoàn toàn hỗ trợ kế hoạch hợp tác giữa Trung Quốc và Thái Lan.

Vào tháng Tư 1997, hơn một năm sau, trong chuyến viếng thăm Trung Quốc, thủ Tướng Thái Chavalit đã gặp các nhà lãnh đạo cao cấp Trung Quốc đã cùng nhau thảo luận về một công trình chung xây đập Cảnh Hồng.

Sự hợp tác ấy rất dễ hiểu vì Vân Nam thì giàu tiềm năng thủy điện, trong khi Thái Lan do nhu cầu kỹ nghệ phát triển nhưng lại thiếu năng lượng.

Đập Cảnh Hồng là dự án liên doanh / Joint Venture đầu tiên của Trung Quốc với sự tham gia của công ty ngoại quốc là Thái Lan ngay từ bước đầu, và cũng sẽ mở ra triển vọng thu hút đầu tư trực tiếp của các nước ngoài vào kế hoạch phát triển năng lượng của Trung Quốc.

Như vậy, trong những điều kiện lý tưởng, nếu mọi sự suôn sẻ như trên giấy tờ (nếu không có cuộc khủng khoảng kinh tế Á Châu mà Thái Lan là quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất) thì dự án liên doanh Trung Quốc Thái Lan xây con đập Cảnh Hồng *sẽ hoàn tất vào năm 2005* .

(2) DỮ KIỆN NĂM 2000. Milton Osborne. The Mekong. Atlantic Monthly Press, New York 2000.

Milton Osborne là một học giả nổi tiếng, một nhà ngoại giao, cố vấn cho Liên Hiệp Quốc, tác giả của 8 cuốn sách về Đông Nam Á, trong đó có cuốn *River Road to China, The Search for The Source of the Mekong, 1866-73* (1975) và mới đây là cuốn *The Mekong: Turbulent Past and Uncertain Future*, xuất bản năm 2000. Khi đề cập tới những Con đập Vân Nam trên khúc thượng nguồn sông Mekong, Osborne đã ghi rất rõ ràng trên tấm bản đồ (sđd, trang 230) về vị trí một số các con đập và hiện trạng mỗi con đập ấy ra sao. [*HÌNH 1*]

(a) Gongguoqiao / Công Quả Kiều: dự án, (b) Xiaowan / Tiểu Loan: dự án, (c) Mawan / Mạn Loan : hoàn tất, (d) Daichaoshan / Đại Triều Sơn: đang xây, (e) Nuozhadu / Nọa Trát Độ : dự án, (f) JINHONG / CẢNH HỒNG : DỰ ÁN, (g) Mensong / Mãn Tòng: dự án .

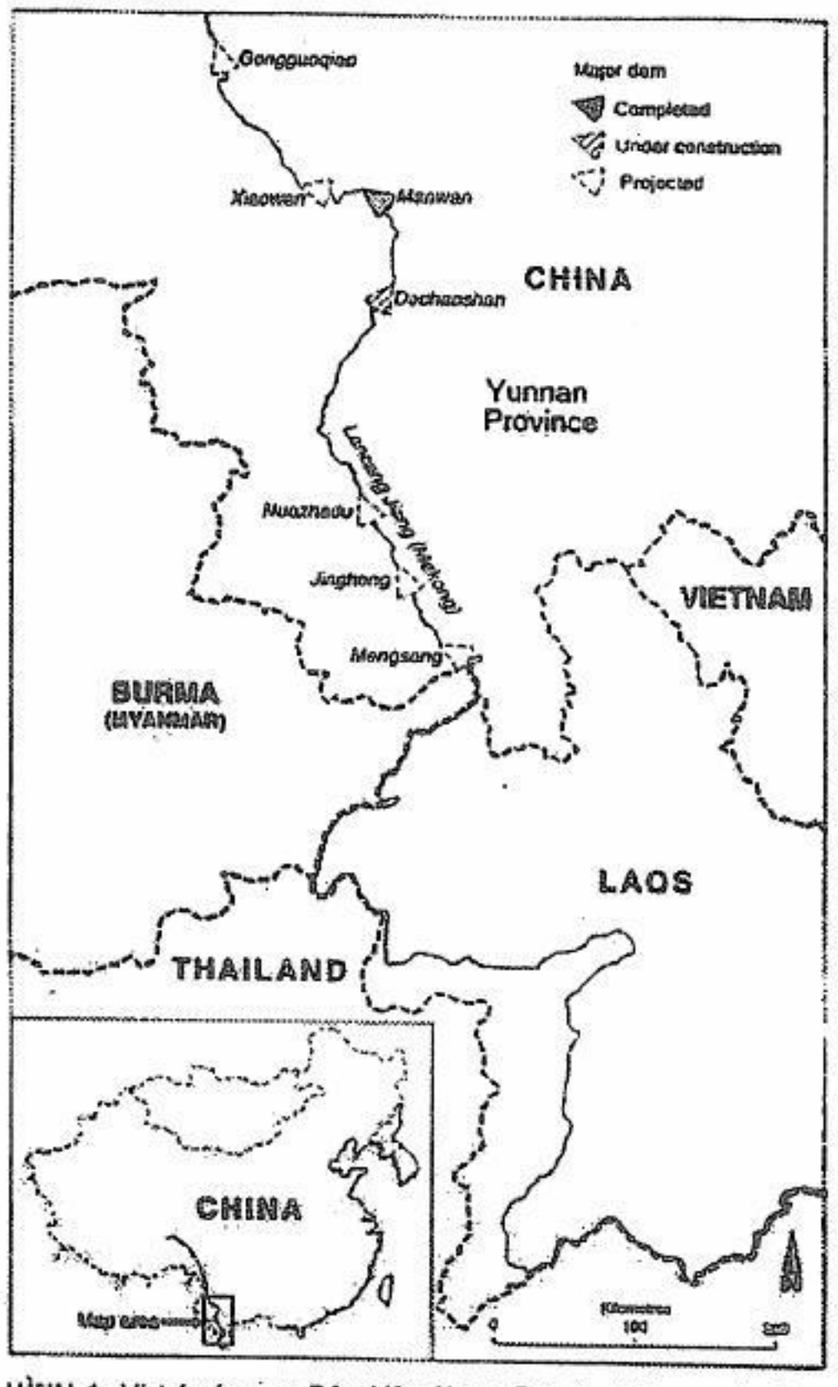

HÌNH 1: Vị trí các con Đập Vân Nam: Đã xây (Manwan), Đang xây (Daichaoshan), Dự án (Gongguoqiao, Xiaowan, Nuozhadu, JINHONG, Mensong)_ Theo Milton Osborne, The Mekong 2000.

(3) DỮ KIỆN 02 / 2001. Status Report of Planned Dams in East and Southeast Asia_ Compiled by Susanne Wong for RWESA, Feb 2001.

Theo RAWESA / *River Watcht East Southeast Asia*, một tổ chức có uy tín chuyên theo dõi hiện trạng các dự án đập thủy điện ở vùng Đông và Đông Nam Á Châu, trong đó có các dự án của Trung Quốc, khi đề cập tới công trình đập Thủy Điện Cảnh Hồng đã cho biết:

Dự án đập Cảnh Hồng 1,500MW nhằm cung cấp điện cho Thái Lan. Phí tổn dự trù xây đập là 10 tỉ yuan / 1.2 tỉ Mỹ Kim (*con số khác biệt là 2 tỉ yuan so với dự tính ban đầu): Thái Lan 70% và Trung Quốc 30%. Các hợp đồng xây đập đã được

ký kết , nhưng dự án Cảnh Hồng thì chưa được khởi công. Dự trù sẽ bắt đầu công trình vào năm 2006 và sẽ hoàn tất vào năm 2013.

(4) DỮ KIỆN 05 / 2001. *Chinese Dams 'Threaten 100m'_ Micheal Sheridan, Bangkok. The Sunday Times: World News. May 6, 2001.*

Theo một tường trình soạn thảo bởi Viện Môi Trường Stockholm cho ADB / Ngân Hàng Phát Triển Á Châu thì dự án khổng lồ của Trung Quốc để xây 9 con đập trên dòng chính sông Mekong là mối đe dọa cho cư dân, sinh cảnh thiên nhiên và hệ thống tiêu tưới trong khu vực Đông Nam Á. Các chánh phủ hạ lưu như Lào, Thái, Cam Bốt và Việt Nam vì quá sợ hãi Trung Quốc nên không dám công khai lên tiếng phản đối. Bản tường trình cũng đưa ra lời cảnh báo rằng các con đập Trung Quốc sẽ khiến lũ lụt thêm trầm trọng, phá hoại nền ngư nghiệp, làm gián đoạn giao thông và cả gây hủy hoại môi trường...

Con đập lớn đầu tiên Manwan / Mạn Loan phía nam thị trấn Dali / Đại Lý đã hoàn tất năm 1996 (** theo tài liệu Phân bộ Thủy điện Vân Nam thì Manwan bắt đầu phát điện từ tháng 6 năm 1993*), Con đập Daichaoshan / Đại Triều Sơn sẽ hoạt động vào năm 2003 *(* theo báo The Nation Bangkok, thì Daichaoshan đã hoạt động phát điện từ 2001*). Công trình xây đập lớn Xiaowan / Tiểu Loan dự trù bắt đầu vào năm tới *(* đã khởi công từ tháng Tư năm 2001).* Các công ty Thái Lan và Trung Quốc *đang cùng nhau hoạch định* xây một con đập thủy điện lớn khác ở Cảnh Hồng / Jinhong nhằm cung cấp điện cho cả hai nước.

(5) DỮ KIỆN 10 / 2002. *The Nation, Bangkok, Oct 17, 20002.*

Theo một bài viết của Piyaporn Wongruang từ *Inter Press Service/ Rockfeller Foundation Media Fellowship Programme "Our Mekong: A vision amid Globalization"* đăng trên báo The Nation Bangkok (Oct 17, 2002) , khi đề cập tới nguy cơ tuyệt chủng của giống cá Pla Beuk (*Pangasianodon Gigas,* loại cá bông lau khổng lồ chỉ có trên sông Mekong) do ảnh hưởng khai thác khúc sông thượng nguồn, thì cũng chỉ nhắc tới được tên ba con đập, hai đã hoàn tất, một đang khởi công và không có tên con đập Cảnh Hồng.

Theo E C Chapman và He Damming, giám đốc Trung Tâm Quốc Tế Sông Ngòi Á Châu / *Asian International River Centre*, trực thuộc Viện Đại Học Vân Nam, khi tường trình về "Những Ảnh Hưởng của Các Con Đập Trung Hoa Trên Sông Lan Thương và Ý Nghĩa Tiềm Ẩn của Chuỗi Đập ấy trong Sự Hợp Tác Vùng" của thì chỉ nhắc tới con đập đầu tiên Manwan / Mạn Loan phát điện từ 1994. Theo Nhân Dân Nhật Báo của Trung Quốc thì con đập thứ hai Daichaoshan / Đại Triều Sơn được khởi công từ 1997 và bắt đầu phát điện từ 2001. Xiaowan / Tiểu Loan là con đập thứ ba cao 292 mét (chỉ đứng thứ hai sau con đập Tam Hiệp / Three Gorges Dam trên sông Dương Tử) chỉ mới được khởi công (04 / 2001).

Nhận xét: Kết hợp những dữ kiện nêu trên, có thể kết luận là cho tới thời điểm tháng Giêng năm 2003, trong Kế hoạch Chuỗi 14 Con Đập Bậc Thềm khổng lồ Vân Nam trên dòng chính sông Mekong [*HÌNH 2*]: Trung Quốc đã hoàn tất được hai con đập : Manwan / Mạn Loan 1,500 MW [1993] , Daichaoshan / Đại Triều Sơn 1,350 MW [2001] và chỉ mới khởi công con đập thứ ba Xiaowan / Tiểu Loan 4,200 MW [04/2001] dự trù hoàn tất năm 2013. Và hoàn toàn CHƯA CÓ CON ĐẬP THỦY ĐIỆN CẢNH HỒNG / JINHONG 1,500 MW hay đúng hơn Đập Cảnh Hồng đang còn là trên Dự Án / Projected.

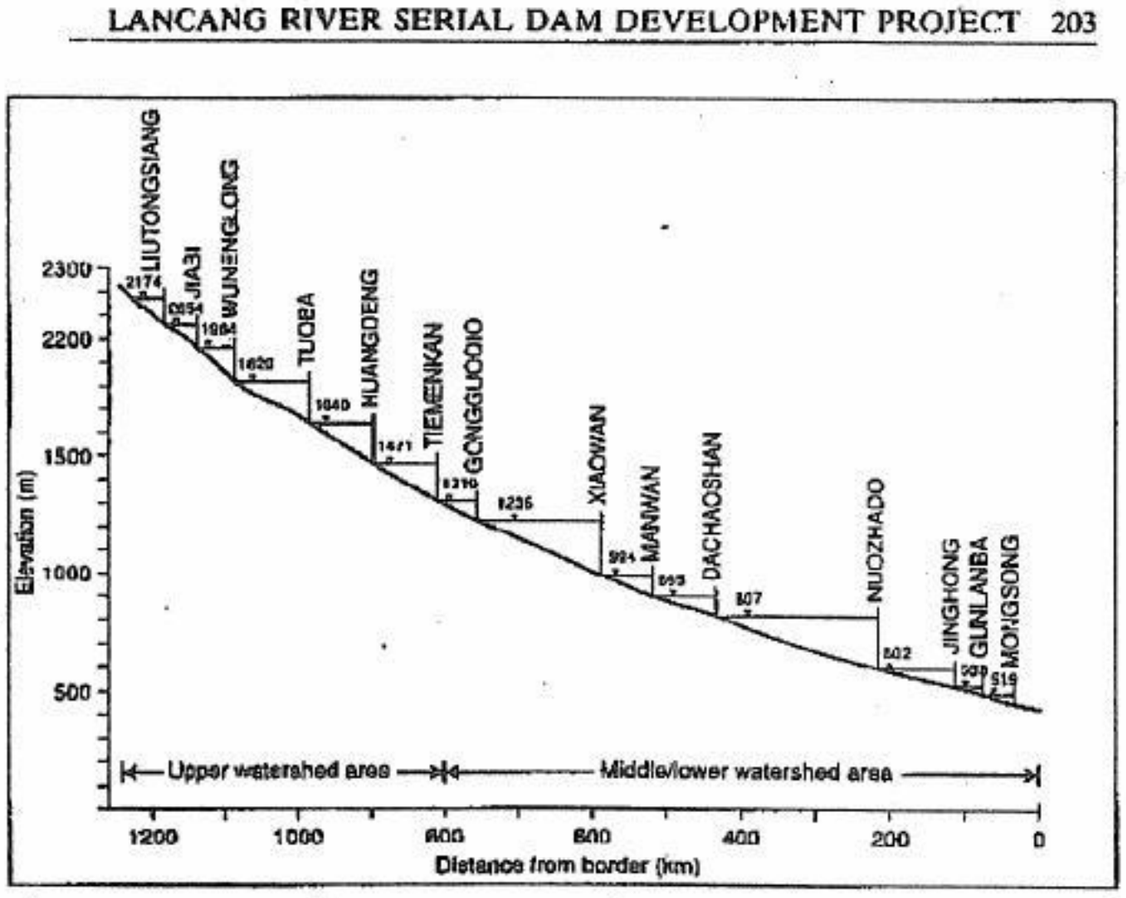

HÌNH 2: Dự án Phát triển 14 Con đập Bậc thềm Vân Nam trên Lancang Jiang / Lan Thương (Mekong)_ Theo Hiroshi Hori. The Mekong, Environment and Development. United Nations University Press 2000.

Với dự án Cảnh Hồng, Thái Lan đã tự hại và nối giáo cho Trung Quốc

Công trình đập thủy điện Cảnh Hồng với với 70% số vốn đầu tư của Thái Lan, chưa được khởi công là một tin mừng cho các quốc gia hạ nguồn và cho chính người dân Thái sống trong lưu vực sông Mekong.

Không phải chỉ người dân Thái Lan đòi quyền sống do các con đập đã phá hủy môi sinh của họ, nhưng ngay cả chánh quyền Thái đã đến lúc tự thấy phải duyệt xét lại những bước phát triển "không bền vững / *non-sustainable development*" trong suốt hơn nửa thế kỷ qua.

_ Thái Lan đã tự hủy hoại sinh cảnh của rất nhiều con sông ngay trong đất nước mình bằng cách xây bừa bãi hơn 40 con đập thủy điện trong số đó có những con đập trên các phụ lưu sông Mekong.

_ Thái Lan cũng đã gián tiếp hủy hoại sinh cảnh của những con sông ở Lào_ vốn là các phụ lưu lớn của con sông Mekong, do những *"hứa hẹn hào sảng"* sẽ nhập cảng thủy điện từ Lào, một quốc gia láng giềng nghèo nhất nhưng lại đang nuôi tham vọng trở thành *"xứ Kuwait thủy điện"* của Đông Nam Á.

_ Thái Lan còn đi xa hơn nữa khi hợp tác với Trung Quốc tiến tới xây con đập thủy điện lớn Cảnh Hồng 1,500 MW là một trong những con đập lớn trên dòng chính sông Mekong trong kế hoạch chuỗi đập bậc thềm Vân Nam / Mekong Cascades, mà chủ yếu là để cung cấp điện cho Thái Lan.

_ Nhưng mới chỉ với hai con đập Manwan / Mạn Loan 1,500 MW và Daichaoshan / Đại Triệu Sơn 1,350 MW và chỉ với 1/3 kế hoạch phá đá khai thông khúc sông Mekong cho tàu bè từ 500 tới 700 tấn có thể dễ dàng đi lại từ Simao / Tư Mao xuống Chiang Khong Chiang Sean Thái Lan và xuống xa tới Luang Prabang Vạn Tượng Lào, nhưng người dân Thái và cả chánh phủ Thái đã bắt đầu thấm thía với những *"hậu quả tiêu cực nhãn tiền"* của các bước hợp tác phát triển này mà lợi lộc chủ yếu là cho phía Trung Quốc. Dòng chảy sông Mekong mới đây đã trở thành quá bất thường, khi đột ngột dâng cao khi xuống thật thấp, làm xói lở bờ sông, phá hủy hoa màu trồng trọt hai bên bờ sông, hủy hoại nguồn cá (như một nguồn protein chính của cư dân nơi hạ nguồn) .

Do đó cho dù Thái Lan đã đặt bút ký thỏa ước với Trung Quốc cùng với hai quốc gia khác là Miến Điện và Lào hợp tác dùng chất nổ phá tung những khối đá và các đoạn ghềnh thác mở rộng lòng sông Mekong [*trong khi Việt nam và Cam Bốt thì không được đếm xỉa tới*], nhưng nay chính Thái Lan đã phải vội vàng cho đình hoãn kế hoạch phá đá khai thông khúc sông của họ.

Nhưng còn tương lai dự án đập Cảnh Hồng với 70% số vốn của Thái Lan thì sao? Với quan điểm nhìn con sông Mekong như một toàn cảnh, thì đây một hành động riêng lẻ và hoàn toàn đơn phương của Thái "nối giáo" cho Trung Quốc. Bước phát triển ấy không chỉ là một hành động tự hủy hoại / *self-inflicted injury* đối với chính Thái Lan mà còn gây tác hại cho các quốc gia láng giềng hạ nguồn trong đó có Lào Cam Bốt và Việt Nam.

Tuy còn là trên dự án cho tới 2006 mới được khởi công nhưng cái tên Đập Cảnh Hồng đã là một *"bóng ma"* ám ảnh và đè nặng trên tâm tư người Việt bên trong nước cũng như ở hải ngoại. Đến 2013, khi mà con Đập Cảnh Hồng trở thành một hiện thực thì nó sẽ là một con *"khủng long"* nhập đoàn với những con khủng long khác như Manwan, Daichaoshan, Xiaowan... gieo tai ương cho hàng trăm triệu cư dân sống trong lưu vực.

_ Liệu Thái Lan có đủ khôn ngoan để có thể đảo nghịch tình thế, và nếu không thì các quốc gia hạ nguồn như Việt nam, Cam Bốt và Lào [cùng là thành viên của Ủy Hội Sông Mekong / MRC] có đủ sức mạnh đoàn kết để tạo áp lực trên chánh phủ Thái Lan là phải duyệt xét lại Dự án Đập Cảnh Hồng như thêm một *"Bước Phát Triển Đầu Tư Tự Hủy."* Và cũng không thể không kể tới tiếng nói đòi quyền sống cư dân sống trong lưu vực sông Mekong trong đó có tiếng nói của hàng triệu cư dân Việt Nam nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long.

Cũng sẽ có người bi quan cho rằng, cho dù không có tiền của Thái Lan, dự án Cảnh Hồng sớm muộn cũng sẽ được Trung Quốc hoàn tất. Có thể là như vậy, nhưng mất đi 70% số tiền đầu tư của Thái, dự án con Đập Thủy Điện Cảnh Hồng sẽ bị khựng lại một thời gian nữa. Mà yếu tố thời gian là điều vô cùng cần thiết cho nỗ lực cứu nguy cho con sông Mekong.

12 / 2002

Tham Khảo:

1/ http://www.pnl.gov/china/thaihydro.htm _ China, Thailand to jointly build hydropower station (Jinhong) in Yunnan. Sep 12, 1997

2/ Milton Osborne_ The Mekong, Turbulent Past, Uncertain Future. Atlantic Monthly Press, New York, 2000

3/ Status Report of Planned Dams in East and Southeast Asia_ Compiled by Susanne Wong for RWESA, Feb 2001. CHINA DAMS / JINHONG_ Source: Kevin Li, Mekong Watch, Oxfam, Probe International, IRN, ADB, World Bank.

4/ Chinese Dams 'Threaten 100m'_ Micheal Sheridan, Bangkok. The Sunday Times: World News. May 6, 2001

5/ The Nation, Bangkok, Oct 17, 20002, Mekong fishermen Left High and Dry. "Our Mekong: A Vision Amid Globalization" Piyaporn Wongruang_ Inter Press Service/Rockefeller Foundation Media Fellowship Programme

6/ The Mekong Choke point. Shaw W. Crispin, Margot Cohen, Bertil Lintner. Far Eastern Economic Review. Oct 12, 2000.

7/ Hiroshi Hori_ The Mekong: Environment and Development. United Nations University Press, 2000

TIN TỨC KHOA HỌC NĂM 2002

NGUYỄN HÙNG VŨ

(Tóm tắt dựa theo tạp chí *Discover* tháng Một năm 2003)

Các mẩu tin khoa học dưới đây dược trích từ một trăm tin tức khoa học trong năm 2002, được tạp chí "*Khám Phá - Discover*" đăng tải trong số tháng giêng năm 2003. Một trăm câu chuyện bao gồm nhiều lãnh vực liên quan đến nhiều ngành khảo cứu chuyên môn. Câu chuyện có ý nghĩa và thời sự nhất trong năm sẽ được kể sau cùng, đó là vấn đề của những sinh vật được sinh ra đời qua kỹ thuật *tạo-sinh-vô-tính*-cloning. Đây là một trong những thách đố y-khoa đang được nghiên cứu mạnh vì những triển vọng hứa hẹn (nhưng cũng có vấn đề phức tạp) của nó.

Để tránh quá dài dòng, người dịch phải tóm tắt và phải bỏ bớt nhiều chi tiết trong mỗi chuyện. Những dòng chữ trong ngoặc là lời góp ý của người dịch -LND- nhằm làm sáng tỏ thêm vấn đề đang đề cập.

*

Nước Pháp tạo ra bốn con thỏ qua phương pháp tạo sinh vô tính

Một nhà sinh vật học Pháp đã thành công trong việc tạo ra bốn con thỏ qua phép tạo-sinh-vô-tính. Ông chọn thỏ vì thỏ có nhiều dên giống như người. Sự thành công này sẽ đưa đến những tiến triển khác trong việc tìm bệnh chữa bệnh trong con người qua những nghiên cứu trong cơ thể súc vật tạo sinh vô tính.

Số cá voi nhà táng còn sống trên thế giới đang sút giảm trầm trọng

Ông Hal Whitehead, một nhà hải sinh vật học đã đếm lại số cá voi nhà táng thuộc loại Sperm một cách chính xác và ông khám phá ra rằng số cá voi này chỉ có khoảng 360 ngàn con, quá ít khi so sánh với con số 1 triệu 8 trăm ngàn con như vẫn tưởng. Điều này làm cho sự tuyệt chủng trong tương lai của loài cá vĩ đại này càng trở nên gần như chắc chắn. (*LND: cá voi tuy sống dưới nước nhưng hoàn toàn không phải là cá, chúng có vú, đẻ con, nuôi con bằng sữa, và thở không khí. Chúng là loài hữu nhũ –mammals.)*

Ảnh hưởng âm thanh siêu âm của hải quân Mỹ đối với loài cá voi

Sonar là một kỹ thuật dùng âm thanh dưới nước để khám phá tầu ngầm địch bằng cách phát âm và nghe tiếng vang dội qua những tần số thấp. Vệc này đưa đến những nguy hiểm cho loài vật sống dưới biển như cá voi cá heo và những loài khác. Năm 2000, đã có một số cá voi bị chết tại bãi biển Bahamas vì sóng âm thanh sonar quá mạnh do hải quân Mỹ gây ra làm điếc tai và chẩy máu óc những con cá.

Gần đây, hải quân Mỹ đã chấp thuận một loại sonar mới hy vọng sẽ không gây ảnh hưởng nguy hiểm cho loài vật.

Loài cổ thụ Xích mộc-Redwoods- có nguy cơ bị phá hoại vì những yếu tố ngoại xâm

Du khách từ ngoại quốc đến Mỹ chơi là một điều cần thiết cho kỹ nghệ du lịch và là một nguồn ngoại tệ lớn (mỗi năm số du khách ngoại quốc tiêu khoảng hơn 90 tỉ đô la) nhưng một điều tai hại là họ dễ vô tình mang theo những thứ sinh vật nhỏ (côn trùng, cây cỏ dại, những loài bọ) rất tai hại cho hệ thống môi sinh tại Mỹ. Một trong những thứ rất có hại là một loại nấm gây độc -fungus- có tên *Phytophthora ramorum*, loài nấm mốc này tấn công nhiều thứ cây quý như rừng Xích mộc tại phía bắc California, rừng sồi. Hàng chục ngàn cây sồi đã bị chết vì loại nấm này.

Nhanh hơn ánh sáng

Thuyết tương đối không cho phép bất cứ một vật gì bay nhanh hơn ánh sáng. Một thí nghiệm của vật lý gia Alain Hache như sau: ông cho phát tuyến một luồng điện có tần số radio chạy qua một dây điện dài 500 feet. Dây điện này có những điện trở khác nhau. Luồng sóng radio với những thăng giảm của sóng đã tạo ra một hiện tượng là đầu sóng bay nhanh hơn ánh sáng so sánh với đuôi sóng. Ông Hache giải thích trong thí nghiệm này thuyết tương đối vẫn đúng, đó là thể và dạng

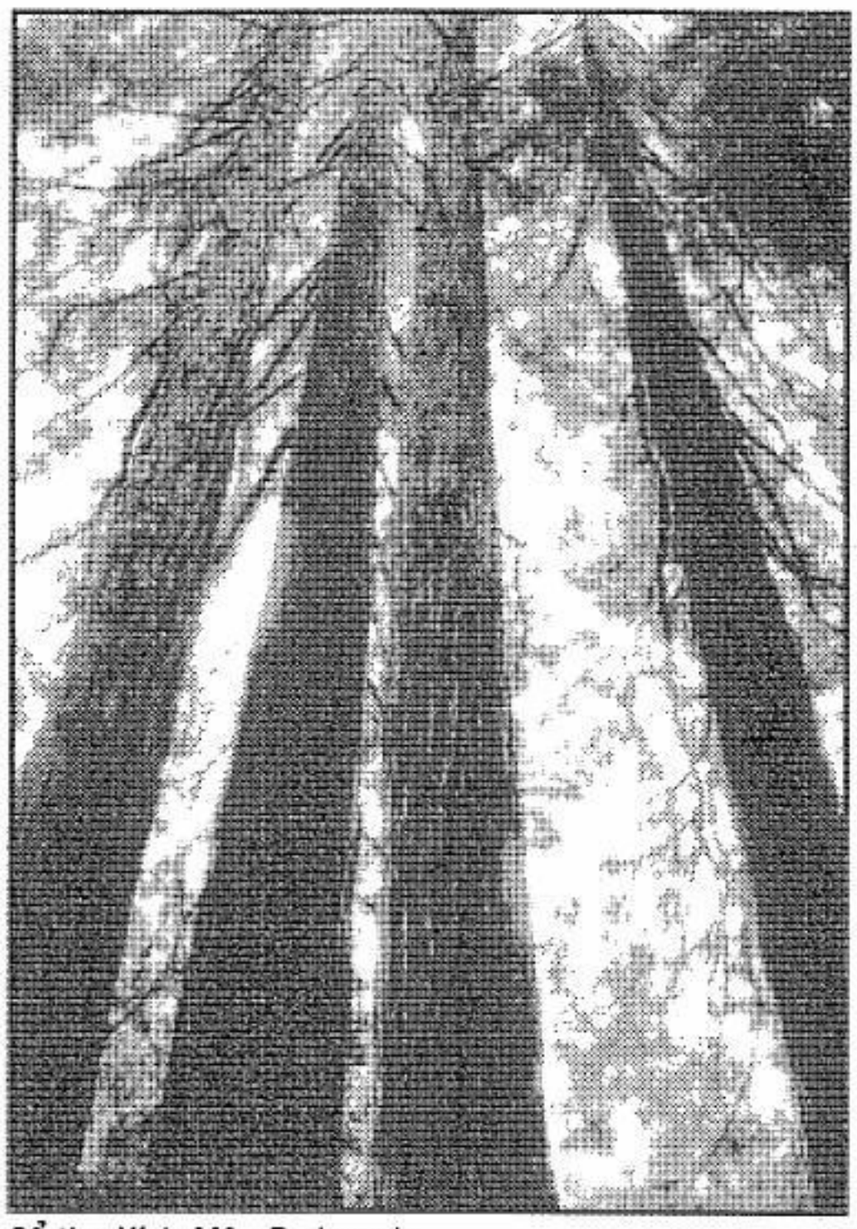

Cổ thụ Xích Mộc Redwoods.

sóng đã bị méo mó hoàn toàn vì sự khác biệt của điện trở gây nên và hầu hết năng lượng của làn sóng đã bị thấm vào dây điện. Đầu sóng có thể nhanh hơn ánh sáng nhưng tất cả thân sóng vẫn chậm hơn ánh sáng. Thí nghiệm của ông có thể đưa đến những ứng dụng quan trọng trong việc di chuyển tin tức trên dây dẫn điện gọi là coaxial.

Loài Khủng Long và một vụ va chạm giữa trái đất và một vẫn thạch khổng lồ

Sự tuyệt chủng của loài khủng long hơn 60 triệu năm về trước bị xem là hậu quả của một vẫn thạch khổng lồ đâm vào trái đất gần vịnh Mễ-Tây-Cơ làm cho bầu trời bị mây và bụi che khuất, giết chết loài thảo mộc và đưa đến sự tuyệt giống hàng loạt của muôn loài. Paul Olsen, một nhà di tích học đưa ra một tin tương tự nhưng có một kết quả trái ngược. Theo ông, 200 triệu năm về trước, có một vẫn thạch cũng đã đâm vào quả đất và cũng vì lý do này loài khủng long mới có cơ hội phát triển. Ông nêu ra một số bằng chứng cho lý luận của ông về giai đoạn chuyển tiếp giữa hai thời Jurassic và Triassic.

Một thí nghiệm về chứng bệnh mất trí lão hóa Alzheimer

Chứng bệnh hoại não đáng sợ này âm thầm tấn công não bộ con người và nền y khoa chưa có thể xác định rõ ràng nguồn gốc và sự phá hoại của nó nằm ở đâu trong óc đối với những bệnh nhân còn sống. Tháng 7 vừa qua, hai nhà khảo cứu William Klunk và Chet Mathis đã tìm ra một thí nghiệm dùng một hỗn hợp chất lỏng có tính phóng xạ bơm vào máu bệnh nhân. Hỗn hợp này sẽ theo mạch máu đi lên óc và nếu quả thực bệnh nhân đó bị chứng hoại não, thì chất hóa học phóng xạ sẽ làm sáng lên những vùng có chất "beta-amyloid protein" và điều này sẽ cho biết là bệnh nhân có mắc chứng Alzheimer hay không. Một trong những phương pháp y-khoa tối tân cần thiết cho thí nghiệm này là "positron emission tomography-PET" áp dụng trong những máy dò óc điện tử ba chiều (CAT).

Loài người ăn mừng sinh nhật bảy triệu tuổi!

Những nhà khảo cổ nghiên cứu về những hóa thạch của giống hầu nhân tìm ra một mảnh sọ giống như người tại sa mạc Djourab ở quốc gia Chad. Một số chuyên gia về di tích học, địa chất học và địa tầng học tháng Bảy vừa qua nghĩ rằng chiếc xương sọ này là của một giống hầu nhân mới có tên khoa học là *Sahelanthropus tchadensis*. Điều đáng kể là từ trước đến nay, khoa nhân chủng học vẫn nghĩ rằng loài người và loài khỉ bắt đầu tách rời nhau từ khoảng năm cho đến sáu triệu năm về trước, nhưng khám phá này cho thấy sự tách rời phân nhánh của tổ tiên loài người và tổ tiên loài khỉ phải xẩy ra khoảng bảy triệu năm về trước. Một triệu năm là một khoảng thời gian rất dài, kể cả trong lãnh vực tiến hóa, vốn được xem là xẩy ra rất chậm.

Khi so sánh chiếc sọ này với chiếc sọ của Lucy có số tuổi già chỉ khoảng ba triệu năm, thì chiếc sọ người mới khám phá này còn cho biết thêm một điều: sự tiến hóa của giống người phức tạp hơn những gì chúng ta thường biết rất nhiều.

Một chú mèo tạo ra bằng phương pháp tạo sinh vô tính

Con mèo cái này có tên là CC được tạo ra tại đại học Texas A&M. Sự ra đời của nó cho biết một số khó khăn kỹ thuật trong việc gây giống đã được vượt qua, tuy nhiên, sau bao nhiêu thất bại mới "đậu" có một lần. Con mèo cũng cho thấy nó khác màu lông của con mèo gốc. Vấn đề mầu sắc của lông được tạo ra như thế nào là một tiến trình chưa được hiểu rõ trong thời kỳ phôi thai có liên quan đến một chu trình gọi là *gene-inactivation*, sự bất động hóa của một số dên.

Sự khác mầu lông này cho biết một sinh vật tạo sinh vô tính không hoàn toàn giữ nguyên bản của con vật gốc.

Dùng bộ phận loài heo để ráp cho loài người

Mỗi ngày trên nước Mỹ có khoảng 16 người Mỹ chết vì họ là những bệnh nhân cần thay thế một bộ phận nào đó trong cơ thể nhưng không tìm ra người cho (như tim, thận, gan, vv.) Gần đây, có tin mừng cho những người còn trong danh sách chờ đợi giải phẫu, đó là trong tương lai bác sĩ có thể dùng những bộ phận của loài heo để ráp vào người. Đây là thành quả của nhóm chuyên gia đã tạo ra chú cừu Dolly. Họ tin rằng những sự giống nhau giữa người và loài heo sản xuất theo kiểu tạo-sinh-vô-tính sẽ làm cho thuật thay thế cơ phận thành công. Khó khăn y khoa còn lại là vấn đề chống đối của kháng thể vì cơ thể người bệnh luôn luôn có phản ứng kháng cự những bộ phận ngoại lai. Một số vấn đề liên quan đến một số *dên* đang được nghiên cứu để tìm cách hóa giải vấn đề kháng thể rắc rối này. Nhóm chuyên gia này hy vọng họ sẽ có thể thí nghiệm với loài dã nhân trong vòng một năm.

(LND: tin tức mới nhất cho biết một số chuyên gia Do Thái đã thành công trong việc nuôi tế bào gốc phát triển trở thành quả thận của người ở trong loài chuột, đây là một thành công đáng kể trong lãnh vực stem cell research-thí nghiệm tế bào gốc).

Thay đổi yếu tố di truyền trong giống bò để tạo những kháng thể của giống người

Công ty Hematech tại tiểu bang nam Dakota đang tìm cách sử dụng loài bò để sản xuất kháng thể chống bệnh. Một số bệnh nguy hiểm như viêm gan, West Nile virus, phong đòn gánh, có thể được chữa trị bằng cách này. Những người bệnh sẽ được tiêm vào người một thứ chất lỏng có chứa những kháng thể của những người bị bệnh đã lành.

Tháng 8 vừa qua, bốn con bò mới sinh ra theo kỹ thuật tạo-sinh-vô-tính đã có mang trong mình chúng những khả năng sinh kháng thể, có nghĩa là chúng được bác sĩ thay đổi một số tính di truyền để chúng trở thành những "xưởng sản xuất" kháng thể dùng cho con người. Những kháng thể này sẽ được lấy ra theo cách lấy máu hay lấy ra từ sữa bò.

Những nguy hiểm của thái dương hệ khi di chuyển trong giải ngân hà

Thái Dương hệ di chuyển trong một nhánh của giải ngân hà thỉnh thoảng lọt vào một vùng có nhiều siêu sao phát nổ (supernova explosions) và điều này rất nguy hiểm vì những vụ nổ như vậy thường phát ra những nguồn năng lượng khổng lồ có thể đốt cháy trái đất ngay tức khắc nếu siêu sao đó gần trái đất. Nếu không thì những vụ nổ như vậy sẽ tạo nên những thay đổi mạnh về thời tiết. Nhà vật lý không gian Nir Shavir tính ra những dấu vết gia tăng và giảm thiểu của vũ trụ tuyến ghi trên những mảnh vẫn thạch và cho thấy cứ mỗi một chu kỳ 140 triệu năm thì mặt trời lại đi xuyên qua một nhánh của giải ngân hà. Những cơn bão vũ trụ tuyến có thể tạo ra những thời kỳ băng giá -ice ages- trên trái đất. Hiện tại chúng ta đang ở trong một thời kỳ giá băng nhưng vì địa cầu chịu ảnh hưởng gia tăng cường độ của mặt trời cho nên thời tiết tương đối khá ấm áp. (*LND: mặt trời là một quả bom khinh khí khổng lồ và phản ứng hạch tâm trong ruột mặt trời hoàn toàn bị chi phối bởi vật lý lượng tử. Điều may mắn cho trái đất là mặt trời có một khối lượng vừa đủ để cho những phản ứng hạch tâm xẩy ra một cách thăng bằng kéo dài. Trong bảng phân loại các vì sao trong vũ trụ theo tiêu chuẩn sau: O,B,A,F,G,K,M thì mặt trời là một ngôi sao bình thường hạng G*).

Tìm ra lý do tại sao những sinh vật tạo sinh vô tính dễ chết

Những nhà sinh vật học đã tìm ra lý do tại sao một sinh vật tạo-sinh-vô-tính lại rất dễ chết. Tỉ lệ trung bình là cứ mỗi một lần thành công lại có khoảng mấy trăm lần thất bại. Ông Hans Scholer, một chuyên gia sinh vật học về tăng trưởng đã tìm ra một thể *dên* -gene- đặc biệt có tên là *Oct4* mà ông nghi là nguyên nhân làm chết những vật tạo sinh. Sự di chuyển vị trí của dên này hay sự có mặt nhiều hay ít của nó trong phôi thai đã khiến cho sự tăng trưởng tự nhiên của phôi thai bị phá rối. Trong những phôi thai bình thường, hai thể dên này cùng hoạt động một lúc, trong khi đó trong những phôi thai nhân tạo, một trong hai thể dên này thường hay bất hoạt động làm cho phôi thai bị hỏng.

Máy trợ tim thiên nhiên

Trong tương lai, những người cần máy trợ tim nhân tạo có thể sẽ được bơm vào người một số tế bào có khả năng đều hòa nhịp đập của tim. Hiện giờ kỹ thuật này đang được thí nghiệm trên một

giống vật nhỏ tương tự loài thỏ có tên guinea pigs. Bác sĩ Eduardo Marban khám phá ra rằng lý do chính để những tế bào tim có thể làm công việc của máy trợ tim là ở khả năng tích lũy potassium (chất kiềm -một chất tối cần thiết cho sự hoạt động của bắp thịt có nhiều trong quả chuối). Những nghiên cứu ỹ khoa này sẽ ứng dụng cho những bệnh nhân yếu tim hay bệnh đập rối loạn của tim.

Thuật đông lạnh những bộ phận cơ thể đem đến những hy vọng về chữa bệnh

Những người đàn bà chưa có con nếu không may bị chứng ung thư buồng trứng thường là phải chịu cảnh không có con. Đó là vì khi giải phẫu cắt bỏ bộ phận hư để cứu lấy mạng sống, họ mất hẳn buồng trứng. Một phương pháp mới hy vọng một ngày gần đây sẽ giúp họ trong vấn đề này là giải phẫu, giữ nguyên vẹn và làm đông lạnh buồng trứng ở hàn độ rất lạnh -nitrogen lỏng, cho đến khi nào bệnh ung thư được chữa trị khỏi hẳn thì bác sĩ sẽ giải phẫu và gắn lại buồng trứng cho người bệnh. Roger Gosden, một chuyên gia về sinh sản tại một trường y khoa ở Norfolk, Virginia đã thành công trong việc giải phẫu và gắn vào bảy con chuột những buồng trứng đã được ướp lạnh. Trong số bảy con chuột cái này, có một con đã có chửa trong vòng 10 tuần sau khi chịu đực.

Những bức vẽ trên tường cho biết về những tín ngưỡng của dân Mayan

Một nhóm khảo cổ do ông William Saturno cầm đầu đã tìm ra tại đông bắc Guatemala một di tích của cổ dân Mayan một bức tranh vẽ ghi lại những hoạt động tế tục 1900 năm về trước. Những hình trên bức vẽ cho thấy tín ngưỡng và mê tín của giống dân cổ ngày xưa, có tục lệ thờ phượng một ông thần gọi là thần bắp. Maize là một thứ thực phẩm căn bản làm từ bắp ra và hình vẽ cho thấy dân Mayan tin vào thần gió và biết tế lễ để gió mưa được thuận hòa đưa đến những thuận lợi cho việc canh tác.

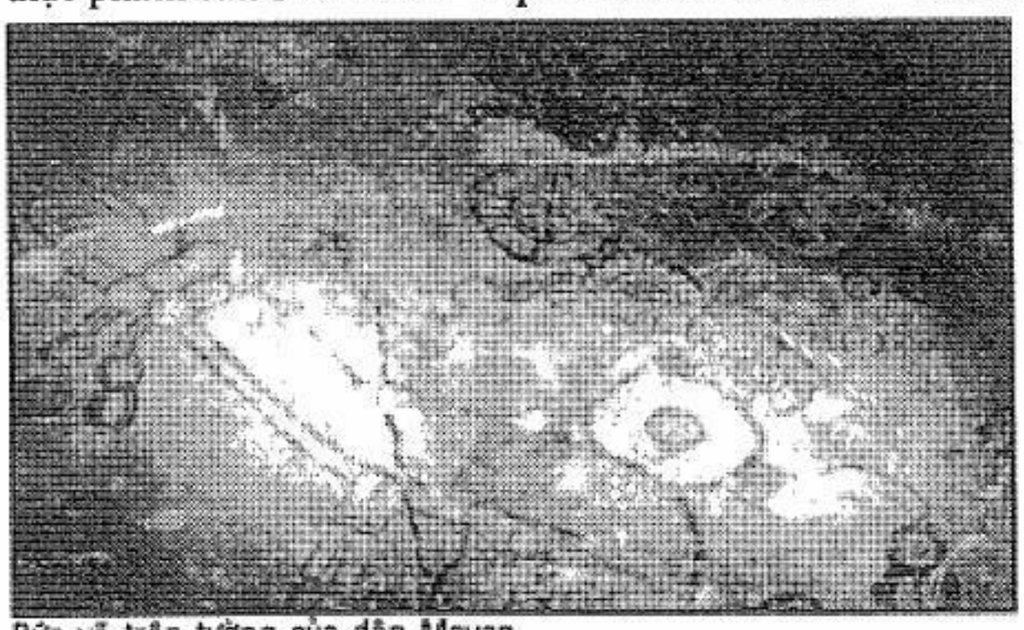
Bức vẽ trên tường của dân Mayan.

Sự tan chẩy của những tảng băng hà trong dãy Hi-Mã-Lạp-Sơn

Những tảng băng hà vạn niên trong dãy núi phân chia Trung Hoa - Ấn Độ đang tan chảy vì khí hậu của trái đất đang thay đổi. 44 cái hồ trong vùng Bhutan và Nepal đã chứa đầy nước do băng tuyết tan ra và hàng trăm ngàn người có thể bị lâm vào cảnh lụt lội. Sự sống còn của những dân tộc trong vùng núi non hiểm trở này sẽ bị đe dọa.

Một báo động từ loài ếch

Loài ếch tại Tân Tây Lan có nguy cơ bị tiêu diệt vì nhiều lý do thiên nhiên cũng như nhân tạo. Khả năng miễn nhiễm chống lại những thứ vi trùng và chất độc ngoại xâm của chúng bị giảm đi vì những độc tố con người mang lại trong nước, không khí. Một trong những độc tố là chất atrazine, một thứ thuốc hóa học giết cỏ dại được xử dụng thường xuyên trong những trang trại.

Đừng lo ngại về lỗ thủng Ozone trên Nam Cực

Một số chuyên gia khí quyển học người Nhật tuyên bố rằng lỗ hổng Ozone trên bầu khí quyển tại nam cực có lẽ đang tự hàn gắn lại. Ông Tasuya Nagashima đã mô hình hóa bầu khí quyển với một số dữ kiện trong đó có chất *chlorofluoro-carbons* và cho biết lỗ thủng ozone sẽ giữ nguyên chiều kích cho đến khoảng năm 2015 thì nó sẽ tự thu nhỏ lại. Lỗ hổng ozone tại vùng bắc bán cầu cũng đang thu nhỏ lại.

Giải thích những vụ bùng sáng của vũ trụ

Sóng gamma có nguồn gốc từ những thiên hà xa xăm cách trái đất hàng trăm ngàn năm ánh sáng. Chúng là những vụ nổ vô cùng lớn. Một vệ tinh và là một đài quan sát sóng X khám phá ra từ quang phổ của vụ bùng nổ và cho biết những vụ bừng sáng là hậu quả một thứ siêu sao phát nổ.

Vì sao này có một trọng khối rất lớn và trong giây phút chót của cuộc đời siêu sao đó, chúng nổ tung như một quả siêu bom. Trong vòng vài giây cho đến vài phút, một vì siêu sao phóng ra một số năng lượng bằng hàng ngàn triệu triệu triệu mặt trời.

Sau vụ nổ, cái nhân còn lại là một ngôi sao nhỏ gọi là sao trung hòa tử -neutron star.

Trong những trường hợp cực kỳ hiếm hoi, một ngôi sao lớn sẽ đưa đến một vụ nổ vĩ đại và cái nhân còn lại sẽ là một lỗ đen.

Ảnh hưởng của phóng xạ nguyên tử có thể kéo dài hàng nhiều thế hệ

Trường hợp này xẩy ra tại lò nguyên tử Chernobyl tại Nga, và được xem là tai nạn nguyên tử khủng khiếp nhất thế giới. Ảnh hưởng của chất phóng xạ trên dân chúng ở quanh vùng sẽ còn kéo dài nhiều thế hệ

Dùng những hiểu biết về di truyền học để tránh chứng bệnh hoại não

Một cô gái (dấu tên) biết rằng gia đình cô có một thứ bệnh hoại não di truyền Alzheimer và chính cô cũng mang trong người thứ *dên* bệnh tật đó, nhưng đồng thời cô thèm muốn có một đứa con lành mạnh, và cô đã tìm cách nhờ bác sĩ di truyền học loại bỏ thứ *dên* gây bệnh trong phôi thai của cô. Bằng một phương pháp chẩn bệnh gọi là *preimplantation genetic diagnosis* và những kỹ thuật y khoa tối tân, Yury Verlinski, giám đốc viện gây giống và di truyền tại Chicago và những đồng nghiệp của ông đã thành công trong việc chọn lọc và loại bỏ thứ *dên* gây bệnh trong phôi thai. Kết quả là cô đã cho ra đời một đứa con gái khỏe mạnh không bị chứng hoại não.

Trường hợp của cô đã tạo nên một số tranh cãi về vấn đề luân lý. Một nữ bác sĩ đã không đồng ý hành động này. Bà nghĩ rằng cha mẹ không nên có khả năng chọn lựa và xếp đặt trước những đặc tính của đứa con sắp sinh ra đời của mình vì bà quan niệm rằng một xã hội mà trong đó những người có tiền có khả năng xếp đặt để tạo ra những đứa con khỏe mạnh sẽ là một bất công và trở nên kỳ thị đối với thiểu số bị bệnh tật. (Độc giả nghĩ sao về vấn đề này?)

Triển vọng trong việc khám phá những bí mật của bệnh mất trí vì lão hóa (Alzheimer)

Bệnh hoại não là một trong những chứng bệnh ghê sợ của tuổi già. Những nghiên cứu về căn bệnh này đã đưa chuyên gia đến một hiểu biết khá quan trọng trong việc ngăn ngừa chứng bệnh, đó là những chất amino acids (là những thành phần tạo nên chất protein) có những khả năng tự xếp thành những hình thể góc cạnh khác nhau. Hình thể khác nhau của những chất acid này khiến cho những protein có nhiệm vụ khác nhau. Nếu hình thể và cách xếp vì lý do nào đó trở nên bất bình thường, gọi là misfolds, thì protein sẽ hoạt động không bình thường, và hậu quả là những chuỗi protein đó tự dính chùm lại với nhau gọi là *amyloid fibrils*, và những chuỗi này được đoán là nguyên nhân gây bệnh Alzheimer.

Massimo Stefani, một nhà hóa học protein và một số đồng nghiệp đã tìm ra thêm một số chi tiết mới, đó là một giai đoạn quan trọng trước khi những chuỗi amino acid bắt đầu tự xếp lại. Ông nghĩ rằng chính lúc này là giây phút quyết định của chứng bệnh. Đây là một khám phá mới trong chương trình nghiên cứu chống lại chứng hoại não.

Cơ quan bảo vệ môi sinh nhìn nhận là sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu là có thật

EPA là tên viết tắt của cơ quan này. Họ đưa ra một phúc trình nhìn nhận sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu là có thật. Họ cũng cảnh cáo rằng thế kỷ 21 sẽ chứng kiến rất nhiều đổi thay về môi sinh có hại cho loài người nói chung. Nhiệt độ trái đất sẽ tăng từ 3 cho đến 9 độ Farenheit. Mỹ sẽ bị nhiều cơn hạn hán. Sẽ có nhiều cuồng phong và bão lốc hơn. Biển sẽ dâng làm ngập lụt những miền duyên hải. Những nhà môi sinh học đưa ra một số dữ kiện làm bằng chứng cho vấn đề gia tăng nhiệt độ.

Ai chạy nhanh hơn: khủng long Tyranosaurus Rex và một lực sĩ điền kinh?

Người ta tin rằng một con khủng long ăn thịt người thời tiền sử có khả năng chạy gần 45 dặm một giờ, và đây là một sai lầm. Một lực sĩ điền kinh nếu anh ta có phép trở về quá khứ mấy chục triệu năm trước và phải đối đầu với một con khủng long đói bụng thì anh lực sĩ có lẽ sẽ chạy thoát thân nhanh hơn khả năng rượt bắt mồi của con thú. Lý do: thân thể quá to lớn so sánh với tỉ lệ sức mạnh của bắp thịt sẽ làm con thú chạy chậm. Một thí nghiệm mô hình hóa về sự di chuyển của bắp thịt ở chân cho thấy con thú chỉ chạy khoảng 20 dặm một giờ là tối đa.

Những hình thể quái đản của những lỗ đen

Lỗ đen là một quái trạng vật lý, một hậu thân của một siêu sao bùng nổ trong vũ trụ, một vùng không gian rộng lớn trong đó trường hấp lực trở thành cực điểm và tất cả những vật chất còn sót lại bị cô đọng thành một khối không có hình thể nhất định, một nơi mà không gian lẫn thời gian bị triệt tiêu. Khác với sao trung-hòa-tử -*neutron star*- có đường kính khoảng 12 dặm, vật lý gia chỉ có

thể hiểu được hình trạng của lỗ đen qua những hệ thống toán học phức tạp gọi là topology cùng những hiểu biết về thuyết lượng tử, chứ không thể nhìn thấy được trực tiếp lỗ đen. (Chính vì không thể quan sát được mà lỗ đen mới có tên là lỗ đen.)

Mỗi lỗ đen được che phủ bằng một hiện tượng gọi là "*chân trời biến cố* -event horizon" một vùng ranh giới mà bất cứ những thứ vật chất nào vượt qua sẽ bị hút vào và biến mất trong họng của lỗ đen. Hai vật lý gia không gian, ông Jeremy Heyl và Ramesh Narayan thuộc đại học Harvard-Smithsonian đã tìm ra một tính chất kỳ lạ của lỗ đen được biết là hiện tượng không địa-diện - *surfacelessness*. Tính chất này đưa đến một số hiện tượng khác biệt với sao trung-hòa-tử. (*LND: lỗ đen có một khối lượng nặng bằng khoảng 3.5 lần mặt trời. Một lỗ đen đang di chuyển trong giải ngân hà chúng ta với tốc độ kinh hồn 250 ngàn dặm một giờ. Lỗ đen này cách trái đất 6000 năm ánh sáng, nó có tên khoa học GROJ1655-4. Sức hút rất mạnh của nó kéo theo một ngôi sao đồng hành-companion star. Đây là một khám phá của ngành thiên văn và vũ trụ học và là một bằng chứng cho thấy lỗ đen là hậu thân của một siêu sao bùng nổ.*)

Khám phá ra những thiên hà vô hình

Hai nhà thiên văn, ông Neal Dalal thuộc đại học U.C tại San Diego và ông Christopher Kochanek thuộc Smithsonian tại Cambridge, Massachusets, đã có công tìm ra được những thứ ảo chất vô hình trong vũ trụ qua những khám phá thiên văn học. Họ cho thấy ánh sáng của những thiên hà xa Thái Dương Hệ đã bị lệch lạc do ảnh hưởng hấp lực của những thiên hà gần trái đất.

Sự tìm kiếm của họ cho thấy 90 phần trăm thứ vật chất trong vũ trụ là những thứ vô hình và sự hiện diện của thứ vật chất này chỉ có thể suy đoán ra từ những ảnh hưởng của hấp lực đối với mạng lưới không-thời gian. Tiếng Anh gọi là *gravitational lensing*.

Dùng RNA để ngăn chận sự phát triển của bệnh Aids và bại liệt

Hai chứng bệnh nguy hiểm, liệt kháng và bại liệt, là do hai thứ siêu vi trùng gây ra. Bệnh này có thể được ngăn ngừa bằng một biện pháp: tìm cách ngăn chận sự phát triển của vi trùng. Một cơ phận di truyền được biết là *RNA-interference* có khả năng kích thích mỗi tế bào bị bệnh để cho tế bào đó tự dùng enzymes -dịch tố- của nó để xóa đi những ký hiệu di truyền mà một con siêu vi trùng dùng để phát triển. Ông Raul Andino, một nhà vi trùng học, cho biết đây chỉ là một thí nghiệm nhỏ của một vấn đề lớn và trong tương lai, hy vọng những khám phá thuộc lãnh vực này sẽ đem lại ích lợi y khoa trong việc chống bệnh.

Huyền thoại sai lầm về kích thích tố estrogen của phụ nữ

Những thử nghiệm mới về thứ thuốc chứa kích thích tố estrogen dùng cho phụ nữ để chữa bệnh cho thấy thứ thuốc này có hại nhiều hơn có lợi. Những thứ thuốc này có tên chung là HRT - *Hormone replacement therapy*. Có khoảng 14 triệu đàn bà Mỹ sau thời tắt kinh đã dùng những thứ thuốc này. Viện sức khỏe quốc gia đã ra lệnh cho ngừng dùng thuốc vì lý do an toàn cho sức khỏe. Sở dĩ loại thuốc này được phụ nữ dùng nhiều là vì họ bị ảnh hưởng quảng cáo ráo riết của những nhà bào chế thuốc cộng thêm tưởng lầm rằng thứ thuốc này có lợi cho sức khỏe.

Sự bùng nổ khởi đầu của vũ trụ-BigBang- được chứng minh là đã xảy ra

Khoa học gia tại Nam cực khi sử dụng viễn vọng kính nghe sóng radio để nghe những âm thanh đến từ vũ trụ đã tìm ra được một dư âm của làn sóng bức xạ có mặt từ hơn 14 tỉ năm nay. Điều này là một bằng chứng mạnh của thuyết khởi đầu của vũ trụ ta thường gọi là BigBang. Khoảng 400,000 năm sau giây phút đầu tiên, vũ trụ trở thành trong sáng và làn sóng bức xạ microwaves này di chuyển vào không gian với vận tốc ánh sáng. Sự có mặt của làn sóng này đưa đến hiện tượng gọi là CMB -*cosmic microwave background*. Hiện tại, nhiệt độ của nền vũ trụ là 2.73 độ Kelvin.

Những người tiền sử đầu tiên có bộ óc rất nhỏ

Ông tằng ông tổ chúng ta hàng triệu năm trước có một quá khứ và địa dư cực kỳ phức tạp. Năm nào cũng có những tin tức mới về khảo cổ học, hầu nhân học cũng như di tích học. Một số nhà nghiên cứu về di tích tìm được ba cái sọ người, đặc điểm là não bộ rất nhỏ, chỉ có khoảng 37 inch khối, tức là có khoảng một nửa số óc người hiện đại. Những dụng cụ bằng đá khám phá ở gần cho thấy họ có một đời sống rất thô sơ đơn giản gần như thú. (*LND: bộ óc của một đứa bé mới sinh bây giờ và một đứa bé sống hơn 100 ngàn năm trước hoàn toàn giống nhau. Đứa bé*

tiền sử nếu nó lọt vào thế kỷ 21 và được nuôi dưỡng trong những điều kiện hiện đại sẽ trở nên một người bình thường như bất cứ một ai.)

Nước uống có những chất gây nguy hiểm

Nước uống ở Mỹ tương đối sạch hay tương đối bẩn tùy ở chỗ là người tiêu thụ ở vùng nào. Nói chung, nước uống có nhiều chất quặng bẩn cần nên lọc. Năm nay, có hai toán chuyên viên thuộc cơ quan bảo vệ môi sinh (EPA) với những dụng cụ thử nghiệm rất tinh vi để đo đạc những chất độc hòa tan trong những nguồn nước thiên nhiên. Họ tìm ra được 82 thứ chất độc đủ mọi loại ở trong những nguồn nước tiếp tế. Mục tiêu của họ là để trả lời ba câu hỏi quan trọng: Trong nước uống có những chất gì, có bao nhiêu chất đó, và tại sao chất đó lại có mặt trong nguồn nước tiêu thụ.

NASA khám phá ra Hỏa tinh có nước

Đây là một khám phá khoa học rất đáng kể. Nguồn sống của mọi sinh vật, *nước*, sau cùng đã được NASA khám phá ra tại nam cực của Hỏa tinh. Khám phá này cho thấy Hỏa tinh có thể một thời đã từng có sự sống. (*LND: Và nếu như vậy, sự sống là một tiến trình tự nhiên có tính cách tự phát trong vũ trụ. Nơi nào có nước ở thể lỏng, nơi đó sẽ có cơ hội cho sự sống xuất hiện nếu có đủ thời gian cần thiết.)*

Tổng thống Bush giảm số tế bào gốc từ 64 xuống còn dưới 10

Hành động này của ông Bush cũng tương tự như đưa cho một người 6 ga-lông xăng và đòi người đó phải lái một chiếc xe xuyên tiểu bang từ đông sang tây với số xăng đó. Ông Bush muốn giới hạn sự thí nghiệm của những phòng y-khoa trong việc dùng tiền trợ cấp của liên bang để nghiên cứu sự phát triển tế bào gốc. Ông Bush cắt giảm số tế bào gốc cho phép được thí nghiệm từ 64 xuống còn 10.

Tháng 9 vừa qua Anh quốc mở một ngân hàng tế bào gốc do chính phủ Anh tài trợ, việc này sẽ làm cho Anh quốc trở thành một nước tiền phong trong lãnh vực tế bào gốc và một số chuyên gia Mỹ đã dọn sang Anh quốc để theo đuổi những nghiên cứu này.

Nhân mãn không còn là vấn đề

Trái với suy nghĩ và tiên đoán chung của những nhà làm thống kê về dân số, sự đe dọa của nạn nhân mãn trên thế giới dường như đã không còn là một đe dọa đáng kể vì tỷ lệ gia tăng dân số đã giảm bớt tại nhiều quốc gia. Lấy Ấn Độ làm ví dụ, từ chỉ số 6 nay đã tụt xuống chỉ số 3.3, hay Ba Tây giảm từ 6.2 xuống còn 2.3, một chỉ số thấp.

Một trong những lý do chính có lẽ do biện pháp ngừa thai được áp dụng rộng rãi. Một lý do khác là sự đô-thị hóa của nhiều quốc gia. Việc đô-thị hóa những làng xóm đưa đến sự giảm thiểu số trẻ em sinh ra tại những làng xóm.

Theo đà này, cuối thế kỷ 21 dân số thế giới sẽ ước lượng vào khoảng 10 tỉ người, và có lẽ nhân loại sẽ không đạt đến con số 12 tỉ như những ước tính cũ.

Một em bé đầu tiên được tạo ra bằng phương pháp tạo-sinh-vô-tính-clone

Ông Paul Zavos, chuyên viên về tạo sinh tại Kentucky, tuyên bố rằng năm 2002 sẽ phải là năm của phương pháp tạo-sinh-vô-tính. Trên thế giới, như ở Ý và Nam Hàn, các bác sĩ y khoa đang thí nghiệm vấn đề này và trong giờ phút này, rất có thể đã có một vài trẻ em tạo-sinh-vô-tính mở mắt oa oa khóc chào đời ở một nơi nào đó trên thế giới. (Công ty Clonaid vừa mới tuyên bố ngày 28 tháng 12 rằng một em bé gái đã được tạo ra bằng phương pháp này.)

Đối với những cặp vợ chồng lớn tuổi quá thèm muốn có con mà không thể có con theo phương pháp tự nhiên thì họ có thể dùng những phương pháp như cấy thai nhân tạo trong ống nghiệm (in vitro fertilization), con nuôi (adoption), và con tạo-sinh-vô-tính-clone. (*Chú thích khôi hài của người dịch: xin nói rõ thêm rằng con cầu tự -Buddha's child- không thuộc nhóm này*).

Hãy tạm không đề cập đến những vấn đề đạo đức luân lý rắc rối, phương pháp tạo sinh vô tính có thể xem là một trong những phương pháp để "nối dõi tông đường" càng ngày càng được chấp nhận là một trong những tiến triển y-khoa có khả năng phục vụ cho những nhu cầu tinh thần vật chất của con người. Ông Zavos cho biết ông có trong tay danh sách của 5000 cặp vợ chồng mong ước có con và sẵn sàng dùng phương pháp này để kiếm tí nhau cho vui cửa vui nhà.

Kể từ năm 1997, đã có bảy con vật thuộc loài có vú được sản sinh theo thuật tạo-sinh-vô-tính. Những con này gồm có: cừu, bò, chuột, dê, lợn, thỏ, mèo.

Một trong những khám phá có ý nghĩa nhất trong việc nghiên cứu vô tính là một khi phôi thai ở trong giai đoạn *blastocyst*, tức là một giai đoạn mà phôi thai có khoảng từ 100 cho đến 200 tế

bào, thì những tế bào này có thể được tách rời và lưu trữ vĩnh viễn dưới hình thức tế bào gốc (tế bào gốc -*stem cells*- là những tế bào từ đó có thể phát triển thành những bộ phận trong cơ thể như tim gan phèo phổi, vv.) Đây là một bước tiến y khoa cực kỳ quan trọng. Ví dụ, trong tương lai một người yếu gan hư gan có thể dùng phương pháp tế bào gốc này để tự làm cho mình một lá gan mà không cần phải vào danh sách chờ đợi lôi thôi, người bệnh cũng không cần phải dùng bao nhiêu thứ thuốc vì lá gan tạo-sinh đó sẽ giống hoàn toàn như lá gan cũ của mình trước kia.

Ở Texas đã có một công ty sẵn sàng phục vụ quý thân chủ nào yêu chó mèo bằng phương pháp cloning này. Chỉ cần mang con vật yêu quý đến phòng thí nghiệm của công ty là thân chủ sẽ có trong tay một số tế bào gốc của con vật yêu quý đó. Lỡ chẳng may con chó con mèo con chim bị mất hay bị xe cán thì công ty sẽ chế tạo cho thân chủ một con vật mới giống như con vật bị mất.

Hiện giờ, nước Mỹ chưa có đạo luật nào ngăn cấm những nghiên cứu về thuật tạo-sinh đối với loài người. Quốc hội Mỹ chưa có ý kiến ngã ngũ về tiến bộ y-khoa mới mẻ này.

Để tóm tắt, xin quý độc giả ghi nhớ ba điểm chính yếu:

- Đừng nghĩ rằng một sinh vật tạo ra do phương pháp tạo-sinh-vô-tính là một thứ quái thai (nguyên bản tiếng Anh: *a clone isn't a freak*). Với thời gian, con người sẽ chấp nhận thuật tạo-sinh-vô-tính.

- Một sinh vật tạo-sinh-vô-tính không hoàn toàn giống nguyên bản. Chỉ có 90 phần trăm DNA là hoàn toàn giống nhau. Có những yếu tố di truyền khác ảnh hưởng đến sự phát triển của sinh vật tạo-sinh-vô-tính. (*LND: những dấu trên thân thể thuộc về cá nhân như dấu chỉ tay hoàn toàn không tùy thuộc vào di truyền và khoa học sẽ không bao giờ tạo ra được hai con người có cùng một dấu chỉ tay, dù là clone hay identical twins hay bất cứ phương pháp nào. Đây cũng tương tự như trường hợp sẽ không bao giờ có hai hoa tuyết hoàn toàn giống nhau. Thiên nhiên bao giờ cũng là thiên nhiên.*)

- Chú trọng quá đáng đến mặt đạo đức để rồi phủ nhận phương pháp tạo-sinh-vô-tính này là tự ngoảnh mặt không nghĩ đến những thành quả mà khoa học có thể mang đến những cải thiện về y-khoa và kinh tế cho con người. Hãy để xã hội như một mẫu số chung tự chọn lựa những giá trị đạo đức cũng như phân biệt đâu là giới hạn của thử nghiệm và tiến triển y-khoa./.

Hân hạnh giới thiệu với Quý Vị yêu thích nhạc và tiếng hát của nhạc sĩ

TỪ CÔNG PHỤNG

5 CD do ông thực hiện

- Mưa Trên Ngày Tháng Đó
- Giữ Đời Cho Nhau
- Tuổi Xa Người
- Cánh Chim Vùng Hoang Dại
- Mãi mãi Bên Em

Và 4 Tuyển Tập Tình Ca
(do chính tác giả trình bày và ấn loát công phu) :

- Tình Khúc Từ Công Phụng
- Trên Ngọn Tình Sầu
- Giữ Đời Cho Nhau
- Một Góc Đời Phôi Pha

Không có món quà nào quý giá bằng tặng cho nhau những tình khúc và tiếng hát của chính tác giả đã từng làm say đắm hàng triệu con tim.

Xin liên lạc với tác giả:

3346 SE Hawthorne Blvd. Portland, OR 97214

Phone 503-235-3864 hoặc 503-234-6200

Bolsa Medical Group

10362 Bolsa Ave
Westminster, CA 9268
☎(714) 531-209

THUỘC TỔ HỢP Y TẾ HMO: AMVI MEDICAL GROUP
TỔ HỢP CALOPTIMA: AMVI/PROSPECT HEALTH NETWORK 27

- ❑ **TRUNG TÂM PHÒNG NGỪA VÀ TRUY TẦM UNG THƯ VÚ & TỬ CUNG**
- ❑ **TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN**

Trung Tâm Điều Trị Toàn Khoa, Quang Tuyến và Thử Nghiệm

BÁC SĨ GIA ĐÌNH: Phạm Đặng Long Cơ, M.D. Bùi Thị Lãm Thúy, M.D. Trần Lauren Yến Châu, M.D. Phan Tuấn, M.D	**BÁC SĨ SẢN PHỤ KHOA:** Phạm Đặng Long Cơ, M.D. Hoàng Thảo Christine, M.D. Trần Quang Dzu, M.D. Phan Tuấn, M.D.	**BÁC SĨ NỘI KHOA & NGƯỜI GIÀ:** Nguyễn Hữu Hùng, M.D. Nguyễn Anh Tuấn, M.D. Nguyễn Hữu Vượng, M.D. Nguyễn Song Anh Tú, M.D.	**BÁC SĨ NHI ĐỒNG:** Nguyễn Văn Lộc, M.D Hoàng Quý Minh, M.D. Ngô Phước Liêm, M.D. Nguyễn Thảo, M.D.
BÁC SĨ GIẢI PHẪU: Văn Kỳ Chương, M.D.	**BÁC SĨ TIM MẠCH:** Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm	**BÁC SĨ ĐAU NHỨC VÀ GÂY MÊ:** Phạm Paul Việt Anh, M.D.	**BÁC SĨ ĐƯỜNG RUỘT:** Phan Quốc Quang

- ☐ Chuyên Trị các bệnh Nội và Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Đồng, Người Già, Đau Nhức, Tê Thấp, Mất Ngủ, Tiểu Đườn Cao Máu, Cao Mỡ, Tai, Mũi Họng, Ngoài Da, và Dị Ứng.
- ☐ Trung Tâm được trang bị đầy đủ các máy Quang Tuyến, máy Chụp Hình Ngực, máy Siêu Âm, máy Tâm Đồ, máy Đo Xươ và phòng thử nghiệm máu rất tiện lợi và nhanh chóng cho bệnh nhân.

TRUNG TÂM SẢN PHỤ KHOA CHÚNG TÔI CÓ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC BIỆT NHƯ SAU

Trung Tâm Y Tế Bolsa sẽ cung cấp Medi-cal tạm cho thời gian thai kỳ và mọi dịch vụ khám thai **HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ trong thời gian xin Medi-Cal.** Văn phòng sẽ giúp và hướng dẫn quý vị lập hồ sơ Medi-Cal.

Nếu không đủ điều kiện xin Medi-cal, chúng tôi có chương trình bảo hiểm y tế cho quý bà mẹ mang thai và em bé từ mới sanh đến 2 tuổi rất rẻ. Chương trình sẽ phục vụ đầy đủ quyền lợi từ bác sĩ gia đình, bác sĩ chuyên khoa, đến nhà thương và những dịch vụ khác mà không phải trả deductible hoặc co-pay.

Ngoài ra Trung Tâm Y Tế Bolsa có chương trình khám tổng quát, chích ngừa cho các em dưới 18 tuổi, kế hoạch hóa gia đình, uống hoặc chích thuốc ngừa thai, đặt vòng xoắn, thử máu, thử papsmear, HOÀN TOÀN **MIỄN PHÍ** cho quý bệnh nhân nào hội đủ điều kiện.

Mọi chi tiết xin quý vị vui lòng liên lạc TRUNG TÂM Y TẾ BOLSA qua số (714) 531-2091

Mời quý vị đón nghe chương trình Y Tế của Trung Tâm Y Tế Bolsa hàng tuần vào mỗi trưa thứ Tư từ 2:15-3:15 chiều trên băng t 106.3 FM VNCR, chiều thứ Hai từ 6:30-7:00 tối trên băng tần 1480 AM Little Saigon Radio, và sáng thứ Sáu từ 6:30-6:45 sáng băng tần 106.30 FM.

CHÚNG TÔI NHẬN TẤT CẢ CÁC BẢO HIỂM:

PPO, POS, EPO, HM
Medi-Cal, CalOptima
Medicare

(714) 531-209

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Biết vọng không theo
Không kẹt hai bên

Đối cảnh vô tâm
Hằng sống với lẽ thật

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An:** *(714) 891-6742*

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

Ấn Phí: 9 Mỹ Kim